

THE NEW YORK TIMES
BESTSELLER

NỖI KINH HOẢNG TRUỒN TỚI



JAMES PATTERSON

TRẦN QUÝ DƯƠNG, DƯƠNG KIM THOA dịch



THƯ VIỆN EBOOK (TVE-4U)

Tác phẩm

**NỖI KINH
HOÀNG TRƯỜNG
TỚI**

Tác giả

James Patterson

Dịch giả

Trần Quý Dương -
Dương Kim Thoa

Tủ sách

Văn học nước ngoài

Thể loại

Trinh Thám

Phát hành

Nhã Nam

NXB

Nhà xuất bản Hà
Nội 2016



EBOOK©VCTVEGROUP

12-04-2019

MỞ ĐẦU

CÙNG CHƠI TRÒ TƯỞNG TƯỢNG (1932)

NEWJERSEY, gần Princeton;

tháng Ba năm 1932

TÒA NHÀ trong nông trại của Charles Lindbergh sáng rực với những bóng đèn màu cam. Nó trông như một tòa lâu đài đang bùng cháy, nhất là trong khu rừng linh sam tối tăm của bang Jersey. Những lớp sương mỏng chạm người thằng bé khi nó tiến ngày càng gần tới khoảnh khắc đầu tiên của vinh quang thực sự, lần giết người đầu tiên của nó.

Trời tối đen như mực, mặt đất ướt, nhầy nhụa và đặc quánh bùn. Thằng bé đã biết trước những điều này. Kế hoạch của nó đã tính đến mọi chuyện, kể cả thời tiết.

Thằng bé đi đôi ủng lao động cỡ số chín dành cho đàn ông. Mũi và gót ủng nhồi đầy những mảnh vải nhỏ và vụn báo *Người điều tra Philadelphia*.

Nó *muốn* để lại các dấu chân, thật nhiều dấu chân. Những dấu chân của một người đàn ông. Chứ không phải dấu chân của một thằng bé mười hai tuổi. Những dấu chân ấy xuất phát từ quốc lộ chạy qua hạt, đường Stoutsburg-Wertsville, tới nông trại, rồi từ đó chạy đi.

Thằng bé bắt đầu run rẩy khi bước tới chỗ hàng thông, còn chưa đầy ba mươi mét nữa là đến tòa nhà trải rộng trên khu đất. Tòa nhà to

lớn đúng như thằng bé đã tưởng tượng: chỉ riêng tầng hai đã có bảy phòng ngủ và bốn phòng tắm. Đây là nơi nghỉ dưỡng của Lindy May Mẫn và Anne Morrow ở vùng nông thôn.

Tuyệt cú mèo, thằng bé nghĩ.

Thằng bé từ từ nhích về phía cửa sổ phòng ăn. Nó bị hấp dẫn bởi thứ gọi là *sự nổi tiếng*. Nó đã nghĩ về điều này rất nhiều. Hầu như lúc nào cũng nghĩ. *Sự nổi tiếng* thực ra là thế nào nhỉ? Nó có mùi gì? Vị nó ra sao? *Sự nổi tiếng* ở gần trông thế nào?

“Người đàn ông quyến rũ và nổi tiếng nhất thế giới” đang ngồi ở ngay bàn này. Charles Lindbergh cao ráo, lịch lãm, mái tóc vàng óng đầy quý phái và làn da sáng. “Lindy May Mẫn” thực sự nổi trội hơn tất cả những người khác.

Vợ ông là - Anne Morrow Lindbergh. Anne có mái tóc ngắn. Tóc đen, xoăn, khiến cho làn da bà trông trắng như phấn. Ánh sáng từ những ngọn nến trên bàn như nhảy múa quanh bà.

Cả hai vợ chồng đều ngồi rất thẳng người trên ghế. Đúng, chắc hẳn cặp vợ chồng này trông cao quý, như thể họ là những món quà Chúa dành tặng thế giới. Cả hai đều giữ đầu ngẩng cao, thưởng thức những món ăn bằng phong thái lịch thiệp. Ông miễn cưỡng nhìn những thứ bày trên bàn. Trên bộ đồ ăn bằng sứ đẹp hoàn hảo là món gì đó trông như thịt cừu.

“Ta sẽ nổi tiếng hơn bất kỳ kẻ nào trong các người, những kẻ đáng thương bảnh chọe kia,” rốt cuộc thằng bé thì thào. Nó đã tự hứa với mình điều đó. Từng chi tiết đã được tính toán cả nghìn lần hoặc ít nhất cũng gần mức ấy. Nó bắt đầu thực hiện công việc một cách rất cẩn thận.

Thằng bé lấy một chiếc thang gỗ mà cánh công nhân đã để lại gần gara. Kẹp chiếc thang vào sát người và di chuyển tới vị trí ngay gần phía dưới cửa sổ thư phòng. Rồi nhẹ nhàng leo lên phòng dành cho trẻ con. Mạch máu chảy rần rật, tim đập mạnh tới mức nó có thể nghe thấy tiếng thành thịch.

Ánh sáng từ đèn ngủ ở lối vào rọi sáng phòng của đứa trẻ. Thăng bé có thể trông thấy chiếc cũi và hoàng tử nhỏ đang ngủ trong đó. Charles con, “đứa trẻ nổi tiếng nhất trái đất”.

Ở một phía là bức màn chắn gió đầy màu sắc in hình những vật nuôi ở nông trại.

Thăng bé cảm thấy mình thật ma mãnh và xảo quyệt. “Ông Ba Bị đến đây,” nó vừa thì thào vừa khẽ đẩy cho cửa sổ mở ra.

Rồi thêm một bước trên thang, cuối cùng nó cũng leo được vào trong phòng.

Đứng ở một đầu cũi, nó chăm chăm nhìn hoàng tử nhỏ. Những lọn tóc vàng xoắn giống tóc của cha nó, nhưng *mập*. Chỉ hai mươi tháng tuổi nhưng Charles con đã mập rồi.

Thăng bé không thể kiểm soát bản thân được nữa. Những giọt nước mắt nóng hổi ứa ra từ hai mắt. Toàn bộ cơ thể nó bắt đầu run lên vì thất vọng, giận dữ trộn với niềm vui khó tin xuất hiện trong đời.

“Nào, con bé nhỏ của cha. Bây giờ là lúc dành cho chúng ta đây,” thăng bé lẩm bẩm với chính mình.

Nó lấy từ trong túi ra một quả bóng cao su bé xíu gắn với một đoạn dây đàn hồi. Nhanh chóng luồn thứ đồ kỳ quái đó qua đầu Charles con ngay khi đôi mắt nhỏ màu xanh lam mở ra.

Khi đứa trẻ bắt đầu khóc, thăng bé thả quả bóng cao su vào thẳng cái miệng đầy dớt dãi. Nó cúi người xuống cũi, bế Lindbergh con lên rồi nhanh chóng leo xuống thang. Tất cả đều diễn ra đúng kế hoạch.

Ôm cái bọc quý giá đang giãy giụa trong tay, thăng bé chạy băng qua những cánh đồng nhầy nhụa bùn và biến mất vào bóng đêm.

Ở một nơi cách tòa nhà hơn ba ki lô mét, nó chôn đứa trẻ được nâng niu, chiều chuộng đến hư người của gia đình Lindbergh -*chôn sống*.

Đó chỉ là khởi đầu của những chuyện sắp diễn ra. Rốt cuộc, nó chỉ là một thăng bé.

Nó, chứ không phải Bruno Richard Hauptmann*, mới là kẻ bắt cóc con của Lindbergh. Nó tự tay thực hiện toàn bộ chuyện này.

Tuyệt cú mèo.

PHẦN 1

MAGGIE ROSE VÀ NHÃI CON GOLDBERG (1992)

CHƯƠNG 1

SÁNG SỚM NGÀY hai mươi mốt tháng Mười hai năm 1992, tôi bày ra dáng vẻ mãn nguyện trên khoảng hiên đầy nắng ở căn nhà nằm trên con phố số 5 tại thủ đô Washington của chúng tôi. Căn phòng nhỏ, hẹp vương vãi những chiếc áo khoác đi mưa đang lên mốc, những đôi ủng lao động và đồng hồ chơi hỏng. Tôi chẳng quan tâm. Đây là nhà tôi.

Tôi chơi nhạc của Gershwin với chiếc dương cầm lớn, cũ và lên dây hơi sai của mình. Chỉ mới hơn năm giờ sáng, ngoài hiên trời lạnh như tử đá. Vì bản “Một người Mỹ ở Paris”, tôi sẵn sàng hy sinh một chút.

Điện thoại trong bếp reo. Chắc là tôi trúng xổ số của D.C. hoặc bang Virginia hay bang Maryland mà đêm trước người ta quên gọi điện thông báo. Tôi thường mua xổ số của cả ba nơi này và vẫn trượt đều đặn.

“Bà ơi! Bà nghe điện thoại được không ạ?” tôi gọi với vào từ ngoài hiên.

“Điện thoại gọi con đấy. Có khi con nên tự nghe đi,” người bà hay gắt gỏng của tôi nói vọng lại. “Cũng chẳng có lý gì mà bà phải dậy. Theo từ điển của bà thì chẳng có lý nghĩa là vợ vẫn đấy.”

Đó không chính xác là những gì bà nói, nhưng đại loại là thế. Lúc nào cũng thế.

Tôi tập tễnh đi vào bếp bằng đôi chân hay bị tê vào buổi sáng, vừa đi vừa né đồng hồ chơi. Lúc đó tôi ba mươi tám tuổi. Như người ta vẫn nói, nếu biết trước mình sẽ sống lâu được đến thế thì tôi đã chăm sóc bản thân tốt hơn.

Hóa ra đó là cuộc gọi từ đồng sự của tôi trong đội điều tra tội phạm, John Sampson. Sampson biết tôi sẽ dậy. Cậu ta còn hiểu tôi hơn các con tôi.

“Chúc buổi sáng tốt lành, người đẹp da màu. Cậu dậy rồi phải không?” Sampson hỏi. Chẳng cần phải xưng tên. Sampson và tôi đã trở thành bạn thân nhất của nhau từ hồi chín tuổi và còn thó đồ ở cửa hiệu Corner Variety của ông Park gần khu nhà giá rẻ. Hồi ấy chúng tôi chẳng biết rằng chỉ ăn cắp một gói thuốc lá Chesterfields cũng có thể bị ông già Park đó bắn chết. Nana Mama* sẽ còn phạt nặng hơn thế nếu phát giác trò phạm tội đó của hai đứa.

“Nếu lúc này chưa dậy thì bây giờ cũng dậy rồi,” tôi nói vào ống nghe. “Cho tớ nghe điều gì hay ho đi.”

“Có một vụ giết người nữa. Có vẻ lại là đối tượng của bọn mình,” Sampson nói. “Họ đang chờ bọn mình. Một nửa thế giới tự do đã có mặt ở đó rồi đấy.”

“Hãy còn sớm quá, không đáng phải trông thấy ‘xe chở thịt’,” tôi lầm bầm. Tôi có thể cảm thấy bụng dạ nhộn nhạo. Đây không phải kiểu bắt đầu một ngày mới mà tôi muốn. “Chó chết. Khốn nạn thân tôi.”

Nana Mama ngược nhìn lên từ tách trà bốc khói và mấy quả trứng còn lỏng. Bà bắn về phía tôi một trong những ánh nhìn cao đạo của một bà chủ nhà. Bà đã mặc đồ xong để tới trường - nơi bà vẫn làm công việc tình nguyện ở tuổi bảy mươi chín. Sampson tiếp tục cung cấp cho tôi những chi tiết đẫm máu của vụ án mạng đầu tiên trong ngày.

“Ăn nói cẩn thận, Alex,” Nana nói. “Nếu con có kế hoạch sống trong căn nhà này thì liệu mà ăn nói cho cẩn thận.”

“Khoảng mười phút nữa tớ sẽ tới đó,” tôi bảo Sampson. Rồi quay sang bảo Nana, “Con sở hữu căn nhà này.”

Bà rên rỉ như thể mới nghe thông tin tệ hại đó lần đầu tiên.

“Có một vụ giết người tệ hại khác ở Langley Terrace. Có vẻ là tên sát nhân đó. Con e là thế,” tôi nói với bà.

“Thế thì tệ quá,” Nana Mama bảo tôi. Đôi mắt nâu của bà vồ lấy tôi và dừng lại. Mái tóc trắng trông cứ như một trong những chiếc khăn lót mà bà đã trải lên tất cả ghế trong phòng khách. “Đó là phần xấu xa của cái thành phố tệ hại mà lũ chính trị gia đã thả nổi này. Thi thoảng bà nghĩ rằng chúng ta phải rời khỏi Washington, Alex ạ.”

“Thi thoảng con cũng nghĩ thế,” tôi nói, “nhưng có khi chúng ta phải chịu đựng chuyện đó thôi.”

“Đúng, người da đen luôn thế. Chúng ta kiên nhẫn. Chúng ta luôn im lặng chịu đựng.”

“Không phải lúc nào cũng im lặng,” tôi nói với bà.

Tôi quyết định mặc chiếc áo khoác cũ hiệu Harris Tweed. Hôm nay là ngày xảy ra án mạng, nghĩa là tôi sẽ gặp những người da trắng. Ngoài chiếc áo vest thể thao, tôi mặc chiếc áo khoác thể thao mỏng hiệu Georgetown. Như thế sẽ hợp với khu tôi ở.

Trên tủ, bên cạnh giường là ảnh Maria Cross. Ba năm trước vợ tôi chết trong một vụ lái xe xả súng. Giống như phần lớn các vụ giết người khác ở khu Đông Nam, vụ đó không bao giờ có lời giải.

Bước ra khỏi bếp, tôi hôn bà. Chúng tôi vẫn làm thế từ hồi tôi mới tám tuổi. Một lời chào tạm biệt, phòng khi hai người không bao giờ gặp lại. Đã như thế gần ba mươi năm, ngay từ khi Nana Mama đưa tôi về nuôi và quyết định rằng bà có thể nuôi dạy tôi trở thành một người nào đó.

Và bà đã nuôi dạy tôi trở thành một thanh tra chuyên phụ trách án mạng, có bằng tiến sĩ tâm lý học, đồng thời sống và làm việc trong khu ổ chuột tại Washington, D.C.

CHƯƠNG 2

TRÊN GIẤY TỜ, tôi là Phó phòng thanh tra, cái chức danh mà theo như lời của Shakespeare và Faulkner thì nghe rất *kêu*, dữ dội và đầy những thứ vốn chẳng là gì được phóng đại lên. Chức danh này phải đẩy tôi lên vị trí thứ sáu hay thứ bảy gì đó ở Sở Cảnh sát Washington. Nhưng không phải thế. Mặc dù vậy người ta vẫn trông đợi tôi xuất hiện tại hiện trường của các vụ án ở D.C.

Một nhóm ba chiếc xe sơn trắng-xanh của Sở Cảnh sát đậu chẳng thành hàng lối ngay phía trước nhà 41-15 đường Benning. Một xe tải nhỏ với cửa sổ sơn đen của lực lượng khám nghiệm hiện trường đã có mặt. Một xe cứu thương cấp cứu cũng có mặt. Trên cửa sơn hàng chữ NHÀ XÁC bắt mắt.

Tại căn nhà xảy ra vụ giết người có vài chiếc xe cứu hỏa. Đám hàng xóm chuyên theo dõi ăn tàn - hầu hết là mấy gã đàn ông có ánh nhìn như ăn tươi nuốt sống phụ nữ đang lượn lờ xung quanh. Các bà già, với áo rét choàng bên ngoài bộ pyjamas hoặc váy ngủ cùng lô uốn tóc hồng và xanh trên đầu, đang đứng run rẩy trước hiên nhà vì lạnh.

Nhà liền kề là một ngôi nhà tường lợp ván cũ nát, sơn màu xanh nước biển Caribbean lòe loẹt. Một chiếc Chevette cũ với một bên cửa sổ bị vỡ và được dán lại bằng băng dính trông như thể đã bị bỏ đi trên lối dẫn vào nhà.

“Kệ mẹ nó đi. Bọn mình quay về ngủ thôi,” Sampson nói. “Tớ đã nhớ ra chuyện này rồi sẽ tiếp tục thế nào. Gần đây tớ ghét cái nghề này quá.”

“Tớ yêu công việc của mình, yêu án mạng,” tôi nói với một nụ cười giấu cợt. “Thấy chưa kìa? Có một nhân viên pháp y đã mặc bộ đồ

nylon rồi. Còn có những anh bạn của đội khám nghiệm hiện trường. Và bây giờ ai đang tiến về phía bọn mình kia?”

Một viên trung úy cảnh sát da trắng mặc chiếc áo khoác dài liền mũ màu xanh pha đen có cổ lông lạch bạch bước về phía Sampson khi hai chúng tôi tiến tới ngôi nhà. Hai tay ông ta thọc vào túi để giữ ấm.

“Sampson hả? À, thanh tra Cross à?” Viên trung úy hạ phần hàm dưới xuống như người ta vẫn làm cho khỏi ù tai khi ở trên máy bay. Ông ta biết chính xác chúng tôi là ai. Ông ta biết chúng tôi là cảnh sát. Ông ta đang chế nhạo chúng tôi.

“Sao hả, ông bạn?” Sampson không thích bị người khác chế nhạo cho lắm.

“Thanh tra *cao cấp* Sampson,” tôi trả lời viên trung úy. “Tôi là Phó phòng Cross.”

Viên trung úy là một tay Ai Len bụng-nần-nần, có lẽ là kẻ còn sót lại từ thời Nội chiến. Mặt ông ta trông như chiếc bánh cưới bị bỏ mặc dưới mưa. Có vẻ như viên cảnh sát này không tin vào chiếc áo khoác vải tuyết của tôi.

“Ai cũng lạnh đến cọng hết cả móng,” ông ta khò khè. “Chỉ có thể thôi chứ sao siếc gì.”

“Có khi ông lại giảm được ít cân nhờ mấy cái móng cọng đó.” Sampson khuyên ông ta. “Có thể gọi một cú điện cho Jenny Craig* đây.”

“Tiên sư bố ông,” viên trung úy nói. Thật vui khi gặp ông bạn Eddie Murphy da trắng. “Ăn miếng trả miếng siêu hạng.” Sampson cười nhả nhổ với tôi. “Cậu nghe thấy ông ấy nói gì chứ? Tiên sư bố ông?”

Cả Sampson và tôi đều to khỏe. Chúng tôi tập ở phòng thể hình nằm ở nhà thờ Thánh Anthony. Tổng cân nặng của hai chúng tôi rơi vào khoảng gần hai trăm ba mươi cân. Chúng tôi có thể uy hiếp nếu thấy cần. Trong nghề của chúng tôi, đôi khi đó là việc cần thiết.

Tôi chỉ cao một mét chín. John cao hai mét và vẫn còn cao thêm. Cậu ta luôn đeo kính râm hiệu Wayfarer. Đôi lúc bạn tôi đội một chiếc mũ Kangol rách rưới hay chiếc băng đô màu vàng. Một số người gọi cậu là “John-John” bởi cậu to lớn đến mức có thể tách ra thành hai chàng John.

Chúng tôi bước thẳng qua mặt viên trung úy về phía căn nhà xảy ra án mạng. Người ta cho rằng tầm của đội chuyên trách tình nghi chúng tôi phải vượt lên trên sự đối đầu kiểu này. Đôi lúc chúng tôi cũng được như thế thật.

Vài cảnh sát mặc sắc phục đã có mặt bên trong ngôi nhà. Khoảng bốn giờ ba mươi, một người hàng xóm thấy lo ngại đã gọi điện cho đồn cảnh sát khu vực. Bà cho rằng mình đã phát hiện ra một tên du đang đang lẫn mò quanh đó. Người phụ nữ đã dậy vì thấy động giữa đêm. Ở khu này là thế.

Hai cảnh sát tuần tra mặc sắc phục phát hiện ra ba xác chết trong nhà. Khi báo cáo về trung tâm, họ được lệnh đợi Đội Điều tra Đặc biệt. Đội này gồm tám sĩ quan da đen nằm trong danh sách đề cử cho những công việc khá khăm hơn ở Sở.

Cửa ngoài của bếp đang khép hờ. Tôi đẩy cho cửa mở hẳn ra. Cửa của mọi căn nhà đều có tiếng động rất riêng khi đóng và mở. Cửa này rên rỉ như một ông già.

Trong nhà tối đen. Kỳ quái. Gió bị hút qua cánh cửa mở và tôi có thể nghe thấy tiếng gù đó lạch cạch bên trong.

“Chúng tôi không bật điện, thưa ngài,” một trong những cảnh sát mặc sắc phục cất lời từ phía sau tôi. “Ngài là Tiến sĩ Cross, phải không?”

Tôi gật đầu. “Lúc các anh đến thì cửa bếp có mở không?” Tôi quay sang viên cảnh sát tuần tra. Cậu ta là người da trắng, mặt trông như trẻ con, đang nuôi chút ria mép để nhìn già dặn hơn. Có lẽ cậu ta chừng hai ba, hai tư tuổi, vẫn còn sợ hãi về chuyện xảy ra sáng nay. Tôi không thể trách móc gì cậu ta.

“À, không. Không có dấu hiệu cho thấy cửa bị phá. Cửa không khóa, thưa sếp.”

Viên cảnh sát tuần tra căng thẳng thực sự. “Trong đó quả thực rất kinh khủng, thưa sếp. Đó là một gia đình.” Một trong các viên cảnh sát tuần tra bật chiếc đèn pin cực mạnh vỏ bằng nhôm cán và tất cả chúng tôi cùng nhòm vào trong bếp.

Có một chiếc bàn ăn rẻ tiền bằng nhựa với những chiếc ghế nhựa cùng tông màu xanh vỏ chanh. Trên tường treo một chiếc đồng hồ hình Bart Simpson da đen. Đó là những thứ ta thấy ở cửa sổ trước của mọi hiệu thuốc Nhân dân. Mùi thuốc khử trùng Lysol và mỡ cháy quện thành một thứ gì đó rất lạ dù không hoàn toàn khó chịu. Ở hiện trường án mạng có những mùi còn đáng sợ hơn nhiều.

Sampson và tôi lưỡng lự, cố gắng nhận định sát nhất về cách thức vụ án xảy ra trước đó vài giờ.

“Hắn đã có mặt đúng chỗ này,” tôi nói. “Thủ phạm đã vào qua đường bếp. Hắn đã ở đây, nơi chúng ta đang đứng.”

“Đừng nói như thế, Alex,” Sampson nói. “Nghe cứ như Jeane Dixon^{*}. Làm tớ phát khiếp.”

Dù đã làm không biết bao nhiêu lần nhưng chưa bao giờ công việc này trở nên dễ dàng hơn. Ta không muốn phải vào bên trong. Ta không muốn thấy thêm bất kỳ cơn ác mộng nào trong đời.

“Họ ở trên gác,” viên cảnh sát nuôi rìa mép nói. Cậu ta thông báo cho chúng tôi về các nạn nhân. Một gia đình mang họ Sander. Hai phụ nữ và một bé trai.”

Đồng sự của viên cảnh sát - một tay da đen đậm người - vẫn chưa nói lời nào. Anh ta tên Butchie Dykes. Đây là một tay cảnh sát trẻ nhay cảm tôi đã từng trông thấy ở đồn.

Bốn chúng tôi cùng tiến vào căn nhà chết chóc. Từng người trong chúng tôi hít một hơi sâu. Sampson vỗ vào vai tôi. Cậu ta biết án mạng với trẻ em khiến tôi run rẩy.

Ba xác chết nằm trên gác, ở phòng ngủ phía trước, ngay đầu cầu thang.

Một người là bà mẹ, Jean “Poo” Sanders, ba mươi hai tuổi. Ngay cả khi đã chết, gương mặt cô trông vẫn đầy ám ảnh. Người phụ nữ này có đôi mắt to màu nâu, gò má cao, đôi môi dày đã chuyển sang màu tím sẫm. Miệng cô há ra như đang la hét.

Suzette Sanders - con gái của Poo - đã sống mười bốn năm trên trái đất này. Chỉ là một thiếu nữ nhưng đã đẹp hơn mẹ. Con bé đeo dải ruy băng trên mái tóc tết và một chiếc khuyên bé xíu ở mũi để chứng tỏ mình già hơn tuổi thật. Suzette bị bịt miệng bằng một chiếc quần lót màu xanh nước biển.

Còn đứa bé trai ba tuổi Mustaf Sanders thì đang nằm ngửa mặt, đôi gò má bé nhỏ dường như ướt đầm nước mắt. Nó đang mặc bộ “pyjamas bao tải” giống loại mà mấy đứa con tôi vẫn mặc.

Đúng như Nana Mama đã nói, đây là một phần xấu xa của cái thành phố tệ hại mà người ta đã thả nổi này. Ở cái đất nước rộng lớn tệ hại này của chúng tôi. Người mẹ và đứa con gái bị trói vào chân giường làm bằng chất liệu giả đồng. Đồ lót bằng vải xa tanh, vớ dạng lưới hai màu đen và đỏ, ga trải giường in hoa đã được dùng để trói cả hai lại.

Tôi lấy chiếc máy ghi âm bỏ túi mang theo ra và bắt đầu ghi lại những quan sát đầu tiên của mình. “Các vụ án mạng số hiệu H234 914 tới 916. Một mẹ, một con gái tuổi thiếu niên, một bé trai. Hai người phụ nữ đã bị cứa bằng thứ gì đó cực sắc. Có thể là dao cạo lưỡi thẳng.

“Ngực đã bị cắt rời. Không tìm thấy ngực. Lông tại vùng kín của hai phụ nữ đã bị cạo sạch. Có nhiều vết đâm, mà các nhà nghiên cứu bệnh học gọi là ‘đâm kiểu giận dữ’. Có rất nhiều máu và phân. Tôi tin rằng cả hai phụ nữ - mẹ và con gái - đều là gái bán dâm. Tôi đã từng thấy cả hai người này.

Giọng tôi khá trầm. Tôi tự hỏi liệu sau này chính tôi có hiểu được toàn bộ những lời mình đã nói hay không.

“Dường như xác đứa bé trai chỉ tình cờ bị quăng sang một bên. Mustaf Sanders mặc bộ pyjamas in đầy hình gấu Care. Nó là dấu hiệu nhỏ bé của sự tình cờ xuất hiện trong phòng.”

Tôi không thể ghìm được cảm giác đau đớn khi nhìn xuống thằng bé, đôi mắt buồn không còn sự sống của nó trừng trừng nhìn tôi. Đầu tôi bỗng ù đi. Tim tôi đau thắt. Tội nghiệp Mustaf bé nhỏ, dù nó là người thế nào đi nữa.

“Tớ không tin rằng hân muốn giết thằng bé,” tôi bảo Sampson. “Hân hoặc ả.”

“Hoặc *thứ gì đó*.” Sampson lắc đầu. “Đó là *một thứ*, Alex. Chính *thứ đó đó* đã gây ra vụ ở Condon Terrace đầu tuần này.”

CHƯƠNG 3

TỪ HỒI CÒN BA HAY BỐN TUỔI, Maggie Rose Dunne đã luôn bị người ta để ý. Lên chín tuổi, nó đã quen với sự chú ý đặc biệt dành cho mình, với việc người ta trở mắt nhìn như thể nó là Maggie “tay kéo” hay “cô gái Frankenstein”.

Sáng hôm đó nó bị theo dõi nhưng không biết. Giá mà lần này Maggie Rose để ý. Lần này có chuyện đã xảy ra.

Maggie Rose học trường Washington Day ở Georgetown, nơi nó cố gắng hòa nhập với một trăm ba mươi học sinh khác. Vào thời điểm ấy, chúng đang hát trong hội trường rất hào hứng.

Hòa nhập không phải chuyện dễ với Maggie Rose, ngay cả khi nó muốn làm thế kinh khủng. Rốt cuộc nó vẫn là cô con gái chín tuổi của Katherine Rose. Maggie không thể bước qua một cửa hiệu nhỏ bán băng video mà không nhìn thấy hình ảnh của mẹ mình. Gần như cứ cách một hôm thì truyền hình lại chiếu phim có mẹ nó đóng. Mẹ Maggie được đề cử giải Oscar mười chín lần, nhiều hơn hầu hết các nữ diễn viên xuất hiện trên tạp chí *People*.

Vì những điều ấy, Maggie Rose rất nhiều lần cố gắng biến mất sau lớp vỏ mà nó tạo nên. Sáng hôm đó nó mặc chiếc áo len Fido Dido đã cũ mềm với những lỗ khoét cả ở mặt trước và sau. Nó chọn quần jean bụi hiệu Guess. Chân đi đôi giày đế mềm cũ màu hồng hiệu Reebok - một đôi giày “đi quen chân” của nó, cùng đôi tất Fido moi từ đáy tủ đồ. Maggie cố tình không gội mái tóc dài vàng óng trước khi đến trường.

Mẹ Maggie tròn xoe mắt khi thấy những thứ đồ con gái mặc. Cô nói, “Trông kinh quá” nhưng rồi vẫn để Maggie ăn mặc như vậy đi

học. Tính mẹ nó rất hay. Cô thực sự hiểu những khó khăn mà Maggie phải sống chung.

Tất cả bọn trẻ, gồm học sinh từ lớp một tới lớp sáu, tập trung lại và đang hát bài “Xe tốc độ” của Tracy Chapman. Trước khi chơi bài hát theo phong cách folk/rock trên chiếc piano đen bóng hiệu Steinway đặt trong phòng nhạc, cô Kaminsky đã cố gắng giải thích cho tất cả học sinh về thông điệp của bài hát.

“Bài hát đây xúc động của một phụ nữ trẻ da đen từ Massachusetts này nói về cảnh nghèo kiệt xác ở đất nước giàu nhất thế giới, về thân phận của người da đen trong những năm một chín chín mươi.”

Cô giáo nhạc họa nhỏ nhắn xinh xắn này luôn mãnh liệt như thế. Cô cảm thấy nhiệm vụ của một giáo viên giỏi không phải cung cấp thông tin mà là thuyết phục, để rèn đúc những cái đầu trẻ trung và quan trọng ở ngôi trường danh giá.

Bọn trẻ thích cô Kaminsky, thế nên chúng cố gắng hình dung tình cảnh khổ sở của người nghèo và thua thiệt. Vì mức học phí ở trường Washington Day lên đến mười hai ngàn đô la, lũ trẻ cũng không dễ mà tưởng tượng ra cảnh nghèo.

“*Bạn có chiếc xe tốc độ,*” chúng hát cùng cô Kaminsky và tiếng đàn piano cô đánh.

“*Còn tôi có kế hoạch đưa chúng ta rời khỏi đây.*”

Khi Maggie hát “Xe tốc độ”, nó thực sự cố gắng tưởng tượng xem nghèo như thế sẽ ra sao. Nó đã thấy đủ số người nghèo ngủ trong cái lạnh trên những đường phố Washington. Nếu tập trung, nó có thể hình dung được những cảnh tượng khủng khiếp quanh Georgetown và Vòng xoay Dupont. Đặc biệt là những người đàn ông cùng đám giẻ bẩn lau kính chắn gió xe nó thấy ở mọi cột đèn giao thông. Mẹ nó luôn cho họ một đô la, thi thoảng nhiều hơn thế. Vài người ăn xin nhận ra cô và rõ ràng phát cuồng lên. Họ mỉm cười như gặp vận may, còn Katherine Rose luôn có điều gì đó tốt đẹp để nói với họ.

“Bạn có chiếc xe tốc độ,” Maggie Rose hát to lên. Con bé cảm thấy giọng mình đang lên cao vút.

“Nhưng nó có đủ nhanh để chúng ta có thể bay đi không

“Chúng ta phải quyết định

“Chúng ta phải ra đi đêm nay, hoặc sẽ sống và chết như thế này.”

Bài hát kết thúc trong những tiếng hò reo và vỗ tay lớn từ đám đông lũ trẻ. Cô Kaminsky cúi người một cách hơi lạ trước đàn piano.

“Vất vả thật,” Michael Goldberg lầm bầm. Michael đứng ngay cạnh Maggie. Nó là bạn thân nhất của Maggie ở Washington - thằng bé nhập học một năm trước, khi cùng cha mẹ chuyển từ Los Angeles tới.

Michael đang châm biếm, tất nhiên là thế rồi. Như mọi khi. Đó là cách cư xử “Bờ Đông” của nó với những người không thông minh bằng mình - tương đương với tất cả mọi người trên thế giới tự do.

Michael Goldberg thực sự là một thằng bé có đầu óc cực kỳ thông minh, Maggie biết thế. Thằng bé đọc mọi thứ, không chừa thứ nào; một tay sưu tầm kỳ lạ; một người thích làm hơn nói; luôn hài hước nếu nó thích ta. Nhưng Michael từng là một “em bé xanh xao”, và thằng bé vẫn không được to con hay khỏe mạnh lắm. Điều đó mang lại biệt danh “Nhãi Con” cho nó, có thể nói biệt danh ấy đã kéo thằng bé rơi khỏi bệ cao trí tuệ của mình.

Hầu như sáng nào Maggie và Michael cũng đến trường cùng xe. Sáng hôm đó chúng đến bằng xe của Sở Mật vụ. Bố Michael là bộ trưởng Bộ Tài chính. Chính xác là bộ trưởng Bộ Tài chính. Thực tế là ở trường Washington Day chẳng có ai thực sự “bình thường”. Mọi học sinh đều phải cố gắng hòa nhập, bằng cách này hay cách khác.

Khi đám học sinh giải tán khỏi buổi tập trung sáng, từng đứa đều được hỏi xem ai sẽ đón chúng sau khi tan trường. Ở Washington Day, an ninh là vấn đề cực kỳ quan trọng.

“Chú Devine...” Maggie từ trong phòng nhạc đáp lời giáo viên kiêm giám thị đứng ở cửa. Tên thầy là Guestier, dạy ngoại ngữ ở trường, gồm các thứ tiếng Pháp, Nga, Trung. Biệt hiệu của thầy này là “Le Pric”.

“Và Jolly Chollie Chakely,” Michael Goldberg hoàn thành nốt câu giúp Maggie. “Tổ đặc vụ số mười chín. Xe hiệu Lincoln. Biển số SC-59. Lối ra phía Bắc, sảnh Pelham. Họ được giao bảo vệ em vì băng buôn ma túy Colombia đã đe dọa giết cha em. *Au revoir, mon professeur.*”*

Điều này được ghi lại trong bảng theo dõi của trường ngày hai mươi một tháng Mười hai. *M.Goldberg và M.R. Dunne - Sở Mật vụ đón. Lối ra phía Bắc, sảnh Pelham, lúc ba giờ.*

“Đi nào, nhóc con New York.” Michael Goldberg chọc mạnh vào sườn Maggie Rose. “Tớ có một chiếc xe chạy nhanh, ù, ờ, ờ. Và tớ có kế hoạch đưa chúng ta rời khỏi đây.”

Không cần phải hỏi, mình thích cậu này, Maggie nghĩ. Còn ai khác gọi nó là nhóc con? Ai khác ngoài “Nhãi Con” Goldberg chứ?

Khi hai đứa trẻ bước ra khỏi hội trường, chúng đã bị theo dõi. Chẳng đứa nào trong hai đứa nhỏ nhận thấy điều gì không ổn hay bất cứ điều gì khác thường. Đúng kế hoạch là phải như thế. Đó là toàn bộ ý tưởng. Đó là kế hoạch lớn.

CHƯƠNG 4

VÀO LÚC CHÍNH GIỜ SÁNG HÔM ĐÓ, cô Vivian Kim quyết định tái hiện vụ Watergate trong tiết dạy của mình ở trường Washington Day. Cô sẽ không bao giờ quên buổi hôm đó.

Vivian Kim là một giáo viên lịch sử Mỹ thông minh, xinh đẹp và biết cách khơi gợi. Giờ dạy của cô là một trong những tiết được học sinh ưa thích. Cứ mỗi tuần hai lần cô Kim lại chuẩn bị một vở kịch lịch sử. Thi thoảng cô để bọn nhỏ tự chuẩn bị một vở kịch. Chúng diễn rất tốt, và Kim có thể thật lòng nói rằng tiết học của mình không bao giờ nhàm chán.

Vào buổi sáng hôm ấy, Vivian Kim đã chọn Watergate. Trong tiết học ở lớp ba có Maggie Rose Dunne và Michael Goldberg. Lớp học đang bị *theo dõi*.

Vivian Kim lần lượt đóng vai tướng Haig, H. R. Haldeman, Henry Kissinger, G. Gordon Liddy, Tổng thống Nixon, John và Martha Mitchell, John và Maureen Dean. Cô bắt chước rất giỏi và thực hiện hoàn hảo vai Liddy, Nixon, tướng Haig, đặc biệt là hai vợ chồng nhà Mitchell và Modean.

“Trong thông điệp liên bang hằng năm của mình, qua truyền hình, Tổng thống Nixon đã phát biểu với toàn dân,” cô Kim nói với bọn trẻ. “Nhiều người cảm thấy rằng ông ta nói dối tất cả chúng ta. Khi một quan chức cấp cao nói dối, người đó đã phạm phải một tội nghiêm trọng. Chúng ta đã đặt niềm tin vào con người đó, căn cứ trên lời thề thiêng liêng và sự liêm khiết của người đó.”

“Ây.” “Ê!” Vài đứa trẻ trong lớp tham gia bài học. Trong phạm vi vừa phải, Vivian Kim khuyến khích sự tham gia kiểu này.

“Ê là hoàn toàn đúng,” cô nói. “Ây, cũng vậy. Dù sao thì vào thời điểm này trong lịch sử của chúng ta, ngài Nixon đã đứng trước cả dân tộc, trước những người như các em và cô.” Vivian Kim làm điệu bộ như đang trên bục phát biểu. Cô bắt đầu đóng vai Richard Nixon cho cả lớp xem.

Kim làm vẻ mặt u ám và ủ rũ. Cô lắc đầu từ bên nọ sang bên kia. “Tôi muốn các bạn biết... rằng tôi chưa bao giờ có ý định rời khỏi công việc mà người dân Mỹ đã bầu để tôi thực hiện cho Hợp chúng quốc Hoa kỳ.” Vivian Kim dừng lại ở những lời thực sự trong bài phát biểu tai tiếng của Nixon. Không khác gì một nốt bị treo lại trong một vở opera đầy sức mạnh nhưng dở tệ.

Cả lớp hai mươi bốn học sinh không có một tiếng động. Lúc này Kim đã hoàn toàn thu hút được sự chú ý của chúng. Đó là cội niết bàn của một giáo viên, dù nó thật ngắn ngủi. Tốt, Vivian Kim nghĩ.

Có một tiếng gõ nghe rất giòn, tiếng gõ trên ô kính của cửa lớp. Tâm trạng mê hoặc bị phá vỡ.

“Ê! Ây,” Vivian Kim lẩm bẩm. “Có? Ai đó? Xin chào? Ai thế ạ?” cô gọi to.

Cánh cửa bằng kính và gỗ gụ đánh bóng từ từ mở ra. Một trong đám học sinh lẩm bẩm hát theo điệu nhạc của phim *Cơn ác mộng trên phố Elm*. Thầy Soneji, một cách do dự, gần như rụt rè, bước vào lớp. Khuôn mặt hầu như toàn bộ học sinh sáng lên tức thì.

“Có ai ở nhà không?” Thầy Soneji phát ra tiếng chút chút như chuột. Bọn trẻ cười phá lên. “Ô! Xem này. Mọi người đều ở nhà cả,” thầy nói.

Gary Soneji dạy toán và cả khoa học máy tính - môn còn được yêu thích hơn cả môn của Vivian Kim. Tóc thầy đang hói dần, bộ ria mép rủ xuống, cặp kính giống như kính của học sinh. Soneji có vẻ ngoài không giống một nam diễn viên nhiều người hâm mộ nhưng lại đúng là một nhân vật như thế trong trường này. Ngoài việc là một giáo

viên đầy sáng tạo, Soneji còn là một tay cự phách về các trò chơi điện tử Nintendo.

Việc được học sinh yêu thích và là một tay phù thủy máy tính khiến ông thầy này có biệt danh là “Thầy Chips”.

Vừa bước nhanh về phía bàn cô Kim, thầy Soneji vừa chào vài học sinh bằng tên.

Rồi hai giáo viên kín đáo nói chuyện ở bàn giáo viên. Cô Kim đã xoay lưng lại phía lớp. Cô gật đầu liên tục, không nói gì nhiều. Cô trông nhỏ xiu khi đứng cạnh thầy Soneji - người cao tới hơn một mét tám.

Cuối cùng cô Kim quay về phía các học sinh. “Maggie Rose và Michael Goldberg? Hai em có thể lên đây được không? Mang theo những đồ đạc của các em nếu muốn.”

Maggie Rose và Michael Goldberg bối rối nhìn nhau. Chuyện này là thế nào nhỉ? Chúng thu dọn đồ của mình rồi hướng về phía cửa để tìm câu trả lời. Những đứa khác bắt đầu thì thào, thậm chí nói chuyện ồn ào trong lớp.

“Được rồi. Dừng chuyện đó đi. Đây không phải giờ giải lao,” cô Kim nhắc đám học sinh trật tự. “Đây vẫn là giờ học. Hãy tôn trọng các quy định mà tất cả chúng ta đã đồng ý tuân thủ ở đây.”

Khi cả ba lên phía trước lớp học, thầy Soneji cúi xuống nói riêng với Maggie và Michael. Goldberg “Nhãi Con” thấp hơn Maggie Rose ít nhất mười phân.

“Có một trục trặc nhỏ, nhưng chẳng có gì đáng lo ngại đâu.” Thầy Soneji điềm tĩnh và rất nhẹ nhàng với bọn trẻ. “Về cơ bản mọi thứ đều ổn. Chỉ có một chút trục trặc nhỏ, thế thôi. Nhưng mọi thứ đều ổn.”

“Em không nghĩ thế,” Michael Goldberg nói và lắc đầu. “Cái gọi là trục trặc nhỏ này thực sự là gì ạ?”

Maggie Rose vẫn chưa nói gì. Vì một lý do nào đó mơ hồ, nó cảm thấy sợ. Chuyện gì đó đã xảy ra. Chắc chắn có chuyện gì đó

không ổn. Sâu thẳm trong lòng nó cảm nhận được điều ấy. Mẹ Maggie luôn bảo rằng con bé có trí tưởng tượng quá mạnh, thế nên nó cố gắng giữ một vẻ ngoài bình thản, hành động bình thản, sắm vai một người bình thản.

“Chúng tôi vừa nhận được một cú điện thoại từ Sở Mật vụ,” cô Kim nói. “Họ đã nhận được một lời đe dọa. Đe dọa này liên quan tới cả em và Maggie. Có thể đó là cuộc gọi giả. Nhưng chúng tôi sẽ phải sớm đưa hai em về nhà để đề phòng. Chỉ để đề phòng nhằm đảm bảo an toàn thôi. Các em biết quy định an toàn mà.”

“Thầy chắc chắn là cả hai em sẽ trở lại trước bữa trưa,” thầy Soneji nói thêm vào để tăng tính thuyết phục, dù nghe giọng thầy không thực sự thuyết phục lắm.

“Kiểu đe dọa nào ạ?” Maggie Rose hỏi thầy Soneji. “Nhằm vào cha của Michael phải không ạ? Hay liên quan tới mẹ em?”

Thầy Soneji vỗ vào cánh tay Maggie. Nhiều khi các giáo viên tại trường tư này ngạc nhiên vì độ chín chắn của hầu hết học sinh ở đây.

“À, loại thi thoảng chúng ta vẫn gặp thôi. To mồm rồi chẳng làm gì. Chỉ là dạng ngớ ngẩn thích thu hút sự chú ý ấy mà, thầy chắc chắn. Một gã dở hơi nào đó.” Thầy Soneji làm vẻ mặt khoa trương. Ông thầy thể hiện sự lo ngại đúng mức nhưng cũng khiến cho hai đứa trẻ cảm thấy yên tâm.

“Vậy tại sao bọn em phải về tận Potomac, để khóc lóc ạ?” Michael Goldberg nhăn mặt và làm bộ như một luật sư bé nhỏ trước tòa. Xét theo nhiều mặt, thằng bé là phiên bản dạng hoạt hình của cha nó - vị Bộ trưởng.

“Chỉ để đảm bảo an toàn thôi. Được chứ? Nói thế đủ rồi. Thầy sẽ không tranh cãi với em đâu, Michael. Em sẵn sàng đi chưa?” Thầy Soneji tốt bụng nhưng cũng cương quyết.

“Không thực sự sẵn sàng ạ.” Michael tiếp tục nhú mày và lắc đầu. “Không, không đâu. Nghiêm trọng, thưa thầy Soneji. Thế này

thật không công bằng. Thế này thật không đúng. Tại sao Sở Mật vụ không tới đây và ở lại cho tới khi tan trường ạ?”

“Đó không phải cách họ muốn,” thầy Soneji đáp. “Thầy không bịa ra các quy định.”

“Em nghĩ là bọn em sẵn sàng,” Maggie lên tiếng. “Thôi nào, Michael. Đừng cãi nữa. Chuyện này được thống nhất rồi.”

“Chuyện này được thống nhất rồi.” Cô Kim nở một nụ cười đầy khích lệ. “Cô sẽ gửi bài tập về tận nhà cho các em.”

Cả Maggie Rose và Michael bật cười. “*Cảm ơn cô, cô Kim!*” Chúng đồng thanh nói. Cô Kim lúc nào cũng biết đùa đúng lúc, đúng chỗ.

Các hành lang bên ngoài lớp học gần như vắng tanh và rất yên tĩnh. Một người quét dọn - một người đàn ông da đen tên Emmett Everett - là người duy nhất trông thấy bộ ba khi họ rời khỏi tòa nhà.

Từ người trên cây chổi, Everett nhìn theo thầy Soneji và hai đứa trẻ bước dọc theo hành lang dài. Ông là người cuối cùng trông thấy cả ba bên nhau.

Khi đã ra ngoài, cả ba vội vã băng qua khu đỗ xe rải sỏi có những cây sỏi và bụi cây cảnh tao nhã bao bọc. Đôi giày của Michael gõ lạch cạch trên nền sỏi.

“Giày lỏm.” Maggie Rose tựa người vào bạn và đùa. “Trông giống như giày lỏm, hành động như giày lỏm, nghe như giày lỏm.”

Michael không cãi. Nó có thể nói gì đây? Bố mẹ thằng bé vẫn mua quần áo cho nó ở những cửa hàng Brooks Brothers chết tiệt. “Tôi *phải* mặc gì đây, thưa cô Gloria Vanderbilt? Giày hồng à?” Thằng bé lộ vẻ đau khổ.

“Chắc chắn rồi, giày *hồng*,” Maggie tươi cười. “Hoặc giày có lỗ màu xanh vỏ chanh. Nhưng không phải giày dự đám tang đâu, Nhãi Con.”

Thầy Soneji dẫn hai đứa trẻ tới một chiếc xe tải nhỏ đời cũ màu xanh nước biển đậu dưới tán những cây du và sồi chạy dọc theo tòa nhà hiệu bộ và nhà thể chất của trường. Những tiếng náy của bóng rổ rời rạc vọng ra từ phía trong nhà thể chất.

“Hai em có thể nhảy vào từ phía sau xe đây này. Lên nào. Ta đi thôi,” ông thầy nói. Rồi thầy Soneji đẩy hai đứa bé leo vào trong thùng sau chiếc xe tải nhỏ. Cặp kính của ông thầy cứ trễ xuống mũi. Cuối cùng ông thầy bỏ hẳn kính ra.”

“Thầy chở bọn em về nhà ạ?” Michael hỏi.

“Thầy biết đây không phải xe Mercedes, nhưng việc phải thế, thưa ngài Michael. Thầy chỉ tuân theo những chỉ dẫn qua điện thoại. Thầy đã nói chuyện với ông Chakely.”

“Jolly Chollie.” Michael dùng biệt danh nó đặt cho nhân viên Sở Mật vụ.

Thầy Soneji leo vào chiếc xe tải xanh. Rồi sập mạnh cửa kéo và gây ra một tiếng rầm.

“Chỉ một chút thôi. Hai đứa cứ thoải mái nhé.” Ông thầy lục lọi các hộp bìa cứng xếp đầy phía trước chiếc xe. Trong xe lộn xộn kinh khủng. Nó là sự tương phản với phong cách đầy gọn gàng ngăn nắp, gần như bị đóng khung của ông thầy dạy toán ở trường. “Ngồi chỗ nào cũng được, hai nhóc.” Ông thầy tiếp tục nói trong khi tìm thứ gì đó.

Khi quay lại, Gary Soneji đeo một chiếc mặt nạ có vẽ làm từ cao su đen và trông thật đáng sợ. Phía trước ngực, ông thầy cầm một thứ dụng cụ bằng kim loại. Trông như bình cứu hỏa thu nhỏ, chỉ có điều hiện đại hơn.

“Thầy Soneji?” Maggie Rose hỏi, giọng ré lên. “Thầy Soneji!” Con bé đưa hai tay lên bưng mặt. “Thầy làm bọn em sợ đấy. Đừng đùa nữa!”

Soneji chìa đầu vòi kim loại nhỏ thẳng vào Maggie Rose và Michael. Hắn bước nhanh một bước về phía hai đứa nhỏ. Rồi tay giáo viên trụ thật chắc trên đôi giày đen đế cao su.

“Cái gì thế?” Michale hỏi, thậm chí còn không chắc là nó đã nói ra câu ấy.

“Này, tao chịu thôi. Làm một hơi nhé, thẳng lối thiên tài. Mà nói tao nghe xem.”

Soneji phun một đám thuốc gây mê vào hai đứa trẻ. Hắn giữ ngón tay trên nút bấm đủ mười giây. Cả hai đứa trẻ đều bị phủ bởi một lớp sương mỏng khi chúng ngã gục xuống hàng ghế sau của chiếc xe.

“Tắt đi, tắt đi, những ngọn đèn sáng.” Thầy Soneji nói bằng giọng khê khàng, nhẹ nhàng nhất. “Giờ thì sẽ chẳng ai biết.” Đó là cái hay của việc này. Sẽ chẳng có ai biết được sự thật.

Soneji leo lên phía trước chiếc xe tải xanh và nổ máy. Khi chạy ra khỏi khu đỗ xe, hắn hát bài “Xe buýt ma thuật” của ban nhạc The Who. Hôm nay tâm trạng của hắn đang tốt kinh khủng. Hắn đang có kế hoạch trở thành kẻ bắt cóc hàng loạt đầu tiên ở Mỹ, bên cạnh nhiều danh hiệu khác.

CHƯƠNG 5

LÚC ĐANG Ở NHÀ SANDERS, khoảng mười một giờ kém mười lăm tôi nhận được một cuộc gọi “khẩn”. Tôi không muốn nói chuyện với ai có các trường hợp khẩn cấp nữa.

Tôi mới chỉ có mười phút bên cạnh những người mới. Vào thời điểm xảy ra các vụ án mạng ở khu nhà giá rẻ, một số tay đưa tin là bạn tôi. Tôi là thú nuôi của cánh báo chí, thậm chí còn được đưa lên số Chủ nhật của tờ *Washington Post*. Một lần khác tôi nói về tỉ lệ án mạng trong cộng đồng người da đen ở D.C. Năm ngoái ở thủ đô của chúng ta có gần năm trăm vụ giết người. Chỉ mười tám nạn nhân là người da trắng. Thực tế là vài phóng viên đã chú ý đến điều đó. Có sự gia tăng.

Tôi nhận máy điện thoại từ một thanh tra trẻ, sáng sủa của Đội Điều tra Đặc biệt, Rakeem Powell, và lơ đãng đập vào một quả bóng rổ cũ chắc hẳn từng thuộc về Mustaf. Quả bóng tạo cho tôi cảm giác kỳ lạ. Tại sao lại giết một thằng bé xinh xắn như thế? Tôi không thể tìm được câu trả lời. Ít nhất thì giờ vẫn chưa tìm được.

“Đó là sếp Jefe.” Rakeem nhăn mặt. “Ông ấy đã để ý rồi.”

“Cross đây,” tôi nói vào điện thoại của nhà Sanders. Đầu tôi vẫn quay cuồng. Tôi muốn cho cuộc nói chuyện này qua thật nhanh.

Ổng nghe bốc ra mùi nước hoa rẻ tiền. Nước hoa của Poo hoặc Suzette, có thể là cả hai. Trên bàn gần điện thoại là những tấm ảnh chụp Mustaf lồng trong khung hình trái tim. Làm tôi nhớ đến hai đứa trẻ nhà mình.

“Trưởng phòng thanh tra Pittman đây. Tình hình ở đó thế nào?”

“Tôi nghĩ chúng ta đang gặp phải một tên giết người hàng loạt. Mẹ, con gái, một thằng bé. Là gia đình thứ hai trong vòng chưa tới một tuần. Điện trong nhà tắt hết. Hẳn thích làm việc trong bóng tối.” Tôi vạch ra vài chi tiết hay ho cho Pittman. Thường thì như thế là đủ cho ông ta. Sếp sẽ để mặc tôi với vụ án. Những vụ án mạng ở khu Đông Nam không mấy khi được ưu tiên chú ý.

Sau lời tôi là một hay hai giây im lặng không mấy dễ chịu. Tôi có thể trông thấy cây thông Giáng sinh của gia đình Sanders trong phòng khách. Rõ ràng nó được trang trí rất kỹ: kim tuyến, những đồ trang trí óng ánh bán trong các cửa hiệu rẻ tiền, những sợi dây lông quả man viết quất và bông ngô. Trên đỉnh có một thiên thần do gia đình tự làm từ các lá thiếc.

“Tôi nghe rằng đó là một tay buôn ma túy. Một tay buôn ma túy và hai gái mại dâm,” Jefe nói.

“Không, không phải thế,” tôi nói với Pittman. “Ở đây họ có cây thông Giáng sinh đẹp đấy.”

“Chắc chắn là thế rồi. Đừng nói vớ vẩn với tôi, Alex. Không phải hôm nay. Không phải bây giờ.”

Nếu muốn tôi cao giọng thì ông ta đã thành công.

“Một nạn nhân là thằng bé ba tuổi mặc pyjamas. Có thể nó đã từng buôn bán ma túy. Tôi sẽ xác minh việc đó.”

Lẽ ra tôi không nên nói câu ấy. Tôi không nên nói rất nhiều thứ. Gần đây tôi cảm giác như mình sắp bùng nổ. Gần đây nghĩa là khoảng ba năm trở lại đây.

“Anh và John Sampson khẩn trương về trường Washington Day,” Pittman lệnh. “Ở đó mọi việc không còn kiểm soát được nữa rồi. Tôi nói nghiêm túc đấy.”

“Tôi cũng nghiêm túc đấy,” tôi nói với Trưởng phòng thanh tra. Tôi cố gắng giữ thấp giọng. “Tôi chắc chắn đây là một tên giết người chủ động để lại dấu vết. Ở đây kinh khủng lắm. Người ta đang la hét ngoài phố. Gần Giáng sinh rồi.”

Dù vậy sếp Pittman vẫn ra lệnh cho chúng tôi đến ngôi trường ở Georgetown. Mọi chuyện không còn kiểm soát được nữa, ông ta liên tục nhắc lại thế.

Trước khi rời đi để đến trường Washington Day, tôi điện thoại cho nhóm điều tra giết người hàng loạt trong phòng mình, rồi gọi “nhóm siêu hạng” ở căn cứ Quantico của FBI. FBI có hồ sơ lưu trong máy tính về tất cả những vụ giết người hàng loạt đã được công bố, hồ sơ phân tích tâm thần học ứng với những cách thức giết người nhất định, kết hợp với rất nhiều chi tiết chưa được công bố trong các vụ giết người hàng loạt. Tôi tìm kiếm một kẻ khớp về tuổi tác, giới tính, kiểu gây biến dạng.

Một nhân viên kỹ thuật đưa một bản báo cáo để tôi ký trước khi rời khỏi nhà Sanders. Tôi ký bằng cách thông thường - một chữ thập*.

Cross.

Một gã răn mặt từ khu vực ghê gớm của thành phố, đúng thế.

CHƯƠNG 6

VÙNG XUNG QUANH NGÔI TRƯỜNG TƯ hơi đáng sợ với Sampson và tôi. Nơi này khác xa với những ngôi trường và con người ở khu Đông Nam.

Chúng tôi là hai trong số rất ít người da đen có mặt trong sảnh của trường Washington Day. Tôi đã nghe nói trong trường tư này có bọn trẻ con châu Phi, là con của các nhà ngoại giao, nhưng lúc này không trông thấy đứa nào. Chỉ có vài nhóm giáo viên, trẻ em, cha mẹ đang bị sốc cùng lực lượng cảnh sát. Ở các bãi cỏ ngoài mặt tiền và trong sảnh trường, nhiều người đang gào khóc mà chẳng hề có ý giấu giếm.

Hai đứa bé, hai học sinh nhỏ đã bị bắt cóc ở một trong những trường tư uy tín nhất của thủ đô Washington. Tôi hiểu rằng hôm nay là một ngày buồn, một ngày đầy bi kịch đối với mọi người có liên quan. *Gạt chuyện đó sang một bên, tôi tự nhủ. Cứ lo việc của mình đã.*

Chúng tôi đến thực hiện công việc của mình với tư cách cảnh sát. Chúng tôi cố gắng kìm nén cơn giận trong lòng, nhưng không dễ dàng. Tôi cứ liên tục thấy đôi mắt buồn của thằng bé Mustaf Sanders hiện lên. Một cảnh sát mặc sắc phục thông báo rằng có người muốn chứng tôi vào phòng hiệu trưởng. Trưởng phòng thanh tra Pittman đang đợi chúng tôi trong đó.

“Thoải mái đi,” Sampson khuyên. “Sống là để tiếp tục chiến đấu.”

Khi làm việc, George Pittman thường mặc chiếc áo vét doanh nhân màu xám hoặc xanh nước biển. Ông ta thích áo sơ mi sọc nhỏ cùng cà vạt sọc xanh và bạc. Ông ta hăm mộ giày và thắt lưng của

hãng Johnson & Murphy. Mái tóc xám luôn được vuốt ngược về sau cho phù hợp với cái đầu hình viên đạn, trông giống như chiếc mũ bảo hiểm đội chặt. Trưởng phòng thanh tra được gọi bằng các biệt danh Jefe, Sếp Của Các Sếp, Nhà Độc Tài, Kẻ Khó Chịu Nhất, Georgie Porgie*...

Tôi nghĩ là tôi biết trục trặc giữa mình với Trưởng phòng thanh tra Pittman bắt đầu khi nào. Là sau khi tờ *Washington Post* đăng bài về tôi trên số ra ngày Chủ nhật. Bài viết nêu chi tiết chuyện tôi là một nhà tâm lý học nhưng lại làm việc ở bộ phận Án mạng và Trọng án - tại D.C. Tôi đã nói cho phóng viên biết tại sao tôi tiếp tục sống ở khu Đông Nam. “Sống ở nơi hiện tại khiến tôi thấy yên ổn. Sẽ không có ai đẩy tôi ra khỏi nhà của chính tôi.”

Thực ra tôi nghĩ chính cái tí được chọn cho bài báo đó đã khiến sếp Pittman (và một số người khác trong phòng) nổi giận. Khi chuẩn bị cho bài viết, tay nhà báo trẻ đã phỏng vấn bà tôi. Bà tôi là giáo viên tiếng Anh, và tay phóng viên nhẹ dạ đã dính đòn. Nana đã nhồi vào đầu anh ta quan điểm của bà rằng: vì cơ bản người da đen theo quan điểm truyền thống, và theo logic họ sẽ là những người cuối cùng ở miền Nam từ bỏ tôn giáo, đạo đức, thậm chí cách thức giao tiếp. Bà nói rằng tôi là một người miền Nam thực thụ, sinh ra ở Bắc Carolina. Bà còn hỏi tại sao trong phim ảnh, sách vở và báo chí, chúng ta lại tôn sùng những gã thanh tra gần-tâm-thần.

Tít của bài báo - chạy ngang tấm ảnh ử dột của tôi - là “Quý ông cuối cùng của miền Nam”. Bài báo đã gây ra những rắc rối lớn trong phòng thanh tra vốn rất căng thẳng của chúng tôi. Sếp trưởng Pittman cảm thấy bị xúc phạm ghê gớm. Tôi không thể chứng minh nhưng tin rằng bài báo này do kẻ nào đó trong Văn phòng Thị trưởng dàn xếp.

Tôi gõ cửa phòng hiệu trưởng theo nhịp một-hai-ba và cùng Sampson bước vào. Trước khi tôi kịp nói bất kỳ lời nào, Pittman giơ bàn tay phải lên. “Cross, anh chỉ cần nghe điều tôi phải nói thôi,” rồi

bước đến hai chúng tôi. ”Có một vụ bắt cóc ở trường này. Đây là một vụ bắt cóc nghiêm trọng...”

“Đó là chuyện thực sự tệ hại,” tôi lập tức cắt ngang. “Thật không may là một tên giết người cũng đã tấn công khu Condon Terrace và Langley. Tên đó đã gây ra hai vụ rồi. Đến nay đã có sáu người *chết*. Sampson và tôi chịu trách nhiệm vụ đó. về cơ bản là chúng tôi thuộc về vụ ấy.”

“Tôi đã được thông báo về tình hình ở khu nhà giá rẻ Condon và Langley. Tôi đã dự tính trước. Vụ đó đã được lo liệu rồi,” Pittman nói.

“Sáng nay hai phụ nữ da đen đã bị cắt đứt ngực. Lông ở vùng kín của họ bị cạo sạch khi họ bị trói vào giường. Ông đã được thông báo về điều đó chứ?” tôi hỏi Pittman. “Về việc một thằng bé ba tuổi bị giết hại, khi nó còn đang mặc bộ pyjamas?” tôi lại hét lên. Tôi liếc qua Sampson và thấy cậu ta lắc đầu.

Một nhóm giáo viên trong phòng nhìn về phía chúng tôi. “Hai phụ nữ trẻ bị cắt rời ngực,” tôi nhắc lại cho họ nghe thấy. “Sáng nay có kẻ nào đó lang thang quanh D.C. với hai bộ ngực của họ trong túi.”

Sếp Pittman ra hiệu về phía phòng trong của hiệu trưởng. Ông ta muốn hai chúng tôi vào trong phòng đó. Tôi lắc đầu. Tôi muốn có các nhân chứng khi xảy ra đối đầu với Pittman.

“Tôi biết anh đang nghĩ gì, Cross.” Ông ta hạ thấp giọng, dí sát mặt tôi và nói. Mùi hôi của thuốc lá phả vào tôi. “Anh nghĩ rằng tôi muốn gây chuyện với anh, nhưng không phải thế. Tôi biết anh là cảnh sát giỏi. Tôi biết trái tim anh thường đặt đúng chỗ.”

“Không, ông không biết điều tôi đang nghĩ đâu. Đây là điều tôi đang nghĩ này! Sáu người da đen đã chết. Một tên điên giết người hàng loạt đang ở ngoài kia. Hắn đang sôi sùng sục. Hắn đang mài sắc răng nanh. Bây giờ hai đứa trẻ da trắng bị bắt cóc, và đó là chuyện khủng khiếp. Khủng khiếp! Nhưng tôi đang phải xử lý một vụ khốn nạn rồi!”

Pittman đột nhiên chỉ thẳng ngón trỏ vào tôi. Mặt ông ta đỏ bừng. “Tôi là người quyết định anh xử lý những vụ nào! Là tôi! Anh có kinh nghiệm của một người đàm phán về vấn đề con tin. Anh là chuyên gia tâm lý. Chúng ta đã có những người khác để điều tới Langley và Condon. Ngoài ra, Thị trưởng Monroe chỉ định đích danh anh.”

Hóa ra là thế. Bây giờ thì tôi đã hiểu mọi chuyện. Thị trưởng của chúng tôi đã can thiệp. Tất cả liên quan đến tôi.

“Thế còn Sampson thì sao? ít ra cũng để cho cậu ấy xử lý các vụ án mạng ở khu nhà giá rẻ chứ,” tôi nói với Trưởng phòng thanh tra.

“Nếu anh có bất kỳ khiếu nại nào, hãy trình bày với thị trưởng. Cả hai anh sẽ xử lý vụ bắt cóc này. Đó là tất cả những gì tôi phải nói với anh vào thời điểm này.”

Pittman xoay lưng lại phía chúng tôi và bước đi. Chúng tôi sẽ giải quyết vụ bắt cóc Dunne-Goldberg, dù thích hay không. Chúng tôi không thích.

“Có lẽ chúng ta nên quay trở lại nhà Sanders,” tôi nói với Sampson.

“Ở đây cũng chẳng ai nhớ nhung gì chúng ta đâu,” Sampson đồng ý.

CHƯƠNG 7

CHIẾC XE MÁY K1 đen bóng của hãng BMW phanh khựng lại ở khu cổng đá thấp có lối đi rải sỏi của trường Washington Day. Người lái trình giấy tờ rồi chiếc xe phóng vọt theo con đường dài và hẹp về phía một cụm những tòa nhà màu xám của trường. Bây giờ là mười một giờ.

Chỉ cần vài giây, chiếc BMW-K1 vọt lên tốc độ gần một trăm ki lô mét một giờ và có mặt ở khu hiệu bộ. Rồi nó phanh lại dễ dàng và êm ái, gần như chỉ khiến vài viên sỏi nhỏ bắn lên. Người lái xe lách chiếc BMW vào phía sau một chiếc xe hòm màu xám ngọc trai hiệu Mercedes mang biển ngoại giao DP101.

Vẫn ngồi trên xe máy, Jezzie Flanagan bỏ chiếc mũ bảo hiểm đen ra, để lộ mái tóc vàng khá dài. Cô trông mới gần ba mươi. Thực ra Jezzie đã bước sang tuổi ba mươi hai từ mùa hè năm nay. Cuộc sống đang dọa dẫm bỏ qua cô. Người phụ nữ này tin rằng bây giờ mình đã trở thành cổ vật, trở thành lịch sử lâu đời. Cô đến thẳng trường từ căn nhà bên hồ của mình, còn chưa kể đó là kỳ nghỉ đầu tiên của cô trong vòng hai mươi chín tháng qua.

Kỳ nghỉ đầu tiên trong hai mươi chín tháng đó giải thích cách ăn mặc của Jezzie: áo khoác da dùng cho dân chơi xe máy, quần jean bạc có ủ chân, thắt lưng dày bằng da, áo sơ mi kẻ ca rô đỏ-đen của thợ rừng, ủng kỹ sư đã mòn.

Hai cảnh sát của Sở Cảnh sát D.C. vội vàng áp sát hai bên Jezzie. “Ồn mà, hai sĩ quan,” cô nói, “thẻ của tôi đây.” Sau khi nhìn thẻ, hai cảnh sát nhanh chóng lùi lại và tỏ ra đầy quan tâm. “Cô có thể vào

thăng bên trong,” một trong hai người nói. “Có một cánh cửa bên ngay sau bờ giậu cao kia, thừa cô Flanagan.”

Jezzie Flanagan gượng nở một nụ cười với hai viên cảnh sát có vẻ mặt khó chịu. “Tôi biết hôm nay mình trông không thật đúng tác phong. Tôi đang nghỉ phép mà. Chạy xe máy. Thế nên tôi phóng thẳng cả xe tới đây.”

Jezzie Flanagan đi tắt qua bãi cỏ mới trồng vẫn còn phủ một lớp băng nhẹ. Rồi cô đi vào trong tòa nhà hiệu bộ.

Không ai trong hai viên cảnh sát D.C. rời mắt khỏi Jezzie cho tới khi cô khuất hẳn. Mái tóc vàng của cô bay như cờ đuôi nheo trong gió mùa đông khắc nghiệt. Ngay cả khi mặc đồ jean bụi và đi đôi ủng lao động, trông Jezzie vẫn cực kỳ bắt mắt. Và cô có vị trí đầy quyền lực. Qua thẻ của cô, cả hai viên cảnh sát đều biết điều đó. Cô là người đóng vai trò quyết định.

Khi đi qua sảnh trước, ai đó tóm lấy cô. Ai đó đã nhận ra một phần của Jezzie Flanagan, phần đặc trưng cho cuộc sống của cô ở D.C.

Victor Schmidt đã bám lấy cánh tay cô. Một thời như thế, và bây giờ, đây là điều Jezzie khó tưởng tượng nổi: Victor từng là đồng sự của cô. Trên thực tế là đồng sự đầu tiên. Bây giờ anh ta được giao bảo vệ một trong các học sinh của trường Washington Day.

Victor lùn và hói. Một tay ăn mặc đồ hiệu GQ. Tự tin mà không có lý do hợp lý nào cả. Tay này luôn tạo cho Jezzie Flanagan ấn tượng rằng anh ta bị đặt nhầm chỗ ở Sở Mật vụ, có lẽ hợp hơn với vị trí cấp thấp của cơ quan ngoại giao.

“Jezzie, cô sao rồi?” anh ta nửa nói nửa thầm thì. Jezzie nhớ rằng anh ta chưa bao giờ vào đề thẳng với bất kỳ chuyện gì. Điều đó luôn làm cô khó chịu.

Jezzie Flanagan tức điên. Sau đó cô nhận ra rằng mình đã thực sự khó chịu khi bị Schmidt chặn lại. Không phải cô cần một cái cớ để nổi đóa. Không phải sáng nay. Không phải trong hoàn cảnh này.

“Vic, anh có biết rằng hai đứa trẻ đã bị đưa ra khỏi trường này, và có lẽ là bị bắt cóc không?” cô gắt lên. “Một trong hai đứa là con trai của Bộ trưởng? Đứa còn lại là con gái của Katherine Rose phải không? Nữ diễn viên Katherine Rose Dunne. Anh nghĩ tôi đang ra sao chứ? Bụng thì hơi nôn nao. Tôi đang giận dữ. Tôi đang chết đứng đây.”

“Tôi chỉ muốn chào thôi mà. Xin chào, Jezzie. Tôi biết chuyện khốn nạn đã xảy ra ở đây mà.”

Nhưng Jezzie Flanagan đã bỏ đi, ít nhất đủ xa để không phải nói gì khác với Victor. Cô đang cảm thấy lo lắng. Lại không được khỏe. Và gần như quá kích động. Cô không tìm kiếm những khuôn mặt quen thuộc trong sảnh của trường học đầy người hay các gương mặt phải gặp. Bây giờ đã có hai gương mặt như thế rồi!

Charlie Chakely và Mike Devine. Hai nhân viên dưới quyền của cô. Hai người cô đã chỉ định bảo vệ Michael Goldberg và cả Maggie Rose Dunne kể từ khi chúng bắt đầu đi học và về nhà cùng nhau.

“Làm thế nào mà chuyện này có thể xảy ra được chứ?” Jezzie cao giọng. Cô không quan tâm rằng tiếng nói chuyện gần đó đã ngừng lại và người ta đang chăm chăm nhìn mình. Dường như một hố đen hiện ra giữa những ồn ào và lộn xộn trong sảnh của trường. Rồi Jezzie hạ giọng thành tiếng thì thầm khi hỏi hai nhân viên về những điều đã xảy ra cho tới thời điểm này. Cô im lặng lắng nghe, để cho hai người giải thích. Rõ ràng cô không thích những điều họ phải nói.

“Biến ra khỏi đây đi,” Jezzie bùng nổ lần thứ hai. “Biến ngay. Cho khuất mắt tôi!”

“Chúng tôi chẳng thể làm được gì,” Charlie Chakely cố gắng thanh minh. “Chúng tôi có thể làm được gì chứ? Chúa ơi!” Rồi anh ta và Devine len lén bước đi.

Những người biết về Jezzie Flanagan có thể hiểu được phản ứng kích động của cô. Hai đứa trẻ đang mất tích. Chuyện xảy ra trong thời gian cô chịu trách nhiệm. Cô là một giám sát viên của Sở Mật vụ bảo

vệ cho hầu như bất kỳ nhân vật nào ngoại trừ Tổng thống: các thành viên chủ chốt trong nội các cùng gia đình họ, khoảng năm sáu thượng nghị sĩ trong đó có Ted Kennedy. Cô trực tiếp báo cáo với bộ trưởng Bộ Tài chính.

Cô đã làm việc vất vả đến mức khó tin để có được sự tin cậy và trách nhiệm lớn như thế, và cô là người có trách nhiệm. Mỗi tuần làm việc cả trăm giờ; năm này qua năm khác không được nghỉ phép, không có cuộc sống riêng để nói tới.

Cô có thể nghe thấy những lời đàm tiếu trước khi nó diễn ra. Hai nhân viên của cô đã làm mọi chuyện lộn tung phèo. Sẽ có một cuộc điều tra - một cuộc săn lùng phù thủy kiểu cổ điển. Jezzie Flanagan đang ngồi trên ghế nóng. Vì là người phụ nữ đầu tiên giữ vị trí hiện cô đang đảm nhiệm, cú ngã - nếu xảy ra - sẽ nặng nề, đau đớn, và có rất nhiều người biết.

Cuối cùng cô cũng phát hiện ra người cô đã tìm kiếm trong đám đông và hy vọng không phải gặp. Bộ trưởng Bộ Tài chính Jerrold Goldberg đã có mặt ở trường của con trai mình.

Đứng cạnh vị Bộ trưởng là Thị trưởng Carl Monroe và một đặc vụ FBI mà cô biết tên là Roger Graham, cùng hai người da đen cô không nhận ra ngay. Cả hai tay da đen này đều cao, một trong hai cực kỳ to con, *không* lờ.

Jezzie Flanagan hít một hơi sâu rồi bước nhanh về phía Bộ trưởng Goldberg và những người khác.

“Tôi rất tiếc, Jerrold,” cô nói như thăm thì khi bước tới nơi. “Tôi chắc chắn là bọn trẻ sẽ được tìm thấy.”

“Một giáo viên” là tất cả những gì Jerrold Goldberg có thể thốt ra. Ông lắc mái tóc trắng, lượn sóng được cắt rất ngắn của mình. Hai mắt ông rơm rớm. “Một giáo viên của bọn trẻ, của những đứa bé. Sao chuyện này lại xảy ra được chứ?”

Rõ ràng vị Bộ trưởng rất đau đớn. Ông trông già hơn chục tuổi so cái tuổi bốn mươi chín của mình. Khuôn mặt ông trắng bệch như

những bức tường trát vữa của nhà trường.

Trước khi tới Washington, Jerrold Goldberg đã làm việc cho Salomon Brothers ở Phố Wall. Ông đã kiếm được hai mươi, ba mươi triệu đô la trong thập kỷ tám mươi thịnh vượng và điên cuồng. Ông sắc sảo, thông thái và đã chứng minh được sự khôn ngoan của mình. Kèm theo những phẩm chất đó, ông cũng là một người thực dụng.

Nhưng ngày hôm nay, vị Bộ trưởng chỉ là cha của một đứa bé trai bị bắt cóc, và ông trông hết sức mong manh.

CHƯƠNG 8

TÔI ĐANG NÓI CHUYỆN với một đặc vụ FBI là Roger Graham thì giám sát viên của Sở Mật vụ Jezzie Flanagan bước tới nhập hội. Cô cố gắng an ủi Bộ trưởng Goldberg. Rồi cuộc nói chuyện nhanh chóng quay trở lại vụ bắt cóc và những bước tiếp theo cần tiến hành.

“Chúng ta có chắc trăm phần trăm rằng chính tay giáo viên toán này bắt cóc bọn trẻ không?” Graham hỏi. Trước đây tôi và ông đã sát cánh cùng nhau. Graham cực kỳ thông minh và đã là một ngôi sao của Cục trong nhiều năm. Ông là đồng tác giả của một cuốn sách viết về việc loại trừ tội phạm có tổ chức ở New Jersey. Cuốn sách đó đã được chuyển thể thành một bộ phim đình đám. Chúng tôi tôn trọng và quý mến nhau - điều hiếm thấy giữa nhân viên Cục và cảnh sát địa phương. Hồi vợ tôi bị sát hại ở Washington, Roger đã “vượt rào” và đưa Cục tham gia vào cuộc điều tra. Ông đã giúp đỡ tôi còn nhiều hơn những thanh tra cùng phòng.

Tôi quyết định thử trả lời câu hỏi của Roger Graham. Lúc này đã đủ bình tâm để nói chuyện, tôi nói cho họ những nhận định của Sampson và tôi tới thời điểm này.

“Chắc chắn cả ba đã cùng rời khỏi trường,” tôi nói. “Một người quét dọn đã trông thấy họ. Tay giáo viên toán Soneji đã tới lớp học của cô Kim. Hắn đã nói dối cô ấy. Nói rằng có một thông điệp đe dọa gửi qua điện thoại và hắn có nhiệm vụ đưa hai đứa bé tới văn phòng của hiệu trưởng để xin phép được đưa về nhà. Nói rằng khi ấy Sở Mật vụ chưa xác định được là mối đe dọa nhắm vào bé trai hay bé gái. Rồi hắn tiếp tục đi cùng hai đứa. Bọn trẻ đủ tin hắn để chấp nhận việc ấy.”

“Làm thế nào một kẻ bắt cóc tiềm tàng có thể gia nhập đội ngũ giáo viên của trường kiểu này được?” viên đặc vụ hỏi. Một cặp kính râm nhô lên từ túi ngực chiếc áo vest của ông. Kính râm dùng cho mùa đông. Diễn viên Harrison Ford đã đóng vai Graham trong bộ phim chuyển thể từ cuốn sách của ông. Thực sự thì vai diễn đó không hề tồi. Sampson gọi Graham là “Màn ảnh rộng”.

“Điều đó thì chúng ta vẫn chưa biết,” tôi nói với Graham. “Ta sẽ sớm biết thôi.”

Cuối cùng Thị trưởng Monroe cũng giới thiệu Sampson và tôi với Bộ trưởng Goldberg. Monroe nói một chút về việc chúng tôi là hai trong số những thanh tra ngon lành nhất của D.C., vân vân và vân vân. Rồi viên thị trưởng dẫn bộ trưởng vào trong văn phòng của hiệu trưởng. Đặc vụ Graham tụt lại. Ông nhướng mắt với Sampson và tôi. Ông muốn chúng tôi biết rằng đây không phải đất diễn của ông.

Jezzie Flanagan ở lại phía sau. “Tôi đã nghe nói về anh, thanh tra Cross, tôi đang nghĩ về chuyện này. Anh là chuyên gia tâm lý. Đã có một bài trên tờ *Washington Post*.” Jezzie nở một nụ cười đẹp, một nụ cười chúm chím.

Tôi không cười đáp lại. “Cô biết báo chí thế nào rồi đấy,” tôi nói. “Thường thì đây những sự thật nửa vời. Trong trường hợp đó thì chắc chắn sẽ có một số chuyện bịa đặt ghê gớm.”

“Tôi không chắc chắn đến thế,” cô nói. “Dù sao cũng rất vui được gặp anh.” Đoạn cô bước vào phòng hiệu trưởng, phía sau Bộ trưởng Goldberg, viên thị trưởng cùng viên đặc vụ ngôi sao của FBI. Không ai mời tôi, thanh tra kiêm chuyên gia tâm lý nổi danh nhờ mấy tờ tạp chí. Không ai mời Sampson.

Monroe thò đầu ra ngoài. “Ở đó nhé, hai anh. Đừng gây xáo trộn gì. Cũng đừng có cáo tiết. Chúng tôi cần các anh ở đây. Tôi cần nói chuyện với anh, Alex. Cứ ở yên đó. *Đừng* cáo.”

Sampson và tôi gắng làm hai cảnh sát tốt. Chúng tôi đứng ở phía ngoài văn phòng hiệu trưởng khoảng mười phút nữa. Cuối cùng cả hai

cũng rời khỏi vị trí. Chứng tôi cảm thấy cáu tiết.

Tôi cứ liên tục thấy gương mặt của thằng bé Mustaf Sanders hiện ra. Ai sẽ đi và tìm ra kẻ giết thằng bé? Chẳng ai cả. Mustaf đã rơi vào lãng quên - tôi biết rằng điều đó sẽ không bao giờ xảy ra với hai đứa học sinh của trường tư.

Sau đó một chút, Sampson và tôi cùng vài đứa trẻ nằm trên sàn gỗ thông của “phòng chơi” tại trường Washington Day. Mấy đứa trẻ này gồm Luisa, Jonathan, Stuart, Mary-Berry, và chị gái “lớn” Brigid của nó. Chưa ai đến đón được bọn trẻ này nên chúng sợ hãi. Một vài đứa ở trường đã tè ướt cả quần, thậm chí có đứa còn nôn tung tóe. Có khả năng xảy ra tổn thương do khủng hoảng, một tình trạng mà tôi đã có chút kinh nghiệm điều trị.

Cùng ngồi trên mặt sàn gỗ được đánh bóng với chúng tôi là cô giáo Vivian Kim. Chúng tôi muốn nói chuyện với cô về chuyến thăm của Soneji tới lớp cô và những điểm tổng quát về Soneji.

“Bọn chú là học sinh mới của trường cháu,” Sampson đùa với bọn trẻ. Thực tế là cậu ta đã bỏ cặp kính râm ra, dù tôi không chắc hẳn liệu cậu có phải làm thế không. Trẻ con thường thích Sampson. Cậu ta hợp với vai trò “yêu quái thân thiện” của bọn chúng.

“Không, không phải thế!” Mary-Berry nói. Sampson đã khiến con bé cười. Đó là dấu hiệu tốt.

“Đúng thế đấy, bọn chú là cảnh sát thật,” tôi nói với lũ trẻ. “Bọn chú ở đây để đảm bảo rằng bây giờ mọi người đều ổn. Ý chú là, phù, đúng là buổi sáng tuyệt vời!”

Cô Kim từ phía bên kia sàn mỉm cười với tôi. Cô biết rằng tôi đang cố tạo cho đám trẻ chút yên tâm. Cảnh sát đã có mặt và tình hình lại an toàn. Bây giờ không ai có thể làm tổn hại chúng, trật tự đã được khôi phục.

“Chú có phải là cảnh sát giỏi không ạ?” Jonathan hỏi tôi. So với một thằng nhỏ, nó có vẻ rất nghiêm túc.

“Có, chú là cảnh sát giỏi. Thanh tra Sampson, đồng nghiệp của chú đây cũng thế.”

“Các chú to lắm. Các chú to ghê,” Luisa nói. “To, to, TO như nhà cháu ạ!”

“Thế nên các chú có thể bảo vệ mọi người tốt hơn,” Sampson nói với bé gái. Sampson đã hòa nhập rất nhanh.

“Các chú có con không ạ?” Brigid hỏi tôi. Con bé thận trọng quan sát cả hai chúng tôi trước khi cất lời. Nó có đôi mắt sáng đẹp tuyệt, và chưa gì tôi đã thấy quý nó rồi.

“Chú có con,” tôi đáp. “Một trai một gái.”

“Tên hai bạn ấy là gì ạ?” Brigid hỏi. Nó đã hoán đổi vai trò hỏi-đáp với chúng tôi một cách nhanh gọn.

“Janelle và Damon,” tôi nói với con bé. “Janelle bốn tuổi còn Damon sáu tuổi.”

“Vợ chú tên là gì ạ?” Stuart tham gia.

“Giờ chú không có vợ,” tôi nói với thằng bé.

“Ông Rogers, ông Rogers của tôi ơi,” Sampson thì thào.

“Chú ly dị ạ?” Mary-Berry đặt câu hỏi cho tôi. “Vấn đề là thế phải không?”

Cô giáo Kim bật cười to. “Đúng là một câu hỏi lạ dành cho người bạn tốt của chúng ta, Mary ạ.”

“Họ có làm Maggie Rose và Michael Goldberg đau không ạ?” Jonathan “ngghiêm túc” muốn biết. Đó là câu hỏi hay và hợp lý. Xứng đáng nhận được câu trả lời.

“Chú hy vọng là không, Jonathan ạ. Chú sẽ cho cháu biết một điều. Sẽ không ai có thể làm cháu đau. Thanh tra Sampson và chú ở đây để đảm bảo việc đó.”

“Các chú sẽ rất cứng rắn, nếu các cháu chưa tin,” Sampson nhấn nhò. “Gừ, gừ. Sẽ không bao giờ có kẻ nào làm bọn trẻ này đau đớn được. Gừ, gừ.”

Vài phút sau Luisa bắt đầu khóc. Nó là đứa bé dễ thương. Tôi muốn ôm con bé nhưng không thể. “Có vấn đề gì vậy, Luisa?” cô Kim hỏi. “Mẹ hoặc bố em sẽ đến ngay thôi mà.”

“Không, họ sẽ không đến đâu.” Con bé lắc đầu. “Họ sẽ không đến. Họ chẳng bao giờ đón em ở trường.”

“Ai đó sẽ tới,” tôi khẽ khàng nói. “Và ngày mai mọi chuyện sẽ lại ổn thôi”

Cửa phòng chơi từ từ mở ra. Tôi rời mắt khỏi đám trẻ và xoay về phía ấy. Đó là chuyến thăm của Thị trưởng Carl Monroe tới những ngôi trường dành cho tầng lớp đặc quyền của thành phố chúng tôi.

“Anh đang ngăn chặn rắc rối đấy à, Alex?” Viên thị trưởng hỏi và mỉm cười khi bước vào căn phòng chơi khác thường này. Monroe chừng bốn lăm tuổi, mang vẻ điển trai xù xì. Ông ta để tóc dày và bộ ria mép đen, rậm. Monroe trông như doanh nhân trong bộ vest màu xanh hải quân, áo sơ mi trắng, cà vạt vàng tươi.

“À, đúng thế. Tôi chỉ cố gắng làm điều gì đó có ích trong thời gian rảnh ở đây thôi. Cả Sampson và tôi đều thế.”

Câu nói đó khiến viên thị trưởng cười thầm. “Xem ra có vẻ các anh đã thành công rồi đấy. Ta lên xe thôi. Đi cùng tôi nhé, Alex. Chúng ta phải bàn vài vấn đề.”

Tôi tạm biệt lũ trẻ và cô giáo Kim rồi cùng Monroe bước ra khỏi tòa nhà của trường. Có lẽ tôi sẽ biết được bây giờ điều gì đang thực sự diễn ra, và vì sao tôi lại xử lý vụ bắt cóc chứ không làm vụ án mạng. Và liệu tôi có lựa chọn nào về vấn đề này không.

“Anh tới đây bằng xe của anh à, Alex?” Monroe nói khi cả hai cùng sải bước theo những bậc thềm phía trước trường.

“Xe của tôi và cũng là xe của công ty tài chính HFC,” tôi nói.

“Ta sẽ dùng xe của anh. Đội Điều tra Đặc biệt gọi cho anh điều gì? Một khái niệm thật mạnh mẽ,” thị trưởng nói khi cả hai tiếp tục

bước về phía khu đỗ xe. Rõ ràng ông ta đã điều lái xe và chiếc xe của mình đi trước. Một người vì nhân dân, thị trưởng của chúng tôi là thế.

“Chính xác thì khái niệm Đội Điều tra Đặc biệt là gì?” tôi hỏi. Tôi đang trầm tư suy nghĩ về vị trí công việc hiện tại của mình, đặc biệt là việc báo cáo với George Pittman.

Carl Monroe cười to. Ông ta có thể rất khéo léo với mọi người, và thực tế là cũng rất khôn ngoan. Viên thị trưởng luôn tỏ ra quan tâm và rộng lượng, có thể ông ta là thế. Ông ta thậm chí có thể lắng nghe nếu cần thiết.

“Ý tưởng chính là đảm bảo rằng những phụ nữ và nam giới da đen mạnh mẽ nhất trong lực lượng cảnh sát thành phố được lên tới vị trí cao nhất, xứng đáng với những gì họ được hưởng. Không chỉ những kẻ nịnh bợ đâu, Alex ạ. Trong quá khứ không phải lúc nào chuyện đó cũng diễn ra.”

“Tôi nghĩ chúng tôi đều ổn mà không cần chương trình chống phân biệt đối xử. Ông đã nghe về mấy trường hợp bị giết ở Condon và Langley Tafface chưa?” tôi hỏi viên thị trưởng.

Monroe gật đầu nhưng không nói gì thêm về kẻ sát nhân chuyên để lại dấu tích. Hôm nay đó không phải là ưu tiên của thị trưởng.

“Mẹ, con gái, một bé trai ba tuổi,” tôi vẫn tiếp tục và lại bắt đầu cảm thấy bức tức. “Chẳng ma nào thêm để tâm tới chuyện đó.”

“Thế có gì mới nào, Alex? Chẳng ai quan tâm tới cuộc sống của họ. Tại sao phải có người nào quan tâm tới cái chết của họ chứ?” Chúng tôi đã đến được chỗ xe tôi, một chiếc Porsche đời 74 đã lỗi thời. Những cánh cửa xe kêu kèn kẹt và phảng phất mùi hôi của những bữa trưa ăn nhanh. Tôi đã chạy chiếc xe này trong ba năm làm việc tự do. Cả hai cùng vào xe.

“Anh biết đấy, Alex, Colin Powell bây giờ là Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân. Louis Sullivan là Bộ trưởng Bộ Y tế và Dịch vụ con người. Jesse Jackson đã giúp tôi có được vị trí này,” Monroe nói khi cả hai chạy vào đường Canal và hướng về phía trung

tâm. Ông ta vừa nói vừa chăm chăm nhìn vào hình ảnh phản chiếu của mình trên kính cửa sổ xe.

“Và bây giờ ông đang giúp tôi à?” tôi hỏi. “Mà không cần tôi đề nghị cơ đấy. Như thế thật tốt, thật chu đáo.”

“Đúng thế,” viên thị trưởng đồng ý. “Anh hiểu nhanh ghê, Alex.”

“VẬY thì hãy *giúp* tôi thoát khỏi vụ này. Tôi muốn giải quyết vụ án mạng ở khu nhà giá rẻ. Tôi rất lấy làm tiếc về vụ hai đứa trẻ da trắng đó, nhưng vụ bắt cóc sẽ không cần sự chú ý hoặc hỗ trợ đâu. Thực tế là chuyện đó sẽ trở thành rắc rối. Quá nhiều sự giúp đỡ chả ra gì rồi.”

“Tất nhiên là thế. Cả hai chúng ta cùng biết điều đó.” Monroe gật đầu đồng ý. “Những gã khốn nạn dốt nát đó chỉ dẫm chân nhau mà làm hỏng chuyện thôi. Hãy lắng nghe tôi, Alex. Anh sẽ chỉ lắng nghe thôi, được chứ?”

Khi Carl Monroe muốn điều gì đó từ ta, nếu phải làm, ông ta sẽ thuyết phục để ta khuất phục. Trước đây tôi đã chứng kiến việc này, và giờ đây ông ta bắt đầu việc ấy với tôi.

“Theo đúng như truyền thuyết về Alex Cross, bây giờ thì anh túng quẫn.”

“Tôi vẫn đang ổn,” tôi nói. “Có nhà để ở. Có đồ để ăn.”

“Anh đã sống ở khu Đông Nam khi anh có thể dễ dàng rời khỏi đó,” viên thị trưởng tiếp tục với bản lý lịch rời rạc mà tôi đã từng nghe trước đây. Anh vẫn làm cho nhà thờ Thánh Anthony chứ?”

“Vâng. Nấu xúp. Một số buổi điều trị miễn phí. Người Samarita da đen.”

“Anh biết đấy, một lần tôi đã trông thấy anh tham gia vở kịch ở nhà thờ Thánh Anthony. Anh cũng biết diễn đấy. Anh đã tham gia thực sự.”

“Vở *Giọt máu* của Athol Fugard.” Tôi nhớ thời điểm đó. Maria đã dụ tôi tham gia nhóm diễn của cô. “Vở kịch ấy quả là đầy sức lan

tỏa. Nó có thể khiến mọi người trở nên tốt hơn.”

“Anh vẫn theo kịp điều tôi đang nói chứ? Anh có lắng nghe tôi chút nào không đấy?”

“Ông muốn cưới tôi.” Tôi cười to với Monroe. “Nhưng trước hết ông vẫn muốn hò hẹn với tôi.”

“Đại loại như thế,” Monroe cười to đáp lại.

“Ông đang làm đúng cách đấy, Carl. Tôi muốn nghe những lời ngọt ngào trước khi làm tình.”

Monroe cười thêm một chút và to hơn một chút so với mức cần thiết. Viên thị trưởng có thể làm bạn với ta, rồi lần sau gặp lại ông ta sẽ chăm chăm nhìn xuyên thấu ta. Một số người trong phòng gọi ông ta là “Dừa”. Tôi là một trong số đó. “Bên ngoài thì nâu, bên trong thì trắng.” Tôi có cảm giác rằng thực tế Monroe là một kẻ cô đơn. Tôi vẫn băn khoăn xem chính xác thì ông ta muốn gì từ tôi.

Monroe im lặng một lát. Khi xe chạy vào đường cao tốc Whitehurst, viên thị trưởng lại cất tiếng. Xe cộ rất đông, con đường có tuyết đang tan chẳng giúp ô tô chạy nhanh hơn.

“Tình huống chúng ta đang đối mặt đầy bi kịch, rất bi kịch. Vụ bắt cóc này cũng quan trọng với chúng ta. Bất kỳ ai xử lý nó cũng sẽ là một việc quan trọng. Tôi muốn anh giúp xử lý nó, là một người có vai trò quyết định. Tôi muốn anh có được tên tuổi nhờ vụ này.”

“Tôi không cần danh tiếng” tôi huých toẹt với Monroe. “Không muốn làm một kẻ có vai trò quyết định chết tiệt nào hết.”

“Tôi biết anh không muốn. Và đó là một trong những lý do anh nên tham gia. Tôi sẽ nói cho anh biết sự thật. Anh thông minh hơn chúng tôi, và anh sẽ trở thành nhân vật quan trọng trong thành phố này. Hãy ngừng việc làm tên khốn cứng đầu đi. Thôi xù lông nhím đi.”

“Tôi không đồng ý. Không đồng ý nếu có thể cưỡng lại được. Không đồng ý nếu tôi có thể ngăn cản được. Ý tưởng về thành công của ông không phải là ý tưởng của tôi.”

“Này, ở đây tôi biết điều gì đúng. Cho cả hai chúng ta,” viên thị trưởng nói. Lần này Carl Monroe không mỉm cười chút nào. “Anh hãy liên tục cập nhật cho tôi về diễn tiến của vụ này. Anh và tôi cùng tham gia vụ này với nhau, Alex. Đây là một vụ làm nên sự nghiệp đấy.”

Tôi gật đầu với Monroe. *Chắc chắn rồi*, tôi nghĩ. “Sự nghiệp của ai vậy ông Carl?”

Tôi đã dừng xe phía trước tòa nhà của quận với những chi tiết trang trí đẹp đẽ. Monroe lách người ra khỏi ghế. Ông ta từ phía ngoài cúi xuống nhìn tôi.

“Vụ này sẽ cực kỳ quan trọng, Alex. Nó là vụ của anh.”

“Không, cảm ơn,” tôi nói. Nhưng Monroe đã bỏ đi.

CHƯƠNG 9

MƯỜI GIỜ HAI LĂM, vẫn nằm trong khoảng thời gian đã dự tính trước cho cuộc đào thoát từ Washington, Gary Soneji đánh lái cho chiếc xe tải chạy vào một con đường không có biển chỉ dẫn. Con đường ven này lỗ chỗ ổ gà và mọc dày cỏ dại. Hai bên mé đường là những bụi mâm xôi.

Từ nơi cách quốc lộ chưa tới năm mươi mét, Soneji không thể trông thấy gì ngoài con đường đất và một mớ cây bụi lộn xộn mọc nhô lên. Từ quốc lộ sẽ chẳng ai có thể trông thấy chiếc xe tải của hắn.

Chiếc xe tải rung lắc chạy qua một căn nhà nông trại xiêu vẹo với lớp sơn trắng đã nhạt. Trông như thể căn nhà này sắp co lại và đổ sụp xuống tận nền. Qua căn nhà chưa tới bốn mươi mét là một nhà kho cũng tồi tàn không kém.

Soneji lái xe vào trong. Hắn đã hoàn thành công việc; khó khăn nhưng hắn đã thành công.

Trong nhà kho có một chiếc Saab đen đời 1985. Khác với phần còn lại của nông trại bị bỏ hoang, nhà kho có cảm giác vẫn có người ở.

Nhà kho này có nền đất. Vải thưa dán vào ba ô cửa sổ đã vỡ trong vựa chứa cỏ khô. Không thấy có chiếc máy kéo han gỉ hay máy móc nào ở đây. Nhà kho tỏa ra mùi đất ẩm và xăng.

Gary Soneji lôi ra hai lon Coke từ một thùng lạnh bên ghế hành khách. Hắn lau bóng cả hai lon, thở ra một hơi khoan khoái sau khi uống cạn lon lạnh thứ hai.

“Có đứa nào trong chúng mày muốn uống Coke không?” Soneji nói to với hai đứa trẻ đang mê man vì thuốc. “Không hả? Thế thì được

thôi, nhưng bọn mày sẽ sớm thấy khát thực sự đấy.”

Trên đời chẳng có gì là chắc chắn, Soneji nghĩ thế, nhưng hẳn không thể tưởng tượng ra bây giờ cảnh sát có thể tóm được hắn bằng cách nào. Tự tin đến thế này có phải là ngốc nghếch và nguy hiểm không? Hắn tự hỏi. Không thực sự thế, bởi hắn cũng thực tế. *Bây giờ không có cách nào lần theo hắn*. Không có một manh mối nào cho họ lần theo.

Hắn đã lên kế hoạch bắt cóc người nổi tiếng từ hồi, có lẽ là xưa lắm rồi. Mục tiêu bắt cóc cứ thay đổi, rồi lại tiếp tục thay đổi, nhưng mục đích chính rõ ràng trong đầu hắn thì không bao giờ như vậy. Hắn đã làm việc ở trường Washington Day trong nhiều tháng. Lúc này, chính thời điểm này đang chứng minh rằng mỗi phút của việc ấy đều có giá trị.

“Thầy Chips.” Soneji nghĩ về biệt danh của hắn ở trường. Thầy Chips! Quả là một vai diễn hay, rất hay mà hắn đã sắm. Thực sự đáng được trao giải Oscar. Hay như bất kỳ thứ gì hắn từng được xem kể từ khi Robert De Niro diễn trong *Vua hài*. Và vai diễn đó là kinh điển. Bản thân De Niro ngoài đời thực chắc hẳn phải là một kẻ tâm thần.

Gary Soneji kéo mở cửa trượt của chiếc xe tải. Trở lại với công việc, làm việc, làm việc không ngừng nghỉ.

Hắn lần lượt kéo từng đứa trẻ vào nhà kho. Trước tiên là Maggie Rose Dunne. Rồi tới cậu bé Goldberg. Tên bắt cóc đặt hai đứa đang mê man nằm cạnh nhau trên nền đất. Hắn cởi đồ của từng đứa, chỉ để lại quần áo lót. Soneji cẩn thận chuẩn bị vài liều thuốc gây mê. Như một dược sĩ địa phương đầy thiện tâm đang miệt mài làm việc. Một liều có cường độ gây mê cao hơn một viên thuốc ngủ nhưng thấp hơn một liều gây mê tại bệnh viện. Nó sẽ có tác dụng trong khoảng mười hai tiếng.

Hắn lấy ra những chiếc kim tiêm dùng một lần hiệu Tubex đã chứa sẵn thuốc. Đây là một bộ đồ tiêm đã được đóng gói sẵn, có đủ một liều thuốc và kim tiêm. Soneji chuẩn bị hai miếng gạc. Hắn phải

rất cẩn thận. Liều lượng có sẵn trong kim tiêm có thể gây nguy hiểm cho trẻ nhỏ.

Tiếp theo, hã kéo chiếc Saab đen về phía trước khoảng hai mét. Để lộ ra một khoảng trống có kích thước 1,2 x 1,5 mét trên sàn nhà kho.

Soneji đã đào cái hố trong mấy lần tới nông trại bỏ hoang này trước đó. Bên trong hố là một khoang nhỏ tự làm bằng gỗ, một dạng chỗ ở. Khoang này có bình cấp oxy riêng. Có đủ mọi thứ trừ một chiếc ti vi màu để xem băng ghi hình.

Soneji đặt cậu bé nhà Goldberg vào trong khoang này trước. Trong tay hã, Michael Goldberg gần như chẳng có chút trọng lượng nào, đó chính xác là điều Soneji cảm thấy về cậu bé. Chẳng là gì hết. Rồi tới cô công chúa nhỏ, niềm vui và niềm tự hào nhỏ bé mang tên Maggie Rose Dunne. Hoàn toàn cách xa chốn phồn hoa.

Hã ấn kim tiêm vào cánh tay từng đứa bé. Hã cẩn thận để tiêm từng liều một cách từ từ, mỗi liều hết ba phút.

Các liều thuốc được tính theo trọng lượng, hai mươi lăm mi li gam tương ứng với mỗi ki lô gam trọng lượng cơ thể. Soneji kiểm tra hơi thở của từng đứa nhỏ. Ngủ ngon hai bé con triệu đô của ta.

Gary Soneji đóng mạnh cửa kéo. Rồi hã vùi khoang gỗ dưới một lớp đất mới dày khoảng mười lăm phân. Bên trong nhà kho của nông trại bỏ hoang. Giữa vùng nông thôn của bang Maryland mà Chúa đã bỏ hoang. Giống hệt như cậu bé Charlie Lindbergh con chín tuổi đã bị chôn cách đây sáu mươi năm.

Sẽ chẳng có ai tìm thấy chúng ở đây. Không thể tìm được cho tới khi Soneji muốn họ tìm thấy chúng. *Nếu* hã muốn chúng được tìm thấy. Chữ *NẾU* rất to.

Gary Soneji lê bước trở lại con đường đất và đi tới phần còn lại của tòa nhà nông trại có từ lâu đời. Hã muốn tắm rửa. Hã cũng muốn bắt đầu tận hưởng việc này một chút. Thậm chí hã đã mang

theo một chiếc ti vi bỏ túi hiệu Watchman để xem hình ảnh của mình trên truyền hình.

CHƯƠNG 10

CỨ KHOẢNG MUỖI LĂM PHÚT lại có một bản tin phát trên màn hình ti vi. Gary Soneji hiện lên những màn hình lớn trên cao. Hắn trông thấy những tấm ảnh chụp “Thầy Chips” trong mọi bản tin. Nhưng những bản tin lại chẳng cung cấp được chút thông tin nào về chuyện đang thực sự diễn ra.

Thế ra sự nổi tiếng là thế này đây! Đây là cảm giác của sự nổi tiếng. Hắn rất thích sự nổi tiếng. Đây là điều hắn đã thực hành suốt bao năm qua. *”Chào Mẹ! Xem ai trên ti vi kìa. Là Thắng Bé Hư đấy!”*

Suốt buổi chiều chỉ có một trục trặc nhỏ, đó là cuộc họp báo do FBI tổ chức. Một đặc vụ tên Roger Graham đã phát biểu, và rõ ràng tay đặc vụ này nghĩ mình là ngôi sao. Hắn muốn chút nổi tiếng cho bản thân. “Mày nghĩ đây là bộ phim của mày hả, Graham? Sai rồi nhóc ạ!” Gary Soneji hét vào màn hình. “Ở đây tao là ngôi sao duy nhất!”

Soneji quanh quẩn trong ngôi nhà giữa nông trại suốt nhiều giờ, theo dõi màn đêm chậm chậm buông xuống. Hắn cảm nhận được nhiều kiểu bóng tối khác nhau đang trườn lên nông trại. Bây giờ là bảy giờ, đã đến lúc tiếp tục với kế hoạch lớn của hắn.

“Làm thôi.” Hắn nhanh nhẹn bước quanh ngôi nhà như một võ sĩ sắp thượng đài. “Lên nào.”

Trong chốc lát Soneji nghĩ tới Charles và Anne Morrow Lindbergh, cặp vợ chồng nổi tiếng hắn luôn yêu thích. Điều đó làm hắn bình tĩnh lại đôi chút. Hắn nghĩ về bé con Charles và về anh chàng Bruno Hauptmann tội nghiệp, người rõ ràng đã bị gài trong vụ bắt cóc được sắp đặt và tiến hành một cách cực kỳ khôn ngoan. Soneji tin rằng

vụ liên quan đến gia đình Lindbergh là vụ án nổi tiếng nhất thế kỷ, không chỉ bởi vì nó vẫn chưa có lời giải - có nhiều, rất nhiều vụ án không có lời giải – mà bởi nó vừa là một vụ quan trọng lại vừa không có lời giải.

Soneji tự tin, thực tế và, trên hết là, có quan điểm thực dụng về tuyệt tác của mình. Luôn có chỗ cho “may mắn”. Một “tai nạn may mắn” của cảnh sát có thể xuất hiện. Việc trao đổi tiền mặt trên thực tế có thể có rủi ro. Làm thế nghĩa là có sự liên hệ, mà trong cuộc sống thì liên hệ luôn có độ nguy hiểm rất cao.

Theo kiến thức của Soneji - vốn chẳng khác gì cuốn bách khoa toàn thư - chưa có kẻ bắt cóc nào ở thời hiện đại giải quyết thỏa đáng được vấn đề trao đổi tiền chuộc. Chưa thể coi là thỏa đáng nếu những kẻ bắt cóc muốn được trả tiền cho công sức của mình, và với hai đứa bé triệu đô này, Soneji muốn một khoản công xá hoành tráng.

Đợi cho đến khi chúng nghe về số tiền chuộc.

Suy nghĩ ấy khiến Soneji mỉm cười. Tất nhiên là vợ chồng nhà Dunne nổi tiếng khắp thế giới và gia đình Goldberg đầy quyền lực có thể, và cũng sẽ chịu nhả tiền. Chẳng phải ngẫu nhiên mà hãn chọn hai gia đình có hai đứa con được nuông chiều hết mức cùng nguồn tài sản và quyền lực không giới hạn này.

Soneji đốt một ngọn nến trắng hãn cất ở túi bên của chiếc áo khoác. Tên bắt cóc hít mùi sáp dễ chịu. Rồi hãn bước tới phòng tắm nhỏ cạnh bếp.

Soneji nhớ tới một bài hát cũ của Chambers Brothers, “Đến lúc”. Đã đến lúc... đến lúc... đến lúc tặng tất cả một bài học. Đến lúc... đến lúc... đến lúc... đến lúc dành cho chút ngạc nhiên của hãn, bất ngờ đầu tiên trong rất nhiều bất ngờ. Đến lúc... đến lúc... đến lúc bắt đầu xây dựng huyền thoại của riêng hãn. Đây là bộ phim của hãn.

Căn phòng và cả căn nhà vào cuối tháng Mười hai lạnh như đóng băng. Khi bắt đầu công việc trong phòng tắm, Gary Soneji có thể thấy hơi thở của hãn phả ra thành làn khói.

May là căn nhà bỏ hoang có nước giếng trong phòng tắm. Thực tế là nước rất lạnh. Gary Soneji đốt vài ngọn nến và bắt đầu công việc của hắn. Phải mất nguyên nửa tiếng để hắn hoàn thành.

Trước tiên kẻ bắt cóc gỡ bộ tóc giả màu nâu sẫm đang rụng dần. Hắn đã mua thứ này cách đây ba năm trong một cửa hiệu bán đạo cụ sân khấu ở thành phố New York. Đêm đó hắn đi xem vở kịch *Bóng ma nhà hát*. Hắn yêu thích nhạc kịch Broadway. Soneji đồng cảm với Bóng Ma đến mức việc ấy khiến hắn sợ hãi. Việc đó khiến hắn đọc cả cuốn tiểu thuyết gốc, ban đầu là tiếng Pháp, sau là tiếng Anh.

“Nào, nào, chúng ta có gì đây?” Soneji nói với khuôn mặt trong gương.

Khi lớp keo dính và bụi đã bong hẵn, một mái tóc vàng lộ ra. Những lọn tóc vàng dài lượn sóng.

“Thầy Soneji? Thầy Chips? Có phải thầy không thể, ông bạn?”

Thực ra trông cũng không tệ. Triển vọng đấy chứ, phải không? Đúng, rõ ràng là có triển vọng.

Và chẳng có gì giống Chips. Chẳng có gì giống thầy Soneji của chúng ta.

Bộ ria mép dày mà Gary Soneji đeo từ ngày đến phỏng vấn ở trường Washington Day giờ đã rời ra. Rồi tới cặp kính áp tròng được gỡ ra. Đôi mắt hắn chuyển từ xanh về nâu hạt dẻ.

Gary cầm cây nến đang lụi dần tới chỗ chiếc gương rạn nứt, dơ dáy trong phòng tắm. Hắn dùng ống tay áo khoác lau sạch một góc gương.

“Kìa. Nhìn anh kìa. Giờ hãy nhìn anh. Thiên tài bộc lộ qua tiểu tiết, phải không?”

Tay giáo viên dờ hơi và nhặt nhều của trường tư đó gần như bị xóa bỏ hoàn toàn. Gã đàn ông nhút nhát, kẻ tốt bụng. Thầy Chips đã chết và vĩnh viễn biến mất.

Quả là một màn kịch tuyệt vời. Quả là một kế hoạch hành động táo bạo, và được tiến hành chu đáo. Thật tiếc là sẽ chẳng bao giờ có ai biết những gì đã thực sự diễn ra. Nhưng hẳn có thể nói cho ai chứ?

Gary Soneji rời căn nhà khoảng mười một giờ ba mươi đêm, theo đúng lịch trình đã định. Hắn đi ra gara nằm riêng rẽ ở phía Bắc căn nhà.

Ở một nơi đặc biệt trong gara, nơi rất đặc biệt, Soneji đã giấu năm ngàn đô la tiền tiết kiệm của hắn, khoản dự trữ bí mật của hắn, số tiền hắn đã đánh cắp được qua nhiều năm. Đó cũng là một phần của kế hoạch lớn. Nhìn xa trông rộng.

Rồi hắn đi về hướng nhà kho, về phía chiếc xe của mình. Khi đã vào trong kho, Soneji xem xét tình trạng hai đứa nhỏ lần nữa. Cho đến giờ thì mọi chuyện tuyệt vời.

Không một lời kêu ca từ hai đứa trẻ.

Chiếc Saab nổ máy ngay. Hắn đánh xe ra đường chính, chỉ bật đèn cốt.

Rồi tới quốc lộ, Soneji bật đèn pha. Đêm nay hắn vẫn có việc phải làm. Vở diễn tuyệt tác tiếp tục.

Tuyệt cú mèo.

CHƯƠNG 11

ĐẶC VỤ FBI ROGER GRAHAM sống ở Manassas Park, ở đoạn giữa Washington và Học viện FBI tại Quantico. Graham tạo ấn tượng mạnh với thể hình cao lớn cùng mái tóc màu cát cắt ngắn. Ông đã xử lý nhiều vụ bắt cóc lớn nhưng chưa vụ nào phức tạp như cơn ác mộng hiện tại.

Đến hơn một giờ sáng một chút thì Graham cũng về tới nhà. Căn nhà thấp và trải rộng ra theo phong cách kiến trúc thuộc địa trên một con phố như bao con phố khác ở Manassas Park. Sáu phòng ngủ, ba phòng tắm, một sân lớn rộng hơn nửa héc ta.

Nhưng không may là hôm nay không phải một ngày bình thường. Graham đã mệt mỏi và kiệt sức. Ông thường tự hỏi tại sao mình không đơn giản là chia tay công việc và viết một cuốn sách nữa. Nghỉ hưu sớm và rời Cục. Để quan tâm, tìm hiểu ba đứa con mình trước khi chúng rời khỏi gia đình để ra ở riêng.

Dãy phố nhà ông ở Manassas Park vắng tanh. Những ngọn đèn ngoài hiên nhà nhấp nháy dọc theo con đường, chúng tạo thành một cảnh tượng thân thiện và nhẹ nhõm. Ánh sáng bỗng xuất hiện trên gương chiếu hậu chiếc Ford Bonco của Graham.

Chiếc xe thứ hai đã dừng lại trên con phố phía trước nhà Graham, hai đèn pha sáng lóa. Một người đàn ông bước ra, tay nắm chặt cuốn sổ và vẫy ra hiệu.

“Đặc vụ Graham phải không? Tôi là Martin Bayer của tờ *New York Times*,” người đàn ông gọi to khi bước theo đường dẫn vào nhà. Anh ta chìa thẻ nhà báo ra.

Chúa ơi! Bọn *New York Times* chó chết, Graham nghĩ. Tay phóng viên mặc một bộ com lê màu sẫm, sơ mi sọc mảnh, cà vạt bằng vải sọc gân. Hắn là một tay phóng viên trẻ, đầy triển vọng, đặc trưng của tờ *New York Times* đang thực hiện nhiệm vụ. Tất cả những tay khốn kiếp của tờ *Times* và *Post* trong mắt Graham đều như nhau cả. Không còn những phóng viên thực thụ trong đám người đó nữa.

“Anh đã chạy cả một quãng đường dài tới đây vào giờ này chỉ để nhận một câu ‘miễn bình luận’, anh Bayer ạ. Tôi rất tiếc,” Roger Graham nói. “Tôi không thể cung cấp thông tin gì cho anh về vụ bắt cóc. Thật lòng là không có thông tin nào để cung cấp.”

Graham chẳng hề tiếc, nhưng ai mà muốn có kẻ thù từ *New York Times* chứ. Bọn khốn này có thể dùng ngòi bút độc địa của chúng đâm xuyên từ tai nọ sang tai kia của ta.

“Một câu hỏi, chỉ một câu thôi. Tôi hiểu rằng ông có quyền không trả lời, song nó quan trọng với tôi - cho tôi. Để tôi phải đến đây vào lúc một giờ sáng.”

“Được thôi. Vậy thì hỏi đi. Câu hỏi của anh là gì?” Graham đóng sập cánh cửa chiếc Bronco. Ông khóa cửa xe để đảm bảo an toàn cả đêm, tung chùm chìa khóa lên rồi bắt lấy.

“Tất cả bọn mày đều ngu ngốc và nhút nhát đến không thể tin nổi như thế này à?” Gary Soneji hỏi Graham. “Đó là câu hỏi của tao, Graham khoác lác ạ.”

Một lưỡi dao dài và sắc ngay lập tức vung về phía trước. Rồi một lần nữa. Lưỡi dao cửa đi cửa lại quanh cổ họng Roger Graham.

Nhát thứ nhất đẩy ông vào chiếc Ford Bronco. Nhát thứ hai cửa đứt động mạch cảnh. Graham sụp xuống chết ngay trên đường dẫn vào nhà. Không đủ thời gian để né, bỏ chạy hay thậm chí thốt lên một lời cầu nguyện.

“Người ta cứ tưởng mày là một *ngôi sao* ghê gớm, Roger. Mày muốn trở thành *ngôi sao*, đúng không? Tao chẳng thấy bằng chứng nào của việc ấy. Không, hoàn toàn không,” Soneji nói. “Lẽ ra mày

phải giỏi hơn thế này. Tao muốn kẻ giỏi nhất, khôn ngoan nhất thách đấu mình.”

Soneji cúi thấp người và nhét một tấm phiếu làm mục lục vào túi áo ngực trên chiếc sơ mi trắng của đặc vụ Graham. Thủ phạm vỗ vào ngực viên đặc vụ đã lừa đời. ”Nào, một tay phóng viên *New York Times* có thực sự tới đây lúc một giờ sáng không, đồ khốn ngạo mạn? Chỉ để nói chuyện với thằng chó khăm như mày ấ à?”

Rồi Soneji đánh xe rời hiện trường án mạng. Cái chết của đặc vụ Graham chẳng phải chuyện to tát gì với tên bắt cóc. Không thực sự to tát. Trước vụ này hắn đã giết hơn hai trăm người. Làm nhiều quen tay. Đây cũng sẽ không phải trường hợp cuối cùng.

Nhưng vụ này sẽ khiến mọi người thức tỉnh. Soneji chỉ hy vọng rằng cảnh sát có người nào đó giỏi hơn đang đợi sau cánh gà.

Nếu không thì niềm vui ở đâu? Thách thức ở đâu? Làm thế nào để vụ này còn lớn hơn vụ bắt cóc Lindbergh?

CHƯƠNG 12

TÔI TRỞ NÊN đa cảm sau vụ hai đứa trẻ bị bắt cóc. Đêm đầu tiên, giấc ngủ của tôi chập chờn và đầy kích động. Trong mơ, tôi thấy lại nhiều cảnh tệ hại trong ngôi trường đó. Liên tục thấy Mustaf Sanders. Đôi mắt buồn của thằng bé chăm chăm nhìn tôi, khẩn cầu sự giúp đỡ từ tôi nhưng chẳng nhận được gì.

Tôi tỉnh giấc và nhận ra hai đứa con đang nằm trên giường mình. Chắc chắn là lúc sáng sớm hai đứa đã chui lên đây. Đó là một trong những trò hai đứa thích, trò đùa nhỏ của chúng với “Bố Bự”.

Damon và Janelle đang ngủ say trên một chiếc chăn may từ nhiều mảnh. Đêm qua tôi mệt mỏi đến mức không buồn kéo nó ra khỏi giường. Hẳn là mấy bố con trông giống như hai thiên thần đang nghỉ ngơi và một con ngựa kéo ngã quỵ.

Damon sáu tuổi và luôn làm tôi nhớ rằng mẹ nó đã đặc biệt thế nào. Nó có đôi mắt của Maria. Jannie là cục cưng thứ hai của tôi. Con bé bốn tuổi, đang lớn nhanh như thổi. Nó thích gọi tôi là “Bố Bự”, nghe giống như tiếng lóng của người da đen mà nó đã sáng tạo ra. Hình như ở kiếp trước nó đã biết ngôi sao bóng bầu dục “Bố Bự” Lipscomb.

Trên giường còn có một cuốn sách của William Styron nói về nỗi u uất của mình, cuốn *Bóng tối hiện hữu* mà tôi đang đọc. Tôi hy vọng nó sẽ mang lại được chút manh mối giúp tôi vượt qua nỗi u uất của chính mình - thứ đã làm tôi khốn khổ kể từ khi Maria bị giết. Ba năm qua với tôi dài như thể hai mươi năm.

Điều thực sự khiến tôi tỉnh giấc sáng nay là những ánh đèn pha quét qua rèm cửa sổ. Tôi nghe tiếng cửa xe hơi đóng mạnh và những

tiếng chân lạo xạo bước nhanh trên sỏi ngoài lối dẫn vào nhà. Cần thận không làm lũ trẻ tỉnh giấc, tôi nhẹ nhàng bước ra cửa sổ phòng ngủ.

Tôi nhòm xuống hai chiếc xe tuần tra của cảnh sát D.C. đậu phía sau chiếc Porsche cũ ở lối dẫn vào nhà. Bên ngoài có vẻ lạnh kinh khủng. Chúng tôi mới chỉ bước vào thời kỳ lạnh nhất của mùa đông ở D.C.

“Để tôi nghỉ chút đi,” tôi lăm bằm nói vào rèm cửa sổ lạnh buốt. “Biến đi.”

Sampson đang hướng về phía cửa sau dẫn vào bếp nhà tôi. Đồng hồ cạnh giường chỉ năm giờ kém hai mươi. Đến giờ đi làm rồi.

Lúc sáu năm giờ, Sampson và tôi rẽ vào một tòa nhà xây bằng đá cát kết nâu từ trước Thế chiến giờ đang xuống cấp nằm ở Georgetown, cách phố M một dãy nhà về phía Tây. Chúng tôi quyết định tự kiểm tra căn hộ của Soneji. Cách duy nhất để mọi việc được thực hiện đúng là tự mình thực hiện.

“Tất cả đèn đều bật. Có vẻ ai đó đang ở trong nhà,” Sampson nói khi chúng tôi bước ra khỏi xe. “Bây giờ đó có thể là ai nhỉ?”

“Có ba phán đoán. Hai phán đoán đầu không tính,” tôi lăm bằm. Tôi vẫn đang bị ảnh hưởng của cảm giác khó chịu từ sáng sớm. Một chuyến đi tới hang ổ của quỷ cũng sẽ chẳng có tác dụng gì.

“FBI. Có lẽ Efrem Zimbalist, Jr. đang ở đó,” Sampson đoán. “Có thể họ đang quay *Những câu chuyện có thật từ FBI*.”

“Ta vào xem thôi.”

Chúng tôi đi vào tòa nhà và theo một cầu thang hẹp xoáy tròn ốc dẫn lên trên. Đến tầng hai, những dây băng vàng bảo vệ hiện trường đã được mắc thành hình dích dắc dẫn từ hành lang tới cửa căn hộ của Soneji. Nơi này trông không giống như chỗ ở của “Thầy Chips”. Có lẽ giống nơi ở của một Richard Ramirez hay sát thủ sông Green hơn.

Cánh cửa gỗ sứt sẹo đang mở. Tôi có thể thấy hai nhân viên kỹ thuật của FBI làm việc ở phía trong. Từ một chiếc đài trên sàn, một tay DJ sống ở khu vực này, người có biệt danh là *Người Mơ*, đang tạo ra những âm thanh chói tai.

“Này Pete, đang làm gì thế?” tôi gọi vào trong. Tôi biết một trong hai nhân viên kỹ thuật đang làm việc, Pete Schweitzer. Anh ngược lên khi nghe thấy giọng tôi.

“Chà, xem ai ở đây nào. Xin đón chào quý vị tới với kênh Inner Sanctum*.”

“Chúng tôi tới để làm phiền các anh. Xem mọi chuyện thế nào,” Sampson nói. Trước đây cả hai chúng tôi đều từng làm việc với Pete Schweitzer, quý và tin tưởng anh như ta có thể tin bất cứ người nào của FBI.

“Mời vào và hãy tự nhiên tại hang ổ của Soneji. Đây là anh bạn chuyên tìm kiếm và đóng gói của tôi, Todd Toohey. Todd thích nghe *Người Mơ* vào buổi sáng. Đây là hai tay quỹ quái giống như bọn mình đây, Toddie.”

“Loại đỉnh nhất đấy,” tôi nói với Todd Toohey. Tôi đã bắt đầu ngó nghiêng quanh căn hộ. Một lần nữa mọi thứ lại có cảm giác không thật. Trong đầu tôi có gì đó rất lạ, như linh cảm thấy chuyện gì không hay sắp xảy ra. Thời điểm kỳ lạ.

Căn hộ nhỏ một phòng này cực kỳ lộn xộn. Không có đồ nội thất nào cả - chỉ thấy một tấm nệm trần trên sàn, một chiếc bàn và đèn ngủ ở đầu giường, một chiếc ghế xô pha trông như nhặt từ ngoài đường về - nhưng sàn thì bày la liệt đủ thứ.

Những tấm ga nhăn nhúm, khăn mặt, đồ lót chiếm một phần đáng kể trong đống lộn xộn. Đồ thay ra đủ nhét đầy hai, ba sọt quần áo nằm vương vãi trên sàn nhà. Nhưng phần lớn vẫn là sách và tạp chí. Vài trăm cuốn sách và ít nhất cũng chừng đó cuốn tạp chí được xếp đầy trong căn hộ một phòng này.

“Đến giờ có gì đáng quan tâm không?” tôi hỏi Schweitzer. “Các anh đã kiểm tra hết thư viện của hãn chưa?”

Schweitzer nói chuyện với tôi mà không ngước mắt khỏi chồng sách anh đang rắc bột để tìm dấu vân tay. “Mọi thứ đều đáng quan tâm. Kiểm tra đồng sách xếp dọc tường đi. Cũng phải tính đến chuyện anh bạn bảnh chọe của ta *đã lau sạch toàn bộ căn hộ chết tiệt này* trước khi đánh bài chuồn nữa.”

“Hãn đã làm tốt chứ? Đạt tiêu chuẩn của các anh không?”

“Làm tuyệt vời. Bản thân tôi có làm cũng không thể tốt hơn được. Bọn tôi chưa tìm được một phần dấu vân tay nào ở bất cứ đâu. Thậm chí không có trong bất kỳ một cuốn nào trong những cuốn sách chết tiệt kia.”

“Có khi hãn đã đeo găng tay khi đọc,” tôi đề đạt.

“Tôi nghĩ có thể hãn đã làm thế. Tôi nghĩ anh đếch nên làm thế. Nơi này được một tay chuyên nghiệp rắc bột rồi đấy, Alex.”

Bây giờ thì tôi đã cúi xuống gần vài chồng sách. Tôi đọc tựa trên vài gáy sách. Hầu hết là sách phi hư cấu trong khoảng năm năm gần đây.

“Một tên hâm mộ sách viết về những vụ án có thật,” tôi nói.

“Nhiều, rất nhiều những câu chuyện về các vụ bắt cóc,” Schweitzer đáp. Anh ngước lên và chỉ tay. “Bên mé phải giường, gần đèn đọc sách ấy. Đó là sách viết về các vụ bắt cóc.”

Tôi bước đến và nhìn lên những cuốn sách. Hầu hết là sách đánh cắp từ thư viện ở Georgetown. Tôi cho rằng chắc hãn Soneji có thể để được vào tận giá sách. Hãn từng là sinh viên sao? Hay có thể là một giảng viên?

Trên bức tường trống phía trên thư viện riêng toàn sách bắt cóc của Soneji có dính vài tờ giấy in từ máy tính. Tôi bắt đầu đọc theo các danh sách.

Aldo Moro. Bị bắt cóc ở Rome. Năm vệ sĩ bị giết trong vụ bắt cóc này. Thi thể của Moro được tìm thấy trong một chiếc xe hơi bỏ không.

Jack Teich, được thả sau khi đã trả 750.000 đô la.

J. Reginald Murphy, chủ bút tờ Atlanta Constitution, được thả sau khi trả 700.000 đô la.

J. Paul Getty đệ tam, được thả ở miền Nam Italia sau khi trả 2.800.000 triệu đô la tiền chuộc.

Bà Virginia Piper ở Minneapolis được phóng thích sau khi chồng chi 1.000.000 đô la.

Victor E. Samuelson được thả tự do ở Argentina sau khi chi 14,2 triệu đô la tiền chuộc.

Tôi huýt sáo khi thấy những con số trên bảng danh sách của Soneji. Hẳn sẽ đòi hỏi gì để đổi lấy Maggie Rose Dunne và Michael Goldberg?

Chỗ này thật sự hẹp, và không có nhiều không gian để Soneji lau sạch các dấu vân tay. Thế nhưng Schweitzer nói rằng hẳn không để lại một dấu vết gì. Tôi tự hỏi liệu Soneji có từng là cảnh sát không. Đó đúng là một cách lên kế hoạch gây án, và có thể cải thiện cơ hội tẩu thoát nhờ nó.

“Vào đây một phút.” Sampson đang ở trong phòng tắm nằm tách riêng ở một bên của căn hộ một phòng này.

Những bức tường dán đầy ảnh cắt từ các tạp chí, báo, bìa đĩa nhạc, bìa ngoài sách. Soneji đã để lại cho chúng tôi điều ngạc nhiên cuối cùng. Không có dấu vân tay nào, nhưng hẳn đã viết nguệch ngoạc một thông điệp. Ngay trên chiếc gương là một thông điệp viết theo kiểu chữ in: *TAO MUỐN LÀ AI ĐÓ!*

Trên các bức tường là cả một triển lãm. Tôi thấy River Phoenix. Rồi Matt Dillon. Có các bức ảnh từ sách của Helmut Newton. Tôi nhận ra kẻ đã giết Lennon, Mark David Chapman. Và Axl Rose, Pete

Rose cũng ở trên tường. Cùng Neon Deion Sanders. Wayne Williams cũng ở đó. Và các bài báo. Hỏa hoạn ở câu lạc bộ Happy Land tại thành phố New York. Một bài viết trên tờ *New York Times* về vụ bắt cóc Lindbergh. Một bài về vụ bắt cóc Samuel Bronfman - người thừa kế của Seagram, và một bài viết về đứa nhỏ mất tích Etan Patz.

Tôi nghĩ về tên bắt cóc Soneji, hoàn toàn một mình trong căn hộ tiêu điều của hắn. *Hắn đã cẩn thận lau sạch từng phân để xóa hết dấu vân tay. Bản thân căn phòng rất nhỏ, như phòng tu. Hắn là một tay ham đọc sách, hay ít nhất cũng thích có sách quanh mình. Rồi đến bức tường trưng bày ảnh của hắn. Điều đó nói với chúng tôi điều gì? Các đầu mối? Hay đánh lạc hướng?*

Tôi đứng trước tấm gương phía trên bồn rửa và chăm chăm nhìn nó theo đúng cái cách mà tôi biết hắn đã làm rất, rất nhiều lần. Tôi sẽ thấy gì? Gary Soneji đã thấy gì?

“Đây là hình ảnh *của hắn* trên tường - gương mặt trong tấm gương này,” tôi nêu ra một giả thuyết với Sampson. “Bức ảnh mẫu chốt, bức ở chính giữa. Hắn muốn làm ngôi sao của tất cả những thứ này.”

Sampson đang đứng tựa vào bức tường dán những tấm ảnh và các mẫu báo.

“Tại sao lại không có dấu vân tay, Tiến sĩ Freud?”

“Hắn hẳn phải biết rằng chúng ta đã lưu vân tay của hắn trên hồ sơ năm đầu đó. Tôi nghĩ rằng có lẽ khi ở trường hắn đã cải trang. Có thể hắn dùng đồ hóa trang trước khi đến trường. Có thể hắn từng là diễn viên sân khấu. Tôi không nghĩ chúng ta từng nhìn thấy mặt thật của hắn.”

“Tôi nghĩ thằng cha này có những kế hoạch lớn. Dứt khoát hắn muốn làm một ngôi sao,” Sampson nói.

Tao muốn là ai đó!

CHƯƠNG 13

MAGGIE ROSE DUNNE thức giấc sau giấc ngủ lạ lùng nhất trong đời nó. Những giấc mơ kinh khủng không thể tả nổi.

Con bé cảm thấy như thể mọi thứ xung quanh mình đang ở trạng thái quay chậm. Nó khát. Nó mót tiểu kinh khủng.

Sáng nay con mệt quá mẹ ạ. Làm ơn đi! Con không muốn dậy. Hôm nay con không muốn đi học. Xin mẹ đấy. Con cảm thấy không khỏe. Nói thật là con thực sự cảm thấy không khỏe, mẹ ạ.

Maggie Rose mở bừng hai mắt. Ít nhất nó cũng nghĩ nó đã mở hai mắt, nhưng con bé chẳng trông thấy gì. Không một thứ gì.

“Mẹ ơi! Mẹ ơi! Mẹ ơi!” Rốt cuộc Maggie hét lên và không thể ngừng lại.

Trong suốt một giờ sau đó, ít nhất cũng phải dài chừng ấy, con bé hết tỉnh dậy rồi lại ngất đi. Nó cảm thấy toàn thân yếu ớt. Nó bỗng bênh như một chiếc lá trên dòng sông rộng lớn nhất. Những dòng chảy cuốn con bé tới bất cứ nơi nào chúng muốn.

Maggie nghĩ về mẹ mình. Mẹ nó có biết con gái mình đã biến mất không? Bây giờ mẹ nó có đang tìm nó không? Chắc hẳn mẹ nó đang tìm nó.

Hình như ai đó đã cắt bỏ hai chân và hai tay của Maggie. Nó không thể cảm nhận được chúng. Chắc hẳn cũng thế này từ khá lâu rồi.

Xung quanh tối đen. Ất hẳn con bé đã bị chôn dưới đất. Chắc hẳn nó đang thối rữa, đang dần trở thành một bộ xương. Đó phải chăng là lý do nó không thể cảm nhận được chân tay mình?

Mình sẽ như thế này mãi mãi sao? Con bé không thể chịu đựng được điều đó, và nó lại khóc. Nó rất bối rối. Nó không thể suy nghĩ được gì.

Nhưng Maggie Rose *có thể* mở và nhắm hai mắt. Ít nhất nó *nghĩ* là nó có thể. Nhưng nó có nhắm hay mở mắt thì cũng chẳng khác gì. Mọi thứ đều là bóng tối. Nhắm hay không cũng đều thế cả.

Cứ làm đi làm lại việc ấy, mở rồi nhắm mắt thật nhanh, Maggie thấy màu sắc.

Bây giờ, bên trong bóng tối, nó trông thấy những vệt, những giọt nước mắt có màu. Chủ yếu là màu đỏ và vàng tươi.

Maggie băn khoăn liệu nó bị siết đai hay bị trói chặt hay không. Đó có phải việc người ta thực sự làm với người nằm trong quan tài không? Họ có trói ta lại không? Tại sao họ làm việc ấy? Để ta khỏi chui lên mặt đất? Hay để giữ cho linh hồn ta mãi ở dưới lòng đất?

Đột nhiên con bé nghĩ ra một điều. Thầy Soneji. Màn sương xoáy quanh Maggie tan đi trong một tích tắc.

Thầy Soneji đã đưa nó ra khỏi trường. Chuyện ấy diễn ra khi nào? Tại sao? Bây giờ thầy Soneji ở đâu?

Còn Michael nữa! Chuyện gì đã xảy ra với Michael? Hai đứa đã cùng nhau rời khỏi trường. Maggie chỉ nhớ được có vậy.

Rồi nó cử động, và điều ngạc nhiên nhất xảy ra. Con bé phát hiện rằng *nó có thể lăn người được*.

Đó là việc Maggie Rose đã làm. Nó lăn người đi, rồi đột nhiên chạm vào thứ gì đó.

Một lần nữa nó có thể cảm nhận được toàn bộ cơ thể mình. Nó vẫn có một cơ thể để cảm nhận. Con bé tuyệt đối chắc chắn rằng mình còn có cơ thể và rằng mình không phải một bộ xương.

Và Maggie hét lên!

Nó đã lăn vào *một người hoặc thứ gì đó*.

Một người khác đang ở trong bóng tối cùng nó.

Michael?

Chắc chắn phải là Michael rồi.

“*Michael?*” Giọng Maggie thấp như một lời thì thào. “Michael à? Cậu đó phải không?”

Nó đợi câu trả lời.

“Michael?” Maggie thì thào to hơn.

“Thôi nào, Michael. Làm ơn nói với tớ đi.”

Dù là ai thì người đó cũng không trả lời. Thế này còn đáng sợ hơn khi chỉ có một mình.

“Michael... Tớ đây mà... Đừng sợ... Maggie đây... Michael, làm ơn thức dậy đi.”

“Ôi, Michael, làm ơn đi... Làm ơn đi mà, Nhãi Con. Tớ chỉ đùa về đôi giày ngổ ngẩn ở trường của cậu thôi. Thôi nào Michael. Nói với tớ đi, Nhãi Con. Nhóc con New York đây.”

CHƯƠNG 14

NGÔI NHÀ CỦA GIA ĐÌNH DUNNE là thứ mà các chuyên gia bất động sản ở khu này có thể gọi là nhà kiểu tân Elizabeth theo trường phái Lutyens. Cả Sampson và tôi đều chưa từng thấy nhiều ngôi nhà kiểu này ở Đông Nam D.C.

Ở bên trong, ngôi nhà có sự tĩnh lặng và đa dạng mà có lẽ ta thường thấy ở những gia đình giàu có. Có rất nhiều đồ đắt tiền. Các tấm trang trí, màn kiểu phương Đông, một chiếc đồng hồ mặt trời của Pháp, một tấm thảm Turkestan, một thứ gì đó trông như bệ thờ của người Nhật Bản hay Trung Quốc. Tôi nhớ có lần Picasso đã nói: "Hãy cho tôi một bảo tàng, tôi sẽ lắp kín nó".

Có một nhà vệ sinh nhỏ bên cạnh một trong những phòng khách chính. Trưởng phòng thanh tra George Pittman tóm lấy và lôi tôi vào đó sau khi tôi có mặt vài phút. Bây giờ mới là tám giờ. Hãy còn quá sớm cho việc đó.

"Anh nghĩ anh đang làm gì thế?" ông ta hỏi tôi. "Anh định làm gì, Cross?"

Phòng vệ sinh này thực sự chật chội, chẳng có không gian cho hai tay đàn ông trưởng thành to con. Đây cũng chẳng phải nhà vệ sinh loại bình thường nữa. Sàn trải thảm William Morris. Một chiếc ghế thuộc dạng "hàng thừa" đặt ở góc phòng.

"Tôi nghĩ tôi định đi lấy ít cà phê. Rồi tôi sẽ dự cuộc họp buổi sáng," tôi nói với Pittman. Tôi rất muốn thoát khỏi nhà vệ sinh này.

"Đừng có lảng nhảng với tôi." Ông ta bắt đầu cao giọng. "Đừng vớ vẩn với tôi."

Ồ, đừng có làm thế, tôi muốn nói với ông ta như vậy. *Đừng tạo ra cảnh tượng ghê gớm, đáng sợ ở đây nhé.* Tôi nghĩ đến việc dìu đầu ông ta xuống bồn cầu chỉ để ông ta ngậm miệng lại.

“Hạ cái giọng xuống, không là tôi bỏ đi đấy,” tôi nói. Gần như lúc nào tôi cũng phải cố gắng hành xử một cách biết điều và hợp lý. Đó là một trong những khiếm khuyết trong tính cách của tôi.

“Đừng có bảo tôi phải hạ giọng. Thằng chó chết nào bảo các anh về nhà đêm qua? Anh và Sampson. Ai bảo các anh sáng nay tới căn hộ của Soneji?”

“Chỉ có vậy mà ông nói tôi thế này hả? Đó là lý do bây giờ chúng ta ở trong này với nhau à?” tôi hỏi.

“Đúng thế đấy. Tôi đang chỉ đạo cuộc điều tra này. Nghĩa là thậm chí khi muốn buộc dây giày, anh cũng phải hỏi tôi trước.”

Tôi cười nhả nhổ. Tôi không thể ngừng lại. “Ông học được câu ấy ở đâu thế? Có phải Lou Gossett nói câu đó trong phim *Sĩ quan và Quý ông* không vậy?”

“Anh nghĩ là chuyện này vui vẻ lắm hả, Cross?”

“Không, tôi không nghĩ thế. Tôi không nghĩ có chút gì vui. Bây giờ thì ông hãy mang cái thứ chó chết ấy tránh xa cái mặt tôi ra, nếu không ông sẽ chẳng còn cái chó chết gì mà lôi ra đâu,” tôi cảnh cáo ông ta.

Tôi bỏ ra khỏi nhà vệ sinh. Trưởng phòng thanh tra Pittman không đi theo. *Đúng*, tôi có thể bị khiêu khích. *Không*, tên dê tiện đó không nên gây chuyện với tôi.

Sau tám giờ một chút, rốt cuộc Đội Giải cứu Con tin cũng tập họp trong phòng khách lớn được bài trí trang lệ. Ngay lập tức tôi cảm nhận được điều gì đó không ổn. Chắc chắn đang có chuyện gì đó.

Jezzie Flanagan của Sở Mật vụ đã chiếm vị trí phát biểu. Tôi nhớ vì cô đã xuất hiện sáng hôm trước ở trường Washington Day. Jezzie

đứng trước lò sưởi đang cháy.

Mặt lò sưởi treo các nhánh nhựa ruồi, đèn nhỏ màu trắng, các tấm thiệp mừng Giáng sinh. Nhiều tấm thiệp không theo phong cách truyền thống rõ ràng được gửi từ bạn bè của gia đình Dunne ở California - ảnh những cây cọ được trang trí, xe tuần lộc của ông già Noel trên bầu trời Malibu. Gia đình Dunne mới chuyển tới Washington sau khi Thomas Dunne nhận chức chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.

Jezzie Flanagan ăn mặc nghiêm túc hơn hôm ở trường. Cô mặc chiếc váy rộng màu xám, áo len đen cổ lọ, đeo đôi khuyên tai nhỏ bằng vàng. Trông cô như một luật sư ở Washington, một luật sư hấp dẫn và rất thành đạt.

“Nửa đêm hôm qua Soneji đã liên lạc với chúng ta. Rồi một lần nữa vào lúc một giờ. Chúng ta đã không trông đợi hã liên lạc với chúng ta sớm đến thế. Không ai trong chúng ta trông đợi như vậy,” Jezzie mở lời.

“Cú điện thoại đầu tiên xuất phát từ một khu vực ở Arlington. Soneji nói rõ rằng hã không có gì để nói về hai đứa trẻ, trừ một điều là cả Maggie Dunne và Michael Goldberg đều đang ổn. Tên bắt cóc còn nói được gì khác cơ chứ? Hã không cho phép chúng ta nói chuyện với đứa nào, thế nên chúng ta không chắc chắn về tuyên bố của hã. Giọng Soneji cho thấy hã minh mẫn và rất tự chủ”

“Đã phân tích băng ghi âm giọng nói của hã chưa?” Pittman hỏi từ ghế ngồi gần hàng đầu. Nếu Sampson và tôi là những kẻ bị đẩy ra ngoài cuộc, thì thật tốt khi biết rằng Pittman cũng chẳng hơn gì chúng tôi. Rõ ràng là chẳng người nào nói chuyện với ông ta cả.

“Việc đó đang được thực hiện,” Flanagan trả lời một cách lịch thiệp. Cô dành cho câu hỏi đó vừa đủ sự chú ý mà nó xứng đáng, tôi nghĩ, nhưng cũng tránh bất kỳ sự nhún nhường nào. Cô thực sự giỏi trong việc kiểm soát bản thân.

“Thực tế là hăn nói chuyện bao lâu?” Luật sư Richard Galletta của Bộ Tư pháp là người đặt câu hỏi tiếp theo.

“Tiếc là không lâu lắm. Chính xác là ba mươi tư giây,” Flanagan đáp lời viên luật sư với sự trang trọng vừa đủ. Bình thản nhưng đủ dễ chịu. Khôn ngoan.

Tôi quan sát Jezzie Flanagan. Rõ ràng cô cảm thấy thoải mái khi đứng trước nhiều người. Tôi đã nghe nói rằng cô có được sự tín nhiệm nhờ một số chủ trương mạnh mẽ của Sở Mật vụ trong vài năm qua, điều đó nghĩa là cô rất có uy tín.

“Hăn đã cao chạy xa bay khi chúng ta đến được buồng điện thoại công cộng ở Arlington. Chúng ta không thể sớm gặp may đến thế,” cô nói. Cô thoáng cười, và tôi nhận thấy rằng có vài người đàn ông trong phòng cười đáp lại.

“Theo cô thì tại sao hăn thực hiện cuộc gọi đó?” Cảnh sát trưởng đặt câu hỏi từ phía cuối của căn phòng. Đầu ông ta đang cúi dần, bụng phệ, miệng rít tẩu thuốc.

Flanagan thở dài. “Xin hãy để tôi tiếp tục. Thật không may là còn có nhiều vấn đề hơn cuộc gọi ấy. Đêm qua Soneji đã giết đặc vụ FBI Roger Graham. Vụ việc diễn ra ngay phía ngoài nhà của Graham ở Virginia, ngay ở lối dẫn vào nhà.”

Thật khó làm rung động một nhóm nhiều kinh nghiệm như nhóm được tập trung ở nhà của gia đình Dunne. Nhưng thông tin về vụ giết Roger Graham đã làm được điều ấy: tôi biết bởi vì thông tin này làm hai chân mình nhũn ra. Trong vài năm qua Roger và tôi đã có lúc sát cánh bên nhau. Bất kỳ khi nào làm việc với ông, tôi luôn biết rằng sau lưng mình đã có hỗ trợ. Không phải tôi cần một lý do khác để có động cơ săn tìm Soneji, nhưng bây giờ hăn đã cho tôi một lý do xứng đáng.

Tôi băn khoăn liệu Soneji có biết điều đó hay không. Và nó có ý nghĩa ra sao nếu hăn biết điều ấy. Với tư cách một nhà tâm lý học, tôi cảm giác được sự đáng sợ từ tên sát thủ. Cảm giác đó cho tôi biết rằng Soneji có đầu óc tổ chức, có đủ tự tin để chơi với chúng tôi, và sẵn

sàng giết người. Điều đó không phải điềm lành cho Maggie Rose Dunne và Michael Goldberg.

“Hắn để lại một thông điệp hết sức rõ ràng cho chúng ta,” Flanagan tiếp tục. “Thông điệp được đánh máy trên một tấm phiếu làm mục lục hoặc thứ gì đó giống như tấm thẻ thư viện. Thông điệp dành cho tất cả chúng ta. Nó có nội dung thế này ‘*Roger Graham ngạo mạn nghĩ hắn ghê gớm. Thực ra, rõ ràng hắn không phải người như thế. Nếu bọn mày đang xử lý vụ này, bọn mày đang gặp phải nguy hiểm lớn!..*’ Thông điệp này có chữ ký. Hắn tự gọi mình là Con Trai Nhà Lindbergh.”

CHƯƠNG 15

BÁO CHÍ NGAY LẬP TỨC nhảy vào viết về vụ bắt cóc một cách chớp giật và đầy ác ý. Một trong những tờ báo ra buổi sáng giật tít ngay trang đầu: *CÁC CẬN VỆ CỦA SỞ MẬT VỤ BỎ ĐI UỐNG CÀ PHÊ*. Đám báo chí vẫn chưa biết gì về việc đặc vụ Roger Graham bị sát hại. Chúng tôi đang cố gắng ngăn chặn chuyện này.

Những tin tức sáng hôm nay xoáy vào việc làm thế nào mà hai đặc vụ của Sở Mật vụ là Charles Chakely và Michael Devine lại bỏ vị trí của mình tại ngôi trường tư. Thực tế là khi các lớp đang học, họ đã ra ngoài để ăn sáng. Với dạng nhiệm vụ này thì làm việc đó là hoàn toàn đúng quy định. Tuy nhiên buổi nghỉ giải lao uống cà phê này có giá rất đắt. Nó sẽ khiến Chakely và Devine mất chức, thậm chí mất cả sự nghiệp.

Trên một khía cạnh khác, cho tới giờ Pittman không điều động Sampson và tôi nhiều lắm. Chuyện này đã diễn ra hai ngày. Khi được thả cho tự do, Sampson và tôi tập trung vào những dấu vết rất mờ nhạt mà Gary Soneji để lại. Tôi lần theo những cửa hàng trong khu vực, nơi người ta có thể mua đồ trang điểm và những thứ đồ hóa trang. Sampson tới thư viện Georgetown nhưng chẳng có ai ở đó từng trông thấy Soneji. Họ thậm chí không nhận ra là có những cuốn sách đã bị đánh cắp từ giá sách của mình.

Soneji đã biến mất thành công. Khó hiểu hơn, dường như hắn chưa bao giờ tồn tại trước khi đảm nhận công việc ở trường Washington Day.

Không có gì ngạc nhiên khi hắn đã làm giả hồ sơ việc làm và nhiều thư giới thiệu. Hắn đã hoàn thành từng bước đi một cách thành

thạo như chúng tôi từng chứng kiến trong các vụ lừa đảo. Hẳn không để lại bất kỳ dấu vết nào.

Soneji đã rất trơ tráo và cực kỳ tự tin về việc giành được vị trí của hẳn ở trường này. Một người (không có thật) được coi là ông chủ trước đó của Soneji đã liên hệ với trường Washington Day và tha thiết giới thiệu Soneji, người khi ấy chuẩn bị chuyển tới sống ở khu vực Washington. Nhiều thư giới thiệu khác từ cả chương trình đào tạo đại học và sau đại học được gửi qua fax từ Đại học Pennsylvania. Sau hai cuộc phỏng vấn đầy ấn tượng, nhà trường rất muốn tuyển tay giáo viên hăng hái và dễ coi này (và bị Soneji dắt mũi cho tin rằng họ đang phải cạnh tranh hẳn với các trường tư khác ở Washington), do vậy họ lập tức tuyển Soneji.

“Và tất nhiên là chúng tôi chưa bao giờ ân hận về việc tuyển dụng Soneji, cho đến tận lúc này,” vị hiệu phó thừa nhận với tôi. “Hẳn thậm chí còn làm tốt hơn những gì được giới thiệu. Nếu thực sự tên bắt cóc không phải giáo viên toán trước khi tới trường này, tôi sẽ hoàn toàn bất ngờ. Nếu đúng thế thì hẳn quả là một diễn viên kiệt xuất.”

Cuối buổi chiều ngày thứ ba, tôi nhận được một văn bản từ Don Manning - một trong các phó phòng của Pittman. Tôi được lệnh nghiên cứu và đánh giá Katherine Rose Dunne cùng chồng cô. Trước đây tôi đã một vài lần tự liên hệ với gia đình Dunne nhưng đều bị khước từ.

Tôi gặp Katherine và Thomas Dunne ở sân sau của căn nhà. Một bức tường bằng đá xám cao ba mét - một thứ hữu hiệu trong việc ngăn cách nơi này với thế giới bên ngoài. Một hàng cây đoan khổng lồ cũng làm nhiệm vụ tương tự. Trên thực tế, sân sau gồm nhiều khoảnh vườn được ngăn cách bởi những bức tường đá và một con suối lững lờ chảy. Các khoảnh vườn này có người chăm sóc riêng - một cặp vợ chồng trẻ từ Potomac rõ ràng đã có được cuộc sống khấm khá nhờ việc chăm

sóc cho những khu vườn quanh thành phố. Chắc hẳn những người làm vườn này kiếm được nhiều tiền hơn tôi.

Katherine Rose mặc một chiếc áo len cổ chữ V, quàng một chiếc khăn cũ bằng lông lạc đà bên ngoài áo bò. Hình như cô có thể mặc bất kỳ thứ gì mình muốn mà vẫn đẹp, tôi nghĩ khi chúng tôi cùng bước bên ngoài.

Gần đây tôi đọc được thông tin ở đâu đó rằng Katherine Rose vẫn còn được coi là một trong những phụ nữ đẹp nhất thế giới. Cô đã đóng một loạt phim kể từ sau khi sinh Maggie Rose nhưng không hề đánh mất chút nhan sắc nào, theo tôi quan sát thì thế. Thậm chí trong khi lo lắng cực độ thì vẻ đẹp của cô vẫn nguyên vẹn.

Chồng cô - Thomas Dunne - là một luật sư tiếng tăm trong lĩnh vực giải trí tại Los Angeles khi hai người gặp nhau. Trước đây ông đã tham gia vào Tổ chức Hòa bình xanh và Cứu lấy thế giới. Sau khi ông trở thành chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Mỹ, gia đình đã chuyển tới Washington.

“Ông đã tham gia xử lý các vụ bắt cóc khác chứ, thanh tra?” Thomas Dunne muốn biết. Ông đang cố gắng tìm hiểu xem tôi ở vị trí nào. Tôi có quan trọng hay không? Tôi có thể giúp gì cho con gái họ không? Ông hơi thiếu tế nhị, nhưng tôi nghĩ mình không thể trách móc Thomas trong những hoàn cảnh thế này.

“Khoảng hơn chục vụ,” tôi đáp. “Ông bà có thể nói cho tôi một chút về Maggie chứ? Điều đó có thể có ích. Chúng tôi càng biết nhiều thì cơ hội tìm thấy Maggie càng cao.”

Katherine Rose gật đầu. “Tất nhiên chúng tôi sẽ nói, thanh tra Cross. Chúng tôi đã cố gắng nuôi dạy Maggie càng bình thường càng tốt,” cô nói. “Đó là một trong những lý do rồi cuộc chúng tôi quyết định chuyển về Bồ Đông.”

“Tôi không biết liệu tôi có gọi Washington là một nơi bình thường để người ta lớn lên hay không. Nơi đây không hẳn là thị trấn

yên ả Mayberry.” Tôi mỉm cười với hai vợ chồng. Vì một lý do nào đó, câu nói ấy bắt đầu phá vỡ khoảng cách giữa chúng tôi.

“So với Beverly Hills thì nó rất bình thường,” Tom Dunne nói. “Tin tôi đi, đúng như thế đấy.”

“Tôi thậm chí còn không chắc chắn ‘bình thường’ nghĩa là thế nào nữa,” Katherine nói. Đôi mắt cô có màu xanh nước biển pha xám. Khi đứng gần cô, cảm giác như đôi mắt ấy có thể nhìn xuyên vào trong ta. “Tôi nghĩ rằng ‘bình thường’ ứng với một hình ảnh lỗi thời trong tiềm thức của chúng tôi, của Tom và của tôi. Maggie *không* hư hỏng. Nó không phải loại so sánh ‘Bạn Suze có thứ *này*’ hay ‘Bố mẹ Casey mua cho bạn ấy thứ kia’. Nó không quá tự hào về bản thân. Kiểu ‘bình thường’ ấy đấy. Nó chỉ là một đứa con gái bé bỏng, thanh tra ạ.”

Trong khi Katherine Rose trù mến nói về con gái mình, tôi phát hiện ra rằng bản thân mình đang nghĩ tới các con, nhưng đặc biệt là Janelle. Jannie cũng “bình thường”. Nói như vậy, ý tôi là Jannie đang cân bằng, hoàn toàn không hư hỏng và đáng yêu ở mọi mặt. Sau khi thấy những điểm tương đồng giữa con gái của hai nhà, tôi thậm chí còn lắng nghe cẩn thận hơn khi vợ chồng Dunne nói về Maggie Rose.

“Nó rất giống Katherine.” Thomas Dunne đưa ra một điểm mà ông cảm thấy có ý nghĩa quan trọng cho tôi. “Katherine là người khiêm nhường nhất mà tôi từng gặp. Tin tôi đi, để sống qua được sự xu nịnh mà một ngôi sao có được ở Hollywood và sự lạm dụng kinh tởm, rồi trở thành con người như cô ấy bây giờ là rất khó đấy.”

“Sao con bé lại được đặt tên là Maggie Rose?” tôi hỏi Katherine Rose.

“Việc đó hoàn toàn do tôi.” Thomas Dunne nhướng hai mắt. Tôi có thể thấy rằng ông thích nói thay vợ. “Đó là một biệt hiệu xuất hiện bất chợt trong đầu tôi. Xuất phát từ lần đầu tiên tôi nhìn thấy hai mẹ con tại bệnh viện.”

“Tom gọi chúng tôi là ‘hai cô gái hoa hồng’, ‘Hai chị em Hoa Hồng’. Chúng tôi làm việc ở ngoài này, trong ‘vườn hồng’. Khi Maggie và tôi tranh cãi, đó là ‘cuộc chiến hoa hồng’. Đại loại thế.”

Hai người rất yêu đứa con gái nhỏ của mình. Tôi cảm nhận được điều ấy trong từng từ họ nói về Maggie.

Soneji, dù tên thật của hắn là gì đi nữa, cũng đã khôn ngoan khi chọn gia đình này làm mục tiêu. Đó là một nước đi hoàn hảo nữa của hắn. Hắn đã hoàn thành bài tập của mình. Một ngôi sao điện ảnh nổi tiếng và một luật sư được kính trọng. Cặp cha mẹ đầy lòng yêu thương. Tiền. Uy tín. Có lẽ tên này thích những bộ phim của Katherine Rose. Tôi cố gắng nhớ xem liệu Katherine Rose từng đóng vai nào khiến Soneji thất vọng không. Tôi không nhớ liệu mình đã từng thấy tấm ảnh nào của cô trong căn hộ của hắn chưa.

“Ông đã nói rằng ông muốn biết Maggie có thể phản ứng thế nào trong những hoàn cảnh tệ hại thế này,” Katherine tiếp tục. “Tại sao ông lại hỏi thế, thanh tra Cross?”

“Nói chuyện với các giáo viên của cháu, tôi biết rằng cháu rất ngoan ngoãn. Đó có thể là một lý do khiến Soneji chọn cháu.” Tôi thẳng thắn với họ. “Ông bà có thể nghĩ ra lý do nào khác không? Xin cứ liên hệ tới tất cả những gì có thể.”

“Dường như đầu óc Maggie dao động giữa trạng thái nghiêm túc - rất nghiêm khắc và chín chu - và rất mơ mộng,” Katherine nói. “Ông có con chứ?” cô hỏi tôi.

Tôi do dự. Tôi lại đang nghĩ về Jannie và Damon. Những điểm tương đồng. “Hai đứa. Tôi cũng đang xử lý một vụ liên quan đến đám trẻ sống ở khu nhà giá rẻ,” tôi nói. “Maggie có nhiều bạn ở trường không?”

“Có cả đồng,” cha Maggie đáp. “Con bé thích những đứa bạn có nhiều ý tưởng nhưng không quá coi mình là trung tâm. Tất cả trừ Michael, đứa cực kỳ quan tâm tới bản thân.”

“Hãy nói cho tôi nghe về Maggie và Michael đi.”

Katherine Rose nở nụ cười đầu tiên kể từ khi chúng tôi nói chuyện. Thật lạ, tôi đã thấy nụ cười này nhiều lần trong các bộ phim. Giờ thì tôi được thấy nụ cười ấy tận mắt. Tôi bị mê hoặc. Tôi cảm thấy một chút ngại ngùng, một chút bối rối khi thấy mình có phản ứng như vậy.

“Chúng là bạn thân nhất của nhau kể từ khi chúng tôi chuyển về đây. Chúng là đôi bạn kỳ quặc nhất nhưng cũng không thể tách rời,” cô nói. “Đôi khi chúng tôi gọi hai đứa là Felix và Oscar.”

“Ông bà nghĩ Michael sẽ phản ứng thế nào trong những hoàn cảnh thế này?” tôi hỏi.

“Khó mà đánh giá được.” Thomas Dunne lắc đầu. Dường như ông là người rất thiếu kiên nhẫn. Có lẽ đã quen với việc đạt được ngay những gì ông muốn. “Michael luôn phải có một ‘kế hoạch’. Cuộc sống của nó rất quy củ, rất trật tự.”

“Thế còn những vấn đề về thể chất của nó?” Michael bị tim bẩm sinh, tôi biết như thế. Nó vẫn có chút vấn đề về tim. Katherine Rose nhún vai. Rõ ràng đây không phải vấn đề. “Thi thoảng nó mệt mỏi. Thăng bé hơi nhỏ so với tuổi của nó. Maggie cao lớn hơn Michael.”

“Bọn chúng gọi nó là Nhãi Con, cái biệt danh mà tôi nghĩ là nó thích. Biệt danh đó khiến nó có vẻ *đễ gần* hơn,” Tom Dunne giải thích. “Về cơ bản nó thuộc loại thần đồng. Maggie gọi nó là bộ óc siêu phàm. Như thế là cơ bản khái quát được về Michael.”

“Michael dứt khoát là đứa rất có đầu óc.”

“Nó thế nào khi mệt mỏi?” Tôi trở lại với điều Katherine đã nói, có lẽ là điều gì đó quan trọng. “Nó có bao giờ cáu kỉnh không?”

Katherine suy nghĩ về câu hỏi của tôi một chút trước khi trả lời. “Nó chỉ kiệt sức. Đôi khi nó thiếp đi một chút. Tôi nhớ có lần thấy hai đứa đang ngủ gục bên bờ. Cặp đôi kỳ lạ này nằm dài ra cỏ. Chỉ là hai đứa bé thôi.”

Katherine chăm chăm nhìn tôi với đôi mắt xám và bắt đầu khóc. Cô đã cố gắng kiểm soát mình nhưng rốt cuộc vẫn phải buông xuôi.

Dù ban đầu do dự đến mức nào thì bây giờ tôi đang trở thành một phần không thể tách rời của vụ án khủng khiếp này. Tôi thấy thương cảm cho gia đình Dunne và Goldberg. Tôi liên hệ Maggie Rose với hai đứa con của mình. Tôi đã tham gia vụ án này theo cách không phải lúc nào cũng có ích. Con giận tôi dành cho tên sát thủ ở khu nhà giá rẻ đang chuyển sang kẻ đã bắt cóc hai đứa nhỏ vô tội này.

Thầy Soneji... Thầy Chips.

Tôi muốn chìa tay ra và nói với cặp vợ chồng rằng mọi chuyện sẽ ổn, cũng để tự thuyết phục mình rằng mọi chuyện sẽ ổn. Nhưng tôi không chắc mình có nên làm thế hay không.

CHƯƠNG 16

MAGGIE ROSE VẪN TIN RẰNG nó đang nằm một mình. Như thế này còn hơn cả mức kinh khủng và đáng sợ. Còn tệ gấp triệu lần bất kỳ cơn ác mộng nào con bé từng tưởng tượng ra. Và Maggie biết rằng trí tưởng tượng của nó khá phong phú. Khi muốn, nó có thể khiến bạn bè phải thấy ghê sợ hoặc kinh ngạc.

Bây giờ có phải là đêm? Hay là ban ngày?

“Michael?., con bé yếu ớt rên rỉ. Cả miệng, đặc biệt là lưỡi của nó có cảm giác như bị nhét đầy bông. Miệng nó khô không tin nổi. Nó khát nước. Đôi khi Maggie ghen vì lưỡi của mình. Nó cứ liên tục tưởng tượng rằng mình đang nuốt lưỡi. Chưa bao giờ có ai khát thế này. Thậm chí trên sa mạc ở Iraq hay Kuwait cũng không thể khát được như vậy.

Maggie Rose cứ liên tục thiếp đi rồi lại tỉnh. Những giấc mơ liên tục đến với nó. Một giấc mơ khác lại bắt đầu. Ai đó đang gõ vào cánh cửa gỗ nặng nề gần đó.

Dù có là ai, người đó cũng gọi tên con bé. “Maggie Rose... Maggie Rose, *nói chuyện* với mình đi!”

Rồi Maggie cũng không thể chắc là đó có phải giấc mơ hay không.

Ai đó đang thực sự có mặt ở đây.

Ai đó đang chui xuống mồ của nó chẳng? Đó là cha hay mẹ nó? Hay rốt cuộc đó là cảnh sát?

Đột nhiên có ánh sáng từ phía trên khiến mắt Maggie bị lóa! Nó chắc chắn đó là ánh sáng.

Như thế nó đang nhìn vào cả trăm bóng đèn cùng bật lên một lúc.

Tim Maggie Rose đập nhanh và mạnh đến mức nó biết chắc chắn mình còn sống. Ở một nơi tẻ hại, kinh khủng. Ai đó đã đưa nó tới đây.

Maggie Rose thầm thì nói lên phía ánh sáng, “Ai thế? Ai trên đó? Ai ở trên đó thế? *Cháu trông thấy mặt rồi!*”

Ánh sáng mạnh đến mức Maggie Rose không thực sự trông thấy gì.

Đến lần thứ hai hoặc thứ ba, mọi thứ chuyển từ tối đen như mực sang màu trắng lóa.

Rồi ai đó đứng chắn gần hết ánh sáng. Maggie vẫn không thể trông thấy ai đang ở đó. Ánh sáng tỏa ra phía sau lưng người ấy.

Maggie nhắm hai mắt, thật chặt. Rồi mở ra. Nó làm đi làm lại việc ấy.

Con bé không thấy rõ. Không thể tập trung xem đó là ai hay cái gì. Nó phải liên tục chớp mắt. Dù là ai trên ấy thì người đó cũng sẽ thấy con bé chớp mắt và cũng phải biết rằng nó còn sống.

“Thầy Soneji à? Xin hãy cứu em,” Maggie muốn hét lên. Cổ họng nó sao khô thế. Giọng nó khàn và không thể nhận ra nổi.

“*Khâm mồm! Khâm mồm!*” Một giọng người từ bên trên hét lên. Lúc này có một người đang ở trên ấy! Người nào đó đang thực sự ở trên đó và có thể đưa nó ra khỏi đây.

Nghe giọng như... như của một người phụ nữ rất già.

“Làm nơ cứu cháu. Hãy làm ơn,” Maggie van nài.

Một bàn tay vụt ra tát mạnh vào mặt nó.

Maggie bật khóc. Nó sợ hãi nhiều hơn đau đớn, nhưng đòn ấy cũng đau lắm. Trước đây chưa bao giờ con bé bị tát. Cú tát ấy làm bật lên một tiếng gào lớn trong đầu nó.

“*Mày câm ngay!*” Cái giọng đáng sợ kia lại gần hơn.

Rồi người đó xuống mồm và đứng ngay phía trên Maggie. Maggie có thể ngửi thấy mùi cơ thể nồng nặc và cả hơi thở đáng sợ của kẻ đó.

Bây giờ nó bị dúm người xuống nhưng quá yếu nên không thể chống cự được.

“Đừng chống cự tao, đồ nhóc con khốn kiếp! Đừng *bao giờ* chống cự tao! Mày nghĩ mày là ai hả đồ nhóc con khốn kiếp?

“Mày đã bao giờ giơ tay trong giờ của tao chưa? Mày nghe tao nói không? Đã bao giờ giơ tay chưa?”

Ôi Chúa ơi, chuyện gì đang diễn ra thế này?

“Mày là con bé Maggie Rose nổi tiếng phải không? Con ranh nhà giàu hư hỏng? Này, để tao nói cho mày một bí mật nhé. *Bí mật của chúng ta*. Mày sắp chết, con nhóc nhà giàu ạ. Mày sắp chết rồi!”

CHƯƠNG 17

ĐÊM MAI LÀ ĐÊM GIÁNG SINH. Nhưng dường như không phải lúc để vui vẻ. Và trước ngày Giáng sinh, mọi thứ trở nên tệ hại hơn nhiều.

Chẳng ai trong chúng tôi có thể cùng gia đình chuẩn bị cho một kỳ nghỉ lễ như vẫn thường làm. Điều đó khiến Đội Giải cứu Con tin cảm thấy căng thẳng hơn. Khiến cho nhiệm vụ vốn nặng nề trở nên kinh khủng hơn. Nếu như Soneji chọn ngày lễ vì lý do này, hẳn đã chọn đúng. Hẳn đã phá hỏng hoàn toàn kỳ nghỉ Giáng sinh của mọi người.

Khoảng mười giờ sáng, tôi bước theo đại lộ Sorrel tới nhà Goldberg. Trong khi đó Sampson đã lĩnh đi thực hiện chút việc liên quan tới các vụ án mạng ở khu Đông Nam. Chúng tôi dự định quay lại gặp nhau vào tầm trưa để so sánh những câu chuyện đáng sợ.

Tôi nói chuyện với gia đình Goldberg hơn một tiếng. Họ không khép mình lắm. Xét theo nhiều khía cạnh, cặp vợ chồng này còn cởi mở hơn cả Katherine và Thomas Dunne. Họ nghiêm khắc hơn vợ chồng Dunne nhưng Jerrold và Laurie Goldberg cũng rất yêu con trai mình. Cách đây mười một năm các bác sĩ thông báo với Laurie Goldberg rằng cô không thể có con. Tử cung của cô đã bị tổn thương. Khi Laurie phát hiện ra mình đang mang bầu Michael, dường như đó là phép màu. Liệu Soneji có biết điều đó không? Tôi tự hỏi. Hẳn đã lựa chọn các nạn nhân của mình cẩn thận như thế nào? Tại sao lại là Maggie Rose và Michael Goldberg?

Vợ chồng Goldberg cho phép tôi vào quan sát phòng ngủ của Michael và cho tôi chút thời gian ở đó một mình. Tôi đóng cửa phòng

và ngồi im lặng một lát. Tôi cũng đã làm việc tương tự ở phòng của Maggie tại gia đình Dunne.

Căn phòng của cậu bé thật đáng ngạc nhiên. Đó là một kho quý giá đầy những thiết bị và phần mềm máy tính cực kỳ hiện đại mang thương hiệu Macintosh, Nintendo, Prodigy, Windows. Các phòng thí nghiệm của hãng viễn thông AT & T còn ít thiết bị hơn Michael Goldberg.

Những tấm poster của Katherine Rose từ các bộ phim *Cấm kỵ* và *Trăng mật* của cô được dán trên tường. Một tấm của Sebastian Bach - ca sĩ chính của ban nhạc Skid Row - nằm ngay phía trên đầu giường. Một tấm ảnh Albert Einstein với mái tóc ngang tàng màu tím hoa cà chăm chăm nhìn ra từ phòng tắm riêng của Michael. Còn có bìa tạp chí *Rolling Stone* với câu hỏi "Ai giết Pee-wee Herman?"

Một tấm ảnh chụp Michael và Maggie Rose được đóng khung đặt trên bàn học của cậu bé. Tay trong tay, hai đứa nhỏ trông như những người bạn thân nhất. Điều gì đã tạo cảm hứng cho Soneji? Có phải điều gì đó liên quan đến tình bạn đặc biệt của chúng chẳng?

Chưa ai trong vợ chồng Goldberg từng gặp Soneji, dù Michael đã nói rất nhiều về hắn. Soneji là người duy nhất - trong số cả người lớn hay trẻ em - từng đánh bại Michael trong các trò chơi điện tử "Ultima" và "Super Mario Brothers" của Nintendo. Như vậy có thể Soneji cũng là một tay có bộ óc cừ khôi, một thần đồng khác nhưng không sẵn lòng để cho một cậu bé chín tuổi đánh bại hắn khi chơi điện tử, chỉ vì hiếu thắng. Không sẵn lòng thua trong bất kỳ cuộc chơi nào.

Tôi quay lại thư viện cùng vợ chồng Goldberg và nhìn ra vườn, trong lúc mọi thứ liên quan đến vụ bắt cóc trở nên hoàn toàn điên rồ, mãi mãi điên rồ.

Tôi thấy Sampson đang chạy xuống phố từ phía nhà Dunne. Mỗi sai chân của cậu ta chiếm tới một phần ba dãy nhà. Tôi lao ra ngoài

cửa trước nhà Goldberg đúng lúc Sampson tới bãi cỏ. Cậu ta đổi nhịp chạy như Jerry Rice ở trong vùng cấm địa.

“Hắn lại gọi à?”

Sampson lắc đầu. “Không! Nhưng đã có chuyện. Chuyện gì đó đã xảy ra, Alex. FBI đang bùng bít,” Sampson nói. “Họ đã có gì đó. Đi thôi.”

Chốt chặn đường của cảnh sát đã được dựng lên ngay mé đại lộ Sorell ở đoạn cuối đường Platety Bridge gần đó. Chốt chặn hình thành từ sáu chiếc xe chim mồi đã hoàn thành nhiệm vụ ngăn cánh báo chí bám theo những chiếc xe đã rời khỏi nhà Dunne ngay sau hai giờ chiều. Sampson và tôi ngồi trong chiếc xe thứ ba.

Sau đó bảy mươi phút, ba chiếc xe mui kín phóng nhanh qua những quả đồi thấp bao quanh Salisbury, Maryland. Những chiếc xe lượn vòng xuống theo con đường quanh co tới một khu công nghiệp nằm nép mình trong rừng thông mọc dày.

Khu nhà trông tạm bợ chẳng hề có người vào đêm Giáng sinh. Nó im lặng một cách kỳ lạ. Những bãi cỏ phủ tuyết dẫn tới ba tòa nhà văn phòng xây bằng đá trắng nằm riêng rẽ. Sáu xe cảnh sát và xe cứu thương đã có mặt ở hiện trường đầy bí ẩn.

Một dòng sông nhỏ chảy hắt đổ vào vịnh Chesapeake lững lờ chảy phía sau các dãy nhà văn phòng. Nước có màu đỏ nâu và có vẻ ô nhiễm. Trên những tấm biển màu lam sẫm ghi: Nhà máy sản xuất J. Cad, Tổ hợp Raser/ Becton, Techno-Sphere.

Cho đến bây giờ thì vẫn chưa có manh mối gì, chưa có một lời nào về việc đã xảy ra trong khu công nghiệp này.

Sampson và tôi nhập vào nhóm hướng về phía con sông. Bốn đặc vụ FBI đã có mặt tại nơi này, trông họ đầy lo lắng.

Giữa khu công nghiệp và dòng sông có một vạt cỏ dại vàng nhạt, đã thưa bớt đi vì thời tiết mùa đông. Rồi đến một dải đất trống dài ba

mười hoặc bốn mươi mét dẫn tới dòng sông. Bầu trời trên đầu có màu xám nhạt, đe dọa sẽ có thêm tuyết rơi.

Trên một bờ đầy bùn, các sĩ quan cảnh sát đang rải hợp chất lấy khuôn để tìm dấu chân. Liệu Gary Soneji đã từng ở đây chẳng?

“Họ đã nói gì với cô chưa?” tôi hỏi Jezzie Flanagan khi cả hai cùng bước xuống bờ sông dốc và đầy bùn đất. Đôi giày công sở của cô sắp hỏng đến nơi. Dường như cô chẳng nhận thấy điều ấy.

“Chưa, vẫn chưa. Chẳng gì hết!” Cô cũng bực tức như Sampson và tôi. Đây là dịp đầu tiên để “nhóm” không hành động thống nhất. Cục Điều tra Liên bang đã có cơ hội hợp tác. Họ đã gạt đi. Không phải dấu hiệu tốt. Chẳng phải khởi đầu hứa hẹn gì.

“Làm ơn đừng là hai đứa trẻ ấy,” Jezzie Flanagan lẩm bẩm khi hai chúng tôi đến chỗ đất phẳng hơn.

Hai đặc vụ Cục là Reilly và Gerry Scorse đang ở mé sông. Những bông tuyết đã rơi. Một cơn gió lạnh thổi trên làn nước xám đen có mùi như nhựa cháy.

Suốt quãng thời gian này tim tôi cứ thắt lại. Tôi không thể trông thấy gì dọc theo mép nước.

Đặc vụ Scorse làm một bài phát biểu ngắn mà tôi cho là nhằm trấn tĩnh những người còn lại. “Xin hãy lắng nghe, biện pháp giữ bí mật này không liên quan gì tới người nào trong số các vị. Vì vụ án này được sự quan tâm rộng rãi của giới truyền thông, chúng tôi đã được yêu cầu - thực ra là được lệnh - không nói bất kỳ điều gì cho tới khi tất cả chúng ta đã ra tới đây. Cho tới khi chúng ta có thể tận mắt trông thấy.”

“Thấy gì không?” Sampson hỏi viên đặc vụ FBI. “Anh sẽ nói với chúng tôi chuyện gì đang diễn ra chứ? Bỏ cái trò khua môi múa mép này đi.”

Scorse ra hiệu cho một trong số đặc vụ FBI rồi nói ngắn gọn với đặc vụ ấy. Người này là McGoey, từ văn phòng giám đốc tại D.C. Ông ta đã từng ra vào nhà Dunne. Tất cả chúng tôi nghĩ rằng ông ta là

người thay cho vị trí của Roger Graham, nhưng chẳng bao giờ điều ấy được xác nhận.

McGoey gật đầu đồng tình với những gì Scorse vừa trao đổi rồi bước lên trước. Ông ta là một gã béo có vẻ ngoài nghiêm chỉnh với những chiếc răng to và mái tóc trắng cắt ngắn. McGoey trông như một quân nhân đã sắp đến lúc nghỉ hưu.

“Khoảng một giờ hôm nay cảnh sát sở tại đã phát hiện ra một đứa trẻ nổi trên sông,” McGoey thông báo. “Họ không có cách nào để biết liệu đó có phải là một trong hai đứa trẻ bị bắt cóc hay không.”

Rồi đặc vụ McGoey dẫn chúng tôi đi xuống phía bờ sông đầy bùn thêm khoảng bảy mươi mét nữa. Qua một mô đất phủ đầy rêu và cây hương bồ, chúng tôi dừng lại. Không có một âm thanh nào phát ra từ bất kỳ ai, chỉ có tiếng gió lạnh rít trên mặt nước.

Cuối cùng chúng tôi cũng biết vì sao chúng tôi được đưa tới đây. Một cái xác nhỏ đã được phủ bằng chăn len xám lấy từ một trong những chiếc xe cứu thương. Đó là cái bọc nhỏ bé nhất, đơn độc nhất trong vũ trụ.

Một trong những cảnh sát sở tại được đề nghị cung cấp cho chúng tôi những chi tiết cần thiết. Khi mở lời, giọng anh ta nặng nề và không đều.

“Tôi là trung úy Edward Mahoney. Thuộc lực lượng tại Salibury này. Cách đây khoảng một tiếng hai mươi phút, một nhân viên an ninh của Raser/Becton đã phát hiện ra thi thể của một trẻ nhỏ ở dưới này.”

Chúng tôi bước lại gần hơn những tấm chăn được căng ra. Cái xác được đặt trên một ụ cỏ dốc dần về phía làn nước đen. Hết ụ cỏ về phía tay trái là một đầm lầy mọc đầy thông rụng lá tối tăm.

Trung úy Mahoney quỳ xuống bên cái xác nhỏ. Phần đồng phục đầu gối màu xám của anh ngập trong lớp bùn nhão. Vài bông tuyết bay quanh mặt rồi bám vào tóc và hai má viên cảnh sát.

Với vẻ gần như thành kính, Mahoney kéo những tấm chăn len ra. Lúc này anh dường như là một người cha đang nhẹ nhàng đánh thức

con dậy để tham gia chuyển câu cá vào sáng sớm.

Chỉ cách đây vài giờ, tôi còn đang nhìn bức ảnh chụp hai đứa trẻ bị bắt cóc. Tôi là người đầu tiên cất tiếng nói về thi thể của đứa bé bị giết hại.

“Đây là Michael Goldberg,” tôi nói bằng giọng nhẹ nhàng nhưng rõ ràng. “Tôi rất tiếc khi nói đó là Michael. Đó là thằng bé Nhãi Con tội nghiệp.”

CHƯƠNG 18

ĐẾN TẬN SÁNG SỚM NGÀY GIÁNG SINH Jezzie Flanagan mới về nhà. Đầu cô quay cuồng, như muốn nổ tung với quá nhiều ý nghĩ về vụ bắt cóc.

Cô phải ngừng nghĩ đến những hình ảnh đầy ám ảnh đó một lúc. Cô phải tắt các “động cơ” của mình, nếu không toàn bộ “nhà máy” sẽ nổ tung. Cô phải ngừng vai trò của một cảnh sát. Cô biết điểm khác biệt giữa cô và một số cảnh sát khác là cô có khả năng dừng lại.

Jezzie đang sống ở Arlington cùng mẹ. Cả hai sống trong một căn hộ nhỏ chật chội gần Crystal City Underground. Jezzie nghĩ nó là “căn hộ tự sát”. Cách sắp xếp cuộc sống như mang tính tạm bợ, trừ một việc là tính tới giờ Jezzie đã sống ở đây được gần một năm, kể từ khi ly dị Dennis Kelleher.

Những ngày này Dennis *Hiểm Họa* đang ở Bắc Jersey, vẫn đang cố gắng đạt được thành công với tờ *New York Times*. Anh ta sẽ không bao giờ làm được điều đó, thâm tâm Jezzie biết như vậy. Điều duy nhất Dennis từng giỏi làm là cố gắng khiến Jezzie hoài nghi về bản thân. Dennis quả từng là một kẻ đặc biệt giỏi trong khoản đó. Nhưng cuối cùng cô không để anh ta khiến cô cúi đầu.

Jezzie đã làm việc quá vất vả ở Sở nên cũng chẳng có đủ thời gian để chuyển ra khỏi căn hộ của mẹ cô. Ít nhất đó là điều cô luôn tự nhủ. Không có thời gian cho cuộc sống riêng. Cô đang tiết kiệm tiền - cho một điều gì đó lớn lao, một thay đổi lớn trong đời. Mỗi tuần vài ba lần, cô đều tính toán số tiền mình kiếm được. Jezzie đã có hai mươi tư ngàn đô la. Tất cả chỉ có vậy. Bây giờ cô đã ba mươi hai tuổi. Cô biết

mình ưa nhìn, có thể coi là đẹp - theo kiểu có thể coi Dennis Kelleher là một cây viết giỏi.

Jezzie thường nghĩ, cô *đã có thể* là một đối thủ đáng gờm. Cô đã suýt thành công. Tất cả những gì cô cần là một kỳ nghỉ tử tế, và rốt cuộc cô nhận ra rằng mình phải tự tạo kỳ nghỉ đó cho bản thân mình. Cô quyết tâm làm điều ấy.

Jezzie uống một ly Smithwich, một thứ đồ uống thực sự dễ chịu từ quê hương cô. Smitty từng là nhãn hiệu của thứ nước độc hại mà cha cô ưa thích. Jezzie lấy một miếng pho mát mới. Rồi vừa tắm vừa uống thứ bia pha từ bia Hallway Number One đáng sợ của mẹ cô. Gương mặt bé nhỏ của Michael Goldberg lại hiện lên trong đầu cô.

Cô sẽ *không cho phép* thêm một hình ảnh nào của cậu bé Goldberg xuất hiện. Cô sẽ không cảm thấy chút tội lỗi nào, ngay cả khi cô đang ngập ngụa trong tội lỗi...

Hai đứa trẻ đã bị bắt cóc trong phiên trực của cô. Đó là cách mà mọi chuyện bắt đầu... Hãy dừng những hình ảnh lại! Lúc này, hãy ngừng mọi thứ lại.

Irene Flanagan ho khi đang ngủ. Mẹ cô đã làm việc ba mươi chín năm cho công ty điện thoại C&P. Bà sở hữu một căn hộ ở Crystal City. Bà cũng là một tay chơi bài cự phách. Thông tin về Irene là thế.

Cha của Jezzie làm cảnh sát ở D.C. được hai mươi năm. Đoạn kết đến với Terry Flanagan là cơn đau tim giữa nhà ga Union đông đúc - vài trăm người hoàn toàn xa lạ nhìn ông từ già cỗi đời, chẳng ai thực sự để ý gì. Dù sao đó luôn là cách Jezzie kể lại chuyện này.

Một lần nữa Jezzie lại quyết định, lần thứ một ngàn, rằng cô phải chuyển ra khỏi nhà của mẹ mình. Dù thế nào đi nữa. Không thêm một cái cớ thiếu thuyết phục nào nữa. Hãy chuyển đi hoặc chịu thua, cô gái. Tiếp đi, tiếp đi, hãy tiếp tục với cuộc sống của mình.

Jezzie hoàn toàn không biết cô đã ngâm mình trong bồn nước bao lâu với cốc bia đã uống cạn trên tay và phần cốc thủy tinh mát lạnh cọ vào đùi. “Đồ nghiện ngập tuyệt vọng,” cô lầm bầm với bản thân.

“Thật là đáng thương hại.” Dù gì thì Jezzie đã tắm đủ lâu để uống hết ly Smithwich, thấy khát và muốn uống thêm một ly nữa. Khát khao điều gì đó.

Cô đã thành công trong việc tránh suy nghĩ về cậu bé nhà Goldberg được một lúc. Nhưng không hẳn. Làm thế nào cô làm thế được chứ? Michael Goldberg bé bỏng.

Nhưng vài năm qua Jezzie Flanagan ngày càng giỏi việc lãng quên - tránh đau đớn bằng mọi giá. Thật ngu ngốc khi phải chịu đau đớn *trong khi* ta có thể tránh được nó.

Tất nhiên điều đó đồng nghĩa với việc tránh những mối quan hệ thân thiết, thậm chí tránh cả những thứ gần giống với tình yêu, đoạn tuyệt hầu hết những cảm xúc tự nhiên của con người. Cũng hợp lý. Có lẽ đó là sự đánh đổi chấp nhận được. Cô phát hiện ra rằng mình có thể sống sót khi không có tình yêu trong đời. Nghe có vẻ kinh khủng song đó là sự thật.

Đúng, ở thời điểm hiện tại, đặc biệt là lúc này đây, sự đánh đổi đó thực sự đáng giá, Jezzie nghĩ. Điều đó giúp cô vượt qua từng ngày, từng đêm khủng hoảng. Dù gì thì nó cũng giúp cho cô trụ đến lúc thường thức những món đồ uống mình thích.

Jezzie đương đầu với mọi việc tạm ổn. Cô có tất cả những công cụ phù hợp để tồn tại. Nếu như có thể thành công với tư cách một nữ cảnh sát, cô có thể thành công ở bất kỳ chuyện gì. Các đặc vụ khác của Sở nói rằng cô có “*hai hòn bi*”. Với họ, đó là một lời khen, thế nên Jezzie đón nhận nó đúng như vậy. Mà họ nói hoàn toàn đúng, cô có “*hai hòn bi*” bằng đồng. Và những lúc không có, Jezzie đủ khôn ngoan để vờ là mình có.

Lúc một giờ sáng, Jezzie Flanagan phải làm một vòng trên chiếc mô tô BMW; cô phải thoát khỏi căn hộ bé xíu ngột ngạt ở Arlington.

Phải làm, phải làm, phải làm.

Chắc hẳn mẹ Jezzie đã nghe tiếng mở cửa ra hành lang. Từ trong phòng mình, bà gọi với ra, có lẽ gọi ngay lúc vừa tỉnh ngủ.

“Jezzie, con đi đâu muộn thế? Jezzie? Jezzie, phải con không thế?”

“Con chỉ ra ngoài thôi mẹ ạ.”

Ra siêu thị mua sắm dịp Giáng sinh, một ý nghĩ đầy nhạo báng hiện ra thật phần khích trong đầu Jezzie. Như mọi khi, cô giữ cho nó ở yên bên trong. Cô ước rằng Giáng sinh sẽ biến đi. Cô sợ ngày hôm sau.

Rồi nữ cảnh sát trên chiếc BMW-K1 lao vào bóng đêm, hoặc trốn khỏi, hoặc đuổi theo những cơn ác mộng của riêng cô, những điều khủng khiếp của riêng cô.

Bây giờ là Giáng sinh. Có phải Michael Goldberg đã chết vì những tội lỗi của chúng ta không? Có phải chuyện là như thế không? Jezzie nghĩ.

Cô không đồng ý để cho bản thân cảm thấy tội lỗi. Bây giờ là Giáng sinh, và Chúa đã chết vì tội lỗi của mọi người. Thậm chí cả những tội lỗi của Jezzie Flanagan. Cô cảm thấy mình hơi điên. Không, cô cảm thấy rất điên, nhưng cô có thể kiểm soát được. Luôn luôn kiểm soát. Đó là điều cô sẽ làm bây giờ.

Jezzie hát bài “Xứ sở kỳ diệu mùa đông” - ở tốc độ gần một trăm tám mươi ki lô mét một giờ trên quốc lộ thoáng dang hướng ra khỏi Washington. Trước đây cô không sợ lắm nhưng lần này thì cô sợ.

CHƯƠNG 19

Ở MỘT SỐ VÙNG CỦA WASHINGTON và các khu ngoại ô lân cận thuộc Maryland và Virginia, những cuộc kiểm tra lần lượt từng căn nhà được thực hiện vào buổi sáng Giáng sinh. Những chiếc xe cảnh sát sơn xanh-trắng lượn khắp các đường phố trung tâm. Chúng phát đi những thông điệp qua hệ thống loa:

“Chúng tôi đang tìm kiếm Maggie Rose Dunne. Maggie chín tuổi. Maggie để tóc dài, màu vàng. Maggie một mét ba mươi và nặng ba mươi ba cân. Bất kỳ ai có thông tin giúp đưa Maggie trở về an toàn sẽ được thưởng lớn.”

Trong nhà, nửa tá đặc vụ FBI làm việc với vợ chồng Dunne sát sao hơn bao giờ hết. Cả Katherine Rose và Tom Dunne đều sốc ghê gớm trước cái chết của Michael. Katherine đột ngột trông già đi cả chục tuổi. Họ chờ đợi cuộc gọi tiếp theo của Soneji.

Một ý nghĩ đến với tôi từ trước là Gary Soneji sẽ gọi cho vợ chồng Dunne vào ngày Giáng sinh. Tôi bắt đầu cảm thấy như mình hiểu hẵn hơn một chút. Tôi muốn tên bắt cóc liên lạc, muốn hẵn bắt đầu hành động, bắt đầu mắc sai lầm lớn đầu tiên. Tôi muốn tóm hẵn.

Vào khoảng bảy giờ sáng ngày Giáng sinh, Đội Giải cứu Con tin được triệu tập vội vàng trong phòng khách nhà Dunne. Bây giờ nhóm chúng tôi đã có gần hai mươi người, có được thông tin quan trọng hay không còn phụ thuộc vào thiện chí của FBI. Căn nhà ồn ào. *Con Trai Nhà Lindbergh đã làm gì?*

Chúng tôi vẫn chưa được cung cấp nhiều thông tin. Chúng tôi biết rằng một bức điện đã được chuyển tới nhà Dunne. Nó không được xử lý như bất kỳ thông điệp kỳ quái nào trước đó. Đó hẳn phải là Soneji.

Các đặc vụ FBI đã đọc quyền sử dụng các điện thoại trong nhà suốt khoảng mười lăm phút vừa qua. Đặc vụ Scorse đã trở lại đây ngay trước mười một giờ ba mươi phút, có lẽ trở về từ tiệc Giáng sinh ở nhà riêng của anh ta. Sếp Pittman đến sau đó năm phút. Người đứng đầu cơ quan cảnh sát đã được gọi đến.

“Chuyện này đang trở thành một vụ thật tồi tệ. Lúc nào cũng bị bùng bít thông tin.” Sampson ngồi lên thành lò sưởi trong phòng. Khi Sampson ngồi, anh chỉ còn cao khoảng mét chín. “Bọn đối trá* không tin chúng ta. Chúng ta thậm chí tin tưởng bọn họ còn ít hơn lúc đầu.”

“Từ đầu ta đã không tin FBI,” tôi nhắc Sampson.

“Việc ấy thì cậu đúng.” Sampson nhăn nhó. Tôi có thể thấy hình ảnh của chính mình trên cặp mắt kính hiệu Wayfarers của Sampson, trông tôi thật nhỏ bé. Tôi tự hỏi liệu từ góc nhìn của Sampson, cả thế giới trông có bé xíu hay không. “Thằng lỏi của bọn mình chuyển thông điệp qua Western Union hả?” Sampson hỏi tôi.

“Đó là điều FBI nghĩ. Có lẽ đó chỉ là cách gửi lời chúc Giáng sinh của hắn. Có lẽ hắn muốn trở thành một phần của một gia đình.”

Sampson nhìn tôi qua đôi gọng kính râu. “Cảm ơn, Tiến sĩ Freud.”

Đặc vụ Scorse đang bước ra phía trước phòng. Trên đường đi, anh ta gặp Pittman. Cả hai bắt tay. Quan hệ xã giao tốt cho công việc.

“Chúng tôi đã nhận được một thông điệp khác có vẻ xuất phát từ Gary Soneji,” Scorse thông báo ngay khi đến trước mặt chúng tôi. Khi lo lắng, anh ta có kiểu vươn cổ và xoay đầu từ bên nọ sang bên kia khá kỳ quặc. Anh ta đã làm việc đó vài lần khi bắt đầu phát biểu.

“Tôi sẽ đọc cho các vị nghe. Bức điện đề gửi tới địa chỉ nhà Dunne... ‘Katherine và Tom thân mến... Mười triệu đô la thì sao nhỉ? Hai triệu bằng tiền mặt. Phần còn lại bằng kim cương và chứng khoán có thể chuyển nhượng. Ở MIAMI BEACH. Cho tới giờ M.R. vẫn ổn. Tin tôi đi. NGÀY MAI là một ngày quan trọng... Chúc một ngày... Con Trai Nhà L.’ ”

Mười lăm phút sau khi bức điện được chuyển đến nơi, người ta đã xác định rằng nó được gửi từ một văn phòng của hãng Western Union trên đại lộ Collins tại Miami Beach. Ngay lập tức các nhân viên FBI tới văn phòng này để thẩm vấn viên quản lý và các nhân viên. Họ không thu thập được gì - hoàn toàn giống như phần còn lại của cuộc điều tra đã diễn ra cho tới lúc này.

Chúng tôi không có lựa chọn nào ngoài việc lập tức lên đường tới Miami.

CHƯƠNG 20

ĐỘI GIẢI CỨU CON TIN có mặt tại sân bay Tamiami của Florida lúc bốn giờ ba mươi chiều ngày Giáng sinh. Bộ trưởng Jerrold Goldberg đã sắp xếp để chúng tôi bay bằng một chiếc phản lực riêng do lực lượng Không quân điều động.

Một xe hộ tống của cảnh sát Miami khẩn trương đưa chúng tôi tới văn phòng FBI trên đại lộ Collins, gần các khách sạn Fountainebleu và Gold Coast. Văn phòng của Cục chỉ cách văn phòng Western Union mà Soneji đã gửi bức điện đúng sáu dãy nhà.

Liệu hăn có biết trước điều đó không? Có thể hăn đã biết. Đó dường như là cách mà tư duy của hăn hoạt động. Soneji là một gã “cuồng kiểm soát”. Tôi liên tục ghi lại những nhận định về hăn. Cuốn sổ nhỏ tôi bỏ trong áo khoác đã kín hai chục trang. Tôi chưa sẵn sàng viết hồ sơ về Soneji bởi bản thân mình chưa có thông tin nào về quá khứ của hăn. Nhưng những ghi chú của tôi vẫn đầy những cụm từ thông dụng lột tả chính xác: *có tổ chức, tàn bạo, có phương pháp, có kiểm soát, có lẽ mắc chứng hưng cảm*.

Liệu bây giờ hăn có đang quan sát chúng tôi nhốn nháo chạy quanh Miami không? Rất có khả năng như thế. Có lẽ đang hóa trang theo một kiểu khác. Liệu hăn có ân hận về cái chết của Michael Goldberg không? Hay hăn sắp bước vào một cấp độ điên cuồng mới?

Tại văn phòng FBI, các đường dây riêng phục vụ liên lạc khẩn cấp đã được thiết lập. Chúng tôi không biết từ đây Soneji sẽ liên lạc bằng cách nào. Bây giờ đội đã được bổ sung nhiều sĩ quan cảnh sát Miami. Ngoài ra còn có hai trăm đặc vụ nữa từ lực lượng đông đảo

của Cục ở Nam Florida. Đột nhiên mọi thứ trở nên khẩn trương, hồi hả, vội vã. Vội vã rồi lại chờ đợi.

Tôi tự hỏi liệu Gary Soneji có biết gì về tình trạng rối loạn hẩn tạo ra khi hạn chót của hẩn đề ra đang đến gần. Liệu đó cũng là một phần kế hoạch của hẩn không? Maggie Rose có thực sự an toàn không? Con bé còn sống hay không?

Chúng tôi cần thêm chút bằng chứng trước khi cuộc trao đổi cuối cùng được thông qua. Ít nhất chúng tôi cũng nên đòi hỏi Soneji về bằng chứng cụ thể. *Cho tới giờ M.R. vẫn ổn. Tin tôi đi*, hẩn đã nói như thế. Chắc chắn rồi, Gary.

Tin xấu theo chúng tôi tới tận Miami Beach. Báo cáo sơ bộ giải phẫu tử thi của Michael Goldberg đã được gửi qua fax tới văn phòng Cục tại Miami. Ngay khi chúng tôi tới, một cuộc họp được tổ chức tại phòng xử lý khủng hoảng của FBI. Chúng tôi ngồi ở những chiếc bàn xếp thành hình lưỡi liềm, từng bàn đều có bàn phím và màn hình máy tính. Căn phòng yên tĩnh lạ lùng. Không ai trong chúng tôi thực sự muốn nghe những chi tiết về cái chết của cậu bé.

Một nhân viên kỹ thuật của Cục tên Harold Friedman được chọn để giải thích cho chúng tôi về những kết quả giải phẫu. Ít nhất cũng có thể nói Friedman là trường hợp không bình thường ở Cục. Anh là người theo đạo Do Thái chính thống nhưng lại có thân hình và vẻ ngoài của một tay chơi Miami. Trong cuộc họp về giải phẫu tử thi này, anh đội một chiếc mũ cầu nguyện nhiều màu sắc của người Do Thái.

“Chúng ta có cơ sở để chắc chắn rằng cái chết của cậu bé Goldberg là *tai nạn*” Friedman bắt đầu bằng một giọng sâu, rõ ràng. “Có vẻ trước tiên nạn nhân đã bị gây mê bằng thuốc chloroform dạng xịt. Trong hốc mũi và họng cậu bé có những dấu vết của chất này. Rồi cậu bị tiêm thuốc gây mê secobarbital, có lẽ là sau đó chừng hai giờ. Secobarbital là chất gây mê mạnh. Nó còn có những đặc tính gây ngừng thở.

“Có vẻ đó là những gì đã xảy ra trong trường hợp này. Có lẽ hoạt động hô hấp của thằng bé đã trở nên bất thường, rồi tim và hoạt động hô hấp ngừng hẳn. Nếu khi ấy nó đang ngủ thì sẽ không đau đớn. Tôi nghĩ là khi đó Goldberg đang ngủ, và thằng bé đã chết trong giấc ngủ.

“Ngoài ra còn có vài chiếc xương bị gãy,” Harold Friedman tiếp tục. Bất chấp vẻ ngoài của một tay chơi, anh có vẻ buồn và thể hiện sự thông minh qua cách báo cáo. “Chúng tôi tin rằng thằng bé đã bị đá, bị đâm, những hành động đó diễn ra nhiều lần. Nhưng chuyện này không liên quan gì tới cái chết của nó. Các xương gãy và những vết sây sát trên da xuất hiện *sau khi* nạn nhân đã chết. Các vị cũng nên biết rằng Goldberg còn bị lạm dụng tình dục sau khi đã qua đời. Thằng bé bị hiếp dâm, bị cấu xé trong quá trình ấy. Tên Soneji này là một con chó cực kỳ bệnh hoạn,” Friedman tạm kết cho phần đầu của bản báo cáo.

Đây cũng là một trong những thông tin cụ thể ít ỏi mà chúng tôi có được về bệnh lý của Gary Soneji. Rõ ràng cơn giận của hắn đã bùng lên khi phát hiện thấy Michael Goldberg đã chết. Hoặc rốt cuộc điểm nào đó trong kế hoạch hoàn hảo của hắn đã không còn hoàn hảo.

Các đặc vụ và cảnh sát ngộ nguậy trên ghế. Tôi bản khoản liệu cơn điên mà Soneji trút vào Michael Goldberg có tác dụng làm dịu bớt hay càng kích động hắn hơn.

Hơn lúc nào hết, tôi lo cho cơ hội sống sót của Maggie Rose.

Khách sạn của chúng tôi nằm ở bên kia phố, đối diện với văn phòng của Cục. Khách sạn này không có được những tiêu chuẩn cao cấp của khu Miami Beach nhưng ở phía giáp biển có một bể bơi lớn ngoài hiên.

Tới khoảng mười một giờ, hầu hết trong chúng tôi đã ngừng việc để nghỉ ngơi. Nhiệt độ vẫn còn khoảng hai mươi bảy độ C. Bầu trời đầy những vì sao sáng và thi thoảng điểm những chiếc máy bay phản lực từ phương Bắc tới.

Sampson và tôi đi bộ qua đại lộ Collins. Chắc hẳn người ta nghĩ rằng những cầu thủ của đội bóng rổ Lakers đang có mặt trong thành phố để chuẩn bị đấu với đội Miami Heat.

“Muốn ăn trước không? Hay cứ uống đến hết luôn?” cậu ta hỏi tôi khi đang ở đoạn giữa đại lộ.

“Tớ đã khá hết rồi,” tôi nói với Sampson. “Lúc này tớ đã nghĩ đến chuyện bơi. Đang ở Miami Beach mà.”

“Đêm nay cậu không có được làn da rám nắng Miami Beach đâu.” Sampson dùng hai môi đẩy đi đẩy lại một miếng thuốc chưa châm.

“Đó là một lý do khác để bơi vào buổi đêm đấy.”

“Tớ sẽ tác chiến ở quán rượu,” Sampson nói khi chúng tôi đi mỗi người một hướng từ sảnh khách sạn. “Tớ sẽ là người thu hút phụ nữ đẹp.”

“Chúc may mắn,” tôi nói với Sampson. “Hôm nay là Giáng sinh. Tớ hy vọng cậu sẽ có quà.”

Tôi thay đồ bơi và bước ra bể bơi trong khách sạn. Bản thân tin rằng vấn đề mấu chốt với sức khỏe là tập thể dục nên tôi tập thể dục hằng ngày, bất kể ở đâu. Tôi còn thường xuyên tập các bài tập cơ bản, việc có thể làm bất kỳ lúc nào và ở bất kỳ đâu.

Bể bơi lớn bên phía giáp biển đã đóng cửa, nhưng điều ấy không cản được tôi. Nhìn chung cảnh sát thường bị mang tiếng về chuyện đi bộ ẩu, đậu xe sai chỗ, vi phạm quy định. Đó là đặc quyền duy nhất của chúng tôi mà.

Người nào đó cũng có ý tưởng giống tôi. Ai đó đang thực hiện những vòng bơi một cách êm ái, khẽ khàng đến mức tôi không nhận ra cho tới khi đến giữa những chiếc ghế ở rìa bể và cảm thấy nước mát dưới chân.

Người đang bơi là một phụ nữ, mặc bộ đồ tắm màu đen hoặc xanh thẫm. Cô có vóc dáng mảnh mai và khỏe khoắn, hai cánh tay và cặp chân dài. Cô là một hình ảnh đẹp trong một ngày không được tốt đẹp lắm. Những động tác bơi của cô trông không hề vất vả mà lại

mạnh mẽ và có nhịp điệu. Dường như đây là chốn dành riêng cho người này, tôi không muốn phá vỡ sự riêng tư ấy.

Khi cô bơi vòng lại, tôi thấy đó là Jezzie Flanagan.

Điều đó khiến tôi ngạc nhiên. Việc này dường như không giống nữ giám sát viên của Sở Mật vụ chút nào.

Cuối cùng tôi leo xuống đầu kia bể bơi một cách thật nhẹ nhàng và bắt đầu những vòng bơi của mình. Không có những động tác đẹp đẽ và đầy nhịp điệu nhưng tôi có thể bơi tốt, và thường thì tôi có thể bơi khá lâu.

Tôi bơi ba mươi lăm vòng một cách dễ dàng. Tôi cảm thấy như đây là lần đầu tiên được thả lỏng cơ thể trong vài ngày qua. Những chuyện rối rắm đang bắt đầu lùi xa. Có lẽ tôi sẽ bơi thêm hai mươi vòng nữa rồi đi nghỉ. Hoặc làm một chén bia mừng Giáng sinh với Sampson.

Rồi khi tôi ngừng để thở ra thật mạnh, Jezzie Flanagan đang ngồi ngay đó, bên mép một chiếc ghế.

Một chiếc khăn tắm trắng mịn hồ hững quàng trên đôi vai trần của cô. Jezzie Flanagan thật đẹp dưới ánh trắng bao phủ Miami. Mềm mại, mái tóc vàng óng, đôi mắt xanh sáng chăm chăm nhìn tôi.

“Năm mươi vòng à, thanh tra Cross?”

Cô mỉm cười và nụ cười ấy để lộ ra một con người khác hẳn con người tôi đã làm việc cùng trong vài ngày qua. Dường như cô thư thái hơn rất nhiều.

“Ba mươi lăm. Tôi không được giỏi như cô,” tôi nói với Flanagan. “Thậm chí gần bằng cũng chẳng được. Tôi học bơi ở trung tâm thể thao của Hội Thanh niên Cơ đốc giáo.”

“Anh chịu khó thật.” Nữ giám sát viên vẫn giữ nụ cười đầy thiện cảm. “Dáng người anh chuẩn đấy.”

“Dù kiểu bơi của tôi được gọi là gì thì chắc chắn đêm nay tôi cũng sẽ thấy rất khoan khoái. Sau những giờ bị nhốt trong căn phòng

đó. Với những ô cửa sổ nhỏ đóng chặt.”

“Nếu họ có những ô cửa sổ lớn thì tất cả những gì người ta nghĩ sẽ chỉ là trốn ra bãi biển. Người ta chẳng làm được việc gì ra hồn ở cái bang Florida này đâu.”

“Chúng ta sẽ hoàn thành được việc gì chứ?” tôi hỏi Jezzie.

Cô cười to. “Tôi có một người bạn tin vào lý thuyết ‘làm hết sức có thể’ trong công việc của cảnh sát. Tôi đang làm hết sức mình. Trong những hoàn cảnh không thể. Còn anh thế nào?”

“Tôi cũng đang làm hết sức mình,” tôi đáp.

“Ồn Chúa!” Jezzie Flanagan giơ cả hai cánh tay lên trời vui mừng. Sự cởi mở của cô khiến tôi ngạc nhiên. Thật vui vẻ, và nhẹ nhõm khi thay đổi không khí bằng một tràng cười lớn. Thực sự nhẹ nhõm. Thực sự cần thiết.

“Trong những hoàn cảnh thế này, tôi làm hết khả năng có thể,” tôi nói thêm.

“Trong những hoàn cảnh thế này, ơn Chúa!” Jezzie lại cao giọng lần nữa. Cô vui tính, hoặc do đã khuya, hoặc do cả hai điều ấy.

“Cô ăn nhẹ chút chứ?” tôi hỏi. Tôi muốn nghe suy nghĩ của Jezzie Flanagan về vụ án. Trước đây tôi chưa từng thực sự nói chuyện với cô.

“Tôi muốn ăn gì đó,” cô đáp. “Hôm nay tôi đã bỏ hai bữa rồi.”

Chúng tôi nhất trí gặp nhau trên phòng ăn của khách sạn, là nhà hàng xoay nằm ở tầng trên cùng.

Jezzie Flanagan đã thay đồ xong trong khoảng năm phút, một điều làm tôi thật sự ấn tượng. Quần rộng màu nâu sô cô la, áo phông cổ chữ V, giày vải màu đen kiểu Trung Quốc. Mái tóc vàng của cô vẫn còn ướt. Cô đã chải tóc ngược về phía sau, và kiểu này trông khá ổn. Jezzie không trang điểm, và thực sự không cần phải làm điều đó. Đường như trông cô khác nhiều so với khi làm việc - nhẹ nhàng và thoải mái hơn rất nhiều.

“Hoàn toàn thực lòng và công bằng, tôi phải nói với anh một điều.” Cô bật cười.

“Điều gì thế?”

“À, anh là một tay bơi khỏe nhưng hơi vụng. Mặt khác anh mặc đồ bơi trông ổn lắm.”

Cả hai chúng tôi đều bật cười. Một chút căng thẳng của một ngày dài bắt đầu lùi xa.

Chúng tôi đều giới thiệu nhau qua những châu bia và một chút đồ ăn vặt. Nhiều nội dung trong đó có nguyên nhân là những tình huống oái oăm, sự căng thẳng và sức ép của vài ngày qua. Cũng do một phần nghề của tôi là khai thác người khác, và tôi thích thử thách.

Tôi khiến Jezzie Flanagan thừa nhận rằng cô từng là Người đẹp Washington D.C. hồi mười tám tuổi. Cô từng là một thành viên Hội Nữ sinh Đại học Virginia nhưng bị loại ra vì “hành vi không đúng mực” - một cụm từ tôi thích.

Nhưng trong khi chúng tôi nói chuyện, tôi thấy ngạc nhiên rằng tôi đã kể cho cô nhiều hơn dự liệu. Flanagan là người dễ nói chuyện.

Jezzie hỏi về những ngày đầu tiên của tôi với công việc của một nhà tâm lý học ở Washington. “Đó gần như một sai lầm tai hại,” tôi kể cho cô, song không nói rõ sai lầm ấy đã khiến tôi giận dữ đến mức nào, thậm chí cho đến bây giờ. “Rất nhiều người chẳng hề muốn một tay chuyên gia tâm thần da đen. Quá nhiều người da đen không thể chi trả cho việc ấy. Trên ghế của tay chuyên gia tâm thần ấy không có kẻ nào mang đầu óc tiến bộ.” Jezzie Flanagan khiến tôi phải kể về Maria, nhưng chỉ một chút. Cô nói cho tôi biết một phụ nữ ở Sở Mật vụ với chín mươi phần trăm đàn ông chuẩn men là như thế nào. “Ôi, họ muốn kiểm tra tôi, chừng mỗi lần một ngày. Họ gọi tôi là ‘Gã Đàn Ông’.” Cô còn kể vài chuyện vui về Nhà Trắng. Cô biết vợ chồng Bush và Reagan. Tóm lại đó là một giờ thoải mái và trôi qua rất nhanh.

Thực tế là hơn một giờ đã trôi qua. Giống như hai giờ hơn. Cuối cùng Jezzie nhận thấy rằng cô phục vụ bàn chúng tôi đang lẻ loi đi

quanh chỗ quầy bar. “Chuồn thôi. Khách ở nhà hàng này chỉ còn chúng ta.”

Chúng tôi thanh toán và theo thang máy rời khỏi nhà hàng xoay. Phòng Jezzie ở tầng cao hơn. Có lẽ nơi cô ở cũng có thể nhìn ra đại dương. Từ phòng hạng sang của mình.

“Như thế thật dễ chịu,” tôi nói khi cô dừng bước. Tôi nghĩ đó là một câu khá sến từ vở kịch của Noel Coward. “Cảm ơn vì đã đồng hành. Chúc mừng Giáng sinh.”

“Chúc mừng Giáng sinh, Alex.” Jezzie mỉm cười. Cô vén lọn tóc vàng ra sau tai, đó là một thói quen của cô mà tôi đã nhận ra từ trước. “Quả là dễ chịu thật. Nhưng không may là ngày mai có thể sẽ không được thế.”

Jezzie bẹo má tôi và quay bước về phòng. “Tôi sẽ mơ thấy anh mặc đồ bơi đấy,” cô nói khi cửa thang máy khép lại.

Tôi đi xuống thêm bốn tầng, tắm nước thật lạnh và một mình đón Giáng sinh. Tôi nghĩ về Jezzie Flanagan. Những ảo tưởng ngốc nghếch trong một phòng khách sạn lẻ loi ở Miami Beach. Chúng tôi sẽ không đi tới đâu nhưng tôi thích cô. Tôi cảm thấy mình có thể nói chuyện với Flanagan về bất kỳ chuyện gì. Tôi đọc thêm một chút về thời gian nhà văn Styron chống chọi với bệnh trầm cảm, cho tới lúc có thể chợp mắt. Tôi có những giấc mơ của riêng mình.

CHƯƠNG 21

HÃY CẨN THẬN, bây giờ hãy thật cẩn thận nhé, thằng nhóc Gary.

Gary Soneji quan sát người phụ nữ béo mập qua khốe mắt trái. Hắn quan sát người đàn bà ấy theo kiểu một con thằn lằn quan sát côn trùng ngay trước khi ăn thịt nó. Người phụ nữ không biết rằng hắn đang quan sát mình.

Có thể nói người phụ nữ này là cảnh sát, đồng thời cũng là nhân viên thu phí ở đường thoát số 12 trên tuyến đường có thu phí. Bà từ từ đến chỗ tiền lẻ Soneji đưa. Người đàn bà này thật mập, đen như bóng đêm, hoàn toàn hình thành từ bóng đêm. Ngủ cả trong ca trực. Soneji nghĩ Aretha Franklin sẽ trông giống như người phụ nữ này nếu Aretha không thể hát được một nốt nào và phải kiếm sống trong thế giới thực tại tẻ nhạt.

Bà không biết gì về kẻ đang đi qua đây, trong dòng xe đơn điệu của kỳ nghỉ. Dù bà và nhóm của mình có nhiệm vụ phải ra sức truy tìm kẻ bắt cóc. Quá tệ cho “đợt truy tìm quy mô lớn của cảnh sát” hay “cuộc săn lùng trên quy mô toàn quốc” của các vị. Đúng là một sự thất vọng không thể tin nổi. Những con người như thế này tham gia cuộc truy lùng thì làm sao bọn họ có thể hy vọng bắt được Gary Soneji. Ít nhất bọn họ cũng có cố giữ cho hắn sự hứng thú chứ.

Đôi khi, nhất là những lúc thế này, Gary Soneji muốn tuyên bố chân lý không thể chối cãi của cả vũ trụ.

Tuyên bố. Lắng nghe nhé, đồ chó cái cảnh sát bẩn thỉu và ngu dốt! Mày không biết tao là ai à? Mày không phát hiện được chút hóa trang đơn giản này sao? Tao là kẻ chúng mày đã trông thấy trong mọi bản tin suốt ba ngày qua. Mày và một nửa thế giới, Aretha bé yêu ạ.

Tuyên bố. Tao đã lên kế hoạch và thực hiện Vụ án Thế kỷ thật hoàn hảo. Tao đã trở nên vĩ đại hơn John Wayne Gacy, Jeffrey Dahmer, Juan Corona. Mọi thứ đều ổn cho tới khi thằng nhóc nhà giàu buồn rầu khiến cho tao khó chịu.

Tuyên bố. Hãy nhìn tao thật gần. Nhìn cho kỹ vào. Hãy một lần làm anh hùng trong đời đi xem nào. Hãy làm gì đó khác ngoài con số không vừa đen vừa béo trên Con đường Tình yêu. Nhìn tao đi, được chứ! *Nhìn tao đi!*

Người phụ nữ trả lại tiền lẻ cho Soneji. “Chúc ông Giáng sinh vui vẻ.”

Soneji nhún vai. “Cũng chúc bà Giáng sinh vui vẻ,” hắn nói.

Khi lái xe xa dần những bóng đèn nhấp nháy của trạm thu phí, Soneji tưởng tượng ra nữ cảnh sát với gương mặt nở nụ cười chúc-một-ngày-vui-vẻ. Hắn hình dung cả một đất nước đầy những *khuôn mặt bóng bay* mỉm cười. Chuyện này cũng đang diễn ra.

Thực tế là mọi thứ đang trở nên tệ hại hơn cả *Cuộc xâm lăng của người nhân bản**. Soneji phát điên khi nghĩ về nó, việc mà hắn đang cố gắng không làm. Đất nước của những cái đầu rỗng tuếch mỉm cười. Hắn yêu Stephen King, với sự lập dị đặc trưng của ông, và ước rằng King sẽ viết về tất cả những kẻ điên loạn thích mỉm cười ở nước Mỹ này. Hắn có thể hình dung ra lớp bìa chống bụi bọc bên ngoài tuyệt tác của King - *Những cái đầu bóng bay*.

Bốn mươi phút sau, Soneji bẻ lái đưa chiếc Saab rời khỏi đường 413 chạy vào Crisfield, Maryland. Hắn tăng ga chạy theo con đường đất đầy vết lún dẫn vào căn nhà nông trại. Đến lúc này tên bắt cóc phải mỉm cười, phải cười to. Hắn đã hoàn toàn đánh lừa và chơi khăm được bọn họ. Làm mọi chuyện lộn tùng phèo.

Cho tới giờ, họ không biết lối nào lên, lối nào xuống hay lối nào đi ngang. Có phải hắn đã đẩy vụ việc Lindbergh lên đến đỉnh điểm

không? Giờ là lúc cho những cái *đầu bóng bay* kia thêm một gáo nước lạnh nữa.

CHƯƠNG 22

DỨT KHOÁT ĐÃ ĐẾN GIỜ BIỂU DIỄN! Ngay trước mười giờ ba mươi sáng ngày hai mươi sáu tháng Mười hai, một nhân viên vận chuyển của hãng chuyển phát Federal Express có mặt tại văn phòng của FBI. Anh ta chuyển một thông điệp mới từ Con Trai Nhà Lindbergh.

Chúng tôi được triệu tập trở lại phòng xử lý khủng hoảng ở tầng hai. Dường như toàn bộ lực lượng FBI tập trung ở đó. Vấn đề là thế, và mọi người đều biết.

Một lát sau, đặc vụ Bill Thompson từ Miami vội vã bước vào. Anh ta huơ huơ một trong những chiếc phong bì quen thuộc của hãng chuyển phát. Thompson cẩn thận mở chiếc phong bì xanh-cam trước toàn thể nhóm.

“Anh ta sắp cho chúng ta xem thông điệp. Chỉ có điều anh ta sẽ không đọc cho chúng ta nghe,” Jeb Klepner từ Sở Mật vụ lầm rầm. Sampson và tôi đứng cùng Klepner và Jezzie Flanagan.

“Ồ, anh ta không muốn chịu toàn bộ sức nóng từ thông điệp này đâu,” Jezzie dự đoán. “Lần này anh ta sẽ chia sẻ với chúng ta.”

Thompson đã sẵn sàng và đứng trước mặt cả nhóm.

“Tôi có một thông điệp từ Gary Soneji. Nó có nội dung thế này.

“Có số 1,” Thompson đọc thông điệp lên.

“Rồi đến *mười triệu*, viết bằng chữ. Ở dòng thứ hai là số 2. Rồi đến *Công viên Disney, Orlando-Vương quốc Thần kỳ*. Dòng tiếp theo. Số 3. Rồi đến, *Đỗ xe ở khu Pluto, hàng 24. Đi qua hồ Seven Seas bằng phà, không dùng tàu một ray. 12 giờ 50 trưa nay. Việc này sẽ kết thúc*

lúc 1 giờ 15. Dòng cuối cùng. Thanh tra Alex Cross sẽ chuyển tiền chuộc. Một mình. Ký tên Con Trai Nhà Lindbergh.”

Bill Thompson ngược mắt lên ngay lập tức. Ánh mắt anh ta quét quanh phòng xử lý khủng hoảng. Anh ta chẳng gặp khó khăn gì để tìm thấy tôi trong số người nghe. Tôi có thể đảm bảo tuyệt đối rằng sự ngạc nhiên và sốc của anh ta cũng chẳng thấm thía gì so với cảm giác đó ở tôi. Adrenaline bơm đầy trong mạch máu khắp người tôi. Soneji muốn cái quái gì ở tôi? Làm thế nào hắn biết về tôi? Hắn có biết bây giờ tôi muốn tóm cái mặt chó của hắn đến mức nào không?

“Không có một nỗ lực đàm phán nào!” Đặc vụ Scorse bắt đầu nhặng xị. “Soneji coi như chúng ta sẽ phải chuyển cái mười triệu đô đó.”

“Đúng thế,” tôi lên tiếng. “Và hắn đã đúng. Chính gia đình nạn nhân mới quyết định số tiền chuộc được chuyển vào lúc nào và bằng cách nào.” Gia đình Dunne đã yêu cầu chúng tôi trả tiền cho Soneji - vô điều kiện. Có lẽ Soneji đã đoán được đến mức ấy. Không có gì phải nghi ngờ, đó là lý do chính khiến hắn chọn Maggie Rose. Nhưng tại sao hắn lại chọn tôi?

Đứng bên cạnh tôi, Sampson lắc đầu và lăm bầm, “Chúa ơi, rõ ràng hắn làm việc theo những cách thật bí hiểm.”

Sáu chiếc xe hơi đang đợi chúng tôi ở khu đậu xe nóng rất vì nắng phía sau tòa nhà của Cục. Bill Thompson, Jezzie Flanagan, Klepner, tôi và Sampson đi cùng trên một trong những chiếc xe mui kín của Cục. Sổ chứng khoán và tiền mặt cũng đi cùng chúng tôi. *Thanh tra Alex Cross sẽ chuyển số tiền chuộc.*

Tiền đã được tập hợp từ đêm hôm trước. Dồn được chừng đó tiền nhanh chóng là một việc cực kỳ phức tạp, nhưng hai ngân hàng Citibank và Morgan Stanley đã hợp tác tốt. Gia đình nhà Dunne và Jerrold Goldberg có quyền lực để đạt được điều họ muốn, và rõ ràng họ đã gây sức ép rất mạnh. Đúng như Soneji yêu cầu, hai triệu đô la để chuộc là tiền mặt. Phần còn lại là kim cương loại nhỏ và chứng khoán.

Món chuộc có thể chuyển nhượng, và lại rất gọn nhẹ. Đủ để chứa trong một chiếc cặp hiệu American Tourister.

Thời gian đi từ trung tâm Miami Beach tới sân bay Opa Locka West mất khoảng hai mươi lăm phút. Chuyến bay sẽ mất bốn mươi phút nữa. Như vậy chúng tôi sẽ tới Orlando lúc khoảng mười một giờ bốn mươi lăm phút trưa. Như thế là khá gấp.

“Chúng ta có thể thử cài một thiết bị lên người Cross.” Chúng tôi lắng nghe đặc vụ Scorse nói qua bộ đàm với Thompson. “Máy ghi âm bỏ túi. Chúng ta có một chiếc trên máy bay.”

“Tôi không thích thứ đó lắm, Gerry,” Thompson nói.

“Tôi cũng không thích,” tôi nói từ hàng ghế sau. Một tuyên bố đầy kiểm chế. “Không cài máy nghe. Thế thôi.”

Tôi vẫn đang cố hiểu vì sao và làm thế nào mà Soneji lại chọn tôi. Điều đó không có lý. Tôi nghĩ có lẽ hẳn đã đọc về tôi trên bìa báo ở Washington. Tôi biết rằng hẳn có một lý do nào đó hợp lý. Gần như không hoặc ít có thể nghi ngờ điều ấy.

“Sẽ có những đám đông lớn không tin nổi trong công viên đó,” Thompson nói thêm một lần nữa khi chúng tôi đã ngồi trên chiếc Cessna 310 bay tới Orlando. “Đó là lý do rõ ràng vì sao hẳn chọn Công viên Disney. Cũng có nhiều cha mẹ và trẻ nhỏ ở Vương quốc Thần kỳ. Hẳn thừa khả năng trà trộn vào đó cùng Maggie Dunne. Cũng có thể hẳn đã hóa trang cho con bé.”

“Công viên Disney hợp với kiểu mẫu chọn những biểu tượng lớn và quan trọng của hẳn,” tôi nói. Trong giả thuyết tôi đã ghi vào cuốn sổ, có thể Soneji từng là một đứa trẻ bị lạm dụng. Nếu đúng thế, hẳn không có gì ngoài sự cuồng nộ và ghê tởm đối với một nơi như Công viên Disney - nơi những đứa bé “ngoan” phải đến cùng với các bậc cha mẹ “tốt” của chúng.

“Chúng ta đã có lực lượng trinh sát cả trên mặt đất và trên không ở công viên,” Scorse nói thêm. “Ngay bây giờ hình ảnh đang được

truyền về phòng xử lý khủng hoảng ở Washington. Chúng ta cũng đang ghi hình Đảo Epcot và Pleasure. Để đề phòng hăn giở trò gì đó vào phút chót.”

Tôi có thể tưởng tượng ra khung cảnh trong phòng xử lý khủng hoảng của FBI ở phố 10. Có đến cả chục nhân vật quan trọng chen chúc trong đó. Mỗi người sẽ có một bàn riêng và một màn hình nổi cáp. Ảnh Công viên Walt Disney chụp từ trên không sẽ xuất hiện trên các màn hình ngay lập tức. Bảng thông tin lớn của căn phòng sẽ đánh đầy các dữ liệu... chính xác bao nhiêu đặc vụ và các lực lượng khác đang tập trung về công viên đó vào thời điểm này. Số lối thoát. Mọi con đường dẫn vào hoặc dẫn ra. Tình trạng thời tiết. Quy mô của đám đông vào ban ngày. Số người thuộc lực lượng an ninh của Disney. Nhưng có lẽ sẽ chẳng có gì hết về Gary Soneji hay Maggie Rose vì nếu có thì chúng tôi đã được nghe những thông tin ấy rồi.

“Tôi đang đến Công viên Disney!” Một trong những đặc vụ trên máy bay khai mào một câu đùa. Cách nói chuyện khá đặc trưng của cảnh sát mang lại tiếng cười chứa đựng sự lo lắng. Phá vỡ sự căng thẳng là điều tốt và cũng là việc không dễ làm trong những hoàn cảnh khó khăn.

Ý nghĩ phải đối mặt với một gã điên và một bé gái bị bắt cóc không dễ chịu gì. Thực tế lạnh lẽo về những đám đông trong ngày nghỉ đang đợi chúng tôi ở Công viên Disney cũng thế. Người ta báo cho chúng tôi rằng bên trong công viên giải trí theo chủ điểm và khu đỗ xe đã có hơn bảy mươi ngàn người. Thế nhưng đây vẫn là cơ hội tốt nhất cho chúng tôi tóm Soneji. Đây có thể là cơ hội duy nhất của chúng tôi.

Chúng tôi đến Vương quốc Thần kỳ bằng một chiếc xe tải lưu động đặc biệt, một xe cảnh sát hộ tống có còi hú và đèn ưu tiên. Chúng tôi vào làn đường dành cho xe gặp sự cố ở đường 1-4, vượt qua tất cả xe cộ thông thường từ sân bay tới.

Những người ngồi chật trong những chiếc xe đuôi thùng và xe tải nhỏ chế nhạo và chúc mừng đoàn xe tốc độ cao của chúng tôi. Chẳng ai trong số họ biết chúng tôi là ai hay tại sao chúng tôi vội vã tới Công viên Disney. Chỉ là những nhân vật đặc biệt quan trọng đi xem chuột Mickey và Minnie.

Chúng tôi ra khỏi xa lộ ở đường nhánh 26-A, rồi tiếp tục chạy theo World Drive tới khu bán ô tô. Rồi có mặt ở khu đỗ xe sau mười hai giờ mười lăm phút trưa một chút. Như thế là cực kỳ sát giờ, bởi Soneji không cho chúng tôi thời gian để sắp xếp.

Tại sao lại là Công viên Disney? Tôi vẫn cố gắng giải mã. Vì hồi còn nhỏ, Gary Soneji luôn muốn tới đó nhưng không bao giờ được phép chẳng? Hay bởi hắn đánh giá cao hiệu ứng tác động lên hệ thần kinh của công viên giải trí được vận hành trơn tru này?

Vào Công viên Disney sẽ là điều tương đối dễ dàng với Gary Soneji. Nhưng hắn sẽ thoát ra bằng cách nào? Đó chính là câu hỏi gây tò mò hơn cả.

CHƯƠNG 23

CÁC NHÂN VIÊN CẤP CAO CỦA DISNEY đỗ những chiếc ô tô của chúng tôi ở khu Pluto, hàng hai mươi tư. Một chiếc xe điện làm từ sợi thủy tinh đang đợi ở đó để đón chúng tôi và đưa tới phà.

“Theo anh thì tại sao Soneji lại chỉ đích danh anh?” Bill Thompson nói khi chúng tôi ra khỏi xe. “Có ý kiến nào không, Alex?”

“Có lẽ khi ở Washington thủ phạm đã biết thông tin về tôi qua những bài báo,” tôi đáp. “Có lẽ tên này biết rằng tôi là chuyên gia tâm lý và điều đó khiến hắn chú ý. Chắc chắn tôi sẽ hỏi hắn về chuyện ấy. Khi tôi gặp hắn.”

“Cứ thoải mái về hắn đi,” Thompson đưa ra lời khuyên. “Tất cả những gì chúng ta muốn là đưa được con bé trở về.”

“Đó là tất cả những gì tôi muốn,” tôi nói. Thực ra cả hai chúng tôi đều làm bộ. Chúng tôi muốn Maggie Rose được an toàn, nhưng cũng muốn tóm cổ Soneji nữa. Chúng tôi muốn bắt hắn ngay ở Công viên Disney.

Thompson quàng tay qua vai tôi khi cả hai đứng trong khu đỗ xe. Bắt đầu có chút tình thân dễ chịu. Sampson và cả Jezzie Flanagan cùng chúc tôi may mắn. Các đặc vụ FBI đều tích cực hỗ trợ bọn tôi, ít ra là ở thời điểm này.

“Cậu cảm thấy thế nào?” Sampson kéo riêng tôi ra mất một lúc. “Cậu thấy ổn với toàn bộ chuyện chết tiệt này chứ? Hắn yêu cầu đích danh cậu, nhưng cậu không buộc phải đi đâu.”

“Tớ ổn. Hắn sẽ không làm hại tớ. Tớ đã quen với mấy tay tâm thần rồi, nhớ chứ?”

“Bản thân cậu cũng là một tay tâm thần, anh bạn ạ.”

Tôi cầm lấy chiếc cặp chứa tiền chuộc. Rồi một mình leo lên chiếc xe điện màu cam sáng. Nằm chặt lấy thanh nằm phía trên đầu, tôi hướng về Vương quốc Thần kỳ, nơi tôi sẽ trao tiền để đổi lấy Maggie Rose Dunne.

Bây giờ là mười hai giờ bốn mươi bốn phút trưa. Tôi đến sớm sáu phút.

Chẳng ai chú ý đến tôi khi tôi di chuyển cùng dòng người chật cứng về phía các dãy quầy bán vé và cửa xoay ở Trung tâm vé của Vương quốc Thần kỳ. Việc gì họ phải để ý chứ?

Chắc hẳn Soneji cố tình chọn nơi đông người. Tôi nắm chiếc cặp chặt hơn. Tôi cảm thấy rằng miễn là có tiền chuộc, tôi sẽ đảm bảo an toàn được cho Maggie Rose.

Liệu hẳn có dám đưa con bé theo không? Bản thân hẳn có ở đây không? Hay toàn bộ chuyện này là bài kiểm tra dành cho chúng tôi? Bây giờ chuyện gì cũng có thể xảy ra.

Tâm lý của đám đông ở Công viên Disney là thư thái và thoải mái. Đây hầu hết là các gia đình đi nghỉ, đang vui vẻ dưới bầu trời xanh trong gợn chút mây trắng. Tiếng thông báo đầy dễ chịu vang lên: “Hãy nắm tay trẻ nhỏ, xin đừng quên tư trang của quý khách, và hãy cùng vui chơi trong Vương quốc Thần kỳ.”

Dù ta có mệt mỏi, kiệt sức đến mức nào, vùng đất của trí tưởng tượng cũng đầy mê hoặc. Mọi thứ đều sạch sẽ và an toàn đến mức khó tin. Ta không thể không có cảm giác được bảo vệ tuyệt đối, với tôi đó là một cảm giác kỳ quặc đáng nguyên rủa.

Chuột Mickey, chó Goofy và Bạch Tuyết chào đón mọi người ở những cánh cổng phía trước. Công viên tuyệt vời không chê vào đâu được. Bản *Yankee Doodle Dandy* phát ra từ những chiếc loa được giấu rất khéo dưới các bụi cây được cắt tỉa.

Tôi có thể cảm thấy tim mình đập dồn dập bên dưới chiếc sơ mi thể thao rộng lòng thùng. Lúc này tôi không còn mối liên hệ nào với lực lượng hỗ trợ. Tôi sẽ như thế cho tới khi thực sự đặt chân vào bên trong Vương quốc Thần kỳ.

Hai lòng bàn tay ẩm ướt nên tôi chùi vào quần. Chuột Mickey đang bắt tay khách ngay phía trước mặt tôi. Thế này thật điên rồ.

Tôi vừa mới đi vào vùng bóng râm trải ra từ Trung tâm vé và Vận chuyển đổ xuống. Chiếc phà đã hiện ra, bản sao thu nhỏ của một chiếc thuyền trên sông Mississippi nhưng không có bánh chèo.

Một người đàn ông mặc áo khoác thể thao và mũ có vành lướt vào bên cạnh tôi. Tôi không biết liệu đây có phải là Soneji hay không. Cảm giác về sự an toàn, được bảo vệ ở Công viên Disney lập tức vỡ tan.

“Thay đổi kế hoạch, Alex. Tôi sẽ đưa anh tới gặp Maggie Rose bây giờ. Xin hãy tiếp tục nhìn thẳng về phía trước. Cho tới giờ thì anh đã làm rất tốt. Chỉ cần tiếp tục như thế là chúng ta có thể về nhà an toàn.”

Một Lọ Lem cao hơn một mét tám mươi bước qua chúng tôi, đi về hướng ngược lại. Trẻ con và người lớn ồ lên khi trông thấy cô.

“Bây giờ quay lại đi, Alex. Chúng ta sẽ đi bộ theo đúng con đường anh đã đi vào đây. Đây có thể là một ngày nghỉ thoải mái. Tùy thuộc vào anh đấy, anh bạn ạ.”

Gã đàn ông điềm tĩnh và tự chủ một cách hoàn hảo, đúng phong thái mà Soneji đã thể hiện trong suốt vụ bắt cóc. Cho tới giờ, mọi thứ đều toát ra vẻ bất khả chiến bại. Hắn đã gọi tôi là Alex. Chúng tôi bắt đầu bước ngược với dòng dịch chuyển của đám đông.

Đầu Lọ Lem với những lọn tóc vàng lúc lắc ở phía trước chúng tôi. Trẻ con cười vui sướng khi thấy nhân vật trong phim và hoạt hình xuất hiện ngoài đời.

“Tôi phải được gặp Maggie Rose trước” là điều duy nhất tôi nói với gã đàn ông đội mũ có vành. Có khả năng hắn là Soneji cải trang

không? Tôi không thể biết được. Tôi cần nhìn tay này cho rõ hơn.

“Thế thì tốt. Nhưng nếu bất kỳ ai ngăn chúng ta lại, tôi nói để anh biết ngay bây giờ, thì con bé sẽ chết.” Mũ Có Vành nói rất tự nhiên, như thể hẳn đang nói cho một người lạ biết lúc này là mấy giờ.

“Sẽ không ai chặn chúng ta lại,” tôi trấn an hẳn. “Mỗi quan tâm duy nhất của chúng tôi là sự an toàn của con bé.”

Tôi hy vọng rằng điều ấy đúng với tất cả các bên liên quan. Sáng nay tôi đã có cuộc gặp chóng vánh với Katherine và Tom Dunne. Tôi biết rằng tất cả những gì họ quan tâm là đưa được con gái nhỏ của mình về nhà vào đêm nay.

Mồ hôi túa ra khắp người tôi. Tôi không kiểm soát được việc ấy. Nhiệt độ chỉ khoảng ba mươi độ C nhưng độ ẩm lại cao.

Tôi bắt đầu lo về một sự cố do sơ suất gây ra. Ở đây bất kỳ chuyện gì cũng có thể hỏng bét. Chúng tôi đã bao giờ được diễn tập việc này, ở giữa Công viên Disney với những đám đông không thể lường trước của nó đâu.

“Nghe này. Nếu FBI thấy tôi đi ra ngoài, ai đó có thể tiếp cận chúng ta,” tôi quyết định nói với hẳn. “Tôi hy vọng là sẽ không như thế,” hẳn nói và phát ra tiếng chắc chắc mĩa mai. Đầu hẳn lắc qua lắc lại. “Làm thế là vi phạm nghiêm trọng các quy định đấy.”

Dù tên này là ai, khi gặp nguy hiểm hẳn vẫn điềm tĩnh một cách khác thường. Hẳn từng làm việc này bao giờ chưa? Tôi tự hỏi. Với tôi, dường như chúng tôi đã quay trở lại hướng của các dây xe điện màu cam. Một trong những chiếc xe điện sẽ đưa chúng tôi trở về khu đỗ xe. Có phải đó là kế hoạch không?

Gã đàn ông quá to lớn nên không thể là Soneji, tôi nghĩ. Trừ phi hẳn có cách hóa trang rất tốt và độn nhiều thứ trong người. Suy nghĩ về một diễn viên lại xuất hiện. Tôi cầu Chúa rằng đây không phải kẻ giả danh. Không phải một kẻ đã phát hiện ra điều gì đang diễn ra ở Florida và liên lạc với chúng tôi hòng cuỗm tiền chuộc. Đó sẽ không

phải là lần đầu tiên mà trường hợp kiểu này xảy ra trong một vụ bắt cóc.

“Cục Điều tra Liên bang đây! Giơ hai tay lên!” Đột nhiên tôi nghe tiếng quát. Tất cả diễn ra nhanh như điện. Tim tôi như bắn ra khỏi lồng ngực. Họ đang làm cái quái gì đây? Họ đang nghĩ gì vậy?

“Cục Điều tra Liên bang đây!”

Sáu đặc vụ đã bao quanh chúng tôi trong khu đỗ xe. Tất cả đã rút súng ngắn ra. Ít nhất một khẩu súng trường đang nhắm vào gã liên lạc, và tức là cũng nhắm vào tôi.

Đặc vụ Bill Thompson đứng đó cùng những người khác. Chúng ta chỉ muốn đưa được con bé trở về, mới lúc trước anh ta đã nói với tôi như vậy.

“Lùi ra! Lùi lại!” Tôi mất bình tĩnh và quát lên với họ. “Tránh xa chúng tôi ra! Rời khỏi đây ngay!”

Bây giờ tôi đã nhìn thẳng vào mặt Mũ Có Vành. Không thể là Gary Soneji. Tôi gần như chắc chắn về điều ấy. Dù là ai, hẳn cũng chẳng cần quan tâm liệu mình bị nhận dạng hoặc chụp ảnh ở Orlando hay không.

Tại sao lại thế? Làm sao mà tay này có thể bình thản như vậy?

“Nếu các anh bắt tôi, con bé sẽ chết,” gã đàn ông nói với các đặc vụ FBI bao vây chúng tôi. Hắn lạnh như băng. Đôi mắt lạnh lẽo vô hồn. “Không gì có thể ngăn nổi chuyện ấy. Tôi không thể làm gì. Các anh cũng không. Nó đang gặp rắc rối.”

“Bây giờ con bé còn sống chứ?” Thompson tiến lên một bước về phía gã đàn ông. Trông như thể anh ta có thể tấn công hắn - việc tất cả chúng tôi đều muốn làm.

“Nó vẫn còn sống. Cách đây chừng hai tiếng tôi đã thấy nó. Nó sẽ được tự do về nhà trừ phi các anh làm hỏng chuyện này. Và các anh đang làm hỏng chuyện bằng cách làm ầm ĩ lên. Bây giờ chỉ cần lùi lại, đúng như viên thanh tra nói. Lùi lại đi, anh bạn.”

“Làm thế nào chúng tôi biết rằng anh là người của Soneji?” Thompson hỏi.

“1. Mười triệu. 2. Disney World, Orlando - Thế giới Thần kỳ. 3. Đổ xe ở khu Pluto, hàng hai mươi tư.” Gã đội mũ có vành đọc chính xác những từ của bức thông điệp đòi tiền chuộc.

Thompson đứng yên. “Chúng ta sẽ đàm phán về việc thả con bé. Đàm phán. Anh làm theo cách của chúng tôi.”

“Cái gì? Và giết đứa nhỏ à?” Jezzie Flanagan bước thẳng lên phía sau Thompson và lực lượng của FBI.

“Bỏ súng của các anh xuống,” cô nói dứt khoát. “Để cho thanh tra Cross thực hiện vụ trao đổi. Nếu làm theo cách của các anh và con bé chết, tôi sẽ nói cho mọi phóng viên ở nước này biết. Tôi thề là sẽ làm điều đó, Thompson. Tôi thề với Chúa là thế.”

“Tôi cũng sẽ làm thế,” tôi nói với tay đặc vụ FBI. “Tôi nói thật đấy.”

“Đây không phải hắc. Đây không phải Soneji,” cuối cùng Thompson cũng lên tiếng. Anh ta nhìn đặc vụ Scorse và lắc đầu về ghê tởm. “Để họ đi,” anh ta ra lệnh. “Cross và tiền chuộc đến chỗ Soneji. Đó là quyết định.”

Gã liên lạc lạnh băng cùng tôi lại bắt đầu bước - tôi thì run lên. Người ta đang chăm chăm nhìn khi chúng tôi tiếp tục hành trình về phía những chiếc xe điện màu cam. Tôi cảm thấy mọi chuyện dường như hoàn toàn không có thực. Một lát sau chúng tôi đã ở trong một trong những chiếc xe điện. Cả hai ngồi xuống.

“Bọn khốn,” gã liên lạc lẩm bẩm. Đó là dấu hiệu đầu tiên thể hiện cảm xúc của hắc. “Suýt nữa bọn nó phá hỏng hết mọi thứ.”

Chúng tôi dừng lại bên một chiếc Nissan Z còn mới ở khu Donald, hàng sáu. Chiếc xe có màu xanh sẫm, với lớp kính được phủ sơn xám. Trong chiếc xe thể thao này không có ai.

Mũ Có Vành nổ máy, rồi chúng tôi lại trở ra phía đường 1-4. Vào buổi trưa hầu như không có xe cộ rời khỏi công viên. Một ngày nghỉ

thoải mái, hẳn đã nói thế.

Chúng tôi quay lại về phía sân bay quốc tế Orlando. Về phía Đông. Tôi cố buộc gã đàn ông phải mở miệng song hẳn chẳng có gì để nói với tôi.

Có lẽ tay liên lạc không điềm tĩnh và tự chủ đến thế. Có lẽ lúc này hẳn cũng sợ đến bình ra quần. Cục đã suýt phá hỏng mọi chuyện; đây không phải lần đầu tiên. Thực ra, động thái ở công viên có lẽ chỉ là động tác giả, không hơn. Khi nghĩ về điều đó, tôi nhận thấy rằng đó là cơ hội cuối cùng của họ để đàm phán việc thả Maggie Rose Dunne.

Hơn nửa giờ trôi qua, chúng tôi tiến vào khu dành cho máy bay riêng, qua nhà ga chính sân bay Orlando vài dặm. Bây giờ là một rười chiều. Vụ trao đổi sẽ không diễn ra ở Công viên Disney.

“Bức thông điệp hứa rằng đến một giờ mười lăm việc này sẽ xong,” tôi nói khi cả hai ra khỏi chiếc Nissan. Một cơn gió nóng nhiệt đới từ phía bên kia sân bay thổi vào chúng tôi. Mùi nhựa đường nóng và dầu diesel đặc quánh.

“Thông điệp đó nói dối đấy,” gã liên lạc nói. Hẳn lại lạnh như băng. “Đây là máy bay của chúng ta. Bây giờ chỉ có anh và tôi. Hãy cố khôn ngoan hơn bọn FBI, Alex. Không nên cứng nhắc quá.”

CHƯƠNG 24

“*HÃY NGỒI THOẢI MÁI*, thư giãn, và tận hưởng chuyến bay,” gã liên lạc nói khi hai chúng tôi đã lên máy bay. “Có vẻ như tôi là phi công thân thiện của anh. Này, nhưng có thể không được thân thiện lắm đâu.”

Hắn còng tôi vào tay của một trong bốn chiếc ghế hành khách. Một người nữa bị giữ làm con tin, tôi nghĩ. Có lẽ tôi có thể giật tung tay ghế ra. Nó làm bằng kim loại và nhựa. Đủ lỏng lẻo.

Chắc chắn gã liên lạc là phi công của chiếc máy bay này. Hắn hoàn thành thủ tục xin phép cất cánh, rồi chiếc Cessna vừa xóc vừa chạy trên đường băng, từ từ tăng tốc độ. Cuối cùng nó cất cánh và bay lên không trung, theo hướng Đông Nam, bay trên phần Đông của Orlando và St. Petersburg. Tôi chắc chắn rằng, cho đến lúc này, chúng tôi vẫn đang bị theo dõi. Nhưng kể từ đây trở đi, mọi thứ phụ thuộc vào gã liên lạc. Và phụ thuộc vào kế hoạch hoàn hảo của Soneji.

Trong vài phút bay đầu tiên, hai chúng tôi im lặng. Tôi ngồi tựa vào ghế và quan sát gã liên lạc làm việc, cố gắng nhớ mọi chi tiết của chuyến bay cho tới lúc này. Gã đàn ông có năng lực và rất thoải mái trong việc điều khiển máy bay. Vẫn không có dấu hiệu căng thẳng nào. Rõ ràng là một tay chuyên nghiệp.

Một liên tưởng kỳ lạ xuất hiện trong đầu tôi. Bây giờ chúng tôi đang ở Florida, bay hướng về phía Nam. Ban đầu một băng đảng ma túy Colombia đã đe dọa gia đình Bộ trưởng Goldberg. Đó có phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên không? Tôi đã không còn tin vào sự trùng hợp nữa.

Một nguyên tắc làm việc của cảnh sát, đặc biệt là công việc cảnh sát theo kinh nghiệm của tôi, cứ liên tục xuất hiện trong đầu tôi. Một nguyên tắc quan trọng. Chín mươi lăm phần trăm vụ án được giải quyết bởi kẻ nào đó mắc một sai lầm. Cho tới giờ Soneji chưa mắc sai lầm nào. Hắn đã không để lại cho chúng tôi kẻ hờ nào. Bây giờ sẽ là lúc cho những sai lầm. Vụ trao đổi sẽ là khoảng thời gian nguy hiểm đối với hắn.

"Toàn bộ vụ này đã được lên kế hoạch với độ chính xác rất cao," tôi nói với Mũ Có Vành. Bây giờ chiếc máy bay đang tiến xa hơn ra Đại Tây Dương. Hướng đến cái đích nào? Để thực hiện vụ trao đổi cuối cùng vì Maggie Rose sao?

"Anh khá đúng đấy. Mọi thứ chặt chẽ hết mức có thể. Anh sẽ không tin mọi thứ được sắp xếp kín kẽ thế nào đâu."

"Con bé thực sự ổn chứ?" tôi hỏi hắn thêm một lần.

"Tôi đã nói với anh rồi, sáng nay tôi đã trông thấy nó. Chưa ai động đến nó," hắn nói. "Một sợi tóc cũng không."

"Thực sự khó để tôi tin điều đó," tôi nói. Tôi nhớ chúng tôi đã tìm thấy Michael Goldberg như thế nào.

Tay phi công nhún đôi vai rộng của mình. "Anh muốn tin cái quái gì cũng được." Hắn không thực sự quan tâm tới những gì tôi nghĩ.

"Michael Goldberg đã bị lạm dụng tình dục. Tại sao chúng tôi lại phải tin rằng con bé không bị làm hại?" tôi hỏi.

Gã liên lạc nhìn tôi. Trong lòng tôi có cảm giác rằng hắn không biết gì về tình trạng của Goldberg. Theo tôi, dường như hắn không phải đồng bọn của Soneji, mà Gary Soneji cũng không có đồng bọn thực sự nào. Chắc chắn tay phi công là kẻ được thuê, nghĩa là chúng tôi có cơ hội cứu Maggie Rose.

"Michael Goldberg còn bị đánh *sau khi* đã chết," tôi nói với hắn. "Nó bị hiếp dâm. Nói để anh biết mình đang dính líu đến chuyện gì. Đối tác của anh là ai."

Vì lý do nào đó, điều ấy khiến gã liên lạc cười nhảu nhở. “Được rồi. Không gợi ý hữu ích hay câu hỏi khó chịu nào nữa. Dù tôi đánh giá cao sự lo lắng của anh. Tận hưởng chuyến bay đi. Con bé chưa bị đánh hay bị lạm dụng tình dục. Với tư cách một quý ông, tôi nói thật đấy.”

“Anh đúng là người như thế à? Dù sao thì anh cũng không thể biết điều đó,” tôi nói. “Từ sáng tới giờ anh chưa gặp con bé. Anh không biết Soneji có thể làm gì khi chỉ có mình hăn. Dù tên thật của hăn là gì.”

“Ừ, mà này, tất cả chúng ta đều phải tin tưởng đối tác của mình. Giờ anh chỉ ngồi yên và im miệng đi. Hãy tin tôi. Vì phi hành đoàn thiếu người, chuyến bay này không mời khách dùng đồ uống hay đồ ăn vặt đâu.”

Tại sao hăn lại điềm tĩnh kinh khủng như thế nhỉ? Hăn *quá* tin vào ở bản thân.

Liệu có phải đã có những vụ bắt cóc khác diễn ra trước vụ này? Có thể hăn đã diễn một vụ thử nghiệm ở đâu đó không? Ít nhất đó cũng là điều cần xác minh. Nếu tôi có khả năng xác minh điều gì đó sau khi chuyện này kết thúc.

Tôi ngả người về sau một lúc và nhìn xuống phía dưới. Chúng tôi đang bay phía trên mặt biển. Tôi nhìn đồng hồ đeo tay của mình - đã hơn ba mươi phút kể từ khi rời Orlando. Biển có vẻ động, dù trời nắng và sáng sủa. Thi thoảng có một đám mây phủ bóng xuống mặt nước nhấp nhô. Cái bóng chập chờn của chiếc máy bay xuất hiện rồi lại biến mất. Hăn là Cục đang theo dõi chúng tôi qua radar, nhưng tay phi công cũng sẽ biết điều đó. Hăn không có vẻ gì lo lắng. Đây là trò mèo vờn chuột đáng sợ. Gã liên lạc sẽ phản ứng thế nào? Soneji và Maggie Rose đang ở đâu? Chúng tôi sẽ trao đổi ở đâu?

“Anh học bay ở đâu?” tôi hỏi. “Ở Việt Nam à?” Tôi đang phân vân về điều đó. Hăn có vẻ ở đúng độ tuổi, từ bốn lăm đến gần năm

mười, dù bắt đầu trông xuống phong độ. Tôi đã điều trị cho một số cựu binh trở về từ Việt Nam có đủ sự bất cần để tham gia vào một vụ bắt cóc.

Hắn không khó chịu bởi câu hỏi này, nhưng cũng không trả lời tôi.

Thật kỳ quái. Gã liên lạc vẫn không có vẻ lo lắng hay hồi hộp. Một trong hai đứa trẻ bị bắt cóc đã chết. Tại sao hắn lại tự mãn và thư thái như vậy? Hắn biết điều gì mà tôi không biết? Gary Soneji là ai? Hắn là ai? Quan hệ của chúng là thế nào?

Sau khoảng nửa giờ, chiếc Cessna bắt đầu hạ thấp độ cao hướng về phía một hòn đảo nhỏ bao quanh là các bãi tắm cát trắng. Tôi không biết chúng tôi đang ở đâu. Có lẽ là một nơi nào đó ở Bahamas chẳng? FBI vẫn bám sát chúng tôi chứ? Vẫn theo dõi chúng tôi từ trên trời chứ? Hay đã mất dấu?

“Hòn đảo dưới kia tên gì vậy? Chúng ta đang ở đâu? Đến lúc này thì tôi cũng chẳng làm được gì nữa.”

“Đây là Little Abaco,” rốt cuộc gã liên lạc cũng trả lời. “Có kẻ nào lần theo dấu vết của ta không? FBI? Giám sát điện tử? Có thiết bị gắn trên người anh à?”

“Không,” tôi đáp. “Không có thiết bị nào. Chẳng giấu giếm gì đâu.”

“Có thể họ phủ gì đó lên tiền chẳng?” Tên này dường như biết hết mọi khả năng có thể xảy ra. “Chẳng hạn như bụi huỳnh quang ấy?”

“Chuyện đó thì tôi không biết,” tôi nói. Tuyên bố ấy cũng đúng phần nhiều. Nhưng tôi cũng không thể chắc chắn. Có thể FBI đã không nói cho tôi biết tất cả.

“Tôi hy vọng là không. Khó mà tin được các anh sau chuyện đã xảy ra ở Công viên Disney. Nơi ấy đầy cảnh sát và bọn FBI. Mà lại sau khi chúng tôi đã bảo các anh không được làm thế. Thời nay chẳng thể tin nổi ai.”

Tay phi công đang cố gắng hài hước. Tên này chẳng thèm quan tâm tôi có hưởng ứng hay không. Hắn dường như là một kẻ sa cơ lỡ bước đến tuyệt vọng nhưng lại được trao cơ hội kiếm tiền cuối cùng. Những đồng tiền bẩn nhất thế giới.

Có một đường băng hẹp trên bãi biển. Lớp cát lèn chặt chạy dài khoảng vài trăm mét. Chiếc máy bay hạ cánh nhẹ nhàng và chuyên nghiệp. Tay phi công làm một cú cua hình chữ U khá nhanh rồi chạy thẳng về phía một hàng cọc. Dường như đây là một phần của kế hoạch. Mọi chi tiết đều đúng như đã định. Cho tới giờ thì hoàn hảo.

Ở đây không có ngôi nhà độc đáo nào nằm một mình trên đảo. Tôi không thể nhìn ra khu vực đón tiếp nào. Những quả đồi phía sau bãi tắm sum suê và mọc dày cây nhiệt đới.

Không có dấu hiệu nào của con người, ở bất kỳ đâu. Không Maggie Rose Dunne. Không Soneji.

“Con bé ở đây không?” tôi hỏi gã hên lạc.

“Câu hỏi tốt đấy,” hắn đáp. “Chúng ta hãy đợi xem. Tôi sẽ đi tiền trạm.”

Hắn tắt động cơ, rồi chúng tôi chờ đợi trong sự tĩnh lặng và cái nóng ngộp thở. Ngoài ra thì cũng không có thêm câu trả lời nào cho các câu hỏi của tôi. Tôi muốn giật tung cái tay ghế và nện hắn bằng thứ đó. Tôi nghiến răng mạnh đến mức thấy đau đầu.

Gã liên lạc dán mắt nhìn bầu trời không mây phía trên đường băng. Hắn quan sát qua kính chắn gió nhiều phút liền. Tôi thấy khó thở trong cái nóng hầm hập.

Con bé có ở đây hay không? Liệu Maggie Rose còn sống không? Thăng khốn nạn!

Những con bọ liên tục đậu xuống lớp kính màu. Một con bọ nông dâm bồ xuống vài lần. Nơi này trông có vẻ cô độc. Chẳng có việc gì khác diễn ra.

Trời ngày càng nóng, đến mức không chịu nổi. Nóng như một chiếc xe hơi bị bỏ lại dưới nắng. Hình như gã phi công không cảm

thấy điều ấy. Rõ ràng hắn đã quen với dạng thời tiết này.

Vài phút đã kéo dài thành một giờ. Rồi hai giờ. Người tôi ướt đầm mồ hôi và như sắp chết vì khát. Tôi cố gắng không nghĩ đến cái nóng nhưng không thể. Tôi vẫn nghĩ rằng chắc chắn FBI đang theo dõi chúng tôi từ trên không. Tình trạng đầu súng kiểu Mexico*. Điều gì sẽ phá vỡ tình trạng đó?

“Maggie Rose Dunne có ở đây không?” tôi hỏi gã liên lạc thêm vài lần. Chuyện này càng kéo dài, tôi càng lo cho con bé.

Không một câu trả lời. Thậm chí không một dấu hiệu nào cho thấy tay phi công nghe tôi hỏi. Hắn chẳng nhìn đồng hồ đeo tay lần nào. Hắn không quay lại, không cựa quậy. Tên này đang rơi vào trạng thái bị hôn mê nào đó chẳng? Hắn có vấn đề gì?

Trong một lúc lâu, tôi chăm chăm nhìn tay ghế mà tôi bị còng vào. Tôi nghĩ đó gần như một sai lầm mà bọn chúng phạm phải. Cái tay ghế đã cũ, và phát ra tiếng rắc rắc khi tôi kiểm tra độ chắc chắn của nó. Tôi có thể giật tung nó ra khỏi ghế. Nếu chuyện đó xảy ra, tôi biết mình sẽ gặp rắc rối. Nhưng tôi phải thử. Đó là giải pháp duy nhất.

Rồi, đột nhiên và bất ngờ như khi hạ cánh, chiếc Cessna chạy trở về phía đường băng trên bãi biển. Chúng tôi lại cất cánh.

Chúng tôi bay thấp, ở độ cao dưới ba trăm mét. Không khí mát mẻ ùa vào máy bay. Tiếng rền của cánh quạt khiến tôi buồn ngủ.

Trời đang tối dần. Tôi quan sát mặt trời biến mất dần khi bóng đêm kéo tới, chìm xuống dưới đường chân trời phía trước. Cảnh thật đẹp và thật kỳ quái trong hoàn cảnh này. Tôi biết gã phi công đã chờ đợi điều gì. Đợi đêm xuống. Hắn muốn làm việc về đêm. Soneji thích bóng đêm.

Khoảng nửa giờ sau khi trời tối, chiếc máy bay lại bắt đầu hạ thấp độ cao. Phía bên dưới chúng tôi có những dải và đốm sáng bé xíu - nhìn từ không trung trông như một thị trấn nhỏ. Đây rồi. Đây mới là lúc bắt đầu vở diễn. Vụ trao đổi Maggie Rose sắp diễn ra.

“Đừng hỏi gì tôi. Bởi tôi sẽ không nói cho anh đâu,” gã liên lạc nói từ ghế điều khiển mà không hề quay lại.

“Bây giờ việc đó có gì làm tôi ngạc nhiên nữa chứ?” tôi nói. Cố gắng làm ra vẻ đang dịch chuyển người trên ghế, tôi giật tay ghế và cảm thấy thứ gì đó lung lay. Tôi sợ làm nó rời ra nhiều hơn.

Đường băng và sân bay nhỏ, nhưng ít ra cũng là có. Tôi có thể trông thấy hai chiếc máy bay nhỏ khác gần tòa nhà không được sơn. Tay phi công cố gắng dùng vô tuyến liên lạc với ai đó trên mặt đất. Tim tôi đập dồn dập.

Một tấm bảng trạm xăng Flying A kiểu cũ chênh vênh đứng trên mái tòa nhà. Khi chúng tôi hạ cánh, không có dấu hiệu của bất kỳ ai. Không thấy Gary Soneji. Không thấy Maggie Rose. Chính xác là chưa thấy.

Kẻ nào đó đã vội vã bỏ đi, tôi nghĩ. Bây giờ chúng ở đâu?

“Đây là nơi sẽ thực hiện vụ trao đổi Maggie Rose à?” Tôi lại tác động tới tay ghế. Một cú giật nữa với gần như toàn bộ sức lực của tôi.

Gã liên lạc từ ghế ngồi đứng lên. Hắn lách người qua tôi. Tên này bắt đầu leo ra khỏi máy bay. Hắn đang cầm chiếc cặp chứa mười triệu đô la.

“Tạm biệt thanh tra Cross,” hắn xoay người lại và nói. “Xin lỗi, nhưng tôi phải chạy. Lát nữa đừng bận tâm đến việc tìm kiếm khu vực này. Con bé không ở đây đâu. Thậm chí gần đây cũng không. Mà này, chúng ta đã trở lại đất Mỹ rồi. Bây giờ anh đang ở Nam Carolina.”

“Con bé đâu?” tôi hét lên gọi hắn, nín chiếc còng gắn vào tay ghế. FBI đâu rồi? Họ tụt lại sau chúng tôi bao xa?

Tôi phải làm gì đó. Bây giờ tôi phải hành động. Tôi đứng lên để tạo đà, rồi dùng cả trọng lượng và sức lực của mình để giật phăng cái tay ghế của chiếc máy bay nhỏ này. Bộ phận bằng nhựa và kim loại tung ra một nửa. Tôi tiếp tục giật. Nửa còn lại của tay ghế bật tung ra với tiếng động mạnh, giống như một chiếc răng ở sâu bên trong và bị nhổ đi đầy đau đớn.

Chỉ sau hai sai chân, tôi đã ra đến cánh cửa đang để mở của máy bay. Gã liên lạc đã ở dưới mặt đất, chạy trốn cùng chiếc cặp. Tôi đâm bổ vào hắn. Tôi muốn giữ chân hắn cho tới khi Cục tới. Tôi cũng muốn đánh ngã tên khốn đó, cho hắn thấy bây giờ ai đang nắm quyền kiểm soát.

Tôi lao vào gã liên lạc theo kiểu con điều hâu tấn công một con chuột đồng. Cả hai ngã mạnh xuống nền đường rải nhựa, thở hồng hộc. Cái tay ghế vẫn lỏng lẻo bám theo còng tay của tôi. Phần nhựa rạch vào mặt hắn tóe máu. Bằng cánh tay còn tự do, tôi ấn chặt hắn xuống.

“Maggie Rose đâu? Nó đang ở đâu?” tôi dùng hết sức bình sinh hét lên.

Phía bên trái, trên mặt biển tối lấp lóa, tôi có thể trông thấy những ánh đèn dập dềnh, đang tiến về phía chúng tôi rất nhanh. Đó hẳn phải là Cục. Các máy bay do thám của họ đang đến ứng cứu. Hắn là họ đã bám theo được chúng tôi.

Ngay lúc đó tôi bị một cú đòn vào gáy. Có cảm giác như đó là túp nước. Tôi không ngất đi ngay. *Soneji chẳng?*

Một giọng nói hét lên trong tôi. Cú đánh thứ hai nện vào phần mềm ở gáy tôi. Lần này thì tôi gục hẳn. Tôi không thấy kẻ nào ra đòn hay thứ mà kẻ đó sử dụng.

Khi tôi tỉnh dậy, sân bay nhỏ ở Nam Carolina là một dải đèn sáng rực cùng một loạt sự kiện diễn ra. Toàn bộ lực lượng FBI đang ở đây. Cảnh sát địa phương Carolina cũng vậy. Các xe cứu thương, cứu hỏa ở khắp mọi nơi.

Nhưng gã liên lạc đã biến mất. Khoản tiền chuộc mười triệu đô la cũng thế. Soneji đã lên kế hoạch một cách hoàn hảo. Một bước đi hoàn hảo nữa.

“Con bé thế nào? Maggie Rose ấy?” tôi hỏi bác sĩ cấp cứu hỏi đầu đang chăm sóc cho các vết thương trên đầu tôi.

“Không thưa ngài,” anh ta nói bằng giọng chậm rãi. “Con bé vẫn mất tích. Không ai trông thấy Maggie Rose Dunne quanh đây.”

CHƯƠNG 25

CRISFIELD, BANG MARYLAND nằm dưới bầu trời rộng lớn, xám xịt và âm đạm. Trời cứ mưa rồi tạnh liên tục gần như cả ngày hôm nay. Một chiếc xe cảnh sát lẻ loi chạy vút theo con đường quê sũng nước mưa, đèn ưu tiên chớp sáng.

Trong xe là Artie Marshall và Chester Dils. Dils hai mươi sáu tuổi, ít hơn Marshall đúng hai mươi tuổi. Như nhiều cảnh sát trẻ ở vùng nông thôn khác, Dils mong ước thoát ra khỏi nơi này, đúng như những hy vọng, những giấc mơ anh ấp ủ khi còn học trường Trung học Wild Lake ở Columbia.

Nhưng anh vẫn đang ở Crisfield này. *Twin Peaks II*, viên cảnh sát thích gọi thị trấn nhỏ có ít hơn ba nghìn dân này như thế.

Dils khao khát trở thành cảnh sát tuần tra quốc lộ của bang Maryland. Đó là một việc khó đạt được vì đòi hỏi khắt khe của những kỳ thi tuyển, đặc biệt là môn toán. Nhưng việc trở thành cảnh sát tuần tra quốc lộ sẽ giúp anh thoát ngay khỏi hạt Somerset. Có lẽ đi xa tới tận Salisbury hay Chestertown.

Cả Dils và đặc biệt là Artie Marshall mát tính đều không sẵn sàng cho việc xuất hiện thường xuyên trước công chúng và nổi danh chóng vánh mà họ sắp có được. Chuyện đã xảy ra đúng như vậy vào buổi chiều ngày ba mươi tháng Mười hai. Đã có một cú điện thoại gọi vào đồn của họ ở đường Old Hurley. Vài thợ săn đã phát hiện thấy gì đó khả nghi ở Tây Crisfield, khi họ đang trên đường tới khu cắm trại ở đảo Tangier. Cảnh thợ săn đã trông thấy một chiếc xe hơi bị bỏ lại. Một chiếc xe tải nhỏ hiệu Chevy màu xanh nước biển.

Trong vài ngày qua, bất kỳ thứ gì hay mọi thứ hơi có chút khả nghi đều ngay lập tức được gắn với vụ bắt cóc gây xôn xao ở Washington. Công thức đó nhanh chóng trở nên quen thuộc. Nhưng Dils và Marshall vẫn được lệnh đi xác minh. Một chiếc xe tải nhỏ màu xanh nước biển đã được sử dụng để đưa hai đứa nhỏ rời khỏi trường.

Chiều dần tắt khi hai cảnh sát đến nông trại trên đường 413. Thậm chí việc chạy theo con đường đầy vệt bánh xe cũng có vẻ hơi đáng sợ.

“Ở đây có nông trại cũ hay thứ gì à?” Dils hỏi đồng sự của mình. Dils đang lái xe. Chạy với tốc độ khoảng hai mươi lăm ki lô mét một giờ trên con đường đầy bùn đất và vệt lõm do bánh xe để lại. Artie Marshall thì thích ngồi ở ghế hành khách nhưng *không* phải mang súng trường*.

“Ừ. Nhưng bây giờ chẳng có ai sống ở đây. Tôi nghi ngờ khả năng chuyện này sẽ dẫn đến điều gì quan trọng, Chesty ạ.”

“Đó là cái hay của công việc này,” Chester Dils nói. “Ta không bao giờ biết chuyện gì sẽ xảy ra. Điều quan trọng luôn nằm ở đâu đó.” Dils có thói quen quan trọng hóa vấn đề, nhưng thói quen này không tồn tại lâu. Anh có giấc mơ và những ý tưởng lớn của riêng mình nhưng Artie Marshall lại nghĩ chúng giống sự non nớt của một thanh niên nhiều hơn.

Cả hai đến nhà kho xập xệ mà các thợ săn đã nhắc tới khi gọi điện cho đồn. “Ta đi kiểm tra xem,” Marshall nói, cố gắng hòa theo sự hứng khởi của viên sĩ quan trẻ tuổi hơn mình.

Chester Dils nhảy ra khỏi chiếc xe tuần tra. Artie Marshall bám theo, dù không cùng nhịp bước đầy phấn khích. Họ tiến tới khu nhà kho sơn đỏ đã nhạt màu quá nhiều, một tòa nhà thấp trông như đã lún xuống đất cả mét so với ban đầu. Đầu buổi chiều nay, cánh thợ săn đã dừng ở nhà kho này để tránh cơn đông. Rồi họ gọi cho cảnh sát.

Bên trong nhà kho khá tối và u ám. Các cửa sổ đã được che lại bằng vải thưa. Artie Marshall bật đèn pin của mình lên.

“Ta hãy rọi đèn vào đối tượng,” ông lầm bầm. Rồi ông nói to, “*Đúng con mẹ nó rồi, Chúa ơi!*”

Đúng là thế, nó đây. Một cái hõm lớn giữa nền đất. Một chiếc xe tải màu xanh sẫm đậu cạnh cái hố ấy.

“Chó đẻ, Artie!”

Chester Dils rút khẩu súng ngắn được trang bị ra. Đột nhiên anh thấy khó thở. Anh cảm thấy chỉ đứng yên đó cũng đã là việc khó rồi. Nói thực lòng, anh không muốn đến chỗ cái hố lớn trên mặt đất. Anh không muốn ở trong nhà kho cũ này thêm chút nào nữa. Có lẽ anh thậm chí còn không sẵn sàng làm lính tuần tra quốc lộ thêm chút nào nữa.

“Có ai ở đây không?” Artie Marshall gọi bằng giọng to và rõ ràng. “Hãy bước ra ngoài, ngay bây giờ. Chúng tôi là cảnh sát đây! Cảnh sát Crisfield đây.”

Chúa ơi, Artie đang làm tốt hơn mình, Dils nghĩ. Người đàn ông đó đang chớp lấy cơ hội. Điều ấy khiến chân Chester Dils cử động. Anh tiến vào sâu hơn trong nhà kho, để xem điều mà bản thân cầu Chúa là không đúng.

“Rọi cái đèn đó xuống ngay chỗ kia,” anh nói với người cộng sự xử lý tội phạm của mình. Họ đã đến bên cái hố trên mặt đất. Lúc này Dils gần như không thở nổi. Ngực anh có cảm giác như bị ga rô quần lấy. Hai đầu gối anh va vào nhau.

“Ông ổn chứ, Artie?” Dils hỏi đồng sự.

Marshall rọi đèn pin xuống cái hố sâu và tối tăm. Họ trông thấy những gì các thợ săn đã thấy. Ở dưới hố có một chiếc thùng nhỏ... nhiều khả năng là một chiếc *quan tài*. Chiếc rương, hoặc quan tài bằng gỗ, đang được mở tung. Và trống rỗng.

“Cái quái gì đây?” Dils nghe thấy giọng chính mình đang hỏi.

Artie Marshall cúi lại gần hơn. Ông chiếu ánh đèn pin thẳng vào hố. Theo bản năng, ông ngoái lại. Ông kiểm tra phía sau. Rồi sự chú ý của ông quay trở lại với cái hố đen.

Thứ gì đó đang ở dưới đáy hố. Thứ gì đó có màu hồng tươi hoặc màu đỏ.

Đầu óc Marshall hoạt động hết công suất. *Đó là một chiếc giày... Chúa ạ, đó phải là giày của con bé. Đây chắc chắn là nơi chúng đã giữ Maggie Rose Dunne.*

“Đây là nơi bọn chúng đã giữ hai đứa nhỏ ấy,” rốt cuộc ông cũng nói với đồng sự của mình. “Chúng ta đã phát hiện ra nó, Chesty.”

Và đúng là như vậy.

Cùng với một trong những chiếc giày đẹp dễ màu hồng của Maggie Rose. Chiếc giày hiệu Reebok cũ nhưng “đi quen chân”, chiếc giày đã giúp con bé hòa nhập với những đứa trẻ khác ở trường Washington Day. Điều kỳ lạ là chiếc giày trông như thể nó đã được để lại sao cho người khác có thể tìm thấy.

PHẦN 2

CON TRAI NHÀ LINDBERGH

CHƯƠNG 26

KHI KHÔNG THẤY VUI, Gary Soneji thu mình vào những câu chuyện yêu dấu thời trẻ con và thế giới tưởng tượng phong phú của hắn. Đường như kế hoạch được sắp đặt đâu ra đấy của hắn đang tuột khỏi tầm kiểm soát. Hắn thậm chí không muốn nghĩ về nó.

Với giọng thầm thì, Soneji lặp lại những từ đầy ma thuật trong trí nhớ của mình: *“Tòa nhà trong nông trại của Charles Lindbergh sáng rực lên với những bóng đèn màu cam. Nó trông như tòa lâu đài lửa đang bùng cháy... Nhưng bây giờ, vụ bắt cóc Maggie Rose là vụ án thế kỷ. Chuyện đơn giản là thế!”*

Hồi còn bé, Soneji tưởng tượng ra việc thực hiện vụ bắt cóc con trai nhà Lindbergh. Hắn thậm chí đã khắc sâu việc đó vào trí nhớ.

Đó là khởi đầu của mọi chuyện: một câu chuyện mà hắn đã bịa ra hồi mười hai tuổi. Câu chuyện hắn đã kể đi kể lại cho bản thân để không bị phát điên. Một giấc mơ giữa ban ngày về một vụ án diễn ra hai mươi lăm năm trước khi hắn ra đời.

Bây giờ tầng hầm dưới nhà hắn tối đen như mực. Hắn đã quen với bóng tối. Là nơi có thể sống được. Thậm chí là một nơi tuyệt vời.

Bây giờ là sáu giờ mười lăm phút tối, thứ Tư ngày mùng sáu tháng Giêng ở Wilmington, Delaware.

Gary đang để cho tâm trí lang thang, để cho tâm trí bay bổng. Hắn có thể hình dung ra mọi chi tiết quen thuộc của tòa nhà trong nông trại của Lindy May Mẫn và Anne Morrow Lindbergh tại Hopewell. Từ lâu hắn đã bị ám ảnh với vụ bắt cóc nổi tiếng thế giới này. Kể từ khi mẹ kế của hắn cùng hai đứa con hư hỏng khốn kiếp tới

đây. Kể từ lần đầu tiên hắn bị tổng xuống hầm. “*Nơi mấy thằng nhóc hư hỏng nghĩ về những việc chúng đã làm sai.*”

Soneji biết về vụ bắt cóc từ những năm ba mươi này rõ ràng hơn bất kỳ ai còn tồn tại trên cõi đời. Đứa con nhà Lindbergh rốt cuộc đã được lôi lên từ một nấm mồ nông chỉ cách nông trại ở New Jersey chừng bốn dặm. *Nhưng đó có thực sự là con nhà Lindbergh không?* Cái xác người ta tìm thấy quá cao - tới tám mươi tư phân, không khớp với chiều cao bảy mươi tư phân của Charles con.

Không ai hiểu được vụ bắt cóc gây chấn động và chưa có lời giải đáp này. Cho đến tận hôm nay. Và điều đó cũng diễn ra với Maggie Rose Dunne và Michael Goldberg.

Sẽ không bao giờ có ai tìm ra. Đó là một lời hứa chắc chắn.

Chưa ai phát hiện ra *bất kỳ* vụ giết người nào mà hắn đã thực hiện, phải không nhỉ? Người ta đã bắt được John Wayne Gacy Jr., sau hơn ba mươi vụ án mạng ở Chitown. Jeffrey Dahmer sa lưới sau vụ thứ mười bảy Ở Milwaukee. Gary đã giết nhiều hơn số nạn nhân của hai kẻ đó cộng lại. Nhưng chẳng ai biết hắn là ai, đang ở đâu, hoặc hắn dự định làm gì tiếp theo.

Trong tầng hầm tối đen, nhưng Gary đã quen với điều đó. “Tầng hầm là niềm vui được hình thành theo thời gian,” một lần hắn đã nói với mẹ kế để làm bà ta tức điên. Hầm chứa như đầu óc của ta sau khi lìa đời. Nó sẽ cực kỳ đặc biệt nếu ta thực sự có tư duy tuyệt vời - thứ mà chắc chắn hắn có.

Gary đang nghĩ về kế hoạch hành động của mình, và suy nghĩ ấy thật đơn giản: bọn chúng chưa thực sự thấy được gì.

Tốt nhất là bọn chúng đừng chớp mắt.

Trên nhà, Missy Murphy đang cố gắng hết sức để không nổi cáu quá mức với Gary. Cô đang làm bánh quy cho con gái Roni và bọn trẻ hàng xóm. Murphy đang thực sự cố gắng thấu hiểu và thông cảm. *Thêm một lần nữa.*

Cô đã cố gắng *không* nghĩ đến Gary. Thường thì cô làm được việc ấy lúc nướng bánh. Nhưng lần này thì không. Gary là người không thể sửa đổi. Hắn cũng đáng yêu, ngọt ngào và thông minh tuyệt vời. Đó là lý do cô bị hấp dẫn ngay lần đầu tiên.

Cô đã gặp hắn trong một buổi làm quen ở Đại học Delaware. Khi ấy Gary đang sống trong khu nhà ổ chuột ở Delaware. Hắn chuyển từ Princeton xuống. Tính đến thời điểm ấy, cô chưa từng nói chuyện với ai thông minh như Gary; thậm chí các giáo sư ở trường cũng chẳng thông minh bằng Gary.

Phần dễ mẫn ấy trong con người Gary là lý do Missy lấy hắn vào năm 1982. Trái với lời khuyên của mọi người. Người bạn thân nhất của cô - Michelle Lowe - tin vào bói bài, sự đầu thai và tất cả những thứ khác. Cô đã xem tử vi cho cả hai, Gary và Missy. “Bỏ đi, Missy,” cô đã nói thế. “Cậu không bao giờ nhìn vào mắt anh ta à?” Nhưng Missy vẫn tiếp tục với đám cưới, đi ngược lại lời khuyên của mọi người. Có lẽ đó là lý do cô vẫn gắn bó với Gary trong những thời điểm khó khăn, thậm chí khốn khổ. Khốn khổ hơn bất kỳ điều gì mà người ta dự đoán Missy sẽ phải chịu đựng. Đôi lúc cứ như phải chịu đựng vài Gary. Gary và những trò đùa trí không thể tin nổi của hắn.

Bây giờ, điều gì đó thực sự tệ hại đang xảy ra, Missy nghĩ trong khi nhồi đầy một túi đựng đồ ăn. Bây giờ, bất kỳ ngày nào Gary cũng có thể nói với cô rằng hắn đã bị sa thải. Khuôn mẫu cũ đầy đáng sợ ấy đã bắt đầu quay lại.

Gary từng nói với cô rằng trong công việc, hắn “thông minh hơn bất cứ ai”. (Không có gì phải nghi ngờ, điều này là sự thật.) Gary đã nói với cô rằng hắn “nhìn xa hơn” mọi người. Hắn kể với cô rằng các sếp đều quý mến hắn. (Có lẽ điều này đúng trong thời gian đầu). Hắn đã nói với cô rằng họ sẽ sớm cho hắn làm quản lý bán hàng cấp quận. (Đây dứt khoát là một trong những “câu chuyện” của Gary.) Rồi, rắc rối xảy ra. Gary nói rằng ông chủ bắt đầu ghen tức với hắn. Sắp xếp giờ giấc không thể theo nổi. (Điều này cũng khá chính xác. Trong tuần

hắn luôn vắng mặt và thỉnh thoảng còn thêm cả hai ngày cuối tuần.) *Khuôn mẫu* nguy hiểm ấy đang ở mức cao nhất. Điểm đáng buồn là nếu hắn không thể thành công với công việc *này*, với ông chủ *này* thì làm thế nào hắn có thể thành công ở nơi khác?

Bây giờ Missy Murphy chắc chắn rằng, vào bất kỳ ngày nào Gary cũng có thể trở về nhà và nói với cô rằng người ta lại yêu cầu hắn nghỉ việc. Chắc chắn có thể đếm được số ngày hắn làm việc với tư cách đại diện bán hàng lưu động cho công ty Thiết bị Sưởi Atlantic. Sau đó thì hắn có thể kiếm việc ở đâu chứ? Ai có thể giàu lòng thông cảm hơn ông chủ hiện tại của hắn - Marty - người chính là anh trai cô?

Tại sao mọi thứ lúc nào cũng phải khó khăn thế? Tại sao cô lại thành một con người mê muội vì Gary Murphy đến vậy?

Missy Murphy tự hỏi liệu đêm nay có phải là thời điểm ấy hay không. Liệu có phải Gary lại tiếp tục bị đuổi việc không? Có phải đêm nay khi đi làm về, hắn sẽ nói cho cô điều đó không? Làm thế nào mà một người đàn ông khôn ngoan như vậy lại trở thành một kẻ thất bại không thể tin nổi? Cô băn khoăn. Giọt nước mắt đầu tiên rơi xuống máy trộn bột bánh quy, rồi Missy để cho cả thác nước mắt đổ xuống. Cả người cô run rẩy và căng lên.

CHƯƠNG 27

VỚI TƯ CÁCH một cảnh sát hay chuyên gia tâm lý, tôi chưa bao giờ gặp khó khăn với việc cười vào những nỗi thất vọng của bản thân. Lần này vượt qua trở ngại khó hơn nhiều. Soneji đã qua mặt chúng tôi ở khu Nam, ở Florida, và Carolina. Chúng tôi vẫn chưa giành lại được Maggie Rose. Chúng tôi không biết con bé còn sống hay đã chết.

Sau khi bị Cục thẩm vấn suốt năm giờ, tôi được cho lên máy bay đưa tới Washington, nơi tôi nhận được những câu hỏi y hệt từ chính phòng mình. Một trong những người thẩm vấn cuối cùng là Trưởng phòng thanh tra Pittman. Jefe xuất hiện lúc nửa đêm. Ông ta đã tắm rửa và cạo râu để chuẩn bị cho cuộc gặp đặc biệt của hai người.

“Anh trông tươi bởi hoa lá quá,” ông ta nói với tôi. Đó là câu đầu tiên tuôn ra từ miệng ông ta.

“Từ sáng qua tới giờ tôi chưa chớp mắt chút nào,” tôi giải thích. “Tôi biết mình trông thế nào. Cho tôi biết điều gì đó mà tôi chưa biết đi.”

Ngay khi chưa nói hết câu, tôi đã biết đó là một sai lầm. Thường thì ít khi tôi nói hớ và liều như thế này, nhưng bây giờ thì tôi đang chệnh choạng, mệt mỏi và nhìn chung là không được tỉnh táo.

Jefe ngồi trên một trong những chiếc ghế kim loại trong phòng họp riêng, người ngả về phía trước. Khi ông ta cất tiếng, tôi có thể trông thấy những chiếc răng vàng trong miệng ông ta. “Chắc chắn rồi Cross. Tôi sẽ phải gạt anh ra khỏi đội xử lý vụ bắt cóc. Dù đúng hay sai, cánh báo chí đang đưa ra rất nhiều thông tin gây rối tung về anh, và về chúng tôi. FBI không nhận chút trách nhiệm nào. Thomas Dunne

cũng đang làm âm ỉ lên. Có vẻ đáng đời tôi. Tiền chuộc biến mất; chúng ta không tìm được con gái ông ta.”

“Hầu hết những chuyện đó hoàn toàn là nhảm nhí,” tôi nói với sếp Pittman. “Soneji đã đề nghị tôi làm người liên lạc. Không ai biết vì sao. Đáng ra tôi không nên đi, nhưng tôi lại chấp nhận. FBI đã làm hỏng vụ tập kích chứ không phải tôi.”

“Bây giờ hãy nói cho tôi điều tôi chưa biết,” Pittman phản đòn. “Dù sao anh và Sampson cũng có thể trở lại với vụ sát hại nhà Sanders và Turner. Đúng như mong muốn ban đầu của các anh. Tôi không bận tâm nếu anh vẫn đứng sau hỗ trợ giải quyết vụ bắt cóc. Đó là tất cả những gì ta cần nói.” Jefe nói xong phần của mình rồi bỏ đi. Chấm hết và bỏ ra ngoài. Không bàn luận, trao đổi gì cả.

Sampson và tôi đã được trả về chỗ của mình: khu Đông Nam Washington. Bây giờ mọi người đều có những ưu tiên của họ. Vụ giết sáu người da đen lại trở thành vấn đề quan tâm của bọn tôi.

CHƯƠNG 28

HAI NGÀY SAU KHI TRỞ VỀ TỪ Nam Carolina, tôi bị đánh thức vì tiếng ồn do một đám đông tập trung phía ngoài nhà mình ở khu Đông Nam.

Từ một nơi có vẻ an toàn là chiếc gối của mình, tôi nghe thấy nhiều tiếng nói lao xao. Một câu nói vang lên trong đầu tôi: “Ồ không, lại là một ngày mới rồi.”

Cuối cùng tôi cũng mở mắt. Tôi trông thấy các cặp mắt khác. Damon và Janelle đang chăm chăm cúi xuống nhìn tôi. Chúng có vẻ thích thú khi thấy tôi có thể ngủ nổi vào thời điểm như thế này.

“Đó có phải ti vi không các con? Những tiếng ồn ào khủng khiếp mà bố nghe thấy ấy?”

“Không bố ạ,” Damon nói. “Ti vi không bật.”

“Không bố ạ,” Janelle nhắc lại. “Còn hay hơn cả ti vi.”

Tôi ngẩng lên và tựa đầu vào một khuỷu tay. “Hừm, có phải hai con đang làm một bữa tiệc ồn ào với các bạn bên ngoài không? Đúng thế không? Đó có phải những gì bố nghe thấy qua cửa sổ phòng ngủ của bố không?”

Hai cái lắc đầu nghiêm túc từ hai đứa trẻ. Rốt cuộc Damon cũng mỉm cười, nhưng đứa con gái nhỏ của tôi thì vẫn nghiêm túc và hơi lo sợ.

“Không bố ạ. Bọn con không có tiệc gì đâu,” Damon đáp.

“Hừm. Đừng có nói với bố rằng cánh báo chí và phóng viên truyền hình lại có mặt ở đây nhé. Họ vừa mới ở đây vài giờ trước. Vừa mới đêm qua.”

Damon đứng đó, hai tay đặt lên đỉnh đầu. Nó làm điều đó khi phần khích hoặc bồn chồn.

“Đúng đấy bố à, lại là phóng viên.”

“Bực hết cả mình,” tôi lầm bầm với bản thân.

“Con cũng bực hết cả mình,” Damon nói và nhăn mặt. Nó đã một phần hiểu được điều gì đang diễn ra.

Một cuộc hành hình diễn ra với rất nhiều người chứng kiến! Dành cho tôi.

Lại cánh phóng viên chết tiệt, cánh báo chí. Tôi lật người lại và nhìn lên trần nhà. Tôi thấy rằng mình cần phải sơn lại nhà. Khi sở hữu nhà riêng thì chẳng bao giờ hết việc để làm.

Bây giờ một “sự thật” được giới truyền thông tung hô là tôi đã làm hỏng vụ trao đổi Maggie Rose Dunne. Ai đó, có thể là Cục Điều tra Liên bang, có thể là George Pittman, đã đưa tôi ra làm vật tế thần. Kẻ nào đó cũng đã để rò rỉ thông tin nội bộ sai lệch rằng những đánh giá của tôi về tình trạng tâm lý của Soneji đã dẫn đến những hành động vừa qua ở Miami.

Một tờ tạp chí tầm quốc gia chạy hàng tit *Cảnh sát D.C. đánh mất Maggie Rose!* Thomas Dunne phát biểu trong một cuộc phỏng vấn trên truyền hình rằng ông coi tôi là người phải chịu trách nhiệm về việc con gái ông không được thả ở Florida.

Kể từ đó, tôi trở thành chủ đề của nhiều bài báo và xã luận. Không bài nào trong số đó mang tính tích cực - hay phản ánh sát thực tế.

Nếu thực sự làm hỏng vụ trao đổi tiền chuộc vì lỗi này hay lỗi khác, tôi đã chấp nhận những chỉ trích rồi. Tôi có thể chấp nhận chỉ trích. Nhưng thực sự tôi không làm hỏng việc. Tôi đã mạo hiểm mạng sống của mình trong vụ trao đổi ở Florida.

Hơn lúc nào hết, tôi cần biết tại sao Gary Soneji lại chọn tôi cho vụ trao đổi ở Florida. Tại sao tôi đã trở thành một phần kế hoạch của hắn? Tại sao tôi được chọn? Cho đến khi làm rõ được điều ấy, tôi

chẳng thể nào dứt bỏ được sự quan tâm đối với vụ bắt cóc này. Tôi chẳng quan tâm đến những gì Jefe nói, nghĩ hoặc làm với mình.

“Damon, con đi thẳng ra ngoài, tới hiên trước,” tôi nói với cậu con trai nhỏ của mình. “Bảo các phóng viên đi đi. Bảo họ lên xe đi. Bảo họ *lượn đi*. Được chứ?”

“Vâng. Lượn đi!” Damon nói.

Tôi nhe răng cười với Damon và nó hiểu là tôi đang cố gắng khai thác những gì hay ho nhất của tình huống xấu. Thằng bé mỉm cười đáp lại tôi. Janelle cuối cùng cũng cười nhả và cầm lấy tay Damon. Tôi sắp ra khỏi giường. Chúng cảm nhận được rằng HÀNH ĐỘNG sắp diễn ra. Chắc chắn là thế.

Tôi vội vã bước ra hiên trước. Tôi sẽ phát biểu với cánh báo chí.

Tôi chẳng buồn đi giày. Hay mặc áo. Tôi nghĩ đến những lời bất tử của Tarzan - *Aaeeyaayaayaa!* “Các bạn thấy thế nào trong buổi sáng mùa đông đẹp trời này?” tôi hỏi, đứng đó với chiếc áo vải bông thô thùng thình trên người. “Có ai cần thêm cà phê hay bánh ngọt không?”

“Thanh tra Cross, Katherine Rose và Thomas Dunne đổ lỗi cho ông vì những sai lầm ở Florida. Đêm qua ông Dunne đã đưa ra thêm một tuyên bố nữa.” Một người cung cấp miễn phí tin buổi sáng cho tôi. Đúng, tôi vẫn là vật tế thần của tuần này.

“Tôi có thể hiểu được sự thất vọng của gia đình Dunne trước kết quả của vụ trao đổi ở Florida,” tôi nói bằng giọng đều đều. “Hãy cứ vứt cóc cà phê của các vị xuống bất kỳ chỗ nào trên bãi cỏ, như quý vị đã và đang làm. Tôi sẽ thu dọn sau.”

“Thế ông đồng ý rằng mình đã mắc sai lầm,” ai đó lên tiếng. “Về việc trao tiền chuộc khi chưa được trông thấy Maggie Rose trước, đúng không?”

“Không. Tôi không hề đồng ý. Khi ở Florida và Nam Carolina tôi không có lựa chọn nào. Lựa chọn duy nhất tôi có là không đi cùng gã liên lạc. Các vị thấy đấy, khi quý vị bị còng tay còn gã kia có súng, các

vị thất thế nghiêm trọng. Khi lực lượng hỗ trợ lại xuất hiện muộn, đó lại là một vấn đề nữa.”

Cứ như thế họ chẳng nghe thấy lời nào tôi nói. “Thanh tra, các nguồn tin của chúng tôi cho biết rằng ngay từ đầu ông đã quyết định trả tiền chuộc,” một người mớm lời.

“Tại sao các vị tới đây và chen chúc trên bãi cỏ nhà tôi?” tôi đáp lại câu nói vớ vẩn đó. “Tại sao các vị tới đây và làm cho gia đình tôi sợ hãi? Làm náo loạn khu này? Tôi không quan tâm các vị in ra những gì về tôi, nhưng tôi sẽ nói cho các vị nghe điều này: các vị chẳng biết cái quái gì về chuyện đang diễn ra. Có thể các vị đang gây nguy hiểm cho cô bé nhà Dunne đấy.”

“Maggie Rose Dunne còn sống chứ?” một người hét lên. Tôi xoay người và bước trở vào nhà. Việc đó sẽ dạy cho họ một bài học, đúng thế. Bây giờ họ đã hiểu tôn trọng sự riêng tư của người khác là như thế nào.

“Này, Ông Bơ Lạc. Có gì thế?”

Sau đó một chút vào buổi sáng, một đám đông kiểu khác nhận ra tôi. Đàn ông và phụ nữ đang xếp hàng ba ở phố 12, phía trước nhà thờ Thánh Anthony. Họ đang đói và rét, và không ai trong số họ đeo máy ảnh Nikon hay Leica trên cổ.

“Này Ông Bơ Lạc, tôi đã thấy ông trên ti vi. Bây giờ ông là ngôi sao điện ảnh hả?” Tôi nghe tiếng một người gọi to.

“Chuẩn luôn. Còn phải nói sao?”

Trong vài năm qua, Sampson và tôi đã vận hành điểm cung cấp đồ ăn miễn phí ở nhà thờ Thánh Anthony. Chúng tôi mở cửa hai hoặc ba ngày một tuần. Tôi bắt đầu làm việc này vì Maria, người đã thực hiện được một phần nghiên cứu xã hội của mình ở xứ đạo này. Sau khi vợ mất, tôi vẫn tiếp tục công việc này vì lý do ích kỷ nhất: công việc này khiến tôi cảm thấy thoải mái. Sampson chào đón người ta đến ăn trưa ở cửa trước. Cậu ta thu những chiếc vé đánh số mà họ đã xếp

hàng để nhận được. Cậu ta còn là người ngăn chặn người ta gây chuyện.

Trong phòng ăn, tôi là người ngăn chặn rắc rối bằng sức mạnh. Tôi được gọi là Ông Bơ Lạc. Jimmy Moore - người điều hành bếp - tin vào hiệu quả dinh dưỡng của bơ lạc. Bên cạnh một bữa ăn đầy đủ mà thông thường gồm bánh mì, hai món rau, một món thịt hay cá hầm cùng món tráng miệng, bất kỳ ai muốn đều được nhận một cốc bơ lạc. Ngày nào cũng thế.

“Này Ông Bơ Lạc. Hôm nay ông có chút bơ lạc ngon cho chúng tôi chứ? Ông có loại Skippy hay Peter Pan dở ồm đấy?”

Tôi nhe răng cười với những gương mặt buồn bã quen thuộc trong đám đông. Mũi tôi đầy những mùi hôi của cơ thể, mùi mồm thối, mùi rượu để lâu. “Tôi không biết chính xác hôm nay thực đơn có gì.”

Những người tới thường xuyên đều biết Sampson và tôi. Hầu hết bọn họ cũng biết chúng tôi là cảnh sát. Một số trong đó biết tôi là chuyên gia tâm lý bởi nhiều khi không làm việc ở chỗ này, tôi còn đảm nhiệm việc tư vấn tâm lý, trong một căn nhà di động đúc sẵn ghi dòng chữ “Chúa giúp đỡ những người biết tự giúp mình. Vào đây đi.”

Jimmy Moore điều hành mọi thứ gọn gàng và hiệu quả. Ông tuyên bố đây là điểm cung cấp đồ ăn miễn phí lớn nhất ở Bờ Đông, và trung bình mỗi ngày chúng tôi cung cấp hơn một ngàn một trăm suất ăn. Nơi này bắt đầu phục vụ từ mười giờ mười lăm, bữa trưa kết thúc lúc mười hai giờ ba mươi. Thế nghĩa là nếu ai đó có mặt đúng một phút sau mười hai giờ ba mươi, kẻ ấy sẽ chịu đói ngày hôm đó. Hãy có kỷ luật, hãy biết tôn trọng, đó là một phần quan trọng trong chương trình tại nhà thờ Thánh Anthony.

Không ai được vào nếu say xỉn hoặc có biểu hiện phê thuốc quá rõ ràng. Phải hành xử đúng mực trong khi ăn. Mỗi người có khoảng mười phút để ăn - những người đói rét khác đang đợi thành hàng dài bên ngoài. Mọi người đều được đối xử một cách tôn trọng, lịch thiệp. Không đưa ra câu hỏi với bất kỳ khách nào. Nếu xếp hàng chờ đợi, ta

sẽ được ăn. Khách được gọi là *Ngài* hoặc *Bà*, và hầu hết các nhân viên tình nguyện đều được đào tạo để tỏ ra vui vẻ. Thực tế là việc “kiểm tra nụ cười” được thực hiện với những tình nguyện viên mới làm việc trong phòng ăn hoặc ở khu xếp hàng nhận đồ.

Vào tầm trưa, bên ngoài có một vụ lộn xộn lớn. Tôi có thể nghe thấy tiếng Sampson quát. Đang có chuyện rắc rối gì đó.

Hàng người chờ nhận đồ ăn đang la hét và chửi rủa ầm ĩ. Rồi tôi nghe tiếng Sampson gọi hỗ trợ. “Alex! Ra đây đi!”

Tôi chạy ra bên ngoài và ngay lập tức trông thấy điều đang diễn ra. Hai bàn tay tôi nắm chặt lại như hai cái đe. Cánh báo chí lại mò được chúng tôi. Họ đã tìm ra tôi.

Vài tay quay phim đang ghi lại hình ảnh của những người đang đợi đến lượt nhận đồ ăn, và đó là việc khiến người ta rất ghét - một điều dễ hiểu. Những người này đang cố gắng giữ lại chút tự trọng cuối cùng của mình, và họ không muốn mình bị đưa lên truyền hình trong cảnh đang xếp hàng chờ nhận đồ ăn phân phát.

Jimmy Moore là một người gốc Ai Len cứng rắn, thô lỗ từng làm việc trong lực lượng cảnh sát D.C. cùng chúng tôi. Ông đã chạy ra ngoài, và thực ra chính Jimmy mới là người gây ra phần lớn sự huyên náo.

“Bọn chó chết khốn nạn, bọn chết dẫm!”

Tôi bỗng thấy chính mình đang quát lên. “Chúng mày không được mời tới đây đâu! Chúng mày đích được đón chào đâu! Hãy để những người này yên. Để yên cho bọn tao phục vụ bữa trưa cho họ.”

Các tay máy ảnh ngừng chụp. Họ chăm chăm nhìn tôi. Sampson cũng thế. Và Jimmy Moore cũng vậy. Hầu hết mọi người đang xếp hàng chờ đến lượt cũng thế. Cánh báo chí không bỏ đi nhưng lùi lại. Hầu hết bọn họ băng ngang phố 12, và tôi biết rằng họ sẽ đợi tôi đi ra.

Chúng tôi đang phục vụ bữa trưa cho người ta, tôi nghĩ khi quan sát đám phóng viên và những tay săn ảnh đợi tôi ở công viên bên kia

phố. Ngày nay cánh báo chí còn phục vụ những kẻ quái quỷ nào ngoài các tập đoàn và các gia đình giàu có đang cho họ việc làm?

Những tiếng nói bất bình bắt đầu vang lên quanh chúng tôi. “Những người đang đói rét. Chúng ta ăn thôi. Con người có quyền được ăn,” ai đó từ trong hàng hét lên.

Tôi đi vào trong, trở về vị trí của mình. Chúng tôi bắt đầu phục vụ bữa trưa. Tôi là Ông Bơ Lạc.

CHƯƠNG 29

Ở THÀNH PHỐ WILMINGTON, DELAWARE, Gary Murphy đang dọn dẹp lớp tuyết dày mười phân. Đó là chiều thứ Tư, mùng sáu tháng Giêng. Hắn đang nghĩ về vụ bắt cóc. Hắn đang cố gắng kiểm soát. Hắn đang nghĩ về con bé nhà giàu khốn kiếp Maggie Rose Dunne thì một chiếc Cadillac màu xanh bóng lộn rẽ vào mé căn nhà nhỏ kiểu thuộc địa của hắn ở đại lộ trung tâm. Một tiếng chửi bật ra qua làn hơi từ miệng của Gary.

Roni - đứa con gái sáu tuổi của Gary - đang làm những quả cầu tuyết và đặt chúng lên lớp băng đọng trên mặt tuyết. Nó ré lên khi trông thấy bác Marty của mình bước ra khỏi xe.

“Con bé nào xi-xi-xinh thế kia?” bác Marty từ bên này sân gọi với sang Roni. “Đó có phải ngôi sao điện ảnh không thế? Đúng rồi! Bác nghĩ thế đấy. Đó phải Roniiiiii không? Bác nghĩ là đúng đấy!”

“Bác Marty! Bác Marty!” Roni vừa hét vừa chạy về phía chiếc xe.

Lần nào trông thấy Marty Kasajian, Gary cũng nghĩ đến bộ phim kinh tởm *Bác Buck*. Trong *Bác Buck*, John Candy là một người họ hàng đáng ghét, khó gần, không được chào đón mà vẫn liên tục xuất hiện để tra tấn một gia đình da trắng trung lưu ở vùng Trung Tây. Đó là một bộ phim rất khó chịu. Bác Marty Kasajian giàu có và thành đạt; ồn ào hơn John Candy; và ông ta ở đây. Gary ghét anh trai của Missy vì tất cả những lý do đó, nhưng trên hết vì Marty là ông chủ của hắn.

Chắc chắn Missy đã nghe thấy tiếng oang oang của Marty. Làm sao có chuyện người nào trên đại lộ trung tâm hoặc phố Bắc gần đó lại

không nghe thấy tiếng ấy chứ? Cô từ cửa sau bước ra, một chiếc khăn lau bát vẫn quấn quanh một bàn tay.

“Xem ai đang ở đây nào!” Missy ré lên. Đối với Gary, cô và Roni có giọng như hai con lợn con giống hệt nhau.

Ngạc nhiên vãi, Gary muốn hét lên. Hẳn kiểm chế được hết - theo cách hẳn kiểm chế mọi cảm xúc thật của mình khi ở nhà. Hẳn tưởng tượng ra cảnh nện Marty tới chết bằng chiếc xẻng xúc tuyết của mình, thực ra là giết Kasajian ngay trước mặt Missy và Roni. Cho hai mẹ con thấy người chủ gia đình thực sự là ai.

“Cô M thần thánh!” Marty Kasajian tiếp tục bắn như súng liên thanh. Cuối cùng ông ta cũng nhận ra Gary. “Cậu thế nào, Gar, bạn cũ. Đám Eagle đó ra sao? Randal C đang sôi sùng sục. Có được vé Super Bowl của cậu chưa?”

“Chắc chắn rồi, Marty. Hai vé ở khu vạch bốn lăm mét.”

Gary Murphy ném chiếc xẻng nhôm vào một đụn tuyết nhỏ. Hẳn lê bước tới chỗ Missy và Roni đang đứng cùng Marty.

Rồi tất cả cùng nhau đi vào trong nhà. Missy mang ra món rượu đánh trứng đắt tiền, mấy miếng bánh táo và nho khô còn mới, bên cạnh là những lát pho mát. Phần của Marty to hơn tất cả những phần khác. Ông ta là Sếp mà, phải không?

Marty đưa một chiếc phong bì cho Missy. Đó là khoản “tiền tiêu vặt” cho Missy từ anh trai cô, thứ ông ta muốn Gary nhìn thấy. Làm thế thực sự là xát muối vào vết thương.

“Mẹ cháu, bác và bố cháu phải nói chuyện vài phút, cháu yêu ạ,” Marty nói với Roni ngay khi ông ta vừa ăn xong phần bánh của mình. “Bác *nghĩ là* bác quên mất một thứ dành cho cháu ở trong xe. Bác không biết. Có thể ở ghế sau. Cháu tự ra xem đi.”

“Mặc áo khoác của con vào đã, con yêu,” Missy nói với con gái. “Đừng để nhiễm lạnh.”

Roni vừa cười vừa ré lên khi nó ôm lấy ông bác. Rồi vội vã chạy ra ngoài.

“Anh lại mang gì cho nó thế?” Missy thì thầm đầy ẩn ý với ông anh. “Anh cho nhiều quá.”

Marty nhún vai như thể không nhớ nổi. So với mọi người khác thì Missy thực sự ổn. Cô khiến Gary nhớ về người mẹ thực sự của hắn. Cô thậm chí trông giống bà mẹ thực sự của hắn. Gary nhận thấy rằng chỉ khi ở cạnh anh trai mình, Missy mới thay đổi theo hướng tệ hại hơn. Cô thậm chí đã bắt đầu nhiễm giọng điệu và những thói quen khó chịu của Marty.

“Nghe này hai nhóc.” Marty nhích lại gần vợ chồng Gary. “Chúng ta có một trục trặc nhỏ. Có thể xử lý được bởi chúng ta phát hiện ra sớm, nhưng ta phải giải quyết một việc. Cứ vờ như tất cả chúng ta là người lớn cả, hai đứa biết rồi đấy.”

Missy ngay lập tức trở nên bồn chồn. “Gì thế anh Marty? Vấn đề là gì vậy?”

Bây giờ Marty Kasajian trông thực sự lo ngại và không thoải mái. Gary đã thấy ông ta sử dụng cái nhìn buồn thảm ấy với khách hàng của mình cả ngàn lần rồi. Đặc biệt là khi ông ta phải đưa cho ai đó một hóa đơn quá hạn, hoặc sa thải một nhân viên ở văn phòng.

“Gar à?” Marty hướng mắt sang Gary nhờ giúp đỡ. “Cậu muốn nói gì chứ?”

Gary nhún vai. Như thể hắn không biết chút gì, đúng thế. *Mẹ mầy, đồ chó, hắn nghĩ. Lần này mày tự làm đi.*

Gary có thể cảm nhận được một nụ cười từ sâu thẳm trong hắn. Hắn không muốn biểu lộ song cuối cùng nụ cười cũng vẫn hé lên trên môi. Đây là một kiểu thời khắc thú vị. Bị bắt quả tang cũng có những phần thưởng ý nghĩa của riêng nó. Ở đây có lẽ là một bài học; một điều gì đó để ta học tập.

“Xin lỗi. Anh không nghĩ đây là chuyện vui về đâu.” Marty Kasajian lắc đầu và nói. “Anh thực sự không nghĩ thế, Gary.”

“Vâng, em cũng không nghĩ vậy,” Gary nói bằng giọng hài hước. Đó là một giọng cao, giống như một cậu bé. Không thực sự là giọng

của hắn.

Missy dành cho chồng cái nhìn xa lạ. “Chuyện gì đang xảy ra thế?” cô hỏi. “Hai anh làm ơn cho em biết chuyện này được không?”

Gary nhìn vợ. Hắn cũng đang thực sự giận dữ với cô. Cô là một phần của cái bẫy, và cô biết điều đó.

“Doanh số bán hàng cho Atlantic của em trong quý này thật tệ,” cuối cùng Gary cũng nói và nhún vai. “Đó là vấn đề, phải không Marty?”

Marty nhăn mặt và nhìn xuống đôi giày mới hiệu Timberland của mình. “Ô, còn hơn thế nữa, Gar. Doanh số của cậu gần như không có gì. Điều tệ hại hơn, tệ hại hơn rất nhiều, là cậu đã nhận hơn ba ngàn ba trăm đô thanh toán trước. Cậu đang nợ nần, Gary ạ. Cậu đang bị âm tiền. Tôi không muốn nói thêm nhiều, nếu không tôi biết mình sẽ phải ân hận. Tôi thực lòng không biết xử lý tình hình này thế nào. Điều này rất khó với tôi. Bối rối. Anh rất tiếc, Missy. Anh ghét tình trạng này.”

Missy đưa hai tay lên ôm mặt và bắt đầu khóc. Ban đầu cô khóc lặng lẽ, cố kìm. Rồi tiếng nức nở to dần. Những giọt nước cũng xuất hiện trên đôi mắt anh trai cô.

“Đó là điều anh không muốn. Anh xin lỗi, em gái.” Marty đưa tay ra và an ủi Missy.

“Em ổn.” Missy tránh né anh trai mình. Cô chăm chăm nhìn Gary từ bên kia bàn ăn. Hai mắt cô dường như nheo lại và tối hơn.

“Suốt những tháng vừa rồi anh lang thang ở đâu, Gary? Anh đã làm gì? Ôi Gary, Gary, đôi khi em cảm giác như em còn chẳng quen biết anh. Hãy nói gì để tình trạng này khá hơn chút đi. Làm ơn nói gì đi, Gary.”

Gary cẩn thận nghĩ về điều đó trước khi cất lời. Rồi hắn nói, “Anh yêu em rất nhiều, Missy. Anh yêu em và Roni nhiều hơn yêu tính mạng của anh.”

Gary đã nói dối, và hắn biết đó là một lời nói dối rất khéo. Được thực hiện cực kỳ tốt, diễn cực tốt.

Việc hắn muốn làm là cười vào hai khuôn mặt khốn khổ kia. Điều hắn muốn làm nhất là giết cả hai. Đó là việc cần làm. *Bùm. Bùm. Bùm.* Án mạng có nhiều nạn nhân ở Wilmington. Để kế hoạch lớn của hắn lại tiếp tục.

Ngay lúc đó Roni chạy trở vào nhà. Hai tay nó nắm chặt một cuộn băng, nó mỉm cười như một *cái đầu bóng bay*.

“Xem bác Marty mua gì cho con này.”

Gary dùng cả hai tay ôm lấy đầu. Hắn không thể ngăn được tiếng gào thét trong đầu mình. *Tao muốn là ai đó!*

CHƯƠNG 30

SỰ SỐNG VÀ CÁI CHẾT vẫn tiếp diễn ở khu Đông Nam. Sampson và tôi đã trở lại với vụ sát hại nhà Sanders và Turner. Không có gì ngạc nhiên khi chỉ có chút ít tiến triển trong quá trình điều tra vụ giết hại sáu người này. Không có gì ngạc nhiên khi chẳng ai quan tâm.

Chủ nhật, ngày mừng mười tháng Giêng, tôi biết đã đến lúc có một ngày nghỉ ngơi, ngày nghỉ đầu tiên của tôi kể từ khi xảy ra vụ bắt cóc.

Tôi bắt đầu buổi sáng với cảm giác hơi tội nghiệp cho bản thân, nằm ườn trên giường tới tận mười giờ và xoa cái đầu đang đau - hậu quả của cuộc nhậu với Sampson đêm qua. Gần như mọi thứ chạy qua đầu tôi đều không mang đến kết quả gì.

Tôi nhớ Maria đến phát bệnh vì một điều - cảm giác tuyệt vời khi hai chúng tôi ngủ nướng vào sáng Chủ nhật. Bây giờ tôi vẫn thấy giận dữ vì cách mình bị đưa ra làm vật tế thần cho những gì diễn ra ở miền Nam. Quan trọng hơn, tôi cảm thấy khốn nạn khi không ai trong chúng tôi có thể giúp gì cho Maggie Rose Dunne. Ngay từ giai đoạn đầu của vụ án, tôi đã có sự liên tưởng giữa cô con gái nhà Dunne với đám trẻ nhà mình. Mọi lần nghĩ về cô bé, mà bây giờ có lẽ đã chết, bụng tôi lại quặn đau - điều chẳng hề tốt, đặc biệt là vào buổi sáng sau khi đã trải qua một đêm vui vẻ.

Tôi tiếp tục nằm trên giường và suy nghĩ mông lung đến khoảng sáu giờ. Mắt trợn một ngày. Tôi đáng được hưởng điều đó. Tôi không muốn gặp Nana và nghe bà ca cẩm về chuyện tôi đã ở đâu đêm hôm trước. Sáng nay tôi thậm chí còn không muốn gặp các con mình.

Tôi lại tiếp tục hồi tưởng về Maria. Có một thời, ở một giai đoạn khác trong cuộc đời tôi, cô và tôi, và thường là cùng cả lũ trẻ, hay có những ngày Chủ nhật bên nhau. Đôi khi chúng tôi nằm ườn trên giường cho tới tận trưa rồi mới thay đồ và có lẽ phung phí tiền bạc cho một bữa ăn nửa sáng nửa trưa. Hiếm có việc nào mà Maria và tôi không làm cùng nhau. Mỗi đêm tôi đều cố xong việc và về nhà sớm hết mức có thể. Maria cũng vậy. Chúng tôi cũng chẳng muốn làm thêm gì. Maria đã giúp tôi vượt qua những nỗi đau của việc không có được uy tín rộng rãi trong vai trò của một chuyên gia tâm lý. Cô đã chăm sóc để tôi trở lại trạng thái cân bằng sau vài năm chịu quá nhiều đau đớn và tiêu tốn thời gian vô bổ cùng Sampson và vài người bạn độc thân khác, trong đó có đám bạn thân thiết chơi bóng rổ cùng đội Washington Bullets.

Maria đã kéo tôi trở về với sự sáng suốt, tôi rất biết ơn cô vì điều ấy. Có lẽ mọi thứ sẽ mãi mãi diễn ra như thế. Hoặc cũng có thể bây giờ chúng tôi đã chia tay nhau. Ai mà biết chắc được? Chúng tôi không bao giờ có cơ hội biết điều đó.

Một đêm cô về nhà muộn sau khi thực hiện công việc cứu trợ xã hội. Cuối cùng thì tôi nhận được điện thoại và vội vã lao tới bệnh viện Misericordia. Maria đã bị bắn. Cô ở trong tình trạng rất nguy kịch. Đó là tất cả những gì người ta nói với tôi qua điện thoại.

Tôi tới bệnh viện lúc quá tám giờ một chút. Một người bạn - một cảnh sát tuần tra mà tôi biết - buộc tôi ngồi xuống và bảo rằng lúc người ta đưa Maria tới bệnh viện thì cô đã chết. Đó là hậu quả của một vụ xả súng từ xe hơi xảy ra bên ngoài khu nhà ở giá rẻ. Không ai biết vì sao, hoặc kẻ nào đã thực hiện vụ xả súng đó. Chúng tôi không bao giờ có cơ hội nói lời vĩnh biệt. Không có sự chuẩn bị, không có lời cảnh báo, và cũng không có lời giải thích nào.

Nỗi đau bên trong như một trụ thép mọc từ giữa ngực xuyên thẳng lên trán. Tôi liên tục nghĩ đến Maria, cả ngày lẫn đêm. Sau ba năm, rốt cuộc tôi bắt đầu quên. Tôi đang học được cách quên.

Tôi đang nằm trên giường, trong trạng thái yên bình và cam chịu thì Damon đi vào phòng như có chuyện khẩn cấp lắm.

“Bố ơi. Bố ơi, bố tỉnh chưa?”

“Có gì không ổn hả con?” tôi nói ra những từ mà gần đây mình ghét cay ghét đắng. “Con trông cứ như vừa trông thấy Vanilla Ice ở hiên trước nhà mình ấy.”

“Có người đến tìm bố, bố ạ,” Damon hỗn hển thông báo với vẻ phẫn khích. “Có người đang ở đây!”

“The Count ở Sesame Street* à?” tôi hỏi. “Ai đang ở đây? Nói rõ hơn chút đi. Không phải một tay phóng viên khác chứ? Nếu đó là phóng viên...”

“Cô ấy nói tên cô ấy là Jezzie. Đó là một phụ nữ, bố ạ.”

Tôi tin là mình đã ngồi dậy trên giường, nhưng tôi không thích góc nhìn từ đó lắm, và tôi lại nằm xuống. “Bảo cô ấy là bố sẽ xuống ngay. *Đừng nói* là bố đang nằm trên giường đấy nhé. Bảo cô ấy là bố sẽ xuống dưới nhà ngay.” Damon rời khỏi phòng ngủ, tôi tự hỏi làm thế nào thực hiện được lời hứa mình vừa đưa ra.

Khi tôi xuống gác, Janelle, Damon và Jezzie Flanagan vẫn đang đứng ở phòng đợi nhà chúng tôi. Janelle trông có chút không thoải mái, nhưng nó đã khá hơn trong việc đón khách ngoài cửa trước. Trước đây Janelle thường rất e ngại với tất cả người lạ. Để giúp nó khắc phục, Nana và tôi đã nhẹ nhàng khuyến khích nó và Damon đón khách ở cửa trước vào ban ngày.

Phải có vấn đề gì quan trọng thì Jezzie Flanagan mới tới nhà. Tôi biết rằng một nửa lực lượng của FBI đang truy tìm tay phi công đã ôm khoản tiền chuộc. Cho tới giờ vẫn chưa có bất kỳ tiến triển nào. Dù vụ án đã được xử lý đến đâu, thì tôi cũng đã xử lý được chính mình.

Jezzie Flanagan mặc quần chùng màu đen, một chiếc áo cánh trắng đơn giản, đôi giày chơi tennis đã mòn đế. Tôi nhớ về giản dị của

cô khi ở Miami. Điều đó gần như khiến tôi quên đi vị trí quan trọng của cô ở Sở Mật vụ.

“Chuyện gì đó đã xảy ra,” tôi nói và nháy mắt. Nỗi đau xuyên qua óc rồi xuống ngang mặt tôi. Giọng của tôi lúc này nghe vô cùng khó chịu.

“Không, Alex. Chúng ta vẫn chưa có thêm chút tin tức nào về Maggie Rose,” cô nói. “Thêm một vài người chứng kiến. Tất cả chỉ có thế.”

“Chứng kiến” là cách gọi của Cục Điều tra Liên bang đối với lời khai của các nhân chứng “tuyên bố” đã nhìn thấy Maggie Rose hoặc Gary Soneji. Cho tới nay những chứng kiến ấy trải từ một bãi đỗ xe trống không tới vài đường phố chạy từ trường Washington Day, rồi California, khu dành cho trẻ em ở bệnh viện Belle tại thành phố New York, tới tận Nam Phi, đây là còn chưa kể tới một bãi đáp dành cho tàu thám hiểm gần Sedona, Arizona. Chẳng ngày nào trôi qua mà không có thêm vài sự chứng kiến được thông báo ở đâu đó. Đất nước lớn và quá nhiều kẻ gần đỡ được thả rộng.

“Tôi không có ý đột nhập vào nhà anh,” cuối cùng Jezzie Flanagan nói và mỉm cười. “Chỉ vì tôi cảm thấy không vui với những gì đã xảy ra, Alex. Những câu chuyện về anh đều tào lao cả. Cũng không đúng nữa. Tôi muốn nói với anh tôi cảm thấy ra sao. Thế nên tôi tới đây.”

“Vâng, cảm ơn vì đã nói điều đó,” tôi nói với Jezzie. Đây là một trong những điều tốt đẹp nhất đến với tôi trong tuần qua. Nó làm tôi cảm động theo một cách khá kỳ lạ.

“Anh đã làm mọi việc có thể làm ở Florida. Tôi nói thế không phải để khiến anh thấy thoải mái hơn đâu.”

Tôi cố gắng tập trung điểm nhìn. Mọi thứ vẫn hơi nhòe đi. “Tôi sẽ không gọi đó là một trong những kinh nghiệm tốt đẹp trong công việc của mình. Mặt khác tôi cũng không nghĩ là mình đáng được đưa lên trang đầu các báo vì những gì mình đã làm.”

“Anh không đáng bị thế. Kẻ nào đó đã chơi anh. Kẻ nào đó đã đẩy anh cho cánh báo chí. Toàn những chuyện nhảm.”

“Là nhảm ruồi,” Damon buột miệng. “Đúng không Bố Bự?”

“Đây là cô Jezzie,” tôi nói với hai đứa con. “Thỉnh thoảng bố với cô ấy làm việc cùng nhau.” Bọn trẻ đang dần quen với Jezzie nhưng chúng vẫn hơi ngại ngùng. Jannie đang cố nép sau anh trai. Damon thì thọc cả hai tay vào túi sau, hết như bố nó.

Jezzie ngồi xổm xuống; cô hạ thấp người đứng bằng hai đứa nhỏ. Cô bắt tay Damon, rồi tới Janelle. Đó là một cử chỉ thân thiện có tính bản năng của cô.

“Bố các cháu là cảnh sát giỏi nhất cô từng gặp,” Jezzie nói với Damon.

“Cháu biết điều đó.” Thăng bé nhận lời khen một cách lịch thiệp.

“Cháu là Janelle.” Janelle khiến tôi ngạc nhiên khi xưng tên với Jezzie.

Tôi có thể thấy rằng nó muốn một cái ôm. Janelle thích ôm hơn bất kỳ ai trên thế gian này. Đó là lý do một trong những biệt danh của nó là “Velcro*”.

Jezzie cảm nhận được điều ấy. Cô vươn người ôm lấy Jannie. Đó là một cảnh ngắn gọn và tuyệt vời. Damon lập tức quyết định tham gia. Đó là việc cần làm. Như thế họ là những người bạn thất lạc từ lâu đột nhiên trở về sau chiến tranh.

Sau chừng một phút, Jezzie lại đứng dậy. Đến thời điểm ấy tôi thấy rằng cô là một phụ nữ thật tốt bụng, và rằng tôi chưa gặp nhiều người thế này trong quá trình điều tra. Việc cô đến thăm nhà tôi thể hiện sự quan tâm và cả một chút dũng cảm nữa. Khu Đông Nam không phải là nơi an toàn cho phụ nữ da trắng, ngay cả với người mang theo súng.

“Chắc, tôi chỉ ghé qua đây vì vài cái ôm thôi.” Cô nháy mắt với tôi. “Thực ra tôi có một vụ không quá xa đây. Bây giờ tôi phải trở lại

làm kẻ nghiện công việc rồi.”

“Thế làm chút cà phê nóng thì sao?” tôi hỏi. Tôi nghĩ là mình có thể xoay xở được vụ cà phê. Có lẽ Nana có chút cà phê trong bếp mới pha được năm hay sáu tiếng.

Jezzie nheo mắt nhìn tôi và lại bắt đầu mỉm cười.

“Hai đứa bé dễ thương đấy, chúc sáng Chủ nhật vui vẻ ở nhà cùng chúng. Rốt cuộc thì anh cũng đâu phải một gã cứng rắn gì.”

“Không, tôi cũng là một gã cứng rắn đấy,” tôi nói. “Tôi chỉ tình cờ là một gã cứng rắn tìm đường về nhà vào sáng Chủ nhật thôi.”

“Được rồi Alex.” Jezzie vẫn giữ nụ cười của mình. “Đừng để cho mấy thứ vô nghĩa của báo chí làm anh thất vọng. Dù sao thì cũng chẳng ai tin vào những trang viết nực cười ấy đâu. Tôi phải đi đây. Tôi sẽ bảo lưu vụ cà phê này đấy.”

Jezzie mở cửa trước và rời khỏi nhà tôi. Cô vẫy tay chào hai đứa nhỏ khi cánh cửa khép lại phía sau lưng.

“Tạm biệt nhé, Bố Bự,” cô nói với tôi và nhe răng cười.

CHƯƠNG 31

SAU KHI LÀM XONG VIỆC của mình ở khu Đông Nam, Jezzie Flanagan lái xe ra khỏi khu nông trại nơi Gary Soneji đã chôn hai đứa trẻ. Trước đây đã từng tới đó hai lần, nhưng cô vẫn còn bận tâm về nhiều điều liên quan tới khu nông trại ở bang Maryland này. Dù gì thì cô cũng bị ám ảnh ghê gớm. Cô nghĩ không ai khao khát bắt Soneji nhiều hơn mình.

Jezzie lờ đi biển báo *hiện trường vụ án* và tăng ga chạy theo con đường đất đầy vết bánh xe tới một khu nhà đang xuống cấp. Cô nhớ rõ mọi chi tiết về nơi này. Có một căn nhà chính, một gara để chứa máy móc, và một nhà kho nơi hai đứa trẻ đã bị giam giữ.

Tại sao lại là nơi này? cô tự hỏi. *Tại sao lại ở đây, Soneji?* Điều đó sẽ cho Jezzie biết gì về con người thực sự của hắn?

Ngay từ khi vào Sở Mật vụ, Jezzie Flanagan đã là một điều tra viên tuổi trẻ tài cao. Cô vào đó với tấm bằng luật loại ưu của Đại học Virginia và Bộ Tài chính đã cố gắng lái cô về FBI, nơi gần một nửa nhân viên có bằng luật. Nhưng dù sao Jezzie đã khảo sát thông tin và chọn Sở Mật vụ, nơi tấm bằng ngành luật sẽ khiến cô nổi bật hơn. Ngay từ ngày đầu tiên cho tới tận bây giờ, mỗi tuần cô đều làm việc tám mươi đến một trăm giờ. Jezzie trở thành một ngôi sao chỉ vì một lý do: thông minh và cứng rắn hơn bất kỳ người đàn ông nào cô làm việc cùng, dù họ là đồng sự hay cấp trên. Cô có động cơ mạnh mẽ hơn. Nhưng ngay từ đầu Jezzie cũng biết rằng bất kỳ khi nào cô phạm một sai lầm lớn, vị trí ngôi sao của cô sẽ biến mất. Cô đã biết điều đó. Chỉ có một giải pháp. Cô phải tìm được Gary Soneji, bằng cách nào đó. Cô phải là người làm việc ấy.

Jezzie Flanagan bước trên sàn của khu nhà trong nông trại cho tới khi bóng tối đổ xuống. Rồi cô lại bước quanh với chiếc đèn pin trên tay. Cô chép đầy cuốn sổ ghi, cố gắng tìm ra mối liên hệ còn thiếu. Có lẽ việc này liên quan tới vụ Lindbergh ngày xưa, vốn từng được gọi là vụ án thế kỷ kể từ những năm 1930.

Con Trai Nhà Lindbergh?

Nhà của Lindbergh ở Hopewell, New Jersey, cũng từng là một nông trại.

Con trai nhà Lindbergh bị chôn không xa nơi bị bắt cóc.

Bruno Hauptmann - kẻ bắt cóc con nhà Lindbergh - là người New York. Liệu kẻ bắt cóc ở Washington có phải một dạng họ hàng xa không? Có thể hẳn là người ở nơi nào đó gần Hopewell? Có thể là Princeton chẳng? Tại sao chưa xuất hiện điều gì giúp làm rõ con người Soneji?

Trước khi rời khỏi khu nông trại, Jezzie ngồi trong xe hơi của mình. Cô nổ máy, bật hệ thống sưởi và chỉ ngồi yên đó. Đầy ám ảnh. Chìm vào suy nghĩ của mình.

Gary Soneji đang ở đâu? Hẳn đã biến mất như thế nào?

Ngày nay chẳng ai có thể cứ thế mà biến mất. Không ai khôn ngoan đến mức ấy.

Rồi Jezzie Flanagan nghĩ về Maggie Rose Dunne và “Nhãi Con” Goldberg, và nước mắt bắt đầu lăn xuống hai má cô. Cô không thể ngăn được tiếng nức nở. Đó là lý do thực khiến cô tới nông trại này, cô biết thế. Jezzie Flanagan phải để bản thân được khóc.

CHƯƠNG 32

MAGGIE ROSE đang ở giữa màn đêm đặc quánh.

Con bé không biết mình đã ở trong bóng tối được bao lâu. Nhưng chắc là rất lâu rồi. Nó không thể nhớ lần gần nhất nó ăn là khi nào. Hoặc lần gần nhất trông thấy hay nói chuyện với người nào đó, trừ những tiếng nói bên trong đầu nó.

Nó ước rằng ngay bây giờ có người nào đó xuất hiện. Nó giữ suy nghĩ ấy trong đầu suốt nhiều giờ.

Con bé thậm chí còn ước bà già kia sẽ quay lại và hét vào mặt nó. Nó bắt đầu tự hỏi tại sao nó bị trừng phạt; tự hỏi nó đã làm điều gì sai ghê gớm đến thế. Phải chăng nó đã hư và đáng phải chịu toàn bộ chuyện này? Maggie bắt đầu nghĩ rằng chắc hẳn bản thân phải là người xấu nên tất cả những chuyện tồi tệ này mới xảy ra.

Bây giờ Maggie Rose không thể khóc nữa. Ngay cả khi muốn thì nó cũng không thể. Nó không thể khóc thêm nữa.

Rất nhiều lúc con bé nghĩ rằng mình đã chết. Bây giờ Maggie Rose hầu như không cảm nhận được gì. Rồi nó tự cấu mình thật mạnh. Thậm chí tự cắn mình. Một lần nó tự cắn ngón tay cho tới khi bật máu. Nó nếm vị máu ấm của chính mình và quái gở thay, con bé lại thấy thật tuyệt. Thời gian nó trải qua trong bóng tối dường như kéo dài mãi mãi. Bóng tối giống như một căn buồng bé xíu và chật chội. Con bé...

Rồi đột nhiên Maggie Rose nghe thấy những giọng nói bên ngoài. Nó không thể nghe đủ rõ để hiểu nội dung câu chuyện, song dứt khoát là có nhiều giọng nói. Bà già chăng? Chắc chắn là thế. Maggie Rose muốn hét lên gọi ra bên ngoài nhưng nó sợ bà già. Tiếng hét, những lời đe dọa đáng sợ của bà ta và những âm thanh rin rít còn

khủng khiếp hơn những bộ phim kinh dị mà mẹ con bé không muốn nó xem. Đáng sợ gấp nhiều lần Freddy Krueger.

Những giọng nói ngừng lại. Maggie Rose không thể nghe thấy gì ngay cả khi nó ép tai vào cửa nhà kho. Họ đã bỏ đi. Họ sẽ bỏ mặc nó ở đây mãi mãi.

Con bé gặng khóc nhưng chẳng thấy giọt nước mắt nào.

Rồi Maggie Rose bắt đầu hét toáng lên. Cánh cửa đột ngột mở tung và nó bị chói mắt vì thứ ánh sáng đẹp đẽ nhất.

CHƯƠNG 33

ĐÊM MUỖI MỘT THÁNG GIÊNG, Gary an toàn và ấm áp trong tầng hầm của hắn. Không ai biết hắn đang ở dưới này, nhưng trong trường hợp Missy tọc mạch vô tình mở cửa tầng hầm, hắn sẽ chỉ cần bật chiếc đèn bàn trên bàn thợ lên là xong. Hắn đang tính hết mọi khả năng. Thêm một lần cân nhắc kỹ càng nữa.

Soneji cảm thấy ám ảnh một cách dễ chịu bởi ý tưởng giết Missy và Roni, nhưng hắn nghĩ rằng giờ thì hắn chưa làm việc ấy. Nhưng chỉ tưởng tượng thôi cũng đã rất sinh động. Cũng có một kiểu đơn giản nhất định để giết cả gia đình mình. Hình dung việc ấy chẳng đòi hỏi nhiều trí tưởng tượng, song tác động của nó sẽ rất mạnh. Một cơn ớn lạnh sẽ lan khắp khu dân cư ngoại ô thanh bình và gàn dở này. Tất cả những gia đình khác làm việc đáng mĩa mai nhất - khóa cửa nhà họ lại, *tự giam mình trong nhà*.

Đến khoảng nửa đêm, Soneji nhận ra rằng gia đình nhỏ của hắn đã đi ngủ mà không có hắn. Thậm chí không ai bận tâm đến việc gọi xuống tầng hầm. Họ chẳng quan tâm. Một tiếng gầm trống rỗng vang lên trong đầu hắn. Hắn cần chừng sáu viên thuốc Nuprin để ngăn những âm thanh ấy trong chốc lát.

Có lẽ Soneji sẽ tặng một mồi lửa cho căn nhà nhỏ hoàn hảo trên đại lộ trung tâm này. Đốt nhà là việc tốt cho linh hồn. Hắn đã từng làm việc ấy; hắn sẽ làm lần nữa. Chúa ơi, cả đầu Soneji đau như bị ai đó nện bằng cuốc chim vậy. Phải chăng hắn đang có trục trặc gì đó về sức khỏe? Liệu lần này hắn có phát điên lên không?

Soneji cố gắng nghĩ về Đại Bàng Cô Độc - Charles Lindbergh. Nhưng việc ấy cũng không có tác dụng. Trong tâm trí mình, hắn trở về

căn nhà nông trại ở Hopewell. Vô ích. Chuyển đi tưởng tượng ấy cũng đã cũ.

Chúa ạ, bây giờ Soneji đã nổi tiếng thế giới rồi. *Bây giờ hẳn đã nổi tiếng.* Mọi người trên thế giới đều biết đến hẳn. Hẳn đã là một ngôi sao của giới truyền thông ở Hành Tinh Chết.

Cuối cùng Soneji cũng rời hầm chứa, rồi rời căn nhà ở Wilmington. Lúc ấy là năm rưỡi sáng. Khi bước ra xe, hẳn cảm thấy mình như một con thú đột nhiên được thả tự do.

Hắn lái xe trở lại D.C. Có thêm việc cần làm ở đó. Hẳn đâu muốn công chúng thất vọng, phải không?

Soneji nghĩ rằng lúc này hẳn đã có món mới để đãi mọi người. *Với ta thì chẳng thoải mái được đâu!*

Khoảng mười một giờ sáng hôm đó, thứ Ba, Gary Murphy nhẹ nhàng bấm chuông một căn nhà gạch được chăm sóc tử tế ở rìa Capitol Hill. Tiếng chuông cửa “kính-coong” lịch sự vang lên phía trong nhà.

Mức độ nguy hiểm lớn của tình huống này - việc trở lại Washington lần nữa - khiến Gary có cảm giác rung mình dễ chịu. Như thế này tốt hơn việc lẩn trốn nhiều. Hẳn lại có cảm giác tràn đầy sức sống, hẳn có thể hít thở, có không gian riêng của mình.

Vivian Kim vẫn khóa xích cửa nhưng hé cánh ra khoảng ba mươi phân. Qua lỗ cửa, cô đã trông thấy bộ đồng phục quen thuộc của công ty dịch vụ công ích PEPCO ở thủ đô Washington.

Một phụ nữ đẹp, Gary nhớ lại thời còn dạy ở trường Washington Day. Những bím tóc đen dài. Cái mũi nhỏ cao xinh xắn. Rõ ràng Kim không nhận ra đồng nghiệp cũ khi hẳn đeo bộ tóc giả màu vàng. Không ria mép. Cằm và hai má đã bớt đi chút thịt.

“Xin chào? Có chuyện gì thế? Tôi có thể giúp gì cho anh?” cô hỏi người đàn ông đang đứng ngoài hiên nhà mình. Bên trong, tiếng nhạc jazz vẫn tiếp tục. Nhạc của Thelonious.

“Tôi hy vọng là ngược lại.” Soneji mỉm cười đầy dễ chịu. “Ai đó đã gọi và thông báo tình trạng tính tiền điện quá mức.”

Vivian Kim nhả mặt và lắc đầu. Trên chiếc vòng cổ làm bằng da chưa thuộc của cô có một tấm bản đồ Hàn Quốc bé xíu. “Tôi không gọi ai cả. Tôi biết chắc là mình đã không gọi cho PEPCO.”

“Vâng, người nào đó đã gọi cho chúng tôi, thưa cô.”

“Hãy quay lại vào một lần khác,” Vivian Kim nói với hăn. “Có khi bạn trai tôi gọi điện. Anh sẽ phải quay lại sau. Tôi xin lỗi.”

Gary nhún vai. Chuyện này thật vui. Hăn không muốn kết thúc. “Tôi cho là thế. Cô có thể gọi lại cho chúng tôi nếu muốn,” hăn nói. “Lại tiếp tục theo lịch. Nhưng đó vẫn là tính tiền quá mức. Cô đã trả quá nhiều.”

“Được rồi. Tôi nghe anh. Tôi hiểu.”

Vivian Kim từ từ kéo xích cửa và mở cánh cửa ra. Gary bước vào trong căn hộ. Hăn lôi một con dao săn dài từ trong áo khoác đồng phục ra.

Hăn chĩa thẳng dao vào cô. “Đừng hét. *Đừng có hét*, Vivian.”

“Làm thế nào mà anh biết tên tôi?” cô hỏi. “Anh là ai?”

“Đừng có cao giọng, Vivian. Không có lý do nào để sợ... Tôi từng làm việc này rồi. Tôi chỉ là tên cướp bình thường đến nhà cô thôi.”

“Anh muốn gì?” Nữ giáo viên bắt đầu run rẩy.

Gary nghĩ một giây trước khi trả lời câu hỏi chứa đựng sự sợ hãi.

“Chắc là tôi muốn gửi một thông điệp nữa qua truyền hình. Tôi muốn có danh tiếng mà mình rất đáng được hưởng. Tôi muốn trở thành người đàn ông đáng sợ nhất nước Mỹ. Đó là lý do tôi làm việc ở thủ đô. Tôi là Gary. Cô quên tôi rồi phải không, Viv?”

CHƯƠNG 34

SAMPSON VÀ TÔI phóng nhanh dọc theo phố C giữa trung tâm Capitol Hill. Tôi thở hồng hộc, hai tay hai chân như rời ra.

Các xe tuần tra và xe cứu thương đã phong tỏa hoàn toàn con phố. Chúng tôi phải đỗ xe trên phố F và chạy vội qua vài dãy nhà cuối. Người của kênh truyền hình WJLA đã có mặt ở đó. CNN cũng vậy. Khắp nơi vang lên tiếng còi hú.

Tôi trông thấy một nhóm phóng viên ở phía trước. Họ thấy Sampson và tôi đang tới. Chúng tôi khó mà lẫn vào đâu được, chẳng khác gì đội bóng Harlem Globetrotters ở giữa Tokyo.

“Thanh tra Cross? Tiến sĩ Cross?” đám nhà báo gọi với, cố gắng khiến chúng tôi chậm lại.

“Hai chúng tôi đều không bình luận gì đâu,” tôi phẩy tay gạt họ đi. “Cút mẹ các ông đi.”

Trong căn hộ của Vivian Kim, Sampson và tôi bước qua những gương mặt quen thuộc - các nhân viên kỹ thuật, các chuyên gia pháp y, nhóm điều tra nạn nhân đã chết trong môi trường làm việc đáng sợ của họ.

“Tớ không muốn làm việc này nữa,” Sampson nói.

“Cả thế giới đang chảy theo mấy cái ống nước tiểu này. Quá sức chịu đựng, thậm chí là với tớ.”

“Bọn mình kiệt sức,” tôi lầm bầm với cậu ta, “bọn mình cùng kiệt sức cả rồi.”

Sampson tóm lấy bàn tay tôi và giữ lấy. Điều đó cho tôi biết cậu ta bị chuyện này ảnh hưởng đến mức nào. Chúng tôi đi vào phòng ngủ

đầu tiên ở bên phải hành lang. Tôi cố gắng giữ cho bản thân bình thản khi ở trong căn phòng này. Nhưng không thể làm được điều ấy.

Phòng ngủ của Vivian Kim được bài trí đẹp mắt. Rất nhiều ảnh đen trắng chụp gia đình cùng các bức tranh nghệ thuật tinh tế chiếm phần lớn diện tích tường. Một chiếc đàn violin cổ treo trên tường. Tôi không muốn nhìn vào lý do khiến mình có mặt ở đây. Nhưng rốt cuộc tôi cũng phải làm việc ấy.

Vivian Kim bị một con dao sắc dài ghim chặt xuống giường. Con dao đâm xuyên qua bụng cô. *Cả hai bầu vú của cô đã bị cắt bỏ. Lông ở vùng kín đã bị cạo sạch.* Hai mắt cô trợn ngược lên, như thể vào những thời khắc cuối cùng trong đời, cô đã trông thấy thứ gì đó ngoài sức tưởng tượng hay không thể lý giải nổi.

Tôi để cho hai mắt mình quét quanh phòng. Tôi không thể nhìn vào cơ thể bị cắt xẻo của Vivian Kim mà chăm chăm nhìn một vệt màu sáng trên sàn. Nó khiến tôi nghẹt thở. Từ lúc lên đây chưa ai nói gì. Chưa ai nhận thấy manh mối quan trọng nhất. May mắn là chưa ai làm dịch chuyển bằng chứng này.

“Xem chỗ này đi.” Tôi chỉ cho Sampson.

Chiếc giày thứ hai của Maggie Rose đang nằm trên sàn phòng ngủ của Vivian Kim. Kẻ giết người đã để lại thứ mà các nhà bệnh học gọi là “những chi tiết nghệ thuật”. Lần này hắn đã để lại một dấu hiệu công khai - dấu hiệu của các dấu hiệu. Khi cúi người trên chiếc giày của con bé, người tôi run lên. Đây là trò hài hước tàn bạo nhất ở hiện trường. Chiếc giày hồng, tương phản ghê gớm với hiện trường đầm máu.

Gary Soneji đã ở trong phòng ngủ này. Soneji cũng là kẻ đã thực hiện những vụ giết người ở khu nhà giá rẻ. Hắn là “thứ đó”. Và hắn đã trở lại.

CHƯƠNG 35

THỰC TẾ LÀ Gary Soneji vẫn đang ở Washington. Hắn đang chuyển tải các thông điệp theo một cách đặc biệt tới những người hâm mộ mình. Bây giờ đã có sự khác biệt. Tên bắt cóc cũng đang trêu đùa chúng tôi. Sampson và tôi được lệnh điều động của Jefe: chúng tôi có thể tham gia xử lý vụ bắt cóc miễn là việc ấy có mối liên hệ với các cuộc điều tra án mạng khác. Chắc chắn là có rồi.

“Hôm nay là ngày nghỉ của tụi mình, thế nên hai thằng phải vui vẻ,” Sampson nói với tôi khi cả hai cùng cuốc bộ theo những con phố ở khu Đông Nam. Hôm nay là ngày mười ba tháng Giêng. Lạnh như cắt. Gần như ở góc phố nào người ta cũng đốt lửa sưởi trong các thùng rác. Tóc gáy một gã trai có chữ TIÊN SU MÀY được viết bằng dao cạo. Chính xác là tâm trạng của tôi lúc này.

“Thị trưởng Monroe không gọi điện thêm nữa. Không ra thông báo gì,” tôi nói với Sampson. Tôi nhìn hơi thờ của mình tạo nên những đám mây nhỏ lơ lửng trong bầu không khí lạnh buốt.

“Thấy chưa, trong cái rủi có cái may,” cậu ta nói băng quơ. “Ông ta sẽ trở lại khi chúng ta bắt được ‘Thứ Đó’. Ông ta sẽ có mặt để nhận những lời ca tụng mà lẽ ra là dành cho bọn mình.”

Chúng tôi vừa bước vừa bông đùa về tình hình hiện tại, bông đùa lẫn nhau. Sampson đọc rap bằng lời của những bản nhạc pop - việc cậu ta rất hay làm. Sáng hôm nay là bài “Bởi chúng ta đã tìm thấy tình yêu”. Ban nhạc Heavy D & The Boyz. “Đẩy anh lên, đẩy anh lên, em là cây mao lương hoa vàng của anh,” Sampson cứ lặp đi lặp lại, như thể những lời bài hát sẽ mang lại ý nghĩa cho vụn vặt.

Chúng tôi rà soát khu vực Vivian Kim sinh sống, nằm ở rìa khu Đông Nam. Rà soát một khu dân cư là công việc buồn chán, kể cả với các cảnh sát trẻ và chưa có kinh nghiệm. “Hôm qua ông/bà có trông thấy ai hoặc điều gì bất thường không?” Chúng tôi hỏi bất kỳ người nào đủ dạn dặt mở cửa đón chúng tôi. “Ông/bà có nhận thấy người lạ, xe lạ hay bất kỳ điều gì lạ đáng chú ý không? Có quan trọng hay không thì hãy để chúng tôi quyết định.”

Như thường lệ, không ai trông thấy gì. *Không, không, và không.* Cũng chẳng ai vui vẻ khi thấy chúng tôi, đặc biệt là khi chúng tôi tiến vào khu Đông Nam để rà soát.

Nhưng điều tồi tệ hơn là nhiệt độ lúc này chỉ chừng âm mười sáu độ C, gió thổi lạnh buốt. Trời đang mưa tuyết. Những con phố và vỉa hè bị phủ băng. Thỉnh thoảng chúng tôi phải ghé vào chỗ những người vô gia cư đang sưởi quanh mấy đồng lửa đốt trong thùng rác.

“Bọn cảnh sát chết tiệt các ông lúc nào cũng lạnh, dù là giữa mùa hè,” một trong những tên khốn ít tuổi nói với chúng tôi. Cả Sampson và tôi đều bật cười.

Cuối cùng, khoảng sáu giờ, hai chúng tôi lê bước về xe của mình. Cả hai mệt nhoài. Chúng tôi đã trải qua một ngày dài. Chẳng thu được thông tin nào hữu ích cả. Gary lại tan biến vào không khí. Tôi có cảm giác như mình đang sống trong một bộ phim kinh dị.

“Muốn rà thêm vài dãy nhà nữa không?” tôi hỏi Sampson. Tôi cảm thấy đủ tuyệt vọng để thử sức với máy đánh bạc ở Atlantic City. Soneji đang chơi đùa với chúng tôi. Có lẽ hắn đang theo dõi chúng tôi. Có lẽ tên khốn ấy *quả thực* tàng hình.

Sampson lắc đầu. “*Ngừng thôi*, bạn hiền. Tớ muốn uống ít nhất một két bia. Rồi có khi tớ sẽ chỉ uống chút gì đó nặng đô.”

Cậu ta lau tuyết bám trên cặp kính râm rồi lại đeo vào. Thật lạ lùng là tôi hiểu mọi động tác của Sampson rõ đến thế. Cậu ta đã lau kính như thế từ hồi mười hai tuổi, dù là trong mưa hay trong tuyết.

“Ta hãy ngó thêm vài dãy nữa,” tôi nói. “Vì cô Vivian. Điều tối thiểu bọn mình có thể làm.”

“Tớ đã biết trước là cậu chuẩn bị nói câu đó mà.”

Lúc sáu giờ hai mươi phút tối hôm đó, chúng tôi đi hàng một vào căn hộ của bà Quillie McBride. Quillie và bà bạn Scott đang ngồi ở bàn ăn. Bà Scott có gì đó để nói cho chúng tôi, bà nghĩ rằng điều đó sẽ có ích. Chúng tôi có mặt ở đây để lắng nghe bất kỳ điều gì bà muốn nói.

Nếu từng đi qua khu Đông Nam của D.C. hay khu Bắc của Philadelphia, hoặc Harlem của New York vào một buổi sáng Chủ nhật, ta sẽ vẫn thấy những người phụ nữ như bà McBride và bà bạn Willie Mae Randall Scott. Các bà mặc áo sơ mi sặc sỡ và váy đã phai màu may bằng vải gabardine. Phụ kiện họ thường dùng có mũ lông, giày đế cao buộc dây bó lấy bàn chân trông như xúc xích. Họ đi tới hoặc trở về từ các nhà thờ khác nhau. Trong trường hợp của Willie Mae - một người theo giáo phái Nhân chứng Jenovah, họ phân phát tạp chí *Tháp canh*.

“Tôi nghĩ mình có thể giúp các anh,” bà Scott nói với chúng tôi bằng giọng nhẹ nhàng, chân thành. Có lẽ bà đã tám mươi nhưng cách diễn đạt vẫn tập trung và rõ ràng.

“Chúng tôi cảm kích vì điều đó,” tôi nói. Cả bốn người ngồi quanh chiếc bàn trong bếp. Một đĩa bánh quy làm từ bột yến mạch đã được bày sẵn để đón tiếp bất kỳ người nào. Một bộ ba bức ảnh chụp hai anh em nhà Kennedy cùng Martin Luther King, những người đã bị ám sát, nổi bật trên tường bếp.

“Tôi đã nghe về vụ giết hại cô giáo,” bà Scott nói với Sampson và tôi, “và gì nhỉ, cách đây chừng một tháng, trước vụ sát hại Turner, tôi đã trông thấy một người đàn ông lái xe quanh khu này. Hẳn là người da trắng. May mắn là trí nhớ của tôi còn rất tốt. Tôi cố gắng duy trì điều đó bằng cách tập trung vào bất kỳ chuyện gì diễn ra trước mắt

mình. Mười năm nữa tính từ hôm nay, tôi sẽ vẫn có thể nhớ lại cuộc nói chuyện này theo từng khoảng thời gian một, hai thanh tra ạ.”

Bà bạn McBride đã kéo ghế mình sang bên cạnh ghế của bà Scott. Ban đầu bà không lên tiếng, mặc dù bà đã nắm lấy một cánh tay gân guốc của bà Scott.

“Đúng đấy, bà ấy sẽ làm được như vậy,” Quillie McBride nói.

“Một tuần trước vụ án mạng liên quan đến Turner, chính tay da trắng đó lại đến khu này,” bà Scott tiếp tục.

“Lần thứ hai này hãn đi từ nhà nọ sang nhà kia. Hãn là một *người bán hàng*.”

Sampson và tôi nhìn nhau. “Bán hàng kiểu gì?” Sampson hỏi bà.

Bà Scott đưa mắt lướt qua mặt Sampson trước khi trả lời câu hỏi. Tôi nghĩ bà đang tập trung, để chắc chắn rằng mình nhớ được mọi điều về Sampson. “Hãn bán hệ thống sưởi ấm cho mùa đông. Tôi đã đi qua xe hơi của hãn và nhìn vào trong. Ở ghế trước có một cuốn sách liên quan tới bán hàng gì đó. Công ty của hãn có tên là Thiết bị Sưởi Atlantic, ở Wilmington, Delaware.”

Bà Scott lần lượt nhìn mặt hai chúng tôi để chắc chắn rằng bà vẫn đang diễn đạt rõ ràng, hoặc để chắc chắn rằng chúng tôi vẫn đang lắng nghe toàn bộ những điều bà vừa nói.

“Hôm qua tôi trông thấy chính chiếc xe ấy chạy qua khu này. Tôi thấy chiếc xe vào buổi sáng mà người phụ nữ ở phố C bị giết. Tôi đã nói với bà bạn tôi đây rằng, ‘Tất cả chuyện này không thể là sự trùng hợp được, đúng không?’ Hiện giờ tôi không biết liệu gã đó có phải là kẻ các anh đang tìm hay không, nhưng tôi nghĩ các anh nên nói chuyện với hãn.”

Sampson nhìn tôi. Rồi cả hai chúng tôi cùng làm một việc hiếm khi xảy ra dạo gần đây. Chúng tôi cùng mỉm cười. Thậm chí hai bà già cũng quyết định hòa theo. Chúng tôi đã thu lượm được điều gì đó. Cuối cùng chúng tôi cũng có được chút tiến triển, tiến triển đầu tiên trong vụ án này.

“Chúng tôi sẽ nói chuyện với người bán hàng này,” tôi nói với bà Scott và bà Quillie McBride. “Chúng tôi sẽ đi Wilmington, Delaware.”

CHƯƠNG 36

GARY MURPHY VỀ TỚI NHÀ lúc hơn năm giờ một chút vào chiều ngày hôm sau, mười bốn tháng Giêng. Trước đó hắn đã vào văn phòng, ngay bên ngoài Wilmington. Chỉ có vài người ở đó, Gary dự định hoàn thành một số công việc vớ vẩn liên quan đến giấy tờ. Hắn phải làm cho mọi thứ trông có vẻ ổn lâu hơn một chút nữa.

Cuối cùng hắn lại nghĩ đến những vấn đề lớn hơn. Kế hoạch lớn. Gary không thể chú tâm cho một đồng hóa đơn và biên lai nằm la liệt trên bàn làm việc của mình. Hắn cứ mãi miết cầm mấy tờ hóa đơn đã nhàu nát của khách hàng lên, liếc nhìn những cái tên, con số và địa chỉ.

Thằng đầu óc bình thường bỏ mẹ nào lại có thể quan tâm đến tất cả chỗ hóa đơn này chứ? hắn nghĩ. Việc đó thật tẻ mủn, nhàm chán và tầm thường. Đó là lý do vì sao công việc này - cùng với Delaware - là một nơi ẩn náu tốt cho hắn.

Thế nên Gary tuyệt đối không làm được việc gì ở văn phòng, trừ việc lãng phí vài giờ đồng hồ. Ít nhất trên đường về nhà hắn cũng đã đi lấy một món quà cho Roni. Hắn đã mua cho con bé một chiếc xe đạp màu hồng có bánh phụ và cờ đuôi nheo. Hắn đã mua thêm một căn nhà búp bê Barbie. Bữa tiệc sinh nhật của con bé được tổ chức lúc sáu giờ.

Missy đón hắn ở cửa trước với cái ôm và một cái hôn. Biết khuyến khích người khác là thế mạnh của cô. Bữa tiệc sinh nhật mang lại cho cô thứ gì đó để suy nghĩ. Cô đã khuất mắt hắn được vài ngày.

“Một ngày tuyệt vời, em yêu. Anh không đùa đâu nhé. Tuần tới sẽ có ba lần về nhà đấy. Đêm nhé, ba đấy,” Gary nói với vợ. Khi thật.

Hắn có thể trở nên thật hấp dẫn khi hắn muốn. *Thầy Chips tới Delaware.*

Hắn theo Missy vào phòng ăn, nơi cô đã sắp xếp các loại đồ nhựa và giấy có màu sắc tươi sáng để chuẩn bị cho bữa tiệc của các bữa tiệc. Missy đã treo lên tường một tấm giấy in - loại họ dùng trong các trận bóng bầu dục ở U. D* - University Dumb*. Tấm giấy này có nội dung: RONI TIẾN LÊN - BẢY TUỔI!

“Tuyệt cú mèo, em yêu. Em có thể tạo ra mọi thứ từ chỗ chẳng có gì. Tất cả trông thật tuyệt,” Gary nói. “Bây giờ chắc chắn mọi thứ trông khá lên rồi.”

Thực tế là Gary đã bắt đầu thấy hơi căng thẳng. Hắn thấy lạc lõng và muốn chớp mắt một chút. Đột nhiên ý tưởng về bữa tiệc sinh nhật của Roni dường như kiệt quệ. Chắc chắn hồi hắn còn nhỏ đã chẳng hề có một bữa tiệc nào.

Đúng sáu giờ thì hàng xóm bắt đầu tới. Thế cũng tốt, hắn nghĩ. Nghĩa là đám trẻ thực sự muốn tới. Chúng thích Roni. Gary có thể thấy điều ấy trên gương mặt của những *cái đầu bóng bay* bé nhỏ.

Nhiều ông bố bà mẹ ở lại dự tiệc. Họ là bạn của hắn và Missy. Hắn thực hiện vai trò của người phục vụ một cách đầy trách nhiệm, trong khi Missy khởi động cho bọn trẻ chơi một loại trò chơi: tìm vịt, chiếm ghế, bịt mắt gấu đuôi.

Mọi người đều vui vẻ. Hắn nhìn Roni, con bé như một con quay đang xoay tít.

Trong đầu Gary cứ liên tục hiện ra ảo ảnh: hắn giết tất cả những người tới dự tiệc sinh nhật của một đứa nhóc. Một bữa tiệc sinh nhật - hoặc trò chơi tìm trứng Phục sinh của trẻ con. Điều đó khiến hắn cảm thấy dễ chịu hơn.

CHƯƠNG 37

NGÔI NHÀ CÓ HAI TẦNG, xây bằng gạch và sơn trắng, nằm trên nửa lô đất có trồng cây. Nó đã bị quây kín bởi những chiếc xe con, xe thùng, xe Jeep, phương tiện đi lại của các gia đình sống ở ngoại ô.

“*Đây không thể* là nhà hăn được,” Sampson nói khi chúng tôi đậu xe ở một con phố nhỏ. “Thứ Đó không sống ở đây. Jimmy Stewart thì có.”

Chúng tôi đã tìm thấy Gary Soneji - nhưng có cảm giác không đúng lắm. Nhà của con quái vật ấy là một căn có vẻ đẹp hoàn hảo của khu ngoại ô, một căn nhà hào nhoáng nằm trên một con phố được chăm sóc chu đáo ở Wilmington, Delaware. Tính từ lúc chúng tôi nói chuyện với bà Scott ở D.C. tới giờ chưa tới hai mươi tư tiếng. Trong khoảng thời gian ấy chúng tôi đã lần ra công ty thiết bị Sưởi Atlantic ở Wilmington. Chúng tôi đã tập hợp lại Đội Giải cứu Con tin ban đầu.

Hầu hết cửa sổ của căn nhà đều sáng ánh đèn. Một xe tải giao hàng của hãng Domino có mặt gần như đồng thời với chúng tôi. Một thằng nhỏ cao gầy tóc vàng chạy tới cửa, hai cánh tay dang ra của nó mang bốn hộp bánh pizza lớn.

Thằng bé giao bánh nhận tiền thanh toán, rồi chiếc xe tải chạy đi nhanh như khi chạy tới.

Việc đây là một ngôi nhà đẹp nằm trong khu dân cư tốt làm tôi lo lắng, thậm chí hoài nghi mất vài phút. Soneji đã luôn đi trước chúng tôi hai bước - *bằng cách nào đó*.

“Hành động thôi,” tôi nói với đặc vụ Scorse. “Đây chính là nó, anh em. Cửa vào địa ngục đấy.”

Chín người chúng tôi lao vào nhà - Scorse, Reilly, Craig cùng hai đặc vụ khác từ Cục, Sampson, tôi, Jeb Klepner, Jezzie Flanagan. Tất cả được trang bị vũ khí hạng nặng, mặc áo giáp chống đạn. Chúng tôi muốn kết thúc vụ này. Ngay tại đây. Ngay bây giờ.

Tôi tiến vào bếp. Scorse và tôi đi cùng nhau. Sampson đi sau một bước chân. Cậu ta chẳng có vẻ gì của một ông bố hàng xóm đến dự tiệc muộn.

“Các ông là ai? Đang có chuyện gì thế?” một phụ nữ ở quầy bếp thét lên khi chúng tôi ập vào.

“Gary Murphy đâu?” tôi hỏi lớn. Đồng thời đưa thẻ của mình ra. “Tôi là Alex Cross. Cảnh sát. Chúng tôi ở đây để điều tra vụ bắt cóc Maggie Rose Dunne.”

“Gary ở trong phòng ăn,” người phụ nữ thứ hai đứng bên máy xay sinh tố nói bằng giọng run rẩy. “Qua lối này.” Bà chỉ.

Chúng tôi chạy theo hành lang nối với phòng ăn. Các bức ảnh chụp gia đình được treo trên tường. Một chồng quà chưa mở nằm trên sàn. Chúng tôi rút súng ngăn ra.

Đó là khoảng thời gian kinh hoàng. Bọn trẻ chúng tôi trông thấy đều sợ hãi. Các ông bố, bà mẹ của chúng cũng thế. Có rất nhiều người vô tội ở đây - *hệt như Công viên Disney*, tôi nghĩ. *Hệt như ở trường Washington Day*.

Gary Soneji không có trong phòng ăn. Chỉ có thêm cảnh sát, bọn trẻ con đội mũ sinh nhật, vật nuôi, các ông bố bà mẹ miệng há hốc vì không tin nổi những gì mình đang được chứng kiến.

“Tôi nghĩ Gary đã lên gác,” cuối cùng một trong những ông bố cất tiếng. “Ở đây có chuyện gì thế? Chuyện quái gì đang diễn ra vậy?”

Craig và Reilly đã từ cầu thang lao trở lại hành lang phía trước.

“Không có trên đó,” Reilly hét to.

Một trong những đứa trẻ nói, “Cháu nghĩ chú Murphy đã xuống tầng hầm. Chú ấy làm gì thế ạ?”

Chúng tôi chạy ngược lại bếp và xuống tầng hầm. Scorse, Reilly và tôi. Sampson lại lên gác để kiểm tra thêm lần nữa.

Chẳng thấy bất kỳ ai trong hai phòng nhỏ dưới tầng hầm. Có một cửa phụ dẫn ra bên ngoài. Cửa đã đóng và bị khóa từ phía ngoài.

Sau một lúc thì Sampson chạy xuống, mỗi bước hai bậc cầu thang. “Tớ đã kiểm tra hết trên gác. Hắn không ở đó!”

Gary Soneji lại biến mất một lần nữa.

CHƯƠNG 38

ĐƯỢC RỒI, ta hãy tăng thêm một nấc nữa nào! Chúng ta hãy làm chút rock & roll nghiêm túc đi. Bây giờ hãy chơi một cách nghiêm túc đi nào, Gary nghĩ khi bỏ trốn.

Từ khi mười lăm, mười sáu tuổi trong hăn đã có những kế hoạch trốn chạy. Hăn biết rằng vào một ngày, bằng cách nào đó và ở nơi nào đó, cái gọi là chính quyền sẽ đến bắt hăn. Hăn đã *thấy* toàn bộ chuyện đó trong tư duy của mình, trong những giấc mơ chi tiết giữa ban ngày. Câu hỏi duy nhất là khi nào. Và có lẽ là vì điều gì? Vì tội nào trong số các tội của hăn?

Rồi họ xuất hiện ở đó, trên đại lộ trung tâm ở Wilmington! Kết thúc cuộc săn đuổi lừng danh. Hay đó mới là sự khởi đầu?

Từ lúc trông thấy cảnh sát, Gary như một chiếc máy được lập trình sẵn. Hăn gần như không thể tin nổi rằng điều mình đã tưởng tượng nhiều lần lại đang thật sự xảy ra. Nhưng họ đã có mặt ở đó. Những giấc mơ đặc biệt thực sự trở thành hiện thực. Nếu như ta có tâm hồn tươi trẻ.

Hăn đã bình thản trả tiền cho cậu bé giao bánh pizza. Rồi hăn xuống gác và thoát ra ngoài qua tầng hầm. Hăn qua một ô cửa được ngụy trang một nửa và đi vào gara. Hăn khóa cửa lại từ phía ngoài. Một cánh cửa bên khác dẫn tới một con ngõ bé xíu dẫn vào sân nhà Dwyer. Hăn cũng khóa cả cái cửa đó lại. Đôi giày đi tuyết của Jimmy Dwyer đang nằm trên bậc hiên. Tuyết đầy trên sân. Hăn thò luôn đôi giày của hàng xóm.

Gary dừng lại giữa nhà hăn và nhà Dwyer. Hăn đôi lần nghĩ đến việc để cho họ bắt mình - bị bắt - hết như Bruno Hauptmann trong vụ

Lindbergh. Hắn thích ý tưởng ấy. Nhưng chưa đến lúc. Và cũng không phải ở đây.

Rồi Gary bỏ chạy, theo một loạt những con ngõ sát nhau, nằm giữa các ngôi nhà. Chẳng có ai trừ đám trẻ con sử dụng mấy con ngõ nhỏ đó, nơi vốn mọc dày cỏ dại và đầy các vỏ lon nước ngọt.

Hắn có cảm giác như thị lực của mình giảm hẳn đi. Chắc chắn là liên quan tới nỗi sợ hãi mà hắn cảm thấy trên từng xương ti mét cơ thể. Gary *đang* sợ. Hắn phải thừa nhận rằng mình đang sợ. Đối mặt với adrenaline đi, anh bạn.

Hắn chạy từ sân sau nhà này qua sân sau nhà khác, dọc theo đại lộ trung tâm có từ lâu đời. Rồi vào khu rừng rậm của công viên Downing. Trên đường chạy hắn không trông thấy một bóng người nào.

Chỉ khi liếc ngược lại Gary mới có thể trông thấy cảnh sát di chuyển về phía nhà mình. Trông thấy hai thằng mọi đen to lớn Cross và Sampson. Cuộc săn đuổi được ca ngợi quá mức. Cục Điều tra Liên bang với toàn bộ vinh quang của nó.

Bây giờ thì hắn chạy hết tốc lực, về phía ga tàu điện ngầm nằm cách nhà hắn bốn dãy nhà. Đây là mối liên kết giữa hắn với Philly, Washington, New York, với thế giới bên ngoài.

Chắc hẳn Gary đã hoàn thành bài chạy với điểm mười trọn vẹn - hay đại loại như thế. Hắn luôn giữ cơ thể gọn gàng. Đôi chân và hai cánh tay khỏe khoắn, bụng phẳng sáu múi.

Một chiếc VW cũ đã đậu sẵn ở nhà ga. Nó luôn được đậu ở đó - chiếc xe Bọ Hung đầy tin cậy từ thời thanh niên nổi loạn của hắn. Nói đúng hơn là “hiện trường của những tội ác quá khứ”. Chiếc xe được sử dụng chỉ vừa đủ để giữ cho ác quy hoạt động. Đã đến lúc thêm nhiều trò chơi, nhiều trò vui. Con Trai Nhà Lindbergh lại chuẩn bị ra tay.

CHƯƠNG 39

ĐÃ QUÁ MUỖI MỘT GIỜ nhưng Sampson và tôi vẫn ở nhà Murphy. Cánh báo chí đang tập trung phía sau các dây bảo vệ hiện trường màu vàng sáng bên ngoài nhà. Cả vài trăm người là bạn bè và láng giềng quanh khu Wilmington cũng thế. Nơi này chưa bao giờ có một đêm náo động hơn thế.

Một cuộc săn lùng lớn khác đã được thực hiện không chỉ dọc theo Bờ Đông mà còn triển khai cả về phía Tây, tới bang Pennsylvania và Ohio. Dường như không thể có khả năng Gary Soneji/Murphy trốn thoát được lần thứ hai. Chúng tôi không tin là thủ phạm có thể vạch kế hoạch cho lần trốn chạy này theo cái cách hăn đã lên kế hoạch cho vụ lần trước ở Washington.

Một đứa trong đám trẻ con dự tiệc đã nhìn thấy một xe tuần tra của cảnh sát lượn lơ vài phút trước khi chúng tôi có mặt ở khu vực này. Nó đã hồn nhiên kể với Murphy về chiếc xe cảnh sát. Tên tội phạm đã tẩu thoát hoàn toàn nhờ may mắn! Chúng tôi đã chậm chân hơn hăn chỉ vài phút là cùng.

Sampson và tôi thăm vấn Missy Murphy hơn một giờ. Cuối cùng chúng tôi cũng biết được một chút về con người thật của Soneji/Murphy.

Missy Murphy có thể hòa mình vào các bà mẹ của đám học sinh trường Washington Day. Cô có mái tóc vàng óng không uốn lộn. Missy mặc chiếc váy màu xanh hải quân, áo cánh trắng, đội mũ rơm vành tròn. So với mức thông thường thì cô nặng quá chừng một cân, nhưng vẫn xinh.

“Không ai trong số các ông có vẻ tin điều này, nhưng tôi hiểu Gary. Tôi biết anh ấy là người thế nào,” cô nói với chúng tôi. “Anh ấy không phải là kẻ bắt cóc.”

Trong khi nói, Missy liên tục châm những điếu Marlboro Light. Đó là dấu hiệu duy nhất bộc lộ sự khổ sở và lo lắng. Chúng tôi nói chuyện với cô Murphy trong bếp. Căn bếp gọn gàng, ngăn nắp ngay cả trong ngày tổ chức tiệc sinh nhật. Tôi nhận ra nhiều cuốn sách nấu ăn của Betty Crocker xếp bên cạnh những cuốn của Silver Palate và một cuốn *Phương pháp thiền cho những phụ nữ làm việc quá nhiều*. Một bức ảnh chụp cận cảnh Gary Soneji/ Murphy trong bộ đồ tắm đặt trên tủ lạnh. Hắn trông như một ông bố Mỹ đúng chất.

“Gary không phải người bạo lực. Anh ấy thậm chí không thể chịu được việc buộc Roni vào khuôn phép,” Missy Murphy nói với chúng tôi.

Điều ấy khiến tôi chú ý. Nó khớp với các biểu mẫu mà tôi đã nghiên cứu nhiều năm: *các báo cáo về những người tâm thần và con cái của họ*. Những kẻ tâm thần thường gặp khó khăn trong việc uốn nắn con cái mình.

“Chồng cô đã bao giờ nói với cô vì sao anh ta gặp khó khăn trong việc uốn nắn con gái chưa?” tôi hỏi.

“Bản thân Gary không có tuổi thơ hạnh phúc. Anh ấy chỉ muốn những gì tốt đẹp nhất cho Roni. Anh ấy biết rằng mình đang bù đắp cho con bé. Anh ấy là một người rất thông minh. Anh ấy có thể dễ dàng lấy bằng tiến sĩ Toán học.”

“Gary lớn lên ở Wilmington này à?” Sampson hỏi Missy. Với người phụ nữ này, cậu ta rất thẳng thắn và mềm mỏng.

“Không, anh ấy lớn lên ở Princeton, New Jersey. Gary sống ở đó cho tới năm mười chín tuổi.”

Sampson ghi chép một chút, rồi liếc về phía tôi. Princeton gần Hopewell, nơi đã xảy ra vụ bắt cóc Lindbergh những năm 1930. Con

Trai Nhà Lindbergh, Soneji đã ký tên như thế trên những bức thư đòi tiền chuộc. Chúng tôi vẫn chưa biết vì sao.

“Gia đình anh ta vẫn ở Princeton à?” tôi hỏi cô Murphy. “Chúng tôi có thể liên lạc với họ ở đó được chứ?”

“Gia đình không còn ai nữa. Một đám cháy xảy ra khi Gary đang đi học. Cha, mẹ kế, em trai và em gái cùng cha khác mẹ của anh ấy đều chết trong thảm kịch ấy.”

Tôi muốn tìm hiểu sâu mọi điều Missy Murphy đang nói. Rồi tôi phải ngừng lại một chút. Như vậy là đã xảy ra đám cháy trong nhà của một thanh niên có vấn đề về tâm thần? Một gia đình nữa đã chết, một gia đình nữa bị hủy diệt. Đó có phải là mục tiêu thực sự của Gary Soneji/ Murphy không? Những gia đình? Nếu đúng như vậy thì trường hợp Vivian Kim là sao? Liệu hãm giết nữ giáo viên có phải chỉ để gây tiếng vang không?

“Cô biết người nào trong gia đình đó không?” tôi hỏi Missy.

“Không. Họ qua đời trước khi Gary và tôi quen nhau. Hai chúng tôi gặp nhau khi là sinh viên đại học năm cuối. Khi ấy tôi ở Delaware.”

“Chồng cô đã kể cho cô những gì về những năm sống ở Princeton?”

“Không nhiều lắm. Anh ấy rất kín kẽ. Tôi biết là gia đình Murphy sống cách xa thành phố. Láng giềng gần nhà họ nhất cũng ở cách ba hay bốn cây số. Gary không có bạn bè nào cho tới tận khi đi học. Thậm chí đến lúc đó anh ấy vẫn thường là kẻ lạc lõng. Đôi khi anh ấy có thể rất nhút nhát.”

“Thế còn người em trai và em gái mà cô đã nhắc tới thì sao?” Sampson hỏi.

“Thực ra là em cùng cha khác mẹ. Đó là một phần vấn đề của Gary. Anh ấy không gần gũi với họ lắm.”

“Anh ta có bao giờ nhắc đến vụ bắt cóc Lindbergh không? Anh ta có cuốn sách nào về Lindbergh không?” Sampson lại tiếp tục. Kỳ

thuật cậu ta áp dụng là tập trung vào điểm mấu chốt khi hỏi đáp.

Missy Murphy lắc đầu. “Không. Tôi không biết điều đó. Dưới tầng hầm có một phòng chứa đầy sách của anh ấy. Các ông có thể xem.”

“Ồ, chúng tôi sẽ xem,” Sampson nói với cô.

Đây là nguồn cung cấp thông tin dồi dào và tôi thấy nhẹ nhõm khi nghe đề cập đến nó. Trước đó, không có gì hoặc có rất ít manh mối cho chúng tôi khai thác.

“Mẹ đẻ của anh ta còn sống chứ?” tôi hỏi.

“Tôi không biết. Gary không bao giờ nói về bà ấy. Anh ấy không hề dả động tới bà ấy.”

“Thế còn mẹ kế của anh ta?”

“Gary không ưa bà mẹ ghẻ. Rõ ràng bà ấy rất gắn bó với những đứa con do bà ấy sinh ra. Anh ấy gọi bà ấy là ‘con điểm Babylon’. Tôi tin rằng bà ấy có gốc gác vùng Tây Babylon của New York. Tôi nghĩ là nó ở đâu đó trên Long Island.”

Sau nhiều tháng không có chút thông tin nào, tôi không thể đưa ra những câu hỏi đủ nhanh. Cho tới giờ, mọi thứ tôi nghe được đều liên quan đến việc truy tìm dấu vết. Một câu hỏi hiện lên: liệu Gary Soneji/Murphy có nói sự thật với vợ hắn không? Hắn *có khả năng* nói sự thật với một người khác không?

“Cô Murphy, cô có ý kiến nào về nơi anh ta có thể đã tới không?” Bây giờ tôi mới hỏi.

“Điều gì đó đã thực sự khiến Gary sợ hãi,” cô đáp. “Tôi nghĩ có lẽ điều đó liên quan tới công việc của anh ấy. Và liên quan tới anh trai tôi, ông chủ của Gary. Tôi không thể tưởng tượng là anh ấy trở về nhà ở New Jersey, nhưng có thể anh ấy đã làm thế. Có thể Gary đã trở về nhà. Anh ấy thuộc dạng bốc đồng.”

Một trong những đặc vụ FBI là Marcus Connor nhòm vào chỗ bếp nơi chúng tôi đang nói chuyện. “Tôi có thể gặp hai anh một phút

được không?... Tôi xin lỗi, chuyện này chỉ mất một phút thôi,” anh ta nói với cô Murphy.

Connor đưa hai chúng tôi xuống tầng hầm của căn nhà. Gerry Scorse, Reilly, và Kyle Craig từ FBI đang ở dưới đó chờ đợi.

Scores giờ lên một đôi tất mỏng hiệu Fido Dido. Tôi nhận ra chúng từ bản mô tả về những gì Maggie Rose Dunne đã mặc vào ngày bị bắt cóc. Và từ những lần vào quan sát phòng của con bé, nơi tôi đã thấy bộ sưu tập quần áo và nữ trang rẻ tiền của nó.

“Vậy anh nghĩ thế nào, Alex?” Scorse hỏi tôi. Tôi nhận ra rằng cứ khi nào mọi thứ trở nên thực sự kỳ quặc thì anh ta đều tham khảo ý kiến của tôi.

“Chính xác là điều tôi đã nói về chiếc giày ở Washington. Hẳn để lại nó cho chúng ta. Bây giờ hẳn đang chơi một trò chơi. Và hẳn muốn chúng ta chơi cùng hẳn.”

CHƯƠNG 40

KHÁCH SẠN CỔ DU PONT ở trung tâm Wilmington là nơi khá tiện để ngả lưng một chút. Nơi này có một quán bar đẹp và yên tĩnh, Sampson và tôi đã có kế hoạch lặn lẽ uống chút gì đó ở đây. Cả hai không nghĩ sẽ có người tham gia cùng nên thấy ngạc nhiên khi Jezzie Flanagan, Klepner và một số đặc vụ FBI nhập hội rượu đêm.

Chúng tôi mệt mỏi và thất vọng sau khi để sống mất Gary Soneji/Murphy trong gang tấc. Chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, chúng tôi nốc khá nhiều rượu nặng. Thực tế là quan hệ giữa chúng tôi tốt. “Một đội”. Chúng tôi nói năng âm ỉ, chơi bài, quây phá một chút ở quán bar sang trọng Delaware. Sampson nói chuyện với Flanagan một lúc. Cậu ta cũng nghĩ cô là một cảnh sát giỏi.

Cuối cùng cuộc nhậu cũng kết thúc, chúng tôi quanh quẩn tìm về phòng của mỗi người nằm rải rác trong khách sạn Du Pont rộng lớn.

Jeb Klepner, Jezzie và tôi leo cầu thang trải thảm dày để lên phòng mỗi người ở tầng hai và tầng ba. Vào lúc ba giờ kém mười lăm sáng, khách sạn Du Pont đúng là một lãng mộ. Phía ngoài, trên con đường chính chạy suốt Wilmington vắng bóng xe cộ.

Phòng Klepner nằm ở tầng hai. “Tôi chuẩn bị xem ít phim khiêu dâm loại nhẹ,” anh ta nói khi tách khỏi hai chúng tôi. “Việc ấy thường khiến tôi ngủ được ngay.”

“Chúc anh có những giấc mơ đẹp,” Jezzie nói. “Hẹn gặp ở sảnh lúc bảy giờ.”

Klepner rên lên khi lê bước theo hành lang về phòng. Jezzie cùng tôi leo theo cầu thang uốn lượn lên tầng trên. Không gian yên tĩnh đến

nổi có thể nghe thấy tiếng đèn giao thông bên ngoài, những tiếng lạch tách phát ra khi đèn chuyển từ xanh sang vàng rồi tới đỏ.

“Tôi vẫn thấy căng thẳng,” tôi nói với Jezzie. “Tôi có thể *nhìn thấy* Soneji/Murphy. Hai gương mặt. Trong đầu tôi, cả hai gương mặt đều rất khác biệt.”

“Tôi cũng thấy căng thẳng. Lúc nào cũng thế. Nếu bây giờ đang ở nhà thì anh sẽ làm gì?” Jezzie hỏi.

“Có khi tôi chơi piano ngoài hiên nhà. Đánh thức cả khu dậy bằng chút nhạc buồn.”

Jezzie bật cười. “Ta có thể quay xuống bar Delaware. Có một cây đàn cũ đặt ngay dưới đó. Có khi nó thuộc về một trong những người thuộc dòng họ Du Pont. Anh chơi đàn, tôi sẽ uống thêm một ly.”

“Tay phục vụ quầy bar đó đã ra về sau chúng ta đứng mười giây. Bây giờ anh ta lên giường rồi.”

Chúng tôi đã lên tới tầng ba của khách sạn Du Pont. Ở hành lang có một đoạn cua nhẹ. Những tấm biển có họa tiết trang trí treo trên tường liệt kê các số phòng và hướng đi. Vài vị khách đã để giày của họ ra ngoài hành lang cho nhân viên đánh vào ban đêm.

“Tôi ở phòng ba mươi một.” Jezzie lôi từ túi áo khoác ra chìa khóa thẻ từ màu trắng.

“Tôi ở phòng ba linh tư. Đến lúc đi ngủ rồi. Để sáng dậy cho tỉnh táo.”

Jezzie mỉm cười và nhìn vào mắt tôi. Lần đầu tiên mà tôi còn nhớ được, không ai trong chúng tôi nói gì.

Tôi vòng tay qua người và nhẹ nhàng ôm lấy cô. Chúng tôi hôn nhau ngoài hành lang. Lâu rồi tôi chưa hôn ai như thế. Thực ra tôi cũng không chắc ai là người hôn trước.

“Cô rất đẹp,” tôi thì thầm khi môi chúng tôi tách ra. Những lời ấy cứ thế bật ra. Không phải câu hay nhất mà tôi có thể thốt ra nhưng là sự thật.

Jezzie mỉm cười và lắc đầu. “Môi tôi vừa dày vừa phù. Trông tôi như hồi nhỏ bị ngã đập mặt xuống đất ấy. Anh mới là người ưa nhìn. Anh trông như võ sĩ Muhammad Ali.”

“Chắc chắn là giống rồi. Giống khi đã ăn no tròn.”

“Có thể là ăn tròn nhưng chưa no. Để thêm cá tính thôi. Vừa đủ no tròn. Nụ cười của anh cũng đẹp nữa. Cười cho tôi xem nào, Alex.”

Tôi lại hôn đôi môi phù kia. Tôi chỉ có thể nói rằng đôi môi đó là hoàn hảo.

Có nhiều chuyện thổi phồng về ham muốn của những người đàn ông da đen với phụ nữ da trắng; về chuyện phụ nữ da trắng muốn có trải nghiệm với đàn ông da đen. Jezzie Flanagan là người khôn ngoan và cực kỳ hấp dẫn. Cô là người tôi có thể nói chuyện, là người tôi muốn ở bên.

Và chúng tôi đang ở đây, trong vòng tay của nhau, lúc ba giờ sáng. Cả hai chúng tôi đã uống hơi nhiều, nhưng không quá nhiều. Không có chuyện thổi phồng nào cả. Chỉ có hai người, ở một thành phố lạ, vào một đêm rất lạ trong đời của cả hai.

Lúc này tôi muốn được ai đó ôm. Và tôi nghĩ Jezzie cũng như vậy. Ánh nhìn trong đôi mắt cô vốn ngọt ngào và dễ chịu. Nhưng đêm nay còn có chút mong manh. Trong khóe mắt cô có một mạch máu đỏ nhỏ xíu. Có lẽ cô cũng vẫn có thể *nhìn thấy* Soneji/Murphy. Chúng tôi đã suýt nữa tóm được hắn. Lần này chỉ chậm có nửa bước.

Tôi ngắm gương mặt của Jezzie theo cách trước đây mình không thể làm hoặc không bao giờ nghĩ là mình sẽ làm. Một ngón tay của tôi nhẹ nhàng lướt trên đôi má cô. Da Jezzie mềm mại và mịn màng. Những sợi tóc vàng óng mềm như lụa giữa các ngón tay tôi. Mùi nước hoa của cô thật nhẹ nhàng, như hương của loài hoa dại.

Một câu nói lướt qua đầu tôi. *Đừng bắt đầu những việc ta không thể kết thúc.*

“Này, Alex?” Jezzie nói và nhướn một bên mày. “Đây là vấn đề hóc búa, phải không?”

“Không khó đối với hai cảnh sát thông minh như chúng ta,” tôi nói với cô.

Chúng tôi rẽ về phía bên trái của hành lang khách sạn và hướng về phía phòng 311.

“Có lẽ chúng ta nên nghĩ kỹ hơn về chuyện này,” tôi cất lời trong khi cả hai bước đi.

“Có lẽ tôi đã nghĩ kỹ rồi,” Jezzie thì thầm đáp lại.

CHƯƠNG 41

MỘT RŨỖI SÁNG, Gary Soneji/Murphy bước ra khỏi Nhà nghỉ số 6 ở Reston, Virginia. Hắn chợt trông thấy hình ảnh của mình trên cửa kính.

Gary mới - Gary *của ngày hôm nay* - nhìn lại bản thân. Mái tóc đen vuốt ngược ra sau và râu quai nón lờm chờm; quần áo nông dân bẩn thỉu. Hắn biết rằng mình có thể đóng vai này. Giả giọng lè nhè vùng Old Dixie. Vào những lúc cần thiết. Nhưng không quá lâu. Đừng ai chớp mắt nhé.

Gary bước vào chiếc VW móp méo và khởi hành. Hắn cực kỳ hồi hộp. Hắn yêu thích phần kế hoạch này hơn chính cuộc đời mình. Hắn không thể tách rời hai phần ấy ra nữa. Đây là phần táo bạo nhất của toàn bộ cuộc phiêu lưu. Công việc đòi hỏi nhiều kỹ năng.

Tại sao mình lại phấn khích đến thế? Soneji tự hỏi trong cơn mơ màng. Chỉ vì một nửa số cảnh sát và bọn khốn FBI trên toàn nước Mỹ đang truy lùng hắn sao?

Bởi hắn đã bắt cóc hai đứa nhãi nhà giàu và một đứa đã chết à? Còn đứa kia - Maggie Rose thì sao? Hắn thậm chí không muốn nghĩ về chuyện đó - những gì đã thực sự xảy ra với con bé.

Bóng tối từ từ chuyển thành lớp nhung mềm màu xám. Soneji phải cố gắng kìm hãm thôi thúc đập lút ga và giữ nguyên như thế. Ánh sáng màu cam của bình minh cuối cùng cũng xuất hiện khi hắn chạy xe xuyên qua vùng Johnstown, Pennsylvania.

Soneji dừng xe tại một cửa hàng 7-Eleven ở Johnstown. Hắn ra khỏi xe và kéo căng hai chân. Nhìn vào chiếc gương chiếu hậu đựng đĩa của chiếc VW Bọ Hung xem mình trông ra sao.

Từ trong gương, một nông dân ăn mặc xộc xệch nhìn lại hăn. Một Gary hoàn toàn khác. Hăn mang toàn bộ phong thái của một dân quê; dáng đi của một tay cao bồi được điều chỉnh như thể mới bị ngựa đá; hai tay để trong túi áo hoặc hai ngón cái thọc vào thắt lưng. Lúc nào cũng lấy ngón tay chải tóc. Khắc nhổ bất cứ khi nào có cơ hội.

Soneji uống một hơi hết cốc cà phê đậm đặc trong cửa hàng tiện ích - một việc làm đáng ngờ. Một ổ bánh mì rắc hạt anh túc nhiều bơ. Vẫn chưa có tờ báo sáng nào lên sạp.

Một nhân viên nữ dần độn và hờm hĩnh trong cửa hàng đang đợi Soneji. Hăn chỉ muốn đâm cô ta bất tỉnh. Hăn dành tới năm phút để tưởng tượng cảnh hạ gục cô ta ngay giữa cửa hàng 7-Eleven hẻo lánh này.

Cởi cái áo cánh trắng nữ sinh ra đi, cô em. Kéo nó xuống tận hông em ấy. Được rồi, bây giờ có lẽ anh sắp sửa phải giết em. Nhưng có thể là không. Hãy nói chuyện tử tế với anh và cầu xin anh không làm thế. Cô em bao tuổi - hai mốt, hai mươi? Hãy dùng nó làm lời nói đánh vào cảm xúc của anh. Em còn quá trẻ để chết trong một cửa hàng 7-Eleven, khi vẫn chưa biết hết mùi đời.

Rốt cuộc Gary cũng quyết định cho cô ta sống. Điều ngạc nhiên là cô ta không biết gì về việc mình đã suýt bị giết.

“Chúc ông một ngày vui vẻ. Hẹn sớm gặp lại,” cô ta nói.

“Cô nên cầu nguyện là tôi sẽ không trở lại ấy.”

Khi Soneji/Murphy chạy xe dọc theo đường 22, hăn cho phép bản thân giận dữ hơn những gì đã thể hiện trong một thời gian dài. Trò ủy mị vớ vẩn này đủ rồi. Không ai chú ý đến hăn - sự chú ý mà hăn đáng được hưởng.

Những kẻ ngốc nghếch và kém cỏi ngoài kia nghĩ rằng chúng có cơ hội nào chặn được hăn sao? Hay tự tay bắt được hăn sao? Hoặc xử hăn trực tiếp trên truyền hình quốc gia sao? Đã đến lúc dạy cho chúng một bài học; đã đến lúc dành cho sự vĩ đại thực sự. Rẽ trái trong khi thế giới nghĩ ta sẽ rẽ phải.

Gary Soneji/Murphy ngoặt vào một tiệm McDonald ở Wilksburg, Pennsylvania. Trẻ con mọi lứa tuổi đều thích đồ McDonald, đúng không? Đồ ăn, bạn bè và niềm vui. Gary vẫn rất đúng kế hoạch. “Thằng Bé Hư” đáng tin cậy ở điểm này - ta có thể chinh giờ đồng hồ theo hăn.

Có những hàng người thường thấy vào giờ ăn trưa thơ thẩn đi ra đi vào Mickey D. Tất cả bọn họ đều mắc kẹt trong những lối mòn, những việc vặt vãnh hằng ngày của mình. Nhồi nhét bánh kẹp và khoai tây chiên.

Thế còn những bài hát cũ của nhóm Hooters - về những xác sống ở ngoài kia, trên nước Mỹ này? *Tất cả các người, lũ xác sống kia? Bước đi như một xác sống?* Điều gì đó về hàng chục triệu xác sống ngoài kia. Đó là đã nói giảm đi rất nhiều.

Liệu hăn có phải là người duy nhất sống gần với tiềm năng của bản thân? Soneji/Murphy tự hỏi. Điều đó sai thế quái nào được. Chẳng ai đặc biệt như hăn. Ít nhất hăn cũng chưa gặp kẻ nào trong số những người đặc biệt.

Soneji quay sang khu phòng ăn của tiệm McDonald. Đã có đến cả trăm ngàn tỷ suất McBurger được tiêu thụ, con số ấy vẫn tiếp tục tăng. Phụ nữ trong này có cả đám. Phụ nữ và toàn bộ đám con cái quý hóa của họ. Những kẻ xây tổ, những kẻ tầm thường hóa mọi thứ, những con ngỗng ngốc nghếch với bộ ngực mềm nhũn ngớ ngẩn của chúng.

Ronald McDonald cũng ở đó, dưới dạng một cái bánh quy thiêu hình tròn cao một mét tám trong mắt bọn trẻ con. Quả là một ngày hay ho! Ronald McDonald gặp thầy Chips.

Gary trả tiền hai cốc cà phê đen và xoay người bước trở ra xuyên qua đám đông. Hăn nghĩ đầu mình sắp nổ tung. Mặt và cổ hăn đỏ ửng. Hăn đang thở quá nhanh, cổ họng Gary khô khốc, hăn đang đổ mồ hôi quá nhiều.

“Ngài ổn chứ, thưa ngài?” cô gái sau quầy hỏi.

Gary thậm chí không tính đến chuyện trả lời câu hỏi ấy. *Mày nói chuyện với tao đấy à? Robert De Niro, có phải không? Hẳn là một De Niro khác - chẳng có gì hoài nghi về chuyện đó - chỉ có điều hẳn thậm chí còn là một diễn viên giỏi hơn. Tâm ảnh hưởng rộng lớn hơn. De Niro chưa bao giờ tận dụng được những cơ hội như Gary đã làm. De Niro, Hoffman, Pacino - chẳng kẻ nào trong số họ tận dụng được cơ hội và thực sự phát huy hết được năng lực của mình. Theo quan điểm của Soneji là thế.*

Nhiều suy nghĩ và tư tưởng ào ạt đổ vào đầu Soneji, khiến hẳn mất tập trung. Hẳn có cảm tưởng như mình đang lơ lửng trôi giữa một biển các hạt vật chất, hạt photon và neutron. Nếu những kẻ này có thể sống trong não hẳn chỉ mười giây thôi, chúng sẽ không tin được điều đó.

Soneji cố tình xô vào người khác khi hẳn rời khỏi quầy tính tiền của tiệm McDonald.

“Ôi, *xin thứ lỗi* cho tôi,” hẳn nói sau một cú va mạnh vào hông người khác.

“Này! Để ý một chút đi chứ, ông anh!” một người nói với Soneji.

“Để ý cái thân mày ấy, thằng chó.” Soneji/Murphy dừng lại và nói với tay hời hợt mà hẳn vừa va vào. “Tao phải làm gì để có được chút tôn trọng? Bắn thẳng vào mắt mày à?”

Vừa tiếp tục đi khắp tiệm Soneji vừa uống hết cả hai cốc cà phê nóng. *Xuyên qua* tiệm. *Xuyên qua* bất kỳ người nào chặn đường hẳn. *Xuyên qua* những chiếc bàn mi ca rẻ tiền. *Xuyên qua* các bức tường, nếu hẳn thực sự muốn.

Gary Soneji/Murphy lôi từ áo gió ra một khẩu súng lục ổ quay nòng ngắn. Chuyện sẽ là thế này: khởi đầu của cú gọi đánh thức cả nước Mỹ. Một buổi biểu diễn đặc biệt dành cho tất cả những đứa con và các bà mẹ.

Bây giờ tất cả đều nhìn hẳn. Súng, họ đều hiểu.

“Tỉnh dậy con mẹ chúng mày đi!” hăn quát tháo bên trong phòng ăn của tiệm McDonald. “Cà phê *nóng*! Có đồ ra đây, tất cả chúng mày! Tỉnh dậy và ngủ đi!”

“Người đàn ông đó có súng!” Một trong những kẻ “cực kỳ thông minh” đang ăn một chiếc hamburger Big Mac nóng sốt nói. Không thể tin là ông ta có thể nhìn xuyên qua đám hơi đang bốc lên từ món đồ ăn của mình.

Gary quay mặt vào căn phòng với khẩu súng đã rút ra. “Không ai được rời khỏi phòng này!” hăn hét lên.

“Bây giờ bọn mày tỉnh rồi chứ? *Lũ chúng mày đã tỉnh rồi chứ?*” Gary Soneji/Murphy nói to. “Tao nghĩ là tỉnh rồi. Tao nghĩ bây giờ tất cả bọn mày đã hiểu chương trình rồi.”

“Tao là người chỉ huy! Thế nên tất cả dừng lại. Quan sát. Và lắng nghe.”

Gary bắn một phát súng vào mặt kẻ đang nhai chiếc bánh burger. Người đàn ông ôm chặt lấy trán rồi nặng nề lăn từ ghế của mình xuống sàn. Bây giờ thì việc đó đã thu hút được sự chú ý của mọi người. Súng thật, đạn thật, sinh mạng thật.

Một người phụ nữ da đen ré lên và bà ta cố gắng lao vào Soneji. Hăn hạ gục bà này với một cú đánh bằng báng súng vào đầu. Đó là một đòn thực sự chất, hăn nghĩ thế. Một cú đánh tuyệt hay của Steven Seagal.

“*Tao là Gary Soneji!* Tao chính là Hăn. Nói thế có gây sốc không? Bọn mày đang được diện kiến kẻ bắt cóc nổi tiếng thế giới. Chuyện này giống như một buổi trình diễn miễn phí chẳng nhằm mục đích gì. Thế nên hãy quan sát cho kỹ. Bọn mày có thể học được một vài điều đấy. Gary Soneji đã ở nhiều nơi, hăn đã thấy nhiều điều bọn mày chưa từng thấy trong đời. Tin tao đi.”

Soneji nhấp ngụm McCoffee cuối cùng của hăn, và qua miệng cốc, hăn quan sát những người ghiền đồ ăn nhanh đang run rẩy.

“Đây,” cuối cùng hắn cũng cất tiếng với vẻ tự lự, “là điều người ta gọi là tình huống bắt giữ con tin nguy hiểm. Ronald McDonald đã bị bắt cóc, thừa các vị. Bây giờ các vị đã chính thức là một phần của lịch sử.”

CHƯƠNG 42

HAI CẢNH SÁT TUẦN TRA QUỐC LỘ Mick Fescoe và Bobby Hatfield đang chuẩn bị vào cửa hàng McDonald thì nghe thấy những tiếng súng phát ra từ phòng ăn. Tiếng súng phải không? Vào giờ ăn trưa ở tiệm McDonald? Chuyện quái gì đang xảy ra thế?

Fescoe bốn mươi tư tuổi, cao và to lớn. Hatfield trẻ hơn gần hai chục tuổi. Cậu mới chỉ làm cảnh sát tuần tra được khoảng một năm. Bất chấp cách biệt về tuổi tác, hai cảnh sát này có chung sở thích hài tục. Họ đã trở thành những người bạn thân thiết của nhau.

“Chết tiệt,” Hatfield thì thầm khi tiếng súng vang lên phía trong tiệm McDonald. Cậu hụp xuống theo tư thế tránh đạn mới được học nhưng chưa bao giờ áp dụng khi ở ngoài tầm đạn.

“Nghe tôi nhé, Bobby,” Fescoe nói với cậu.

“Đừng lo, tôi đang nghe đây.”

“Cậu hướng tới lối ra phía kia.” Fescoe trở về một lối ra gần quầy thu ngân. “Tôi sẽ vòng qua mé trái. Cậu đợi lệnh tôi rồi hãy hành động.”

“Đừng làm gì cho tới khi tôi lao vào hấn. Rồi sau đó, nếu cậu có khoảng trống để bắn, hãy hành động. Đừng nghĩ gì về việc đó. Chỉ cần siết cò thôi Bobby.”

Bobby Hatfield gật đầu. “Tôi hiểu rồi.” Rồi cả hai tách ra.

Khi chạy vòng qua mé bên kia của tiệm McDonald, sĩ quan Mick Fescoe không thể thở nổi. Anh bám sát bức tường gạch, tì lưng vào đó. Từ nhiều tháng nay anh đã hạ quyết tâm phải lấy lại dáng. Anh đã bắt đầu thở dốc. Cảm thấy hơi choáng. Anh không muốn điều ấy. Đấu

súng với một tên điên trong tình trạng xây xẩm mặt mày thật chẳng hay ho gì.

Fick Fescoe đến gần sát cửa. Anh có thể nghe thấy tiếng tên điên đang la hét bên trong.

Nhưng cũng có điều buồn cười vì tên điên đó như thể được điều khiển từ xa. Những động tác của hắn rất giật cục. Giọng nói thì cao, như giọng một thằng bé.

“Tao là *Gary Soneji*. Tất cả bọn mày hiểu điều đó chứ? Tao chính là *Hắn*. Có thể nói là bọn mày đã *tìm thấy tao*. Bọn mày đều là những anh hùng lớn.”

Có thể như thế không? Fescoe tự hỏi khi nấp gần cửa và lắng nghe. Tên bắt cóc Soneji đang ở Wilkinsburg này sao? Dù là ai đi nữa, kẻ đó dứt khoát đang có một khẩu súng trong tay. Một người đã bị bắn. Một người đàn ông đang nằm sóng soài trên sàn. Ông ta không động đậy gì.

Fescoe nghe thấy thêm một phát súng nữa. Những tiếng thét sợ hãi chói tai vọng ra từ bên trong tiệm McDonald chật ních người.

“Anh phải làm gì đó đi chứ!” một người đàn ông mặc chiếc áo có mũ trùm đầu hiệu Dolphins màu xanh nhạt hét lên với viên cảnh sát.

Biết rồi, khổ lắm, nói mãi, sĩ quan Mick Fescoe lẩm bẩm. Người ta luôn thực sự dũng cảm khi có cảnh sát thế mạng. Anh trước đi, sĩ quan. Anh là người lĩnh hai ngàn năm trăm đô một tháng để làm việc này mà.

Mick Fescoe cố gắng kiểm soát hơi thở của mình. Khi làm được điều ấy, anh di chuyển tới chỗ cửa ra vào bằng kính. Anh thầm cầu nguyện và lao xuyên qua cửa kính.

Ngay lập tức viên sĩ quan trông thấy kẻ cầm súng. Một gã da trắng, đã xoay người về phía anh. *Như thể hắn đã chờ đợi viên sĩ quan. Như thể hắn đã lên kế hoạch cho việc này.*

“Bùm!” Gary Soneji hét lên. Đồng thời hắn bóp cò.

CHƯƠNG 43

KHÔNG AI TRONG CHÚNG TÔI ngủ nhiều hơn đôi ba tiếng, một số còn ngủ ít hơn. Chúng tôi chệnh choáng vì thiếu ngủ khi chạy xe trên quốc lộ 22.

Gary Soneji/Murphy đã bị “nhìn thấy” nhiều lần trong khu vực nằm ở phía Nam chúng tôi. Hắn đã trở thành ông kẹ với một nửa dân số Mỹ. Tôi biết rằng hắn thích thú với cương vị ấy.

Jezzie Flanagan, Jeb Klepner, Sampson và tôi ngồi trên một chiếc xe mui kín màu xanh nước biển hiệu Lincoln. Sampson cố gắng ngủ. Tôi được chỉ định làm lái xe trong ca đầu tiên.

Lúc mười hai giờ mười phút trưa, khi chúng tôi đang chạy xuyên vùng Murrysville, Pennsylvania thì một cuộc gọi khẩn được truyền qua hệ thống liên lạc vô tuyến.

“Tất cả các đơn vị chú ý, chúng ta có thông tin về một vụ xả súng!” giọng viên sĩ quan điều phối xen lẫn những tiếng lẹt xẹt của sóng vô tuyến. “Một người đàn ông tự xưng là Gary Soneji đã bắn ít nhất hai người bên trong một tiệm McDonald ở Wilkinsburg. Vào thời điểm này hắn đang giữ ít nhất sáu mươi con tin trong tiệm.”

Chưa tới ba mươi phút sau, chúng tôi đã có mặt ở hiện trường tại Wilkinsburg, Pennsylvania. Sampson lắc đầu với vẻ khó chịu và ngạc nhiên. “Tên khốn này biết cách tổ chức tiệc hay có chuyện gì đây?”

“Hắn làm thế khác gì tự tìm chỗ chết? Lần này là tự sát à?” Jezzie Flanagan bắn khoăn về điều đó.

“Tôi không ngạc nhiên với bất kỳ điều gì hắn làm, nhưng McDonald thì phù hợp. Cứ nhìn đám trẻ con mà xem. Ở đó giống như

một trường học, giống như Công viên Disney,” tôi nói với họ.

Từ phía bên kia con phố chạy qua tiệm, tôi có thể trông thấy các tay bắn tỉa của cảnh sát và quân đội trên mái một siêu thị Kmart. Họ đang dùng súng trường hạng nặng ngắm về hướng các đường cong màu vàng ở cửa sổ phía trước.

“Vụ này dường như giống với vụ thảm sát ở cửa hiệu McDonald cách đây vài năm. Vụ xảy ra ở miền Nam California,” tôi nói với Sampson và Jezzie.

“Đừng nói thế,” Jezzie thì thào, “ngay cả nói đùa cũng không nên.”

“Tôi đang nói thật đấy, không đùa chút nào đâu.”

Chúng tôi bắt đầu tiến về tiệm McDonald một cách vội vã. Sau toàn bộ những gì đã xảy ra, chúng tôi không muốn Soneji bị bắn chết.

Chúng tôi đang bị ghi hình. Các xe tải chuyên dụng của các hãng truyền hình đồ hàng hai khắp nơi, những người của cả ba hãng truyền hình cáp. Họ đang ghi hình mọi thứ di động hoặc phát ra âm thanh. Toàn bộ tình trạng lộn xộn đều tẻ như những gì tôi từng thấy. Nó làm tôi lập tức nhớ lại vụ nổ súng ở tiệm McDonald tại California; một gã đàn ông tên James Huberty đã giết hai mươi một người trong vụ ấy. Liệu đó có phải điều Soneji/Murphy muốn chúng tôi nghĩ đến chăng?

Một trưởng bộ phận của FBI chạy lại phía chúng tôi. Đó là Kyle Craig - người đã có mặt tại nhà của Murphy ở Wilmington.

“Chúng tôi không biết chắc liệu đó có phải là hãn không,” anh nói. “Tên này ăn mặc như một nông dân. Tóc sẫm màu, râu quai nón. Tự xưng là Soneji. Nhưng đó có thể là một gã điên khác.”

“Để tôi xem,” tôi nói với Craig. “Hồi ở Florida hãn đã đòi tôi xuất hiện. Hãn biết tôi là một chuyên gia tâm lý. Có lẽ bây giờ tôi có thể nói chuyện với hãn.”

Không cần đợi Craig trả lời, tôi đã bước qua anh ta về phía tiệm. Tôi chậm chậm di chuyển đến bên cạnh một cảnh sát tuần tra và vài cảnh sát địa phương đang núp gần một lối vào. Tôi chìa nhanh thẻ đặc

vụ cho họ thấy. Tôi nói rằng mình từ Washington tới. Không có âm thanh nào phát ra từ phía trong tiệm McDonald. Tôi phải nói chuyện để hấn trở về với thực tế. Không tự sát. Không để xảy ra cháy nổ lớn trong tiệm McDonald.

“Lời hấn nói có ý nghĩa gì không?” tôi hỏi viên cảnh sát tuần tra. “Nói năng còn nhất quán không?”

Viên cảnh sát tuần tra còn trẻ, hai mắt dờ dẩn. “Hấn đã bắn đồng sự của tôi. Tôi nghĩ đồng sự của tôi chết rồi,” cậu ta nói. “Lạy Chúa.”

“Chúng tôi sẽ vào trong đó và giúp đồng sự của anh,” tôi nói với viên cảnh sát. “Lời gã đàn ông mang súng nói có ý nghĩa gì không? Lời nói của hấn có nhất quán không?”

“Hấn nói hấn là kẻ bắt cóc từ D.C. tới. Ông có thể nghe những điều hấn nói. Hấn đang ba hoa về điều đó. Nói rằng hấn muốn làm một người quan trọng.”

Trong tiệm McDonald, kẻ có súng đang kiểm soát sáu mươi người hoặc nhiều hơn thế. Trong đó mọi thứ đều im lặng. Đó có phải là Soneji/Murphy không? Tình huống này hoàn toàn khớp với hấn. Bọn trẻ và mẹ của chúng. Tình huống bắt giữ con tin. Tôi nhớ lại toàn bộ những bức ảnh trên tường phòng tắm của hấn. Soneji muốn là người trong *bức ảnh* mà những đứa bé trai cô độc khác treo lên tường.

“Soneji!” tôi gọi to. “Anh phải là Gary Soneji không?”

“Mày là thằng quái nào?” một tiếng quát đáp lại ngay lập tức từ bên trong. “Thằng nào hỏi đấy?”

“Tôi là thanh tra Alex Cross. Từ Washington. Tôi có cảm giác là anh biết toàn bộ về quyết định giải cứu con tin mới nhất. Chúng tôi sẽ không thương thuyết với anh. Thế nên tôi nghĩ anh biết từ đây trở đi chuyện gì sẽ xảy ra.”

“Tao biết *toàn bộ* luật lệ, thanh tra Cross ạ. Tất cả đều là thông tin công khai, đúng không? Không phải các luật lệ lúc nào cũng áp dụng được,” Gary Soneji hét lên đáp lại. “Không phải với tao, chúng không có giá trị. Chưa bao giờ có giá trị.”

“Ở đây thì có giá trị đấy” tôi nói chắc nịch. “Anh có thể đặt mạng sống của mình cho điều đó.”

“Mày có sẵn sàng đánh cược tất cả những mạng sống này không, thanh tra? Tao biết một luật khác. Ưu tiên phụ nữ và trẻ con! Mày hiểu ý tao chứ? Phụ nữ và trẻ em có một vị trí đặc biệt với tao.”

Tôi không thích giọng của hắn. Tôi không thích những gì hắn đang nói.

Tôi cần Soneji hiểu rằng dù thế nào hắn cũng sẽ không thể chạy thoát. Sẽ không có cuộc đàm phán nào. Nếu hắn lại bắt đầu nổ súng, chúng tôi sẽ bắn hạ hắn. Tôi nhớ lại những vụ bao vây khác giống thế này mà mình đã tham gia. Soneji phức tạp và khôn ngoan hơn. Nghe giọng có vẻ hắn không có gì để mất.

“Tôi không muốn có thêm ai bị thương! Tôi không muốn anh bị thương,” tôi nói với hắn bằng giọng rõ ràng và mạnh mẽ. Người tôi bắt đầu đổ mồ hôi. Cảm giác như sau lớp áo khoác, khắp người tôi đầm đìa mồ hôi.

“Điều đó rất cảm động. Tao cảm động vì những điều mày vừa nói. Tim tao vừa lỡ một nhịp đấy. Thật đấy,” Soneji nói.

Rõ ràng cuộc nói chuyện của hai chúng tôi đã nhanh chóng mang tính đối thoại.

“Anh biết tôi muốn nói gì mà Gary.” Tôi hạ giọng. Tôi nói như thể hắn là một bệnh nhân đang sợ hãi và lo lắng.

“Chắc chắn là tao biết, Alex ạ.”

“Ngoài này có rất nhiều người mang súng. Không ai có thể kiểm soát được họ nếu vụ này trở nên phức tạp hơn. Tôi không thể kiểm soát. Thậm chí anh cũng không thể. Có thể có một sự cố. Điều mà chúng tôi không mong muốn.”

Bên trong lại im lặng. Một ý nghĩ cứ xoáy vào đầu tôi là nếu Soneji tự sát, hắn sẽ thực hiện việc ấy ở đây. Hắn sẽ thực hiện vụ xả súng cuối cùng ngay bây giờ, ánh hào quang nổi tiếng cuối cùng của hắn. Nếu thế thì chúng tôi sẽ không bao giờ biết được động cơ của

hắn. Chúng tôi sẽ không bao giờ biết điều gì đã xảy ra với Maggie Rose Dunne.

“Xin chào, thanh tra Cross.”

Đột nhiên Soneji xuất hiện ở ô cửa, cách tôi chừng một mét rưỡi. *Hắn đang ở ngay đó.* Một phát súng vang lên từ một trong những mái nhà. Soneji xoay người và ôm lấy vai. Hắn đã dính đạn từ một trong những xạ thủ bắn tỉa.

Tôi chồm về phía trước và ôm chặt lấy Soneji bằng cả hai tay. Vai phải tôi thúc mạnh vào ngực hắn. Lawrence Taylor* cũng chưa bao giờ ra được một đòn chắc chắn hơn thế.

Hai chúng tôi ngã mạnh xuống sàn bê tông. Tôi không muốn bắt kỳ ai bắn chết hắn vào lúc này. Tôi phải nói chuyện với hắn. Chúng tôi phải tìm ra thông tin về Maggie Rose.

Khi tôi giữ chặt hắn trên sàn, hắn xoay người và nhìn chăm chăm vào mặt tôi. Máu từ vai hắn bắn lên người cả hai.

“Cảm ơn đã cứu mạng tao,” hắn nói. “Một ngày nào đó tao sẽ giết mày vì việc này, thanh tra Cross ạ.”

PHẦN 3

QUÝ ÔNG CUỐI CÙNG CỦA MIỀN NAM

CHƯƠNG 44

“*TÊN CHÁU LÀ BOBBI,*” con bé đã được dạy phải nói thế. Luôn luôn dùng tên mới. Không bao giờ dùng cái tên cũ.

Không bao giờ là Maggie Rose.

Con bé bị nhốt trong một chiếc xe tải cỡ nhỏ tối màu, hoặc một chiếc xe tải cỡ lớn được che kín. Nó không biết là chiếc xe nào. Nó không biết bây giờ mình đang ở đâu. Cách xa hoặc gần nhà mình đến mức nào. Con bé không biết từ lúc nó bị đưa khỏi trường tới giờ là bao lâu rồi.

Bây giờ suy nghĩ của nó rõ ràng hơn. Gần như trở lại mức bình thường. Ai đó đã mang cho nó quần áo, điều đó có nghĩa là chắc chắn không ai làm gì hại đến nó ngay lúc ấy. Nếu không, tại sao họ lại phải mang quần áo tới?

Chiếc xe tải cỡ lớn hoặc cỡ nhỏ bẩn kinh khủng. Trên sàn không có thảm hay lớp lót. Mặt sàn bốc mùi gì đó giống như mùi hành. Chắc hẳn ai đó đã đem thức ăn lên xe. Người ta trồng hành ở đâu? Maggie Rose cố gắng lục lại trí nhớ của mình. New Jersey và mạn Bắc New York.

Con bé nghĩ rằng còn có mùi khoai nữa. Có lẽ là củ cải hoặc khoai lang.

Kết hợp mọi chuyện và tập trung suy nghĩ, Maggie Rose đoán có lẽ mình đang bị nhốt ở một nơi nào đó phía Nam. Con bé còn biết gì nữa? Nó có thể luận ra điều gì nữa?

Nó không bị tiêm thuốc nữa, kể từ sau lần đầu tiên. Nó không nghĩ là thầy Soneji có ở quanh đây vài ngày qua. Bà già đáng sợ cũng

không ở đây.

Hiếm khi họ nói chuyện với con bé. Khi nói chuyện với nó, họ gọi nó là Bobbi. Tại sao lại là Bobbi?

Con bé xử lý tốt mọi chuyện, nhưng đôi khi nó vẫn cần khóc. Như lúc này. Nó đang nghẹn ngào nước mắt. Nhưng cũng không muốn ai nghe thấy tiếng khóc của mình.

Chỉ có một điều duy nhất mang lại cho nó sức mạnh. Điều đó đơn giản nhưng có tác động lớn.

Nó vẫn còn sống.

Nó muốn sống hơn bất kỳ điều gì.

Maggie Rose không nhận thấy rằng xe tải đang chạy chậm dần. Chiếc xe xóc nảy một lúc. Rồi nó dừng hẳn lại.

Con bé nghe thấy tiếng một người trèo ra khỏi buồng lái ở phía trước. Có những tiếng nói rì rầm phát ra. Người ta đã lệnh cho nó không được nói khi ở trong xe, nếu không nó sẽ lại bị bịt miệng.

Một người đẩy cửa mở ra. Ánh nắng ủa vào người con bé. Ngay lúc đó nó không thể nhìn thấy gì.

Khi rốt cuộc đã phân biệt được mọi thứ, Maggie Rose không thể tin vào mắt mình.

“Xin chào,” nó nói bằng giọng thì thầm khẽ khàng nhất, như thể bị mất tiếng. “Tên cháu là Bobbi.”

CHƯƠNG 45

RỐT CUỘC HÔM NAY lại là một ngày rất dài nữa ở Wilkinsburg, Pennsylvania. Chúng tôi thăm vấn từng người đã bị bắt làm con tin trong tiệm McDonald. Trong khi ấy, FBI đã bắt giữ Soneji/Murphy.

Tôi ở lại qua đêm. Jezzie Flanagan cũng vậy. Chúng tôi ở bên cạnh nhau đêm thứ hai liên tiếp. Tôi không muốn gì hơn nữa.

Ngay khi chúng tôi vào trong một phòng của khách sạn Cheshire Inn ở Millvale nằm gần Wilkinsburg, Jezzie nói, “Anh hãy ôm tôi một lúc đi, Alex. Có lẽ bề ngoài tôi trông vững vàng hơn những gì tôi đang thực sự cảm thấy đấy.”

Tôi thích ôm Jezzie và thích được cô ôm. Tôi thích hương thơm từ người cô. Tôi thích cô trong vòng tay mình. Mọi thứ giữa chúng tôi vẫn như có luồng điện chạy qua.

Tôi phấn khích với ý nghĩ lại được ở bên cô. Chỉ có vài người mà tôi có thể mở lòng. Từ sau Maria thì chưa có người phụ nữ nào. Tôi có cảm giác Jezzie có thể là một trong số những người đó, và tôi cần có sự gần bó với một ai đó một lần nữa. Phải mất một thời gian tôi mới hiểu ra điều ấy.

“Chuyện này có kỳ quặc không?” Jezzie thì thầm. “Hai cảnh sát trong một cuộc săn lùng ráo riết.” Cơ thể cô run lên khi tôi ôm lấy cô. Bàn tay cô vuốt nhẹ lên cánh tay tôi.

Tôi chưa bao giờ là loại người thích “tình một đêm”, và tôi nghĩ có lẽ bây giờ tôi cũng không nên bắt đầu việc ấy. Làm thế sẽ gây ra một số trục trặc và dẫn đến một số câu hỏi không thực tế mà tôi chưa sẵn sàng đối mặt vào lúc này.

Jezzie nhắm mắt. “Ôm tôi thêm một phút nữa đi,” cô thì thào. “Anh biết điều gì thực sự dễ chịu không? Là được ở bên cạnh người hiểu những gì mình đã trải qua. Chồng tôi chưa bao giờ hiểu cái nghề này.”

“Tôi cũng thế. Thực ra, càng ngày tôi càng hiểu cái nghề này ít đi,” tôi đùa. Nhưng tôi đang nói một phần sự thật.

Tôi ôm Jezzie lâu hơn nhiều so với khoảng thời gian vài phút. Cô có vẻ đẹp không tuổi khiến người ta phải giật mình. Tôi thích ngắm Jezzie.

“Chuyện này kỳ lạ quá, Alex. Kỳ lạ một cách *dễ chịu*, nhưng vẫn kỳ lạ,” cô nói. “Toàn bộ chuyện này có phải một giấc mơ không?”

“Không thể là mơ. Tên đệm của tôi là Isaiah* Cô không biết à.”

Jezzie lắc đầu. “Tôi biết tên đệm của anh là Isaiah. Tôi đã trông thấy ở một báo cáo từ Cục. Alexander Isaiah Cross.”

“Thảo nào cô leo được cao thế,” tôi nói với Jezzie. “Cô còn biết gì về tôi nữa?”

“Cứ từ từ, anh sẽ sớm biết thôi,” cô đáp. Và đặt một ngón tay lên môi tôi.

Cheshire là một khách sạn nhỏ vùng nông thôn đẹp như tranh nằm cách Wilkinsburg khoảng mười sáu ki lô mét về phía Bắc. Jezzie đã phải khó khăn lắm mới kiếm được cho chúng tôi một phòng. Cho tới lúc này, chưa ai trông thấy chúng tôi bên nhau trong khách sạn - điều tốt cho cả hai chúng tôi.

Phòng của tôi và Jezzie vốn là một căn nhà chứa xe ngựa quét vôi trắng nằm tách rời tòa nhà chính. Nó chứa đầy những món đồ trông có vẻ là đồ cổ thật, gồm cả một khung cửa dẹt bằng tay và vài chiếc chăn bông chần.

Trong phòng có lò sưởi dùng củi, và chúng tôi đốt lửa lên. Jezzie gọi bộ phận phục vụ phòng và yêu cầu lấy sâm banh.

“Chúng ta hãy uống mừng thôi. Hãy chơi bởi, hưởng thụ một chút,” cô nói khi đặt ống nghe xuống. “Chúng ta đáng được hưởng điều gì đó đặc biệt. Chúng ta đã bắt được kẻ xấu.”

Khách sạn và căn phòng ở góc này, mọi thứ đều gần như hoàn hảo. Một cửa sổ lồi nhìn ra bãi cỏ phủ tuyết và nhìn ra mặt hồ đã đóng băng. Phía sau hồ, một dải núi dựng đứng thấp thoáng.

Chúng tôi nhấp sâm banh trước lò sưởi cháy bập bùng. Tôi đã từng lo lắng về những tác động sau cái đêm hai chúng tôi đã trải qua ở Wilmington, nhưng chẳng có gì cả. Chúng tôi vẫn nói chuyện rất dễ dàng, và khi yên lặng, mọi chuyện cũng vẫn thoải mái.

Chúng tôi đặt một bữa tối muộn.

Cậu nhân viên phục vụ phòng rõ ràng là không thoải mái khi phải sắp xếp các khay đựng đồ ăn tối phía trước lò sưởi. Cậu không thể mở được lò hâm đồ và suýt nữa thì làm đổ toàn bộ khay đựng thức ăn. Tôi nghĩ trước đây cậu ta chưa bao giờ tận mắt thấy người ta làm điều gì sai trái.

“Ồn mà,” Jizzie nói với người phục vụ. “Chúng tôi đều là cảnh sát và việc này tuyệt đối hợp pháp. Tin tôi đi.”

Suốt một tiếng rưỡi tiếp theo, chúng tôi nói chuyện. Việc này khiến tôi nhớ lại thời trẻ con, khi có một đứa bạn đến ở nhà mình qua đêm. Cả hai chúng tôi mở lòng tâm sự một chút, rồi sau đó là rất nhiều. Giữa chúng tôi không có sự e dè nào. Cô khiến tôi nói về Damon, Jannie và không chịu để cho tôi dừng lại.

Bữa ăn đêm có bíp tết và một món có vẻ là giả bánh pudding Yorkshire. Không quan trọng. Khi Jizzie ăn xong miếng cuối cùng, cô bắt đầu cười to. Cả hai chúng tôi đều cười nhiều.

“Tại sao tôi lại ăn hết toàn bộ chỗ đồ ăn ấy nhỉ? Tôi thậm chí chẳng thích bánh pudding Yorkshire kia. Chúa ạ, chúng ta vui vẻ quá, chẳng giống mọi khi chút nào!”

“Bây giờ chúng ta làm gì?” tôi hỏi. “Để ăn mừng cho vui vẻ nào.”

“Tôi không biết. Anh muốn làm gì? Tôi cá là ở tòa nhà chính họ có đặt mấy bàn trò chơi vui hết sảy. Tôi là một trong số một trăm người còn sống biết chơi cờ Parcheesi đấy.” Jezzie ngهن cổ nhìn ra ngoài cửa sổ. “Nếu không chúng ta có thể đi bộ xuống hồ. Hát bài ‘Winter Wonderland’.”

“Ừ. Chúng ta có thể trượt băng. Trượt băng. Tôi là một cao thủ trượt băng đấy. Điều đó có trong báo cáo về tôi của FBI không?”

Jezzie nhe răng cười và vỗ vào hai đầu gối mình. “Tôi muốn xem việc đó. Tôi sẽ trả khá tiền để được xem anh trượt băng.”

“Nhưng tôi quên mất giày trượt rồi.”

“Ồ, thế hả. Còn gì khác? Ý tôi là tôi thích anh quá, tôi xem trọng anh quá nên không thể để anh nghĩ rằng có lẽ tôi thích cơ thể anh.”

“Nói một cách tuyệt đối trung thực và thẳng thắn, tôi quan tâm một chút tới cơ thể cô,” tôi nói. Cả hai chúng tôi hôn nhau, và tôi vẫn thấy thật tuyệt vời. Lửa cháy lách tách. Sấm banh lạnh băng. Lửa và băng đá. Âm và dương. Tất cả những thứ đối lập hút lấy nhau. Những ngọn lửa bùng cháy trong hoang dã.

Chúng tôi không ngủ cho đến tận bảy giờ sáng hôm sau. Cả hai thậm chí còn đi bộ xuống hồ, dùng giày thường và trượt trên băng dưới ánh trăng.

Jezzie ngã người và hôn tôi khi ở giữa hồ. Một nụ hôn thực sự. Nụ hôn của một cô gái trưởng thành.

“Ồ, Alex,” cô thì thầm vào má tôi. “Em nghĩ chuyện này sẽ trở thành rắc rối thực sự đấy.”

CHƯƠNG 46

GARY SONEJI/MURPHY được chuyển tới Nhà tù Liên bang Lorton ở vùng Bắc bang Virginia. Chúng tôi bắt đầu nghe thấy những tin đồn rằng ở đó đã có chuyện xảy ra với hân, nhưng không ai từ Sở Cảnh sát Washington được phép gặp Soneji. Bộ Tư pháp và FBI đã có hân trong tay, họ sẽ không chịu nhả chiến lợi phẩm của mình ra.

Kể từ khi có thông tin tiết lộ rằng Soneji đang được giam giữ ở Lorton, nhà tù đã bị phong tỏa. Điều tương tự đã xảy ra khi Ted Bundy* bị giam ở Florida. Đoàn ông, phụ nữ và học sinh tập trung ở phía ngoài khu đỗ xe nhà tù. Suốt ngày đêm họ hô những khẩu hiệu đầy cảm xúc. Họ tuần hành, mang theo áp phích và thả lên những ngọn nến.

Maggie Rose đang ở đâu? Maggie Rose phải sống! Ác thú miền Đông phải chết! Hãy cho con ác thú lên ghế điện!

Một tuần rưỡi sau khi bắt được Soneji/Murphy, tôi vào nhà tù tìm hân. Tôi đã phải vận dụng hết mọi mối quan hệ mình có ở Washington, và cuối cùng cũng được cho phép gặp hân. Tiến sĩ Marion Campbell - giám đốc nhà tù - gặp tôi ở một hàng thang máy bằng hợp kim đúc vỏ súng trên tầng sáu của nhà tù - nơi được dùng làm bệnh viện. Campbell ngoài sáu mươi tuổi. Ông vẫn còn khá phong độ, với một mái tóc đen dày và mềm. Ông trông rất giống Reagan.

“Anh là thanh tra Cross à?” Campbell chìa một tay ra và mỉm cười lịch sự.

“Vâng. Tôi còn là một chuyên gia tâm lý hình sự,” tôi giải thích.

Có vẻ Tiến sĩ Campbell thực sự ngạc nhiên về thông tin ấy. Rõ ràng là chưa ai nói với ông điều đó. “Hừm, chắc hẳn anh đã nhờ tới một số quan hệ để có thể đến nói chuyện với hân. Vấn đề đã khá phức tạp. Quyền thăm hân bây giờ là hàng quý hiếm đấy.”

“Tôi đã tham gia vụ này từ khi hân bắt cóc hai đứa trẻ ở Washington. Tôi đã có mặt tại hiện trường khi hân bị bắt.”

“Thực ra, tôi không chắc chắn liệu bây giờ chúng ta có còn nói về cùng một gã đó không,” Tiến sĩ Campbell nói. Ông không giải thích gì thêm. “Tiến sĩ Cross phải không nhỉ?”

“Tiến sĩ Cross, thanh tra Cross, Alex. Ông gọi thế nào cũng được.”

“Xin hãy đi cùng tôi, Tiến sĩ. Anh sẽ thấy đây là điều đáng quan tâm nhất đấy.”

Do vết thương vì đạn bắn tía ở tiệm McDonald, Soneji được giam ở một phòng riêng trong bệnh viện của nhà tù. Tiến sĩ Campbell dẫn tôi theo một hành lang rộng bên trong bệnh viện. Tất cả các phòng đều có tù nhân nằm. Lorton là một nơi rất nổi tiếng, ở cửa ra vào có những hàng dài người. Hầu hết tù nhân ở đây đều là người da đen. Độ tuổi của họ nằm từ mười chín tới ngoài năm mươi. Tất cả đều cố tỏ ra thách thức và cứng rắn, nhưng đó là cách thể hiện không có mấy tác dụng ở nhà tù liên bang.

“Tôi e là tôi đã có hơi hướng bênh vực hân,” Campbell nói khi hai chúng tôi đi cùng nhau. “Chút nữa anh sẽ hiểu vì sao. Mọi người đều muốn và cần gặp hân. Tôi đã nhận được điện thoại từ khắp nơi trên thế giới. Một nhà văn từ Nhật Bản nhất định đòi gặp hân. Một bác sĩ từ Frankfurt. Một người nữa từ London. Đại loại là thế.”

“Tôi có cảm giác là có điều gì đó về hân mà ông chưa nói với tôi, Tiến sĩ ạ,” cuối cùng tôi cũng nói với Campbell. “Điều đó là gì vậy?”

“Tôi muốn anh tự đưa ra những kết luận, Tiến sĩ Cross. Hân ở ngay đây, ở khu vực gần phòng chính. Tôi rất muốn biết quan điểm của anh.”

Chúng tôi dừng trước cánh cửa thép cài then ở hành lang bệnh viện. Một lính gác cho chúng tôi qua. Đằng sau cánh cửa là vài phòng khác của bệnh viện, nhưng là những phòng được bảo vệ tối đa.

Một bóng đèn sáng rực phía trong căn phòng đầu tiên. Không phải phòng của Soneji. Hắn ở trong căn phòng tối hơn phía bên trái. Khu vực thăm viếng tù nhân bình thường không được sử dụng vì quá sơ hở. Bên ngoài phòng có hai lính gác được trang bị súng trường.

“Đã xảy ra vụ bạo lực nào chưa?” tôi hỏi.

“Chưa, chưa hề. Tôi sẽ để cho hai người nói chuyện. Tôi không nghĩ anh phải lo về bất kỳ hành vi bạo lực nào. Anh sẽ tự hiểu thôi.”

Gary Soneji/Murphy từ giường của mình quan sát chúng tôi. Một tay hắn đang đeo băng treo. Ngoài ra thì hắn trông vẫn như lần gần đây nhất tôi thấy. Tôi đứng trong căn phòng của bệnh viện. Khi Tiến sĩ Campbell bỏ đi, Soneji bắt đầu quan sát kỹ tôi. Từ kẻ từng dọa giết tôi ở lần gặp nhau gần đây nhất không có một dấu hiệu nào cho thấy hắn nhận ra người quen cũ.

Ấn tượng mang tính chuyên môn đầu tiên của tôi là Soneji dường như lo sợ khi bị bỏ lại một mình với tôi. Ngôn ngữ cơ thể của hắn không dứt khoát, rất khác với gã đàn ông đã bị tôi quật xuống đất ở tiệm McDonald tại Wilkinsburg.

“Ông là ai? Ông muốn gì ở tôi?” Cuối cùng hắn cũng cất tiếng. Giọng hơi run.

“Tôi là Alex Cross. Chúng ta đã từng gặp nhau.”

Hắn trông bối rối. Biểu hiện trên mặt hắn rất đáng tin. Hắn lắc đầu và nhắm mắt lại. Đây là một khoảnh khắc rất bối rối và lúng túng với tôi.

“Rất tiếc, tôi không nhớ ông,” hắn nói. Dường như câu đó có ý xin lỗi. “Có rất nhiều người trong cơn ác mộng này. Tôi quên một số người trong số các ông. Xin chào, thanh tra Cross. Mời ông ngồi. Như ông có thể thấy đây, tôi có rất nhiều khách.”

“Trong những cuộc đàm phán ở Florida, anh đã yêu cầu phải có tôi. Tôi là người của cảnh sát Washington.”

Ngay khi tôi vừa nói xong, Soneji mỉm cười. Hắn ngó sang một bên và lắc đầu. Tôi không hề đùa cợt. Tôi nói với hắn là mình không hề đùa.

“Trong đời, tôi chưa bao giờ tới Florida,” hắn nói. “Chưa từng.”

Gary Soneji/Murphy từ giường đứng dậy. Hắn đang mặc bộ đồ rộng màu trắng của bệnh nhân. Dường như cánh tay đang khiến hắn bị đau.

Hắn trông cô độc và dễ bị tổn thương. Ở đây *đang* có gì đó cực kỳ không ổn. Chuyện quái gì đang diễn ra thế này? Tại sao người ta không nói cho tôi trước khi tôi đến đây? Rõ ràng Tiến sĩ Campbell muốn tôi tự đưa ra những kết luận của riêng mình.

Soneji/Murphy ngồi xuống chiếc ghế còn lại. Hắn chăm chăm nhìn tôi với ánh mắt dè chừng.

Hắn *trông* không giống một tên giết người. Hắn *trông* không giống một kẻ bắt cóc. Một giáo viên chẳng? Một “thầy Chips”? Hay một bé trai bị lạc? Những hình ảnh ấy dường như sát với hắn hơn.

“Trong đời, tôi chưa bao giờ nói chuyện với ông,” hắn nói với tôi. “Tôi chưa bao giờ nghe nói tới Alex Cross. Tôi không bắt cóc đứa trẻ nào cả. Ông biết nhà văn Kafka chứ?” hắn hỏi.

“Biết một chút. Ý anh là gì?”

“Tôi thấy mình giống Gregor Samsa trong *Hóa thân*. Tôi bị mắc kẹt trong một cơn ác mộng. Tôi không hiểu được bất kỳ điều gì trong chuyện này. Tôi không bắt cóc con của ai. Ai đó phải tin ở tôi. Ai đó phải thế. Tôi là Gary Murphy, và cả đời mình tôi chưa hại ai hết.”

Nếu tôi hiểu đúng ý của Soneji thì điều hắn đang nói với tôi cho thấy rằng hắn là một kẻ đa nhân cách... thực sự là Gary *Soneji/Murphy*.

“Nhưng anh có tin hắn không, Alex?” Chúa ơi. Đó là câu hỏi rất quan trọng nhưng chưa có câu trả lời.

Scorse, Craig và Reilly từ Cục, Klepner và Jezzie Flanagan từ Sở Mật vụ, cùng Sampson và tôi ngồi chen chúc trong phòng họp của trụ sở FBI trong trung tâm thành phố. Đây là tuần đoàn viên của Đội Giải cứu Con tin.

Câu hỏi xuất phát từ Gerry Scorse. Không có gì ngạc nhiên khi anh ta không tin Soneji/Murphy. Anh ta không tin chuyện đa nhân cách.

“Hắn thực sự được lợi gì từ việc đưa ra những lời dối trá quá mức như vậy?” tôi đặt ra câu hỏi để mọi người xem xét. “Thủ phạm nói rằng hắn không bắt cóc bọn trẻ. Hắn nói rằng hắn đã không bắn ai ở tiệm McDonald.” Tôi lần lượt nhìn từng gương mặt quanh bàn họp. “Hắn nhận mình là kẻ vô danh tính tình dễ chịu, Gary Murphy đến từ Delaware.”

“Lý do phạm tội trong điều kiện rối loạn tâm thần.” Reilly đưa ra nhận định rõ ràng. “Hắn sẽ vào nhà thương điên tiện nghi ở Maryland hoặc Virginia. Chắc khoảng bảy hoặc mười năm thì ra. Anh có thể tin là hắn biết điều đó, Alex ạ. Liệu hắn có đủ thông minh, là một diễn viên đủ giỏi, để làm điều đó không?”

“Cho tới giờ tôi mới chỉ nói chuyện với hắn một lần. Chưa tới một tiếng. Tôi sẽ nói thế này: hắn ăn nói rất thuyết phục trong vai Gary Murphy. Tôi nghĩ hắn thực sự ĐVC đấy.”

“ĐVC là cái quái gì?” Scorse hỏi. “Tôi không biết ĐVC. Anh làm tôi chẳng hiểu gì.”

“Đó là một thuật ngữ tâm lý khá phổ thông,” tôi nói với anh ta. “Tất cả cánh chuyên gia tâm lý chúng ta nói về ĐVC khi ngồi cùng nhau. *Điên vĩ cửt*, Gerry ạ.”

Mọi người quanh bàn đều bật cười, trừ Scorse. Sampson đã đặt cho anh ta biệt danh là Chỉ Đạo Đám Tang - Scorse Đào Mộ. Anh ta là người tận tụy và chuyên nghiệp nhưng ít cười.

“Buồn cười vãi đái, Alex ạ,” cuối cùng Scorse nói. “Thế là BCVD.”

“Ngày mai anh có thể vào để gặp lại hần không?” Jizzie hỏi tôi. Cô cũng chuyên nghiệp như Scorse nhưng ở bên cạnh cô dễ chịu hơn nhiều.

“Có, có thể. Hần muốn gặp tôi. Có lẽ tôi thậm chí sẽ tìm hiểu được tại sao hần lại yêu cầu tôi phải xuất hiện khi ở Florida. Tại sao tôi lại là kẻ được chọn trong cơn ác mộng của hần.”

CHƯƠNG 47

HAI NGÀY SAU, tôi xoay xở được một giờ nữa với Gary Soneji/Murphy. Hai đêm trước đó tôi đã thức để đọc lại các trường hợp đa nhân cách. Phòng ăn nhà tôi trông như một phòng nghiên cứu riêng ở thư viện tâm lý học. Có những cuốn sách dày viết về các trường hợp đa nhân cách nhưng ít người trong số chúng tôi thực sự nhất trí về vấn đề này. Thậm chí có sự bất đồng nghiêm trọng về việc liệu có trường hợp đa nhân cách thực sự nào không.

Khi tôi tới, Gary đang ngồi trên giường bệnh, chăm chăm nhìn vào khoảng không. Băng treo quàng qua vai hắn đã không còn. Thật khó khăn khi đến và nói chuyện với tên bắt cóc, giết trẻ em, giết người hàng loạt này. Tôi nhớ một điều mà triết gia Spinoza từng viết: “Tôi đã nỗ lực không cười vào những hành động của con người, không khóc vì những hành động ấy, không căm ghét những hành động ấy, mà cố gắng hiểu chúng.” Cho tới lúc này thì tôi chưa hiểu.

“Chào Gary,” tôi nói nhẹ nhàng, không muốn làm hấn giật mình. “Anh sẵn sàng nói chuyện chứ?”

Gary xoay người lại và có vẻ vui khi gặp tôi. Hắn kéo một chiếc ghế gần giường mình cho tôi.

“Tôi lo là họ sẽ không để ông tới,” hắn nói. “Tôi vui là họ đã cho phép.”

“Điều gì khiến anh nghĩ rằng họ sẽ không để cho tôi tới?” Tôi muốn biết.

“Ồ, tôi không biết. Chỉ là... Tôi cảm thấy rằng ông là một người mà tôi có thể nói chuyện. Với những gì mà số phận đã bắt tôi trải qua, tôi nghĩ họ sẽ không cho ông vào.”

Ở Gary có sự ngây thơ khiến tôi băn khoăn. Hẳn có vẻ là người có sức hấp dẫn. Hẳn là người đàn ông đúng như hàng xóm ở Wilmington đã mô tả.

“Anh vừa mới nghĩ gì? Một phút trước ấy?” tôi hỏi. “Trước khi tôi chen ngang suy nghĩ của anh.”

Gary mỉm cười và lắc đầu. “Tôi cũng chẳng biết. Khi ấy tôi đang nghĩ gì à? Ồ, tôi biết là gì rồi. Tôi đang nhớ là sinh nhật mình rơi vào tháng này. Tôi cứ nghĩ mãi đến cảnh mình sẽ đột nhiên tỉnh giấc và thoát khỏi nơi này. Đó là một suy nghĩ lặp đi lặp lại, một chủ đề xuyên suốt trong suy nghĩ của tôi.”

“Hãy nhớ lại một chút cho tôi. Kể lại cho tôi nghe anh đã bị bắt thế nào,” tôi nói và chuyển chủ đề.

“Tôi thức dậy, tôi vào một xe cảnh sát bên ngoài tiệm McDonald.” Hẳn nhất quán về điểm này. Cách đây hai ngày hẳn đã kể cho tôi y như vậy. “Hai cánh tay tôi bị còng sau lưng. Sau đó họ còn dùng còng chân.”

“Anh không biết mình vào xe cảnh sát như thế nào à?” tôi hỏi. Trời, hẳn giỏi trò này quá. Giọng nhẹ nhàng, rất dễ chịu và đáng tin.

“Không, và tôi cũng không biết làm thế nào mình đến được một tiệm McDonald ở Wilkinsburg. Đó là điều kỳ quặc nhất từng xảy ra với tôi.”

“Tôi có thể hình dung được chuyện đó.”

Một giả thuyết đã xuất hiện trong đầu tôi trong hành trình rời khỏi Washington. Giả thuyết này ít khả năng thành công nhưng có lẽ giải thích được một số điều mà cho tới giờ vẫn còn vô lý.

“Trước đây đã từng có chuyện thế này xảy ra với anh chưa?” tôi hỏi. “Mấy chuyện mơ hồ thế này, Gary?”

“Chưa. Tôi chưa bao giờ gặp rắc rối. Chưa bao giờ bị bắt. Ông có thể xác minh điều đó, đúng không? Tất nhiên là ông có thể.”

“Ý tôi là trước đây đã bao giờ anh tỉnh dậy ở một nơi lạ lẫm chưa? Không biết mình đã tới chỗ đó bằng cách nào?”

Gary dành cho tôi một cái nhìn lạ lẫm, đầu hấn hơi ngẩng lên. “Tại sao ông hỏi điều đó?”

“Anh đã bao giờ thế chưa, Gary?”

“Cũng... có.”

“Kể tôi nghe đi. Kể cho tôi về những lần anh tỉnh dậy ở một nơi xa lạ.”

Gary có thói quen kéo áo, ở đoạn nằm giữa khuy thứ hai và thứ ba. Hấn kéo lớp áo rút ra khỏi ngực mình. Tôi tự hỏi liệu hấn có sợ mình không còn khả năng hít thở hay không, và nếu có thì nỗi lo sợ ấy xuất phát từ đâu.

Có lẽ hồi nhỏ hấn đã bị ốm. Hoặc rơi vào một nơi nào đó ít không khí. Hoặc bị nhốt ở đâu đó - theo cách Maggie Rose và Michael Goldberg đã bị giam giữ.

“Trong khoảng một năm qua, có lẽ dài hơn thế, tôi mắc chứng mất ngủ. Tôi đã kể điều đó với một trong các bác sĩ đến thăm bệnh cho tôi,” hấn nói.

Các cuộc kiểm tra y tế của nhà tù không đề cập đến bất kỳ điều gì về chứng mất ngủ. Tôi băn khoăn liệu Gary đã nói điều đó với bác sĩ nào chưa, hay đơn giản là hấn tưởng tượng rằng mình mắc chứng ấy. Có nội dung nói về chỉ số thông minh Wechsler không đồng đều, thể hiện chứng bốc đồng. Có kết quả kiểm tra IQ bằng trả lời miệng và làm trắc nghiệm, cả hai đều đạt điểm cực cao. Có kết quả kiểm tra bằng dấu mực Rorschach cho thấy tình trạng căng thẳng nghiêm trọng về mặt cảm xúc. Có phản ứng tích cực với kiểm tra tổng giác bằng thẻ số 14 - còn được gọi là thẻ tự sát. Nhưng không có từ nào về chứng mất ngủ.

“Xin hãy nói thêm cho tôi về điều đó. Nó có thể giúp tôi hiểu tình hình.” Chúng tôi đã thảo luận về chuyện tôi là một chuyên gia tâm lý, bên cạnh việc là một thanh tra thực sự có hạng. Gary thoải mái với lý

lịch trích ngang của tôi. Cho tới lúc này là thế. Việc đó liên quan gì tới chuyện hăn chỉ định tôi phải xuất hiện khi ở Florida không?

Hăn nhìn vào mắt tôi. “Ông sẽ thật sự cố gắng giúp tôi chứ? Không phải cái bẫy tôi, Tiến sĩ ạ, mà là giúp tôi?”

Tôi nói với hăn rằng tôi sẽ cố gắng. Tôi sẽ lắng nghe điều hăn phải nói. Tôi sẽ có quan điểm cởi mở. Gary nói rằng đó là tất cả những gì hăn có thể yêu cầu.

“Trong một khoảng thời gian tôi không thể ngủ được. Chuyện này diễn ra lâu lắm rồi,” hăn tiếp tục. “Chuyện dần trở thành một mớ hỗn độn. Thao thức, những giấc mơ. Tôi gặp khó khăn trong việc phân biệt thứ nọ với thứ kia. Tôi tỉnh dậy trong một xe cảnh sát ở Pennsylvania. Tôi không biết làm thế nào mà mình lại có mặt ở đó. Chuyện thực sự đã diễn ra như vậy. Ông tin tôi chứ? *Ai đó phải tin tôi.*”

“Tôi đang lắng nghe anh đây, Gary. Khi anh nói xong, tôi sẽ nói cho anh biết tôi nghĩ gì. Tôi hứa đấy. Còn lúc này thì tôi phải được nghe mọi điều anh nhớ.”

Có vẻ điều đó làm hăn hài lòng.

“Ông đã hỏi liệu trước đây chuyện này từng xảy ra với tôi chưa. Đã từng. Vài lần. Tỉnh dậy ở những nơi xa lạ. Đôi khi ngồi trong xe hơi của tôi, dừng lại bên lề đường nào đó. Đôi khi là một con đường tôi chưa bao giờ thấy hoặc thậm chí chưa từng nghe tên. Có vài lần chuyện ấy diễn ra ở một nhà nghỉ ven đường. Hoặc trên phố. Có lần ở Philadelphia, New York, Atlantic. Trong túi tôi có những đồng phình sòng bạc, vé đỗ xe miễn phí. Không biết chúng đã vào túi tôi bằng cách nào.”

“Chuyện ấy có bao giờ xảy ra với anh ở Washington không?” tôi hỏi.

“Không. Không phải ở Washington. Thực ra từ nhỏ tới giờ tôi chưa từng tới Washington. Gần đây tôi thấy rằng mình có thể đột ngột

‘tĩnh lại’. Lấy lại ý thức hoàn toàn. Chẳng hạn, có thể tôi đang dùng bữa. Nhưng tôi không biết mình đã vào nhà hàng như thế nào.”

“Anh đã nhờ tới ai để giải quyết chuyện này chưa? Anh đã cố gắng tìm sự giúp đỡ chưa? Từ một bác sĩ?”

Hắn nhắm chặt đôi mắt nâu hạt dẻ rất trong - đặc điểm nổi bật nhất của hắn. Khi mở mắt, một nụ cười thoáng qua trên gương mặt hắn.

“Chúng tôi không có tiền dành cho các chuyên gia tâm thần học. Chúng tôi gần như chỉ đủ sống. Đó là lý do vì sao tôi lại trầm uất đến thế. Chúng tôi đang mắc nợ hơn ba mươi ngàn đô. Gia đình tôi đang nợ ba mươi ngàn đô, còn tôi thì đang ở đây, trong tù.”

Soneji ngừng nói và lại nhìn tôi. Hắn không ngại nhìn chăm chăm và cố gắng đọc nét mặt tôi. Tôi đang thấy ở hắn sự hợp tác, ổn định và nhìn chung là tỉnh táo.

Tôi cũng biết rằng bất kỳ ai làm việc với hắn đều có thể là nạn nhân của sự kiểm soát và điều khiển từ một tên tâm thần cực kỳ thông minh và tài giỏi. Trước tôi, hắn đã lừa được rất nhiều người; rõ ràng hắn giỏi việc ấy.

“Cho tới lúc này thì tôi tin anh,” cuối cùng tôi nói với Soneji. “Tôi có thể hiểu những điều anh đang nói. Tôi muốn giúp anh nếu có thể.”

Đột nhiên nước mắt Soneji dâng lên và chảy tràn xuống hai má. Rồi hắn chìa hai bàn tay về phía tôi.

Tôi chìa tay ra và nắm lấy hai bàn tay Gary Soneji/ Murphy. Hai bàn tay rất lạnh. Hình như hắn sợ. “Tôi vô tội,” hắn nói. “Tôi biết điều đó nghe có vẻ điên rồ, nhưng tôi vô tội.”

Tôi về đến nhà thì đã khuya. Khi tôi chuẩn bị rẽ vào nhà thì một chiếc xe máy lướt tới cạnh xe tôi. Chuyện quái gì thế này?

“Thưa ông, xin hãy đi theo tôi,” người trên xe mô tô nói. Câu nói được truyền đạt gần như hoàn hảo theo phong cách của cảnh sát tuần tra. “Cứ đi ngay sau.”

Đó là Jezzie. Cô bắt đầu cười to và tôi cũng thế. Tôi biết rằng cô đang gắng dụ tôi trở lại miền đất của sự sống. Cô đã nói với tôi rằng tôi đang dành quá nhiều sức cho vụ án. Cô nhắc tôi nhớ rằng vụ án đã được giải quyết.

Tôi tiếp tục chạy xe theo lối dẫn vào nhà và rời khỏi chiếc Porsche cũ. Tôi vòng lại chỗ Jezzie đã đậu mô tô.

“Đến lúc ngừng làm việc rồi đây, Alex,” Jezzie nói. “Anh có thể làm thế không? Ngừng làm việc lúc mười một giờ có vấn đề gì với anh không?”

Tôi vào nhà để ngó bọn trẻ. Chúng đang ngủ nên tôi không có lý do gì để từ chối lời đề nghị của Jezzie. Tôi trở ra và leo lên mô tô.

“Đây sẽ là điều tệ hại nhất hoặc tuyệt vời nhất mà anh làm trong thời gian gần đây,” tôi nói với cô.

“Đừng lo, đó là điều tuyệt nhất. Có người chuyên nghiệp lo cho anh rồi. Không có gì phải sợ trừ cái chết tức thì.”

Chỉ trong vài giây, phố số 9 đã chìm dưới ánh đèn pha sáng quắc của chiếc mô tô. Chiếc xe phóng vọt theo đại lộ Độc Lập, rồi sang đường Parkway - con đường thi thoảng lại có một chỗ cong vô lý. Jezzie nghiêng người ở mọi góc cua, lướt qua những chiếc xe ô tô trên đường như thể chúng đang đứng yên.

Jezzie rõ ràng biết cách chạy mô tô phân khối lớn. Cô không phải dạng nghiệp dư. Khi cảnh vật xung quanh vụt qua, cả những mạng dây điện trên đầu và vạch phân cách của con đường ở phía bên trái bánh trước chiếc mô tô, tôi nghĩ Jezzie đang chạy với tốc độ ít nhất một trăm sáu mươi cây số một giờ, thế nhưng trên xe, tôi lại cảm thấy bình thản đến lạ lùng.

Tôi chẳng biết chúng tôi đang đi đâu và cũng không quan tâm. Bọn trẻ đang say giấc. Nana đang ở đó. Tất cả những thứ này là một

phần của liệu pháp điều trị áp dụng vào ban đêm. Tôi có thể cảm nhận được không khí lạnh xuyên qua mọi thớ thịt, mọi góc ngách trên cơ thể mình. Nó khiến đầu óc tôi thoáng đờ ra trông thấy, và đầu óc tôi rõ ràng cần phải thông thoáng.

Phố N không một bóng xe cộ. Đó là con phố hẹp và dài, hai bên có những tòa nhà liền kề hàng trăm năm tuổi. Phố đẹp, đặc biệt vào mùa đông. Những mái nhà có đầu hồi phủ đầy tuyết. Những bóng điện nhấp nháy ngoài hiên.

Jezzie lại tăng tốc chiếc mô tô trên đường phố không người. Một trăm bốn mươi, một trăm năm mươi, một trăm sáu mươi cây số một giờ. Tôi không biết chính xác chiếc mô tô chạy nhanh tới mức nào, chỉ biết rằng chúng tôi thực sự đang bay. Những ngôi nhà và cây cối nhòe đi. Vĩa hè bên dưới nhòe đi. Thực sự thì cảm giác thật dễ chịu. Nếu như chúng tôi còn sống để kể về điều đó.

Jezzie phanh chiếc BMW lại một cách êm ái. Cô không khoe mẽ mà chính xác là biết cách làm như vậy.

“Ta về nhà rồi. Em vừa mua chỗ này. Em đang sắp đặt lại nhà cửa,” cô nói khi xuống xe. “Anh giỏi thật. Anh chỉ kêu đúng một lần lúc trên phố George Washington.”

“Anh chỉ kêu cho mình nghe thôi.”

Vẫn còn phấn khích với cuộc xe, chúng tôi bước vào trong. Căn hộ hoàn toàn không giống như tôi tưởng chút nào. Jezzie nói rằng cô không có thời gian để chỉnh trang nơi này, nhưng nó thật sự đẹp và có cá tính. Phong cách tổng thể thật bóng bẩy và hiện đại nhưng không cứng nhắc. Có rất nhiều bức ảnh nghệ thuật bắt mắt, hầu hết là đen trắng. Jezzie bảo rằng toàn bộ ảnh đó do cô chụp. Trong phòng khách và bếp có hoa tươi. Những cuốn sách có dây đánh dấu trang thò ra ngoài. *Hoàng tử Thủy triều*, *Những vết bóng*, *Nữ quyền*, *Thiền và nghệ thuật bảo dưỡng xe mô tô*. Một giá đựng rượu vang - Beringer, Rutherford. Một móc trên tường dùng để treo mũ bảo hiểm.

“Như vậy rồi cuộc em là người chỉ ru rú ở xó nhà.”

“Em ghê gớm lắm đấy. Rút lại lời đi, Alex. Ở Sở Mật vụ, em cũng thuộc loại cứng nhất đấy.”

Tôi ôm lấy Jezzie và chúng tôi nhẹ nhàng hôn nhau trong phòng khách nhà cô. Tôi tìm thấy sự êm đềm ở nơi tôi không ngờ tới; tôi đang khám phá khoái cảm làm mình ngạc nhiên. Tôi đã có tất cả những gì mình tìm kiếm chỉ với một nỗ lực nhỏ.

“Anh vui vì em đã đưa anh về nhà em,” tôi nói. “Anh nói thật đấy, Jezzie. Anh cảm động lắm.”

“Ngay cả khi thực tế là em đã phải bắt cóc anh tới đây?”

“Những cuộc xe mô tô rất nhanh trong đêm. Căn hộ đẹp dễ và đầm ấm. Những tấm hình đạt tầm nhiếp ảnh gia Annie Leibovitz. Em còn bí mật nào khác nữa?”

Jezzie nhẹ nhàng đưa một ngón tay xuống dưới và lướt theo cằm tôi, khám phá gương mặt tôi. “Em không muốn có bí mật nào. Đó là điều em muốn. Được chứ?”

Tôi nói đồng ý. Đó cũng chính là điều tôi muốn. Đã đến lúc mở lòng với ai đó một lần nữa. Có lẽ với cả hai chúng tôi, việc ấy đã ở quá xa rồi. Có lẽ chúng tôi đã không nhìn ra thế giới bên ngoài mà cô độc và hướng quá nhiều vào những cảm xúc bên trong. Đó là sự thật đơn giản mà chúng tôi đang giúp nhau hiểu ra.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi lại lên mô tô trở về nhà tôi ở Washington. Gió lạnh và rất táp vào mặt chúng tôi. Tôi ôm chặt lấy Jezzie khi cả hai bay xuyên qua ánh sáng mờ xám của buổi sớm. Vài người dậy sớm, đang lái xe hoặc đi bộ đi làm, chăm chăm nhìn chúng tôi. Nếu là tôi, tôi cũng sẽ nhìn chăm chăm. Hai chúng tôi quả là đẹp đôi.

Jezzie thả tôi xuống đúng chỗ đã đón tôi đi. Tôi ngả người sát vào cô, ngả người vào chiếc xe còn rung và ấm. Tôi lại hôn Jezzie. Hôn hai má, hôn cổ, rồi cuối cùng tới môi. Tôi nghĩ mình có thể đứng đây cả buổi sáng. Cứ như thế này, trên những con phố tồi tàn của khu

Đông Nam. Một ý nghĩ vụt qua đầu tôi rằng mọi thứ nên giống như thế này, lúc nào cũng nên giống như thế này. Tại sao lại không chứ?

“Anh phải vào nhà,” cuối cùng tôi cất tiếng.

“Vâng. Em biết mà. Vào nhà đi, Alex,” Jezzie nói. “Hôn các con anh giúp em nhé.” Dù vậy cô trông thoáng buồn khi tôi xoay người và bước vào.

Đừng bắt đầu những việc ta không thể kết thúc, tôi nhớ lại.

CHƯƠNG 48

TÔI NGƯ nốt thời gian còn lại của ngày hôm đó. Có cảm giác hơi thiếu trách nhiệm, nhưng làm thế tốt cho tôi. Đôi khi đặt cả trái đất lên hai vai ta cũng không thành vấn đề nếu ta biết cách hạ nó xuống.

Khi tôi chạy xe đến Nhà tù Lorton, nhiệt độ xuống dưới cả mức đóng băng nhưng mặt trời vẫn ló dạng. Bầu trời bừng sáng, gần như là một màu xanh chói lóa. Đẹp dễ và đầy hy vọng. Hình ảnh ẩn dụ thường thấy của những năm chín mươi.

Buổi sáng, trong lúc lái xe, tôi nghĩ về Maggie Rose Dunne. Tôi phải kết luận rằng bây giờ con bé đã chết. Cha con bé đang làm âm ỉ trên phương tiện truyền thông. Tôi không thể trách ông. Tôi đã nói chuyện điện thoại với Katherine Rose vài lần. Cô vẫn chưa từ bỏ hy vọng. Cô nói với tôi là cô có thể “linh cảm” rằng đứa con gái nhỏ của mình vẫn còn sống. Đó là điều buồn nhất tôi phải nghe.

Tôi cố gắng chuẩn bị tinh thần cho cuộc gặp Soneji/ Murphy nhưng vẫn bị phân tâm. Những hình ảnh của đêm trước cứ liên tục hiện lên trước mắt. Tôi phải nhắc nhở mình rằng tôi đang lái xe giữa ban ngày, trong dòng phương tiện giao thông ở D.C., và lúc này tôi đang làm việc.

Đó là lúc một ý tưởng sáng suốt đến với tôi: một giả thuyết về Gary Soneji/Murphy có thể kiểm chứng, giả thuyết *đường như* có ý nghĩa về mặt tâm lý học.

Có được một giả thuyết thú vị *tạm thời* giúp tôi có sự tập trung khi ở nhà tù. Tôi được đưa lên tầng sáu để gặp Soneji. Hắn đang đợi tôi. Hắn trông như thể không hề ngủ chút nào suốt cả đêm trước. Đến lượt tôi phải làm cho chuyện gì đó xảy ra.

Buổi chiều tôi thăm vấn hẳn suốt một giờ, có khi lâu hơn một chút. Tôi không ngừng hồi thúc. Có lẽ mạnh hơn so với bất kỳ bệnh nhân nào của tôi.

“Gary, anh đã bao giờ thấy các hóa đơn trong túi mà không nhớ ra mình tiêu gì chưa - hóa đơn khách sạn, nhà hàng, tiệm tạp hóa ấy?”

“Làm thế nào ông biết việc đó?” Hai mắt Gary sáng lên khi nghe câu hỏi của tôi. Vẻ gì đó giống như nhẹ nhõm tràn đầy gương mặt hẳn. “Tôi đã *bảo* người ta rằng tôi muốn ông làm bác sĩ điều trị cho tôi. Tôi không muốn gặp bác sĩ Walsh chút nào nữa. Ông ta chỉ giỏi kê đơn thuốc an thần thôi.”

“Tôi không chắc đó là ý tưởng hay đâu. Tôi là chuyên gia tâm lý, không phải bác sĩ trị liệu tâm lý như bác sĩ Walsh. Tôi cũng là một trong những người của đội đã giúp bắt giữ anh.”

Gary lắc đầu. “Tôi biết toàn bộ chuyện đó. Ông cũng là người duy nhất lắng nghe trước khi đưa ra những đánh giá cuối cùng. Tôi biết là ông căm ghét tôi - ý nghĩ về việc tôi bắt hai đứa bé đó, hay những việc khác mà người ta cho là tôi đã làm. Nhưng ít nhất ông cũng lắng nghe. Walsh chỉ vờ lắng nghe.”

“Anh cần tiếp tục gặp bác sĩ Walsh,” tôi nói.

“Cũng được. Tôi cho là bây giờ tôi đã hiểu các mối quan hệ ở đây. Xin đừng bỏ rơi tôi ở chỗ khốn nạn này.”

“Tôi sẽ không làm thế. Kể từ giờ trở đi tôi sẽ luôn ở bên anh. Chúng ta sẽ tiếp tục nói chuyện như thế này.”

Tôi yêu cầu Soneji/Murphy kể cho tôi nghe về tuổi thơ của hẳn.

“Tôi không nhớ được hết mọi chuyện khi tôi lớn lên. Điều đó có lạ lùng lắm không?” Hẳn muốn nói chuyện. Tôi là người quyết định, là người kết luận, xem tôi đang nghe sự thật hay một hệ thống những lời dối trá được dàn xếp tỉ mỉ.

“Điều đó bình thường với một số người. Không nhớ được. Đôi lúc, khi anh nói chuyện về những vấn đề đó, khi anh thể hiện bằng lời thì những ký ức ấy sẽ trở lại.”

“Tôi biết những sự thật và các con số. Được rồi. Ngày sinh, hai mươi tư tháng Hai, năm 1957. Nơi sinh, Princeton, New Jersey. Những thứ đại loại thế. Nhưng đôi khi tôi cảm giác mình *học* được tất cả những điều ấy khi tôi lớn lên. Tôi đã có những trải nghiệm về việc không thể phân biệt giữa những giấc mơ và hiện thực. Tôi không chắc cái nào là cái nào. Tôi thực sự không chắc chắn.”

“Hãy cố gắng cho tôi biết những ấn tượng đầu tiên của anh,” tôi nói với Soneji.

“Không nhiều niềm vui và tiếng cười,” hần nói. “Tôi luôn bị mất ngủ. Tôi chưa bao giờ ngủ được một giấc liền mạch dài quá một hoặc hai giờ. Tôi không nhớ có lúc nào mình không thấy mệt mỏi. Và tôi bị trầm uất - như thế trong suốt cuộc đời tôi đã phải cố gắng đào bới để đưa mình thoát khỏi một cái hố. Không phải tôi muốn làm thay phần việc của ông đâu, nhưng tôi không đánh giá cao bản thân lắm.”

Mọi điều tôi biết về Gary Soneji đến lúc ấy cho thấy một tính cách *đối lập*: đầy sức sống, quan điểm tích cực, đánh giá bản thân cực kỳ cao.

Gary tiếp tục phác họa tuổi thơ kinh hoàng của hần, trong đó có việc ngược đãi về thể xác của mẹ kể khi hần còn nhỏ, tình trạng lạm dụng tình dục của cha khi hần lớn lên.

Gary cứ tả đi tả lại cách hần buộc phải tách bản thân khỏi sự lo lắng và xung đột bủa vây quanh mình. Năm 1961, mẹ kế của hần cùng hai đứa con riêng của bà ta xuất hiện. Gary khi ấy bốn tuổi và đã là một đứa bé có tính khí thất thường. Kể từ đó mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn. Tệ hơn đến mức nào thì hần vẫn chưa sẵn lòng kể cho tôi nghe.

Để thực hiện kiểm tra toàn diện theo chỉ đạo của bác sĩ Walsh, Soneji/Murphy đã thực hiện bài kiểm tra Wechsler dành cho người lớn, bộ trắc nghiệm đa diện nhân cách Minnesota và các bài kiểm tra Rorschach. Mảng hần đạt các thang điểm tuyệt đối là sáng tạo. Tiêu chí này được tính bằng việc hoàn thành các câu đơn. Hần đạt điểm cao ở cả phần trả lời miệng và trả lời viết.

“Còn gì khác nữa, Gary? Hãy cố hồi tưởng xa đến hết mức mà anh có thể. Tôi chỉ có thể giúp được khi hiểu anh rõ hơn.”

“Luôn có những ‘giờ lạc lối’. Khoảng thời gian tôi không thể giải thích được,” hăn nói. Khi nói, gương mặt hăn càng đanh lại. Những mạch máu trên cổ Soneji phồng lên. Mồ hôi nhẹ lã trên mặt hăn.

“Họ trừng phạt tôi bởi tôi không thể nhớ...” hăn nói.

“Ai đã làm việc ấy? Ai đã trừng phạt anh?”

“Chủ yếu là mẹ kế của tôi.”

Điều đó đồng nghĩa với việc hầu hết tổn thương xảy đến với Soneji khi hăn còn rất nhỏ, khi mẹ kế của hăn thực hiện việc trừng phạt.

“Một căn phòng tối,” hăn nói.

“Điều gì xảy ra trong căn phòng tối? Đó là kiểu phòng nào?”

“Bà ta nhốt tôi vào đó, dưới tầng hầm. Đó là hầm chứa của nhà chúng tôi, hầu như ngày nào bà ta cũng nhốt tôi xuống đó.”

Soneji bắt đầu thở quá gấp gáp. Điều này cực kỳ khó khăn với hăn, tình trạng tôi đã thấy rất nhiều lần ở những nạn nhân bị lạm dụng khi còn nhỏ. Soneji nhắm chặt hai mắt. Nhớ lại. Thấy một phần quá khứ mà hăn chưa bao giờ thực sự muốn lặp lại.

“Chuyện gì xảy ra dưới tầng hầm?”

“Không có gì... không có gì xảy ra. Chính xác là lúc nào tôi cũng bị phạt. Bị bỏ lại một mình.”

“Anh bị nhốt ở đó bao lâu?”

“Tôi không biết... tôi không thể nhớ hết mọi chuyện!”

Hai mắt Soneji mở hé. Hăn quan sát tôi qua khe mắt nhắm lại.

Tôi không chắc hăn có thể chịu đựng thêm được bao nhiêu. Tôi phải cẩn thận. Tôi cần nhẹ nhàng đưa hăn vào những phần khó khăn hơn trong quá khứ của hăn, với cảm giác rằng tôi quan tâm, rằng hăn có thể tin tưởng tôi, rằng tôi đang lắng nghe.

“Có bao giờ chuyện đó diễn ra suốt cả ngày không? Qua đêm?”

“Ồ, không. Không. Chuyện đó diễn ra trong khoảng thời gian dài. Để tôi sẽ không thể nào quên. Để tôi sẽ trở thành thằng bé ngoan. Không phải Thằng Bé Hư.”

Hắn nhìn tôi nhưng không nói gì thêm. Tôi cảm nhận được rằng hắn đang đợi nghe điều gì đó từ tôi.

Tôi thử khen ngợi, một phản ứng dường như phù hợp trong trường hợp này. “Như thế tốt đấy, Gary, khởi đầu tốt đấy. Tôi biết rằng chuyện này khó khăn đối với anh như thế nào.”

Khi nhìn gã đàn ông trưởng thành, tôi tưởng tượng ra một thằng nhỏ bị giam trong hầm chứa tối om. Hằng ngày. Trong suốt vài tuần mà chắc chắn theo cảm nhận sẽ dài hơn rất nhiều lần. Rồi tôi nghĩ về Maggie Rose Dunne. Liệu có khả năng hắn đang giam con bé ở đâu đó và nó vẫn còn sống không? Tôi cần moi những bí mật đen tối nhất ra khỏi đầu Soneji và cần làm điều ấy nhanh hơn bất kỳ lần trị liệu nào tôi từng thực hiện. Katherine Rose và Thomas Dunne đáng được biết những gì đã xảy ra với đứa con gái bé nhỏ của họ.

“Chuyện gì đã xảy ra với Maggie Rose, Gary? Nhớ Maggie Rose chứ?”

Đây là thời điểm đầy mạo hiểm trong cuộc gặp của hai chúng tôi. Soneji có thể trở nên sợ hãi và từ chối gặp lại tôi nếu hắn cảm thấy rằng tôi không còn là một “người bạn” nữa. Hắn có thể rút lui. Thậm chí có khả năng xảy ra tình trạng loạn thần kinh hoàn toàn. Hắn có thể bị rối loạn tâm lý. Rồi mọi thứ sẽ mất hết.

Tôi cần tiếp tục khen ngợi Gary vì những nỗ lực của hắn. Việc hắn trông mong những chuyển thăm của tôi là điều quan trọng. “Những gì anh nói với tôi cho đến giờ cực kỳ có ích,” tôi nói với Soneji. “Anh thực sự đã làm rất tốt. Tôi cảm thấy ấn tượng với mức độ tự ép mình để nhớ lại quá khứ của anh.”

“Alex,” Soneji nói khi tôi chuẩn bị ra về, “thề có Chúa, tôi đã không làm gì kinh khủng hay tệ hại. Làm ơn hãy giúp tôi.”

Chiều hôm đó dự kiến có cuộc kiểm tra phát hiện nói dối cho Soneji. Chỉ riêng ý nghĩ về máy phát hiện nói dối đã khiến Gary lo lắng, nhưng hẳn thề là mình hài lòng khi được thực hiện bài kiểm tra này.

Hắn bảo tôi rằng tôi có thể ở lại và đợi xem kết quả nếu muốn. Tôi muốn lắm chứ.

Người thực hiện cuộc kiểm tra là một nhân viên rất giỏi được điều từ D.C. tới. Sẽ có mười tám câu hỏi được đặt ra. Mười lăm trong số đó liên quan tới “sự kiểm soát”. Ba câu còn lại được dùng để tính điểm cho bài kiểm tra phát hiện nói dối.

Bác sĩ Campbell gặp tôi bốn mươi phút sau khi Soneji/Murphy đã được đưa xuống để thực hiện bài kiểm tra phát hiện nói dối. Mặt Campbell đỏ lựng vì phấn khích. Ông trông như thể vừa chạy bộ từ nơi tiến hành bài kiểm tra về thẳng chỗ tôi. Đã có chuyện gì đó rất ghê gớm xảy ra.

“Anh ta đã ghi được số điểm cao nhất có thể,” Campbell nói với tôi. “Anh ta đã vượt qua một cách xuất sắc. Mười cộng. Có thể Gary Murphy đang nói sự thật!”

CHƯƠNG 49

“CÓ THỂ Gary Murphy đang nói sự thật!”

Chiều hôm sau tôi tổ chức một buổi điều trần theo chỉ định ở phòng họp ban giám đốc nằm trong Nhà tù Lorton. Những khán giả quan trọng gồm Tiến sĩ Campbell, công tố viên liên bang James Dowd, một đại diện của văn phòng thống đốc bang Maryland, hai công tố viên khác từ văn phòng bộ trưởng Bộ tư pháp ở Washington, bác sĩ James Walsh từ cơ quan y tế của bang, cùng đội ngũ cố vấn của nhà tù.

Phải khó khăn lắm mới triệu tập được những người này lại với nhau. Khi đã thành công với việc đó, tôi không thể để mất họ. Tôi sẽ không có cơ hội khác để yêu cầu điều mình cần.

Tôi có cảm giác như mình đang trở lại những buổi thi vấn đáp ở trường John Hopkins. Tôi đang đi trên dây. Tôi tin rằng toàn bộ cuộc điều tra về Soneji/Murphy đang đối mặt với nguy cơ thất bại, ở ngay trong căn phòng này.

“Tôi muốn thử thôi miên hồi tưởng với đối tượng. Không hề rủi ro mà có cơ hội đạt được kết quả cao,” tôi thông báo với nhóm. “Tôi chắc chắn rằng Soneji/Murphy sẽ là một đối tượng tốt, chúng ta sẽ phát hiện ra thông tin nào đó có thể sử dụng. Có lẽ chúng ta sẽ biết được những gì đã xảy ra với con bé đang mất tích. Chắc chắn là điều gì đó về Gary Murphy.”

Vụ án này đã nêu ra nhiều câu hỏi phức tạp về phạm vi xét xử. Một luật sư đã nói với tôi rằng các vấn đề của nó sẽ giúp hình thành một câu hỏi cực khó cho kỳ thi sát hạch luật sư liên bang. Vì vụ việc vượt qua phạm vi một bang, vụ bắt cóc và giết Michael Goldberg đã

thuộc quyền xử lý của liên bang và sẽ được đưa ra xét xử trước tòa án liên bang. Việc giết những người ở tiệm McDonald sẽ được xử ở một tòa án hạt Westmoreland. Soneji/Murphy cũng có thể bị xử ở Washington vì một hoặc nhiều hơn một vụ giết người mà có lẽ hắn đã thực hiện ở khu Đông Nam.

“Điều cuối cùng ông hy vọng đạt được là gì?” Tiến sĩ Campbell muốn biết. Ông đã có thái độ ủng hộ và vẫn tiếp tục như vậy. Giống như tôi, ông đã đọc được sự hoài nghi trên một vài gương mặt, đặc biệt là của Walsh. Tôi có thể thấy tại sao Gary không quan tâm tới Walsh. Dường như ông ta là kẻ nhỏ nhen, hiểm độc nhưng lại tự hào về điều ấy.

“Phần nhiều trong số những điều hắn đã nói với chúng ta cho tới giờ biểu hiện phản ứng phân ly nghiêm trọng. Dường như hắn đã trải qua thời thơ ấu cực kỳ khủng khiếp. Có ngược đãi thể xác, có lẽ xảy ra cả lạm dụng tình dục. Hồi ấy có lẽ hắn đã bắt đầu tách rời tâm trí của mình để tránh nỗi đau đớn và sợ hãi. Tôi không nói hắn là kẻ đa nhân cách, nhưng đó là một khả năng. Hắn có kiểu tuổi thơ có thể tạo ra một dạng thức tâm lý hiểm thấy như vậy.”

Tiến sĩ Campbell ngắt lời. “Tiến sĩ Cross và tôi đã nói chuyện về khả năng Soneji/Murphy trải qua ‘chứng điên bỏ nhà ra đi’. Những trạng thái tâm thần liên quan tới cả tình trạng mất trí nhớ và kích động do bị tổn thương. Hắn nói về ‘những ngày lạc lối’, ‘những cuối tuần lạc lối’, thậm chí ‘những tuần lạc lối’. Trong tình trạng điên bỏ nhà ra đi như vậy, một bệnh nhân có thể thức dậy ở một nơi xa lạ và không biết mình đã có mặt ở đó bằng cách nào, hoặc anh ta đã làm gì trong một khoảng thời gian dài. Trong một số trường hợp, các bệnh nhân có hai nhân cách riêng biệt, thường là hai nhân cách đối lập. Chuyện này cũng có thể xảy ra ở chứng động kinh thùy thái dương.”

“Các anh là gì đây, một đội đấu vật à?” Walsh gầm gừ từ ghế mình. “Động kinh thùy thái dương. Thôi nào, Marion. Các anh càng

lãng phí thời gian với những việc ngớ ngẩn thế này thì hẳn càng có nhiều cơ hội thoát tội trước tòa,” Walsh cảnh báo.

“Tôi không lãng phí thời gian,” tôi nói với Walsh. “Đó không phải kiểu của tôi.”

Công tố viên liên bang lên tiếng, xen vào cuộc tranh cãi giữa Walsh và tôi. James Dowd là một người nghiêm túc tầm trên dưới bốn mươi tuổi. Nếu Dowd được xử lý vụ Soneji/Murphy, anh ta sẽ sớm trở thành một công tố viên cực kỳ nổi tiếng.

“Chẳng phải sẽ có khả năng hẳn tạo ra tình trạng tâm thần rõ ràng này để diễn trước mặt chúng ta sao?” Dowd hỏi. “Để chúng ta thấy hẳn là một tên tâm thần, không hơn không kém?”

Tôi liếc quanh bàn trước khi trả lời những câu hỏi của Dowd. Rõ ràng anh ta muốn nghe những câu trả lời của chúng tôi; anh ta muốn biết sự thật. Đại diện của văn phòng thống đốc hình như hoài nghi và chưa thấy thuyết phục nhưng có quan điểm cởi mở. Cho tới giờ nhóm của Bộ tư pháp vẫn trung lập. Bác sĩ Walsh đã nghe đủ từ tôi và Campbell.

“Đó là một khả năng rõ ràng,” tôi nói. “Đây là một trong những lý do khiến tôi muốn thử thôi miên hồi tưởng. Trước hết, chúng ta có thể xác minh liệu những câu chuyện của hẳn khớp với nhau không.”

“Nếu hẳn có thể bị thôi miên,” Walsh chen vào. “Và nếu anh có thể nói hẳn đã từng bị thôi miên hay chưa.”

“Tôi nghi là hẳn có thể bị thôi miên,” tôi trả lời nhanh.

“Và tôi nghi ngờ việc hẳn có thể bị thôi miên. Nói thẳng, tôi nghi ngờ anh, Cross ạ. Tôi chẳng quan tâm đến việc hẳn thích nói chuyện với anh. Điều trị rối loạn hành vi không liên quan đến việc có thích bác sĩ hay không.”

“Điều hẳn thích là tôi *có lắng nghe*” Tôi quắc mắt nhìn Walsh phía bên kia bàn. Phải rất kiềm chế thì tôi mới không nháy mắt vào tên khốn lắm chuyện này.

“Những lý do khác để thôi miên tù nhân là gì?” đại diện của văn phòng thống đốc lên tiếng.

“Nói thật, chúng tôi không biết đủ về những điều hắc đã làm trong những cơn điên bỏ nhà ra đi,” Tiến sĩ Campbell nói. “Chính hắc cũng vậy. Cả gia đình và vợ hắc, những người tôi đã thăm vấn vài lần, cũng vậy.”

Tôi nói thêm: “Chúng tôi cũng không chắc chắn là có bao nhiêu nhân cách có thể đang tồn tại... Lý do khác để thôi miên” - tôi ngừng lại để nhấn mạnh những điều mình chuẩn bị nói ra - “là tôi muốn hỏi hắc về Maggie Rose Dunne. Tôi muốn thử tìm hiểu những gì hắc đã làm với Maggie Rose.”

“Được rồi, chúng tôi đã nghe những lập luận của anh, Tiến sĩ Cross. Cảm ơn vì những nỗ lực và thời gian anh đã dành ra ở đây,” James Dowd nói ở cuối buổi trình bày. “Chúng tôi sẽ báo cho anh biết sau.”

Tối nay tôi quyết định tự lo mọi chuyện.

Tôi gọi cho một phóng viên của tờ *Post* mà tôi biết và tin tưởng. Tôi đề nghị người này gặp mình tại tiệm ăn Pappy nằm ngoài rìa khu Đông Nam. Tiệm Pappy là nơi mà chúng tôi sẽ không bao giờ bị nhận ra, và tôi cũng không muốn bất kỳ ai biết chúng tôi đã gặp nhau. Vì lợi ích của cả hai.

Lee Kovel là một tay chuyên nghiệp trẻ tuổi, một gã khốn nạn, nhưng tôi thích anh ta. Lee là một kẻ ruột để ngoài da: những ganh tị nhỏ nhen, suy nghĩ chua cay về tình trạng tệ hại của báo chí, xu hướng ủy mị và các đặc tính bảo thủ đến cực đoan thì thoáng xuất hiện. Tất cả được phơi bày cho cả thế giới thấy mà tìm cách đối phó.

Lee ngồi phịch xuống cạnh tôi ở quầy. Anh ta mặc một bộ com lê xám và giày chạy bộ màu xanh nhạt. Nhà hàng Pappy thu hút được một lượng khách hàng dễ tính và nhiều thành phần: người da đen, người gốc Tây Ban Nha, người Hàn Quốc, người lao động da trắng

phục vụ cho khu Đông Nam theo cách này hay cách khác. Nhưng không người nào giống như Lee.

“Ở chỗ này tôi nổi như cồn,” tay nhà báo than phiền. “Tôi quá ngon so với nơi này.”

“Bây giờ ai sẽ gặp anh ở đây? Bob Woodward à* Hay Evans và Novak*?”

“Vui tính đấy, Alex. Anh đang nghĩ gì thế? Sao anh không gọi cho tôi khi vụ này còn đang nóng? *Trước khi* tên khốn này bị bắt ấy?”

“Anh cho anh này ít cà phê đen nóng thật đặc nhé,” tôi nói với người trông quầy. “Tôi muốn làm anh ta tỉnh táo.” Tôi quay lại với Lee. “Tôi sắp thôi miên Soneji trong tù. Tôi sắp tìm kiếm Maggie Rose Dunne trong tiềm thức của hắn. Anh có thể có bài độc quyền. Nhưng anh còn nợ tôi một việc,” tôi nói với Lee.

Lee Kovel phản ứng lại gần như ngay lập tức. “Vớ vẩn! Ta hãy nghe hết câu chuyện đã, Alex. Tôi nghĩ anh bỏ quên một số phần rồi.”

“Đúng. Tôi vận động để có được quyết định cho phép thôi miên Soneji. Vụ này liên quan đến nhiều trò chính trị nhỏ nhen. Nếu anh để lộ thông tin này qua tờ *Post*, tôi nghĩ chuyện đó sẽ diễn ra. Lý thuyết về những dự đoán diễn ra như mong đợi. Tôi sẽ được cho phép. Rồi anh sẽ có bài độc quyền.”

Cà phê được dọn ra trong một chiếc tách cổ. Màu nâu nhạt với một đường viền mảnh màu xanh nước biển phía dưới rìa tách. Lee xì xụp uống cà phê, trông đầy vẻ suy tư. Dường như anh ta thấy buồn cười vì tôi đang cố điều khiển cái trật tự đã có từ lâu ở D.C. Điều đó lay động trái tim đang rỉ máu của anh ta.

“Và nếu anh nghe được gì đó từ Gary Soneji, tôi sẽ là người thứ hai được biết. Chỉ sau anh, Alex ạ.”

“Anh cũng mất công mặc cả đấy, nhưng đúng là thế. Đó sẽ là thỏa thuận của chúng ta. Nghĩ kỹ đi Lee. Đáng giá lắm đấy. Tìm được thông tin về Maggie Rose, đấy là còn chưa kể tới sự nghiệp của anh.”

Tôi để cho Kovel uống nốt chỗ cà phê của mình ở tiệm Pappy và bắt đầu định hình cho bài viết của anh ta. Có vẻ như đó là công việc anh ta làm. Và bài báo xuất hiện trên số buổi sáng của tờ *Post*.

Ngày nào cũng vậy, Nana Mama là người thức dậy đầu tiên ở nhà tôi. Có khi bà còn là người dậy đầu tiên trong vũ trụ. Đó là điều Sampson và tôi vẫn tin khi chúng tôi mười hay mười một tuổi còn bà là hiệu phó trường cấp hai Garfield North.

Dù dậy lúc bảy giờ, sáu giờ hay năm giờ, tôi cứ xuống bếp là thấy ánh lửa nhỏ và Nana đang dùng bữa sáng hoặc nhóm bếp. Hầu như hôm nào cũng là cùng một kiểu bữa sáng. Một quả trứng chần, một miếng bánh nướng xốp ngô phết bơ; trà loãng có kem và hai viên đường.

Hoặc bà cũng đã bắt đầu làm bữa sáng cho cả nhà và nhận ra nhiều khẩu vị khác nhau của chúng tôi. Thực đơn của gia đình có thể bao gồm bánh kẹp cùng với Lạp xưởng lợn hoặc thịt muối; dưa hấu đúng mùa; bột yến mạch thô hoặc tinh, bột gạo, được phết một lớp bơ dày và nhiều đường; trứng nấu đủ kiểu.

Thi thoảng xuất hiện món trứng rán ăn với thạch nho, món duy nhất của Nana mà tôi không thích. Nana không rán cho mặt ngoài của trứng ngả màu nâu quá đậm và, như tôi đã nói với bà, với tôi trứng kết hợp với thạch giống như bánh kẹp ăn với nước sốt cà chua. Nana không đồng ý dù bà chưa bao giờ ăn món trứng rán với thạch đó. Bọn trẻ thích món đó.

Buổi sáng tháng Ba hôm ấy, Nana ngồi bên bàn bếp. Bà đang đọc tờ *Washington Post* tình cờ được một người đàn ông tên Washington chuyển tới. Sáng thứ Hai nào ông Washington cũng ăn sáng với Nana. Hôm nay là thứ Tư, và là một ngày quan trọng đối với cuộc điều tra.

Mọi hình ảnh về bữa sáng đều quen thuộc như mọi khi nhưng tôi vẫn giật mình khi bước vào bếp. Thêm một lần nữa, tôi nhận ra vụ bắt

cóc đã ảnh hưởng sâu thẳm nào đến cuộc sống riêng của chúng tôi, cuộc sống của các thành viên trong gia đình tôi.

Tít của tờ *Washington Post* như sau:

SONEJI/MURPHY SẼ BỊ THÔI MIÊN

Kèm theo bài viết, tôi có thể thấy ảnh của mình và Soneji/Murphy. Khuya hôm trước tôi đã nghe tin. Vì thỏa thuận của cả hai, tôi đã gọi cho Lee Kovel để cung cấp cho anh ta thông tin độc quyền.

Tôi đọc bài viết của Lee trong khi ăn hai quả mận khô. Bài viết nói rằng, dù không được nêu rõ tên, “những nguồn tin nhất định đang hoài nghi về quan điểm của các nhà tâm lý học được chỉ định tiếp xúc với kẻ bắt cóc”; rằng “những kết quả giám định y tế có thể tác động tới phiên tòa”; rằng “nếu chứng minh được rằng Soneji/Murphy bị điên, hẳn có thể nhận mức án nhẹ nhàng ba năm trong trại tâm thần.” Rõ ràng sau khi nói chuyện với tôi, Lee đã nói chuyện với các nguồn tin khác.

“Tại sao họ không thò mặt ra và nói rõ ý kiến của mình,” Nana lầm bầm trong khi vừa ăn bánh mì vừa uống trà. Tôi nghĩ là bà không quan tâm đến phong cách của Lee.

“Tại sao họ không nói gì hả bà?” tôi hỏi.

“Điều rõ ràng ở đây. Kẻ nào đó không muốn dính vào vụ án nhỏ của hẳn ta. Họ muốn thứ công lý ‘trắng sạch như Tide’. Không nhất thiết phải là sự thật. Dù sao thì trong vụ này cũng chẳng ai muốn sự thật. Họ chỉ muốn cảm thấy khá hơn ngay lập tức. Họ muốn *nỗi đau qua đi*. Con người chịu đau đớn kém, nhất là gần đây. Kể từ khi bác sĩ Spock* bắt đầu nuôi dưỡng bọn trẻ chúng ta.”

“Đó có phải điều bà đã lên kịch bản từ trước cho bữa sáng không? Nghe cứ như phim *Murder, She Wrote*.”

Tôi tự rót cho mình chút trà. Không đường không kem. Tôi lấy một chiếc bánh xốp và đặt vài miếng xúc xích vào giữa.

“Không có kịch bản nào cả. Thực tế sờ sờ ra đây, Alex ạ.”

Tôi gật đầu với Nana. Có lẽ bà đúng, nhưng phải đối mặt với điều ấy trước sáu giờ sáng quả là khiến người ta nhụt chí. “Sáng sớm thế này chẳng gì sánh được chỗ mạn khô này,” tôi nói. “Hừm, hừm, ngon quá.”

“Hừm.” Nana Mama nhăn mặt. “Nếu là con thì bà sẽ ăn dè chỗ mạn khô này. Bà nghi là từ giờ trở đi con sẽ cần thêm ít chuyện vớ vẩn nữa đây Alex. Nếu bà có thắng thường với con quá...”

“Cảm ơn Nana. Con trân trọng sự thẳng thắn của bà.”

“Con không phải nghĩ ngợi gì đâu. Bữa sáng của con và lời khuyên chí lý này: đừng tin người da trắng.”

“Bữa sáng rất ngon,” tôi nói với bà.

“Bạn gái mới của con thế nào?” bà tôi hỏi.

Chẳng gì qua được mắt bà.

CHƯƠNG 50

Ở NHÀ TÙ, có một âm thanh chói tai trong không gian khi tôi bước ra khỏi xe. Âm thanh đó phát ra từ những thứ hiện hữu. Phóng viên của các báo, các đài truyền hình đang lảng vảng khắp nơi phía ngoài Nhà tù Lorton. Họ đang đợi tôi. Cả Soneji/Murphy nữa. Trước đó hẳn đã được chuyển vào một phòng giam thông thường trong nhà tù.

Khi bước dưới làn mưa nhẹ từ khu đỗ xe, tôi bị máy quay phim và micro từ cả chục góc khác nhau chĩa thẳng vào người. Tôi ở đây để thôi miên Gary Soneji/Murphy, cánh báo chí biết việc ấy. Hôm nay tôi là tin nóng đây.

“Thomas Dunne nói rằng ông đang cố gắng giúp Soneji nhập viện, rằng ông sẽ giúp hẳn tự do sau vài năm. Ông có bình luận gì không, thanh tra Cross?”

“Hiện giờ tôi không có gì để nói.” Tôi không thể nói chuyện với bất kỳ phóng viên nào - điều khiến tôi chẳng được ưa thích mấy. Trước khi văn phòng bộ trưởng Bộ Tư pháp đồng ý cho tôi thực hiện biện pháp thôi miên, tôi đã có thỏa thuận với họ về việc này.

Ngày nay thôi miên được sử dụng phổ biến trong tâm thần học. Việc này được bác sĩ tâm thần trị liệu hoặc chuyên gia tâm lý thực hiện. Điều tôi hy vọng khám phá được qua một vài buổi phỏng vấn là những gì đã xảy ra với Gary Soneji/Murphy trong “những ngày lạc lối” của hẳn, những lần hẳn trốn chạy khỏi thế giới thực. Tôi không biết liệu chuyện này sẽ xảy ra nhanh chóng hoặc thậm chí có xảy ra hay không nữa.

Khi tôi đã ở trong phòng giam của Gary, quá trình này diễn ra đơn giản và dễ dàng. Tôi gợi ý cho hẳn thả lỏng cơ thể và nhắm hai

mắt. Tiếp theo tôi đề nghị Gary hít vào rồi thở ra thật đều và chậm. Tôi bảo hăn cố gắng gạt bỏ mọi ý nghĩ ra khỏi tâm trí. Cuối cùng là chậm chậm đếm ngược từ một trăm.

Hăn có vẻ là một đối tượng phù hợp với thôi miên. Hăn không chống lại mà chìm sâu vào trạng thái có thể tác động. Tôi có thể nói rằng hăn đã nằm trong tầm kiểm soát của mình. Dù gì thì tôi vẫn coi như hăn đã ở tình trạng đó và tiếp tục quá trình. Tôi quan sát hăn nhằm phát hiện những dấu hiệu cho thấy tình trạng ngược lại nhưng không thu được gì.

Nhịp thở của Gary đã chậm lại rõ rệt. Ở phần mở đầu của quá trình thôi miên, hăn thư thái hơn so với mức tôi đã thấy lúc trước. Trong những phút đầu, chúng tôi nói về những chủ đề bình thường và không mang tính đe dọa.

Vì Gary đã thực sự “trở về” hay trở thành “*bản thân hăn*” trong khu đỗ xe ở tiệm McDonald nên tôi bắt đầu hỏi khi hăn đã hoàn toàn thư thái.

“Anh có nhớ việc mình bị bắt trong một tiệm McDonald ở Wilkinsburg không?”

Có một khoảng ngừng ngắn ngủi, rồi Gary cất tiếng: “Ồ, có, tất nhiên là tôi nhớ.”

“Tôi rất vui vì anh nhớ, bởi tôi có vài câu hỏi về những chuyện đã xảy ra ở tiệm McDonald ấy. Tôi không rõ lắm về trình tự diễn ra các sự kiện. Anh có nhớ đã ăn gì trong tiệm không?”

Tôi có thể thấy dưới mí mắt, hai mắt Gary đang đảo lên. Hăn đang suy nghĩ trước khi đưa ra câu trả lời. Gary đi một đôi dép xỏ ngón, chân trái của hăn đang giậm nhịp rất nhanh.

“Không... không... không thể nói rằng tôi nhớ. Thực sự tôi có ăn ở đó hay không? Tôi không nhớ. Tôi không chắc liệu mình có ăn hay không nữa.”

Ít nhất thì hăn cũng không phủ nhận rằng mình đã ở trong tiệm McDonald.

“Anh có nhận ra người nào trong tiệm McDonald không?” tôi hỏi. “Anh có nhớ bất kỳ khách hàng nào không? Một cô bán hàng có thể anh đã nói chuyện cùng?”

“Hừm... Nơi đó đông lắm. Không một người cụ thể nào xuất hiện trong đầu tôi. Tôi nhớ lúc đó mình đã nghĩ rằng một vài người ăn mặc xấu đến buồn cười. Ở trung tâm mua sắm nào mà chẳng có cảnh đó. Lúc nào ở những nơi như HoJo và McDonald cũng vậy.”

Trong đầu mình, hăn vẫn đang ở tiệm McDonald. Hăn đã cùng tôi tiến xa đến mức đó. *Hãy ở lại với tôi, Gary.*

“Anh có dùng phòng vệ sinh không?” tôi đã biết rằng Gary có vào nhà vệ sinh. Hầu hết hành động của hăn đều được đề cập trong các báo cáo liên quan đến vụ bắt giữ.

“Có, tôi có dùng nhà vệ sinh,” hăn đáp.

“Còn về đồ uống? Có gì để uống không? Hãy đưa tôi theo anh. Hãy đặt bản thân anh trở lại đó bằng hết khả năng có thể.”

Hăn mỉm cười. “Làm ơn. Đừng nhún mình trước tôi.”

Gary ghéch đầu hơi lạ thường. Rồi hăn bật cười. Tiếng cười kỳ dị, sâu hơn bình thường. Lạ lùng, dù không hoàn toàn khiến người ta hoảng sợ. Giọng gã đàn ông trở nên nhanh hơn và phát âm rõ từng từ. Chân hăn giậm nhịp ngày càng nhanh hơn.

“Ông không đủ khôn ngoan để thực hiện việc này đâu,” Gary nói.

Tôi hơi ngạc nhiên về sự thay đổi trong âm điệu của Gary. “Thực hiện việc gì? Hãy giải thích cho tôi điều anh đang nói, Gary. Tôi không hiểu ý anh.”

“Cố gắng lừa *hăn*. Đó là điều tôi đang nói. Ông khôn ngoan. Nhưng không khôn ngoan đến thế đâu.”

“Tôi đang cố lừa ai?”

“*Soneji*, tất nhiên là hăn rồi. *Hăn* đang ở ngay kia, trong tiệm McDonald. Hăn đang vờ lấy cà phê nhưng lại đang rất cáu. Hăn sắp nổi điên lên. Bây giờ hăn cần sự chú ý.”

Tôi vươn người ngồi thẳng về phía trước. Lúc trước tôi chưa tính đến trường hợp này.

“Tại sao hấn lại cáu? *Anh* biết tại sao không?” tôi hỏi.

“Hấn cáu vì họ gặp may. Đó là lý do đấy.”

“Ai gặp may?”

“Cảnh sát. Hấn cáu bởi bọn cảnh sát đàn độn có thể ăn may và phá hỏng mọi thứ, làm hỏng kế hoạch lớn của hấn.”

“Bây giờ tôi muốn nói chuyện với *hấn* về điều ấy,” tôi nói. Tôi cố gắng tỏ ra lý trí như Gary lúc này. Nếu bây giờ Soneji đang ở đây, có lẽ chúng tôi có thể nói chuyện.

“Không! Không. Ông không cùng đẳng cấp với hấn. Ông sẽ không hiểu những gì hấn nói. Ông không hiểu gì về Soneji hết.”

“Hấn vẫn đang cáu à? Bây giờ hấn có cáu không? Đang ở trong tù? Soneji nghĩ gì về việc ở trong phòng giam này?”

“Hấn nói - *tiên sư ông. TIÊN SƯ ÔNG!*”

Gary lao bổ vào tôi. Hấn túm lấy sơ mi, cà vạt và cả phần trước chiếc áo khoác thể thao của tôi.

Hấn mạnh mẽ về mặt thể chất, nhưng tôi cũng thế. Tôi để cho hấn chụp lấy mình rồi cũng làm như vậy. Chúng tôi ghì chặt nhau. Hai đầu va chạm mạnh. Tôi có thể vùng ra nhưng lại không làm thế. Thực sự là hấn không khiến tôi đau. Đúng hơn thì hấn đang cố tạo ra mối đe dọa, đang vạch ra một ranh giới giữa hai chúng tôi.

Campbell và các lính gác của ông chạy bổ theo hành lang. Soneji/Murphy buông tôi ra và bắt đầu đâm bổ vào cửa phòng giam. Nước bọt từ khóe miệng hấn chảy xuống. Hấn bắt đầu la hét. Chửi rủa to hết mức có thể.

Các lính gác quật hấn xuống sàn. Họ chặt vật giữ hấn lại. Soneji khỏe hơn nhiều so với vẻ ngoài mảnh khảnh của mình. Tôi đã biết điều đó qua kinh nghiệm của bản thân.

Nhân viên y tế theo sau các lính gác rồi tiêm cho Soneji một mũi Ativan. Chỉ sau vài phút hắn đã ngủ say trên sàn phòng giam.

Các lính gác đưa Soneji vào cũi rồi mặc cho hắn chiếc áo trói tay. Tôi đợi cho tới khi họ khóa cửa phòng giam.

Ai đang trong phòng giam?

Gary Soneji?

Hay Gary Murphy?

Hay cả hai?

CHƯƠNG 51

ĐẾN ĐÊM, Trưởng phòng thanh tra Pittman gọi điện về nhà cho tôi. Tôi không nghĩ ông ta muốn chúc mừng tôi vì công việc tôi đã thực hiện với Soneji/Murphy. Tôi đã đúng. Jefe yêu cầu tôi ghé qua văn phòng vào sáng ngày mai.

“Có chuyện gì vậy?” tôi hỏi.

Ông ta không trả lời câu hỏi của tôi qua điện thoại. Tôi đoán ông ta không muốn làm mất tính bất ngờ của câu chuyện.

Buổi sáng, tôi không quên cạo râu sạch sẽ và vận chiếc áo khoác da cho cuộc gặp với Jefe. Trước khi rời nhà, tôi chơi một đoạn bản Lady Day trên hiên nhà. Nghĩ về bóng tối và ánh sáng. Là bóng tối và ánh sáng. Tôi chơi bản “Người đàn ông tôi yêu”, “Như chúng ta biết” và “Có lẽ đời là thế”. Sau đó tôi lên đường đến chỗ gặp Jefe.

Khi tôi có mặt ở văn phòng của Pittman, hoạt động tại đó đã quá bận rộn so với thời điểm mới tám giờ kém mười lăm sáng. Ngay cả viên trợ lý của Jefe dường như cũng đã lu bù với công việc chứ không như thường ngày.

Fred Cook già là một thanh tra mảng tệ nạn xã hội có thành tích kém cỏi, được bổ trí làm trợ lý hành chính. Trông ông ta giống như một trong số những mẫu vật người ta vẫn bày ra trong mấy trận bóng chày kiểu cũ. Fred là một gã ác ý, nhỏ nhen và cực đoan về quan điểm chính trị. Nói cho tay này hiểu chẳng khác nào đàn gảy tai trâu.

“Sếp đang đợi anh.” Ông ta miễn cưỡng nở nụ cười mím môi xã giao. Fred Cook khoái trá khi được biết mọi thứ trước tất thầy chúng tôi. Ngay cả khi chẳng biết gì, ông ta vẫn làm như thể đã biết.

“Sáng nay có vụ gì thế hả Fred?” tôi hỏi thẳng toẹt. “Anh có thể nói tôi biết mà.”

Tôi thấy ánh nhìn “biết tuốt” trong mắt ông ta. “Sao anh không đi luôn vào đó xem. Tôi chắc là sếp sẽ giải thích những ý định của ông ấy.”

“Tôi tự hào về anh đấy Fred ạ. Chắc chắn anh là người biết giữ mồm giữ miệng. Anh biết đấy, đáng ra anh nên làm việc ở Hội đồng An ninh Quốc gia”.

Tôi đi vào trong, đón đợi điều tệ nhất. Nhưng tôi đã đánh giá hơi thấp Trưởng phòng thanh tra.

Thị trưởng Carl Monroe đã ở trong phòng cùng Pittman. Đội trưởng đội cảnh sát của chúng tôi, Christopher Clouser cũng có mặt, và trong số đó còn có John Sampson. Có vẻ như một trong những sự kiện buổi sáng nổi tiếng nhất cho tới nay của Washington, một bữa sáng kết hợp công việc đã được chuẩn bị trong lãnh địa của Trưởng phòng thanh tra.

“Không phải *cái gì* cũng tệ đâu,” Sampson khẽ nói.

Trái ngược hoàn toàn với những lời đó, trông Sampson hết như con thú lớn đang mắc vào một cái bẫy có móc kếp mà đám thợ săn thường dùng. Tôi cảm giác như cậu ta sẵn sàng cắn nát bàn chân mình để được thoát khỏi căn phòng.

“Không tệ lắm đâu.” Thị trưởng Carl Monroe vui vẻ cười khi trông thấy những đường nét như tạc trên gương mặt tôi. “Chúng tôi có một vài tin tốt lành cho cả hai anh đây. Tin rất tốt. Tôi nói nhé? Thôi, tôi nói luôn đây... Hôm nay cả anh và Sampson đều được thăng chức. Ngay tại đây. Chúc mừng thanh tra cao cấp mới nhất và trưởng bộ phận mới nhất của chúng ta.”

Những người còn lại vỗ tay tán thưởng. Sampson và tôi nhìn nhau ngơ ngác. Chuyện quái quỷ gì thế này?

Nếu biết trước, tôi đã đưa Nana và bọn trẻ theo rồi. Sự kiện này giống những dịp tổng thống trao huân chương và nói lời cảm tạ tới

những bà góa có chồng hy sinh trong chiến tranh. Nhưng chỉ có lần này, *những người đã chết* được mời tới lễ vinh danh. Trong mắt Trưởng phòng Pittman, Sampson và tôi đã chết.

“Có lẽ ông muốn nói cho Sampson và tôi biết chuyện gì đang diễn ra ở đây phải không?” tôi mỉm cười đầy bí ẩn với Monroe. “Ông biết đấy, phụ đề.”

Thị trưởng Carl Monroe có kiểu cười như súng liên thanh rất ấn tượng. Nó quá đổi ấm áp, tình cảm và “thành thực”. “Tôi được mời đến đây,” ông ta nói, “vì anh và thanh tra Sampson được thăng chức. Chỉ thế thôi. Tôi rất vui khi được tới đây, Alex” - viên thị trưởng tạo vẻ mặt hài hước - “vào lúc tám giờ kém mười lăm sáng nay.”

Thực sự thì đôi khi rất khó có thể không thích Carl. Ông ta hoàn toàn biết rõ việc mình đã trở thành ai và thế nào với tư cách một chính trị gia. Ông ta khiến tôi nhớ tới mấy cô gái bán hoa trên con phố 14, những người sẽ kể cho ta nghe một hay hai câu chuyện hài bậy khi cảnh sát bắt họ vì tội chèo kéo khách.

“Còn một vài việc khác cần trao đổi nữa,” Pittman nói, nhưng sau đó gạt đi ý tưởng về bất cứ sự can thiệp nào vào cuộc trao đổi có tính nghi thức này. “Nhưng để sau cũng được. Dùng cà phê và bánh ngọt đi đã.”

“Tôi nghĩ chúng ta nên trao đổi mọi việc ngay bây giờ,” tôi nói. Tôi hướng mắt sang phía Monroe. “Hãy bày nó lên bàn cùng với bánh ngọt luôn đi”.

Monroe lắc đầu. “Sao anh không làm khác với mọi khi, chậm lại một chút nhỉ?”

“Tôi sẽ không thể chạy đua vào cơ quan chính phủ, đúng không?” tôi đáp lời thị trưởng. “Không thể làm chính trị gia được.”

Monroe nhún vai, song vẫn tiếp tục cười. “Tôi không biết chuyện đó Alex ạ. Đôi khi một người sẽ thay đổi sang một phong cách hiệu quả hơn khi anh ta tích lũy thêm được kinh nghiệm. Hiểu được cách

nào hiệu quả, cách nào không. Chắc chắn đối đầu sẽ đem lại cảm giác thỏa mãn hơn. Nhưng không phải lúc nào cũng tốt cho đa số.”

“Chuyện này liên quan đến cái đó sao? Tốt cho đa số ấy? Đó có phải là chủ đề của bữa sáng hôm nay không?” Sampson hỏi mọi người.

“Tôi nghĩ thế. Phải, tôi tin là vậy.” Monroe gật đầu và cắn một miếng bánh ngọt.

Trưởng phòng Pittman rút cà phê vào một chiếc tách sứ đắt tiền, nó quá nhỏ và mảnh mai so với bàn tay của ông ta. Nó khiến tôi nghĩ tới những chiếc bánh sandwich nhỏ kẹp cải xoong. Bữa trưa của những người giàu có.

“Trong vụ bắt cóc này, chúng ta đang va chạm với FBI, Tòa án Tối cao, Sở Mật vụ. Chuyện đó chẳng tốt cho ai cả. Chúng tôi đã quyết định rút lui hoàn toàn. Một lần nữa rút các anh ra khỏi vụ này,” cuối cùng Pittman cất lời.

Đúng thế. Rốt cuộc thì điều phải đến cũng đã đến. Sự thật được phơi bày trong bữa sáng nho nhỏ kết hợp bàn công việc này.

Rất bất ngờ, mọi người trong văn phòng đều nói khê khàng. Chỉ có hai chúng tôi đang hét lên. Một nhóm tuyệt vời.

“Nhảm nhí,” Sampson hét thẳng vào mặt thị trưởng. “Và ông biết rõ nó nhảm nhí. Ông biết rõ, phải không?”

“Tôi đã bắt đầu các phiên làm việc với Soneji/Murphy,” tôi bảo Pittman, Monroe và cả đội trưởng Clouser. “Hôm qua tôi đã thôi miên hẳn. Mẹ kiếp, không. Đừng làm thế. Không phải lúc này.”

“Chúng tôi đều biết những tiến triển anh đã đạt được với Gary Soneji. Chúng tôi phải quyết định và chúng tôi đã quyết định.”

“Anh muốn biết sự thật hả Alex?” Tiếng Thị trưởng Carl Monroe chọt vang lên trong phòng. “Anh muốn nghe sự thật về chuyện này phải không?”

Tôi nhìn ông ta. “Lúc nào cũng thế.”

Monroe nhìn thẳng vào mắt tôi. “Văn phòng bộ trưởng Bộ Tư pháp đã gây áp lực rất lớn với rất nhiều người ở Washington. Một phiên tòa quy mô lớn sẽ *bắt đầu*, tôi tin là thế, trong vòng tối đa là sáu tuần nữa. Chuyến tàu tốc hành Phương Đông đã rời sân ga rồi Alex ạ. Anh không có chỗ trên đó. Tôi cũng không. Chuyện này đã vượt quá tầm của cả hai chúng ta. Soneji/Murphy có chỗ trên con tàu đó...”

“Bên khởi tố, tức *Bộ Tư pháp*, đã quyết định dừng những phiên làm việc của anh với Soneji/Murphy. Một nhóm chuyên gia tâm lý đã chính thức được chỉ định làm việc với hắn. Từ giờ trở đi công việc sẽ diễn ra theo cách thức đó. Tình hình là thế. Vụ việc này đã chuyển sang một giai đoạn mới, và sự tham gia của chúng ta không còn cần thiết nữa.”

Sampson và tôi rời khỏi bữa tiệc của chính mình. Sự tham gia của chúng tôi không còn cần thiết nữa.

CHƯƠNG 52

TUẦN TIẾP THEO, ngày nào tôi cũng đi làm về đúng giờ, khoảng từ sáu giờ đến sáu rưỡi. Không còn những tuần làm việc tới tám mươi hay một trăm giờ nữa. Damon và Janelle có lẽ chẳng thể vui hơn nếu tôi bị đuổi việc thẳng cổ.

Chúng tôi thuê phim Walt Disney và *Ninja Rùa*, nghe bộ ba đĩa *Billie Holiday: The Legacy 1933-1958*, rồi cùng lăn ra ngủ trên ghế xô pha. Đại loại là toàn những những trò vui thú.

Một buổi chiều, tôi cùng lũ trẻ ghé thăm mộ của Maria. Cả Jannie lẫn Damon đều chưa thể vượt qua được nỗi đau mất mẹ. Trên đường rời khỏi nghĩa trang, tôi dừng lại trước một ngôi mộ khác, nơi yên nghỉ cuối cùng của Mustaf Sanders. Tôi như thể thấy được đôi mắt nhỏ buồn bã của thằng bé đang nhìn mình chăm chăm. Đôi mắt như đang muốn hỏi tôi, *Tại sao?* Vẫn chưa có câu trả lời, Mustaf ạ. Nhưng tôi không chịu bỏ cuộc đâu.

Vào một ngày thứ Bảy gần cuối mùa hè, Sampson và tôi làm một chuyến xe dài tới Princeton, New Jersey. Người ta vẫn chưa tìm thấy Maggie Rose Dunne. Cả món tiền chuộc mười triệu đô la cũng thế. Chúng tôi rà soát lại mọi thứ bằng quỹ thời gian cá nhân, không liên quan gì tới công việc chung.

Chúng tôi đã nói chuyện với vài người hàng xóm của Murphy. Cả gia đình Murphy đã bỏ mạng trong một vụ hỏa hoạn, nhưng chẳng ai may may nghi ngờ hẳn. Theo những gì tất thấy những người ở quanh Princeton biết, Gary Murphy là một học sinh mẫu mực. Hẳn tốt nghiệp trường trung học của địa phương với thành tích cao thứ tư trong lớp, mặc dù dường như chẳng bao giờ hẳn học hay ganh đua với ai. Hẳn

cũng chưa từng vướng phải rắc rối nào, chí ít là theo những gì mà hàng xóm của hắn ở Princeton biết. Người thanh niên mà họ miêu tả rất giống với gã Gary Murphy mà tôi từng gặp riêng ở Nhà tù Lorton.

Mọi người đều đồng tình như thế, ngoại trừ một người bạn thuở ấu thơ đang sống độc thân của Gary mà phải khó khăn lắm chúng tôi mới tìm được. Người bạn đó là Simon Conklin, một người bán rau quả tại một trong những chợ nông sản trong vùng. Anh ta sống một mình, cách làng Princeton khoảng hai mươi tư cây số. Lý do khiến chúng tôi đi tìm anh ta là vì vợ Murphy có nhắc tới Conklin khi nói chuyện với tôi. FBI đã phỏng vấn anh ta, nhưng không thu được nhiều so với những nỗ lực mà họ bỏ ra.

Thoạt đầu Simon Conklin từ chối nói chuyện với chúng tôi, hay với bất cứ cảnh sát nào. Nhưng khi chúng tôi dọa sẽ lôi anh ta đến tận Washington thì rốt cuộc anh ta cũng chịu mở lời đôi chút.

“Gary luôn xỏ mũi mọi người,” Conklin nói khi chúng tôi ngồi ở căn phòng khách luộm thuộm trong ngôi nhà nhỏ của anh ta. Anh ta là một người đàn ông cao lớn và lười thôi. Trông anh ta có vẻ mệt mỏi và quần áo thì hoàn toàn không phù hợp. Dù vậy anh ta rất thông minh. Conklin từng là học sinh được nhận học bổng tài năng National Merit, cũng giống như bạn anh ta, Gary Murphy. “Gary bảo những thiên tài thường hay xỏ mũi mọi người. NHỮNG THIÊN TÀI viết hoa, các anh hiểu chứ. Gary đã nói thế đấy!”

“Ý anh ta là gì, ‘những thiên tài’ ấy?” tôi hỏi Conklin. Tôi nghĩ tôi có thể duy trì cuộc nói chuyện với bạn cũ của Gary miễn là tôi “vuốt ve” được cái tôi của anh ta. Tôi có thể khai thác được những điều mình cần từ Conklin.

“Cậu ta gọi họ là những người vượt trội so với 99% còn lại,” Conklin tiết lộ. “Một loại *đỉnh của đỉnh*. Giỏi nhất trong những người giỏi nhất. Những nhà vô địch, anh bạn ạ.”

“Giỏi nhất về cái gì chứ?” Sampson muốn biết. Tôi đoán là cậu ta không thích Simon Conklin. Biểu hiện của cậu ta có vẻ như hơi gồng

lên. Nhưng đến lúc này cậu ta vẫn đang đóng tròn vai người biết lắng nghe.

“Giỏi nhất trong số những kẻ tâm thần *thực sự*” Conklin nói, rồi anh ta mỉm cười tự mãn. “Những kẻ vẫn luôn ở ngoài kia nhưng sẽ chẳng bao giờ bị bắt. Những kẻ quá thông minh nên không thể bị bắt. Họ xem thường những người khác. Họ không thể hiện chút hối tiếc, thương xót nào. Họ hoàn toàn làm chủ vận mệnh của mình.”

“Gary Murphy là một trong số đó?” tôi hỏi. Tôi biết lúc này anh ta đang muốn nói. Không chỉ về Gary mà còn về chính mình. Tôi có cảm giác Conklin cũng tự coi mình là một trong số những người vượt trội so với 99% còn lại.

“Không. Theo như Gary thì không phải thế.” Conklin lắc đầu và vẫn giữ nụ cười nửa miệng bất an. “Theo Gary, cậu ta còn thông minh hơn rất nhiều so với đám người vượt trội 99% còn lại đó. Cậu ta luôn tin mình là một kỳ nhân. Một kỳ nhân. Cậu ta tự gọi mình là một ‘quái kiệt’!”

Simon Conklin kể cho chúng tôi nghe chuyện anh ta và Gary đã sống trên cùng một con đường nông thôn ngoại ô cách thành phố chừng mười cây số. Họ đã cùng nhau bắt xe buýt tới trường. Họ đã làm bạn với nhau từ thuở lên chín lên mười. Con đường đó chính là đường dẫn tới căn nhà trong nông trại của gia đình Lindbergh ở HopeWell.

Simon Conklin cũng nói với chúng tôi rằng Gary Murphy chắc hẳn đã trả thù gia đình hãn bằng vụ hỏa hoạn. Anh ta biết tất cả về những gì Gary phải chịu đựng vì bị lạm dụng tình dục lúc nhỏ. Conklin không thể chứng minh điều đó song anh ta biết chính Gary là kẻ đã châm mồi lửa đốt căn nhà của gia đình hãn.

“Tôi sẽ kể cho các anh tại sao tôi biết được kế hoạch của cậu ta. Cậu ta kể cho tôi - khi chúng tôi mới mười hai tuổi. Gary nói cậu ta sẽ khử họ vào sinh nhật thứ hai mươi một của mình. Gary bảo sẽ thực hiện việc ấy như thế lúc đó cậu ta đang ở trường. Để cậu ta sẽ không

bao giờ bị nghi ngờ. Và đó là những gì cậu ta đã làm phải không? Cậu ta đã chờ đợi suốt chín năm. Cậu ta đã lên một kế hoạch chín năm cho việc đó.”

Chúng tôi đã nói chuyện với Simon Conklin suốt ba tiếng đồng hồ trong ngày hôm đó, rồi thêm năm tiếng nữa vào ngày hôm sau. Anh ta đã kể một loạt những câu chuyện thật buồn và khủng khiếp. Mỗi lần Gary bị nhốt trong căn hầm của gia đình Murphy thường kéo dài nhiều ngày hoặc nhiều tuần. Những kế hoạch đầy ám ảnh của Gary: *những kế hoạch mười năm, mười lăm năm, những kế hoạch cả đời*. Cuộc chiến thầm lặng của Gary với những sinh vật nhỏ bé, nhất là với những chú chim xinh xắn bay vào khu vườn của bà mẹ kế. Cách hấn bẻ một chân của con chim cổ đỏ, rồi tới một cánh, rồi tiếp cái chân còn lại, cho tới tận khi nó chết. Tầm nhìn của Gary để đưa bản thân tiến lên trong số những người vượt trội 99% còn lại, tiến thẳng tới đỉnh cao nhất. Và cuối cùng là khả năng bắt chước, diễn kịch và đóng các vai khác nhau của hắn.

Tôi cũng sẽ muốn biết những chuyện đó nếu vẫn được gặp Gary Murphy ở Nhà tù Lorton. Tôi đã định có vài buổi làm việc với Gary, vờn quanh với những bóng ma xưa cũ ở Princeton của hắn. Trò chuyện với Gary về người bạn Simon Conklin của hắn.

Nhưng thực không may, giờ đây tôi đã bị loại khỏi vụ điều tra. Vụ bắt cóc đã bị đẩy ra xa khỏi tầm với của tôi, Sampson và cả Simon Conklin nữa.

Tôi chuyển cho FBI những manh mối mà chúng tôi thu thập được ở Princeton. Tôi viết một bản báo cáo dài mười hai trang về Simon Conklin. Cục chẳng bao giờ điều tra theo hướng bản báo cáo đó. Tôi viết tiếp bản báo cáo thứ hai và gửi bản sao tới mọi người trong đội điều tra ban đầu. Trong báo cáo của tôi có những điều Simon Conklin đã nói về người bạn thuở thiếu thời của anh ta, Gary Murphy. “Gary luôn nói rằng mình sẽ làm *những điều quan trọng*.”

Không một điều gì xảy ra cả. FBI cũng không phỏng vấn lại Simon Conklin. Họ không muốn khai thác những manh mối mới. Họ muốn vụ bắt cóc Maggie Rose Dunne được khép lại.

CHƯƠNG 53

CUỐI THÁNG CHÍN, Jezzie Flanagan cùng tôi đi nghỉ ở vùng đảo. Chúng tôi trốn biệt bằng một dịp nghỉ cuối tuần dài. Chỉ có hai người. Đó là ý tưởng của Jezzie. Tôi nghĩ đó là một ý tưởng hay. Nghỉ ngơi, thư giãn. Chúng tôi tò mò. E sợ. Háo hức với bốn ngày liên tục ở bên nhau. Có thể chúng tôi sẽ không thể chịu được nhau lâu đến thế. Vì vậy chúng tôi cần phải thử xem.

Trên phố Front ở Virgin Gorda, hầu như chẳng có cái đầu nào ngoảnh lại nhìn chúng tôi. Đó là sự thay đổi tuyệt vời, khác hẳn so với Washington D.C., nơi người ta thường nhìn người khác chăm chặt.

Một thiếu nữ da đen mười bảy tuổi dạy chúng tôi lặn biển dùng ống thở và bình khí. Chúng tôi cưỡi ngựa dọc theo bờ biển trải dài liên tục năm cây số. Chúng tôi lái một chiếc Range Rover vào khu rừng nhiệt đới và bị lạc trong rừng mất nửa ngày. Trải nghiệm khó quên nhất là chuyến thăm đến một nơi không ngờ tới mà chúng tôi đặt cho nó cái tên là Đảo Thiên Đường của Jezzie và Alex. Đó là một điểm đến mà khách sạn tìm cho chúng tôi. Họ thả chúng tôi xuống một chiếc thuyền và để chúng tôi lại đó với nhau.

“Đây quả là nơi thú vị nhất em từng đến trong đời,” Jezzie nói. “Hãy nhìn nước và cát này. Những mòm đá nhô ra và vĩa đá ngầm đẳng kia nữa.”

“Đây không phải là phố số 5. Nhưng được đấy.” Tôi mỉm cười và nhìn quanh. Tôi xoay người vài vòng bên mép nước.

Hòn đảo riêng tư của chúng tôi gần như chỉ là một dải cát trắng mịn nằm ngay dưới chân. Sâu bên trong bờ biển là khu rừng nhiệt đới um tùm xanh biếc chúng tôi chưa từng thấy bao giờ. Điểm xuyết trên

đó là những bông hồng trắng và hoa giấy. Nước biển màu xanh ngọc ngoài kia trong như nước suối.

Nhà bếp của khách sạn đã đóng gói sẵn bữa trưa - rượu vang ngon, pho mát lạ miệng, tôm hùm, thịt cua và xa lát trộn nhiều loại. Không có bất cứ ai khác trong tầm mắt. Chúng tôi làm những điều thật tự nhiên, cởi bỏ quần áo. Không xấu hổ. Không có những điều cấm kỵ. Thiên đường này chỉ có hai chúng tôi thôi mà?

Tôi chợt phá lên cười lớn khi nằm trên bãi biển với Jezzie. Đó là một điều khác mà tôi đang làm nhiều hơn so với một thời gian dài, rất dài - mỉm cười, cảm thấy thanh thản với những thứ xung quanh mình. *Có cảm xúc*, chấm hết. Tôi biết ơn vô cùng cảm giác ấy. Ba năm rưỡi để tang thực sự quá dài.

“Em có biết rằng thực sự em đẹp thế nào không?” tôi hỏi Jezzie khi chúng tôi nằm cạnh nhau.

“Em không biết anh có nhận ra không, nhưng em có mang theo hộp phấn sáp trong ví. Một cái gương nhỏ.”

Cô nhìn vào mắt tôi. Cô đang dò tìm cái gì đó ở chúng mà tôi sẽ chẳng bao giờ hiểu. “Thực sự là kể từ ngày làm ở Sở Mật vụ, em đã cố tránh tỏ ra hấp dẫn. Sự hấp dẫn khiến mọi thứ trở nên rối ren ở một Washington do đám đàn ông kiểm soát.”

Jezzie nháy mắt với tôi. “Anh có lúc quá nghiêm túc Alex ạ. Nhưng anh cũng thật vui tính. Em cá là chỉ các con anh mới thấy được nét tính cách này của anh. Damon và Jannie hiểu anh. *Ừ ờa*.” Cô cù tôi.

“Đừng chuyển đề tài sang anh chứ. Bọn mình đang nói về em mà.”

“Anh mới đang nói về em ấy chứ. Đôi khi em muốn mình xinh đẹp, nhưng nói chung, chủ yếu em chỉ muốn là một người phụ nữ bình thường. Đeo lô cuốn tóc màu hồng đi ngủ và xem những bộ phim ngày xưa.”

“Em đã xinh đẹp suốt kỳ nghỉ cuối tuần đó thôi. Không cần lô cuốn tóc màu hồng. Trên tóc có dây nơ và hoa tươi. Những bộ đồ tắm không dây. Đôi khi, không cần đồ tắm nữa.”

“Ngay lúc này em muốn mình xinh đẹp. Ở Washington, mọi chuyện lại khác. Đó sẽ là một vấn đề nữa phải giải quyết. Hãy hình dung cảnh tới gặp sếp. Bản báo cáo quan trọng anh đã đổ công sức thực hiện suốt nhiều tháng trời. Câu đầu tiên ông ta nói là, ‘Em mặc váy trông ngon lành quá, bé ạ’. Anh sẽ chỉ muốn nói, ‘Tiên sư đồ khốn nạn’ ”

Chúng tôi nắm lấy tay nhau. “Cảm ơn em vì em trông thế này,” tôi nói. “Em thật xinh đẹp.”

“Em làm thế là vì anh.” Jezzie mỉm cười. “Và em muốn làm một việc khác cho anh. Em cũng muốn anh làm điều gì đó *cho em*.”

Và thế là hai chúng tôi cùng thực hiện việc ấy.

Cho tới giờ, Jezzie và tôi vẫn chưa thấy chán nhau. Thậm chí điều hoàn toàn ngược lại đang diễn ra ở thiên đường này.

Đêm đó, chúng tôi ngồi ở một quán hải sản tươi sống ngoài trời trong thị trấn. Chúng tôi quan sát thế giới thanh thoi của hòn đảo trôi qua, và tự hỏi tại sao chúng tôi không vứt bỏ tất cả để trở thành một phần của thế giới này. Chúng tôi ăn tôm và hào rồi trò chuyện suốt nhiều giờ liền. Chúng tôi bộc bạch nỗi lòng với nhau, nhất là Jezzie.

“Em luôn là một người dễ bị cuốn theo mọi chuyện, Alex ạ,” Jezzie nói với tôi. “Em không chỉ nói về vụ bắt cóc này cùng việc lao đầu vào từng manh mối, từng cuộc tìm kiếm vô ích thôi đâu. Từ khi em có thể nhớ được thì em đã như thế rồi. Cứ khi nào bắt đầu chạy theo một ý tưởng là em lại không thể dừng được.”

Tôi không nói gì. Tôi muốn nghe cô nói. Tôi muốn biết tất cả những gì có thể.

Jezzie nâng cốc. “Em đang ngồi đây với cốc bia trong tay, vậy đó. Phải, cả bố lẫn mẹ em đều là những người nghiện rượu. Họ đã trở nên bất bình thường trước khi việc đó trở thành một. Chẳng ai bên ngoài

nhà em biết mọi chuyện tồi tệ thế nào. Họ thường xuyên la hét đánh chửi nhau. Bố em thường xuyên say xỉn. Ngủ ngay trên ‘chiếc ghế của ông’. Còn mẹ sẽ thức suốt nửa đêm bên chiếc bàn trong phòng khách. Bà yêu rượu Jameson của bà. Bà sẽ bảo, ‘Lấy cho mẹ một ly Jameson nữa đi, Zezzie bé nhỏ’. Em chính là cô bồi bàn bé nhỏ của cả hai người. Đó là cách em kiếm được tiền tiêu vặt cho đến tận năm mười một tuổi.”

Jezzie ngừng nói và nhìn vào mắt tôi. Tôi chưa bao giờ thấy cô mong manh, dễ tổn thương và hoang mang về bản thân như vậy. Lúc nào cô cũng thể hiện vẻ tự tin của mình. Điều đó làm nên danh tiếng của cô tại Sở Mật vụ. “Anh có muốn mình đi bây giờ không? Có muốn em bớt căng thẳng không?”

Tôi lắc đầu. “Không, Jezzie. Anh muốn nghe bất cứ điều gì em thấy mình cần phải nói. Anh muốn hiểu tất cả về em.”

“Chúng mình vẫn đang đi nghỉ phải không?”

“Phải, và anh thực sự muốn nghe chuyện này. Chỉ cần nói cho anh nghe. Hãy tin anh. Nếu anh thấy nhàm chán, anh sẽ đứng dậy và bỏ em ở lại với hóa đơn đồ uống.”

Jezzie mỉm cười và tiếp tục. “Em yêu cả bố lẫn mẹ theo một cách lạ lùng. Em tin rằng họ cũng yêu em. ‘Jezzie bé nhỏ’ của họ. Em từng bảo anh rằng em không muốn làm một kẻ thông minh nhưng thất bại trong cuộc sống, như bố mẹ mình.”

“Có lẽ em đã nói giảm nói tránh một chút.” Tôi cười.

“Vâng. Mà dù sao đi nữa, khi gia nhập Sở Mật vụ em cũng đã làm ngày làm đêm và suốt cả những ngày cuối tuần. Em đã đặt ra những mục tiêu không tưởng cho chính mình - trở thành giám sát viên năm hai mươi tám tuổi - và em đạt được. Đó là một phần trong số những gì đã xảy ra với chồng em. Em đã đặt công việc lên trên cả cuộc hôn nhân của mình. Anh muốn biết tại sao em bắt đầu lái xe mô tô không?”

“Có chứ. Và cũng muốn biết tại sao em bắt anh ngồi xe mô tô của em.”

“Vâng, là thế này,” Jezzie nói, “em không bao giờ có thể ngừng công việc lại được. Không thể đẹp nó lại kể cả khi em đã trở về nhà vào buổi tối. Cho tới lúc em leo lên chiếc mô tô. Khi anh đang chạy với tốc độ gần hai trăm ki lô mét một giờ, anh buộc phải tập trung vào con đường. Mọi thứ khác đều biến mất. Công việc rồi cuộc cũng bị xua đi.”

“Đó cũng là một phần lý do vì sao anh chơi piano,” tôi nói với cô. “Anh rất tiếc khi nghe chuyện bố mẹ em, Jezzie ạ.”

“Em thấy vui vì cuối cùng em cũng kể được cho anh nghe về họ,” Jezzie nói. “Trước anh, em chưa từng nói với bất cứ ai. Chưa có ai biết toàn bộ câu chuyện.”

Jezzie và tôi ôm lấy nhau trong quán hải sản nhỏ bé của đảo. Tôi chưa bao giờ cảm thấy gần gũi cô như lúc này. Jezzie bé nhỏ ngọt ngào. Trong tất cả những lần được bên nhau, đây là khoảnh khắc tôi sẽ chẳng bao giờ quên. Chuyển đi của chúng tôi tới thiên đường.

Rất đột ngột, và rất mau chóng, kỳ nghỉ kết hợp với công việc của chúng tôi kết thúc.

Chúng tôi cùng bắt một chuyến bay của hãng hàng không American Airlines trở lại Washington, trở lại với tiết trời mưa gió, ảm đạm theo như dự báo thời tiết. Trở lại với công việc.

Chúng tôi ngồi hơi xa nhau một chút trên máy bay. Chúng tôi hay nói đồng thanh, rồi phải chơi trò “anh/em nói trước đi”. Lần đầu tiên trong suốt kỳ nghỉ, chúng tôi nói chuyện công việc, thứ chuyện nghĩ đến mà sợ.

“Anh có nghĩ hẳn ta là người đa nhân cách không Alex? Hẳn ta có biết chuyện gì đã xảy ra với Maggie Rose không? Soneji biết. Murphy có biết không?”

“Ở một chừng mực nào đó, hẳn biết. Tên này thật đáng sợ vì có một lần hẳn nói về Soneji. Bất kể việc Soneji là một nhân cách riêng rẽ hay chính là bản chất của hẳn, thì hẳn vẫn rất đáng sợ. *Soneji* biết rõ chuyện gì đã xảy ra với Maggie Rose.”

“Quá tệ là giờ chúng ta sẽ không bao giờ biết được. Dù sao thì có vẻ mọi thứ đang theo hướng đó.”

“Phải. Vì anh đã nghĩ anh có thể moi ra được điều đó ở hẳn. Vấn đề chỉ là cần thêm chút thời gian thôi.”

Sân bay quốc gia ở D.C. là một thảm họa tự nhiên mà vài ngàn người chúng tôi đang phải cùng nhau gánh chịu. Dòng xe cộ gần như bò đi được từng chút một. Một hàng dài taxi ùn ứ quanh khu vực ga. Mọi người trông ướt sũng.

Cả Jezzie và tôi đều không có áo mưa và chúng tôi cũng đang ướt như chuột lột. Cuộc sống bỗng nhiên trở nên phiền muộn, và trở lại cái vẻ không thể chân thực hơn của mình. Cuộc điều tra đang dở ở D.C. Phiên tòa sắp diễn ra. Có lẽ tôi đã có thư nhắn của Trưởng phòng Pittman trên bàn làm việc rồi.

“Chúng mình hãy trở về. Hãy quay lại.” Jezzie nắm tay tôi và kéo tôi sát lại, ngay trước hành lang cửa kính dẫn tới khu vực của hãng hàng không Delta Shuttle.

Hơi ẩm và mùi cơ thể quen thuộc của cô vẫn thật tuyệt vời. Những dư vị của bơ ca cao và hương lô hội vẫn còn phảng phất.

Mọi người quay lại chăm chú nhìn chúng tôi khi họ đi ngang qua. Họ nhìn. Họ đánh giá. Gần như ai đi qua cũng nhìn chúng tôi.

“Chúng ta rời khỏi đây thôi,” tôi nói.

CHƯƠNG 54

BÙM. LÚC HAI RỪOI CHIỀU THỨ BA (tôi trở lại Washington lúc mười một giờ trưa), tôi nhận được điện thoại của Sampson. Cậu ta muốn gặp tôi ở nhà của gia đình Sanders. Sampson nghĩ chúng tôi đã tìm ra mối liên hệ giữa vụ bắt cóc và những vụ giết người ở khu nhà giá rẻ. Cậu ta sôi nổi thấy rõ trước những tin tức có được. Nỗ lực đã đem lại thành quả cho chúng tôi với một trong những manh mối đầu tiên.

Tôi đã không trở lại hiện trường vụ án nhà Sanders trong nhiều tháng nhưng nó vẫn buồn thảm y như cũ. Nhìn từ bên ngoài, các ô cửa sổ tối đen. Tôi tự hỏi không biết sau này liệu ngôi nhà có bán được, hoặc thậm chí là có cho thuê lại được không.

Tôi ngồi trong xe đỗ trên lối dẫn vào ngôi nhà của gia đình Sanders và đọc lướt qua báo cáo gốc của các thanh tra. Chẳng có gì trong các báo cáo mà tôi không biết hoặc chưa từng xem qua cả chục lần.

Tôi chăm chú nhìn ngôi nhà. Lớp chắn nắng màu vàng đã được kéo xuống nên tôi không thể thấy gì bên trong. Sampson đâu nhỉ, cậu ta muốn tôi ở đây làm gì chứ?

Cậu ta đột ngột xuất hiện cạnh tôi lúc ba giờ. Cậu ta chui ra khỏi chiếc Nissan xập xệ và ngồi vào ghế trước chiếc Porsche của tôi.

“Ồ, trông cậu bây giờ rám nắng rồi. Bóng sáng đấy.”

“Còn cậu thì vẫn to béo và xấu xí. Chẳng thay đổi gì cả. Cậu có gì ở đây thế?”

“Công việc của cảnh sát ở mức hiệu quả cao nhất,” Sampson nói. Cậu ta châm một điếu Corona. “Tiện đây phải nói rằng, cậu đã đúng khi tiếp tục bám theo vụ này.”

Bên ngoài xe, gió thổi mạnh và có mưa nặng hạt. Đã có vài cơn bão quét qua vùng Kentucky và Ohio. Thời tiết trở nên kỳ dị trong suốt kỳ nghỉ cuối tuần khi chúng tôi không ở đây.

“Cậu có lặn, chèo thuyền buồm và mặc đồ trắng chơi tennis không thế?” Sampson hỏi tôi.

“Bọn tớ không có thời gian cho những việc kiểu đó. Bọn tớ đã làm rất nhiều việc để gắn kết về mặt tinh thần, những việc mà cậu chẳng hiểu được đâu.”

“Ái chà.” Sampson nói như một cô bạn gái da đen, cậu ta nhập vai rất giỏi. “Anh thích nói những chuyện rác rưởi, em không thích sao em gái?”

“Chúng ta vào trong nhà chứ?” tôi hỏi Sampson.

Những cảnh tượng được chọn lựa từ quá khứ đã lóe qua đầu tôi trong vài phút, chẳng có cảnh nào là vui vẻ. Tôi vẫn nhớ gương mặt của cô con gái mười bốn tuổi nhà Sanders. Và thằng bé ba tuổi Mustaf. Tôi nhớ chúng từng là những đứa trẻ thật xinh xắn. Tôi cũng nhớ rằng đã chẳng có ai quan tâm khi chúng chết đi ở khu Đông Nam này.

“Sự thực là, chúng mình ở đây là để ghé thăm những người hàng xóm bên cạnh,” rốt cuộc Sampson nói. “Chúng mình vào việc thôi. Có chuyện gì đó xảy ra ở đây mà tớ vẫn chưa hiểu. Dù vậy, điều đó vẫn rất quan trọng, Alex ạ. Tớ cần cái đầu của cậu trong việc này.”

Chúng tôi ghé thăm những người hàng xóm kề bên của gia đình Sanders, gia đình Cerisier. Điều đó *thực sự* quan trọng. Nó thu hút toàn bộ sự chú ý của tôi, ngay lập tức.

Tôi đã biết Nina Cerisier là bạn thân nhất của Suzette Sanders từ khi họ còn là những cô bé. Hai gia đình đã sống cạnh nhau từ năm

1979. Nina cũng giống như cha và mẹ của cô, vẫn chưa hết lo sợ vì vụ giết người. Nếu có đủ tiền, chắc hẳn họ đã chuyển đi.

Bà Cerisier mời chúng tôi vào rồi gọi với lên cho cô con gái Nina ở trên gác. Chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn bếp nhà Cerisier. Bức tranh Magic Johnson đang mỉm cười được treo trên tường. Mùi thuốc lá và mùi mỡ thịt lợn muối phảng phất trong không khí.

Nina Cerisier trông rất lạnh lùng và xa cách khi xuất hiện trong bếp. Đây là một cô bé ưa nhìn, khoảng chừng mười lăm, mười sáu tuổi. Tôi có thể thấy là cô bé không muốn có mặt ở đó.

“Tuần trước,” Sampson nói với riêng tôi, “Nina đã chủ động tới nói với một người trợ giảng ở khu Đông Nam rằng rất có thể cô bé đã trông thấy tên giết người vài đêm trước khi xảy ra vụ án. Cô bé rất sợ phải nói về chuyện đó.”

“Tớ hiểu,” tôi nói. Gần như không thể khiến các nhân chứng nói chuyện với cảnh sát ở các vùng như Condon hay Langley, hoặc bất cứ khu vực dân cư nào của người da đen ở D.C.

“Cháu đã thấy hấn ta bị bắt,” Nina nói với vẻ cởi mở. Đôi mắt màu gỉ sắt xinh đẹp trên gương mặt nhợt nhạt của cô bé chăm chú nhìn tôi. “Cháu đã không còn sợ như trước nữa. Nhưng cháu vẫn còn hơi sợ.”

“Cháu đã nhận ra hấn như thế nào?” tôi hỏi Nina.

“Thấy hấn trên truyền hình. Hấn đã gây ra một vụ bắt cóc khủng khiếp nữa,” cô bé đáp. “Trên truyền hình tràn ngập hình ảnh hấn.”

“Cô bé nhận ra Gary Murphy,” tôi bảo Sampson.

Điều đó có nghĩa cô bé đã gặp hấn khi hấn không hóa trang thành tay giáo viên trung học.

“Cháu có chắc đó chính là người đàn ông trên ti vi không?” Sampson hỏi Nina.

“Vâng. Hấn quan sát ngôi nhà cô bạn Suzette của cháu. Cháu nghĩ việc đó thật kỳ lạ. Không có nhiều người da trắng ở quanh đây.”

“Cháu nhìn thấy hắn vào ban ngày hay ban đêm?” tôi hỏi cô bé.

“Buổi đêm. Nhưng cháu biết đó là hắn. Đèn trên hiên nhà Sanders luôn sáng. Bà Sanders sợ mọi thứ, sợ mọi người. Poo sợ bị nhát ma. Đó là những gì mà Suzette và cháu vẫn thường nói về bà ấy.”

Tôi xoay qua Sampson. “Hãy đặt hắn vào hiện trường vụ án.” Sampson gật đầu và nhìn lại Nina. Cái miệng hơi trễ ra của cô bé mở hình chữ “o” nho nhỏ. Hai tay cô bé liên tục vặn xoắn bím tóc.

“Cháu có thể nói với thanh tra Cross về những điều khác cháu thấy không?” Sampson hỏi.

“Có một người đàn ông da trắng khác đi cùng với hắn,” Nina Cerisier nói. “Người này ngồi trong ô tô của hắn trong khi người kia quan sát nhà của Suzette. Lúc nào người đàn ông da trắng này cũng có mặt. Hai người.”

Sampson xoay chiếc ghế trong phòng ăn đối diện với tôi. “Họ đang bận rộn với việc đưa hắn ra tòa,” cậu ta nói. “Họ không biết chuyện thực sự đang xảy ra đâu. Dù sao thì họ cũng sẽ kết thúc chuyện đó. Vui chôn nó. Có lẽ chúng ta đã có câu trả lời rồi Alex ạ.”

“Cho tới giờ, chỉ có chúng ta biết được vài câu trả lời,” tôi đáp.

Sampson và tôi rời nhà Cerisier và về thành phố bằng xe riêng của mỗi người. Đầu óc tôi lướt qua tất cả mọi chuyện chúng tôi biết được tới giờ, một vài kịch bản có thể xảy ra được chọn lựa từ hàng ngàn khả năng. Công việc của cảnh sát. Từng chút từng chút một.

Tôi lại nghĩ về Bruno Hauptmann và vụ bắt cóc con trai nhà Lindbergh. Sau khi bị bắt, hoặc cũng có thể là bị đưa vào tròng, Bruno Hauptmann cũng đã bị đưa ra trước vành móng ngựa một cách vội vã. Hauptmann đã bị kết án, có thể do nhầm lẫn.

Gary Soneji/Murphy đã biết tất cả chuyện đó. Liệu tất cả có phải là một trong những kế hoạch phức tạp của hắn không? Một kế hoạch mười hay mười hai năm? Người đàn ông da trắng kia là ai? Là viên phi công dưới Florida chăng? Hay một người nào đó như Simon Conklin, một người bạn ở Princeton của Gary?

Có thể hẳn đã có *một tòng phạm* ngay từ đầu rồi chẳng?

Khuya hôm đó, tôi ở bên Jezzie. Cô một mực đòi tôi nghỉ làm lúc tám giờ. Trong hơn một tháng, cô đã có được những tấm vé cho trận bóng chày của đội Georgetown mà tôi cực kỳ thích xem. Trên đường tới nơi thi đấu, chúng tôi đã làm một điều hiếm thấy: không nói về điều gì khác ngoài công việc. Tôi thả quả bom mới nhất, “giả thuyết tòng phạm,” xuống đầu Jezzie.

“Em không hiểu một khía cạnh thú vị trong toàn bộ chuyện này,” Jezzie nói sau khi nghe tôi kể câu chuyện về Nina Cerisier. Cô vẫn rất quan tâm tới vụ bắt cóc, không kém gì tôi. Dù phần nào đó bớt sôi nổi hơn nhưng tôi biết là cô vẫn rất quan tâm.

“Hãy hỏi chương trình *Ask the Shell Answer Man**. Anh hiểu là mọi chuyện thú vị. Thú vị kinh khủng.”

“Được rồi. Cô bé này là bạn của Suzette Sanders, phải không nào? Cô bé rất gần gũi với gia đình nạn nhân. Nhưng, cô bé lại không lên tiếng. Bởi lẽ mối quan hệ với cảnh sát ở khu vực đó vốn rất tệ phải không? Em không biết mình có thể tin được chuyện này hay không. Rồi bất thành linh, lúc này, cô bé lại trình diện và khai báo.”

“Anh thì tin,” tôi nói với Jezzie. “Với rất nhiều người dân ở các khu vực này, cảnh sát thành phố cũng giống như thuốc chuột vậy. Anh sống ở đó, họ biết anh, thế mà anh chỉ được chấp nhận một phần thôi đấy.”

“Nhưng mọi chuyện vẫn rất lạ lùng với em, Alex ạ. Nó quá kỳ quặc. Những cô bé này được xem là bạn bè của nhau cơ mà.”

“Hẳn là lạ rồi. Tổ chức Giải phóng Palestine còn chịu nói chuyện với quân đội Israel trước khi một số người ở khu Đông Nam nói chuyện với cảnh sát đấy.”

“Vậy bây giờ anh nghĩ sao về những điều cô bé nhà Cerisier nói và phát hiện của cô bé. Anh lý giải như thế nào về chuyện...*tòng phạm*

này?”

“Nó vẫn chưa thật rõ ràng với anh,” tôi thừa nhận. “Dù chuyện đồng phạm ấy hoàn toàn khớp với mọi diễn biến đã xảy ra tính tới thời điểm này. Anh tin là cô bé nhà Cerisier đã nhìn thấy ai đó. Nhưng câu hỏi là, con bé đã thấy ai?”

“Đúng vậy, em phải nói rằng, Alex ạ, manh mối này quá mơ hồ. Em hy vọng anh không trở thành Jim Garrison* trong vụ bắt cóc này.”

Ngay trước tám giờ, chúng tôi tới sân Trung tâm Thủ đô ở Landover, Maryland. Đội Georgetown đang đấu với đội St. John’s đến từ New York. Jezzie có những tấm vé ưu tiên. Điều đó chứng tỏ cô quen biết hết mọi người trong thành phố. Tham dự buổi lễ nhậm chức tổng thống còn dễ hơn việc được có mặt trong một số trận đấu lớn của đại hội thể thao Big East.

Chúng tôi nắm tay nhau khi rời bước qua bãi đỗ xe hướng về phía sân Trung tâm Thủ đô rực rỡ. Tôi thích đội bóng rổ Georgetown và ngưỡng mộ huấn luyện viên của họ, một người da đen tên là John Thompson. Mỗi mùa bóng, Sampson và tôi thường xem hai đến ba trận đấu sân nhà của đội.

“Em rất thích xem Quái vật miền Đông,” Jezzie dùng một vài từ chuyên môn của dân chơi bóng rổ và nháy mắt khi chúng tôi tiến gần tới sân vận động.

“Đấu với Hoyas,” tôi bảo cô.

“Hoyas chính là Quái vật miền Đông.” Cô thổi kẹo cao su kêu bốp một cái và chế giễu tôi. “Đừng có mà qua mặt em thế chứ.”

“Em đúng là cái gì cũng biết.” Tôi nhe răng cười. Cô cũng cười. Thật khó để đưa ra một đề tài nào đó mà Jezzie chưa từng đọc, hay trải qua. “Vậy biệt danh của đội St. John’s là gì?”

“Là St. John’s Redmen. Chris Mullin cũng xuất thân từ đây. Người ta cũng gọi họ là Những Chàng Trai Áo Ngắn nữa. Bây giờ thì

ngược lại, Chris Mullin chơi cho đội chuyên nghiệp Golden State. Đội đó được gọi là Những Chiến Binh.”

Cả hai chúng tôi cùng ngưng nói một lúc. Những gì tôi định nói bỗng tắc lại trong họng.

“Ê... ê, thằng người tình mọi kia!” Kẻ nào đó la toáng lên trên bãi đỗ xe. “Ê này, muối và tiêu*.”

Jezzie siết chặt tay tôi.

“Alex? Anh bình tĩnh nhé. Cứ đi tiếp thôi,” Jezzie nói với tôi.

“Anh vẫn ở đây mà,” tôi nói với cô. “Anh vẫn bình tĩnh mà.”

“Mặc kệ nó đi anh. Cứ đi vào sân với em đi. Chúng chỉ là mấy thằng khốn nạn - không đáng để mình phản ứng.”

Tôi buông tay Jezzie. Tôi đi về hướng ba gã thanh niên đang đứng phía sau chiếc xe hơi dẫn động bốn bánh màu xanh bạc. Chúng không phải sinh viên trường Georgetown, cũng không phải sinh viên trường St. John’s Redmen. Đám thanh niên mặc áo da có mũ trùm và đội mũ lưỡi trai có logo của các đội bóng hay công ty gì đó. Trông chúng xác xược, da trắng và tầm trên hai mốt tuổi. Đủ lớn để hiểu biết hơn thế này.

“Ai vừa nói câu đó?” tôi hỏi chúng. Cơ thể tôi như cứng lại và có gì đó không thật. “Ai vừa nói câu, ‘Ê... ê, thằng người tình mọi kia’? Điều đó đáng cười lắm hả? Tao đang bỏ lỡ một chuyện rất vui ở đây phải không?”

Một đứa trong bọn chúng bước ra phía trước thừa nhận hành động đó. Hắn cất tiếng nói từ bên dưới chiếc mũ lưỡi trai có dòng chữ Day-Glo Redskins. “Thì sao? Mà muốn một chọi ba à, Magic? Tình hình là như thế đấy.”

“Tao biết sẽ hơi bất công một chút nếu mình tao đấu với ba đứa mà, nhưng tao có thể làm được,” tôi nói với hắn. “Có lẽ mà có thể mau mau tìm thằng thứ tư giúp sức đấy.”

“Alex?” Tôi nghe tiếng Jezzie vang lên phía sau. “Alex, đừng mà. Hãy tránh xa bọn chúng đi.”

“Mẹ mà, Alex,” một thằng trong số chúng nói. “Mày cần con đàn bà này giúp nữa hả?”

“Em thích Alex hả em yêu? Alex là người yêu của em hả?” Tôi lắng nghe. “Đó là con thỏ rừng của riêng em hả?”

Tôi nghe có tiếng vụt rất nhanh bên dưới khoe mắt mình. Âm thanh dường như rất thật. Và tôi cũng cảm nhận được rằng mình đã ra đòn.

Cú đấm đầu tiên của tôi trúng gã đội mũ Redskins. Tôi xoay người nhẹ nhàng và giáng một cú khác vào thái dương của gã thứ hai trong nhóm ba tên.

Gã đầu tiên đổ ập xuống, cái mũ của hắn văng ra như một chiếc đĩa Frisbee. Gã thứ hai loạng choạng. Không thể đứng vững. Hắn khụy lên một bên đầu gối và giữ yên như vậy với vẻ ngơ ngác. Hắn đã bị loại khỏi vòng chiến đấu.

“Tao đã quá mệt mỏi với mấy chuyện nhảm nhí kiểu này. Tao chán lắm rồi.” Tôi vừa lắc đầu vừa nói.

“Cậu ta đã uống quá nhiều, thưa ngài. Tất cả chúng tôi đều vậy cả,” gã thanh niên còn đứng đó nói. “Cậu ta hành động ngu ngốc quá. Gần đây có quá nhiều áp lực. Mẹ kiếp, chúng tôi làm việc cùng với người da đen. Chúng tôi cũng có những người bạn da đen. Tôi có thể nói gì nhỉ? Chúng tôi rất lấy làm tiếc.”

Tôi cũng thấy thế. Thấy nhiều đến mức chẳng buồn nói gì với ba thằng khốn nạn đó. Bỏ chúng ở đó, tôi cùng Jezzie trở lại ô tô. Cảm giác tay chân tôi rần đánh như đá. Tim tôi đập mạnh như giàn khoan bơm dầu vậy.

“Anh xin lỗi,” tôi bảo cô. Tôi thấy hơi mệt. “Anh không thể chịu được mấy trò nhảm nhí đó. Anh không thể bỏ qua được nữa.”

“Em hiểu mà,” Jezzie dịu dàng nói. “Anh đã làm việc cần phải làm.” Cô đã ở bên tôi. Bất kể chuyện này hay dở thế nào.

Chúng tôi nắm tay nhau rất lâu trong ô tô. Sau đó cả hai cùng lên đường về nhà.

CHƯƠNG 55

TÔI PHẢI GẶP LẠI Gary Murphy vào ngày đầu tiên của tháng Mười. “Chứng cứ mới” là lý do được nêu ra. Vào thời điểm ấy, đến nửa thế giới đã liên hệ với Nina Cerisier. “Giả thuyết tòng phạm” có sức sống riêng của nó.

Chúng tôi đã sử dụng Đội Điều tra Đặc biệt để lùng sục khu vực xung quanh nhà Cerisier. Tôi đã thử mọi thứ với Nina Cerisier, từ những cuốn sách ảnh chụp tội phạm tới những bức vẽ theo mô tả nhận dạng của nhân chứng. Nhưng tới giờ, chúng vẫn chưa giúp cô bé nhận ra nét nào của “kẻ tòng phạm”.

Chúng tôi biết đó là một gã đàn ông, da trắng, còn Nina cho rằng hắn có khổ người chắc đậm. Phía FBI tuyên bố đang tăng cường tìm kiếm gã phi công ở Florida. Cứ để bọn họ làm thế xem sao. Tôi lại trở lại với cuộc chơi.

Tiến sĩ Campbell cùng tôi đi xuống khu hành lang được tăng cường an ninh tối đa bên trong Nhà tù Lorton. Đám phạm nhân trừng trừng nhìn chúng tôi đi qua. Tôi trừng mắt nhìn lại. Tôi cũng là người giỏi làm việc ấy mà.

Cuối cùng, chúng tôi tới gian phòng đang giam giữ Gary Soneji/Murphy.

Phòng giam của Soneji/Murphy và toàn bộ dãy hành lang đều được đèn điện chiếu sáng, nhưng hắn vẫn liếc mắt nhìn lên từ giường của mình. Trông như thể hắn đang ló ra từ một hang động tối tăm vậy.

Mất một lúc hắn ta mới nhận ra tôi.

Khi đã nhận ra tôi, hắn mỉm cười. Trông hắn vẫn giống một người đàn ông trẻ trung dễ thương đến từ thị trấn nhỏ. Gary Murphy. Như một nhân vật bước ra từ bộ phim *Cuộc sống tươi đẹp* được dựng lại vào những năm 1990. Tôi vẫn nhớ rằng bạn hắn, Simon Conklin, đã kể tôi nghe chuyện Gary Murphy có thể đóng bất cứ vai nào hắn cần. Đó là một phần của việc nằm trong nhóm vượt trội so với 99% còn lại.

“Tại sao ông không tới gặp tôi nữa, Alex?” hắn hỏi. Đôi mắt hắn lúc này có vẻ gì đó như đau buồn. “Tôi chẳng thể nói chuyện với ai được. Các bác sĩ khác không khi nào nghe tôi. Đúng ra là họ không thực sự lắng nghe.”

“Họ không cho phép tôi gặp anh một thời gian,” tôi đáp. “Nhưng chuyện đó xử lý xong rồi, thế nên giờ tôi đang có mặt ở đây.”

Trông hắn có vẻ tổn thương. Hắn mím môi dưới và chăm chăm nhìn xuống đôi giày bata đi trong tù.

Đột nhiên gương mặt hắn nhăn nhó và hắn phá lên cười to. Tiếng cười dội khắp căn phòng giam chật chội.

Soneji/Murphy nghiêng gân hơn về tôi. “Ông biết không, ông thực sự chỉ là một thằng đàn khốn nạn như mấy gã kia,” hắn nói. “Thật dễ dàng điều khiển. Giống hệt như những gã khác trước ông. Cũng thông minh, nhưng chưa đủ.”

Tôi nhìn hắn chòng chọc. Ngạc nhiên. Có lẽ hơi sốc.

“Đèn vẫn bật, nhưng không có ai ở nhà,” chắc hắn đang bình luận về biểu cảm lộ ra trên gương mặt tôi,

“Không. Tôi đây,” tôi nói. “Tôi chỉ đánh giá anh thấp hơn mức cần thiết. Là lỗi của tôi.”

“Chúng ta đã quay lại thực tại rồi, phải không?” Nụ cười nhếch mép khủng khiếp vẫn lớn vồn trên gương mặt hắn. “Ông có chắc là ông hiểu không? Ông chắc chứ, Tiến sĩ-Thanh tra?”

Tất nhiên là tôi hiểu. Tôi vừa gặp Gary Soneji lần đầu tiên. Tôi vừa được Gary Murphy giới thiệu với hắn. Quá trình đó được gọi là sự

đảo chiều mau chóng.

Tên bắt cóc đang chòng chọc nhìn tôi. Hắn đang hả hê, khoe khoang, và lần đầu tiên là chính con người hắn khi đứng trước tôi.

Kẻ sát hại trẻ em đang ngồi trước mặt tôi. Kẻ bắt chước và một diễn viên tài năng. Nhóm vượt trội 99% còn lại. Con Trai Nhà Lindbergh. Tất cả những danh hiệu đó và có thể còn thêm nữa.

“Ông ổn chứ?” hắn hỏi. Hắn đang bắt chước vẻ quan tâm trước đó của tôi với hắn. “Ông cảm thấy ổn chứ, Tiến sĩ?”

“Tôi rất ổn. Không vấn đề gì cả,” tôi đáp.

“Thực sao? Tôi lại thấy hình như ông không ổn lắm. Có chuyện gì đó bất thường, phải không Alex?” Giờ thì hắn tỏ ra quan tâm sâu sắc.

“Này, nghe đây!” tôi cao giọng đáp. “Cút đi *Soneji*. Mà thấy chuyện kiểm tra thực tế thế nào?”

“Chờ chút đã.” Hắn lắc mạnh đầu. Cái cười nanh ác đã biến mất đột ngột y như lúc nó xuất hiện ngay trước đó. “Sao ông lại gọi tôi là *Soneji*? Chuyện này là thế nào hả Tiến sĩ? Có chuyện gì vậy?”

Tôi nhìn mặt gã tù nhân trước mặt, và tôi *không thể tin nổi* những gì mình đang thấy.

Hắn lại thay đổi. Một cách đột ngột. Gary *Soneji* đã biến mất. Hắn đã thay đổi nhân cách hai lần, có lẽ tới ba lần chỉ trong vài phút.

“Gary Murphy phải không?” tôi thử.

Hắn gật đầu. “Còn ai khác nữa chứ? Nghiêm túc đi nào Tiến sĩ, có chuyện gì vậy? Chuyện gì đang xảy ra thế? Ông biến mất tới mấy tuần. Và giờ thì ông trở lại.”

“Hãy kể cho tôi nghe chuyện gì vừa xảy ra đi,” tôi nói. Tôi tiếp tục nói với hắn. “Nói ngay đi. Hãy kể cho tôi nghe những điều *anh* nghĩ vừa mới xảy ra.”

Hắn có vẻ không hiểu. Hoàn toàn bối rối trước yêu cầu của tôi. Nếu tất cả những việc này là một màn kịch thì đây có lẽ là màn trình

diễn xuất sắc nhất, thuyết phục nhất mà tôi từng chứng kiến trong suốt những năm làm chuyên gia tâm lý của mình.

“Tôi không hiểu. Ông tới phòng giam của tôi. Ông có vẻ hơi căng thẳng. Có lẽ ông thấy bối rối vì gần đây ông không tới đây. Thế rồi ông gọi tôi là Soneji. Hoàn toàn bất ngờ. Chẳng phải chuyện đó nực cười lắm sao?”

Có phải hắn đang nghiêm túc không? Lẽ nào hắn không hề biết những gì vừa xảy ra chỉ trước đó chưa tới sáu mươi giây?

Hay đây là Gary Soneji và hắn vẫn đang đóng kịch với tôi? Có thể nào hắn đang nhập vào rồi thoát ra khỏi tình trạng “điên bỏ nhà ra đi” dễ dàng và thuần thục đến thế? Cũng có thể là thế, nhưng xác suất không cao. Trong vụ này, việc đó có thể tạo nên một trò hề không thể tưởng tượng nổi tại phòng xử án.

Thậm chí việc đó có thể gỡ tội cho Soneji/Murphy.

Đó có phải là kế hoạch của hắn? Đó có phải là đường thoát mà hắn đã vạch ra ngay từ đầu?

CHƯƠNG 56

KHI LÀM VIỆC VỚI những người khác, hái rau, quả trên sườn núi, Maggie Rose luôn cố nhớ xem cuộc sống của nó hồi ở nhà thế nào. Thoạt đầu, “danh sách” của con bé - những điều nó nhớ được - rất cơ bản và chung chung.

Trên hết, Maggie nhớ bố mẹ ghê gớm. Nó nhớ họ từng phút mỗi ngày. Nó nhớ cả bạn bè ở trường nữa, nhất là cậu bạn Nhãi Con.

Nó nhớ Dukado, chú mèo con bé bỏng “tươi tắn” của mình.

Và Angel, chú mèo con bé bỏng “ngọt ngào” của nó nữa.

Nhớ những trò chơi trên máy Nintendo và tủ quần áo.

Những bữa tiệc sau giờ học thật tuyệt vời.

Cả phòng tắm trên tầng ba nhìn ra khu vườn cũng tuyệt vời.

Dù vậy, càng nghĩ về gia đình, con bé càng nhớ ra được nhiều hơn, và càng cải thiện được danh sách ký ức của mình.

Con bé thấy nhớ cái cảnh đôi khi nó chen vào giữa bố và mẹ khi họ ôm hoặc hôn nhau. “Ba người nhà chúng ta,” nó thường nói vậy.

Con bé nhớ những nhân vật mà bố thường diễn cho nó xem, nhất là khi nó còn bé. Đó là Hank, ông bố to lớn nói giọng miền Nam lè nhè, hay hét toáng lên: “Aiiii đang nói chuyện với con đấy?” Đó là “Susie Wooderman”. Susie là ngôi sao trong bất cứ lĩnh vực nào Maggie muốn tham gia trong các câu chuyện của bố.

Luôn có một nghi thức chính mỗi khi họ phải chui vào ô tô trong thời tiết giá lạnh. Tất cả sẽ cùng reo to hết cỡ, “Khiếp quá, chặc chặc, chặc, chặc, khiếp quá, chặc chặc.”

Mẹ sẽ nghĩ ra các bài hát và hát cho nó nghe. Từ lúc con bé còn nhớ được thì mẹ đã hát cho nó nghe rồi.

Mẹ hát, “Mẹ yêu con lắm Maggie, chẳng có gì mẹ không làm cho con cả. Chẳng có gì trên thế gian rộng lớn này.” Maggie sẽ hát, “Mẹ đưa con tới Công viên Disney nhé?” Mẹ sẽ trả lời: “Mẹ sẽ đưa con đi, Maggie Rose ạ.” “Mẹ sẽ thơm lên miệng Dukado một cái thật kêu nhé?” “Mẹ sẽ làm thế vì con, Maggie Rose. Không gì là mẹ không làm cho con cả.”

Maggie có thể nhớ những hôm ở trường cả ngày, học hết lớp này đến lớp khác. Nó nhớ “những cái nháy mắt đặc biệt” cô Kim dành cho mình. Con bé nhớ lúc Angel cuộn tròn trên ghế và kêu “*ngoeo*” thật dễ thương.

“Mẹ sẽ làm mọi thứ cho con, con yêu ạ, bất cứ điều gì, vì con là tất cả với mẹ.” Maggie vẫn còn nghe thấy những lời hát của mẹ vang bên tai.

“Mẹ hãy tới đây, tới đây và đưa con về nhà được không?” Maggie hát thầm trong đầu. “Mẹ tới đi mẹ ơi, con xin mẹ, mẹ hãy tới nhé?”

Nhưng chẳng có tiếng ai hát. Chẳng còn gì nữa. Chẳng có ai hát đáp lại Maggie Rose. Chẳng ai còn nhớ tới con bé nữa. Hoặc trái tim tan nát của nó đã tin điều đó.

CHƯƠNG 57

TÔI CÒN GẶP SONEJI/MURPHY sáu lần nữa trong hai tuần tiếp theo. Hẳn không cho tôi đến gần nữa, dù hẳn tuyên bố thực tế không phải thế. Có gì đó đã thay đổi. Tôi đã để mất hẳn. *Cả hai con người trong hẳn.*

Mười lăm tháng Mười, một thẩm phán liên bang đưa ra một lệnh trì hoãn, tạm thời dừng việc khởi động phiên tòa xử vụ bắt cóc. Đây là kết quả sau rất nhiều chiêu trò trì hoãn của luật sư bào chữa cho Soneji/Murphy, Anthony Nathan.

Trong vòng một tuần, có thể coi là tốc độ ánh sáng đối với những hoạt động về luật đầy phức tạp này, thẩm phán Linda Kaplan đã bác bỏ các yêu cầu của bên bị. Các yêu cầu gửi lên Tòa án Tối cao đề nghị đưa ra lệnh bắt và các lệnh ngăn cản cũng bị từ chối. Xuất hiện trên cả ba kênh truyền hình cáp, Nathan gọi Tòa án Tối cao là “một đám đông lin sơ* rất có tổ chức”. Trò vui chỉ vừa mới bắt đầu, anh ta nói với báo giới như vậy. Tay luật sư đã lên sẵn một giọng điệu trả lời cho vụ xử án.

Ngày hai mươi bảy tháng Mười, phiên tòa xử vụ *Cả bang kiện Murphy* bắt đầu. Lúc chín giờ kém năm sáng hôm đó, Sampson và tôi tiến về lối cửa sau của Tòa nhà Liên bang trên đại lộ Indiana. Chúng tôi cố hết sức để di chuyển mà không bị lộ hành tung.

“Cậu có muốn mất ít tiền không?” Sampson hỏi khi chúng tôi rẽ ở góc đại lộ Indiana.

“Tớ hy vọng cậu không nói về chuyện đánh cược kết quả vụ xử án bắt cóc và giết người này đấy chứ?”

“Đúng là chuyện đó đấy, bạn yêu quý ạ. Để giết thời gian ấy mà.”

“Kèo thế nào?”

Sampson châm một điếu Corona và nhả khói hình chữ V. “Tớ đặt cửa... tớ cá hăn sẽ phải tới khu bệnh viện St. Elizabeth, một bệnh viện nào đó cho tội danh gây án trong tình trạng thần kinh không bình thường. Kèo là thế đấy.”

“Ý cậu là hệ thống pháp luật của chúng ta chẳng làm được trò trống gì.”

“Tớ tin đến tận xương tủy ấy chứ. Nhất là lúc này.”

“Được thôi. Tớ cho rằng hăn có tội, hai cáo buộc liên quan đến bắt cóc. Một cáo buộc liên quan đến giết người nữa.”

Sampson nhả thêm một làn khói hình chữ V khác. “Cậu có muốn trả tiền ngay bây giờ không? Nếu thua, cậu phải trả tớ năm mươi đô la nhé, mức ấy đủ để cậu chấp nhận chứ?”

“Tớ đồng ý là năm mươi đô la. Giao kèo rồi nhé.”

“Vây đi. Tớ mong kiếm được chút tiền mọn của cậu đấy.”

Phía trước trên phố số 3, một đám đông vài ngàn người đang bao quanh lối chính đi vào phòng xử án. Khoảng hai trăm người khác, trong đó có cả bảy hàng phóng viên, đã ở bên trong. Công tố viên tìm cách xin lệnh cấm cánh báo chí, nhưng yêu cầu này đã bị bác bỏ.

Ai đó đã in ra những biểu ngữ và chúng có ở khắp nơi: *Maggie Rose vẫn sống!*

Người ta đang phân phát hoa hồng tại khu vực xử án. Dọc theo đại lộ Indiana lên, các tình nguyện viên đang chuyển tay nhau những bông hồng miễn phí. Những người khác bán cờ lưu niệm. Nhiều nhất trong số đó là những cây nến nhỏ mà mọi người thắp trên các ô cửa sổ nhà mình để tưởng nhớ Maggie Rose.

Một nhóm phóng viên đang chờ đợi ở cửa sau, lối dành riêng cho việc áp tải, cũng như cho vài thẩm phán và luật sư nhút nhát. Hầu hết

các cựa cảnh sát không ưa các đám đông cũng đều chọn lối cửa sau để vào phòng xử án.

Các micro ngay lập tức được chĩa về phía tôi và Sampson. Các ống kính máy quay truyền hình giương lên. Chẳng thứ máy móc nào làm chúng tôi lúng túng nữa.

“Thanh tra Cross, có đúng là ông đã bị FBI loại khỏi vụ việc này không?”

“Không. Mọi quan hệ giữa tôi và FBI vẫn ổn.”

“Vậy ông vẫn tiếp tục gặp Gary Murphy tại Lorton chứ, thanh tra?”

“Nói thế nghe cứ như chúng tôi đang hò hẹn vậy. Tình hình không nghiêm trọng đến thế đâu. Tôi chỉ là thành viên trong một nhóm các chuyên gia tới gặp anh ta thôi.”

“Có vẻ như có sự phân biệt chủng tộc trong vụ án này vì nó liên quan tới ông phải không?”

“Thực ra thái độ phân biệt chủng tộc xuất hiện trong rất nhiều việc. Nhưng ở đây không có gì đặc biệt cả.”

“Thế còn thanh tra kia thì sao? Thanh tra Sampson. Ngài đồng ý chứ, thưa ngài?” một anh chàng trẻ tuổi thắt nơ hỏi.

“Hừm, đi mà gọi cái thân anh bằng ngài, chẳng phải là chúng tôi đang đi bằng cửa sau đó sao? Chúng tôi chỉ là những gã cửa sau thôi.” Sampson toét miệng cười trước máy quay. Cậu ta không chịu bỏ kính râm ra.

Cuối cùng cũng tới được chiếc thang máy tải hàng, chúng tôi cố giữ cho đám phóng viên không đi chung chuyển, một việc chẳng dễ gì.

“Chúng tôi biết có tin đồn đã được xác nhận là luật sư Anthony Nathan đang cố bảo vệ cho lập luận tình trạng điên loạn tạm thời. Ông có bình luận gì về điều đó không?”

“Chẳng gì sất. Đi mà hỏi Anthony Nathan ấy.”

“Thanh tra Cross, ông sẽ bảo vệ quan điểm cho rằng Gary Murphy *không* hề điên loạn chứ?”

Những cánh cửa cổ lỗ cuối cùng cũng đóng lại. Thang máy bắt đầu rầm rầm leo lên tầng bảy, “Thiên đường thứ bảy” như người ta vẫn nói.

Tầng bảy chưa bao giờ tĩnh lặng hơn hay được kiểm soát tốt hơn thế. Quang cảnh chẳng khác nào ở nhà ga xe lửa thường thấy với đám đông cảnh sát, nhóm côn đồ nhai ranh cùng người nhà, đám lửa đảo mặt dày mày dạn, các luật sư và thẩm phán đã bị dẹp bỏ do lệnh hạn chế lui tới tầng này để phục vụ riêng cho phiên xét xử hôm nay. Đây quả là vụ án thế kỷ. Chẳng phải đó là cái mà Gary Soneji muốn hay sao?

Khi không có sự hỗn loạn, Tòa nhà Liên bang như một người cao niên bước ra khỏi giường vào buổi sáng.

Tất cả các nếp nhăn và vết bầm tím đều hiện rõ dưới luồng ánh sáng ban mai lọt qua các ô cửa sổ kiểu thánh đường ở sườn phía Đông tòa nhà.

Chúng tôi tới vừa đúng lúc trông thấy vị công tố viên bước vào phòng xử án. Mary Warner là một luật sư Mỹ nhỏ nhắn ba mươi sáu tuổi ở Tòa Phúc thẩm Liên bang Khu vực số Sáu. Cô được xem như đối trọng trong phòng xử án của luật sư bào chữa Anthony Nathan. Cũng như Nathan, cô chưa từng nếm mùi thất bại, ít nhất là trong những vụ quan trọng. Mary Warner nổi như cồn về sự chuẩn bị chu đáo, và thái độ hành xử đầy thuyết phục và không sai sót tại tòa. Một đối thủ từng thua cô đã nói, “Giống như khi chơi tennis với ai đó luôn trả đòn. Những cú đánh xoáy tốt nhất của ta đều bị đánh bật trở lại. Đối thủ mạnh mẽ trở lại. Chẳng sớm thì muộn, cô ta cũng sẽ cho ta đo ván.”

Người ta cho rằng Jerrold Goldberg đã trực tiếp chọn Warner, và Goldberg thì có thể chọn bất cứ công tố viên nào ông muốn. Với vụ án

này, ông đã chọn cô thay vì James Dowd và những luật sư ứng viên khác.

Carl Monroe cũng ở đó. Ngài Thị trưởng Monroe không thể rời xa khỏi các đám đông. Ông ta trông thấy tôi, nhưng không tiến lại mà chỉ nở nụ cười đã thành thương hiệu từ phía bên kia phòng chờ lớn.

Nếu trước tôi không biết chính xác mình ở vị trí nào trong quan hệ với thị trưởng thì bây giờ tôi đã biết. Việc đôn tôi lên vị trí trưởng bộ phận sẽ là lần thăng chức cuối cùng của tôi. Họ làm điều đó để chứng tỏ tôi là lựa chọn phù hợp cho Đội Giải cứu Con tin, để hợp lý hóa quyết định của họ, và để lấp liếm bất cứ câu hỏi nào về những việc tôi đã làm ở Miami.

Trước ngày xử án, tin tức lan ra khắp Washington rằng Bộ trưởng Bộ Tài chính Goldberg đã can thiệp vào quá trình khởi tố vụ án. Cả chuyện đó và việc Anthony Nathan là luật sư bào chữa.

Nathan được mô tả trên tờ *Washington Post* như một “chiến binh ninja tại tòa án”. Anh ta liên tục có mặt trên trang nhất các bản tin kể từ ngày được Soneji/Murphy thuê bào chữa. Nathan là chủ đề Gary không hề nói với tôi. Có một lần hăm dọa, “Tôi cần một luật sư giỏi, phải không? Ngài Nathan đã thuyết phục được tôi. Anh ta cũng sẽ thuyết phục được hội đồng xét xử. Anh ta cực kỳ xảo quyệt, Alex ạ.” *Xảo quyệt?*

Tôi hỏi Gary liệu Nathan có thông minh như hăm không. Gary mỉm cười nói, “Tại sao ông cứ luôn bảo tôi thông minh trong khi tôi chẳng hề như vậy nhỉ? Nếu tôi thông minh đến thế thì sao giờ tôi lại ở đây?”

Trong nhiều tuần, gã tù nhân không lần nào bị lạc khỏi nhân cách Gary Murphy. Hăm cũng từ chối, không để tôi thôi miên thêm lần nào nữa.

Tôi quan sát gã siêu luật sư của Gary, Anthony Nathan, khi anh ta đi đứng một cách nghênh ngang quanh khu trước của phòng xử án. Con người anh ta rõ ràng là rất thất thường, có tiếng với việc khiến các

nhân chứng nổi cáu khi đối chất. Liệu Gary có tỉnh táo lúc chọn Nathan không? Điều gì đã kéo hai người này lại với nhau?

Dù vậy, ở một phương diện nào đó, đây dường như là sự kết đôi rất tự nhiên - một gã sắp điên bào chữa cho một gã điên khác.

Anthony Nathan đã từng tuyên bố trước công chúng: “Đây sẽ là một vườn thú thực sự. Một vườn thú, hay một chương trình biểu diễn về công lý áp đặt ở vùng biên giới phía Tây hoang dã! Tôi hứa với các bạn đấy. Họ sẽ bán vé với giá hàng ngàn đô la một chỗ ngồi.”

Tim tôi đập nhanh khi chấp hành viên của tòa án đứng dậy trước những người có mặt và yêu cầu cả phòng giữ trật tự.

Tôi thấy Jezzie phía bên kia phòng. Cô ăn mặc đúng với vai trò một nhân vật quan trọng của Sở Mật vụ. Bộ vest sọc nhỏ, giày cao gót, cặp da đen bóng. Cô nhìn tôi và đảo mắt chán nản.

Phía bên phải của phòng xử án, tôi thấy Katherine Rose và Thomas Dunne. Sự hiện diện của họ khiến tôi lại có cảm giác không thực. Tôi không thể không nghĩ về Charles, Anne Morrow Lindbergh và về vụ án bắt cóc nổi tiếng thế giới đã xảy ra sáu mươi năm trước.

Thẩm phán Linda Kaplan nổi tiếng là một phụ nữ cứng cỏi và có khả năng hùng biện, chưa bao giờ bà để các luật sư chiếm lợi thế. Bà mới tại vị được gần năm năm nhưng đã giải quyết được một số vụ án lớn nhất ở Washington. Thường thì nữ thẩm phán này luôn đứng trong suốt thời gian xử án. Bà nổi tiếng vì luôn nắm toàn quyền trong việc điều khiển phiên tòa.

Gary Soneji/Murphy bị áp tải tới chỗ của hắn một cách lặng lẽ, gần như bí mật. Hắn ngồi xuống, trông có vẻ biết cư xử, như Gary Murphy luôn thế.

Rất nhiều nhà báo nổi tiếng cũng có mặt, ít nhất vài người trong số họ có viết sách về đề tài bắt cóc.

Các nhóm luật sư hai bên trông cực kỳ tự tin và rất sẵn sàng cho ngày đầu tiên, như thế họ không đời nào thất bại trong vụ này.

Buổi xét xử bắt đầu bằng một màn diễn mở đầu nho nhỏ và gây chú ý. Từ phía trước của phòng xử án, Missy Murphy bắt đầu thốt thức. “Gary không làm đau ai bao giờ” giọng cô nghe rõ ràng. “Gary sẽ chẳng bao giờ làm đau bất cứ ai.”

Có ai đó trong đám người ngồi trong phòng xử án hét to: “Ôi, để chúng tôi yên đi, thưa bà!”

Thẩm phán Kaplan gõ mạnh cái búa xuống và ra lệnh, “Đề nghị trật tự trong phòng xử án! Trật tự! Thế là đủ rồi.” Hẳn nhiên thế là đủ.

Chúng tôi trật tự và bắt đầu. Phiên tòa thế kỷ của Gary Soneji/Murphy.

CHƯƠNG 58

MỌI THỨ DƯỜNG NHƯ đang trong tình trạng biến động và hỗn loạn không ngừng, nhưng đặc biệt là mối liên hệ của tôi với cuộc điều tra ban đầu và phiên xét xử. Sau phiên tòa hôm đó, tôi đã làm một việc hết sức ý nghĩa với mình: chơi bóng bầu dục - cướp cờ với bọn trẻ.

Damon và Janelle là những cơn lốc xoáy, tranh nhau sự chú ý của tôi trong suốt buổi chiều, làm tôi nghẹt thở với những đòi hỏi của chúng. Chúng đưa tôi thoát khỏi những chuyện muộn phiền có thể còn kéo dài trong vài tuần kể tiếp.

Sau bữa tối hôm đó, Nana và tôi ngồi lại bên bàn ăn với tách cà phê thứ hai pha với bột rễ rau diếp xoăn. Tôi muốn nghe những suy nghĩ của bà. Thực ra tôi biết những suy nghĩ ấy cũng sắp được bộc lộ. Trong suốt bữa ăn, bà cứ xoay xoay cánh tay hết như Satchel Paige chuẩn bị ném một cú bóng xoáy.

“Alex, bà tin là chúng ta cần nói chuyện” rốt cuộc bà cũng lên tiếng. Khi Nana Mama có điều gì cần nói thì lúc đầu bà thường nói ít. Sau đó bà nói rất nhiều, có khi vài giờ liền.

Lũ trẻ đang mãi xem chương trình *Vòng quay may mắn* ở phòng khác. Tiếng hò reo cổ vũ của chương trình giải trí trên truyền hình trở thành âm thanh nền rất tốt cho cuộc nói chuyện giữa hai chúng tôi.

“Chúng ta sẽ nói về chuyện gì ạ?” tôi hỏi bà. “À mà bà có nghe tin tới một phần tư trẻ con ở Mỹ đang sống trong cảnh nghèo khổ không? Chúng ta sẽ sớm trở thành những người ủng hộ đạo Thiên Chúa hà khắc kiểu cũ đấy”.

Nana luôn rất điềm đạm và thấu đáo trước bất cứ việc gì xảy đến. Bà đã chuẩn bị bài nói chuyện này. Tôi có thể thấy rõ điều đó. Hai con

người của bà đã chuyển thành hai điểm nhỏ màu nâu.

“Alex,” giờ thì bà nói, “Con biết ta luôn bên con mỗi khi có chuyện gì quan trọng.”

“Từ lúc con tới Washington với một cái túi vải và, con nghĩ là, bảy mươi lăm xu,” tôi nói với bà. Tôi vẫn còn nhớ rất rõ mình đã được gửi “lên phía Bắc” để sống với bà; nhớ cái ngày tôi tới ga Union trên chuyến tàu đi từ Winston-Salem. Mẹ tôi đã mất vì ung thư phổi; bố tôi cũng đã mất một năm trước đó. Nana đã mua cho tôi bữa trưa ở quán ăn tự phục vụ Morrison. Đó là lần đầu tiên tôi được ăn hàng.

Nữ Thần Hy Vọng đã đón tôi về nhà năm tôi lên chín. Hồi đó Nana Mama được gọi là “Nữ Thần Hy Vọng”. Bà là giáo viên ở Washington. Bà khi ấy đã gần năm mươi và ông tôi đã qua đời. Ba anh trai tôi cũng tới Washington vào cùng thời gian với tôi. Họ ở với một hai người họ hàng cho tới năm mười tám tuổi. Còn tôi đã ở với Nana từ ấy tới tận bây giờ.

Tôi là người may mắn. Đôi khi Nana Mama là một siêu phù thủy vì bà biết điều gì tốt cho tôi. Bà biết con người trước đây của tôi. Bà biết bố tôi, cả mặt tốt lẫn xấu. Bà yêu quý mẹ tôi. Nana Mama đã, và luôn là, một nhà tâm lý tài năng. Tôi gọi bà là Nana Mama từ năm tôi lên mười. Bởi khi đó, bà vừa là bà, vừa là mẹ của tôi.

Hai cánh tay bà giờ đã khoanh trước ngực. Ý chí sắt đá. “Alex, ta tin rằng ta có những linh cảm rất không tốt về mối quan hệ mà con đang dính vào,” bà nói.

“Bà có thể nói với con tại sao không ạ?” tôi hỏi.

“Có, ta sẽ nói. Trước hết, vì Jezzie là một phụ nữ da trắng, và ta không tin hầu hết bọn người da trắng. Ta rất muốn tin, nhưng không thể. Hầu hết bọn họ không hề tôn trọng chúng ta. Họ nói dối trước mặt chúng ta. Đó là kiểu cách của họ, ít nhất là với những người mà họ không tin là ngang hàng với họ.”

“Bà nói cứ như một nhà cách mạng đường phố vậy. Giống như Farrakhan hay Sonny Carson,” tôi nói với bà. Tôi bắt đầu lau bàn, xếp

đĩa và thìa lại với nhau trong chiếc bồn rửa bằng sứ cũ của chúng tôi.

“Ta không tự hào gì với những linh cảm của mình đâu, nhưng ta cũng không thể không nói ra.” Mắt Nana Mama dõi theo tôi.

“Vậy thì tội của Jezzie là gì ạ? Vì cô ấy là một phụ nữ da trắng?”

Nana ngồi không yên trên ghế. Bà chỉnh lại vị trí đôi kính vòng qua cổ bằng một sợi dây đang đeo. “Tội của cô ta là hò hẹn với con. Cô ta dường như sẵn sàng để mặc con vứt bỏ sự nghiệp cảnh sát, vứt bỏ mọi thứ con làm ở khu vực Đông Nam này. Tất cả những điều tốt đẹp đã có trong cuộc đời con - Damon và Jannie.”

“Damon và Janelle có vẻ không tổn thương hay lo lắng gì,” tôi nói với Nana Mama. Giọng tôi hơi cao lên một chút. Tôi đứng dậy với chồng bát đĩa bẩn trên tay.

Bàn tay Nana đập mạnh xuống phần tay vịn gỗ của chiếc ghế. “Chết tiệt, đó là vì con đang mù quáng, Alex ạ. Con là mặt trời và bầu trời của bọn trẻ. Damon rất sợ con sẽ rời bỏ nó.”

“Bọn trẻ sẽ chỉ buồn khi nào ta khiến chúng thấy buồn.” Tôi nói điều mình đang cảm thấy, điều tôi tin là sự thực.

Nana Mama ngồi hẳn lại vào ghế. Những lời rất khế bật ra khỏi miệng bà. Đó thực sự là nỗi đau chứ không phải gì khác.

“Con nói vậy là rất sai lầm. Ta bảo vệ hai đứa trẻ như cách ta đã bảo vệ con. Ta đã hy sinh cả đời mình để chăm sóc những người khác, để tâm tới những người khác. Ta không bao giờ làm tổn thương ai, Alex ạ.”

“Bà vừa làm tổn thương con đấy thôi,” tôi nói. “Và bà biết mình đã làm vậy mà. Bà hiểu rõ bọn trẻ có ý nghĩa thế nào với con.”

Mắt bà đã rơm rớm, nhưng bà vẫn ngồi yên. Bà nhìn thẳng vào mắt tôi. Tình yêu thương giữa chúng tôi là tình yêu mạnh mẽ, không khoan nhượng. Luôn là vậy.

“Ta không muốn sau này con phải xin lỗi ta Alex ạ. Ta không quan tâm chuyện con sẽ thấy tội lỗi vì những điều vừa nói. Cái đáng

quan tâm là con thực sự có lỗi. Con đang từ bỏ mọi thứ vì một mối quan hệ không đi đến đâu.”

Nana Mama rời bàn ăn và đi lên gác. Chấm dứt cuộc tranh luận. Chỉ có thế. Bà đã đưa ra quyết định rồi.

Tôi đang từ bỏ mọi thứ để được ở bên Jezzie sao? Mối quan hệ đó sẽ chẳng bao giờ đi đến đâu ư? Làm sao tôi biết được chứ. Tôi phải tự mình tìm hiểu điều đó.

CHƯƠNG 59

MỘT LỰC LƯỢNG HÙNG HẬU chuyên gia y khoa đã bắt đầu làm chứng tại phiên tòa xét xử Soneji/Murphy. Các nhân viên giám định y khoa bước vào vị trí, một vài người trong số họ quanh co và hoa mỹ lạ lùng so với vai trò những nhà nghiên cứu khoa học. Các chuyên gia của Trung tâm Y khoa Walter Reed, của Nhà tù Lorton, từ quân đội và từ FBI.

Ảnh và biểu đồ kích thước 1,2 x 1,8 mét được trưng bày và giải thích quá chi tiết; những địa điểm hiện trường vụ án được xem đi xem lại trên các biểu đồ kỳ quái xuất hiện dày đặc trong tuần đầu tiên của phiên xét xử.

Tám bác sĩ tâm thần khác nhau và các chuyên gia tâm lý đã được đưa tới tòa nhằm khẳng định rằng Gary Soneji/Murphy làm chủ được những hành động của mình; rằng hắn là một kẻ ghét xã hội một cách lệch lạc; rằng hắn có lý trí, máu lạnh và rất tinh táo.

Hắn được miêu tả như một “thiên tài tội phạm”, không chút lương tâm hay hối cải; một diễn viên tài năng “tầm cỡ Hollywood”, với cách thức thao túng và lừa đảo không biết bao nhiêu người trong quá trình gây án.

Gary Soneji/Murphy đã chủ động và cố tình bắt cóc hai đứa trẻ; hắn đã giết chết một hoặc cả hai đứa bé đó; hắn cũng đã giết những người khác - ít nhất là năm người, và có thể còn nhiều hơn. Hắn là một con quỷ đội lốt người mà tất cả chúng ta đều ghê sợ... Tất cả các chuyên gia tham gia truy tố đều nói như thế.

Trưởng khoa tâm thần của Walter Reed đứng trên bục xét hỏi gần như suốt một buổi chiều. Cô đã phỏng vấn Gary Murphy mười hai lần.

Sau khi mô tả khá dài về tuổi thơ bất ổn ở Princeton, New Jersey và những năm tháng thiếu niên đầy những hành vi bột phát bạo lực nhằm vào cả người và thú vật của Gary Murphy, Tiến sĩ Maria Ruocco được tòa yêu cầu đưa ra đánh giá tâm thần về Gary Murphy.

“Tôi thấy đó là một kẻ tâm thần cực kỳ nguy hiểm. Tôi tin Gary Murphy nhận thức được hoàn toàn đầy đủ mọi hành động của mình. *Tôi hoàn toàn không tin hắn là một kẻ đa nhân cách.*”

Quan điểm mà Mary Warner khéo léo đưa ra mỗi ngày cũng giống như vậy. Tôi thán phục sự tỉ mỉ, cũng như những hiểu biết về cơ chế tâm lý của cô. Cô đang lắp ghép một bức tranh vô cùng phức tạp trước thẩm phán và bồi thẩm đoàn. Trước đó tôi đã gặp cô vài lần, và quả thực cô rất giỏi.

Khi Mary Warner hoàn thành phần việc của mình, trong đầu các thành viên ban hội thẩm sẽ có một hình dung hết sức chi tiết... về trí não của gã Gary Soneji/Murphy.

Mỗi ngày xét xử, Mary Warner sẽ chỉ tập trung vào một mảnh ghép mới. Cô sẽ chỉ cho họ thấy mảnh ghép đó. Cô sẽ giải thích nó thật chi tiết. Rồi cô sẽ lắp ghép nó vào bức tranh.

Cô chỉ ra cho bồi thẩm đoàn biết chính xác miếng ghép mới liên quan tới mọi sự kiện khác đã xảy ra trước đó như thế nào. Đôi khi, những người ngồi xem trong phòng xử án thích thú vỗ tay tán thưởng nữ công tố viên có giọng nói nhỏ nhẹ và lối trình bày ấn tượng.

Mary Warner hoàn thành tất cả những việc này trong khi Anthony Nathan lại phản đối gần như mọi điểm mà cô đã cố gắng nêu ra.

Lời biện hộ của Nathan khá đơn giản, và anh ta chưa bao giờ thấy dao động về điều đó: Gary Murphy vô tội vì anh ta không hề phạm tội.

Gary Soneji đã phạm tội.

Anthony Nathan đi tới đi lui phía trước phòng xử án với vẻ nghênh ngang vốn có. Anh ta mặc bộ vest may với giá một ngàn năm trăm đô la nhưng trông có vẻ không thoải mái lắm. Bộ cánh được cắt

rất khéo, nhưng kiểu cách của Nathan lại có vẻ không phù hợp - trông anh ta như đang cố bơi trong nó vậy.

“Tôi không phải là người dễ ưa.” Anthony Nathan đứng trước bồi thẩm đoàn gồm bảy nữ và năm nam vào ngày thứ Hai của tuần xử án thứ hai. “Chí ít là không dễ ưa trong phòng xử án. Mọi người bảo tôi luôn có nụ cười khinh miệt. Rằng tôi là gã khoa trương. Rằng tôi là kẻ ích kỷ không ai chịu nổi. Rằng không ai chịu đựng được tôi quá sáu mươi giây. *Tất cả đều đúng,*” Nathan nói với những khán giả bất đắc dĩ của anh ta. “Tất cả đều đúng.

“Và điều đó đôi khi đã kéo tôi vào những rắc rối. Tôi nói sự thật. Tôi bị ám ảnh về chuyện phải nói sự thật. Tôi không kiên nhẫn, không có một chút nào, trước những sự thật nửa vời. Và tôi chưa bao giờ nhận bào chữa cho bất cứ vụ kiện nào mà ở đó tôi không thể nói ra sự thật.

“Những lời bào chữa của tôi về Gary Murphy rất đơn giản, có lẽ là những lời lẽ ít phức tạp và ít gây tranh cãi nhất tôi từng đưa ra trước bất cứ bồi thẩm đoàn nào. Nó là sự thật. Cũng như đen và trắng, thừa các quý vị. Xin hãy lắng nghe tôi.

“Cô Warner và nhóm cộng sự của cô ấy đều hiểu những lời bào chữa đó mạnh mẽ thế nào, và đó chính xác là lý do tại sao cô ấy lại đưa ra trước các vị nhiều sự thật hơn hẳn so với những gì mà ủy ban Warren từng sử dụng để chứng minh cùng một điều - HOÀN TOÀN KHÔNG GÌ CẢ. Nếu quý vị cho cô Warner đối chất, và nếu cô ấy trả lời thành thật, cô ấy sẽ nói cho quý vị điều đó. Và rồi tất cả chúng ta đều có thể về nhà. Như thế chẳng tốt hơn sao? Vâng, như vậy thật tuyệt.”

Có những tiếng khúc khích quanh phòng xử án. Cùng lúc đó, một số thành viên trong bồi thẩm đoàn đang nghiêng người để lắng nghe và quan sát. Mỗi lần Nathan đi qua, anh ta lại tiến gần tới họ thêm nửa bước.

“Ai đó, rất nhiều người, đã hỏi tôi lý do nhận vụ này. Tôi bảo họ, cũng đơn giản như tôi sẽ nói với các vị bây giờ, rằng các bằng chứng chắc chắn sẽ đem về thắng lợi cho bên bào chữa. Sự thật nghiêng hoàn toàn về bên bào chữa. Tôi biết bây giờ các vị chưa tin điều đó. Nhưng các vị sẽ tin. Các vị sẽ tin.

“Đây là tuyên bố tuyệt vời của *sự thật*. Cô Warner không muốn khởi tố vụ này vào thời điểm hiện tại. Nhưng sếp của cô, bộ trưởng Bộ Tài chính, ép phải đưa vụ này ra xét xử. Ông ta buộc phiên tòa diễn ra trong thời gian nhanh kỷ lục. Chưa bao giờ bánh xe công lý lại quay nhanh đến vậy. Những bánh xe đó sẽ chẳng bao giờ quay nhanh như thế với quý vị hay gia đình quý vị. Đó là sự thật.

“Nhưng trong trường hợp rất cụ thể này, vì sự đau khổ của ông Goldberg và gia đình ông ấy, các bánh xe đó đã quay rất nhanh. Và cũng bởi Katherine Rose Dunne và gia đình bà ấy, những người nổi tiếng, giàu có và đầy quyền lực, và cũng là những người muốn được chấm dứt nỗi đau khổ của họ. Ai có thể kết tội họ vì điều đó chứ? Chắc chắn là tôi không thể.

“Nhưng KHÔNG THỂ VÌ NHỮNG THỨ ĐÓ MÀ HY SINH CUỘC ĐỜI CỦA MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG VÔ TỘI! Người đàn ông này, Gary Murphy, không đáng phải chịu đựng nỗi đau chỉ vì những con người kia cũng đã chịu đựng nỗi đau.”

Lúc này Nathan đã bước tới chỗ Gary ngồi. Gary Murphy tóc vàng, vóc dáng vận động viên, trông như một hướng đạo sinh trưởng thành. “Người đàn ông này cũng tử tế như bất cứ ai các vị gặp trong phòng xử án này. Tôi cũng sẽ chứng minh điều đó với các vị.

“*Gary Murphy là một người tốt. Hãy nhớ điều này. Đó là một sự thật khác cho các vị.*

“Đó là một trong *hai* sự thật, chỉ hai thôi, mà tôi muốn các vị nhớ cho. Sự thật còn lại là Gary Soneji bị *mất trí*.

“Giờ đây tôi phải nói với các vị, tôi cũng là một người hơi mất trí. Chỉ hơi thôi. Các vị đã thấy rồi đấy. Cô Warner đã khiến các vị

quan tâm tới điều đó. Vâng, Gary Soneji LÀ NGƯỜI MẤT TRÍ HƠN TÔI HÀNG TRĂM LẦN. Gary Soneji là người mất trí nhất mà tôi từng gặp. Và tôi đã gặp Soneji. *Các vị cũng sẽ gặp.*

“Tôi hứa với các vị điều này. Tất cả các vị sẽ gặp Soneji, và nếu gặp rồi, các vị sẽ không thể kết tội Gary Murphy. Rốt cuộc các vị sẽ quý mến Gary Murphy, sẽ cổ vũ anh ta trong cuộc chiến của riêng mình với Soneji. Gary Murphy không thể bị kết tội giết người và bắt cóc... kẻ có tội là Gary Soneji...”

Anthony Nathan bắt đầu lần lượt mời từng nhân chứng lên. Thật kinh ngạc khi trong đó có cả các cán bộ trường Washington Day và một vài học sinh của trường. Có cả những người hàng xóm của Murphy ở Delaware.

Nathan luôn tỏ ra nhũn nhặn với các nhân chứng, luôn luôn nói năng rành rọt. Dường như họ cũng quý mến Nathan và tin tưởng anh ta.

“Mời anh giới thiệu tên với mọi người?”

“Tiến sĩ Nancy Temkin.”

“Thế còn nghề nghiệp của anh?”

“Tôi dạy môn nghệ thuật ở trường Washington Day.”

“Anh có biết Gary Soneji hồi còn ở trường không?”

“Vâng, tôi biết.”

“Anh Soneji có phải là một giáo viên tốt trong thời gian dạy ở trường Washing Day không? Có điều gì khiến anh nghĩ anh ta không phải là giáo viên tốt không?”

“Không, tôi không thấy. Anh ấy là một giáo viên rất tốt.”

“Tại sao anh nói vậy thưa Tiến sĩ Temkin?”

“Vì anh ấy đam mê cả nội dung chuyên môn lẫn việc truyền đạt nó tới các học sinh. Anh ấy là giáo viên được học sinh yêu thích ở trường. Biệt danh của anh ấy là ‘Chips’, ‘thầy Chips.’”

“Anh đã nghe một vài chuyên gia y tế nói rằng anh ta bị điên, nhân cách bị phân lập nặng nề phải không? Anh thấy thế nào về điều đó?”

“Thăng thản mà nói, đó là cách duy nhất để tôi có thể hiểu nổi những việc đã xảy ra.”

“Tiến sĩ Temkin, tôi biết đây là một câu hỏi khó trong hoàn cảnh này, nhưng bị cáo có phải là bạn của anh không?”

“Vâng. Anh ấy là bạn tôi.”

“Và bây giờ anh ta vẫn là bạn của anh chứ?”

“Tôi muốn thấy Gary nhận được sự giúp đỡ mà anh ấy cần.”

“Và tôi cũng vậy,” Nathan nói. “Tôi cũng vậy.”

Anthony Nathan đã bắn loạt đạn thật đầu tiên của anh ta vào cuối hôm thứ Sáu của tuần thứ hai tại phiên tòa. Việc ấy rất kịch tính và bất ngờ. Nó khởi phát bằng cuộc tranh luận bên băng ghế phụ giữa Nathan, Mary Warner và thẩm phán Kaplan.

Trong cuộc tranh luận, Mary Warner đã một lần lớn tiếng - điều chỉ có thể thấy ở cô vài lần trong suốt quá trình xét xử. “Thẩm phán, tôi *phản đối!* Tôi phải phản đối... *tiểu xảo* này. Đây là một *tiểu xảo!*”

Toàn bộ phòng xử án nháo nhác. Cánh báo chí, ở các ghế hàng đầu bị đưa vào tình trạng báo động. Thẩm phán Kaplan rõ ràng đã quyết định theo hướng có lợi cho bên bị.

Mary Warner trở lại chỗ ngồi, nhưng cô đã hơi mất bình tĩnh. “Tại sao chúng tôi không được thông báo trước điều này?” cô nói to. “Tại sao điều này không được tiết lộ trước khi diễn ra phiên tòa?”

Nathan giơ hai bàn tay lên và thực sự khiến căn phòng im lặng. Anh ta thông báo với mọi người một tin quan trọng. “Tôi gọi Tiến sĩ Alex Cross là một nhân chứng biện hộ. Tôi gọi anh ta là một nhân chứng thù địch và bất hợp tác, nhưng dù thế vẫn là một nhân chứng cho bên biện hộ.”

Tôi chính là một “tiểu xảo”.

PHẦN 4

TƯỞNG NHỚ MAGGIE ROSE

CHƯƠNG 60

“*CHÚNG TA XEM LẠI* bộ phim đi bố,” Damon bảo tôi. “Lần này con nói thật đấy ạ.”

“Yên nào. Mình sẽ xem tin tức,” tôi bảo nó. “Có thể con sẽ học được nhiều về cuộc sống hơn là xem phim *Người dơi* đấy.”

“Phim buồn cười mà bố.” Damon cố thuyết phục tôi.

Tôi hé lộ cho thằng bé một chút bí mật. “Tin tức cũng vậy mà.”

Điều mà tôi đã không kể với Damon chính là tôi đã căng thẳng một cách khó tin vì phải làm chứng trước tòa hôm thứ Hai, *làm chứng cho bị cáo*.

Trên ti vi tối đó, tôi đã xem mẫu tin nói rằng Thomas Dunne đang chạy đua vào Thượng Nghị viện bang California. Có phải Thomas Dunne đang cố gây dựng lại cuộc đời mình? Hay có lẽ chính Thomas Dunne liên quan tới vụ bắt cóc? Lúc này, tôi không loại trừ điều gì cả. Tôi đã bắt đầu ngờ vực về quá nhiều thứ liên quan tới vụ bắt cóc. Còn gì khác ngoài những điều mà dường như bản báo cáo từ California đã thể hiện? Hai lần tôi đã đề xuất yêu cầu được tới California điều tra. Nhưng cả hai lần, yêu cầu đều bị bác bỏ. Jezzie đã giúp tôi. Cô có một mối quen biết ở California, nhưng tới nay vẫn chưa có kết quả gì.

Chúng tôi nằm xem tin tức trên sàn phòng khách. Janelle và Damon nằm rúc vào cạnh tôi. Trước bản tin, chúng tôi đã xem lại phim *Cảnh sát vườn trẻ* lần thứ mười, hay mười hai, hoặc có lẽ là lần thứ hai mươi.

Bọn trẻ nghĩ lẽ ra tôi nên đóng phim đó thay cho Arnold Schwarzenegger. Còn tôi thì nghĩ Arnold đã trở thành một nam diễn

hài khá hay. Hoặc có lẽ tôi thích Schwarzenegger đóng một vai khác như trong phim *Benji* hay *Tiểu thư và chàng du đãng* hơn.

Nana đang ở trong bếp, chơi bài pi noóc với dì Tia. Tôi có thể trông thấy điện thoại đặt trên bức tường bếp. Ông nghe được nhắc khỏi máy, lòng thông ở đầu dây để ngăn chặn các cuộc điện thoại từ cánh phóng viên và một số kẻ lập dị khác ở thời điểm này.

Những cuộc điện thoại tôi nhận được đêm hôm đó từ cánh báo chí rất cuộc đều xoay quanh những câu hỏi giống nhau. Tôi có thể thôi miên Soneji/Murphy trong phòng xử án đông đúc không? Liệu Soneji có chịu nói cho chúng ta biết những gì đã xảy ra với Maggie Rose Dunne không? Tôi nghĩ hẳn ta bị bệnh tâm thần hay rối loạn nhân cách? Không, tôi sẽ không bình luận gì.

Khoảng một giờ sáng, chuông cửa trước reo vang. Nana đã lên gác trước đó khá lâu. Khoảng chín giờ tối, tôi đưa Janelle và Damon đi ngủ sau khi chúng tôi cùng nhau xem thêm một chút cuốn truyện *Đen và trắng* tuyệt diệu của David Macaulay.

Tôi đi vào phòng khách tối om và kéo tấm rèm bằng vải hoa sặc sỡ ra. Là Jezzie. Cô đến vừa đúng giờ.

Tôi bước ra hiên nhà và ôm lấy cô. “Mình đi thôi, Alex,” Jezzie thì thầm. Cô đã có kế hoạch. Jezzie thường nói kế hoạch của mình là “không có kế hoạch”, nhưng điều này hiếm khi đúng với Jezzie.

Chiếc mô tô của Jezzie thực sự đã nuốt chửng con đường đêm đó. Chúng tôi vượt qua những xe khác như thể chúng đang đứng yên, bất động giữa thời gian và không gian. Chúng tôi lướt qua những ngôi nhà tối sẫm, những bãi cỏ và mọi thứ khác trong thế giới thực tại. Vào số ba. Phóng với tốc độ không thay đổi.

Tôi chờ Jezzie chuyển sang số bốn, rồi số năm. Chiếc BMW gầm lên đan gọn và nuốt nà bên dưới chúng tôi, bóng đèn pha duy nhất của nó rọi xuyên con đường bằng thứ ánh sáng mời gọi.

Jezzie chuyển làn đường dễ dàng và liên tục khi chúng tôi vào số bốn, sau đó tăng lên tốc độ tối đa với số năm. Chúng tôi chạy tốc độ một trăm chín mươi ki lô mét một giờ trên đại lộ George Washington, sau đó là hai trăm mười ki lô mét trên đại lộ 95. Jezzie từng bảo tôi là cô chưa bao giờ lấy xe ra mà không đặt tốc độ ít nhất là một trăm sáu mươi ki lô mét một giờ. Tôi tin điều đó.

Chúng tôi không ngừng bay vút qua thời gian và không gian cho tới lúc giảm tốc độ rồi dừng lại tại một trạm xăng Mobil xập xệ ở Lumberton, North Carolina.

Lúc đó đã gần sáu giờ sáng. Trông chúng tôi chắc hẳn phải thuộc loại điên nhất mà nhân viên trạm xăng từng nhìn thấy. Một người đàn ông da đen; một phụ nữ da trắng tóc vàng. Chiếc mô tô xả khói mù mịt.

Giống như trong lời bài hát “*Buổi tối nóng bỏng ở thị trấn xưa*” vậy.

Người phục vụ ở trạm xăng trông không được vui vẻ lắm. Cậu ta đeo miếng đệm mút trượt ván bên ngoài chiếc quần bò nông dân màu xanh xám. Cậu ta mới ngoài đôi mươi, để một trong những kiểu tóc vuốt nhọn hay kiểu “vận động viên trượt băng” mà người ta thường thấy trên các bãi biển California hơn là ở khu vực này. Làm thế nào mà kiểu tóc này có thể lan tới Lumberton, North Carolina nhanh đến vậy? Người ta đã trở nên rồ dại hơn chút rồi chẳng? Hay các ý tưởng được tự do lan truyền?

“Chào cậu, Rory.” Jezzie mỉm cười với cậu ta.

Cô nhìn liếc giữa hai cột bơm xăng và nháy mắt với tôi.

“Rory làm ca từ mười một giờ đêm đến bảy giờ sáng ở đây. Trạm xăng duy nhất luôn mở cửa trong bán kính tám mươi ki lô mét. Đừng hé miệng với ai mà anh không tin tưởng nhé.” Cô hạ giọng. “Rory bán đủ thứ thượng vàng hạ cám quanh khu vực này. Bất cứ thứ gì người ta cần để chịu được qua đêm. Ma túy tổng hợp, nha phiến, thuốc an thần.”

Jezzie hơi dài giọng, nghe như rót mật vào tai. Mái tóc vàng xõa tung, tôi cũng thích thế. “Thuốc lắc, ma túy đá.” cô tiếp tục “bảng thực đơn”.

Rory lắc đầu nhìn Jezzie, như thể cô bị điên vậy. Tôi đoán là cậu ta thích cô. Cậu ta vuốt những sợi tóc trong tưởng tượng khỏi mắt. “Xem ai đây nào,” cậu ta nói. Một thanh niên rất hoạt bát.

“Đừng ngại Alex.” Jezzie lại mỉm cười với anh chàng nhân viên phục vụ trạm xăng. Mái tóc vuốt nhọn khiến cậu chàng cao thêm hơn bảy phân. “Anh ấy ổn mà. Anh ấy chỉ là một cảnh sát nữa đến từ Washington”.

“Ôi, trời! Jezzie, cô là đồ chết tiệt! Lạy Chúa! Cô và đám bạn cảnh sát của cô.” Rory xoay tròn trên đế đôi giày kỹ sư của cậu ta như thể bị gí cả bó đuốc vào người. Cậu ta đã chứng kiến quá nhiều chuyện điên rồ ở đây khi làm công việc trực phòng cấp cứu ngoài tuyến đường liên bang. Hai chúng tôi chắc hẳn là điên rồi. Mà tôi biết rồi, không phải nói thêm nữa. Đám bạn cảnh sát kia là gì?

Gần mười lăm phút sau, chúng tôi đã ở căn nhà bên hồ của Jezzie. Đó là một ngôi nhà hình chữ A nhỏ nhắn nằm ngay cạnh mặt nước, bao quanh là đám cây linh sam và bạch dương. Thời tiết gần như hoàn hảo. Tiết trời cuối thu tới muộn hơn bình thường. Tình trạng nóng lên toàn cầu vẫn tiếp diễn.

“Em đã không nói cho anh biết rằng em sinh ra trong gia đình thượng lưu,” tôi nói với Jezzie khi chúng tôi đi xuống con đường quanh co đẹp tựa tranh vẽ dẫn tới ngôi nhà.

“Không hẳn đâu, Alex. Ông em để lại nơi này cho mẹ em. Ông là một kẻ du thủ du thực và là một đạo chích. Ông kiếm được rất ít tiền lúc còn sống. Đó là người duy nhất trong gia đình em làm nghề đó. Gieo nhân nào gặt quả ấy.”

“Người ta nói thế đấy.”

Tôi nhảy ra khỏi xe, rồi ngay lập tức kéo dẫn lưng và hai cẳng chân. Chúng tôi đi vào trong nhà. Cửa nhà không khóa, việc ấy khiến

đầu óc tôi phải “căng ra” một chút.

Jezzie kiểm tra chiếc tủ lạnh được ních chặt đồ. Cô bật băng nhạc Bruce Springsteen rồi dạo bước ra phía ngoài.

Tôi theo cô đi về phía mặt nước xanh thẫm, lung linh. Một cầu tàu mới được xây dựng trên đó. Một lối đi hẹp dẫn tới một cầu tàu rộng hơn có vài chiếc ghế được bắt vít vào sàn và một cái bàn. Tôi có thể nghe thấy giai điệu của album Nebraska.

Jezzie cởi đôi bốt, rồi tiếp đó là đôi tất chân kẻ sọc xanh dài tới đầu gối. Cô nhúng một chân xuống mặt nước phẳng lặng như tờ.

Đôi chân dài của cô có nét đẹp khỏe khoắn hoàn mỹ. Hai bàn chân cũng dài, khuôn hình duyên dáng, đẹp đến hết mức. Trong chốc lát, Jezzie khiến tôi nhớ lại những quý cô đã học Đại học Florida, Miami, Nam Carolina, Vanderbilt. Tôi không thể tìm ra chỗ nào không đặc biệt trên cơ thể cô.

“Anh có tin không, nước ở đây khoảng hơn hai mươi độ đấy,” cô mỉm cười dịu dàng.

“Ngay lúc này hả?”

“Đúng là thế. Ngay lúc này. Anh chơi hay nghỉ đây?”

“Những người hàng xóm sẽ nói gì chứ? Anh không mang theo đồ tắm. Hay bất cứ thứ gì khác.”

“Đó là kế hoạch cơ bản - *không kế hoạch*. Hãy tưởng tượng nhé. Một ngày thứ Bảy trọn vẹn không có kế hoạch gì. Không xét xử. Không phỏng vấn báo chí. Không có những cơn giận dữ từ gia đình Dunne. Giống như Thomas Dunne trên chương trình Larry King tuần này. Phàn nàn về việc điều tra đã dẫn tới phiên tòa xét xử, bêu tên em ở khắp nơi. Không có vụ bắt cóc gây chấn động nào đè nặng lên vai anh. Chỉ có hai chúng mình ở đây giữa một nơi xa xôi, hẻo lánh.”

“Anh thích nghe câu đó,” tôi nói với Jezzie. “Giữa một nơi xa xôi, hẻo lánh.” Tôi nhìn quanh, dõi theo đường viền nơi đám cây linh sam gặp bầu trời xanh trong trẻo.

“Vậy thì đó sẽ là tên chúng ta đặt cho nơi này nhé. “Xa Xôi Hẻo Lánh, Bắc Carolina.”

“Nghiêm túc đi nào Jez. Thế còn về những người hàng xóm thì sao? Chúng mình đang ở bang Tarheel phải không? Anh không muốn bị dính nhựa đường vào gót chân đâu nhé*.”

Cô cười. “Sẽ chẳng có ai trong bán kính ít nhất vài dặm đâu Alex. Không có căn nhà nào khác, anh tin hay không thì tùy. Hãy còn quá sớm để gặp ai đó, ngoại trừ những người đi câu cá vược.”

“Anh cũng không muốn gặp mấy người đi câu cá vược ở vùng Tarheel xa xôi hẻo lánh này.” Tôi nói. “Trong mắt họ, có lẽ anh là một con cá vược đen. Anh đọc cuốn *Deliverance* của James Dickey rồi.”

“Tất cả những người câu cá đều đi về tận cùng phía Nam của hồ. Tin em đi Alex. Để em cời đồ cho anh. Thả lỏng hơn chút nào.”

“Chúng mình sẽ cời đồ cho nhau.” Tôi đầu hàng và thả trôi bản thân theo Jezzie, theo nhịp điệu chậm rãi của buổi sáng hoàn hảo.

Trên cầu tàu của con vịnh, chúng tôi cời đồ cho nhau. Mặt trời buổi sáng ấm áp dễ chịu và tôi cảm nhận được làn gió dịu nhẹ thổi từ hồ đang ve vuốt làn da trần của chúng tôi.

Tôi thử nhiệt độ nước bằng bàn chân và mắt cá chân khéo léo của mình. Jezzie đã không nói quá về nhiệt độ.

“Em không nói dối anh mà. Em chưa bao giờ làm vậy,” cô nói rồi lại mỉm cười.

Rồi Jezzie lao xuống nước bằng một động tác hết sức hoàn hảo, gần như không làm tóe lên chút nước nào.

Tôi bơi theo luồng bong bóng sủi tăm nhẹ nhàng của cô. Khi lao mình xuyên vào làn nước, tôi nghĩ: một người đàn ông da đen và một phụ nữ da trắng xinh đẹp đang bơi với nhau.

Ở giữa miền Nam. Năm 1993, sau Công nguyên.

Chúng tôi đang liêu lĩnh, và có lẽ có chút điên rồ.

Chúng tôi sai ư? Một vài người sẽ nói thế, hoặc ít nhất cũng nghĩ thế. Nhưng tại sao lại sai? Chúng tôi làm tổn thương ai đó vì ở bên nhau ư?

Nước hồ ấm trên bề mặt. Nhưng ở độ sâu một mét rưỡi đến một mét tám thì lạnh hơn nhiều. Nước có màu xanh lam. Có lẽ là do dòng nước ngầm. Gần đây, tôi có thể cảm thấy những luồng nước mạnh tác động vào phần ngực và chỗ kín của mình.

Một ý nghĩ chợt nảy ra trong tôi. *Có lẽ nào chúng tôi đang yêu nhau sâu sắc? Đó có phải là cảm giác của tôi lúc này không?* Tôi ngoi lên hít thở.

“Anh đã chạm tới đáy hồ rồi à? Anh phải chạm tới đáy hồ ở lần lao xuống nước đầu tiên trong ngày đấy”.

“Nếu không thì sao?” tôi hỏi Jezzie.

“Nếu không anh sẽ là một con gà chết nhát, anh sẽ bị chết đuối hoặc bị lạc mãi mãi trong những cánh rừng sâu trước khi ngày tàn. Đó là một chuyện có thật. Em đã thấy chuyện ấy xảy ra rất nhiều, rất nhiều lần ở Nơi Xa Xôi Hẻo Lánh này rồi.”

Chúng tôi chơi đùa như những đứa trẻ dưới hồ. Trước thời điểm ấy cả hai đều đã làm việc rất vất vả. Quá vất vả - mất gần một năm cuộc đời.

Có một cái thang làm bằng gỗ tuyết tùng, cách dễ dàng để leo trở lại cầu tàu. Cái thang mới được đóng. Tôi còn ngửi thấy mùi gỗ tươi. Không thấy có mảnh vụn nào vương lại. Tôi băn khoăn liệu có phải Jezzie đã tự đóng chiếc thang - trong kỳ nghỉ của cô - chỉ ngay trước vụ bắt cóc.

Chúng tôi bám vào thang, và bám vào nhau. Ở đâu đó xa xa trên hồ, đám vịt trời đang kêu. Thật là một âm thanh thú vị. Trên mặt nước đang trải ra trước chúng tôi có vài gợn sóng. Những con sóng nhỏ vỗ tí tách dưới cằm Jezzie.

“Em yêu anh những lúc thế này. Khi anh dễ bị tổn thương,” cô nói. “Con người thực của anh bắt đầu lộ diện.”

“Anh có cảm giác mọi thứ không thật trong suốt một thời gian dài,” tôi nói với Jezzie. “Vụ bắt cóc. Cuộc truy lùng Soneji. Phiên tòa ở Washington.”

“Đây là điều duy nhất có thực vào lúc này. Phải không? Em thích ở bên anh lắm.” Jezzie ngả đầu lên ngực tôi.

“Em thích *lắm* à?”

“Vâng. Em thích lắm. Mọi thứ đơn giản biết mấy, anh thấy không?” Jezzie chỉ tay về phía khung cảnh hồ bao la đẹp như tranh vẽ, về phía những vòng cây linh sam dày đặc. “Anh không thấy sao? Tất cả quá tự nhiên. Mọi thứ sẽ ổn. Em hứa đấy. Sẽ không có người đánh cá vược nào chen vào giữa hai chúng ta.”

Jezzie nói đúng. Lần đầu tiên sau một khoảng thời gian rất dài, tôi cảm thấy mọi việc đều có thể ổn thỏa - mọi thứ có thể xảy ra từ thời điểm ấy trở đi. Mọi thứ sẽ chậm rãi, đơn giản và tốt đẹp hết mức có thể. Chẳng ai trong chúng tôi muốn những ngày cuối tuần kết thúc.

CHƯƠNG 61

“*TÔI LÀ MỘT THANH TRA CHUYÊN ĐIỀU TRA ÁN MẠNG* của Sở Cảnh sát Washington. Chức vụ chính thức là trưởng bộ phận. Đôi khi, tôi được giao tham gia các vụ án liên quan tới bạo lực mà trong đó các yếu tố tâm lý có thể giúp phá án.”

Tôi tuyên thệ bên trong căn phòng xử án đông đúc, nín lặng và căng thẳng ở Washington. Đó là sáng thứ Hai. Những ngày cuối tuần dường như đã ở xa hàng triệu dặm. Những giọt mồ hôi bắt đầu lăn tròn trên trán tôi.

“Anh có thể nói cho chúng tôi biết tại sao anh lại được giao những vụ việc có liên quan đến yếu tố tâm lý chứ?” Anthony Nathan hỏi tôi.

“Tôi là một nhà tâm lý học đồng thời cũng là thanh tra. Tôi đã làm việc ở phòng khám tư trước khi gia nhập lực lượng cảnh sát D.C.,” tôi nói. “Trước đó, tôi làm việc trong ngành nông nghiệp. Tôi đã là công nhân nông trường di cư trong một năm.”

“Anh tốt nghiệp trường nào?” Nathan không chịu đánh mất sự tập trung vào việc cho thấy tôi là một tay hết sức ấn tượng.

“Như anh đã biết, Nathan, tôi bảo vệ luận án tiến sĩ ở Đại học Johns Hopkins.”

“Một trong những trường tốt nhất trong nước, nhất là ở vùng này của đất nước,” anh ta nói.

“Phản đối. Đó là quan điểm của ông Nathan.” Mary Warner đòi công bằng.

Thẩm phán Kaplan chấp thuận lời phản đối.

“Anh cũng đã xuất bản các bài báo trong *Kỷ yếu Tâm thần học*, trong *Tạp chí Tâm thần học Hoa Kỳ*.” Nathan tiếp tục như thể Warner và thẩm phán Kaplan chẳng có vai trò gì quan trọng.

“Tôi có viết một vài bài. Chẳng có gì đáng kể, thưa luật sư Nathan. Rất nhiều nhà tâm lý học cũng viết báo.”

“Nhưng không phải trên các *Tạp chí* hay *Kỷ yếu*, Tiến sĩ Cross ạ. Chủ đề của những bài báo học thuật này là gì?”

“Tôi viết về tâm lý tội phạm. Tôi biết đủ những từ có ba hay bốn âm tiết để đảm bảo chất lượng cho những thứ gọi là báo chí học thuật.”

“Tôi ngưỡng mộ đức khiêm tốn của anh, thực lòng đấy. Hãy nói cho tôi biết một điều thưa Tiến sĩ Cross. Anh đã quan sát tôi trong suốt vài tuần nay. Vậy anh sẽ miêu tả tính cách tôi như thế nào?”

“Tôi sẽ cần vài phiên làm việc riêng để biết điều đó thưa anh Nathan. Tôi không chắc là anh có đủ tiền trả tôi để thực hiện các biện pháp trị liệu hay không.”

Có tiếng cười trong phòng xử án. Ngay cả thẩm phán Kaplan cũng tỏ ra thích thú với phút đùa vui hiếm hoi.

“Anh đoán liều rồi,” Nathan tiếp tục. “Tôi đủ tiền trả.”

Anh ta có cái đầu tinh nhạy và rất sáng tạo. Anthony Nathan thực sự rất biến báo. Thoạt đầu anh ta đã dựng chuyện tôi là nhân chứng độc lập, chứ không phải một “chuyên gia” trong tầm kiểm soát của anh ta.

“Anh bị loạn thần kinh.” Tôi mỉm cười. “Và có lẽ ma mãnh nữa.”

Nathan quay mặt về phía bồi thẩm đoàn và ngửa lòng bàn tay. “Ít nhất là anh ta đã trung thực. Và nếu không có gì thay đổi thì sáng nay tôi đã có một cuộc kiểm tra tâm thần miễn phí.”

Thêm vài tiếng cười nữa nổi lên từ phía bồi thẩm đoàn. Lần này, tôi có cảm giác, vài thành viên ban hội thẩm đã bắt đầu thay đổi suy nghĩ của họ về Anthony, và có lẽ về cả vị thân chủ của anh ta nữa.

Thoạt đầu họ đã rất ghét Anthony. Nhưng giờ đây họ thấy anh ta hấp dẫn và rất, rất thông minh. Anh ta đang thực hiện việc bào chữa cho thân chủ của mình một cách chuyên nghiệp, thậm chí có thể nói là rất tuyệt vời.

“Anh đã có bao nhiêu buổi làm việc với Gary Murphy?” Bây giờ anh ta hỏi tôi. Gary *Murphy*, không phải Soneji.

“Chúng tôi đã làm việc với nhau mười lăm lần trong thời gian ba tháng rưỡi.”

“Vậy là đủ để đưa ra vài nhận định, tôi tin thế được chứ?”

“Tâm thần học không phải là môn khoa học có tính chính xác cao như thế. Tôi muốn có thêm vài buổi làm việc nữa. Tôi đã có một số nhận định sơ bộ.”

“Đó là?” Nathan hỏi tôi.

“Phản đối!” Mary Warner một lần nữa đứng dậy. Cô là người phụ nữ sốt sắng. “Thanh tra Cross vừa nói anh ấy cần có thêm các buổi làm việc để đưa ra nhận định y khoa cuối cùng.”

“Bác bỏ phản đối,” thẩm phán Kaplan nói. “Thanh tra Cross cũng đã nói anh ta có một số quan điểm sơ bộ. Tôi muốn nghe xem những quan điểm đó là gì.”

“Tiến sĩ Cross,” Nathan tiếp tục như thế không hề có những can thiệp vừa rồi, “không giống như các nhà tâm thần học và tâm lý học khác đã gặp gỡ Gary Murphy, anh có liên quan mật thiết tới vụ việc này ngay từ đầu - cả với tư cách một cảnh sát lẫn tư cách một nhà tâm lý học.”

Nữ luật sư bên nguyên lại ngắt lời Nathan lần nữa. Cô đã không còn kiên nhẫn nữa. “Thưa thẩm phán, ông Nathan có câu hỏi để hỏi không?”

“Ông có câu hỏi không ông Nathan?”

Anthony Nathan quay qua Mary Warner và búng ngón tay về phía cô. “Một câu hỏi ư? Khó gì chứ.” Anh ta quay sang tôi.

“Là một cảnh sát tham gia vụ án ngay từ ban đầu, và là một nhà tâm lý học được đào tạo bài bản, anh có thể cho chúng tôi biết nhận định chuyên môn của mình về Gary Murphy chứ?”

Tôi nhìn Murphy/Soneji. Hắn đang tỏ ra là Gary Murphy. Lúc này, trông hắn giống một người đàn ông tử tế và đáng được thông cảm trót bị rơi vào cơn ác mộng khủng khiếp nhất mà ai đó có thể tưởng tượng ra.

“Những cảm giác đầu tiên và những ấn tượng trung thực nhất của tôi là rất bản năng và con người. Vụ bắt cóc do một giáo viên gây ra khiến tôi bị sốc và hoang mang,” tôi bắt đầu câu trả lời của mình. “Đó là việc gây mất niềm tin sâu sắc. Rồi tình hình trở nên tồi tệ hơn thế. Cá nhân tôi đã chứng kiến thi thể bị bạo hành của Michael Goldberg. Đó là điều tôi sẽ không bao giờ quên được. Tôi đã nói chuyện với ông bà Dunne về cô con gái nhỏ của họ. Tôi có cảm giác như thể tôi quen biết Maggie Rose Dunne. Tôi cũng đã thấy các nạn nhân của vụ giết người ở nhà Turner và Sanders.”

“Phản đối!” Mary Warner lại đứng dậy. “Phản đối!”

“Anh biết nhiều hơn thế.” Thẩm phán Kaplan làm tôi cứng người với cái nhìn lạnh lẽo. “Không chấp nhận ghi lại lời khai kể trên. Bồi thẩm đoàn được chỉ thị bỏ qua. Không có bằng chứng nào cho thấy bị cáo có liên quan gì tới những sự kiện vừa được đề cập theo bất kỳ cách nào.”

“Anh cần một câu trả lời trung thực,” tôi bảo Nathan. “Anh muốn nghe những điều tôi tin. Đó là thứ anh đang nhận được.”

Nathan gật đầu khi đi về phía bồi thẩm đoàn. Anh ta quay lại phía tôi.

“Được rồi, được rồi. Tôi chắc là chúng tôi sẽ nhận được sự trung thực tuyệt đối của anh, Tiến sĩ Cross ạ. Bất kể việc tôi có thích sự trung thực ấy hay không. Bất kể việc Gary Murphy có thích nó không. Anh là người hoàn toàn trung thực. Tôi sẽ không chen vào quan điểm

trung thực của anh, miễn là bên truy tố không làm thế. Xin mời tiếp tục.”

“Tôi khao khát bắt được kẻ bắt cóc tới mức không yên thân nổi. Tất cả thành viên trong Đội Giải cứu Con tin đều như thế. Với hầu hết chúng tôi, việc ấy rất giống vấn đề của cá nhân.”

“Anh thực sự rất căm thù kẻ bắt cóc. Anh muốn thấy kẻ đó, dù hắn là ai đi nữa, phải chịu sự trừng phạt cao nhất mà pháp luật cho phép chứ?”

“Tôi đã muốn vậy. Giờ đây vẫn muốn thế,” tôi trả lời Nathan.

“Khi Gary Murphy bị bắt, anh cũng ở đó. Anh ta bị cáo buộc đã thực hiện các hành vi phạm tội. Sau đó anh có nhiều buổi làm việc với anh ta. Ngay lúc này anh nghĩ gì về Gary Murphy?”

“Thú thật là tôi không biết tin gì ngay lúc này.”

Anthony Nathan không hề dừng lại. “Như vậy hắn là có *một nghi ngờ hợp lý* nào đó trong đầu anh?”

Mary Warner giậm chân xuống mặt sàn cổ lỗ của căn phòng xử án. “Mớm lời. Dẫn dắt nhân chứng.”

“Bồi thẩm đoàn sẽ bác bỏ,” thẩm phán Kaplan nói.

“Hãy nói cho chúng tôi biết những cảm giác của anh lúc này về Gary Murphy. Hãy cho chúng tôi biết nhận định chuyên môn của anh, Tiến sĩ Cross,” Nathan nói.

“Tôi vẫn chưa biết anh ta là Gary Murphy hay Gary Soneji. Tôi không chắc hai nhân cách này cùng tồn tại trong người đàn ông này hay không. Tôi tin rằng có một khả năng anh ta là trường hợp có nhân cách phân lập.”

“Vậy nếu anh ta là một người có nhân cách phân lập?”

“Nếu đúng là vậy, Gary Murphy có thể nhận thức được rất ít hoặc không có ý thức về những hành động của Gary Soneji. Anh ta có cũng thể là một kẻ tâm thần hết sức thông minh có thể điều khiển tất cả chúng ta. Kể cả anh nữa.”

“Được rồi, tôi có thể chấp nhận những thông số đó. Đến thời điểm này thế là tốt rồi,” Nathan nói. Viên luật sư để hai tay trước ngực như thể đang giữ một quả bóng nhỏ. Hiển nhiên anh ta đang cố gắng để lấy được một định nghĩa chặt chẽ hơn từ tôi.

“Khái niệm nghi ngờ này dường như rất quan trọng, phải không?” anh ta tiếp tục. “Đây là một trận đấu trọn vẹn. Vì thế tôi muốn anh giúp cho bồi thẩm đoàn đưa ra được quyết định quan trọng của họ. Tiến sĩ Cross, *tôi muốn anh thôi miên Gary Murphy!*” anh ta tuyên bố.

“Tại đây, trong phòng xử án này. Hãy để các vị bồi thẩm tự quyết định. Và tôi hoàn toàn tin tưởng vào bồi thẩm đoàn này cùng quyết định của họ. Tôi tin tưởng tuyệt đối rằng khi những người này chứng kiến toàn bộ bằng chứng, họ sẽ đi đến quyết định đúng đắn. Được không, thưa Tiến sĩ Cross?”

CHƯƠNG 62

SÁNG HÔM SAU, hai chiếc ghế bành bọc da đỏ đơn giản được đem vào phục vụ quá trình thôi miên của tôi với Gary. Để giúp hẩn nhẹ nhõm và dễ quên đi khung cảnh xung quanh, ánh đèn phía trên đầu phòng xử án được giảm bớt. Cả hai chúng tôi đều được gắn micro. Đó là những phụ kiện duy nhất nhằm duy trì sự tiếp xúc với bên ngoài được thẩm phán Kaplan cho phép.

Cũng có một lựa chọn thay cho việc này là quay phim buổi thôi miên của chúng tôi ở một địa điểm khác, nhưng Gary tin rằng hẩn có thể được thôi miên trong phòng xử án. Hẩn muốn thử. Luật sư của hẩn cũng muốn hẩn thử.

Tôi quyết định sẽ tiến hành thôi miên như thể Soneji/ Murphy đang ở trong phòng giam của hẩn. Việc ngăn chặn một số xao lãng hiển nhiên diễn ra bên trong phòng xử án là điều rất quan trọng. Tôi không biết lần này thôi miên có tác dụng hay không, hay kết quả thu được là gì. Tôi bối rối khi ngồi vào một trong hai chiếc ghế bành. Tôi cố không nhìn vào đám khán giả trong phòng xử án. Tôi vốn không thích đứng trên sân khấu, đặc biệt là lúc này.

Trước đây tôi đã từng dùng kỹ thuật khơi gợi đơn giản bằng ngôn ngữ với Gary. Chúng tôi cũng bắt đầu phiên thôi miên tại phòng xử án theo cách đó. Thôi miên thực sự không phức tạp như hầu hết mọi người vẫn nghĩ.

“Gary,” tôi nói, “tôi muốn anh ngồi ngả về phía sau, cố gắng thư giãn, và chúng ta sẽ xem chuyện gì xảy ra.”

“Tôi sẽ cố gắng hết sức có thể,” hẩn nói, giọng điệu chân thành đúng như vẻ ngoài. Hẩn mặc bộ vest màu xanh nước biển, chiếc sơ mi

màu trắng bánh bao, chiếc cà vạt kẻ sọc gân. Nom hẳn còn giống luật sư hơn chính tay luật sư của hẳn.

“Tôi sẽ lại thôi miên anh vì luật sư của anh cảm thấy điều đó có ích cho anh trong vụ án này. Anh đã nói với tôi rằng anh cần sự giúp đỡ đó. Phải không?”

“Vâng, đúng vậy,” Gary đáp. “Tôi muốn nói sự thật... chính tôi cũng muốn biết sự thật.”

“Được rồi, vậy thì tôi muốn anh đếm ngược từ một trăm. Trước đây chúng ta đã làm thế rồi. Hãy để mình thư thái với từng con số. Anh có thể bắt đầu đếm rồi đấy.”

Gary Murphy bắt đầu đếm ngược.

“Hai mắt anh bắt đầu nhắm lại. Bây giờ anh cảm thấy thư thái hơn nhiều... trong trạng thái ngủ... thở thật sâu,” tôi nói bằng âm điệu mỗi lúc một nhỏ dần và đều đều.

Căn phòng xử án gần như nín lặng. Âm thanh duy nhất là tiếng u u và rầm rì của điều hòa trong phòng.

Cuối cùng Gary cũng ngừng đếm.

“Anh thấy thoải mái chứ? Mọi thứ ổn không?” tôi hỏi hẳn.

Đôi mắt màu nâu của gã đàn ông đờ đẫn và nhòe ướt. Trông hẳn có vẻ đã bị cuốn vào tình trạng thôi miên khá dễ dàng. Nhưng không có cách nào để khẳng định chắc chắn điều ấy.

“Vâng. Tôi ổn. Tôi thấy khỏe.”

“Nếu anh muốn dừng việc này lại, vì bất cứ lý do nào, thì anh đã biết cách rời khỏi tình trạng này rồi đấy.”

Hẳn gật đầu nhẹ nhàng khi cất lời. “Tôi hiểu. Tôi vẫn ổn mà.” Đường như hẳn chỉ nghe câu được câu mất.

Dưới áp lực và hoàn cảnh buổi xét xử, dường như khó có chuyện hẳn đang giả vờ.

Tôi nói, “Trong phiên làm việc trước, chúng ta đã nói về chuyện anh tỉnh dậy ở tiệm McDonald. Anh bảo tôi là anh đã ‘tỉnh dậy như

thể vừa trải qua một giấc mơ'. Anh còn nhớ không?"

"Đúng vậy. Chắc chắn là tôi nhớ," hăn nói. "Tôi tỉnh dậy trong một chiếc xe cảnh sát đỗ ở bên ngoài tiệm McDonald. Tôi tới và cảnh sát ở đó. Họ bắt tôi."

"Anh thấy sao khi cảnh sát bắt anh?"

"Tôi thấy như điều đó không thể xảy ra được. Không đời nào. Đó chắc chắn phải là một giấc mơ tồi tệ. Tôi bảo họ rằng tôi là một người bán hàng, nói cho họ biết nơi tôi sống ở Delaware. Nói mọi thứ tôi nghĩ ra được để chứng tỏ rằng họ đã bắt lầm người. Không phải một tên tội phạm. Tôi không có bất cứ tiền án, tiền sự nào."

Tôi nói, "Chúng ta sẽ nói về thời điểm ngay trước khi anh bị bắt. Hôm đó. Khi anh bước vào tiệm ăn nhanh."

"Tôi không... Tôi không chắc mình có nhớ được hay không. Để tôi thử nghĩ về chuyện ấy xem sao..." Gary có vẻ chật vật đôi chút. Đó là diễn chằng? Hay hăn không thoải mái với sự thật mà hăn đã nhớ ra vào lúc này?

Lúc đầu, tôi đã ngạc nhiên khi hăn để lộ thân phận Soneji trong buổi thôi miên tại trại giam của chúng tôi. Tôi tự hỏi liệu gã này có tái diễn điều đó. Nhất là trong những hoàn cảnh gay go thế này.

"Anh dừng lại để đi vào nhà vệ sinh bên trong tiệm McDonald. Anh muốn một chút cà phê để giúp mình tỉnh táo khi lái xe."

"Tôi nhớ... tôi nhớ đôi chút về điều đó. Chắc chắn tôi đã thấy mình ở tiệm McDonald. Tôi nhớ mình đã ở đó..."

"Cứ bình tĩnh. Chúng ta còn nhiều thời gian mà Gary."

"Rất đông người. Nhà hàng đó rất đông đúc, ý tôi là vậy. Tôi đi lên phía cửa nhà vệ sinh. Sau đó vì lý do gì đó mà tôi đã *không* vào. Tôi không biết tại sao. Buồn cười thật, nhưng tôi không nhớ."

"Khi đó anh cảm thấy thế nào? Lúc đứng bên ngoài nhà vệ sinh ấy. Anh còn nhớ mình thấy thế nào không?"

“Bị kích động. Tệ hơn. Tôi cảm thấy máu dồn lên não. Tôi không hiểu tại sao. Tôi khó chịu, và tôi không biết tại sao.”

Soneji/Murphy đang nhìn chăm chăm về phía trước. Hắn nhìn sang phía trái chỗ tôi ngồi. Tôi hơi ngạc nhiên vì sao chính tôi lại có thể dễ dàng quên đi việc khán giả trong phòng xử án đang quan sát hai chúng tôi.

“*Soneji* có trong nhà hàng lúc đó không?” tôi hỏi hắn.

Gã đàn ông hơi nghiêng đầu. Một cử chỉ kỳ lạ khiến người ta xúc động.

“*Soneji* đang ở đó. Vâng, hắn đang có mặt ở tiệm McDonald. Hắn bị kích động. Gã vờ lấy cà phê, nhưng trông hắn tức giận. Tôi nghĩ hắn *thực sự nổi điên*. *Soneji* là một gã điên rồ, một mầm ác.”

“Vì sao hắn điên? Anh biết không? Cái gì khiến *Soneji* tức giận?”

“Tôi nghĩ đó là vì... mọi thứ của hắn đã hỏng hết cả. Cảnh sát may mắn lạ lùng. Kế hoạch của hắn nhằm được nổi tiếng đã sụp đổ. Hoàn toàn tan vỡ. Giờ đây hắn cảm thấy giống như Bruno Richard Hauptmann. Chỉ là một kẻ thất bại khác.”

Đây là thông tin mới. Trước phiên xét xử, hắn chưa từng nói về vụ bắt cóc thực sự. Tôi đã quên đi mọi thứ trong phòng xử án. Hai mắt tôi dán vào Gary Soneji/ Murphy.

Với toàn bộ khả năng của mình, tôi cố gắng giữ giọng nói bình thường và không thể hiện chút đe dọa nào. Thông thả. Nhẹ nhàng và chậm rãi. Giống như đi trên mép vực vậy. Tôi có thể giúp hắn, hoặc cả hai chúng tôi sẽ cùng lao xuống. “Có gì trục trặc trong kế hoạch của *Soneji*?”

“Tất cả những gì có thể sai lệch,” hắn nói. Hắn vẫn là Gary Murphy. Tôi có thể thấy điều đó. Hắn vẫn chưa chuyển sang nhân cách *Soneji*. Nhưng Gary Murphy biết những hoạt động của Gary Soneji; khi bị thôi miên, *Gary Murphy hiểu những suy nghĩ của Soneji*.

Phòng xử án vẫn tĩnh lặng. Không có bất cứ cử động nhỏ nào trong tầm quan sát phía trước tôi.

Gary cung cấp thêm các chi tiết về vụ bắt cóc. “Hắn kiểm tra cậu con trai nhà Goldberg, cậu bé đã chết. Gương mặt cậu bé xanh mét. Chắc chắn do sử dụng thuốc gây mê quá liều... Soneji không thể tin rằng hắn đã phạm sai lầm. Hắn đã rất cẩn thận và tỉ mỉ. Trước khi bắt cóc, hắn đã nói chuyện với nhiều bác sĩ gây mê.”

Tôi hỏi một câu then chốt: “Tại sao thi thể cậu bé lại bị đánh đập và bầm tím như vậy? Chính xác là chuyện gì đã xảy ra với cậu bé nhà Goldberg?”

“Soneji hơi điên lên một chút. Hắn không tin nổi mình lại xui xẻo đến thế. Hắn dùng một cái xẻng to đánh liên tục lên thi thể cậu con trai nhà Goldberg.”

Tới lúc này, cách hắn nói về Soneji thực sự rất đáng tin. Có thể rốt cuộc hắn đúng là một nạn nhân của chứng bệnh đa nhân cách. Điều đó sẽ thay đổi hoàn toàn vụ xét xử, và có thể làm thay đổi cả phán quyết của tòa.

“Cái xẻng đó là xẻng nào?” tôi hỏi.

Hắn nói mỗi lúc một nhanh hơn. “Cái xẻng hắn dùng để đào hai đứa trẻ lên. Chúng bị chôn trong một nhà kho. Chúng được cấp dưỡng khí trong vài ngày. Chỗ đó giống như một cái hầm trú ẩn, ông biết đấy. Hệ thống thông khí hoạt động rất tốt; tất cả những thứ khác cũng vậy. Soneji đã tự mình thiết kế. Hắn tự tay xây dựng nên nó.”

Mạch máu trong tôi đang đập dồn dập. cổ họng khô khốc, rất bóng. “Thế còn con bé? Maggie Rose thì sao?” tôi hỏi hắn.

“Con bé ổn. Soneji tiêm thuốc Valium cho nó lần thứ hai. Để cho nó ngủ tiếp. Con bé hoảng sợ, la hét vì dưới hầm quá tối. Tối đen như mực. Nhưng *như thế* vẫn chưa ăn thua. Bản thân Soneji đã từng thấy những thứ tồi tệ hơn. *Tầng hầm.*”

Đến điểm này, tôi tiếp tục một cách hết sức thận trọng. Tôi không muốn đánh mất hắn ở đây. Có gì về căn hầm đó? Tôi sẽ cố gắng trở lại

với căn hầm đó sau.

“Bây giờ Maggie Rose ở đâu?” tôi hỏi Gary Murphy.

“Không biết,” hắn đáp không hề chần chừ.

Không phải *con bé đã chết*. Không phải con bé còn sống... mà là *Không biết*. Tại sao hắn giấu thông tin đó? Vì hắn biết tôi cần nó? Vì tất cả mọi người trong phòng xử án đều muốn biết số phận của Maggie Rose Dunne chẳng?

“Soneji đã trở lại để đưa con bé đi,” hắn nói tiếp. “FBI đã chấp nhận khoản tiền chuộc mười triệu đô. Mọi thứ đã được xếp đặt. Nhưng con bé đã biến mất! Maggie Rose không còn ở đó khi Soneji quay lại lần nữa. *Con bé đã biến mất! Ai đó đã đưa con bé ra khỏi đó!*”

Các khán giả trong phòng xử án không còn yên lặng nữa. Nhưng tôi vẫn tập trung vào Gary.

Thẩm phán Kaplan lưỡng lự không muốn gõ búa yêu cầu trật tự. Bà đứng dậy. Bà ra hiệu yêu cầu im lặng, nhưng điều đó trở nên vô dụng. *Ai đó đã đưa con bé ra khỏi đó. Ai đó đang giữ con bé.*

Tôi vội vã hỏi thêm vài câu nữa trước khi căn phòng và Soneji/Murphy vượt ra ngoài tầm kiểm soát. Giọng tôi vẫn mềm mỏng, bình tĩnh một cách đáng ngạc nhiên bất chấp hoàn cảnh.

“Có phải *anh* đã đào cô bé lên không Gary? Có phải *anh* đã cứu cô bé khỏi Soneji? Anh có biết bây giờ Maggie Rose ở đâu không?” tôi hỏi hắn.

Hắn không thích chuỗi câu hỏi ấy. Hắn ướm dẫm mồ hôi. Hai mí mắt chớp chớp. “Tất nhiên là không. Không. Tôi không hề liên quan gì tới chuyện này. Tất cả là do Soneji. Tôi không thể kiểm soát được hắn. Không ai làm được. Ông không hiểu điều đó sao?”

Tôi ngả người về phía trước ghế. “Lúc này Soneji có ở đây không? Hắn có mặt ở đây với chúng ta sáng nay không?”

Ở trong bất cứ hoàn cảnh nào khác, tôi sẽ không cố dồn ép hắn tới mức này. “Tôi có thể hỏi *Soneji* về những gì đã xảy ra với Maggie

Rose không?”

Gary Murphy lắc đầu liên tục. Hắn biết có gì khác đang xảy đến với hắn.

“Lúc này quá kinh khủng,” hắn nói. Mặt hắn nhỏ mồ hôi tong tong còn mái tóc ướt nhẹp. “Quá kinh khủng. Soneji thực sự đáng sợ! Tôi không thể nói về hắn nữa. Tôi sẽ không nói nữa. Tôi xin đấy, cứu tôi với, Tiến sĩ Cross! Xin hãy cứu tôi.”

“Được rồi, Gary, vậy là đủ rồi.” Tôi đưa Gary thoát khỏi tình trạng thôi miên ngay lập tức. Đó là hành vi nhân đạo duy nhất phải làm trong những hoàn cảnh như thế. Tôi không còn lựa chọn khác.

Đột nhiên, Gary Murphy trở lại phòng xử án với tôi. Hai mắt hắn nhìn tôi chăm chăm. Tôi không thấy gì ngoài nỗi sợ hãi trong đó.

Đám đông trong phòng xử án đã nằm ngoài tầm kiểm soát. Các phóng viên báo in và truyền hình vội vã gọi điện về trung tâm tin tức. Thẩm phán Kaplan liên tục gõ mạnh búa của mình.

Ai đó đã giữ Maggie Rose Dunne... Có khả năng đó xảy ra không?

“Ổn rồi, Gary,” tôi nói. “Tôi hiểu tại sao anh sợ.”

Hắn nhìn tôi chăm chăm, rồi đôi mắt hắn chậm chậm lướt qua căn phòng xử án ồn ào như ong vỡ tổ. “Chuyện gì đã xảy ra vậy?” hắn hỏi. “Chuyện gì vừa xảy ra ở đây thế?”

CHƯƠNG 63

TÔI VẪN CÒN NHỚ một đoạn tác phẩm của Kafka. Cụ thể hơn, đó là phần mở đầu đáng sợ trong tiểu thuyết *Vụ Án* của Kafka: “Hắn ai đó đã vu oan cho Joseph K., vì dù không làm gì sai, anh vẫn bị bắt giữ trong một buổi sáng đẹp trời.” Đó cũng là những gì Gary Murphy muốn chúng tôi tin: rằng hắn trót bị sa vào một cơn ác mộng. Rằng hắn cũng vô tội như Joseph K.

Lúc rời tòa án, tôi bị chụp ảnh đến vài chục lần. Mọi người đều có câu hỏi của riêng mình. Tôi chẳng có bình luận nào. Tôi chưa bao giờ bỏ lỡ cơ hội giữ bản thân kín tiếng.

Maggie Rose còn sống hay đã chết? Báo chí muốn biết điều đó. Tôi sẽ không nói điều mình nghĩ, bởi tôi nghĩ cô bé có lẽ đã chết.

Khi rời tòa án, tôi thấy Katherine và Thomas Dunne bước về phía mình, theo sát hai bên là đám phóng viên báo in và truyền hình. Tôi muốn nói chuyện với Katherine, nhưng không muốn nói chuyện với Thomas.

“Tại sao ông lại giúp hắn?” Thomas Dunne lớn tiếng hỏi. “Ông không biết hắn đang nói dối sao? Ông bị sao vậy, Cross?”

Thomas Dunne đang rất căng thẳng, mặt đỏ gay. Mất bình tĩnh. Các mạch máu trên trán ông ta có lẽ không thể nổi rõ hơn nữa. Katherine Rose trông thật khổ sở, vô cùng suy sụp.

“Người ta từng gọi tôi là nhân chứng thù địch đấy,” tôi nói với vợ chồng nhà Dunne. “Tôi đang làm việc của tôi, thế thôi.”

“Thế thì ông đang làm việc của mình quá tệ.” Thomas Dunne tiếp tục tấn công tôi. “Ông đã để mất con gái chúng tôi ở Florida. Bây giờ

ông lại đang cố gắng thả tự do cho kẻ bắt cóc nó.”

Đến nước này thì tôi đã hết chịu nổi ngài Thomas Dunne rồi. Ông ta đã tấn công đích danh tôi trên báo chí, truyền hình. Tôi muốn tìm lại con gái của ông ta nhưng đồng thời cũng không muốn chịu đựng những lời lăng mạ này thêm nữa.

“Ông dám nói thế sao?!” Tôi hét đáp lại Dunne khi các camera cầm bắt rồi kêu vo vo quanh chúng tôi. “Tôi đã bị trói cả hai tay. Tôi đã bị loại khỏi đội phá án, một cách đột ngột và kỳ lạ, rồi được điều trở lại. Và tôi là người duy nhất thu được ít nhiều kết quả.”

Tôi quay ngoắt người khỏi hai vợ chồng nhà Dunne và lao xuống những bậc cầu thang dốc. Tôi hiểu nỗi thống khổ của họ, nhưng Thomas Dunne đã quấy rầy tôi suốt nhiều tháng nay. Ông ta quá tin ở bản thân, và ông ta đã sai. Dường như không ai hiểu được một sự thật đơn giản: tôi là người vẫn đang cố gắng tìm kiếm sự thật về Maggie Rose. Tôi là người duy nhất.

Khi tôi đến cuối cầu thang, Katherine Rose từ phía sau chạy tới. Cô đuổi theo tôi. Các tay phỏ nháy theo sau cô. Họ ở khắp mọi nơi, những cỗ máy tự động “đốt” phim của họ đang bấm như điên dại. Báo chí lại đang nhúng mũi vào câu chuyện.

“Tôi xin lỗi vì tất cả mọi chuyện,” cô nói trước khi tôi kịp cất lời. “Việc mất Maggie đã hủy hoại Tom, hủy hoại cuộc hôn nhân của chúng tôi. Tôi biết anh đã làm hết sức. Tôi hiểu những gì anh đã phải trải qua. Tôi xin lỗi anh, Alex. Tôi xin lỗi vì tất cả.”

Đó thực sự là một khoảnh khắc kỳ lạ. Rốt cuộc tôi cũng bước tới và nắm bàn tay của Katherine Rose Dunne. Tôi cảm ơn cô, và hứa rằng mình sẽ không bỏ cuộc. Các tay máy tiếp tục chụp hình. Sau đó, tôi mau chóng rời khỏi địa điểm xét xử, từ chối trả lời các câu hỏi khác, tuyệt đối từ chối nói cho họ biết những gì vừa được trao đổi giữa tôi và Katherine Rose. Im lặng là cách trả thù tốt nhất với những kẻ sẵn tin vô liêm sỉ.

Tôi về nhà. Tôi vẫn đang tìm kiếm Maggie Rose Dunne, nhưng bây giờ là tìm trong trí não của Soneji/ Murphy. Có thể con bé đã bị một người khác đưa ra khỏi nơi giam giữ rồi chẳng? Tại sao Gary Murphy lại nói với chúng tôi như thế? Khi lái xe về khu vực Đông Nam, tôi bần khoản về những điều Gary Murphy nói trong lúc hấn bị thôi miên. Liệu có phải lúc ở tòa án Gary Soneji đã dặt mũi tất cả chúng tôi một cách hoàn hảo không? Đó quả là một khả năng đáng sợ, nhưng cũng rất thật. Liệu tất cả những chuyện này có phải là một phần trong những kế hoạch khủng khiếp của hấn không?

Sáng hôm sau, tôi cố thôi miên Soneji/Murphy lần nữa. Vị Thanh tra Tài giỏi - Tiến sĩ Cross đã trở lại sân khấu trung tâm! Kiểu gì thì các số báo buổi sáng cũng sẽ đưa tin như thế.

Lần này thôi miên không có tác dụng. Gary Murphy quá sợ hãi, hoặc luật sư của hấn tuyên bố thế. Có quá nhiều tiếng ồn trong phòng xử án đông đúc. Thẩm phán Kaplan có lúc phải yêu cầu trật tự, nhưng rồi điều đó cũng chẳng tác dụng gì.

Hôm đó tôi còn bị bên khởi tố đối chất, nhưng Mary Warner quan tâm tới việc kéo tôi ra khỏi vị trí xét hỏi hơn là đặt câu hỏi về khả năng hay kinh nghiệm của tôi. Vai trò của tôi trong phiên xử án đã hết. Tôi cũng không thấy có vấn đề gì với việc đó.

Trong suốt thời gian còn lại của tuần đó - thời gian dành cho việc khai báo thêm của các chuyên gia - cả tôi và Sampson không có mặt ở tòa án nữa. Chúng tôi trở lại đường phố. Chúng tôi có những vụ việc mới. Chúng tôi cũng cố xem lại một vài góc độ phức tạp liên quan tới ngày thực sự xảy ra vụ bắt cóc. Chúng tôi phân tích lại mọi việc, dành nhiều giờ trong phòng họp chất đầy hồ sơ. Nếu Maggie Rose đã được đưa ra khỏi nơi giam cầm ở Maryland, có thể con bé vẫn sống, vẫn còn một cơ hội mong manh.

Sampson và tôi trở lại trường Washington Day một lần nữa để phỏng vấn một vài giáo viên của trường. Nói giảm đi thì đa số họ đều không lấy làm vui mừng lắm khi gặp lại chúng tôi. Chúng tôi vẫn

kiểm nghiệm giả thuyết “tòng phạm”. Rõ ràng có một khả năng là Gary Soneji đã phối hợp hành động với ai đó ngay từ đầu. Liệu đó có phải là Simon Conklin, người bạn của hắn ở khu Princeton? Nếu không phải Conklin thì ai là đồng phạm của hắn? Không ai ở trường từng trông thấy một người nào để có thể củng cố cho quan điểm về “kẻ tòng phạm” của Gary Soneji.

Chúng tôi rời ngôi trường tư trước buổi trưa và ăn trưa ở nhà hàng Roy Rogers tại Georgetown. Món gà ở Roy ngon hơn ở nhà hàng Colonel, và Roy có món cánh gà nóng sốt tuyệt đỉnh. Gà ở đây trông nóng hổi và thật ngon mắt. Sampson và tôi đã gọi tới năm phần cánh gà và hai phần Coca loại gần một lít. Chúng tôi ngồi ở một chiếc bàn ăn ngoài trời cạnh sân chơi cho trẻ em của nhà hàng Roy. Sau bữa trưa có khi chúng tôi sẽ chơi bập bênh một lát.

Chúng tôi dùng xong bữa trưa và quyết định lái xe tới Potomac, Maryland. Thời gian còn lại của buổi chiều, chúng tôi rà soát hết đại lộ Sorrell và các con phố lân cận. Chúng tôi đã ghé thăm vài chục ngôi nhà và được đón tiếp như thể Woodward và Bernstein* vậy. Nhưng thái độ đón tiếp lạnh lẽo đó cũng không ngăn cản được chúng tôi.

Không ai phát hiện bất cứ chiếc xe hơi hay người lạ nào xuất hiện trong khu vực. Không có gì lạ trong những ngày trước và sau khi xảy ra vụ bắt cóc. Không ai nhớ mình đã thấy một chiếc xe tải chở hàng bất thường nào. Thậm chí không có cả loại thông thường - các xe tải chở rau, hoa và những đồ sửa chữa gia dụng.

Chiều muộn hôm đó, tôi lái xe đi một mình. Tôi đi về phía Crisfield, Maryland, nơi mà Maggie Rose và Michael Goldberg bị giam giữ dưới hầm trong suốt mấy ngày đầu bị bắt cóc. *Trong một hầm mộ? Hay trong một hầm chứa?* Gary Murphy đã đề cập tới “tầng hầm” trong lúc bị thôi miên. Hắn từng bị nhốt dưới một căn hầm tối khi còn nhỏ. Hắn đã không có bạn bè trong suốt những quãng dài của cuộc đời mình.

Lần này tôi muốn tự mình đến xem nông trại. Tất cả những sự “không liên đới” trong vụ án đang khiến tôi khó chịu ghê gớm. Các mảnh rời rạc đang bay loạn xạ trong đầu tôi như những mảnh bom sau một vụ nổ. Có thể kẻ nào đó khác đã cướp Maggie Rose từ tay Soneji/Murphy? Có lẽ tôi cũng chẳng bớt lo hơn chút nào nếu có Einstein tham gia điều tra vụ này - các khả năng đặt ra có thể sẽ làm đầu ông quay cuồng và có lẽ cả tóc ông cũng phải trắng ra.

Khi lang thang xung quanh khu nông trại bỏ hoang kỳ quái, tôi để mặc các dữ kiện liên quan tới vụ án tự do đi qua đầu mình. Tôi cứ nghĩ mãi về con trai nhà Lindbergh và tình tiết cậu bé Lindbergh đã bị bắt cóc khỏi “một ngôi nhà trong nông trại”.

Cái gọi là kẻ tòng phạm của Soneji. Đó chính là vấn đề chưa thể giải quyết.

Người ta cũng đã “nhìn thấy” Soneji ở gần căn nhà xảy ra vụ giết hại gia đình Sanders - nếu chúng tôi có thể tin lời Nina Cerisier. Đó là đầu mối không rõ ràng thứ hai.

Đây có thực là một trường hợp phân lập nhân cách? Cộng đồng tâm lý học vẫn còn chia rẽ về việc có hay không hiện tượng này. Các trường hợp đa nhân cách rất hiếm gặp. Liệu có phải tất cả chuyện này là một kế hoạch phức tạp của Gary Murphy? Phải chăng hắn đã cùng một lúc đóng cả hai vai?

Chuyện gì đã xảy ra với Maggie Rose Dunne? Mọi đầu mối đều quay trở lại con bé. Chuyện gì đã xảy ra với Maggie Rose?

Trên bảng đồng hồ đã mòn vẹt của chiếc Porsche, tôi vẫn giữ một trong những cây nến nhỏ được phát ra quanh khu tòa án ở Washington. Tôi châm nến. Tôi lái xe trở về Washington trong ánh nến cháy nổi bật giữa bóng tối đang buông xuống. *Tưởng nhớ Maggie Rose.*

CHƯƠNG 64

ĐÊM ĐÓ tôi có hẹn với Jezzie, và cuộc hẹn khiến tôi mong mỏi suốt cả ngày. Chúng tôi gặp nhau tại nhà nghỉ Embassy Suites tại Arlington. Vì toàn bộ cánh báo chí đã có mặt trong thành phố để theo dõi phiên tòa, chúng tôi phải rất cẩn trọng để không bị phát hiện đang đi cùng nhau.

Jezzie tới phòng sau tôi. Trông cô vô cùng gợi cảm và quyến rũ trong chiếc áo đen cổ trễ. Cô mang tất ren màu đen và giày cao gót. Jezzie tô son đỏ và khuôn mặt ửng hồng. Một chiếc lược bạc gài trên tóc. Tim tôi như muốn ngừng đập.

“Em vừa có một bữa trưa bàn công chuyện,” cô nói như để giải thích rồi đá giày cao gót ra khỏi chân. “Em đã thuộc nhóm người xuất chúng chưa nhỉ?”

“Rồi, chắc chắn là em đã có ảnh hưởng tích cực tới nhóm những người xuất chúng của anh.”

“Đợi em một phút nhé Alex. Một phút thôi.” Jezzie bỏ vào phòng tắm.

Vài phút sau, cô lộ đầu ra khỏi phòng tắm. Tôi đang nằm trên giường. Mọi căng thẳng trên cơ thể được trút xuống đệm. Cuộc sống lại tốt đẹp.

“Chúng mình tắm đi. Được không? Để rửa sạch bụi đường,” Jezzie nói.

“Bụi thì không có,” tôi bảo cô. “Chỉ có anh thôi.”

Tôi đứng dậy bước vào phòng tắm. Bồn tắm hình vuông và to lạ thường. Có nhiều viên đá lát màu xanh trắng lấp lánh, tất cả được gắn

cao tầm ba mươi phân so với phần còn lại của phòng tắm. Đồng quần áo đẹp dễ của Jezzie vương vãi trên sàn.

“Em đang vội à?” Tôi hỏi cô.

“Vâng.”

Jezzie đã xả nước lên tận mép bồn tắm. Vài bong bóng xà phòng tự do nổi bông bênh và vỡ ra khi chạm tới trần nhà. Làn hơi nước đều đặn bốc lên. Cả căn phòng tỏa mùi thơm như một khu vườn thôn dã.

Jezzie dùng những đầu ngón tay khuấy nước trong bồn. Rồi cô đến bên tôi. Chiếc lược bạc vẫn gài trên đầu.

“Em hơi kích động,” cô nói.

“Anh thấy mà. Anh có thể hiểu những chuyện này.”

“Em nghĩ đã tới lúc hồi phục đôi chút.”

Chúng tôi quấn lấy nhau. Hai tay Jezzie nghịch ngợm những chiếc cúc quần tôi, rồi tới khóa kéo. Miệng chúng tôi dính chặt lấy nhau, thoát đầu nhẹ nhàng, sau đó mạnh dần.

Bất chợt Jezzie đưa tôi vào bên trong cô khi chúng tôi đứng cạnh bồn tắm bốc hơi nghi ngút. Chỉ hai hay ba cú đập nhanh, rồi cô lại rời khỏi tôi. Gương mặt, cổ và ngực cô ửng đỏ. Trong khoảnh khắc, tôi nghĩ có gì đó không ổn.

Tôi choáng váng với cú “xâm nhập” thật bất ngờ, thật sốc và đầy khoái cảm, sau đó lại rời nhau ra quá nhanh. Jezzie *đang* bị kích động. Có phần bạo lực.

“Có chuyện gì vậy em?” tôi hỏi.

“Em sắp bị đau tim rồi,” Jezzie thầm thì. “Nên nghĩ sẵn ra một câu chuyện cho cảnh sát đi. *Úi chà*, Alex.”

Cô nắm tay tôi rồi kéo vào bồn tắm. Nước ấm, vừa đủ. Mọi thứ khác cũng thế.

Chúng tôi bắt đầu phá lên cười. Tôi vẫn đang mặc đồ lót nhưng “thăng nhỏ” thì vẫn động đậy liên hồi. Tôi cởi quần đùi.

Chúng tôi vật lộn trong bồn tắm cho tới lúc đối diện nhau. Rồi không biết làm cách nào Jezzie ở phía trên người tôi. Chúng tôi vẫn chưa muốn ngừng quăn lấy nhau. Jezzie hơi ngả về phía sau. Cô vòng hai tay ôm phía sau đầu. Cô ngắm nhìn mặt tôi với vẻ thích thú tò mò. Màu đỏ trên cổ và ngực cô trở nên sẫm hơn.

Đôi chân dài của cô chột nâng thẳng lên khỏi mặt nước và quăn quanh đầu tôi, Jezzie giật mạnh về phía trước mấy cái, rồi cả hai chúng tôi bùng nổ. Người cô cứng lại. Chúng tôi quấy đạp và rên rỉ không ngừng. Nước bắn tung tóe khỏi bồn tắm.

Không hiểu sao Jezzie lại vòng hai cánh tay ôm tôi - hai tay và cả hai chân cô. Tôi chìm cả người trong nước, chỉ để hở mũi.

Rồi tôi ngụp xuống. Jezzie ở trên tôi. Cảm giác gần chạm tới cực khoái lan khắp cơ thể tôi. Cả hai chúng tôi cùng đang tới đích. Tôi sắp chết đuối. Tôi lại nghe thấy tiếng rên của Jezzie, một âm thanh bị nước bóp nghẹt lạ lùng ở phía trên mặt nước.

Tôi lên đỉnh khi sắp ngạt thở. Tôi nuốt nước vào và ho sặc sụa.

Jezzie đã cứu tôi. Cô kéo tôi lên, ôm lấy mặt tôi bằng cả hai tay.

Thả lỏng. Thả lỏng đi nào.

Chúng tôi giữ nguyên tư thế đó và ôm lấy nhau. Kiệt sức, như người ta thường nói vào những thời khắc nhẹ nhàng hơn. Nước trên sàn nhà còn nhiều hơn trong bồn tắm.

Tất cả những gì tôi biết lúc đó là tôi đang ngày càng đắm chìm trong tình yêu. Tôi biết chắc chắn điều đó. Phần còn lại của đời tôi còn là bí ẩn và hỗn loạn, nhưng ít nhất đã có một sợi dây cứu hộ. Đó là Jezzie.

Khoảng một giờ sáng hôm đó, tôi phải trở về nhà. Làm thế thì tôi sẽ có mặt ở nhà khi bọn trẻ thức giấc. Jezzie hiểu. Sau vụ xử án, chúng tôi sẽ sắp xếp lại mọi thứ tốt hơn. Jezzie muốn hiểu hơn về Jannie và Damon; đó là điều cần phải làm ngay, chúng tôi nhất trí như vậy.

“Chưa gì em đã nhớ anh rồi đấy,” cô nói khi tôi chuẩn bị đi. “Quý tha ma bắt. *Đừng đi... Em biết anh phải đi.*”

Cô gỡ chiếc lược bạc trên đầu và ấn nó vào tay tôi.

Tôi bước vào màn đêm tiếng nói của Jezzie vẫn vang lên trong đầu. Trước mắt, chẳng có gì ngoài màn đêm phủ kín bãi đậu xe.

Bất chợt, hai người đàn ông nhảy ra trước mặt tôi. Tôi bất giác đưa tay lên bao súng đeo trên vai. Một trong hai người bật một chiếc đèn sáng chói. Người kia chĩa máy ảnh vào mặt tôi.

Cánh báo chí đã phát hiện ra tôi và Jezzie. *Ôi trời, mẹ kiếp*. Vụ bắt cóc âm ỉ tới mức mọi thứ dính tới nó đều trở thành chủ đề bàn luận. Mọi thứ đã như vậy ngay từ đầu rồi.

Một phụ nữ trẻ nổi gót ngay phía sau hai người đàn ông. Cô ta có mái tóc đen dài, uốn thành lọn. Trông cô ta như một thành viên của đoàn làm phim New York hay Los Angeles.

“Thanh tra Alex Cross?” một trong hai gã đàn ông hỏi.

Trong lúc đó, gã đồng nghiệp của hắn dùng máy ảnh chụp lia lịa. Đèn flash lóe sáng cả bãi đậu xe tối tăm.

“Chúng tôi ở báo *National Star*. Chúng tôi muốn nói chuyện với ông, thưa thanh tra Cross.” Tôi nhận ra chất giọng Anh. *National Star* là tờ báo lá cải của Mỹ có trụ sở tại Miami.

“Chuyện này đâu có liên quan gì tới những việc đã xảy ra?” tôi nói với gã người Anh. Tay tôi mân mê chiếc lược bằng bạc của Jezzie trong túi. “Đây chỉ là chuyện riêng tư. Không phải tin tức. Đây không phải là việc của người ngoài.”

“Chúng tôi sẽ quyết định chuyện đó,” hắn nói. “Nhưng tôi không biết, anh bạn ạ. Bước đột phá liên lạc đáng kể giữa lực lượng cảnh sát D.C. và Sở Mật vụ. Những cuộc trao đổi bí mật, và *mấy chuyện ấy*.”

Người phụ nữ đang gõ lên cửa phòng nhà nghỉ. Giọng cô ta to như tiếng gõ trên kim loại. “Chúng tôi là người của báo *National Star*!” cô ta thông báo.

“Đừng ra,” tôi hét lên báo cho Jezzie.

Cánh cửa bật mở, và Jezzie đứng đó trong trang phục chỉnh tề. Cô nhìn chăm chăm vào người phụ nữ tóc xoăn và chẳng buồn giấu giếm vẻ khinh bỉ của mình.

“Đáng tự hào nhỉ,” Jezzie bảo với cô phóng viên. “Cứ như cô sắp sửa đoạt giải Pulitzer* vậy.”

“Không.” Cô phóng viên phản pháo. “Tôi biết bà Roxanne Pulitzer*. Và giờ tôi biết cả hai người nữa.”

CHƯƠNG 65

TÔI CHƠI một bản hòa tấu của Keith Sweat, Bell Biv Devoe, Hammer và các ca khúc nhạc pop của Public Enemy trên piano. Tôi ở ngoài sảnh tiêu khiển với Damon và Janelle cho tới khoảng tám giờ sáng hôm ấy. Đó là ngày thứ Tư của tuần mà Jezzie và tôi đã gặp chút bất ngờ khá ghê gớm ở Arlington.

Nana ở trong bếp và đang đọc tờ *National Star* mới ra lò, tờ báo tôi đã mua cho bà ở Acme. Tôi chờ bà gọi tôi vào nhà.

Mãi không thấy ai gọi, tôi đứng dậy khỏi chiếc đàn piano và đi vào nhà để đối diện với những lời trách mắng của bà. Tôi bảo Damon và Janelle ở yên đó. “Các con cứ ở đây nhé. Đừng đi đâu hết.”

Giống như mọi buổi sáng, Nana đang ngồi nhâm nhi trà. Phần còn lại của quả trứng chần và bánh mì nướng vẫn còn trên đĩa. Tờ báo được gấp lại một cách ngẫu nhiên trên bàn. Đọc rồi? Chưa đọc? Tôi không đoán được khi nhìn gương mặt bà, hay nhìn vào tình trạng tờ báo.

“Bà đã đọc bài báo đó chưa ạ?” Tôi buộc phải hỏi.

“À, ta đã đọc đủ để nắm được ý chính của nó rồi. Cũng đã xem ảnh chụp con trên trang nhất,” bà bảo tôi. “Ta tin đó là cách người ta vẫn thường đọc loại báo này. Ta vẫn luôn ngạc nhiên không hiểu sao người ta lại mua loại báo đó vào sáng Chủ nhật sau khi đi nhà thờ về.”

Tôi ngồi xuống đối diện với bà qua bàn ăn. Một dòng cảm xúc và ký ức xa xôi mạnh mẽ tràn qua tôi. Tôi nhớ lại rất nhiều lần trò chuyện như thế này trong quá khứ của hai bà cháu.

Nana lấy một mẫu bánh mì nhỏ. Bà chấm nhẹ mẫu bánh vào mứt cam. Nếu chim có thể ăn giống người, chúng sẽ ăn như Nana Mama. Bà là người khá cầu kỳ.

“Cô ấy thật xinh đẹp và ta chắc cô ấy là một phụ nữ da trắng rất hấp dẫn. Con là một người đàn ông da đen rất đẹp trai, đôi khi thông minh và nhạy cảm. Rất nhiều người không thích ý tưởng đó, tấm ảnh đó. Con không quá ngạc nhiên, phải không?”

“Còn bà thì sao ạ? Bà có thích điều đó không ạ?” tôi hỏi.

Nana Mama khẽ thở dài. Bà đặt tách trà xuống nghe cạch một tiếng. “Biết nói với con thế nào bây giờ. Ta không biết những thuật ngữ y học về mấy thứ này, Alex ạ, nhưng dường như con chưa bao giờ vượt qua được việc mồ côi mẹ. Ta đã thấy điều đó khi con còn là một đứa trẻ. Ta nghĩ đôi khi ta vẫn thấy điều đó.”

“Đó gọi là hội chứng căng thẳng sau chấn thương,” tôi bảo Nana. “Nếu bà muốn biết tên gọi của nó.”

Nana mỉm cười vì lỗi đánh trống lảng vào đám thuật ngữ của tôi. Bà đã thấy lỗi hành xử đó từ trước. “Ta sẽ không bao giờ phán xét những việc đã xảy đến với con, nhưng chúng đã tác động đến con kể từ ngày con tới Washington này. Ta cũng nhận ra không phải lúc nào con cũng hòa nhập được với đám đông. Không phải theo cách một vài đứa trẻ vẫn làm. Con chơi thể thao, con ăn cắp đồ ở cửa hàng cùng với cậu bạn Sampson, và con luôn cứng rắn. Nhưng con đọc sách, và con tương đối nhạy cảm. Con hiểu ý ta chứ? Có lẽ nhìn bề ngoài con có vẻ, nhưng bên trong thì không phải.”

Tôi đã không còn lúc nào cũng tin vào các kết luận của Nana nữa, nhưng những quan sát và đánh giá ban đầu của bà vẫn rất chuẩn. Khi còn là một cậu bé, tôi đã không thực sự hòa nhập ở khu Đông Nam D.C., nhưng tôi biết mình đã trở nên tốt hơn rất nhiều ở đó. Giờ đây tôi đã được chấp nhận ở mức tương đối. Thanh tra - Tiến sĩ Cross.

“Con không muốn làm bà tổn thương, hay làm bà thất vọng vì *chuyện này*.” Tôi trở lại với chủ đề câu chuyện trên tờ báo lá cải.

“Ta không thất vọng về con đâu,” bà bảo tôi. “Con là niềm tự hào của ta, Alex ạ. Gần như mỗi ngày trong đời, con đều mang lại cho ta niềm hạnh phúc lớn lao. Khi ta ngắm nhìn con với lũ trẻ, quan sát công việc con làm trong khu vực này, và hiểu rằng con vẫn đủ quan tâm để làm vui lòng một bà già...”

“Điều cuối cùng là chuyện có đáng kể gì đâu ạ,” tôi bảo bà. “Còn về cái gọi là câu chuyện giết gân ấy. Nó sẽ không thể tồn tại quá một tuần. Sau đó sẽ chẳng ai quan tâm nữa đâu ạ.”

Nana lắc đầu. Mái tóc bạc trắng của bà được hất trở về đúng nếp. “Không. Mọi người sẽ quan tâm. Nhiều người sẽ nhớ chuyện này trong suốt quãng đời còn lại của con. Người ta nói thế nào nhỉ? ‘Nếu không có gan chịu thì đừng có làm’.”

Tôi hỏi bà, “Làm gì cơ ạ?”

Nana lấy sống dao gạt đi các mảnh vụn bánh mì. “Con sẽ phải tự nói với ta điều ấy. Tại sao con và Jezzie Flanagan phải lén lút nếu mọi thứ đều đang hoành? Nếu con yêu cô ấy, cô ấy yêu con. Con có yêu cô ấy không Alex?”

Tôi không trả lời Nana ngay. Tất nhiên là tôi yêu Jezzie. Nhưng yêu đến mức nào? Và mọi chuyện sẽ đi đến đâu? Chuyện giữa chúng tôi có nhất định phải đi đến đâu không?

“Con không biết chắc lắm, ít nhất là không theo cách con nghĩ bà đang hỏi con,” rốt cuộc tôi nói. “Đó là điều mà lúc này chúng con đang cố tìm ra. Cả hai chúng con đều hiểu rõ những hậu quả của việc mình làm.”

“Nếu con thực sự yêu cô ấy, Alex,” bà bảo tôi, “thì ta yêu cô ấy. Ta yêu con, Alex ạ. Con vừa vẽ lên một bức toan rất lớn. Đôi khi con quá thông minh nên điều ấy có thể hại con đấy. Và có thể con cũng rất đặc biệt - theo cách nhìn của thế giới người da trắng.”

“Và đó là lý do vì sao bà yêu con rất nhiều,” tôi bảo bà.

Bà nói, “Đó chỉ là một trong nhiều lý do thôi, con ạ.”

Bà và tôi ôm nhau thật lâu tại bàn ăn sáng hôm đó. Tôi to lớn và mạnh mẽ; Nana bé nhỏ, mong manh, nhưng cũng vô cùng mạnh mẽ. Chuyện ấy tựa như những ngày xưa, cái cảm giác như ta chưa bao giờ thực sự trưởng thành khi ở bên cha mẹ và ông bà của mình. Ở bên Nana Mama cũng vậy, chắc chắn thế.

“Cảm ơn bà, *bà già*” tôi nói.

“Ta *tự hào* về điều đó.” Như thường lệ, bà nói lời kết lại.

Sáng đó tôi gọi cho Jezzie vài lần, nhưng cô không ở nhà, hoặc không trả lời điện thoại. Máy trả lời tự động của cô cũng không bật. Tôi nhớ về cái đêm chúng tôi ở Arlington. Cô đã rất kích động. Ngay cả trước khi đám người của tờ *National Star* xuất hiện.

Tôi định lái xe tới căn hộ của cô, nhưng rồi đổi ý. Chúng tôi không cần thêm bất cứ tấm ảnh hay câu chuyện nào trên báo lá cải trong khi vụ án đang dần kết thúc.

Hôm đó không ai nói chuyện nhiều với tôi trong lúc làm việc. Nếu tôi từng có những nghi ngờ trước đó thì việc này cho tôi thấy hậu quả nghiêm trọng tới đâu. Tôi chắc chắn đã lãnh đòn rồi.

Tôi tới văn phòng và ngồi đó một mình với cốc cà phê đen, nhìn chăm chăm vào bốn bức tường. Chúng dán đầy các “manh mối” của vụ bắt cóc. Tôi bắt đầu cảm thấy mình có tội, muốn nổi loạn và tức giận. Tôi muốn đâm vào mặt kính, việc mà tôi đã thực sự làm một hay hai lần sau khi Maria bị bắn.

Tôi ngồi ở cái bàn làm việc bằng hợp kim do chính phủ trang bị, xoay lưng ra cửa. Tôi cứ nhìn chăm chăm vào kế hoạch công việc trong tuần nhưng thực sự thì tôi chẳng thấy trên giấy viết gì cả.

“Cậu chỉ có một mình trong vụ này thôi, đồ khốn,” tôi nghe tiếng Sampson nói sau lưng. “Lần này cậu hoàn toàn đơn độc nhé. Cậu thành miếng thịt xiên nướng rồi.”

“Cậu không nghĩ là cậu đang hơi coi nhẹ mọi chuyện à?” Tôi nói mà không quay lại phía cậu ta.

“Tớ cho là cậu sẽ chỉ nói chuyện khi nào cậu muốn,” Sampson nói. “Cậu hiểu là tớ biết chuyện hai người các cậu mà.”

Vài vòng tròn hình tách cà phê trên bảng kế hoạch công việc khiến mắt tôi dừng lại. Hiệu ứng Browning chẳng? Cái quái quỷ gì thế? Gần đây trí nhớ và những thứ khác đang dần rời bỏ tôi.

Cuối cùng tôi quay lại và nhìn thẳng vào cậu ta. Anh chàng diện chiếc quần da, một cái mũ Kangol cũ, chiếc áo vest vải nylon màu đen. Cặp kính đen của cậu ta trở thành chiếc mặt nạ hiệu quả. Thực sự là cậu ta đang cố tỏ ra quyến rũ và đa cảm.

“Cậu đoán bây giờ mọi việc sẽ thế nào?” Tôi hỏi. “Họ đang nói gì vậy?”

“Chẳng ai vui vẻ gì với cái cách vụ bắt cóc chó đẻ đó đang dệ đi. Vẫn chưa đủ làm hài lòng tầng lớp trên. Tớ đoán họ đang lên danh sách những kẻ bị đưa ra làm vật tế thần. Cậu chắc chắn là một trong số đó.”

“Còn Jezzie?” tôi hỏi. Nhưng tôi đã biết câu trả lời.

“Cô ấy cũng là một trong số đó. Quan hệ với những người da đen nổi tiếng,” Sampson nói. “Tôi đoán là cậu vẫn chưa nghe tin?”

“Nghe tin gì?”

Sampson buông ra tiếng thở dài, rồi cậu ta nói cho tôi biết câu chuyện nóng sốt mới xảy ra.

“Cô ấy xin nghỉ phép, hoặc có thể cô ấy đã nghỉ việc ở Sở Mật vụ cũng nên. Chuyện này xảy ra cách đây một giờ, Alex ạ. Không ai biết chắc là cô ấy nhảy việc hay bị đẩy đi.”

Ngay lập tức tôi gọi tới văn phòng của Jezzie. Thư ký nói cô ấy “tạm nghỉ hôm nay”. Tôi gọi tới căn hộ của Jezzie. Không có ai nhắc máy.

Tôi lái xe tới căn hộ của cô, vượt tốc độ cho phép vài lần trên đường. Derek McGinty đang nói trên kênh phát thanh WAMU. Tôi

thích giọng nói của Derek ngay cả khi tôi không để ý gì tới những lời anh ta nói.

Không có ai ở nhà Jezzie. Chỉ ít là cũng không có đám thợ săn ảnh lớn vờn xung quanh. Tôi nghĩ tới chuyện lái xe xuống ngôi nhà bên hồ của cô. Tôi gọi tới Bắc Carolina từ một bộ điện thoại bên đường. Người trực tổng đài khu vực báo cho tôi biết số điện thoại tôi vừa gọi đã bị ngắt.

“Số bị ngắt lâu chưa?” Tôi hỏi với giọng đầy kinh ngạc. “Đêm qua tôi còn gọi số đó mà.”

“Vừa mới sáng nay,” người trực tổng đài nói. “Số điện này mới bị ngắt sáng nay thôi.”

Jezzie đã biến mất.

CHƯƠNG 66

Phán quyết trong phiên xét xử Soneji/Murphy sẽ sớm được đưa ra.

Bồi thẩm đoàn ngừng làm việc hôm mười một tháng mười một. Sau đó ba ngày họ trở lại, giữa những đồn đại không ngớt về việc họ không thể kết luận được bị cáo có tội hay vô tội. Cả thế giới dường như đang chờ đợi.

Sáng đó Sampson đón tôi và chúng tôi cùng nhau tới tòa án. Thời tiết đã chuyển ấm, sau khoảng lạnh khá ngắn báo hiệu mùa đông sắp tới.

Khi chúng tôi tới đại lộ Indiana, tôi nghĩ về Jezzie. Tôi đã không gặp cô hơn một tuần nay. Tôi không biết cô có mặt ở tòa để nghe phán quyết không. Cô đã gọi tôi. Jezzie nói với tôi rằng cô đã ở Bắc Carolina. Đó là tất cả những gì cô đã nói. Tôi lại là một kẻ cô đơn, và tôi không thích việc ấy.

Tôi không gặp Jezzie bên ngoài phòng xử án, nhưng Anthony Nathan lại đang chui ra khỏi chiếc Mercedes dài màu bạc. Đây là khoảnh khắc quan trọng với anh ta. Cánh báo chí vây quanh Nathan. Họ giống như đám chim trên phố vây quanh những vụn bánh mì mốc.

Cánh phóng viên truyền hình và báo in thì cố chụp lấy vài kiểu tôi và Sampson trước khi chúng tôi thoát lên được các bậc cầu thang của tòa án. Chẳng ai trong chúng tôi phấn khích vì được phỏng vấn thêm lần nữa.

“Tiến sĩ Cross! Tiến sĩ Cross, xin dừng lại,” một trong số họ gọi to. Tôi nhận ra giọng nói lạnh lạnh. Đó là tiếng của một phụ nữ dẫn chương trình tin tức của kênh truyền hình địa phương.

Chúng tôi phải dừng lại. Họ ở phía sau, và đang vượt lên phía trước. Sampson ậm ừ giai điệu bài hát của Martha và Vandellas, “Không chốn dung thân”.

“Tiến sĩ Cross, ông có nghĩ rằng những ý kiến trước tòa của ông có thể thực sự giúp Gary Murphy thoát khỏi tội giết người không? Và như thế, phải chăng ông đã vô tình giúp hãn thoát khỏi tội giết người?”

Có gì đó rối cuộc bùng nổ trong tôi. “Chúng tôi vui vì được tham gia giải Super Bowl,” tôi nói và nhìn thẳng vào luồng chiếu của rất nhiều ống kính máy quay loại nhỏ. “Alex Cross sẽ tập trung vào cuộc chơi của anh ta. Phần còn lại cứ theo đó mà tiếp tục. Alex Cross cảm ơn Chúa Toàn Năng vì đã cho cơ hội để chơi ở cấp độ này.” Tôi nghiêng về phía cô phóng viên vừa hỏi. “Cô hiểu tôi nói gì không? Bây giờ cô đã rõ chưa?”

Sampson mỉm cười và nói, “Về phần tôi, tôi hoàn toàn thoải mái với việc đưa ra những lời xác thực quảng cáo cho giày thể thao và các loại nước giải khát.”

Sau đó chúng tôi tiếp tục bước lên các bậc cầu thang bằng đá và đi vào tòa án liên bang.

Khi Sampson và tôi bước vào khu sảnh cao và rộng của tòa án liên bang, mức độ ồn ào rất có thể đã thực sự làm tổn thương màng nhĩ chúng tôi. Mọi người đang xô đẩy và chạy lăng xăng khắp nơi, nhưng theo một cách văn minh, cách những kẻ buổi tối vẫn thúc vào lưng bạn tại Trung tâm Nghệ thuật Biểu diễn Kennedy.

Soneji/Murphy không phải là vụ án đầu tiên mà vấn đề đa nhân cách trở thành tâm điểm bào chữa. Dù vậy, đây lại là vụ nổi tiếng nhất từ trước đến nay. Nó làm dấy lên những câu hỏi cảm tính về sự có tội hay vô tội, và những vấn đề đó thực sự khiến người ta hoài nghi về phán quyết của tòa... *Nếu Gary Murphy vô tội, làm thế nào hãn lại bị kết án bắt cóc và giết người?* Luật sư của hãn đã gieo câu hỏi đó vào tâm trí tất cả chúng tôi.

Tôi lại thấy Nathan trên gác. Anh ta đã đạt được tất cả những gì mình hy vọng ở phiên làm việc tại phòng xử án. “*Rõ ràng*, có hai nhân cách xung đột nhau bên trong trí não của bị cáo,” anh ta đã nói như vậy với các thành viên bồi thẩm đoàn trong phần kết luận của mình. “Một trong số hai nhân cách đó vô tội như các ông bà đây. Các ông bà *không thể* kết án Gary Murphy bắt cóc hay giết người. Gary *Murphy* là một người tốt. Gary *Murphy* là một người chồng và một người cha. Gary *Murphy* vô tội!”

Đó quả thực là vấn đề nan giải và tiến thoái lưỡng nan với các thành viên bồi thẩm đoàn. Có phải Gary Soneji/Murphy là một gã thông minh xuất chúng và là một kẻ tâm thần độc ác? Hẳn có nhận thức được và kiểm soát được mọi hành vi của mình không? Liệu có “tòng phạm” nào trong vụ bắt cóc và giết hại ít nhất một đứa trẻ này? Hay hẳn chỉ hành động một mình ngay từ đầu?

Không ai biết sự thật có lẽ ngoại trừ chính Gary. Các chuyên gia tâm lý không biết. Cảnh sát không biết. Báo chí không biết. Và tôi cũng không biết.

Giờ đây hội đồng xét xử sẽ quyết định thế nào với những kẻ cùng tồn tại trong Gary?

Sự kiện thực sự đầu tiên của buổi sáng diễn ra khi Gary được giải vào gian phòng xử án ồn ào và chật cứng người. Trông hẳn sáng sủa như thường lệ với vẻ đặc trưng của một cậu con trai trong bộ trang phục màu xanh trắng thơm. Bộ dạng hẳn như thể đang làm việc tại một ngân hàng thị trấn nào đó chứ không phải một bị can đang dự phiên tòa xét xử tội bắt cóc và giết người.

Lắc đầu có tiếng vỗ tay. Điều đó chứng tỏ thời nay ngay cả những kẻ bắt cóc cũng có những người ủng hộ, ngưỡng mộ. Vụ án chắc chắn đã thu hút sự quan tâm của những kẻ lập dị và bệnh hoạn.

“Ai nói là nước Mỹ không còn anh hùng nữa?” Sampson nói với tôi. “Họ thích sự điên rồ của hẳn. Cậu có thể thấy điều đó trong những ánh mắt nhỏ mở to và sáng rỡ của họ. Hẳn là một Charlie Manson mới

và đã được nâng cấp. Thay vì một kẻ lập dị điên khùng, một thằng oắt điên khùng.”

“Con Trai Nhà Lindbergh,” tôi nhắc Sampson. “Tớ tự hỏi không biết đây có phải là cách hăn muốn mọi chuyện diễn ra không. Liệu tất cả kế hoạch hoàn hảo của hăn có phải chỉ để nổi tiếng không?”

Bồi thẩm đoàn lần lượt bước vào phòng xử án. Những người đàn ông và phụ nữ này trông ngơ ngác và căng thẳng quá đỗi. Họ đã quyết định gì - có lẽ, vào rất khuya vào đêm hôm trước?

Một trong những thành viên bồi thẩm đoàn bị vấp khi từng người bước vào khu bàn màu gụ sẫm dành cho họ. Một bên gối ông khụy xuống và đoàn người phía sau dừng lại. Khoảnh khắc ngăn ngui đó dường như khắc sâu thêm sự yếu đuối và tính nhân văn của toàn bộ quá trình xử án.

Tôi liếc nhìn Soneji/Murphy và nghĩ là mình đã thấy một nụ cười thoáng nhẹ trên môi hăn. Tôi đã chứng kiến một bất cẩn nho nhỏ ư? Những ý nghĩ nào đang chiếm lĩnh trong đầu hăn lúc này? Hăn đang chờ đợi phán quyết nào?

Trong bất kỳ trường hợp nào, nhân cách Gary Soneji hay “Thằng Bé Hu” sẽ rất thích sự trở trêu của hoàn cảnh. Lúc này, mọi thứ đã sẵn sàng. Một cảnh hoành tráng không thể tin được. Hăn đang ở sân khấu trung tâm. Dù thế nào, đây cũng là ngày trọng đại nhất trong đời hăn.

Tao muốn là ai đó!

“Bồi thẩm đoàn đã có phán quyết chưa?” Thẩm phán Kaplan hỏi khi bồi thẩm đoàn đã yên vị.

Một mẫu giấy nhỏ gấp lại được chuyển cho thẩm phán. Gương mặt thẩm phán Kaplan không biểu lộ cảm xúc gì khi đọc lời phán quyết. Sau đó tờ giấy được trả về chỗ chủ tịch bồi thẩm đoàn. Tiến hành theo đúng nguyên tắc xét xử công bằng.

Chủ tịch bồi thẩm đoàn, lúc này vẫn đang đứng, bắt đầu nói bằng một giọng rõ ràng nhưng hơi run. Ông vốn là nhân viên bưu điện, tên là James Heekin. Ông năm mươi lăm tuổi, gương mặt hồng hào, gần

như đỏ thắm, màu đỏ cho thấy chứng cao huyết áp, hoặc có thể chỉ vì sự căng thẳng của phiên tòa.

James Heekin tuyên bố, “Về hai tội danh bắt cóc, chúng tôi thấy bị cáo có tội. Về tội danh giết Michael Goldberg, chúng tôi thấy bị cáo có tội.” James Heekin không hề dùng tên *Murphy*, mà chỉ gọi là *bị cáo*.

Sự hỗn loạn bùng lên trong toàn phòng xử án. Tiếng ồn trở nên chói tai khi nó dội vào các trụ đá và những bức tường cẩm thạch. Đám phóng viên lao tới mấy chiếc điện thoại đặt trong hành lang. Tất cả các cộng sự trẻ trong nhóm ủa tới chúc mừng Mary Warner. Anthony Nathan và nhóm bào chữa của anh ta mau chóng rời phòng xử án, lẩn tránh mọi câu hỏi.

Có một khoảnh khắc cảm động lạ lùng ở phía trước phòng xử án.

Khi các nhân viên tòa án dẫn giải Gary đi, cô vợ Missy và đứa con gái nhỏ Roni đã ủa tới bên hăn. Ba người họ ôm nhau thật chặt. Họ òa khóc nức nở.

Trước đó tôi chưa từng thấy Gary khóc. Nếu là diễn thì quả thật đây lại là một màn trình diễn hoàn hảo khác. Nếu hăn đang diễn trước phòng xử án, thì cảnh này thực sự đáng tin.

Tôi không thể rời mắt khỏi Gary. Chỉ tới khi hai nhân viên tòa án rút cuộc gỡ tay Gary ra và đưa hăn rời khỏi phòng xét xử.

Nếu hăn đang diễn thì không hề có một động tác sai sót nào. Hăn hoàn toàn nhập vai cùng vợ và cô con gái nhỏ. Hăn không hề nhìn quanh phòng xử án để xem mình có khán giả nào không.

Hăn đã diễn một cách hoàn hảo.

Hay Gary Murphy là một người đàn ông vô tội vừa bị kết án bắt cóc và giết người?

CHƯƠNG 67

“ÁP LỰC, ÁP LỰC,” Jezzie hát theo giai điệu đang vang lên rất to trong đầu cô.

Phần da trên trán căng lên khi Jezzie chạy xe xuống con đường núi quanh co mà không hề đề phòng hay sợ hãi. Cô nghiêng người ở mỗi khúc cua, giữ chiếc mô tô mạnh mẽ chạy ở số bốn. Đám cây linh sam, những tảng đá cuội và những sợi dây điện thoại cũ kỹ mờ dần khi cô tăng tốc. Mọi thứ mờ đi. Cô cảm thấy như mình đã ở trạng thái rơi tự do trong hơn một năm, có lẽ trong cả đời mình. Cô sắp sửa nổ tung.

Không ai hiểu việc phải chịu đựng quá nhiều áp lực trong thời gian dài như vậy. Thậm chí từ khi còn là một đứa trẻ, Jezzie đã luôn sợ mắc những sai lầm nhỏ, sợ nếu cô không phải là Jezzie nhỏ bé hoàn hảo, cô sẽ không được bố mẹ yêu thương.

Jezzie bé nhỏ hoàn hảo.

“Tốt thôi vẫn chưa đủ,” và “Tốt là kẻ thù của tuyệt vời”, gần như mỗi ngày, bố cô vẫn nói với cô như thế. Và cô đã luôn là một sinh viên hạng A đầy khôn ngoan, tính toán; cô là hoa khôi được mến mộ; cô đi trên mọi con đường tiến nhanh nhất mà cô có thể tìm thấy. Trước đó vài năm, Billy Joel đã thu âm một bài hát mang tên “Áp lực”. Bài hát thể hiện gần đúng điều mà Jezzie cảm thấy mỗi ngày trong cuộc đời mình. Cô phải dừng nó lại bằng cách nào đó, và giờ đây có lẽ cô đã tìm ra cách.

Jezzie về số ba khi cô tới gần căn nhà bên hồ. Tất cả đèn đều bật. Nếu không có những ánh đèn, mọi thứ quanh hồ dường như yên ả. Mặt nước đen mượt hòa vào các dãy núi. *Nhưng các bóng đèn đều bật.* Lúc đi, Jezzie đã không để đèn sáng như vậy.

Jezzie xuống xe và đi nhanh vào trong. Cửa trước không khóa. Không có ai trong phòng khách.

“Xin chào?” cô gọi to.

Jezzie kiểm tra bếp, rồi cả hai phòng ngủ. Không ai ở đó. Không dấu hiệu nào cho thấy đã có ai đó ở trong cả hai phòng. Có điều các bóng đèn đều sáng.

“Này, ai ở đây thế?”

Cánh cửa ngăn với bếp đã bị mở chốt. Cô bước ra ngoài và đi xuống phía cầu tàu.

Không gì cả.

Không ai cả.

Tiếng đập cánh khe khẽ đột nhiên vang lên bên trái. Những tiếng đập khẽ ngay trên mặt nước.

Jezzie đứng cạnh mép cầu tàu và buông một tiếng thở dài. Bài hát của Billy Joel vẫn vang lên trong đầu. Giễu nhại và châm chọc. “Áp lực. Áp lực.” Cô có thể cảm thấy nó trong từng xăng ti mét của cơ thể mình.

Ai đó *chộp* lấy cô. Hai cánh tay khỏe như gọng kìm quàng chặt lấy Jezzie. Cô nén không để mình thét lên.

Rồi thứ gì đó bị nhét vào miệng cô.

Jezzie hít vào. Cô nhận ra Colombian Gold. Loại ma túy chất lượng cao. Cô hít sâu lần nữa. Thả lỏng một chút trong đôi cánh tay mạnh mẽ đang ôm mình.

“Anh nhớ em,” cô nghe thấy một giọng nói.

Billy Joel gào thét trong đầu cô.

“Anh làm gì ở đây thế?” cuối cùng cô hỏi.

PHẦN 5

CUỘC ĐIỀU TRA THỨ HAI

CHƯƠNG 68

MAGGIE ROSE DUNNE lại ở trong bóng tối.

Con bé có thể nhìn thấy các hình khối xung quanh. Con bé biết chúng là gì và mình đang ở đâu, thậm chí biết tại sao mình ở đó.

Maggie lại nghĩ đến việc bỏ trốn. Nhưng lời cảnh cáo lại hiện lên trong đầu nó. Luôn là lời cảnh cáo.

Nếu mày cố bỏ trốn, mày sẽ không bị giết, Maggie. Làm thế thì quá dễ dàng. Mày sẽ lại bị tống xuống dưới hầm. Mày sẽ trở về với ngôi mộ bé nhỏ của mày. Vì thế đừng bao giờ cố bỏ trốn, Maggie Rose. Thậm chí đừng bao giờ nghĩ về điều đó.

Giờ đây con bé bắt đầu quên rất nhiều điều. Đôi khi nó thậm chí không thể nhớ mình là ai. Mọi thứ hết như một giấc mơ tồi tệ, như rất nhiều cơn ác mộng, cơn này nối tiếp cơn kia.

Maggie Rose không biết cha mẹ nó có còn tìm kiếm nó hay không. Sao họ phải làm thế chứ? Con bé đã bị bắt cóc quá lâu rồi. Maggie hiểu điều đó. Thầy Soneji đã bắt nó đi từ trường Washington Day. Nhưng kể từ lúc ấy, nó chưa từng gặp lại thầy. Chỉ có lời *cảnh cáo*.

Đôi khi con bé cảm giác như nó chỉ là một nhân vật trong câu chuyện mà nó tưởng tượng ra.

Hai mắt con bé nhắm lại. Lúc này trời không tối lắm. Sắp đến bình minh. Con bé sẽ không cố bỏ trốn nữa. Con bé ghét bị như thế này, nhưng nó cũng không bao giờ muốn bị tống xuống dưới hầm lần nữa.

Maggie Rose biết tất cả những hình khối xung quanh nó là gì.

Chúng là *những đứa trẻ*.

Tất cả đều ở trong một gian phòng của căn nhà.
Mà từ đó không hề có lối thoát.

CHƯƠNG 69

JEZZIE TRỞ LẠI WASHINGTON vào tuần lễ ngay sau khi phiên tòa kết thúc. Đó dường như là thời điểm tốt cho những khởi đầu. Tôi đã sẵn sàng. Lạy Chúa toàn năng, tôi đã sẵn sàng để bỏ qua mà sống tiếp.

Chúng tôi nói chuyện qua điện thoại một chút, nhưng không quá nhiều, về tâm trạng của cô. Jezzie nói với tôi một điều. Cô nói rằng thật lạ lùng vì bản thân đã đầu tư quá nhiều cho sự nghiệp nhưng giờ đây lại chẳng còn quan tâm tới nó chút nào nữa.

Tôi đã nhớ Jezzie thậm chí nhiều hơn tôi tưởng. Tâm trí tôi luôn hướng về cô trong khi điều tra vụ giết hại hai đứa trẻ mười ba tuổi vì một đôi giày thể thao hiệu Pump. Sampson và tôi đã bắt được thủ phạm, một đứa mười lăm tuổi ở khu vực “Hố Đen”. Cũng tuần đó, tôi được mời làm việc ở Washington với tư cách điều phối viên của Chương trình Truy bắt Tội phạm Nguy hiểm giữa Sở Cảnh sát D.C. và FBI. Đó là công việc được trả lương cao hơn, hoành tráng hơn công việc hiện tôi đang làm, nhưng tôi từ chối thẳng thừng. Đó là cách Carl Monroe mua chuộc tôi. Không, xin cảm ơn.

Ban đêm tôi không ngủ được. Cơn bão bắt đầu nổi lên trong trí óc tôi ngay từ ngày đầu tiên xảy ra vụ bắt cóc vẫn còn đó. Tôi không thể gạt hẳn Maggie Rose Dunne ra khỏi đầu óc mình. Tôi không thể từ bỏ vụ án này. Tôi không cho phép mình làm như vậy. Tôi xem bất cứ thứ gì trên kênh ESPN, đôi khi tới ba hay bốn giờ sáng. Tôi thực hiện vai trò của chuyên gia tâm lý Alex trong khu nhà lắp ghép cũ ở nhà thờ Thánh Anthony. Sampson và tôi uống vài kết bia với nhau. Sau đó chúng tôi cố đốt bớt mỡ thừa ở phòng tập. Xen giữa những việc đó, chúng tôi dành nhiều giờ ở chỗ làm.

Tôi lái xe đến căn hộ của Jezzie vào ngày cô trở lại. Trên đường tới đó, tôi lại nghe Derek McGinty nói trên đài WAMU. Người anh em trong chương trình trò chuyện của tôi. Giọng nói của người dẫn chương trình làm lòng dạ đang rối bời của tôi dịu lại. Một lần, tôi đã gọi điện tới chương trình buổi đêm của anh. Tôi giấu giọng thật của mình. Nói về Maria, về những đứa trẻ, về việc sống trong trạng thái lo lắng, căng thẳng suốt một thời gian quá dài.

Khi Jezzie mở cửa, tôi giật mình trước dáng vẻ của cô. Cô để tóc mọc dài và xổ tung ra hết như tia nắng mặt trời. Cô rám nắng và khỏe mạnh như một nhân viên cứu hộ California vào tháng Tám. Trông cô như thể chưa từng có gì trục trặc xảy ra trong đời.

“Trông em thư thái và rất ổn,” tôi nói. Thực sự tôi thấy hơi bức mình. Cô đã biến mất trước khi phiên tòa kết thúc. Không tạm biệt. Không giải thích. Những điều ấy nói cho tôi biết điều gì về con người Jezzie?

Jezzie vẫn luôn thon gọn, nhưng lúc này cô mảnh mai và săn chắc hơn. Các vầng thâm quầng dưới mắt cô xuất hiện rất nhiều lần trong suốt thời gian điều tra vụ bắt cóc giờ đã biến mất. Cô mặc chiếc quần soóc jean và một chiếc áo phông cũ có in dòng chữ “NẾU BẠN KHÔNG THỂ LÀM HỌ CHOÁNG NGỢP BẰNG TÀI NĂNG, HÃY LÀM HỌ BỐI RỐI BẰNG NHỮNG THỨ NHẢM NHÍ”. Cô gây choáng ngợp ở mọi phương diện.

Jezzie mỉm cười dịu dàng. “Em khá hơn nhiều rồi, Alex. Em nghĩ em đã gần hồi phục.”

Cô bước ra hiên nhà và sà vào vòng tay tôi, tôi cảm thấy bản thân cũng hồi phục đôi chút. Tôi ôm Jezzie và nghĩ mình đã ở hành tinh kỳ lạ này, hoàn toàn đơn độc trong một thời gian. Tôi đã thấy mình trên mặt trăng căn cỗi này. Tôi đã từng nghĩ phải tìm ai đó khác để ở bên, ai đó để yêu thương một lần nữa.

“Hãy kể cho anh nghe tất cả những gì đã xảy ra. Xem cảm giác thế nào khi em rời khỏi trái đất?” tôi nói. Mái tóc Jezzie thoảng hương

thơm tươi mát và sạch sẽ. Mọi thứ ở cô dường như mới mẻ và tươi tắn trở lại.

“Thực tế là rời khỏi trái đất cũng khá hay. Em chưa bao giờ không làm việc kể từ năm mười sáu tuổi. Những ngày đầu tiên thật khủng khiếp. Sau đó mọi chuyện tốt đẹp,” cô nói trong khi vẫn vùi đầu vào ngực tôi. “Chỉ có một điều em nhớ,” Jezzie thì thầm. “Em muốn anh ở đó với em. Nếu như điều đó nghe ảm đạm thì thật tệ.”

Đó là một trong những điều tôi muốn nghe. “Nếu biết thì anh đã đến cùng em,” tôi nói.

“Em cần làm việc đó theo cách em đã làm. Em phải suy nghĩ kỹ một lần về tất cả mọi việc. Em đã không gọi cho bất cứ ai, Alex ạ. Không một ai hết. Em hiểu ra rất nhiều điều về bản thân. Thậm chí em có lẽ đã tìm ra Jezzie Flanagan thực sự là ai.”

Tôi nâng cằm Jezzie lên và nhìn vào mắt cô. “Hãy nói cho anh biết em đã tìm thấy gì. Hãy nói cho anh nghe Jezzie là ai.”

Tay trong tay, chúng tôi đi vào trong nhà.

Nhưng Jezzie đã không nói nhiều về chuyện cô là con người thế nào, hay cô đã hiểu ra những gì về bản thân mình khi ở ngôi nhà bên hồ. Chúng tôi sa vào những thói quen cũ, những thói quen mà tôi phải thừa nhận rằng tôi đã rất nhớ. Tôi băn khoăn liệu Jezzie đã nhớ nhung tôi, và cô đã muốn trở lại D.C. nhiều tới mức nào. Tôi cần thấy một tín hiệu từ cô.

Jezzie bắt đầu cởi cúc áo tôi, và chẳng có lý do gì để tôi ngăn cô lại. “Em đã nhớ anh rất nhiều,” cô thì thầm bên bờ ngực tôi. “Anh có nhớ em không, Alex?”

Tôi bật cười. Trạng thái cơ thể tôi lúc đó là câu trả lời quá hiển nhiên cho câu hỏi của Jezzie. “Lúc này em nghĩ sao? Đoán thử xem.”

Buổi chiều hôm đó Jezzie và tôi cùng tận hưởng một chút hoang dại. Tôi không thể không nhớ cái đêm phóng viên tờ *National Star* xuất hiện bên ngoài phòng nhà nghỉ của chúng tôi. Chắc chắn lúc này

Jezzie thanh mảnh và chắc gọn hơn, cô đã từng có vóc dáng hoàn hảo trước khi biến mất. Jezzie cũng rám nắng khắp cả người.

“Ai đen hơn đây?” tôi hỏi và ngoác miệng cười.

“Chắc hẳn là em rồi. Đen như cột nhà cháy, người quanh hồ thường nói thế đấy.”

“Em đang làm anh choáng ngợp vì sự rực rỡ của em đấy,” tôi nói với cô.

“Ái chà. Chúng mình cứ thế này được bao lâu nhỉ? Chỉ nói và nhìn nhau, không đụng chạm. Anh sẽ cởi nốt các nút áo còn lại của anh chứ? Làm ơn đi.”

“Việc ấy có khiến em phấn khích không?” tôi hỏi. Cổ họng tôi hơi nghẹn lại.

“Thôi thôi. Thực sự thì anh có thể cởi áo ra mà.”

“Em sẽ nói cho anh nghe em là ai, những gì em hiểu ra trong thời gian ở ẩn của em nhé,” tôi nhắc Jezzie. Người xưng tội và người tình. Một ý tưởng nghe đã thấy quyến rũ.

“Anh có thể hôn em bây giờ. Nếu anh muốn thế, Alex. Anh có thể hôn em mà không đụng chạm gì khác không?”

“Hừm, anh không chắc chuyện đó lắm. Để anh xoay hướng này một chút. Và hướng kia một chút. Mà này, có đúng là em đang muốn bịt miệng anh lại không?”

“Tại sao em lại muốn làm điều đó chứ? Tiến sĩ-Thanh tra?”

CHƯƠNG 70

TÔI LẠI LAO MÌNH vào công việc. Tôi đã tự hứa với bản thân dù thế nào cũng sẽ giải quyết vụ bắt cóc. Hiệp Sĩ Đen sẽ không thể bại trận.

Một đêm mưa gió, lạnh lẽo, thê lương, tôi lặn lội một mình tới gặp Nina Cerisier lần nữa. Cái cô bé Cerisier này vẫn là người duy nhất đã thực sự trông thấy “tòng phạm” của Gary Soneji. Dẫu sao tôi cũng đã có mặt ở khu vực đó. Phải.

Tại sao tôi lại có mặt ở khu nhà giá rẻ Langley Terrace, lúc đêm hôm, trong cơn mưa phùn giá lạnh? Tôi đã trở thành một gã gàn dở không thể tìm đủ thông tin về một vụ bắt cóc đã xảy ra mười tám tháng. Vì tôi là một kẻ cầu toàn và đã sống như vậy trong ít nhất ba mươi năm cuộc đời. Vì tôi cần biết những gì đã thực sự xảy đến với Maggie Rose Dunne. Vì tôi không thể thoát khỏi ánh mắt của Mustaf Sanders. Vì tôi muốn biết sự thật về Soneji/Murphy. Hoặc vì tôi cứ mãi tự nhủ như thế.

Glory Cerisier không mấy vui vẻ khi thấy tôi đứng ì ra trên bậc cửa trước nhà. Tôi đã đứng ngoài này hơn mười phút cho đến lúc bà mở cửa. Tôi đã gõ lên cánh cửa nhôm sứ sọc tới sáu bảy lần.

“Thanh tra Cross, đã khuya rồi, ông biết mà. Chúng tôi không được phép tiếp tục sống hay sao?” bà hỏi khi mở toang cánh cửa. “Chúng tôi khó mà quên được những người nhà Sanders. Chúng tôi không cần ông cứ nhắc đi nhắc lại về họ mãi nữa.”

“Tôi biết gia đình bà không quên,” tôi đồng ý với người phụ nữ cao lớn gần năm mươi tuổi đang nhìn mình soi mói. Đôi mắt hình hạnh nhân. Một đôi mắt khá đẹp trên gương mặt không-đẹp-lắm.

“Nhưng đây là những vụ giết người, thừa bà Cerisier, giết người dã man.”

“Kẻ sát nhân *đã bị bắt rồi*,” bà nói với tôi. “Ông biết điều đó chứ thanh tra Cross? Ông đã nghe tin đó chưa? Ông có đọc báo không?”

Lúc đó tôi lại một lần nữa cảm thấy mình chẳng đáng một xu. Tôi tin bà đang ngờ rằng tôi bị điên. Bà là người phụ nữ thông minh.

“Ôi, lạy Chúa tôi.” Tôi lắc đầu và phá lên cười. “Bà biết đấy, bà hoàn toàn đúng. Đúng là tôi loạn hết lên rồi. Tôi xin lỗi, tôi thực sự loạn hết cả rồi.”

Điều đó có vẻ khiến Glory Cerisier bớt đề phòng, và bà mỉm cười lại với tôi. Đó là nụ cười rộng thân thiện, khoe ra những chiếc răng cong mà đôi khi ta gặp ở các khu nhà giá rẻ.

“Hãy mời kẻ da đen khốn khổ này vào uống chút cà phê đi,” tôi nói. “Tôi khùng thật, nhưng chí ít thì tôi cũng nhận thức được điều đó. Mở cửa cho tôi nhé.”

“Được thôi, được thôi. Sao ông không vào đi, thanh tra. Chúng ta có thể nói chuyện thêm chút nữa. Nhưng chỉ thế thôi nhé.”

“Chỉ thế thôi,” tôi đồng ý với bà. Tôi đã vào được nhà chỉ đơn giản bằng cách nói với bà sự thật về mình.

Chúng tôi uống loại cà phê hòa tan rất tệ trong căn bếp bé xíu của nhà Cerisier. Thực sự bà là người thích nói chuyện. Glory Cerisier đặt cho tôi đủ loại câu hỏi về vụ xét xử.

Bà muốn biết cảm giác được lên truyền hình là như thế nào. Giống nhiều người, bà rất tò mò về nữ diễn viên Katherine Rose. Glory Cerisier thậm chí còn có riêng một giả thuyết về vụ bắt cóc.

“Gã đàn ông đó đã không làm việc này. Tôi nói về Gary Soneji, hay Murphy, hay bất kể hần ta là ai đi nữa. Ai đó đã gài bẫy hần, ông hiểu không,” Glory nói và cười. Tôi đồ rằng bà nghĩ thật buồn cười khi chia sẻ những ý tưởng điên rồ với một viên cảnh sát điên rồ ở D.C.

“Hãy chiều ý tôi một lần cuối thôi nhé,” tôi nói, rốt cuộc cũng trở lại với điều tôi thực sự muốn trao đổi. “Hãy nhắc lại với tôi những gì Nina nói cô bé đã thấy đêm đó. Hãy nói với tôi những gì Nina kể với bà. Đúng như những gì bà còn nhớ.”

“Tại sao ông tự làm khổ mình thế này?” Glory muốn hỏi tôi trước. “Tại sao ông lại ở đây, lúc mười giờ đêm?”

“Tôi không biết tại sao, Glory ạ.” Tôi nhún vai và nhấp ngụm cà phê có vị thật tệ. “Có lẽ vì tôi cần biết tại sao tôi được chọn ở Miami. Tôi không biết chắc lắm, nhưng tôi cũng đã ở đây rồi.”

“Chuyện ấy khiến ông phát điên phải không? Vụ bắt cóc những đứa trẻ ấy.”

“Phải. Nó làm tôi phát điên. Hãy kể lại cho tôi những gì Nina đã thấy. Hãy nói với tôi về người đàn ông trong chiếc xe ô tô đi cùng với Gary Soneji.”

“Nina, kể từ khi còn bé tí đã yêu cái bậu cửa sổ trên cầu thang nhà chúng tôi,” Glory bắt đầu lại câu chuyện. “Đó là cánh cửa nhìn ra thế giới của Nina, luôn là như vậy. Con bé cuộn mình ở đó và đọc sách, hoặc vuốt ve một trong mấy con mèo của nó. Đôi khi nó nhìn vô định. Nó đã ở bên cái cửa sổ ấy khi trông thấy gã đàn ông da trắng, Gary Soneji. Chúng tôi rất ít gặp những người đàn ông da trắng ở vùng này. Chủ yếu là người da đen, đôi khi là người gốc Tây Ban Nha. Vì thế gã đàn ông làm con bé chú ý. Càng nhìn, con bé dường như càng thấy lạ. Giống như nó đã nói với ông. Hẳn đang *quan sát* ngôi nhà của gia đình Sanders. Như thế hẳn đang quan sát ngôi nhà hay gì đó. Và có một người đàn ông khác, ngồi trong ô tô, hẳn theo dõi gã đàn ông đang quan sát ngôi nhà.”

Đúng rồi. Trí óc mệt mỏi và quá tải của tôi bằng cách nào đó đã cố gắng tóm bắt được các từ khóa trong những điều bà vừa kể.

Glory Cerisier đang chuẩn bị tiếp tục câu chuyện, nhưng tôi cắt lời. “Bà vừa nói người đàn ông trong ô tô đang *theo dõi* Gary Soneji. Bà nói hẳn đang *theo dõi* gã đó hả.”

“Tôi đã nói thế, phải không nhỉ? Tôi quên hết rồi. Nina từng bảo hai gã đàn ông đi cùng nhau. Giống như một nhóm người bán hàng hay gì đó. Anh biết đấy, đôi khi đó là cách họ khoanh vùng một con phố. Nhưng khi kể lại, nó lại bảo tôi là người đàn ông trong ô tô đang *theo dõi* người kia. Tôi tin đó là điều nó nói. Tôi gần như chắc chắn vậy. Để tôi hỏi Nina. Tôi cũng không chắc lắm.”

Ngay sau đó, ba chúng tôi ngồi trò chuyện với nhau.

Glory Cerisier giúp tôi tiếp cận Nina, và Nina cuối cùng đã hợp tác. Phải, cô bé chắc chắn là người đàn ông ngồi trong ô tô đã *theo dõi Gary Soneji*. Người đàn ông đó không đi cùng với Soneji. Nina Cerisier nhớ rất rõ là người đàn ông trong ô tô đã theo dõi gã kia.

Cô bé không biết gã đàn ông đang quan sát đó là người da trắng hay da đen. Cô bé đã không đề cập tới chuyện này vì nghĩ điều đó dường như không quan trọng, và như thế thậm chí còn khiến cảnh sát chất vấn thêm. Giống như mọi đứa trẻ ở khu Đông Nam, Nina ghét cảnh sát và e ngại họ.

Gã đàn ông trong ô tô đã *theo dõi Gary Soneji*.

Có thể rốt cuộc chẳng có tay “tòng phạm” nào, nhưng ai đã *theo dõi Gary Soneji/Murphy* khi hắn khoanh vùng các nạn nhân tiềm năng của hắn? Người đó có thể là ai?

CHƯƠNG 71

TÔI ĐƯỢC PHÉP THĂM Soneji/Murphy, nhưng chỉ với mục đích phục vụ cho các cuộc điều tra liên quan tới vụ giết hại gia đình Sanders và Tumer. Tôi có thể gặp hẳn để điều tra về những tội ác có lẽ chẳng bao giờ được đưa ra xét xử, nhưng không phải để điều tra về vụ việc có thể vẫn chưa có lời giải. Bệnh quan liêu luôn là thế đấy.

Tôi có một người bạn hiện làm ở Nhà tù Fallston, nơi giam giữ Gary. Tôi đã quen Wallace Hart - người phụ trách mảng tâm thần học ở Fallston - từ khi gia nhập lực lượng cảnh sát D.C. Wallace đang chờ tôi ở sảnh khu trụ sở cũ kỹ.

“Tớ thích kiểu chăm chút riêng tư này,” tôi nói khi bắt tay cậu ta. “Tất nhiên, đây là lần đầu tiên tớ được như vậy.”

“Bây giờ cậu là người nổi tiếng rồi, Alex ạ. Tớ thấy cậu trên ti vi.”

Wallace là một người da đen có vẻ ngoài trí thức, nhỏ nhắn, cậu ta đeo kính tròn và vận bộ đồ công sở màu xanh rộng thùng thình. Cậu ta khiến người ta nhớ tới George Washington Carver*, có thể pha chút gì đó của Woody Allen*. Trông cậu ta như thể vừa là người da đen, vừa là người Do Thái.

“Tới giờ thì cậu nghĩ gì về Gary?” Tôi hỏi Wallace khi chúng tôi đi thang máy nhà tù lên tới tầng được bảo vệ nghiêm ngặt nhất. “Một tù nhân mẫu mực hả?”

“Tớ luôn thích thú đặc biệt với những kẻ tâm thần, Alex ạ. Chúng giữ cho mọi thứ luôn thú vị. Hãy tưởng tượng nếu cuộc sống mà không có những gã bất lương thực thụ đó mà xem. Thật nhàm chán.”

“Cậu không tin vào khả năng hăn đa nhân cách, tớ đoán thế đúng chứ?”

“Tớ nghĩ đó là một khả năng, nhưng rất nhỏ. Dù thế nào thì Thăng Bé Hư trong hăn cũng hết sức tồi tệ. Dù vậy, tớ ngạc nhiên khi hăn gặp rắc rối. Tớ bất ngờ vì hăn bị bắt”.

Tôi nói, “Cậu có muốn nghe một giả thuyết hết sức độc đáo không? Gary Murphy đã bắt Soneji. Gary Murphy không thể kiểm soát Soneji, vì thế hăn đã giao nộp gã ta.”

Wallace cười với tôi. Cậu ta có nụ cười rộng và lộ nhiều răng so với một khuôn mặt choắt. “Alex, tớ rất khoái đầu óc điên rồ của cậu. Nhưng cậu thực sự tin điều đó à? Chuyện nửa này giao nộp nửa kia ấy?”

“Không. Tớ chỉ muốn biết xem cậu có tin không thôi. Tớ bắt đầu nghĩ hăn là kẻ hoàn toàn tâm thần. Tớ chỉ cần biết hoàn toàn đến mức độ nào thôi. Khi gặp hăn, tớ đã quan sát thấy sự rối loạn nhân cách hoang tưởng thể hiện rõ ràng.”

“Tớ đồng ý về chuyện đó. Hăn là kẻ không thể tin được, hay đòi hỏi, ngạo mạn, dễ bị kích động. Nhưng tớ nói rồi, tớ thích gã này.”

Tôi hơi sốc khi gặp Gary lần này. Đôi mắt hăn tưởng như trũng sâu vào. Hai con ngươi có những tia máu như thể đang bị chứng viêm kết mạc. Da mặt bị kéo căng. Hăn đã giảm cân nhiều, có thể tới hơn mười ba cân, và như thế, hăn đã trở nên cân đối và thon thả hơn.

“Tôi hơi thất vọng. Xin chào Tiến sĩ.” Hăn ngược nhìn từ chiếc cúi và nói với tôi. Hăn lại là Gary Murphy. Ít nhất thì có vẻ là vậy.

“Chào Gary,” tôi nói. “Tôi không thể không can thiệp được.”

“Lâu quá không gặp. Hăn là ông phải muốn gì đó. Để tôi đoán nhé - ông đang viết một cuốn sách về tôi. Ông muốn trở thành một Anne Rule tiếp theo phải không?”

Tôi lắc đầu. “Tôi muốn tới thăm anh từ lâu rồi. Nhưng trước hết tôi phải xin được lệnh của tòa án. Thực sự thì tôi tới đây để nói về vụ án mạng tại gia đình Sanders và Tumer.”

“Thật sao?” Hãn dường như cam chịu và cảm xúc của hãn có vẻ khá thờ ơ và thụ động. Tôi không thích cái vẻ ngoài mà hãn đang thể hiện ấy. Điều đó khiến tôi nghĩ rằng nhân cách của gã đàn ông này có thể đang trên bờ vực bị phân tách hoàn toàn.

“Tôi chỉ *được phép* nói chuyện với anh về vụ án mạng tại nhà Sanders và Tumer, thực tế là vậy. Đó là phạm vi tôi được cho phép. Nhưng chúng ta có thể nói chuyện về Vivian Kim, nếu anh thích.”

“Vậy thì chúng ta không có nhiều chuyện để nói đâu. Tôi chả biết gì về những vụ giết người ấy. Tôi thậm chí không đọc báo. Tôi thề bằng mạng sống của con gái tôi là tôi chưa đọc. Có lẽ ông bạn Soneji của chúng ta biết. Tôi thì không, Alex ạ.” Hãn dường như thực sự thoải mái khi gọi tôi là Alex lúc này. Thật vui khi biết ta có thể kết bạn ở bất cứ đâu.

“Luật sư của anh hãn đã giải thích các vụ án mạng cho anh. Có thể có một phiên xét xử nữa trong năm nay.”

“Tôi sẽ không gặp thêm bất cứ luật sư nào nữa. Chuyện đó chẳng liên quan gì tới tôi. Thêm nữa, các vụ việc đó sẽ không được đưa ra tòa đâu. Quá tốn kém.”

“Gary.” Tôi nói với hãn như thể hãn là bệnh nhân của tôi. “Tôi muốn thôi miên anh lần nữa. Anh có chịu ký vào giấy tờ nếu tôi có thể sắp xếp tất cả những chuyện vớ vẩn này không? Việc *nói chuyện với Soneji* rất quan trọng với tôi. Hãy để tôi cố gắng *nói chuyện với hãn*.”

Gary Murphy mỉm cười và lắc đầu. Cuối cùng hãn gật đầu. “Thực sự thì, tôi muốn tự mình nói chuyện với hãn,” hãn nói. “Nếu có thể, tôi sẽ giết hãn. Tôi sẽ giết Soneji. Giống như việc người ta cho rằng tôi đã giết hại tất cả những người kia.”

Tối đó tôi tới gặp cựu nhân viên Sở Mật vụ Mike Devine. Devine là một trong hai nhân viên được giao nhiệm vụ bảo vệ Bộ trưởng Goldberg và gia đình ông. Tôi muốn hỏi anh ta về giả thuyết “tòng phạm”.

Mike Devine đã tự nguyện về hưu khoảng một tháng sau khi xảy ra vụ bắt cóc. Vì vẫn chỉ độ ngoài bốn mươi tuổi nên tôi đoán anh ta đã bị đẩy khỏi vị trí của mình. Chúng tôi trò chuyện suốt vài giờ bên ngoài khu hiên đá trông ra sông Potomac tại nhà anh ta.

Đó là một căn hộ trang nhã, đầy đủ tiện nghi dành cho một người đàn ông độc thân. Devine có nước da rám nắng và dáng vẻ thư thái. Anh ta là hình ảnh tiêu biểu nhất để cổ vũ cho việc rời bỏ lực lượng cảnh sát ngay khi có thể.

Người đàn ông này gợi nhắc tôi đôi chút về nhân vật Travis McGee trong các cuốn tiểu thuyết của John MacDonald. Devine vạm vỡ và có gương mặt rất cá tính. Anh ta sẽ sống ổn dù phải về hưu non, tôi nghĩ: vẻ ngoài như người hùng điện ảnh, rất nhiều sợi tóc nâu xoắn, một nụ cười dễ chịu, hay chuyện.

“Người cộng sự của tôi và tôi đã bị đẩy đi, anh biết đấy,” Devine thừa nhận sau khi uống hết vài lon bia Corona. “Một màn lộn xộn đã xảy ra và trở thành Chiến tranh Thế giới thứ Ba, rồi chúng tôi trở thành quá khứ ở Sở Mật vụ. Cả hai chúng tôi đều không được sắp xếp giúp đỡ nhiều.”

“Đó là một vụ khuấy động dư luận. Tôi nghĩ đã có những anh hùng và cả những kẻ ác.” Một khi đã làm một lon bia lạnh thì tôi cũng triết lý chẳng kém ai.

“Có lẽ cuối cùng thế cũng tốt,” Mike Devine trầm ngâm. “Anh có bao giờ nghĩ tới chuyện bắt đầu lại, làm một cái gì khác khi vẫn còn nhiệt huyết không? Trước khi căn bệnh Alzheimer tấn công ấy?”

“Tôi đã nghĩ về việc mở phòng khám tư,” tôi nói với Devine. “Tôi là chuyên gia tâm lý. Hiện tại tôi vẫn tư vấn miễn phí ở các khu nhà giá rẻ.”

“Nhưng anh yêu công việc này tới mức không thể bỏ nó à?” Mike Devine cười rồi nheo mắt trong ánh chiều muộn đang ló khỏi mặt nước. Bầy chim biển màu xám với đám lông ngực trắng bay ngay bên hiên. Thật đẹp. Mọi thứ được sắp xếp ở đây đều rất đẹp.

“Nghe này, Mike, tôi muốn rà soát lại tình hình vài ngày cuối trước khi xảy ra vụ bắt cóc,” tôi nói với anh ta.

“Anh *đúng* là dạng say nghề chết tiệt, Alex ạ. Chính tôi đã rà soát tới từng xăng ti mét vuông khu vực đó rồi. Tin tôi đi, chẳng có gì đâu. Đó chỉ là khu đất bỏ hoang. Không gì mọc trên đó. Tôi đã cố gắng và cố gắng, rồi rốt cuộc tôi cũng đã từ bỏ bóng ma đó.”

“Tôi tin anh. Nhưng tôi vẫn tò mò về chiếc ô tô mui kín đời mới đêm hôm đó người ta thấy đậu ở Potomac. Có thể là một chiếc xe hiệu Dodge.” tôi nói. Đó chính là chiếc xe mà Nina Cerisier nhớ đã đậu ở Langley Terrace. “Anh đã từng thấy một chiếc ô tô mui kín màu xanh hay đen nào đậu trên đại lộ Sorrell chưa? Hay ở bất cứ chỗ nào quanh ngôi trường Washington Day?”

“Như tôi đã nói, tôi đã rà đi rà lại trong tất cả các nhật ký trực của chúng tôi. Không có bất cứ chiếc xe hơi bí ẩn nào cả. Anh có thể tự xem lại nhật ký các phiên trực.”

“Tôi đã xem rồi,” tôi nói với Devine và phá lên cười trước vụ việc dường như vô vọng mà tôi đang cố điều tra.

Mike Devine và tôi trò chuyện thêm lúc nữa. Anh ta không thể cung cấp thêm thông tin gì mới. Cuối cùng, tôi thấy Mike ca ngợi cuộc sống nơi bờ biển, thú câu cá mỗi đường ở quần đảo Keys, “đánh tung những quả bóng trắng nhỏ”. Cuộc sống mới của anh ta vừa bắt đầu. Mike đã vượt qua vụ bắt cóc Dunne-Goldberg nhanh hơn nhiều so với tôi.

Dù vậy, vẫn có điều gì đó làm tôi bận lòng. Tất cả chuyện liên quan đến vấn đề “tòng phạm”. Hay chuyện “kẻ theo dõi”. Hơn thế, thăm sâu trong tôi còn có linh cảm gì đó về Devine và người cộng sự của anh ta. Một cảm giác không được tốt. Có gì đó mách bảo tôi rằng họ biết nhiều hơn những gì họ sẵn lòng kể với bất kỳ ai.

Khi vẫn còn hừng hực như lò lửa, tôi quyết định liên hệ với người từng là cộng sự của Devine, Charles Chakely, vào khuya hôm

đó. Sau khi bị sa thải, Chakely và gia đình anh ta định cư tại Tempe, bang Arizona.

Lúc đó là nửa đêm theo giờ chỗ tôi; mười giờ tối ở Tempe. Không quá muộn, tôi cho là thế. “Charles Chakely phải không? Tôi là thanh tra Alex Cross gọi từ Washington đây,” tôi nói khi cựu nhân viên Sở Mật vụ bắt máy.

Có một chút ngập ngừng, một khoảng im lặng khó chịu trước khi đầu dây bên kia trả lời. Sau đó Chakely trở nên hẩn học - điều này khiến tôi cảm thấy rất lạ lùng. Phản ứng của anh ta chỉ như củng cố thêm những linh tính mách bảo trong tôi về cựu nhân viên Sở Mật vụ này và người cộng sự.

“Anh muốn cái quái gì nữa thế?” Chakely nổi cáu. “Tại sao anh gọi tới đây cho tôi? Bây giờ tôi không còn làm việc ở Sở Mật vụ rồi. Tôi đang cố bỏ lại sau lưng những chuyện đã xảy ra. Hãy để cho tôi yên. Hãy tránh xa tôi và gia đình tôi.”

“Nghe này, tôi xin lỗi đã làm phiền anh...” tôi bắt đầu xin lỗi.

Anh ta ngắt lời tôi. “*Vậy thì đừng làm phiền nữa.* Đó là một cách sửa sai dễ dãi, Cross ạ. Hãy rút khỏi cuộc đời tôi.”

Tôi có thể tưởng tượng ra hình ảnh Charles Chakely khi nói chuyện với anh ta. Tôi đã nhớ ra anh ta từ những ngày đầu vừa xảy ra vụ bắt cóc. Charles mới chỉ năm mốt nhưng trông cứ như ngoài sáu mươi. Bụng bia. Tóc đã rụng gần hết. Buồn bã, đôi mắt lãnh đạm. Chakely là minh chứng cụ thể cho thấy những gì tồi tệ mà công việc này có thể gây ra cho ta, nếu ta để mặc cho nó làm vậy.

“Không may là tôi vẫn bị giao xử lý vài vụ giết người,” tôi vừa nói vừa hy vọng Chakely hiểu. “Các vụ đó cũng có liên quan tới Gary Soneji/Murphy. Hẳn quay lại và giết một trong các giáo viên ở trường. Vivian Kim, anh nhớ không?”

“Tôi đã nghĩ là anh không muốn làm phiền tôi. Vậy tại sao anh không vờ như là anh chưa bao giờ gọi điện, hả? Rồi tôi sẽ làm bộ là

tôi chưa bao giờ nhắc máy. Tôi quá rành cái trò ‘chúng ta hãy cùng giả vờ’ ở ngoài vùng cao nguyên Arizona rồi.”

“Nghe này, tôi có thể xin một cái trát của tòa. Anh biết là tôi có thể làm thế. Chúng ta có thể thực hiện cuộc nói chuyện này ở Washington. Hoặc tôi có thể bay qua nhà anh ở Tempe. Xuất hiện ở đó trong buổi tiệc nướng ngoài trời vào một đêm nào đó.”

“Này, có chuyện quái quỷ gì với mày vậy? Mày sao thế hả Cross? Vụ án khốn kiếp đó đã chấm dứt rồi. Kệ mẹ nó đi và để tao yên.”

Có gì đó rất lạ trong giọng nói của Chakely. Có vẻ như anh ta sắp nổ tung.

“Tôi đã nói chuyện với cộng sự của anh tối nay,” tôi thông báo. Thông tin đó khiến Chakely tiếp tục giữ máy.

“Vậ à. Mày đã nói chuyện với Mickey Devine à. Thi thoảng tao cũng nói chuyện với nó đấy.”

“Tôi mừng cho cả hai anh. Tôi sẽ chỉ làm phiền anh một phút nữa thôi. Chỉ cần anh trả lời một hoặc hai câu hỏi thôi.”

“Một câu hỏi. Chỉ vậy thôi,” rốt cuộc Chakely nói.

“Anh nhớ xem có thấy chiếc ô tô mui kín đời mới màu đen nào đậu trên đại lộ Sorrell không? Hay bất cứ chỗ nào quanh khu nhà của gia đình Goldberg hoặc Dunne? Có thể là khoảng một tuần trước khi xảy ra vụ bắt cóc?”

“Mẹ kiếp, không, lạy Chúa, không. Bất cứ chuyện gì bất thường đều đã được ghi trong nhật ký trực của bọn tao rồi. Vụ bắt cóc đã kết thúc. Tao đã hết nợ rồi. Cả với mày cũng vậy, thanh tra Cross ạ.”

Chakely dập máy.

Giọng điệu của anh ta rất kỳ quái. Cái ý nghĩ về “kẻ quan sát” chưa lộ diện làm tôi hơi điên tiết. Đó là một nút thắt lớn. Quan trọng tới mức không thể phớt lờ dù ta có là loại thanh tra nào đi nữa. Tôi phải nói chuyện với Jezzies về Mike Devine và Charlie Chakely, và về

những cuốn nhật ký trực họ đã giữ. Có gì đó vẫn chưa rõ ràng về hai người này. Chắc hẳn họ đang giấu giếm điều gì đó.

CHƯƠNG 72

JEZZIE VÀ TÔI dành một ngày tại ngôi nhà bên hồ của cô. Cô cần nói chuyện. Cô cần kể cho tôi nghe cô đã thay đổi thế nào, cô đã nhận ra những gì về bản thân sau kỳ nghỉ phép. Hai chuyện rất, rất lạ đã xảy ra ở đó, Nơi Xa Xôi Hẻo Lánh, Bắc Carolina.

Chúng tôi rời Washington lúc năm giờ sáng và tới bờ hồ ngay trước tám giờ ba mươi. Đó là ngày mùng ba tháng Mười hai nhưng cứ giống như là ngày đầu tiên của tháng Mười. Nhiệt độ vào khoảng hai mươi mốt độ C suốt buổi chiều và những luồng gió nhẹ ngọt ngào thổi từ trên núi xuống. Tiếng chiu chít, líu lo của nhiều loài chim khác nhau tràn ngập không gian.

Những người tới đây nghỉ hè đã rời đi cả nên chúng tôi chiếm lấy mặt hồ cho riêng mình. Một chiếc xuồng máy chạy vòng quanh hồ trong khoảng hơn một giờ, tiếng động cơ ồn ã của nó hết như tiếng một chiếc ô tô đua tại giải Nascar. Nếu không có nó, không gian chỉ thuộc về hai chúng tôi.

Như đã thỏa thuận với nhau, chúng tôi không vội vàng đề cập đến bất cứ đề tài nào nghiêm trọng. Không nói về Jezzie, Devine hay Chakely, và cả những giả thuyết mới nhất của tôi về vụ bắt cóc.

Chiều muộn hôm đó, Jezzie và tôi đi dạo một quãng dài trong khu rừng thông xung quanh. Chúng tôi men theo dòng suối trong suốt tựa pha lê chảy vào dải đồi bao quanh. Jezzie không trang điểm, tóc cô buông xõa và rối tung. Cô mặc chiếc quần jean lửng và chiếc áo chui đầu sát nách có dòng chữ Đại học Virginia. Đôi mắt cô xanh biếc tuyệt đẹp, chẳng hề kém màu xanh trên nền trời.

“Em đã bảo anh là em nhận ra rất nhiều điều về bản thân tại nơi này, Alex,” Jezzie nói khi chúng tôi đi bộ mỗi lúc một sâu hơn vào rừng. Cô nói nhỏ nhẹ. Tựa như một đứa trẻ. Tôi chăm chú lắng nghe từng lời. Tôi muốn biết mọi điều về Jezzie.

“Em muốn kể cho anh nghe về em. Lúc này em thực sự muốn nói,” Jezzie nói. “Em cần nói cho anh biết tại sao và như thế nào, rồi tất cả những điều khác.”

Tôi gật đầu và để cô tiếp tục.

“Bố em... bố em là một kẻ thất bại. Trong mắt ông là thế. Ông là người rất khôn khéo. Ông có thể được lòng rất nhiều tầng lớp trong xã hội - khi ông muốn thế. Nhưng ông xuất thân từ tầng lớp nghèo khổ, và ông coi đó là mối hận lớn nhất trong lòng. Quan điểm sống tiêu cực của bố em đã liên tục đẩy ông vào những rắc rối. Ông không để tâm điều đó đã ảnh hưởng tới mẹ và em thế nào. Ông trở thành kẻ nghiện rượu trong những năm bốn mươi và năm mươi tuổi. Lúc cuối đời, ông không có lấy một người bạn hay một gia đình đúng nghĩa. Em hình dung đó chính là lý do ông tự tử... *Bố em đã tự tử*, Alex ạ. Ông đã làm việc ấy trong chiếc xe không sơn biểu tượng cảnh sát của mình. Chẳng có bất cứ vụ đau tim nào ở nhà ga Union. Đó chỉ là chuyện bịa đặt em bắt đầu kể từ những ngày học đại học.”

Hai chúng tôi cùng im lặng bước đi. Jezzie mới chỉ kể về bố mẹ cô một đôi lần. Tôi đã biết họ nghiện rượu nhưng tôi không muốn thúc ép cô - nhất là vì tôi không thể là bác sĩ của Jezzie. Tôi nghĩ Jezzie sẽ kể về chuyện ấy khi cô muốn.

“Em đã không muốn trở thành kẻ thất bại giống bố mẹ mình. Đó là cách họ tự nhìn bản thân, Alex ạ. Lúc nào họ cũng nói như thế. Không phải là kém tự trọng - mà là không có tự trọng. Em không thể để mình thành ra như thế.”

“Em nghĩ họ là người thế nào?”

“Là những kẻ thất bại, em cho là vậy.” Một nụ cười dè dặt mang theo sự thừa nhận. Một nụ cười chân thành đầy đau đớn.

“Cả hai đều thông minh tới mức khó tin, Alex ạ. Họ biết tất cả mọi thứ. Họ đọc mọi cuốn sách trên thế giới này. Họ có thể nói với anh về bất cứ chủ đề nào. Anh đã bao giờ tới Ireland chưa?”

“Anh từng tới Anh một lần, vì công việc của cảnh sát. Đó cũng là lần duy nhất anh tới châu Âu. Anh chưa bao giờ dư dả tiền bạc.”

“Nếu tới đó, anh sẽ thấy một số ngôi làng ở Ireland - có những người rất thông minh, nhưng họ sống rất nghèo khổ. Anh sẽ gặp ‘những người Do Thái da trắng’ này. Có lẽ đến một phần ba số cửa hàng ở mặt tiền là quán rượu. Có quá nhiều kẻ thất bại được học hành tử tế ở quốc gia đó. Em không muốn trở thành một kẻ thất bại thông minh khác. Em đã kể anh nghe về nỗi sợ của mình. Đó sẽ là địa ngục trần gian đối với em... Em ép mình học hành chăm chỉ lúc ở trường. Em cần phải là số một, bằng mọi giá. Sau đó là ở Bộ Tài chính. Em đã dẫn đầu, dẫn đầu một cách thoải mái. Alex, dù vì lý do gì đi nữa, em đã thấy hạnh phúc với sự nghiệp của mình, với cuộc sống nói chung.

“Nhưng mọi sự đã tan rã sau vụ bắt cóc Goldberg-Dunne. Em trở thành vật tế thần. Em đã không còn là cô gái vàng nữa.

“Chỉ cần có thể và em xong đời. Các nhân viên mật vụ xì xào sau lưng em. Rốt cuộc em bỏ việc, rời khỏi Sở Mật vụ. Em đã không còn lựa chọn nào. Đó là chuyện vô cùng nhảm nhí và bất công. Rồi em đến đây. Để tìm xem mình là cái quái gì. Em cần tự mình làm tất cả chuyện đó.”

Jezzie vươn người và vòng hai cánh tay ôm lấy tôi ngay giữa cánh rừng. Cô bắt đầu thốn thức, rất khẽ. Tôi chưa từng thấy cô khóc. Tôi ôm chặt Jezzie. Tôi chưa bao giờ cảm thấy gần gũi cô đến vậy. Tôi biết cô đang kể tôi nghe những sự thật cay đắng nhất. Tôi còn nợ, chưa nói cho cô sự thật cay đắng của mình.

Chúng tôi đang ở dưới một khu đồi hoang vắng, thì thầm nói chuyện, chợt tôi cảm thấy có ai đó trong khu rừng đang theo dõi chúng tôi. Tôi giữ cho đầu mình nhìn thẳng nhưng hai mắt lại liếc sang bên phải. Có kẻ nào đó đang ở trong rừng.

Kẻ nào đó đang *theo dõi* chúng tôi.

Một “*kẻ theo dõi*” khác.

“Có người đang ở đó, Jezzie ạ. Ngay ở quả đồi phía bên phải chúng ta,” tôi thì thầm với cô. Jezzie không nhìn theo hướng đó. Cô vẫn là một cảnh sát.

“Anh có chắc không, Alex?” cô hỏi.

“Chắc. Tin anh lần này đi. Chúng mình sẽ tách ra,” tôi nói. “Dù kẻ đó là ai thì khi hắn bỏ chạy, chúng ta sẽ rượt theo hắn.”

Chúng tôi tách ra và bước tiếp để cả hai bọc lấy hai bên sườn khu đồi mà tôi đã phát hiện ra kẻ theo dõi. Có lẽ việc đó sẽ khiến kẻ theo dõi hoang mang, bất kể là ai.

Hắn bỏ chạy!

Kẻ theo dõi là một gã đàn ông. Hắn ta đi giày đế mềm, mặc bộ đồ áo liền quần có mũ trùm đầu màu sẫm, hòa lẫn với màu sắc trong rừng. Tôi không đoán được chiều cao cũng như khổ người của hắn. Thực ra là chưa đoán được.

Jezzie và tôi rượt theo gã đàn ông đó khoảng một phần tư dặm. Cả hai chúng tôi đều đi chân trần nên không thể thu hẹp khoảng cách với kẻ theo dõi. Chúng tôi có lẽ đã tụt lại vài thước trong cuộc chạy nước rút dốc toàn lực đó. Đám cành cây và gai nhọn cào vào mặt và tay chúng tôi. Rốt cuộc chúng tôi cũng ra tới bên ngoài rừng thông và thấy mình đang ở một con đường nông thôn rải nhựa. Vừa lúc chúng tôi nghe tiếng một chiếc ô tô đang tăng tốc ở khúc cua gần đó. Chúng tôi chẳng hề trông thấy chiếc xe, nói gì tới việc thoáng thấy biển số.

“Giờ thì chuyện thực sự kỳ quái quá rồi!” Jezzie nói khi chúng tôi đứng lại bên đường để cố lấy lại sức. Mồ hôi túa ra trên mặt chúng tôi còn tim thì đập dồn dập.

“Người nào biết em đang ở đây? Có ai không?” tôi hỏi cô.

“Không ai cả. Thế em mới nói là chuyện thật kỳ quái. Gã quái quỷ đó là ai chứ? Chuyện này thật đáng sợ, Alex. Anh nghĩ sao?”

Trước khi gặp nhau, tôi đã phác thảo ít nhất một tá giả thuyết về *kẻ theo dõi* mà Nina Cerisier đã trông thấy.

Giả thuyết nhiều hứa hẹn nhất tôi có là đơn giản nhất. Khi ấy cảnh sát đang theo dõi Gary Soneji. Nhưng cảnh sát nào? Có thể là ai đó trong cơ quan của chính tôi chẳng? Hay của Jezzie?

Điều đó chắc chắn rất đáng sợ.

Chúng tôi quay trở lại căn lều nhỏ của Jezzie ngay trước khi trời tối. Một chút giá lạnh của mùa đông đang thấm vào không khí.

Chúng tôi nhóm đồng lửa lớn trong nhà và nấu một bữa ăn ngon đủ cho bốn người.

Có ngô, một đĩa xa lát to, miếng thịt bò nướng nặng gần sáu lạng cho mỗi người, rượu vang trắng có nhãn khắc dòng chữ *Chassagne-Montrachet, Premier Cru, Marquis de Laguiche*.

Sau bữa ăn, chúng tôi lại nói về Mike Devine và Charlie Chakely, và kẻ theo dõi. Jezzie không giúp ích được nhiều lắm. Cô nói có lẽ tôi đang đi nhầm hướng khi tập trung vào các nhân viên của Sở Mật vụ. Cô nói Chakely là típ người dễ bị kích động nên rất có thể nổi khùng vì một cuộc điện thoại gọi tới Arizona. Cô cũng nói rằng Chakely cay cú vì chuyện công việc nên có thể anh ta đã tỏ ra bức xúc. Theo cô, cả Mike Devine và Chakely đều là người tốt, nhưng không phải những nhân viên mật vụ xuất sắc. Nếu có gì thực sự đáng lưu ý trong quá trình theo dõi để bảo vệ gia đình Goldberg, chắc chắn họ đã thấy. Nhật ký ca trực của họ rất chính xác. Không ai trong hai người đó đủ thông minh để che giấu điều gì. Jezzie chắc chắn như vậy.

Cô không nghi ngờ việc Nina Cerisier đã trông thấy một chiếc ô tô đỗ trên phố vào đêm trước khi xảy ra vụ sát hại nhà Sanders, nhưng cô không tin vào thời điểm ấy có ai đó *đang theo dõi* Soneji/Murphy. Hoặc thậm chí là chuyện chính Soneji đã có mặt ở gần khu nhà giá rẻ.

“Em không còn dính dáng tới vụ án này nữa,” cuối cùng Jezzie nói với tôi. “Em không đại diện cho lợi ích của Bộ Tài chính hay của bất cứ ai khác. Đó là quan điểm rất thành thực của em thôi, Alex. Sao

anh không ngừng lại đi cho xong? Vụ án kết thúc rồi mà. Đừng nghĩ về nó nữa.”

“Anh không thể làm thế,” tôi nói với Jezzie. “Đó không phải là cách chúng ta làm mọi việc tại Hội nghị Bàn tròn của Vua Arthur. Anh không thể từ bỏ vụ này. Mỗi lần anh tính đến việc từ bỏ, một cái gì đó lại xuất hiện và làm thay đổi suy nghĩ của anh.”

Đêm đó chúng tôi lên giường khá sớm. Khoảng chín giờ, chín giờ mười lăm. Rượu Chassagne-Montrachet, Premier Cru đã phát huy tác dụng, vẫn có những đam mê, nhưng cũng có cả sự ấm áp và dịu dàng giữa chúng tôi.

Chúng tôi âu yếm nhau, phá lên cười và không *ngủ* sớm. Jezzie nhạo tôi là “Ngài Alex, Hiệp Sĩ Đen của Hội nghị Bàn tròn.” Tôi thì gọi cô là “Quý Bà Vùng Hồ”. Cuối cùng chúng tôi thiếp đi khi đang thì thầm như thế, bình yên trong vòng tay nhau.

Tôi không biết lúc mình thức dậy là mấy giờ. Tôi đang nằm trên đồng ga giường và chăn bông rối tung, còn trời thì rất lạnh.

Vẫn còn ánh vàng cam hắt ra từ đồng lửa, tiếng tí tách nhẹ nhàng. Tôi không hiểu sao trong phòng ngủ lại lạnh đến như vậy khi mà lửa vẫn đang cháy.

Những gì mắt nhìn thấy và những gì cơ thể tôi đang cảm nhận được không hề ăn nhập. Tôi mất vài giây nghĩ về điều đó.

Tôi lần mò dưới lớp chăn và kéo chúng lên ngang cằm. Ánh lửa phản chiếu lên khung cửa sổ trông thật lạ.

Tôi nghĩ rằng thật kỳ lạ khi tôi lại ở bên Jezzie. Giữa một nơi xa xôi, hẻo lánh. Tôi không thể nghĩ đến lúc mình không còn được ở bên cô.

Tôi rất muốn gọi Jezzie dậy. Nói với cô điều đó. Nói với cô về bất cứ điều gì và tất cả mọi điều. Quý Bà Vùng Hồ. Và Hiệp Sĩ Đen. Nghe như là một Geoffrey Chaucer của những năm 1990 vậy.

Bất chợt tôi nhận ra rằng ánh sáng phản chiếu trên khung cửa sổ *không* phải từ ngọn lửa trong nhà.

Tôi nhảy ra khỏi giường và chạy ra nhìn. Tôi chứng kiến một cảnh mà mình đã từng nghe nói đến trong đời, nhưng chưa bao giờ nghĩ sẽ được thấy.

Một cây thánh giá đang cháy sáng rực trên bãi cỏ nhà Jezzie.

CHƯƠNG 73

MỘT BÉ GÁI mất tích có tên Maggie Rose.

Những vụ án mạng ở các khu nhà giá rẻ. Vụ sát hại Vivian Kim đầy kinh hoàng.

Một gã tâm thần. Gary Soneji/Murphy.

Một “kẻ tòng phạm”. Một kẻ theo dõi bí mật.

Một cây thánh giá cháy rực giữa Bắc Carolina.

Bao giờ thì những mảnh ghép ấy rốt cuộc sẽ khớp lại với nhau? Liệu chúng có khớp lại vừa vặn không? Từ lúc ở ngôi nhà bên hồ của Jezzie cho tới khi mọi thứ chấm dứt, trong đầu tôi ngập tràn những hình ảnh ghê gớm, ám ảnh. Tôi không thể từ bỏ vụ án như Jezzie đề nghị. Những sự kiện tuần sau đó càng làm chứng hoang tưởng của tôi nặng lên.

Hôm thứ Hai tôi đi làm về muộn. Damon và Janelle lú lú bám theo khi tôi nặng nề lê khoảng hơn chục bước chân từ cửa trước vào bếp.

“Điện thoại! Điện thoại! Điện thoại!” Damon hô lên trong lúc nô đùa cạnh tôi.

Nana đang chìa điện thoại từ trong bếp ra phía tôi. Bà nói Wallace Hart gọi từ Nhà tù Fallston.

“Alex, tớ xin lỗi vì làm phiền khi cậu ở nhà” Wallace nói. “Cậu có thể ghé qua đây không? Có thể đây là vấn đề quan trọng đấy.”

Tôi đang cố cởi chiếc áo khoác ra. Tôi ngừng lại khi còn một tay trong, một tay ngoài. Bọn trẻ đang giúp tôi cởi áo. Một kiểu vừa giúp tôi mà cũng vừa như giật tung vai tôi ra.

“Chuyện gì vậy Wallace? Tớ kín lịch tối nay rồi.” Tôi thè lưỡi với Damon và Jannie. “Có vài chuyện lật vật ở nhà. Nhưng tớ vẫn sắp xếp được.”

“Hắn ta đang yêu cầu đích danh cậu. Hắn muốn nói chuyện với cậu, chỉ cậu thôi. Hắn nói có chuyện rất quan trọng.”

“Không thể để tới sáng mai ư?” tôi hỏi Wallace. Tôi đã ở chỗ làm cả ngày rồi. Thêm nữa, tôi không hình dung nổi Gary Murphy còn gì mới mẻ nữa để nói với tôi.

“Đây là *Soneji*,” Wallace Hart nói qua điện thoại. “*Soneji* muốn nói chuyện với cậu bây giờ.”

Tôi im bật. Rồi cuối cùng cũng cất lời, “Tớ tới ngay đây, Wallace.”

Tôi đến Fallston trong chưa đầy một tiếng. Gary bị giam ở tầng trên cùng của nhà tù. Những gã bệnh hoạn có tiếng như Squeaky Fromme và John Hinckley cũng từng ở đó. Đó là khu của những kẻ “có máu mặt”, đúng kiểu Gary muốn.

Khi tôi tới phòng giam, Gary đang nằm ngửa trên chiếc cũi hẹp không có ga trải hay chăn đắp. Nhân viên bảo vệ không rời mắt khỏi hắn. Gã này đang được chăm sóc ở chế độ “đặc biệt”, cần sự giám sát một - một.

Wallace Hart nói, “Tớ đang tính đến chuyện ban đêm đưa hắn vào một căn phòng yên tĩnh. Biệt giam và thực hiện chế độ đặc biệt trong một thời gian. Cho tới khi chúng tớ hiểu chuyện gì xảy ra với hắn. Hắn đang phê đấy, Alex.”

“Một trong những lần như thế này hắn sẽ phân thân đấy,” tôi nói và Wallace gật đầu đồng ý.

Tôi bước vào phòng giam Gary và ngồi xuống mà không cần ai bảo. Tôi mệt mỏi với việc phải xin phép người khác. Hai mắt Gary dán chặt lên trần nhà. Chúng như bị đẩy sâu vào phía trong hộp sọ của hắn. Tôi chắc là hắn biết tôi đang ở đó. Alex đâây!

“Xin chào *psikhushka* của tôi, Tiến sĩ,” rốt cuộc hắn nói bằng một giọng đều đều, chói tai và kỳ quái. “Ông có biết *psikhushka* là gì không?” Đúng là Soneji rồi.

“Các bệnh viện nhà tù ở Nga. Đó là nơi người ta giam giữ các tù nhân chính trị tại Liên bang Xô viết,” tôi đáp.

“Chính xác là thế. Giỏi lắm.” Hắn nhìn qua tôi. “Tôi muốn có một thỏa thuận mới với ông. Mới hoàn toàn.”

“Tôi chưa thấy có thỏa thuận cũ nào cả,” tôi nói với hắn.

“Tôi không muốn lãng phí thêm thời gian ở đây. Tôi không thể đóng mãi vai Murphy. Chẳng phải ông đã muốn tìm ra cách khiến *Soneji* mở miệng ư? Chắc chắn là ông muốn vậy Tiến sĩ Cross ạ. Ông có thể trở nên nổi tiếng. Ông có thể trở thành người rất quan trọng trong bất cứ giới nào ông gia nhập.”

Tôi không tin đây có thể là chứng điên bỏ nhà ra đi, một trong những yếu tố giúp gã đàn ông này thoát tội. Có vẻ hắn đang làm chủ rất tốt những điều mình nói.

Có phải hắn vẫn luôn là Gary Soneji? “Thằng Bé Hu”? Ngay từ phút đầu chúng tôi gặp nhau? Đó là phán đoán của tôi. Tôi giữ nguyên ý đó.

“Ông hiểu tôi chứ?” hắn hỏi với lên từ chiếc cũi. Hắn duỗi đôi chân dài ra một cách thoải mái và vặn vẹo những ngón chân trần.

“Anh đang bảo tôi rằng giờ đây anh đã nhận thức được hoàn toàn về mọi việc mình đã làm. Rằng chưa bao giờ có sự phân chia nhân cách. Không có những cơn điên bỏ nhà ra đi. Anh đóng cả hai vai. Và giờ anh thấy mệt mỏi với vai Gary Murphy.”

Ánh mắt *Soneji* tập trung và rất mãnh liệt. Tia nhìn của hắn lạnh lẽo và xuyên thấu hơn bình thường. Đôi khi, với những người mắc bệnh tâm thần nghiêm trọng, đời sống ảo còn quan trọng hơn đời sống thực tế.

“Đúng vậy. Chính là thế đấy, Alex. Ông thông minh hơn những kẻ khác nhiều. Tôi rất tự hào về ông. Ông là người duy nhất khiến mọi

thứ thú vị với tôi. Người duy nhất khiến tôi chú ý trong khoảng thời gian dài.”

“Vậy anh muốn gì ở chúng tôi?” Tôi cố giữ để gã tù nhân tiếp tục mạch chuyện. “Tôi có thể làm gì cho anh, Gary?”

“Tôi cần một số điều nho nhỏ. Nhưng cái chính là tôi muốn được là chính mình. Có thể nói rằng tôi muốn được ghi nhận tất cả những thành tích của mình.”

“Đổi lại thì chúng tôi được gì?”

Soneji mỉm cười với tôi. “Tôi sẽ kể cho ông nghe những gì đã xảy ra. Từ đầu. Tôi sẽ giúp ông giải quyết vụ án quý giá của mình. Tôi sẽ kể cho ông, Alex.”

Tôi chờ Soneji tiếp tục. Tôi lại nhớ về lời tuyên bố trên tấm gương trong phòng tắm của Gary Soneji: *Tao muốn là ai đó!* Có thể ngay từ khi mới bắt đầu hắn đã muốn được ghi nhận.

“Tôi vẫn luôn có kế hoạch giết *cả hai* đứa trẻ. Tôi không thể chờ đợi. Tôi có cái tính yêu-ghét lẫn lộn này với trẻ nhỏ, ông biết đấy. Những bộ ngực bị cắt bỏ và các bộ phận sinh dục bị cạo sạch lông, làm như thể các nạn nhân người lớn của tôi trông giống trẻ con hơn. Dù sao, loại bỏ những cái nhọt nhỏ này sẽ là kết cục hợp lý và an toàn cho toàn bộ vấn đề.” Soneji lại mỉm cười. Đó quả là nụ cười không thích hợp và khác thường, như thể hắn đang thú nhận một lời nói dối vô hại. “Ông vẫn muốn biết tại sao tôi lại quyết định bắt cóc phải không? Tại sao tôi lại chọn con bé Maggie Rosebud và thằng bạn Nhãi Con Goldberg của nó ấy?”

Gã này đang dùng các biệt danh để tỏ ý trêu chọc và bỡn cợt. Hắn thích đặt biệt danh kiểu “Thằng Bé Hư”. Qua nhiều tháng, hắn đã để lộ khiếu hài hước không đúng chỗ của mình.

“Tôi quan tâm tới mọi điều anh nói, Gary ạ. Cứ tiếp tục đi.”

“Ông biết không,” hắn nói, “một lần tôi nhận ra tôi đã giết hơn hai trăm người. Cũng rất nhiều trẻ con. Tôi làm những gì thấy thích.

Bất kể chuyện gì xảy ra.”

Lại một nụ cười mỉm vô thức và méo mó xuất hiện. Hân không còn là Gary Murphy nữa. Không còn là một người chồng, người cha ở Wilmington, Delaware với vẻ ngoài đúng chất Mỹ nữa. Phải chăng hân đã giết người từ khi còn là một đứa trẻ?

“Thật sao? Hay anh vẫn đang cố tình làm tôi bị sốc?”

Hân nhún vai. “Sao tôi phải làm thế chứ?... Khi còn là một thằng bé, tôi đọc nhiều cuốn sách nói về vụ bắt cóc con trai nhà Lindbergh. Rồi đến tất cả những vụ án lớn! Tôi sao chụp mọi mẫu báo mà tôi có thể tìm thấy ở thư viện Princeton. Tôi đã kể cho ông nghe một ít về chuyện này rồi phải không? Tôi đã rất phấn khích, hoàn toàn bị mê hoặc và ám ảnh với chuyện bắt cóc trẻ em. Buộc chúng nằm hoàn toàn dưới sự kiểm soát của tôi... Tôi muốn hành hạ chúng như những con chim nhỏ không được bảo vệ. Tôi thực hành điều đó với *một người bạn*. Ông đã gặp hân, tôi tin vậy. *Simon Conklin*. Chỉ là một gã bị tâm thần tầm thường, Tiến sĩ ạ. Không đáng tốn thời gian của ông đâu...*không phải* là cộng sự. *Không phải* là một tông phạm. Tôi đặc biệt thích ý tưởng rằng vụ bắt cóc khiến *các ông bố bà mẹ* đau khổ. Họ sẽ hủy diệt những người lớn khác, nhưng Chúa không cho phép người ta bắt một đứa trẻ. *Không thể tưởng tượng nổi! Những tội ác khủng khiếp, không diễn tả nổi bằng lời!* Họ rút lên như thế. Thật rác rưởi. Toàn một lũ đạo đức giả. Hãy nghĩ lại xem. Hàng triệu đứa trẻ da màu chết ở Bangladesh, thừa Tiến sĩ Cross. Không ai quan tâm. Chẳng ai lao tới để cứu chúng cả.”

“Vậy tại sao anh lại giết hại những gia đình da đen ở các khu nhà giá rẻ?” tôi hỏi hân. “Có gì liên quan ở đây?”

“Ai nói là phải có gì liên quan chứ? Đó có phải điều ông được học ở Đại học Johns Hopkins không? Có lẽ đó là những thành tích tốt đẹp của tôi đấy. Ai bảo tôi không có lương tâm xã hội chứ, hừm? Chắc chắn phải có *sự cân bằng* trong mỗi cuộc đời. Tôi tin điều đó. *Kinh Dịch*. Hãy nghĩ về những nạn nhân tôi đã chọn. Những kẻ nghiện ma

túy tuyệt vọng. Một đứa con gái tuổi vị thành niên mà đã làm gái điếm. Một thằng nhỏ vốn đã mang số mệnh bi đát.”

Tôi không biết có thể tin gã này hay không nữa. Hắn đang “phê”. “Anh có chút cảm tình nào dành cho người da đen chúng tôi không?” tôi hỏi hắn. “Chuyện vừa rồi nghe cũng thấy mùi lòng đấy.”

Hắn chọn cách phớt lờ lời mĩa mai của tôi. “Thực sự là tôi từng có một người bạn da đen, đúng vậy. Một người bảo mẫu. Nếu ông cần biết thì tôi kể cho mà nghe, người phụ nữ đó đã chăm sóc tôi trong lúc bố tôi ly hôn với mẹ đẻ tôi. Laura Douglas là tên bà ấy. Dù vậy thì bà ấy cũng đã trở về Detroit, rồi bỏ tôi. Một người phụ nữ to béo, có nụ cười giòn giã mà tôi tôn thờ. Sau khi bà ấy rời đi Motown thì cũng là lúc Bà Mẹ Kinh Hoàng bắt đầu nhốt đứa trẻ rắc rối mắc chứng tăng động - là tôi - trong tầng hầm.

“Ông đang nhìn thấy một đứa trẻ từng bị bỏ mặc. Trong khi ấy, em trai và em gái cùng cha khác mẹ với tôi đang ở trên gác *trong nhà của bố tôi!* Chúng đang chơi đồ chơi *của tôi*. Chúng thường chế nhạo tôi qua lớp ván sàn. Tôi bị nhốt trong tầng hầm suốt nhiều tuần liền. Hồi đó tình cảm của tôi là thế đấy. Những bóng đèn nhỏ đã phát sáng và các chuông báo động đã réo vang trong đầu ông chưa Tiến sĩ Cross? Thằng bé bị hành hạ trong tầng hầm. Những đứa trẻ được nuông chiều bị chôn trong nhà kho. Quả là những mối tương quan hết chỗ chê. Tất cả các miếng ghép đều bắt đầu trùng khớp chứ? Anh bạn Gary của chúng ta lúc này đang nói sự thật phải không?”

“Anh *đang* nói sự thật sao?” tôi hỏi lại hắn. Tôi nghĩ hắn nói thật. Mọi sự đều trùng khớp.

“Ồ, vâng. Lời hứa danh dự... Những vụ án mạng ở khu vực Đông Nam D.C. Thực sự thì tôi thích ý niệm được là người đầu tiên nổi tiếng vì đã giết hàng loạt người da đen. Tôi không đếm xỉa tới thằng ngu ở Atlanta, nếu thực sự họ đã tóm được đúng thủ phạm ở đó. Wayne Williams thực sự chỉ là kẻ nghiệp dư. Mà những gã giết người hàng loạt *có họ hay tên Wayne* đó thì sao chứ? Wayne Williams. John

Wayne Gacy, Jr. Patrick Wayne Heamey, kẻ đã bố nhỏ ba mươi hai cái đầu người ở West Coast.”

“Anh đã *không* giết Michael Goldberg phải không?” Tôi trở lại điều gã tù nhân đã đề cập trước đó.

“Không. Lúc ấy không phải chủ tâm. Tôi sẽ làm mọi thứ vào thời điểm thích hợp. Thằng bé đó là một cái ung nhọt, được nuông chiều quá nên hư hỏng. Nó nhắc tôi nhớ tới ‘em trai’ tôi, Donnie.”

“Thế làm sao lại xuất hiện những vết bầm tím trên người Michael Goldberg? Kể cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra đi.”

“Ông thích điều này, phải không, Tiến sĩ. Điều đó nói cho chúng ta biết gì về anh, hử? À, khi tôi thấy thằng bé đã chết vì tôi, tôi tức giận lắm. Tôi nổi điên lên. Đá cho cái xác chết tiệt ấy lăn khắp chỗ đó. Đánh nó bằng cái xẻng xúc đất. Tôi không nhớ mình còn làm gì nữa. Tôi quá bức mình. Rồi tôi ném cái xác chết tiệt đó xuống dòng sông trong rừng. Dòng sông trong rừng*, đúng chứ?”

“Nhưng anh đã không làm hại đứa con gái? Anh đã không động vào Maggie Rose Dunne chứ?”

“Không, tôi đã *không* động vào đứa con gái.”

Hắn nhại lại điều bận tâm của tôi. Kiểu nhại khá giống giọng tôi. Hắn chắc chắn có thể diễn kịch, đóng nhiều vai khác nhau. Thật đáng sợ khi quan sát và ở cùng phòng với hắn. Có thể hắn đã giết người vài trăm lần? Tôi nghĩ vậy.

“Kể cho tôi nghe về con bé đi. Chuyện gì thực sự đã xảy ra với Maggie Rose Dunne?”

“Được rồi, được rồi, được rồi. Câu chuyện về Maggie Rose Dunne. Thắp ngọn nến, hát bài thánh ca ngợi ca Chúa Jesus vì lòng nhân từ thuần khiết. Sau khi bị bắt cóc, con bé yếu lắm. Dù sao đó cũng là lần đầu tiên tôi ghé qua chỗ con bé. Nó vừa tỉnh sau khi thuốc gây mê hết tác dụng. Tôi đã đóng giả Bà Mẹ Kinh Hoàng với Maggie bé nhỏ. Tôi nói theo cách Bà Mẹ Kinh Hoàng đã từng nói bên cánh

cửa tầng hầm của nhà chúng tôi. ‘*Nín khóc ngay... Mà cầm ngay. Cầm ngay, cái con ung nhọt hư hỏng kia!*’ Cách đó làm con bé sợ xanh mặt, nói cho ông biết thế. Sau đó tôi lại lôi nó ra ngoài. Tôi kiểm tra cẩn thận mạch cả hai đứa vì tôi chắc Bọn Giả Tạo sẽ đòi hỏi chút bằng chứng cho thấy lũ trẻ vẫn còn sống.”

“Mạch của chúng đều tốt cả chứ?”

“Có. Rất tốt, Alex. Tôi áp tai lên ngực từng đứa. Tôi đã kiểm chế được sự thôi thúc tự nhiên là làm cho tim chúng *ngừng đập* chứ không phải là giữ cho chúng tiếp tục đập.”

“Tại sao lại là vụ bắt cóc tầm cỡ quốc gia? Tại sao lại làm rùm beng lên? Tại sao lại tận dụng cơ hội lớn như vậy?”

“Vì tôi *đã sẵn sàng*. Tôi đã thực hành trong một thời gian dài, rất dài. Tôi chẳng phải tận dụng cơ hội. Tôi cũng cần tiền nữa. Tôi xứng đáng là một triệu phú. Những người khác cũng vậy thôi.”

“Anh trở lại để kiểm tra lũ trẻ lần nữa vào ngày hôm sau chứ?” tôi hỏi hần.

“Ngày hôm sau con bé cũng vẫn ổn. Nhưng ngày sau nữa thì Michael Goldberg chết, còn Maggie Rose thì *biến mất!* Tôi đã lái xe vào nhà kho, và có một cái hố ở khu đất chỗ tôi chôn cái thùng. Cái hố rất to trong lòng đất. Trống không! Tôi đã không làm hại con bé. Tôi cũng đã không nhận số tiền chuộc ở Florida. Một kẻ nào đó khác đã lấy số tiền ấy. Bây giờ, *ông* phải tìm ra chuyện gì đã xảy ra, thanh tra ạ. *Tôi nghĩ là tôi đã tìm ra rồi!* Tôi nghĩ tôi biết bí mật lớn ấy.”

CHƯƠNG 74

TÔI THỨC DẬY LÚC BA GIỜ SÁNG. Trong tâm trạng bay bay! Chơi nhạc Mozart, Debussy và Billie Holiday ngoài hiên nhà. Có khi đắm nghiện ma túy đang gọi cảnh sát để phàn nàn về tiếng ồn cũng nên.

Buổi sáng tôi lại tới nói chuyện với Soneji. “Thằng Bé Hư”. Tôi ngồi trong căn phòng nhỏ không cửa sổ của hăn. Đột nhiên hăn muốn nói chuyện. Tôi nghĩ mình biết hăn muốn hướng tới điều gì sau tất cả những chuyện này; điều mà hăn sẽ sớm nói với tôi. Dù vậy, tôi cần hăn khẳng định quan điểm của mình.

“Ông phải hiểu một điều gì đó vô cùng xa lạ với bản chất của ông,” hăn nói với tôi. “Tôi đã rất phấn khích khi theo dõi con bé rất nổi tiếng đó và bà mẹ diễn viên của nó. Tôi là một nghệ sĩ rẻ tiền đồng thời cũng là một kẻ ‘nghiện ngập’. Tôi cần một ‘liều’.” Tôi không thể không nghĩ tới những bệnh nhân bị lạm dụng khi còn nhỏ của mình khi nghe Soneji nói về những trải nghiệm ghê tởm và kỳ quái của hăn. Thật đau đớn khi nghe một *nạn nhân* nói về *rất nhiều nạn nhân* của hăn.

“Tôi hoàn toàn hiểu ‘trạng thái phấn khích’ đó, Tiến sĩ. Nhạc chủ đề của tôi là ‘Cảm thông với Ác quỷ’. Của ban nhạc Rolling Stones thì phải? Tôi đã luôn cố gắng giữ thận trọng đúng mức mà vẫn không đánh mất *sự say mê*. Tôi đã vạch ra các đường thoát, các đường thoát dự phòng, những lối vào và ra của mọi khu vực tôi thâm nhập. Một trong những khu vực đó có liên quan tới một đường cống thuộc hệ thống dẫn nước thải chạy từ ven một khu nghèo khổ ra tới Capitol Hill. Tôi đã thay quần áo trong đường hầm, kể cả bộ tóc giả. Tôi đã

nghĩ tới mọi chuyện. Tôi sẽ không bị bắt. Tôi đã rất tự tin vào các khả năng của bản thân. Tôi tin vào quyền năng tuyệt đối của mình.”

“Anh vẫn còn tin vào quyền năng tuyệt đối của anh chứ?” Đó là một câu hỏi nghiêm túc. Tôi không nghĩ gã này sẽ nói cho tôi nghe sự thật, nhưng dù thế tôi vẫn muốn nghe xem hắn nói gì.

Hắn nói, “Điều xảy ra khi đó, một sai lầm của tôi, là đã để cho những thành công của mình và tràng pháo tay của hàng triệu người ngưỡng mộ lọt vào suy nghĩ. Những tràng pháo tay có thể là một thứ ma túy. Katherine Rose cũng mắc phải căn bệnh tương tự, ông biết đấy. Hầu hết những người trong nghề điện ảnh và các ngôi sao thể thao đều như thế. Hàng triệu người reo hò cổ vũ họ, ông hiểu mà. Đám đông ấy nói cho những ngôi sao kia biết họ ‘đặc biệt’, họ ‘tuyệt vời’ thế nào. Và một số ngôi sao quên đi mọi giới hạn có thể tồn tại với mình, quên đi những vất vả đã đưa họ lên đỉnh cao thừa ban đầu. Tôi cũng vậy. Vào thời điểm đó. Đó chính xác là lý do khiến tôi bị bắt. *Tôi tin là mình có thể thoát khỏi nhà hàng McDonald!* Giống như tôi đã luôn trốn thoát trước đó. Tôi nhúng tay vào một vụ giết chóc ‘vui vẻ’ nho nhỏ và sau đó biến mất. Tôi muốn thử hành động theo mọi vụ án chấn động, Alex ạ. Một Bundy bé nhỏ, một Geary bé nhỏ, một Manson, Whitman, Gilmore bé nhỏ.”

“Bây giờ anh vẫn cảm thấy mình có quyền năng tuyệt đối chứ? Vì anh già hơn và khôn ngoan hơn?” tôi hỏi Soneji. Hắn đang mỉa mai. Tôi cho rằng mình cũng có thể làm như thế.

“Tôi sẽ là người tiến gần nhất tới quyền năng tuyệt đối trong số những người mà ông sẽ gặp. Tôi là một hình mẫu cho khái niệm đó, phải không?”

Hắn lại nở nụ cười vô cảm của kẻ giết người. Tôi muốn nện cho hắn một trận; Gary Murphy là kiểu người thảm thương và phần nào là dễ mến. Soneji thì thật đáng ghét và hoàn toàn xấu xa. Một con quái vật đội lốt người; một con thú có hình dạng người.

“Khi theo dõi nhà Goldberg và Dunne, anh đang ở đỉnh cao quyền lực của mình phải không?” *Khi đó mày có quyền năng tuyệt đối phải không thẳng chó chết?*

“Không, không, không. Như ông biết đấy, Tiến sĩ, lúc ấy tôi cũng đã bắt đầu bất cẩn rồi. Tôi đã đọc quá nhiều tin tức tường thuật lại vụ giết người ‘hoàn hảo’ của mình ở Condon Terrace. ‘Không dấu vết, không manh mối, tên sát nhân bậc thầy!’ Ngay cả bản thân tôi cũng còn thấy ấn tượng.”

“VẬY đã xảy ra chuyện gì không ổn ở Potomac?” Tôi nghĩ mình đã biết câu trả lời. Nhưng tôi cần hấn khẳng định điều đó.

Hắn nhún vai. “Tôi đã bị theo dõi, dĩ nhiên rồi.”

Đây rồi, tôi tự nhủ. “Kẻ theo dõi”.

“Lúc đó anh không biết à?” tôi hỏi Soneji.

“Tất nhiên là không rồi.” Hắn nhíu mày vì câu hỏi đó của tôi. “Mãi về sau tôi mới nhận ra mình bị theo dõi. Và điều đó đã được khẳng định tại phiên tòa.”

“Sao lại thế? Làm thế nào anh phát hiện ra việc mình bị theo dõi?”

Soneji nhìn chăm chăm vào mắt tôi. Dường như ánh mắt hắn đã xuyên thẳng ra sau gáy tôi. Hắn cho rằng tôi dưới cơ hắn. Tôi chỉ là chỗ để hắn trút bầu tâm sự. Nhưng hắn nhận thấy nói chuyện với tôi thú vị hơn với người khác. Tôi cũng không biết nên thấy vinh dự hay nhục nhã nữa. Hắn cũng tò mò xem tôi biết những gì và không biết những gì.

“Để tôi dừng lại làm rõ một điểm,” hắn nói. “Đây là điều quan trọng với tôi. Tôi có những bí mật để nói với ông. Rất nhiều bí mật lớn nhỏ. Những bí mật bẩn thỉu, những bí mật thú vị. Tôi chuẩn bị nói cho ông biết một bí mật đây. Ông có hiểu vì sao không?”

“Sơ đẳng mà, Gary yêu quý của tôi,” tôi nói với hắn. “Anh thấy thật kinh khủng khi bị những kẻ khác *kiểm soát*. Anh cần là người kiểm soát tình hình.”

“Rất tốt, Tiến sĩ-Thanh tra ạ. Nhưng tôi còn có một số thứ hay ho nữa để đổi chác đây. Các vụ án diễn ra hồi tôi mới mười hai, mười ba tuổi. Ngay từ hồi ấy đã có những vụ lớn chưa có lời giải. Tin tôi đi. Tôi còn cả kho những chuyện hay ho để nói với ông.”

“Tôi hiểu,” tôi trả lời. “Tôi rất nóng lòng muốn nghe.”

“Ông *luôn* hiểu chuyện. Tất cả những gì ông phải làm là thuyết phục những xác sống còn lại vừa đi vừa nhai kẹo cao su Juicy Fruit.”

“Những xác sống *còn lại* ư?” Tôi mỉm cười vì hân đã lỡ lời.

“Xin lỗi, xin lỗi. Tôi không có ý thô thiển. Ông có thể thuyết phục những xác sống đó chứ? Ông hiểu ý tôi nói ai mà. Ông còn tôn trọng họ ít hơn tôi đấy.”

Điều đó không sai. Tôi đã phải thuyết phục Trưởng phòng thanh tra Pittman một lần. “Anh sẽ giúp tôi chứ? Hãy cho tôi biết điều gì cụ thể đi? Tôi phải tìm ra xem chuyện gì đã xảy ra với con bé. Rốt cuộc phải để cho cha mẹ con bé ấy được chút thanh thản.”

“Được rồi. Tôi sẽ giúp,” Soneji nói. Cuối cùng mọi việc lại thật đơn giản.

Ta chờ đợi. Và ta chờ đợi. Đó là chuyện vẫn thường diễn ra trong hầu như mọi cuộc điều tra của cảnh sát. Ta đặt ra hàng ngàn câu hỏi, hàng ngàn câu theo đúng nghĩa đen. Ta chất đầy tủ hồ sơ những thứ giấy tờ không cần thiết. Sau đó ta đặt thêm các câu hỏi. Ta lần theo vô số đầu mối không dẫn tới đâu. Sau đó bất ngờ một điều gì đó ta mong đợi sẽ xuất hiện. Thi thoảng chuyện đó lại xảy ra. Lúc này nó đang xảy ra. Một sự đền đáp cho hàng ngàn giờ làm việc. Một phần thưởng cho việc gặp mặt Gary hết lần này đến lần khác.

“Những ngày đó tôi đã không nhận thấy bất kỳ sự theo dõi nào,” Gary Soneji tiếp tục. “Và không nhận thấy bất kỳ điều gì trong số những điều đã xảy ra ở khu vực gần nhà Sanders mà tôi sắp kể ông nghe. Những việc ấy xảy ra ở đại lộ Sorrell tại Potomac. Trên thực tế là ở phía trước nhà Goldberg.”

Đột nhiên tôi thấy mệt mỏi với những trò gây kịch tính của hăn. Tôi phải biết hăn biết những gì. Tôi đang tiến gần tới điều ấy. *Hãy nói cho tao đi nào, thằng nhóc ngu ngốc kia.*

“Tiếp đi,” tôi nói. “Chuyện gì đã xảy ra ở Potomac? Anh đã thấy gì ở nhà của Goldberg? Anh đã thấy ai?”

“Tôi đã lái xe tới đó vào một đêm trước khi thực hiện vụ bắt cóc. Có một người đàn ông đi bộ trên vỉa hè. Tôi chẳng nghĩ gì về hăn cả. Mọi chuyện sẽ chẳng có gì đáng nói nếu tôi không gặp lại chính gã đó tại phiên tòa.”

Soneji ngừng lại một chút. Hăn lại đang giở trò ư? Tôi không nghĩ thế. Hăn nhìn tôi chăm chăm như thể đang xoáy vào lòng dạ tôi. *Gã này biết tôi là ai. Hăn hiểu tôi, có lẽ còn hơn cả tôi hiểu chính mình.*

Hăn muốn gì ở tôi? Tôi có phải vật thay thế cho thứ gì đó đã mất trong tuổi thơ của hăn? Tại sao tôi lại được chọn cho công việc khủng khiếp này?

“Người đàn ông anh đã nhận ra tại phiên tòa là ai?” tôi hỏi Gary Soneji.

“Đó là một tay nhân viên của Sở Mật vụ. Đó là *Devine*. Hăn ta và tay đồng sự Chakely chắc chắn đã thấy tôi theo dõi nhà Goldberg và Dunne. Chúng đã bám theo tôi. Chúng đã mang Maggie Rose quý giá đi! *Chúng* đã lấy món tiền chuộc ở Florida. Lẽ ra các ông phải săn lùng mấy gã cảnh sát đó. *Hai gã cảnh sát* đã sát hại con bé.”

CHƯƠNG 75

LINH CẢM CỦA TÔI về Devine và Chakely rốt cuộc đã đúng. Soneji/Murphy là nhân chứng duy nhất, và hắn đã khẳng định điều đó. Giờ đây chúng tôi phải hành động.

Tôi phải đích thân khởi động lại vụ án liên quan tới hai gia đình Dunne-Goldberg với những thông tin mà sẽ không ai ở Washington muốn nghe.

Tôi quyết định nói chuyện với FBI trước... *Hai cảnh sát đã sát hại Maggie Rose*. Cuộc điều tra phải bắt đầu lại. Vụ bắt cóc chưa được giải quyết xong trong đợt điều tra đầu tiên. Giờ đây chúng tôi sẽ lại phải xới tung toàn bộ mớ lộn xộn đó thêm lần nữa.

Tôi ghé chỗ anh bạn cũ Gerry Scorse ở trụ sở của FBI. Sau khi tôi đứng chờ mỗi giờ chừng bốn mươi phút ở phòng lễ tân, Scorse mang cho tôi cà phê và mời tôi vào phòng làm việc. “Vào đi Alex. Cảm ơn vì đã chờ tôi.”

Anh ta lắng nghe một cách lịch sự, cùng vẻ quan tâm rõ rệt, khi tôi thuật lại những gì đã tìm hiểu được trước đó, rồi tới những gì Soneji kể cho tôi liên quan tới hai nhân viên của Sở Mật vụ Mike Devine và Charles Chakely. Anh ta ghi lại rất nhiều thông tin trên những tờ giấy màu vàng.

Sau khi tôi nói xong, Scorse nói, “Tôi phải gọi một cuộc điện thoại. Anh cứ ngồi đó nhé Alex.”

Khi quay trở lại, Scorse bảo tôi đi cùng lên gác. Anh ta chưa nói gì nhưng tôi biết anh ta đang rất ấn tượng với các thông tin của Gary Soneji.

Tôi được dẫn tới phòng họp riêng của Phó Cục trưởng ở trên tầng cao nhất. Phó Cục trưởng Kurt Weithas là nhân vật quyền lực thứ hai tại Cục. Họ muốn tôi hiểu đây là một cuộc họp quan trọng. Tôi hiểu điều đó.

Scorse đi cùng tôi vào căn phòng họp đầy ấn tượng và rất dễ chịu. Tất cả các bức tường và hầu hết đồ đạc trong phòng đều có màu xanh đậm, rất thống nhất và nghiêm trang. Căn phòng gợi tôi nhớ tới khoang lái của một chiếc xe hơi nước ngoài. Các tập giấy màu vàng và bút chì đã bày sẵn chờ chúng tôi.

Rõ ràng ngay từ đầu cuộc họp là của Weithas. “Những gì chúng tôi muốn đạt được nhiều gấp đôi đây, thanh tra Cross ạ.” Weithas nói và hành xử như một luật sư rất thành công và sành điệu ở Capitol Hill. Xét từ phong cách nói năng, ông ta đúng là như thế. Ông ta mặc áo sơ mi trắng nổi bật cùng chiếc cà vạt hiệu Hermès. Ông ta gỡ chiếc kính đọc có gọng kim loại mỏng khi tôi bước vào phòng. Có vẻ ông ta đang trong tâm trạng u ám.

“Tôi muốn cho anh xem tất cả thông tin chúng tôi có được về hai nhân viên Devine và Chakely. Đổi lại, chúng tôi phải yêu cầu sự hợp tác hoàn toàn của anh trong việc giữ bí mật tuyệt đối chuyện này. Những gì tôi sẽ nói với anh bây giờ... *là chúng tôi đã biết về họ một thời gian rồi, thanh tra ạ.* Chúng tôi cũng đã tiến hành cuộc điều tra song song với cuộc điều tra của anh.”

“Ông đã nhận được sự hợp tác của tôi rồi,” tôi nói, cố không tỏ ra ngạc nhiên trước thông tin *của ông ta.* “Nhưng tôi sẽ phải soạn một báo cáo gửi về phòng.”

“Tôi đã nói chuyện với sếp của anh về vấn đề này rồi.” Weithas gạt chi tiết nhỏ đó sang một bên. Weithas đã không giữ bí mật cho tôi nhưng rõ ràng lại muốn tôi giữ bí mật cho ông ta. “Anh đã vượt trước chúng tôi vài lần trong quá trình điều tra. Lần này, có lẽ chúng tôi đã đi trước anh một chút. Nửa bước.”

“Bên ông có lực lượng đông hơn một chút,” tôi nhắc ông ta.

Lúc đó Scorse ngắt lời Weithas. Anh ta vẫn chưa bỏ được cái thói bề trên. “Chúng tôi đã bắt đầu điều tra về hai nhân viên Devine và Chakely tại thời điểm xảy ra vụ bắt cóc,” anh ta nói. “Rõ ràng họ là hai kẻ tình nghi dù chúng tôi không thực sự nghiêm túc cân nhắc khả năng này. Trong suốt quá trình điều tra, cả hai người này đã chịu nhiều áp lực khủng khiếp. Vì Sở Mật vụ báo cáo trực tiếp cho bộ trưởng Bộ Tài chính, anh có thể hình dung họ bị buộc phải làm gì.”

“Tôi đã tận mắt quan sát hầu hết chuyện đó,” tôi nhắc lại với cả hai người của FBI.

Scorse gật đầu rồi tiếp tục.

“Vào ngày mùng bốn tháng Giêng, mật vụ Charles Chakely xin nghỉ việc ở Sở Mật vụ. Anh ta nói rằng dù sao thì bản thân cũng đã nghĩ tới chuyện ra đi từ rất lâu trước khi xảy ra vụ bắt cóc. Tay nhân viên này nói rằng anh ta không thể chịu được những lời cạnh khoe, tất cả sự soi mói của giới truyền thông. Đơn xin thôi việc của anh ta được chấp nhận ngay. Cùng thời điểm đó, một sai sót nhỏ trong cuốn nhật ký công tác của các nhân viên mật vụ bị chúng tôi phát hiện. Một ngày đã vô tình bị đảo ngược. Chuyện đó không có gì to tát, ngoại trừ việc chúng tôi đã kiểm tra mọi thứ về vụ việc tại thời điểm ấy.”

“Cuối cùng chúng tôi đã có tới chín trăm người trong lực lượng tham gia phá án, trực tiếp hoặc gián tiếp,” vị Phó Cục trưởng thêm vào. Tôi không biết ông ta nói thế có ý gì.

“Các điểm mâu thuẫn khác trong nhật ký công tác của các nhân viên mật vụ cuối cùng cũng bị phát hiện,” Scorse tiếp tục. “Các chuyên gia kỹ thuật của chúng tôi kết luận hai trong số các báo cáo cá nhân đã bị sửa chữa, nghĩa là đã được viết lại. Rốt cuộc thì chúng tôi tin rằng những gì bị xóa khỏi các báo cáo đó có liên quan tới tay giáo viên Gary Soneji.”

“Họ đã phát hiện thấy Soneji khi hắn đang theo dõi căn nhà của gia đình Goldberg ở Potomac,” tôi nói. “Nếu ta có thể tin được Soneji.”

“Về điểm này, tôi nghĩ ta có thể tin hẳn được. Những gì anh vừa khẳng định rất phù hợp với những phát hiện của chúng tôi. Chúng tôi tin rằng hai nhân viên mật vụ đã theo dõi Soneji quan sát Michael Goldberg và Maggie Rose Dunne. Chúng tôi nghĩ một trong hai nhân viên đó đã bám theo Soneji và phát hiện ra nơi giấu hai đứa bé ở Crisfield, Maryland.”

“Từ đó tới giờ các anh vẫn đang theo dõi hai nhân viên mật vụ đó sao?” tôi hỏi Gerry Scorse.

Anh ta gật đầu đúng một cái, vẫn không thừa thãi một chút nào như mọi khi. “Dù sao cũng vài tháng rồi. Chúng tôi cũng có lý do xác đáng để tin rằng họ biết chúng tôi đang theo dõi. Hai tuần sau khi Chakely nghỉ việc, Devine cũng xin thôi việc ở Sở Mật vụ. Anh ta nói anh ta và gia đình không thể chịu đựng áp lực liên quan tới những chuyện đã xảy ra. Thực ra Devine và vợ anh ta cũng đã ly thân.”

“Tôi đoán là Chakely và Devine vẫn chưa thử tiêu chút nào trong khoản tiền đó,” tôi nói.

“Theo chúng tôi biết thì chưa. Như tôi nói trước đó, họ biết chúng tôi nghi ngờ. Họ không ngu. Không hề.”

“Việc này trở thành một trò chờ đợi khá tinh tế và phức tạp,” Weithas nói. “Chúng tôi không thể chứng minh điều gì nhưng có thể làm đảo lộn cuộc sống của họ. Chúng tôi có thể chắc chắn như đinh đóng cột là sẽ không để họ tiêu được một xu nào trong khoản tiền chuộc đó.”

“Thế còn tay phi công ở Florida thì sao? Không có cách nào để tôi có thể tiến hành một cuộc điều tra dưới đó. Các anh đã tìm ra hẳn là ai chưa?”

Scorse gật đầu. FBI đã giấu giếm rất nhiều điều với tôi. Với mọi người. Tôi chẳng ngạc nhiên. “Hóa ra hẳn là một kẻ buôn bán ma túy tên là Joseph Denyeau. Một vài người của chúng tôi ở Florida biết hẳn. Dễ hiểu khi Devine biết Denyeau và đã thuê hẳn.”

“Chuyện gì đã xảy ra với tên Joseph Denyeau này rồi?”

“Trong trường hợp chúng ta có chút nghi ngờ gì về việc Devine và Chakely quyết tâm làm việc này hay không - thì họ quyết tâm. Denyeau đã bị giết ở Costa Rica. Cổ họng hắn bị cắt đứt. Theo tính toán của bọn họ thì người ta sẽ không tìm thấy hắn.”

“Đến thời điểm này các anh vẫn chưa triệu tập Devine và Chakely sao?”

“Chúng tôi không có bằng chứng, Alex ạ. Không có bằng chứng nào. Không gì có giá trị. Những gì anh thu được từ Soneji giúp khẳng định thêm nhận định, nhưng cũng không có giá trị gì trước tòa.”

“Chuyện gì đã xảy ra với con bé? Chuyện gì đã xảy ra với Maggie Rose Dunne?” tôi hỏi Weithas.

Weithas không nói gì. Ông ta thối phù qua môi trên. Tôi có cảm giác ông ta đang trải qua một ngày rất dài. Trong một năm rất dài.

“Chúng tôi không biết,” Scorse đáp. “vẫn không có tin tức gì về Maggie Rose. Đó là điều kỳ lạ trong tất cả chuyện này.”

“Còn điều khó hiểu nữa,” Weithas bảo tôi. Ông ta và Scorse đang ngồi trên chiếc xô pha bằng da màu sẫm. Cả hai người ngả người trên chiếc bàn cà phê làm bằng kính. Một chiếc máy tính IBM và chiếc máy in sẵn sàng bên cạnh.

“Tôi chắc còn rất nhiều điều khó hiểu,” tôi nói với Phó Cục trưởng. FBI phải chịu trách nhiệm khi giữ kín thông tin trong nội bộ. Đáng lẽ họ đã giúp được tôi trong cuộc điều tra. Rất có thể chúng tôi đã tìm được Maggie Rose nếu hai phía hợp tác với nhau.

Weithas liếc sang mặt vụ Scorse, sau đó ông ta nhìn lại tôi. “Jezzie Flanagan là một điều khó hiểu,” Weithas nói.

Tôi điếng người. Có cảm tưởng như tôi bị thoi mạnh một cú vào bụng. Trong vài phút qua, tôi hiểu rằng họ sẽ nói ra một điều gì khác. Tôi ngồi đó, cảm thấy lạnh lẽo và trống rỗng bên trong, rồi tiến tới tình trạng *không cảm nhận được điều gì nữa*.

“Chúng tôi tin rằng cô ta có quan hệ rất mật thiết với hai người kia trong vụ việc này. Dính líu ngay từ đầu. Jezzie Flanagan và Mike

Devine là tình nhân của nhau trong nhiều năm rồi.”

CHƯƠNG 76

LÚC TÁM GIỜ BA MƯƠI tối hôm đó, Sampson và tôi đi bộ dọc đại lộ New York. Nó nằm trong khu vực giải trí của cộng đồng dân cư nghèo ở D.C. Đó là nơi Sampson và tôi lang thang trong hầu hết các đêm. Nơi ấy là nhà.

Cậu ta chỉ hỏi tôi đang tiếp tục thực hiện công việc như thế nào. “Không ổn lắm, cảm ơn. Cậu thì sao?” tôi trả lời.

Cậu ta biết chuyện Jezzie Flanagan. Tôi kể với cậu ta tất cả những điều mình biết. Âm mưu liên quan đến vụ bắt cóc ngày càng lộ rõ. Tôi chưa bao giờ cảm thấy tồi tệ hơn tối hôm đó. Scorse và Weithas đã vạch ra những nội dung hết sức chi tiết của vụ án liên quan tới Jezzie. Cô đã thực hiện những việc ấy. Không còn nghi ngờ gì nữa. Lời nói dối này dẫn tới những lời dối trá khác. Nếu từng nói dối tôi một lần thì có thể cô đã lừa dối tôi cả trăm lần. Nói dối không chớp mắt. Cô giỏi việc này hơn cả Soneji/ Murphy. Thực sự trơn tru và tự tin.

“Cậu muốn tớ câm miệng lại hả? Hay nói át hết lời cậu?” Sampson hỏi tôi. “Tớ sẽ thực hiện một trong hai cách đó.”

Mặt cậu ta không biểu lộ cảm xúc, như vẫn thường thế. Có lẽ chính cặp kính râm đã tạo ra ấn tượng này, nhưng tôi nghi ngờ điều đó. Sampson giống hệt như khi cậu ta mười tuổi vậy.

“Tớ muốn nói chuyện,” tôi nói với John. “Tớ có thể uống một ly cocktail. Tớ cần nói về những kẻ nói dối bị tâm thần.”

“Tớ sẽ mua cho chúng ta một ít đồ uống,” Sampson nói.

Chúng tôi đi về phía Faces. Đó là quán rượu chúng tôi thường lui tới kể từ hồi mới gia nhập lực lượng cảnh sát. Những người thường lui tới quán Faces không khó chịu với chuyện chúng tôi là những thanh tra cứng rắn và cương quyết ở D.C. Vài người trong số họ thậm chí còn thừa nhận rằng chúng tôi mang lại nhiều điều tốt hơn là điều xấu cho khu vực này.

Đám đông ở Faces phần lớn là người da đen, nhưng người da trắng cũng ghé vào nghe nhạc jazz. Và để học nhảy cùng cách ăn mặc.

“Jezzie là người đã chỉ định Devine và Chakely ngay từ đầu à?” Sampson nhắc lại sự kiện đó khi chúng tôi đứng chờ đèn đỏ ở phố số 5.

Vài gã thanh niên địa phương dò xét chúng tôi từ vị trí trông chừng của chúng trước cửa hàng gà rán Popeye. Thời trước, những loại rác rưởi đường phố tương tự cũng sẽ đứng ở góc đó, chỉ không mang theo tiền hay súng trong túi nhiều đến thế. “Chào những người anh em.” Sampson nháy mắt với đám côn đồ. Cậu ta khiêu khích, làm bọn chúng khó chịu. Chẳng tay nào phản ứng lại.

“Đúng vậy, đó là cách thức mọi chuyện bắt đầu. Devine và Chakely là một trong các đội được chỉ định bảo vệ Bộ trưởng Goldberg và gia đình ông ta. Họ làm việc dưới sự chỉ huy của Jezzie.”

“Và chưa bao giờ có ai nghi ngờ họ?” cậu ta hỏi tôi.

“Thoạt đầu thì không. FBI đã xác minh thông tin về hai người đó. Họ xác minh thông tin về tất cả mọi người. Nhật ký công việc của Chakely và Devine đã bị tách riêng. Đó là khi họ bắt đầu bị nghi ngờ. Một chuyên gia phân tích hoạt động nội bộ nào đó tại Cục đã phát hiện thấy rằng những biên bản, nhật ký đã bị sửa chữa. Họ có nhân sự đông gấp hai mươi lần của ta. Bên cạnh đó, FBI cũng đã lấy đi những trang nhật ký bị sửa chữa, vì thế chẳng ai trong chúng ta phát hiện ra điều đó.”

“Devine và Chakely đã bắt gặp Soneji đang theo dõi một trong những đứa trẻ. Đó là cách toàn bộ trò này bắt đầu? Trò nằng tay trên.”

Sampson lúc này đã nắm được tổng quan của sự việc.

“Họ đã bám theo Soneji và chiếc xe tải của hắn ra tới nông trại ở Maryland. Họ nhận ra là mình đang bám theo một tên bắt cóc tiềm tàng. Ai đó đã nảy ra ý tưởng bắt cóc lại những đứa trẻ *sau khi* vụ bắt cóc thực sự xảy ra.”

“Ý tưởng trị giá mười triệu đô la.” Sampson trừng mắt. “Liệu có phải cô Jezzie Flanagan đã tham gia ngay từ lúc đầu không?”

“Tớ không biết. Tớ nghĩ là có đấy. Lúc nào đó tớ sẽ phải hỏi cô ấy chuyện này.”

“Ờ ờ.” Sampson gật đầu đồng ý với mạch trao đổi. “Lúc này cậu có tỉnh táo hay không đấy?”

“Tớ cũng chẳng biết nữa. Nếu cậu đã gặp ai đó có thể nói dối theo cách của cô ấy, điều đó sẽ thay đổi quan điểm của cậu về mọi thứ. Chuyện này thật khó xử lý, bạn ạ. Cậu đã bao giờ nói dối tớ chưa thế?”

Sampson nhe răng cười. Điều bộ nửa như cười, nửa như gầm gừ. “Theo tớ thì có vẻ như cái đầu cậu không được tỉnh táo.”

“Có vẻ như thế thật,” tôi thừa nhận. “Tớ đã có những ngày vui vẻ hơn. Nhưng tớ cũng đã có những ngày tồi tệ hơn thế này. Thôi chúng ta uống bia đi.”

Sampson chào theo kiểu xạ thủ với đám du côn ở góc đường. Chúng phá lên cười và ra dấu kín báo hiệu đã thấy. Cảnh sát và đám ăn cướp ở cùng một khu. Chúng tôi băng qua đường tới quán Faces. Phớt lờ đi một chút.

Quán rượu đang rất đông, và sẽ cứ như thế cho tới lúc đóng cửa. Những người biết Sampson và tôi lên tiếng chào. Một phụ nữ tôi từng hẹn hò cũng đang ngồi trong quán rượu. Đó là một người làm công tác xã hội rất xinh đẹp và nhã nhặn từng làm việc với Maria.

Tôi tự hỏi vì sao mối quan hệ đó chẳng đi tới đâu. Vì một khiếm khuyết tính cách nào đó thấm sâu trong tôi ư? Không. Không thể như thế.

“Cậu có thấy Asahe đằng kia không?” Sampson ra hiệu.

“Tớ là thanh tra mà. Tớ thấy hết mọi thứ, vậy đó. Không để mảnh nào qua mắt,” tôi nói với cậu ta.

“Có lẽ cậu nên *hơi* tiếc cho bản thân đấy. Hơi mìa mai, tớ muốn nói vậy. Hai cốc bia. À không, cho bốn cốc đi,” cậu ta nói với người phục vụ.

“Tớ sẽ vượt qua chuyện đó,” tôi bảo Sampson. “Cậu cứ chờ xem đi. Chỉ là tớ chưa bao giờ đưa cô ấy vào danh sách tình nghi. Sai lầm của tớ.”

“Cậu là người cứng cỏi mà. Thừa hưởng gien từ người bà khó tính của cậu. Chúng ta sẽ giúp cậu ngon lành trở lại,” Sampson nói với tôi. “Cũng phải *chấn chỉnh lại cả cái thân cô ta* nữa. Cái cô nàng Jezzie ấy.”

“Cậu cũng thích cô ấy phải không John? Trước khi chuyện này xảy ra ấy.”

“À ừ. Chẳng có gì để không thích cả. Cô ả nói dối giỏi thật đấy Alex. Cô ta quả có tài, kẻ giỏi nhất tôi từng thấy kể từ khi xem phim *Body Heat*,” Sampson nói. “Và không nhé, tớ chưa bao giờ nói dối cậu, người anh em ạ. Ngay cả khi tớ nên làm thế.”

Phần khó khăn nhất tới sau khi Sampson và tôi rời quán Faces đêm đó. Tôi đã nốc vài cốc bia nhưng vẫn rất tỉnh táo và gần như tê dại trước những ảnh hưởng tồi tệ nhất của nỗi đau. Việc Jezzie luôn là một phần của vụ án này vẫn khiến tôi bị sốc. Tôi vẫn nhớ cách cô lái tôi khỏi giả thuyết Devine và Chakely là những nghi phạm. Cô moi từ tôi bất cứ tin tức mới nào mà cảnh sát D.C. thu thập được. Cô là kẻ tay trong xuất sắc. Tự tin và điềm tĩnh. Thực hiện vai trò của mình một cách hoàn hảo.

Khi tôi về tới nhà, Nana vẫn còn thức. Tối giờ tôi vẫn chưa kể cho bà nghe về Jezzie. Lúc này quả là thời khắc kinh khủng. Mấy lon bia đã giúp ích được một phần. Thời gian chúng tôi từng sống bên

nhau thậm chí còn giúp được nhiều hơn. Tôi kể hết sự thật cho Nana. Bà ngồi nghe mà không xen ngang, đó là dấu hiệu cho thấy bà đang nắm bắt thông tin.

Sau khi tôi kể xong, hai bà cháu chúng tôi ngồi trong phòng khách, chỉ nhìn nhau. Tôi ngồi trên chiếc gối quỳ, hai chân xoắn về hướng trước mặt bà. Bầu không khí im lặng đang gào thét quanh chúng tôi.

Nana cuộn người trong chiếc chăn màu yếm mạch cũ ở chiếc ghế ngả lưng của bà. Bà vẫn đang gật gù, cắn môi và ngẫm nghĩ về những điều tôi nói.

“Ta phải bắt đầu ở một chỗ nào đó,” cuối cùng bà cất lời, “vậy hãy để ta bắt đầu từ đây. Ta sẽ không nói, Ta đã bảo con rồi mà vì ta không hề biết mọi chuyện lại tồi tệ đến thế. Ta đã lo lắng cho con, chỉ vậy thôi. Nhưng không hề lo về bất kỳ điều nào như chuyện này. Ta chẳng bao giờ có thể tưởng tượng ra điều kinh khủng đó. Bây giờ con hãy ôm ta trước khi ta lên phòng và cầu nguyện. Đêm nay ta sẽ cầu nguyện cho Jezzie Flanagan. Ta thực sự sẽ làm thế. Ta sẽ cầu nguyện cho tất cả chúng ta, Alex ạ.”

“Bà luôn biết phải nói gì.” Tôi nói cho bà sự thật cuối cùng. Bà biết khi nào phải chặn ta lại và khi nào phải dùng đòn roi.

Tôi ôm lấy Nana, rồi bà lê bước lên gác. Tôi ngồi dưới nhà và suy nghĩ về những điều Sampson đã nói trước đó - *chúng ta sẽ chấn chỉnh lại cái thân Jezzie*. Nhưng không phải vì bất cứ điều gì đã xảy ra giữa hai chúng tôi. Mà vì Michael Goldberg và Maggie Rose Dunne. Vì Vivian Kim, một người đáng lẽ đã không phải chết. Vì Mustaf Sanders.

Chúng tôi sẽ phải bắt Jezzie, bằng cách nào đó.

CHƯƠNG 77

ROBERT FISHENAUER là giám thị ở Nhà tù Fallston. Hôm nay, anh ta nghĩ, điều này quả là có lợi. Fishenauer tin rằng có thể mình đã biết khoản tiền mười triệu đô la của vụ bắt cóc được giấu ở đâu. Chỉ ít là một phần lớn của món tiền chuộc đó. Anh ta chuẩn bị được thưởng thức điều bất ngờ nho nhỏ này.

Fishenauer cũng khá tin vào việc Gary Soneji/Murphy vẫn đang làm rối trí mọi người. Ở mức siêu hạng. Và không ngừng nghỉ.

Khi Fishenauer lái chiếc Pontiac Firebird xuống đường 50 ở Maryland, một loạt câu hỏi xoay quanh đầu anh ta. Soneji/Murphy có phải là kẻ bắt cóc không? Hẳn có thực sự biết món tiền chuộc được cất ở đâu không? Hay Gary Soneji/Murphy chỉ là một gã bốc phét? Chỉ là một kẻ điên rồ nữa ở Fallston.

Fishenauer hiểu rằng mình sẽ sớm biết mọi chuyện. Chỉ vài dặm đường nữa thôi, anh ta sẽ biết nhiều hơn bất cứ ai, ngoại trừ chính bản thân Soneji/Murphy.

Đoạn đường rẽ nhánh là lối đi phía sau hiếm khi được dùng tới dẫn vào nông trại cũ. Con đường lúc này gần như sắp biến mất. Fishenauer nhận thấy điều ấy khi anh ta rẽ phải và rời khỏi quốc lộ.

Cỏ đuôi mèo và hoa hướng dương mọc dọc theo khu vực trước đây từng là đường đi. Thậm chí không còn vết bánh xe nào trên lớp đất trên bề mặt giờ đã cứng lại.

Cây cối đổ rạp. Ai đó đã cày nát khu vực này trong vài tháng qua. Đó là FBI hay cảnh sát địa phương? Có thể họ đã lùng sục khu đất nông trại này cả chục lần rồi.

Nhưng họ đã lục soát khu vực nông trại bỏ hoang này đủ kỹ chưa? Robert Fishenauer tự hỏi. Bây giờ đó là câu hỏi trị giá mười triệu đô la, không phải sao?

Khoảng năm giờ ba mươi chiều, Fishenauer đỗ chiếc Firebird đầy bụi đỏ của mình vào sát bên cái gara xập xệ ngay mé trái căn nhà nông trại. Adrenaline lúc này rần rật chảy. Chỉ việc sờn lòng kho báu mới khiến loại chất ngọt ngào đó ào ạt đến vậy.

Gary đã làm nhảm không thôi về cách Bruno Hauptmann giấu một phần khoản tiền chuộc của nhà Lindbergh trong gara nhà hắn ở thành phố New York. Hauptmann là một tay thợ mộc từng qua đào tạo, và hắn đã tạo ra một ngăn chứa bí mật giữ tiền trong bức tường gara của hắn.

Gary nói hắn cũng làm thế ở nông trại cũ tại Maryland. Hắn đã thề đó là sự thật, và đó là điều mà FBI sẽ chẳng bao giờ phát hiện ra.

Fishenauer tắt động cơ vẫn đang rầm rì của chiếc Firebird. Sự tĩnh lặng xuất hiện đột ngột thật kỳ quái. Căn nhà cũ trở nên hoang vắng và rất đáng sợ. Nó khiến anh ta nhớ tới bộ phim có tên *Đêm của những cây ma*

Sống. Chỉ khác là chính *anh ta* lại đang đóng vai kẻ lấm lét đáng sợ.

Cỏ dại mọc rậm rạp khắp nơi, thậm chí còn vươn ra từ mái của gara. Nước chảy xuống thành vết ố hai bên sườn gara.

“Được rồi, thằng cha Gary này, để xem mày có thực sự là thằng bốc phét không. Tao hy vọng mày không phải thế.”

Robert Fishenauer hít một hơi sâu rồi trèo ra khỏi chiếc xe hơi gầm thấp của mình. Anh ta cũng đã tính toán trước sẽ nói gì nếu bị tóm ở đây. Anh ta sẽ khai rằng Gary nói với mình về chỗ hắn đã chôn Maggie Rose Dunne. Nhưng rồi Fishenauer nhận ra đó chỉ là một trong những câu chuyện điên rồ của hắn.

Dẫu vậy điều ấy vẫn làm anh ta canh cánh trong lòng.

Và bây giờ anh ta đã ở Vùng Quê Rừng Rợn, Maryland, để kiểm chứng điều đó. Thực tế là Fishenauer cảm thấy mình ngu xuẩn. Anh ta cũng cảm thấy có chút tội tệ, tội lỗi, nhưng bản thân anh ta phải tự kiểm chứng chuyện này. Phải thế thôi, anh bạn. Đây là trò xố số mười triệu đô la của riêng anh ta. Anh ta đã có tấm vé của mình.

Có thể Fishenauer chuẩn bị tìm ra chỗ Maggie Rose Dunne bé nhỏ bị chôn. Lạy Chúa, anh ta hy vọng sẽ không như vậy. Hoặc có thể đó là kho báu được chôn giấu mà Gary đã hứa.

Lúc ở nhà tù, Fishenauer và cậu chàng Gary đã nói chuyện với nhau rất nhiều, có khi liên tục hàng giờ liền. Gary thích nói về những kỳ tích của hắn. *Con cưng* của hắn - cách hắn gọi hành động bắt cóc. Tội ác “hoàn hảo” của hắn.

Đúng! Thật “hoàn hảo” khi hắn đang thi hành mức án dài hơn cả chung thân trong một nhà tù có cấp độ an ninh tối đa vì sự điên rồ độc ác của mình.

Còn Robert Fishenauer thì ở đây, ngay tại cánh cửa trước rêu mốc dẫn vào khu nhà Rừng Rợn. Hiện trường vụ án, như người ta nói.

Có chiếc then cài bằng kim loại đã gỉ sét trên cánh cửa. Fishenauer xỏ tay vào đôi găng chơi gôn mùa đông - thật khó giải thích *hai chiếc găng này* nếu anh ta bị bắt quả tang đang lẩn mò ở đây. Viên giám thị bật tung then cửa. Anh ta phải kéo mạnh cánh cửa về phía mình qua lớp cỏ mọc dày um tùm.

Tới lúc phải dùng đèn pin rồi. Fishenauer lôi chiếc đèn pin ra và bật mức tối đa. Gary nói Fishenauer sẽ tìm thấy tiền ở phía bên phải gara, góc xa bên phải, chính xác là vậy.

Rất nhiều máy móc cũ đã hỏng của nông trại nằm lẫn lóc xung quanh gara. Mạng nhện vương vào mặt và cổ khi anh ta bước lên phía trước. Mùi của sự mục ruỗng, phân hủy nồng nặc bốc lên từ tất cả mọi thứ.

Được nửa đường vào gara, Fishenauer dừng bước và quay lại. Anh ta chăm chăm nhìn ra phía cửa đang mở và *lắng nghe* mất một

lúc, có lẽ phải tới chín mươi giây.

Anh ta nghe có tiếng máy bay phản lực vọng lại từ đâu đó phía xa. Không có âm thanh nào khác. Rõ ràng anh ta hy vọng rằng không có ai khác ở quanh đó.

FBI có thể theo dõi nông trại bỏ hoang này trong bao lâu nhỉ? Không thể là gần hai năm sau khi xảy ra vụ bắt cóc!

Yên tâm rằng không còn ai ngoài mình, Fishenauer tiếp tục tiến đến phía sau của gara. Tới đó rồi, anh ta bắt đầu hành động.

Anh ta kéo chiếc bàn mộc cũ nhưng còn chắc chắn sang một bên - Gary đã nói chiếc bàn mộc ở vị trí đó. Lúc này anh ta mới thấy Gary đã miêu tả các chi tiết chính xác một cách đáng kinh ngạc. Gary đã nói rõ vị trí của từng chi tiết máy trong gara. Hẳn cũng đã nói cho Fishenauer vị trí chính xác của từng thanh gỗ trong những bức tường mục nát.

Đứng lên chiếc bàn mộc cũ kỹ, Fishenauer bắt đầu kéo bỏ những tấm ván cũ, trên chỗ tiếp giáp giữa mái và tường. *Chỗ đó có một khoảng trống.* Đúng như Gary đã nói.

Fishenauer rọi đèn pin vào lỗ trống trên tường. Kia rồi, một phần món tiền chuộc mà Gary Soneji/Murphy sẽ không lấy được. Fishenauer không thể tin vào mắt mình. Một bọc tiền vẫn nằm ngay đó, phía trong những bức tường của gara.

CHƯƠNG 78

BA GIỜ MƯỜI SÁU PHÚT SÁNG HÔM SAU, Gary Soneji/Murphy tỉn trán lên các song kim loại lạnh toát ngán cách phòng giam hản với hành lang nhà tù. Hản có một vai lớn khác để diễn. Tuyệt cú mèo!

Hản bắt đầu nôn mửa khắp nơi trên sàn nhà vốn được trải vải sơn bóng loáng - đúng như hản dự tính. Hản bị bệnh rất nặng trong phòng giam. Hản la hét cầu cứu giữa những tiếng thở hồng hộc.

Cả hai người gác đêm chạy tới. Luôn có sự giám sát đề phòng Gary tự tử ngay từ những ngày đầu hản có mặt ở đây. Laurence Volpi và Phillip Halyard là những tay kỳ cựu, đã làm việc nhiều năm tại nhà tù liên bang này. Họ chẳng thích thú gì với những phiền nhiễu trong phòng giam, nhất là sau nửa đêm.

“Có chuyện quái gì với mày thế?” Volpi hét lên khi trông thấy đồng bầy nhầy màu xanh nâu lan ra trên sàn nhà. “Mày sao thế hả thằng ngu?”

“Tôi nghĩ tôi bị ngộ độc rồi,” Soneji/Murphy thở hồng hộc, tiếng khò khè dội lên từ rất sâu trong ngực hản. “Ai đó đã đầu độc tôi. Tôi đã bị đầu độc! Tôi nghĩ tôi sắp chết rồi. Ôi Chúa ơi, tôi sắp chết rồi!”

“Tin tốt nhất tôi nghe được gần đây,” Phillip Halyard nói với người cộng sự và ngoác miệng cười. “Ước gì tôi nghĩ ra chuyện này trước. Đầu độc thằng vô lại này.”

Volpi lôi máy bộ đàm ra, gọi cho viên giám thị trực đêm. Theo dõi ngăn chặn hành động tự sát của Soneji là vấn đề lớn với các sếp của nhà tù. Chắc chắn không thể để điều này xảy ra trong ca trực của Volpi.

“Tôi sẽ lại bị bệnh nữa,” Gary Soneji/Murphy rên rỉ. Hắn nặng nề gục vào các song kim loại và thổ ra lần nữa, rất dữ dội.

Một lát sau, viên giám thị của tầng xuất hiện. Laurence Volpi mau chóng thuật lại cho cấp trên những gì đã xảy ra. Đó là bài trình bày đúng quy chuẩn để cấp trên không thể trách cứ bất kỳ điều gì.

“Hắn nói hắn bị đầu độc, thưa sếp. Tôi không biết chuyện quái gì đã xảy ra. Có thể là vậy. Có đủ những tên khốn ở đây ghét cay ghét đắng gã này.”

“Tôi sẽ trực tiếp đưa hắn xuống gác và tới bệnh viện,” Robert Fishenauer nói với đám người dưới quyền mình. Fishenauer dẫu sao cũng là một tay sếp quyết đoán và mạnh mẽ. Volpi đã trông đợi điều đó. “Họ sẽ rửa ruột cho hắn, tôi đoán thế. Nếu còn lại gì đó để rửa. Còng hắn lại cho tôi yên tâm. Cả hai tay và hai chân. Tối nay trông hắn không đủ khỏe để gây quá nhiều rắc rối.”

Một lát sau, Gary Soneji/Murphy nghĩ hắn sắp được tự do. Thang máy nhà tù được trải vật liệu mềm. Các thành trong thang được phủ lớp vải dày. Ngoài những đặc điểm đó thì nó cổ lỗ và chậm chạp kinh khủng. Tim hắn đập dồn dập như trống. Một nỗi sợ hãi nhỏ bé vô hại trong cuộc đời hắn. Hắn thật nhớ sự kích thích của adrenaline.

“Anh ổn chứ?” Fishenauer hỏi khi anh ta và Gary Soneji/Murphy đi xuống, gần như nhích từng xăng ti mét một. Một bóng đèn đơn trụ trụ thò ra từ cái lỗ nhỏ giữa những miếng vải. Nó tỏa ra ánh sáng lơ mơ.

“Tôi ổn không ấy à? Chuyện đó như thế nào nhỉ? Tôi tự làm cho mình khỏe và ồm. Tôi *đang* ồm,” Soneji/ Murphy nói với anh ta. “Sao cái thứ quái quỷ này không chạy nhanh hơn nhỉ?”

“Anh sắp nôn nữa à?”

“Hoàn toàn có thể như vậy. Một cái giá rẻ phải trả.” Soneji/Murphy nở một nụ cười đầy ẩn ý. “Một cái giá quá rẻ, sếp ạ.”

Fishenauer lầm bầm. “Tôi cho là thế. Hãy tránh xa tôi ra nếu anh định nôn nữa lần nữa.”

Chiếc thang máy trôi qua tầng kế tiếp, và tầng kế tiếp. Nó không dừng lại. Nó chạy một mạch tới tầng ngầm của tòa nhà, rồi tiếp đất bằng một âm thanh khô khốc.

“Chúng ta sẽ tìm ai đó, chúng ta sẽ đi chụp Xquang,” Fishenauer nói khi cửa thang máy mở ra. “Máy chụp Xquang ở dưới tầng hầm này.”

“Vâng, tôi biết kế hoạch rồi. Đó là kế hoạch của tôi,” Gary Soneji/Murphy nói.

Vì mới hơn ba giờ sáng, họ không trông thấy ai khi bắt đầu đi bộ dọc theo đường hầm dài trong tầng ngầm nhà tù. Tới nửa đường hầm, có một cánh cửa ở bên. Fishenauer dùng chìa khóa của anh ta để mở cánh cửa ra.

Có một lối đi ngắn trống trải và yên ắng khác. Sau đó họ tới chỗ cửa an ninh. Đây là nơi âm mưu tồi tệ sẽ được thực hiện, và Soneji/Murphy phải làm công việc của mình. Đây là nơi Fishenauer sẽ được xem Gary Soneji/ Murphy có thực sự tài giỏi như đồn đại hay không. Fishenauer không có chìa khóa mở cánh cửa an ninh này.

“Bây giờ hãy đưa tôi khẩu súng của ông đi, sếp. Hãy cứ nghĩ về mười triệu đô la đi. Tôi có thể lo mọi chuyện tiếp theo, vì thế tất cả những gì ông phải lo là phần tiền của ông.”

Vậy đó. Soneji khiến điều đó nghe thật ngon lành. *Làm thế này, làm thế nọ. Nhận một phần của khoản tiền mười triệu đô la.* Fishenauer miễn cưỡng giao ra khẩu súng lục của mình. Anh ta không muốn nghĩ về những việc mình đang làm nữa. Đây cũng là cơ hội để thoát khỏi Fallston. Cơ hội duy nhất của anh ta. Nếu không làm được, Fishenauer biết mình sẽ phải ở lại Fallston trong suốt phần đời còn lại.

“Chẳng có gì đáng mơ mộng ở đây đâu, sếp, nhưng việc này sẽ thành công. Ông phải giả bộ mọi thứ trước mặt Kessler. Tỏ ra thực sự sợ hãi.”

“Tôi đang sợ bỏ mẹ đây này.”

“Ông nên thế, sếp ạ. Tôi có súng của ông rồi mà.”

Có hai viên lính gác ngục phía bên kia cánh cửa an ninh. Ô cửa sổ bằng kính chịu lực Plexiglas cao tầm thắt lưng giúp họ nhìn thấy cảnh tượng không thể tin nổi đang diễn ra trước mắt.

Họ thấy Soneji/Murphy đang cầm khẩu súng gí sát vào thái dương bên trái của viên giám thị Bob Fishenauer. Soneji/Murphy bị còng cả tay và chân nhưng hẳn lại có súng. Cả hai người lính gác đứng dậy rất nhanh. Họ nâng hai khẩu súng sẵn chống bạo động lên trên phần găng kính. Họ chẳng còn thời giờ để kịp làm gì khác nữa.

“Chúng mày sẽ phải dần mặt nhìn xác một thằng gác ngục” Gary lớn tiếng hét lên, “trừ phi chúng mày mở được cái cửa khốn kiếp đó chỉ trong năm giây. Không được lâu hơn!”

“Xin đừng!” Fishenauer bất chợt la lên với đám đồng nghiệp gác ngục của mình. Anh ta sợ, dĩ nhiên rồi. Soneji gí mạnh khẩu súng vào bên thái dương của anh ta. “Hắn đã giết Volpi trên gác.”

Mất không tới năm giây để người lính gác lớn tuổi hơn là Stephen Kessler đưa ra quyết định. Anh ta vặn chiếc chìa khóa mở cánh cửa an ninh. Kessler là một người bạn của Robert Fishenauer, và Soneji tin tưởng ở điều đó. Soneji đã nghĩ trước mọi thứ. Hẳn biết Robert Fishenaur là một “phạm nhân chung thân” ở nhà tù; rằng anh ta cũng bị mắc kẹt ở đó giống như những tù nhân. Hẳn đã nói về nỗi tức giận và vỡ mộng của Fishemaur và hẳn đã hoàn toàn chính xác. Hẳn là tên khốn kiếp thông minh nhất Robert Fishenauer từng gặp. Hẳn sẽ biến Fishenauer thành một triệu phú.

Cả hai tiến về phía chiếc ô tô của Fishenauer. Chiếc Firebird đỗ gần cửa trước. Trước đó Fishenauer đã không khóa cửa chiếc xe hơi thể thao.

Loáng một cái cả hai đã chui vào trong xe.

“Xe đẹp lắm, sếp ạ,” Gary Soneji/Murphy nói. “Bây giờ ông sẽ đủ khả năng mua được một chiếc Lamborghini. Hai hoặc ba chiếc, nếu ông muốn *gây ấn tượng*.”

Soneji nằm dài ra ghế sau. Hắn chui xuống dưới cái chần chỗ con chó giống cô li của Fishenauer thường ngủ. Cái chần nồng nặc mùi chó.

“Bây giờ chúng ta sẽ thoát khỏi cái bẫy chuột này,” Soneji/Murphy nói với lên từ phía sau. Robert Fishenauer khởi động chiếc Firebird.

Cách nhà tù gần một dặm, cả hai đổi ô tô. Một chiếc Bronco đỗ trên đường và cả hai mau chóng vào trong xe.

Vài phút sau, cả hai đã ở trên quốc lộ. Xe cộ thừa thớt, nhưng quá đủ để hai gã đàn ông trà trộn và mất hút trong đó.

Gần chín mươi phút sau, chiếc Bronco rẽ lên lối đi ngập cỏ vào khu nông trại cũ ở vùng nông thôn Maryland. Trong suốt chuyến đi, Soneji/Murphy tự cho phép mình hưởng niềm vui nhỏ bé nhưng mạnh mẽ khi nhăm nháp kế hoạch lớn ban đầu của hắn. Hắn yêu ý tưởng này từ nhiều năm trước, hắn thực sự đã nghĩ về chuyện giấu đi một khoản tiền mặt trong gara. Không phải món tiền chuộc, dĩ nhiên là thế rồi. *Chỉ để phục vụ cho thời điểm này thôi.* Hắn có khả năng tiên tri thật tuyệt vời.

“Chúng ta tới đó chưa?” Cuối cùng Gary Soneji/Murphy cất tiếng hỏi từ dưới chần.

Fishenauer không trả lời ngay, nhưng nhờ những mô đất trên đường, Gary biết rằng cả hai đã tới nơi. Hắn nhồm dậy trên hàng ghế sau chật chội của chiếc Bronco. Hắn gần như đã trở về nhà một cách an toàn. Hắn bất khả chiến bại.

“Đến lúc giàu rồi,” hắn nói và phá lên cười lớn. “Ông có ý định lúc nào đó tháo bỏ mấy cái còng đồng bộ này giúp tôi chứ?”

Robert Fishenauer không buồn quay lại. Theo suy nghĩ của anh ta, đây vẫn là mối quan hệ người giam giữ/ kẻ bị giam giữ. “Chỉ tới khi tôi có được phần của mình trong món tiền chuộc,” anh ta khề nhếch mép nói. “Khi đó, và chỉ khi đó anh mới được tự do!”

Soneji/Murphy lại cất tiếng từ phía sau Fishenauer. “Ông chắc là ông có khóa mở mấy cái còng này chứ, Robert?”

“Đừng lo chuyện đó. Anh có chắc phần còn lại của món tiền chuộc được giấu ở đâu không?”

“Tôi chắc.”

Soneji/Murphy cũng chắc chắn là Fishenauer có mang theo chìa khóa. Gary cảm thấy vô cùng bức bối, chật chội trong suốt một tiếng rưỡi qua. Đó là một trong những lý do hấn dồn tâm trí sang chỗ khác: kế hoạch lớn của hấn. Ký ức về tầng hầm của căn nhà hồi nhỏ cứ hiện ra trước mắt hấn trong toàn bộ chuyến đi. Hấn đã thấy người mẹ kế của mình. Đã thấy hai đứa con hư hỏng đáng ghét của bà ta. Hấn đã nhập vai trở lại là một cậu bé - cuộc phiêu lưu đầy vinh quang của Thăng Bé Hư. Cuộc sống tưởng tượng của hấn đã thế chỗ cho thực tại trong chốc lát.

Khi chiếc Bronco xóc nảy chầm chậm dọc theo con đường kỷ niệm, Gary Soneji/Murphy choàng cả hai tay hấn qua đầu Fishenauer và siết mạnh quanh cổ họng anh ta. Yếu tố bất ngờ. Hấn siết phần kim loại của chiếc còng vào thẳng yết hầu của viên cai ngục.

“Rốt cuộc tôi cũng phải nói với anh, sếp ạ - tôi là một thằng nói dối bị tâm thần, vậy đấy.”

Fishenauer bắt đầu vùng vẫy và chống trả dữ dội. Anh ta không thở được. Có cảm giác như đang bị chết đuối.

Hai đầu gối anh ta va mạnh phía dưới bảng đồng hồ và tay lái. Màn đêm bị lấp đầy bởi những tiếng gầm gừ ồn ào như thú vật của cả hai gã đàn ông.

Fishenauer cố đặt hai chân mình lên phần ghế hành khách phía trước xe. Đôi giày cao cổ của anh ta đá vào trần chiếc Bronco. Thân trên của anh ta bị vặn xoắn sang một bên, hết như xoay trên bản lề. Anh ta thờ hồn hển và phát ra thứ âm thanh kỳ dị. Nó giống như tiếng kim loại bị đốt và nổ lách tách trên một cái bếp lò.

Sự kháng cự của Fishenauer yếu dần và cuối cùng ngừng hẳn, chân tay chỉ còn hơi co giật.

Gary được tự do. Đúng như hẳn đã biết ngay từ đầu - Gary Soneji/Murphy lại được tự do.

CHƯƠNG 79

JEZZIE FLANAGAN đi theo hành lang tới phòng số 427 trong khách sạn Marbury ở Georgetown. Cô lại có cảm giác mất kiểm soát. Bức bách. Cô không vui vẻ gì với cuộc gặp bí mật này và tự hỏi nó liên quan đến điều gì. Jezzie *nghĩ* là cô biết, và cô hy vọng mình sai. Cô thường không mấy khi sai.

Jezzie gõ nhẹ nắm tay lên cửa. Cô ngó lại phía sau mình. Cô không vô lý khi làm vậy. Cô biết có tới nửa số dân ở Washington bận rộn sẫm soi số còn lại.

“Cửa mở đấy. Vào đi,” cô nghe tiếng nói bên trong vọng ra.

Jezzie mở cửa và thấy hắc đang nằm dài trên ghế. Hắc đã đặt một phòng hạng sang, đó là dấu hiệu tồi tệ. Hắc muốn đốt tiền.

“Phòng hạng sang cho sự ngọt ngào.” Mike Devine mỉm cười trên ghế. Hắc đang xem đội bóng bầu dục Redskins trên truyền hình. Thoải mái nhất có thể. Ở nhiều phương diện, hắc khiến Jezzie nhớ tới cha cô. Có lẽ đó cũng là lý do vì sao cô đã dính líu tới hắc. Sự suy đồi là một thứ kích thích.

“Michael, gặp nhau lúc này rất nguy hiểm.” Jezzie bước vào phòng khách sạn và đóng cửa lại. Cài chốt cửa. Giọng cô dường như lo lắng hơn là cáu giận. Jezzie ngọt ngào, dễ thương.

“Nguy hiểm hay không, chúng ta vẫn phải nói chuyện. Em biết đấy, gã bạn trai của em mới tới gặp anh. Hắc đỗ xe ngay ngoài nhà anh sáng nay.”

“Hắc không phải bạn trai em. Em chỉ moi từ hắc những tin tức *chúng ta* cần thôi.”

Mike Devine cười. “Em moi hăn, hăn moi em. *Tất cả* đều vui sướng phải không? Nhưng anh thì không.”

Jezzie ngồi xuống cạnh Devine trên chiếc ghế. Trông hăn thật quyến rũ và hăn biết điều đó. Hăn có dáng vẻ của Paul Newman*, chỉ thiếu cặp mắt xanh đẹp không thể chịu nổi. Hăn cũng thích đàn bà, và điều đó được thể hiện rõ.

“Em không nên ở đây, Michael. Chúng mình không nên ở bên nhau lúc này.” Jezzie cọ đầu vào ngực hăn. Cô nhẹ nhàng hôn lên má, lên mũi hăn. Cô cảm thấy mình có thể làm bất cứ việc gì trừ việc âu yếm Devine vào lúc này. Nhưng cô có thể làm việc đó nếu thấy phải làm. Cô có thể làm bất cứ điều gì cần thiết.

“Thế à, em *thì nên* ở đây, Jezzie ạ. Tất cả số tiền này có ích gì nếu chúng ta không thể tiêu, và chúng ta không thể bên nhau.”

“Em dường như vẫn nhớ mấy ngày gần đây khi ở hồ nước. Là em đã tưởng tượng ra ư?”

“Vứt mẹ những lúc vụng trộm đó đi. Hãy tới Florida với anh”

Jezzie hôn lên cổ hăn. Hăn cạo râu nhẵn nhụi và luôn thơm tho. Cô cười áo hăn và luồn tay vào trong. Sau đó cô để những ngón tay mình lướt nhẹ qua phần đang căng lên trong quần hăn. Lúc này cô đang tự động giành quyền kiểm soát. Dù phải thế nào.

“Có khi bọn mình phải loại bỏ Alex Cross thôi. Anh nói nghiêm túc đấy,” hăn nói thì thầm. “Em nghe anh nói đấy chứ, Jezzie?”

Jezzie biết hăn đang thử cô, cố dò tìm phản ứng. “Đó là chuyện rất nghiêm túc. Hãy để em xem xét chuyện đó một chút. Em sẽ tìm ra xem Alex biết gì. Kiên nhẫn nhé.”

“Em đang ngủ với hăn, Jezzie. Thế nên em mới kiên nhẫn.”

“Không, *giờ thì không thể đâu.*”

Jezzie đang cười thất lạng gã, hơi lóng ngóng với tay trái. Cô cần bắt hăn chờ đợi lâu hơn một chút.

“Làm sao anh biết là em không phải lòng Alex Cross chứ?”
Devine vẫn không chịu dừng truy hỏi.

“Vì, Michael, em yêu anh”. Jezzie áp sát người vào Devine và ôm chặt hẳn. Hẳn thật dễ bị lừa phỉnh. Tất cả bọn họ đều thế. Tất cả những gì cô phải làm lúc này là chờ đợi FBI kết thúc điều tra, và họ sẽ thành công. Thật hoàn hảo. Vụ án thế kỷ.

CHƯƠNG 80

LÚC BỐN GIỜ SÁNG tôi đang ngủ thì nhận được điện thoại. Một Wallace Hart suy sụp, kiệt quệ ở đầu dây bên kia. Gọi từ nhà tù Fallston, cậu ta đang gặp rắc rối nghiêm trọng thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

Một tiếng sau tôi có mặt tại nhà tù. Tôi là một trong bốn người có đặc quyền được bí mật đưa vào phòng làm việc nóng nực và chật hẹp của Wallace.

Cánh báo chí vẫn chưa được thông báo về vụ đào tẩu động trời này. Họ phải được báo động sớm - không được lãng tránh điều đó. Họ sẽ có một ngày chạy đua để đưa tin về sự kiện Soneji/Murphy vừa đào thoát.

Wallace Hart sụp người trên chiếc bàn bừa bãi giấy tờ như thể bị bắn thủng bụng. Những người còn lại trong phòng là giám thị và luật sư của nhà tù.

“Cậu biết gì về viên giám thị mất tích này?” tôi hỏi Wallace ngay khi có cơ hội đầu tiên.

“Tên anh ta là Fishenauer. Ba mươi sáu tuổi. Anh ta đã làm việc ở trại giam mười một năm với lý lịch làm việc tốt” Hart đáp. “Cho tới hôm nay, anh ta vẫn hoàn thành công việc của mình.”

“Cậu nhận định thế nào? Liệu viên giám thị này có phải là con tin mới nhất của Gary không?” tôi hỏi Wallace.

“Tớ không nghĩ thế. Tớ nghĩ gã vô lại chó đẻ đó đã *giúp* Soneji tẩu thoát.”

Cũng sáng hôm ấy, FBI thực hiện chế độ theo dõi 24/24 với Michael Devine và Charles Chakely. Một giả thuyết đặt ra là Soneji/Murphy có thể sẽ bám theo hai tên này. Hẳn biết hai người đó đã làm hỏng kế hoạch lớn của hắn.

Xác của tay giám thị Robert Fishenauer được tìm thấy trong một gara đổ nát ở nông trại bỏ hoang thuộc Crisfield, Maryland. Một tờ bạc hai mươi đô la được nhét vào miệng gã. Tờ bạc này không nằm trong số tiền chuộc ở Florida.

Những tin đồn như thường lệ về việc “đã nhìn thấy” Soneji/Murphy xuất hiện không ngớt. Những thông tin đó chẳng giúp ích được gì.

Soneji/Murphy vẫn đang ở đâu đó ngoài kia, đang cười nhạo chúng tôi, có thể đang uống rượu trong một tầng hầm tối đen nào đó. Hắn trở lại trên trang nhất của mọi tờ báo trong nước. Đúng như cách Gary thích. Thăng Bé Hư số một của mọi thời đại.

Tôi lái xe tới căn hộ của Jezzie khoảng sáu giờ tối hôm đó. Tôi không muốn tới đó. Lòng dạ tôi không yên. Đầu óc tôi thậm chí còn tệ hơn. Tôi phải cảnh báo cô rằng rất có thể Soneji/Murphy đã đưa cô vào danh sách của hắn, nhất là khi hắn đã kết nối được quan hệ giữa Jezzie với Devine và Chakely. Tôi phải cảnh báo Jezzie mà không được nói với cô tất cả những gì mình đã biết.

Khi bước lên cầu thang ở hiên nhà lát gạch đỏ quen thuộc, tôi nghe thấy tiếng nhạc rock vang lên trong nhà, làm cho những bức tường rung lên. Đó là đĩa *Taking My Time* của Bonnie Raitt. Bonnie đang nỉ non bài “Một ngọn nến cho tình tôi”.

Jezzie và tôi đã nghe đi nghe lại đĩa nhạc của Bonnie Raitt lúc ở trong căn nhà bên hồ. Có lẽ cô đang nghĩ về tôi tối hôm đó. Tôi cũng đã nghĩ rất nhiều về Jezzie trong những ngày qua.

Tôi bấm chuông cửa và Jezzie nâng lớp rèm cuốn lên. Cô đang vận trang phục thường ngày: chiếc áo phông nhãn nhúm, quần jean

ngắn cũn, đi dép xỏ ngón. Cô mỉm cười và có vẻ vui mừng khi thấy tôi. Rất điềm tĩnh, thoải mái và tự chủ. Lòng tôi như cuộn lên đau đớn. Cơ thể tôi thì lạnh băng. Tôi biết mình phải làm gì lúc này. Ít nhất tôi nghĩ là mình biết.

“Thêm một chuyện nữa,” tôi nói, như thể cuộc nói chuyện gần nhất giữa hai chúng tôi chỉ vừa kết thúc một phút trước đó.

Jezzie bật cười và mở cánh cửa có lớp rèm cuốn. Tôi không vào trong. Tôi đứng ngay trên hiên nhà. Tiếng chuông gió văng tới từ nhà bên cạnh. Tôi cố tìm một hành động không phù hợp, hành động chứng tỏ cho tôi thấy rằng diễn xuất của Jezzie không hoàn hảo. Chẳng có gì hết cả.

“Làm một chuyến xe về vùng quê đi? Đãi anh một bữa đi,” tôi nói với Jezzie.

“Nghe hay đấy, Alex. Em mặc quần dài đã nhé.”

Vài phút sau chúng tôi đã trên xe mô tô, phóng vút khỏi nhà cô. Tôi vẫn đang ngâm nga bài “Một ngọn nến cho tình tôi”. Tôi cũng đang suy nghĩ kỹ lưỡng lần cuối cùng về mọi thứ. *Lên kế hoạch, kiểm tra lại cho kỹ. Sẽ tìm ra ai là kẻ hư hỏng và tử tế.*

“Chúng mình có thể vừa nói chuyện vừa đi xe.” Jezzie ngoảnh đầu lại và hét lên trong gió.

Tôi ôm cô chặt hơn. Điều đó khiến tôi thấy khó chịu hơn một chút so với cảm giác tôi từng có trước đây. Tôi hét vào mặt Jezzie. “Anh rất lo cho em, khi Soneji đang tự do.” Điều đó phần nhiều là sự thật. Tôi không muốn thấy Jezzie bị giết. Với hai bầu vú bị xéo.

Cô ngoảnh đầu lại. “Sao lại thế? Sao anh lại lo cho em? Súng của em đều để nhà cả mà.”

Vì em đã góp phần phá hỏng trò chơi tội ác hoàn hảo của hắn, và có thể hắn biết điều đó, tôi muốn nói thế với cô. Vì em đã đánh cắp đứa con gái nhỏ khỏi ngôi nhà trong nông trại, Jezzie ạ. Em đã mang Maggie Rose Dunne đi, và rồi em phải giết con bé, đúng không?

“Hắn biết hai chúng ta qua báo chí,” tôi nói với Jezzie, thay vì nói ra suy nghĩ thực. “Có thể hắn sẽ truy đuổi bất cứ ai liên quan tới vụ án. Nhất là những người hắn nghĩ đã góp phần làm hỏng kế hoạch nho nhỏ của hắn.”

“Hắn tư duy theo cách đó phải không Alex? *Anh sẽ biết* nếu ai đó định làm vậy. Anh là chuyên gia về tâm lý tội phạm mà.”

“Hắn muốn chứng tỏ với thế giới rằng hắn vượt trội thế nào so với phần còn lại,” tôi đáp. “Hắn cần chuyện này cũng âm ỉ và phức tạp như vụ nhà Lindbergh ngày trước. Anh tin rằng đó là cách nhìn của hắn về vụ bắt cóc con trai nhà Lindbergh. Hắn muốn vụ án của mình là vụ lớn nhất và hoàn hảo nhất. Hắn vẫn chưa kết thúc đâu. Rất có thể Soneji nghĩ là hắn sẽ bắt đầu làm lại lần nữa.”

“Ai là Bruno Hauptmann trong câu chuyện của chúng ta? Soneji đang cố lừa ai vào bẫy?” Jezzie hét át tiếng gió.

Jezzie đang cố chuyển cho tôi bằng chứng ngoại phạm của cô chẳng? Liệu có khả năng cô cũng bị Soneji cài bẫy không? Đó sẽ là điều sau chót... Nhưng bằng cách nào? Và tại sao?

“Gary *Murphy* chính là Bruno Hauptmann,” tôi nói với Jezzie, vì tôi nghĩ mình biết câu trả lời. “Hắn là người bị Gary Soneji đưa vào bẫy một cách rất khéo léo. Gary Soneji bị kết án và phải vào tù, còn Gary *Murphy* thì vô tội.”

Chúng tôi cứ nói qua nói lại với nhau như thế trong suốt nửa giờ đầu của hành trình. Sau đó thì im lặng trong những dặm tiếp theo trên con đường cao tốc thoáng đãng.

Cả hai chúng tôi đều chìm vào thế giới của riêng mình. Tôi thấy mình đang ôm eo Jezzie. Tôi đang nhớ tới những câu chuyện khác nhau về chúng tôi. Cảm thấy buồn bã trong lòng; những muốn mọi cảm giác đó chấm dứt. Tôi hiểu Jezzie cũng là một người có thần kinh không ổn định, giống như Gary. Không lương tâm. Tôi tin rằng thương trường, chính phủ, Phố Wall đầy rẫy những người như thế.

Không hề hối tiếc về việc làm của họ. Không hề, trừ phi họ bị bắt. Và rồi những giọt nước mắt cá sấu sẽ tuôn rơi.

“Nếu bọn mình lại đi xa lần nữa thì sao nhỉ?” Cuối cùng tôi cũng đặt ra cho Jezzie câu hỏi mà tôi đã chuẩn bị từ trước. “Lại đến vùng đảo Virgin? Anh muốn thế.”

Tôi không chắc là cô có nghe tôi nói không. Nhưng rồi Jezzie nói. “Được thôi. Em cũng muốn có chút thời gian sưởi nắng. Vùng đảo đó được đấy.”

Tôi nhích người lên phía Jezzie trên chiếc mô tô đang vun vút lao đi. Nhiệm vụ đã hoàn thành. Chúng tôi phóng qua vùng thôn quê xinh đẹp, nhưng tất cả những cảnh vật đang lướt qua mờ ảo, mọi thứ đang diễn ra lúc này chỉ làm đầu tôi thấy đau, và cơn đau sẽ không ngừng lại.

CHƯƠNG 81

MAGGIE ROSE DUNNE muốn sống hơn bất cứ điều gì khác. Lúc này con bé hiểu rõ điều đó.

Con bé muốn cuộc đời mình trở lại y như cũ. Nó muốn gặp mẹ và cha biết bao. Muốn gặp tất cả bạn bè, những người bạn ở Washington và Los Angeles của nó, và nhất là Michael. Chuyện gì đã xảy ra với Nhãi Con Goldberg rồi? Người ta có thả cậu ấy không? Liệu có phải cậu ấy đã được thả để đổi lấy tiền chuộc còn Maggie, vì lý do nào đó, lại không được như thế?

Hằng ngày Maggie phải thu hoạch rau; công việc rất vất vả, nhưng hơn hết, đó là công việc nhằm chán nhất mà con bé có thể hình dung. Nó cứ phải để đầu óc ở đâu đó trong suốt những ngày dài phơi mình dưới ánh mặt trời thiêu đốt. Con bé phải dứt tâm trí khỏi những việc nó đang làm hay nơi nó đang ở.

Gần một năm rưỡi sau vụ bắt cóc, Maggie Rose Dunne đã quyết trốn khỏi nơi người ta giấu con bé.

Con bé đã ép bản thân dậy sớm mỗi sáng, trước tất cả những người khác. Nó đã làm như thế trong nhiều tuần trước khi thử làm bất kỳ điều gì. Trời bên ngoài vẫn tối, nhưng con bé biết mặt trời sẽ mọc chỉ sau đó gần một giờ. Và rồi trời sẽ rất nóng.

Maggie đi chân trần vào bếp, tay cầm đôi giày lao động. Nếu bị họ bắt gặp lúc này, nó sẽ nói rằng mình chỉ đang đi vào nhà vệ sinh. Bàn quang của con bé căng đầy, nó đã chuẩn bị trước, đề phòng khi bị bắt gặp.

Người ta bảo với con bé rằng nó sẽ không bao giờ trốn thoát được, ngay cả khi nó ra khỏi ngôi làng đó. Dù có đi theo hướng nào

thị trấn gần nhất cũng cách xa hơn năm mươi dặm. Người ta đã nói với Maggie như thế.

Các dãy núi đầy rẫy rắn và lũ mèo nguy hiểm. Đôi khi con bé nghe thấy tiếng mèo gào buổi đêm. Con bé sẽ không bao giờ đến được một thị trấn khác. Người ta nói với Maggie như thế.

Và nếu họ bắt được nó, họ sẽ nhốt nó dưới đất ít nhất một năm. Có phải nó đã quên việc bị chôn sống là như thế nào? Khi không được thấy ánh sáng mặt trời trong nhiều ngày liền?

Cửa bếp bị khóa. Con bé đã biết chỗ chìa khóa mở cửa được cất giữ cùng rất nhiều chìa khóa cũ han gỉ khác trong một tủ chứa dụng cụ. Maggie Rose lấy chìa và cầm luôn chiếc búa nhỏ làm vũ khí. Nó gài chiếc búa vào dây chun quần soóc.

Maggie dùng chìa khóa mở cửa nhà bếp. Cửa mở và con bé đi ra ngoài. Lần đầu tiên sau một khoảng thời gian rất dài nó mới được tự do. Trái tim nó bay vút khỏi nơi bị giam giữ như những cánh chim ưng mà đôi khi nó trông thấy.

Chỉ riêng việc được một mình đi bộ thôi đã thật tuyệt rồi. Maggie Rose cuốc bộ nhiều dặm liền. Con bé quyết định đi xuống, chứ không leo ngược lên dãy núi - ngay cả khi đã có đứa trong nhóm mấy đứa trẻ thề rằng có một thị trấn ở không xa lắm theo hướng đó.

Con bé đã lấy hai ổ bánh trong bếp và ăn lót dạ lúc sáng sớm. Trời bắt đầu ấm lên khi mặt trời mọc. Tới mười giờ trời đã rất nóng. Con bé đi nhiều dặm theo một con đường đất chứ không đi đường cái, song nó vẫn giữ khoảng cách đủ gần. Nó luôn giữ đường cái ở trong tầm mắt.

Maggie mãi miết đi bộ suốt buổi chiều dài dằng dặc, thấy ngạc nhiên khi mình trụ được dưới cái nóng. Có lẽ tất cả công việc nặng nhọc trên cánh đồng đã phát huy tác dụng. Giờ đây con bé đã khỏe mạnh hơn bất kỳ thời điểm nào trước đó. Khắp người nó chỗ nào cũng có cơ bắp.

Tối chiều muộn, khi nó tiếp tục đi xuống sườn núi, Maggie Rose đã trông thấy một thị trấn. Nơi đó lớn và hiện đại hơn so với chỗ con bé bị giam giữ trong suốt nhiều tháng qua.

Maggie Rose bắt đầu chạy xuống những dốc đồi cuối cùng. Cuối cùng thì con đường đất cũng giao với đường bê tông. Một con đường thực sự. Maggie đi theo con đường đó một quãng ngắn thì thấy một trạm xăng. Đó là một trạm xăng bình thường. SHELL, tấm biển đề vậy. Con bé chưa từng thấy thứ gì đẹp hơn thế trong đời.

Maggie Rose nhìn lên và thấy người đàn ông ở đó.

Ông hỏi con bé ổn không. Ông luôn gọi nó là Bobbi, và con bé biết ông có quan tâm tới nó đôi chút. Maggie bảo với ông rằng nó ổn. Nó chỉ vừa lơ đãng một chút.

Maggie Rose không nói với ông là nó lại bịa ra những câu chuyện, những câu chuyện kỳ ảo và tuyệt vời giúp nó quên đi nỗi đau.

CHƯƠNG 82

KHÔNG CÓ GÌ PHẢI NGHI NGỜ, Gary Soneji/Murphy vẫn có kế hoạch lớn của hắn. Giờ đây, tôi cũng có kế hoạch lớn của mình. Câu hỏi đặt ra là: tôi có thể dứt điểm kế hoạch của mình tốt đến đâu? Quyết tâm thành công của tôi mạnh đến mức nào, bất kể phải trả giá thế nào về mặt con người? Tôi sẵn sàng tiến xa tới mức nào? Chấp nhận mạo hiểm đến mức nào?

Chuyến đi nghỉ tới Virgin Gorda khởi hành tại thủ đô Washington trong một sáng thứ Sáu mưa rơi ảm đạm và lạnh lẽo. Nhiệt độ khoảng mười độ C. Trong điều kiện bình thường, tôi sẽ không thể rời đó đủ nhanh được.

Chúng tôi phải chuyển sang chiếc máy bay Trislander ba động cơ ở vùng Puerto Rico đầy nắng. Tới ba rưỡi chiều, Jezzie và tôi hạ cánh xuống một bờ biển cát trắng, dải đất hẹp được bao bọc bởi những cây cọ cao đứng đưa trong gió biển.

“Nó đây rồi,” cô cất tiếng từ chỗ ngồi cạnh tôi. “Đó là chỗ cho chúng mình sưởi nắng, Alex. Em có thể ở đây cả tháng.”

“Chỗ đó trông có vẻ giống những gì bác sĩ yêu cầu,” tôi tán đồng. Chúng tôi sẽ sớm được thấy điều đó. Chúng tôi sẽ biết cả hai muốn ở riêng bên nhau trong bao lâu.

“Kẻ bộ hành mệt mỏi này muốn được ngâm mình trong làn nước kia. Chứ không phải chỉ nhìn xuống đó,” Jezzie nói. “Sống nhờ cá và trái cây. Bơi cho tới khi chúng ta kiệt sức.”

“Đó chính là lý do bọn mình đến đây mà, phải không? Chẳng phải để vui đùa dưới nắng sao? Để cho tất cả lũ người xấu kia biến đi?”

“Mọi thứ đều *đang* tốt đẹp, Alex ạ. Có thể là vậy. Cứ kệ cho dòng đời xô đẩy thôi.” Jezzie luôn tỏ ra hết sức chân thành. Tôi gần như muốn tin lời cô nói.

Khi cánh cửa chiếc Trislander mở ra, mùi biển Caribe ngan ngát theo gió bay vào. Không khí ẩm áp bao trùm cả chín người chúng tôi trong chiếc máy bay cỡ nhỏ bên trên.

Mọi người đều đã trang bị kính râm và áo phông sáng màu. Những nụ cười hớn hở gần như trên mọi khuôn mặt. Tôi cũng cố nở một nụ cười.

Jezzie nắm tay tôi. Jezzie đang ở đây - nhưng cũng lại không phải thế. Mọi thứ với tôi giống như mơ. Những chuyện đang diễn ra... không thể là thật.

Những người đàn ông và phụ nữ da đen nói giọng Anh cho chúng tôi thực hiện một loạt các thủ tục hải quan đơn giản một cách rất thoải mái. Túi xách của cả tôi và Jezzie đều không bị kiểm tra. Việc này thực chất đã được sắp xếp trước với sự giúp đỡ của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Trong túi tôi có một khẩu súng lục cỡ nhỏ - đã nạp đạn và sẵn sàng.

“Alex, em vẫn thích ở đây,” Jezzie nói khi chúng tôi tới trước một dãy ngăn taxi. Cùng với dãy taxi là một vài chiếc xe mô tô, xe đạp và xe tải nhỏ bản địa. Tôi băn khoăn không biết liệu chúng tôi có lần nào cùng chạy xe máy với nhau nữa không.

“Chúng mình ở đây mãi mãi nhé,” Jezzie nói. “Hãy vờ như không bao giờ phải rời khỏi đây. Không đồng hồ, không radio, không tin tức gì hết.”

“Nghe hay đấy,” tôi bảo cô. “Chúng mình sẽ chơi trò ‘chúng ta hãy cùng giả vờ’ một thời gian nhé.”

“Anh tham gia rồi đấy. Chúng mình chơi đi thôi.” Jezzie vỗ tay như một đứa trẻ.

Quang cảnh hòn đảo dường như không thay đổi kể từ chuyến thăm trước của chúng tôi. Có thể nơi này đã luôn như thế kể từ khi gia

đình Rockefeller bắt đầu mua đứt cả hòn đảo vào cuối những năm 1950.

Những con tàu chở khách du lịch và thuyền buồm đang tụ tập ngoài vùng biển lấp lánh. Chúng tôi đi qua các nhà hàng và cửa hàng nhỏ để tìm dụng cụ bơi với ống thở. Những ngôi nhà một tầng sơn màu sáng đều có ăng ten ti vi cắm trên mái. *Chỗ của chúng ta dưới ánh mặt trời. Thiên đường.*

Jezzie và tôi có thời gian để bơi ở khách sạn. Chúng tôi thể hiện mình một chút. Chúng tôi làm các động tác căng cơ, cùng nhau bơi thi rồi trở về bãi san hô ở phía xa. Tôi nhớ lần đầu tiên chúng tôi bơi với nhau. Bể bơi khách sạn ở bãi biển Miami. Khởi đầu cho vai diễn của cô.

Sau đó, chúng tôi nằm dài trên bãi biển. Chúng tôi ngắm nhìn mặt trời lặn phía chân trời, tan ra, rồi biến mất khỏi tầm mắt.

“Cảm giác quen thuộc quá, Alex.” Jezzie cười. “Giống hệt *trước* đây vậy. Hay là em đã mơ nhỉ?”

“Lúc này khác rồi” tôi nói, sau đó nhanh chóng nói thêm, “trước đây chúng mình đã không hiểu rõ nhau lắm.”

Jezzie thực sự đang nghĩ gì? Tôi biết chắc lúc này cô cũng đang có một kế hoạch. Tôi đoán cô biết tôi đang tìm hiểu về Devine và Chakely. Cô cần biết tôi định làm gì với họ.

Một cậu thanh niên da đen, cơ bắp và gọn gàng trong bộ đồ bơi màu trắng và chiếc áo phông diêm dúa của khách sạn, cầm theo vài ly pina colada xuống chỗ mấy chiếc ghế trên bãi biển của chúng tôi.

Cùng chơi trò “giả vờ” quả là không thể tuyệt hơn.

“Đây là kỳ trăng mật của anh chị à?” Cậu ta rất thoải mái và vô tư nói đùa với chúng tôi.

“Đây là kỳ trăng mật thứ hai của chúng tôi,” Jezzie bảo cậu ta.

“Vây ư, vậy hãy tận hưởng nó gấp đôi nhé,” anh chàng phục vụ trên bãi biển mỉm cười.

Rốt cuộc thì nhịp độ chậm rãi của hòn đảo cũng bao trùm lên tất cả. Chúng tôi ăn tối ở nhà hàng nhô ra biển của khách sạn. Lại thêm cảm giác quen thuộc với cả hai. Ngồi giữa vùng biển Caribe tuyệt vời, tôi tin mình có cảm giác hoàn toàn hư ảo và thấy bị lừa dối nhiều hơn bất kỳ lúc nào khác trong đời.

Tôi nhìn những con cá nục, cá mú và rùa nướng được đưa tới rồi mang đi. Tôi lắng nghe ban nhạc theo phong cách reggae chuẩn bị biểu diễn. Và suốt trong lúc ấy, tôi cứ nghĩ đến việc người đàn bà xinh đẹp ngồi bên cạnh tôi đã để Michael Goldberg phải chết. Tôi cũng chắc rằng cô đã giết Maggie Rose Dunne, hoặc ít nhất cũng là đồng phạm. Cô chưa bao giờ tỏ chút hối hận nào.

Ở đâu đó trên đất Mỹ là phần của cô trong món tiền chuộc mười triệu đô la. Nhưng Jezzie đủ khôn ngoan để tôi “chia sẻ” chi phí kỳ nghỉ với cô. “Chúng mình chia đều nhé Alex. Không ai được miễn phí ở đây, được chứ?”

Cô ăn tôm hùm đánh bắt tại đảo và một đĩa khai vị là thịt cá mập thái miếng. Cô uống hai cốc bia trong bữa tối. Jezzie quá khéo léo và thông minh. Với cách hành xử này, cô thậm chí còn đáng sợ hơn cả Gary Soneji/ Murphy.

Ta sẽ nói gì về một kẻ giết người, một người ta yêu thương, trong một bữa tối với những ly cocktail hoàn hảo? Tôi muốn biết quá nhiều thứ, nhưng tôi không thể thốt ra bất cứ câu hỏi thực sự nào đang bùng lên trong đầu mình. Thay vào đó, chúng tôi chỉ nói về những ngày nghỉ ngơi sắp tới, một “kế hoạch” cho những gì sẽ làm ở đây, vào lúc này trên vùng đảo.

Tôi chăm chú nhìn Jezzie qua bàn ăn và nghĩ, chưa bao giờ trông cô nổi bật hơn lúc này. Cô liên tục vén mái tóc vàng ra phía sau một bên tai. Đó quả là một cử chỉ thân thuộc và gần gũi, một cử chỉ cho thấy sự bồn chồn. Jezzie đang bồn chồn và lo lắng điều gì? Cô đã biết những gì?

“Được rồi, Alex,” rốt cuộc cô nói. “Anh có muốn nói cho em nghe những gì bọn mình đang thực sự làm ở Virgin Gorda không? Hay lại đang có một chương trình khác được thực hiện ở đây?”

Tôi đã chuẩn bị trước cho câu hỏi này, nhưng vẫn bất ngờ. Cô đã khơi mào chuyện đó thật khéo léo. Tôi đã sẵn sàng nói dối. Tôi có thể giải thích về những việc mình phải làm. Tôi chỉ không thể buộc bản thân cảm thấy thật thoải mái về chuyện ấy.

“Anh muốn chúng mình có thể nói chuyện, *thực sự* nói chuyện với nhau. Có lẽ là lần đầu tiên đấy Jezzie ạ.”

Những giọt lệ bắt đầu ứa ra từ khóe mắt Jezzie. Chúng lăn xuống hai gò má cô chậm chậm. Những dòng nước lấp lánh trong ánh nến.

“Em yêu anh, Alex,” Jezzie thăm thì. “Chỉ thế thôi - điều đó sẽ luôn rất khó khăn với hai chúng ta. Tối giờ vẫn rất khó khăn.”

“Ý em là thế giới không sẵn sàng chấp nhận chúng ta ư?” tôi hỏi cô. “Hay chúng ta không sẵn sàng chấp nhận thế giới?”

“Em không biết điều nào đúng nữa. Mọi chuyện quá khó khăn đến thế có phải là vấn đề không?”

Sau bữa tối chúng tôi đi dạo dọc bãi biển, xuống phía có xác một con tàu cổ. Xác con tàu đầy ấn tượng nằm cách nhà hàng chừng một phần tư dặm. Bãi biển có vẻ hiu quạnh.

Có một chút ánh trăng, nhưng trời tối hơn khi chúng tôi tới chỗ con tàu đắm. Những đám mây nát vụn trôi lững lờ trên nền trời. Cuối cùng Jezzie cũng chẳng hơn gì một dáng hình đen thẫm bên cạnh tôi. Mọi thứ trong khoảnh khắc ấy khiến tôi thực sự thấy bất an. Tôi đã để lại súng trong phòng.

“Alex.” Jezzie dừng bước. Thoạt tiên tôi nghĩ cô đã nghe thấy gì đó, và tôi quay lại nhìn. Tôi biết Soneji/ Murphy không thể ở đây. Có thể nào tôi sai không?

“Em đang bắn khoăn,” Jezzie nói, “đang nghĩ về một việc liên quan tới cuộc điều tra, và em không muốn thế. Không phải ở đây.”

“Điều gì làm em phiền lòng?” tôi hỏi cô.

“Anh đã không còn bàn với em về cuộc điều tra nữa. Sao anh lại lôi Chakely và Devine vào?”

“À, vì em đã đề cập chuyện này,” tôi nói với Jezzie, “nên anh sẽ nói cho em nghe. Em đã luôn đúng về hai người họ. Lại thêm một ngõ cụt nữa. Giờ thì bọn mình hãy có một kỳ nghỉ thực sự đi. Cả hai chúng ta đều đã mất công để có được nó mà.”

CHƯƠNG 83

GARY SONEJI/MURPHY quan sát, nhưng tâm trí không tập trung. Tâm trí hắn đang quay trở lại với vụ bắt cóc hoàn hảo con trai nhà Lindbergh.

Hắn vẫn có thể hình dung ra Lindy May Măn. Anne Morrow Lindbergh đáng yêu. Charles con bé bỏng trong chiếc cũi của nó, trên căn phòng cho trẻ ở tầng hai của ngôi nhà nông trại ở Hopewell, New Jersey. Bao giờ cho đến ngày xưa, các bạn của tôi. Những ngày kỳ diệu nhất.

Thực tế thì bây giờ hắn đang quan sát gì ở cái chỗ nhạt nhẽo hơn nhiều này?

Trước hết là bộ đôi nhân viên FBI ngu dần và hiếu chiến trên chiếc xe hơi hiệu Buick Skylark màu đen. Chính xác là hai kẻ ngu ngốc, một nam một nữ, đang làm nhiệm vụ giám sát. Hai kẻ đó chắc chắn chẳng thể gây hại cho hắn. Không có vấn đề gì khó khăn với hắn ở đó. Chẳng thể là thách thức với hắn được.

Kế đó là tòa nhà cao tầng hiện đại chỗ đặc vụ Mike Devine vẫn sống ở Washington. Hawthorne, tòa nhà được gọi như vậy. Phải chăng nó được đặt theo tên của Nathaniel, người của trái tim đen tối, chán chường? Bể bơi và chỗ tắm nắng trên sân thượng, có tòa nhà đỗ xe riêng, có người giữ suốt ngày đêm. Nơi trú ẩn quá tuyệt cho gã cựu đặc vụ. Và hai nhân viên FBI ngu dần đang theo dõi tòa nhà như thể nó sẽ mọc cánh và bay đi mất.

Lúc hơn mười giờ sáng một chút, một nhân viên giao hàng của hãng Federal Express bước vào tòa chung cư màu mè đó.

Một lát sau, trong bộ đồng phục hãng Federal Express và bê hai bưu kiện cho hai người thuê phòng ở tòa nhà Hawthorne, Gary Soneji/Murphy nhấn chuông cửa phòng 17J. *Kính coong!*

Khi Mike Devine mở cửa, Soneji xịt vào mặt anh ta loại thuốc gây mê cực mạnh, đúng loại hãn đã dùng với Michael Goldberg và Maggie Rose Dunne. Công bằng thôi.

Cũng hết như hai đứa trẻ, Devine đổ gục xuống mặt sàn được phủ kín thảm. Tiếng nhạc rock từ phía trong căn hộ vọng ra. Giọng của Bonnie Raitt không ai có thể bắt chước nổi. Bài “Hãy cho họ điều gì đó để nói”

Đặc vụ Devine tỉnh lại sau vài phút. Anh ta thấy chóng mặt và hoa mắt. Tất cả quần áo của anh ta đã bị lột bỏ. Anh ta hoàn toàn bối rối và mất phương hướng.

Anh ta được dựng ngồi trong bồn tắm, nước lạnh ngập tới giữa mép bồn. Hai mắt cá chân bị cùm vào tay nắm vòi nước.

“Cái quái gì thế này?” Câu đầu tiên của anh ta thốt ra líu ríu và yếu ớt. Anh ta có cảm tưởng như mình vừa nốc cả chục vại rượu mạnh.

“Đây là một con dao rất sắc.” Gary Soneji/Murphy cúi xuống và giơ ra con dao săn hiệu Bowie của hãn. “Xem mình họa sinh động này nhé. Hãy tập trung hai con mắt xanh to mờ đục của mày vào đây. *Tập trung đi nào, Michael.*”

Gary Soneji/Murphy chỉ hơi khĩa nhẹ con dao vào phần trên cánh tay của gã cựu nhân viên mật vụ. Devine thét toáng lên. Một vết cắt cỡ bảy phân trông thật khủng khiếp ngay lập tức mở miệng. Máu tuôn vào dòng nước lạnh và xoáy tít trong bồn.

“Không được kêu nữa,” Soneji cảnh cáo. Hãn vung con dao lên, dọa khĩa thêm một vết nữa vào Devine. “Đây không phải loại lưỡi cạo hiệu Sensor của hãng Gillette hay Schick Tracer đâu. Nó giống kiểu dao *rạch và chảy máu* hơn. Vì thế liệu mà cẩn thận.”

“Mày là ai?” Devine cố nói lần nữa. Anh ta vẫn đang lú lú rú rú. “Mày là ai?” anh ta nói.

“Vui lòng cho phép tao tự giới thiệu, tao là một gã đàn ông giàu có và tinh tế,” Soneji đáp. Vậy đấy, *đúng là thế*, hắn đang choáng ngợp với thành công. Những kỳ vọng về tương lai với hắn đang bừng sáng trở lại.

Lúc này Devine thậm chí còn bối rối hơn nữa.

“Đó là lời bài hát ‘Cảm thông với ác quỷ’. Của Stones nhỉ? Tao là Gary Soneji/Murphy. Thứ lỗi cho tao vì bộ đồng phục giao hàng lè loẹt, thứ đồ nguy trang thô thiển này. Nhưng tao đang vội, mày hiểu không. Thật tiếc, vì tao đã muốn gặp mày mấy tháng nay rồi. Thằng *bất lương a*, mày đấy.”

“Nhưng mày muốn cái quái gì chứ?” Devine vẫn cố tỏ chút quyền uy, bất chấp tình thế rất nguy hiểm của mình.

“Đi vào việc chính nhỉ, hừm. Rồi, tốt. Vì tao đang *vội kinh khủng*. Bây giờ. Mày có hai lựa chọn rất rõ ràng. MỘT - tao sẽ cắt phén cái của quý của mày tại đây và ngay lúc này, nhét nó vào mồm mày như một thứ bịt miệng tiện dụng, sau đó tra tấn mày bằng từng vết cứa nhỏ lên da thịt, hàng trăm vết cứa, bắt đầu từ mặt và cổ mày, cho tới khi mày nói cho tao điều tao cần biết. Đến đây thì hiểu rồi chứ? Tao nói rõ ràng phải không? Tao nhắc lại - lựa chọn số một: tra tấn đau đớn cho tới khi mày hoàn toàn cạn máu.”

Devine vô thức ngả ra sau để nhìn kỹ gã mất trí đang đứng lù lù trước mặt. Tâm nhìn của anh ta đã rõ, thật không may. Hai mắt Devine trên thực tế đang mở rất to. Gary Soneji/Murphy? Trong nhà của anh ta? Với một con dao sẵn?

“LỰA CHỌN THỨ HAI,” kẻ điên cuồng tiếp tục huênh hoang trước mặt Devine. “Tao sẽ biết sự thật từ mày *ngay bây giờ*. Sau đó tao sẽ lấy tiền của tao, từ chỗ mày giấu. Tao sẽ trở lại và giết mày, nhưng tử tế hơn - không có dàn dựng gì hết. Ai mà biết chứ, có thể mày sẽ xoay xở trốn mất lúc tao không có mặt ở đây. Chuyện đó cũng

khó xảy ra đấy, nhưng hy vọng lúc nào chẳng tồn tại. Tao phải nói với mày, Michael, đó chính là lựa chọn của tao.”

Mike Devine cũng đủ sáng suốt để đưa ra lựa chọn đúng đắn. Anh ta nói cho Soneji/Murphy biết chỗ giấu phần được chia từ khoản tiền chuộc. Nó vẫn được cất giấu ở Washington.

Gary Soneji/Murphy tin Devine nhưng khi đó, ai mà dám nói chắc những chuyện đó chứ. Xét cho cùng hắn cũng đang đương đầu với một gã cảnh sát.

Gary ngừng lại ở cửa căn hộ khi đi ra. Bằng chất giọng bắt chước Arnold Schwarzenegger/Kẻ Hủy Diệt tốt nhất của mình, hắn nói, “Tao sẽ trở lại!”

Sự thật là hắn đang cảm thấy rất vui trước mọi việc hôm nay. Hắn đang tự mình giải quyết vụ bắt cóc chết tiệt. Hắn đang đóng vai cảnh sát, và đó là chuyện rất tuyệt. Kế hoạch sẽ thành công. Điều mà hắn luôn biết rằng sẽ xảy ra.

Tuyệt cú mèo.

CHƯƠNG 84

TÔI NGỦ CHẬP CHỜN, cứ được khoảng một giờ lại tỉnh giấc. Không có piano để chơi ngoài hiên nhà. Không có Jannie và Damon để phải thức dậy. Chỉ có kẻ giết người đang ngủ bình yên bên cạnh.

Chỉ có kế hoạch mà tôi ở đó để thực hiện.

Rốt cuộc khi mặt trời mọc, nhân viên nhà bếp khách sạn chuẩn bị trước cho chúng tôi một hộp đồ ăn trưa ngon lành. Họ chất vào chiếc giỏ đan liễu gai rượu vang, nước đóng chai của Pháp, các loại bánh kẹo sành điệu đắt tiền. Cũng có luôn dụng cụ bơi bằng ống thờ, khăn tắm mềm mịn, một chiếc ô che bãi biển kẻ sọc vàng trắng.

Mọi thứ đã được chất lên chiếc xuồng máy khi chúng tôi tới cầu tàu, lúc mới hơn tám giờ. Mất khoảng ba mươi phút chiếc xuồng đưa chúng tôi tới hòn đảo của mình - một nơi biệt lập tuyệt đẹp. Đã giành lại được thiên đường.

Sẽ chỉ có hai chúng tôi với nhau ở đó suốt cả ngày. Các cặp đôi khác cùng khách sạn cũng tới những hòn đảo riêng của họ. Một dải san hô ngầm bao quanh bãi biển của chúng tôi, trải rộng từ bờ ra khoảng bảy mươi đến cả trăm thước.

Nước biển xanh lục trong suốt. Khi nhìn thẳng xuống, tôi có thể trông rõ nền cát dưới đáy. Tôi có thể đếm được từng hạt cát. Những chú cá thiên thần và chiến binh lao tới quanh chân tôi theo từng bầy nhỏ đầy khí thế. Một cặp cá nhồng dài mét rưỡi hơn hờ bám theo thuyền chúng tôi gần tới mép bờ, sau đó mất hứng và bỏ đi.

“Ông bà muốn tôi quay lại lúc mấy giờ?” người lái xuồng hỏi.
“Tùy theo ý ông bà.”

Ông ta là một ngư dân vạm vỡ - một thủy thủ ngoài bốn mươi tuổi. Thuộc típ người vô tư, trên suốt quãng đường ra tới đây, ông ta cứ kể chuyện về con cá khổng lồ và những chuyện đầy màu sắc khác về hòn đảo này. Ông ta dường như không nghĩ gì về chuyện Jezzie và tôi ở bên nhau.

“Ồ, tôi nghĩ là hai hay ba giờ gì đó?” Tôi quay sang tham khảo ý kiến Jezzie. “Mấy giờ ông Richards nên quay lại đón bọn mình nhỉ?”

Cô đang bận trải khăn tắm và bày ra nột bộ dụng cụ bơi hàng hiếm của chúng tôi. “Em nghĩ ba giờ là ổn. Như thế sẽ tốt đấy ông Richards.”

“Được rồi, vậy thì chúc hai ông bà vui vẻ.” Ông ta cười. “Sẽ chỉ có hai ông bà ở đây thôi. Tôi thấy là mình không còn nhiệm vụ gì nữa rồi.”

Ông Richards chào chúng tôi, sau đó nhảy lại vào thuyền. Ông ta nổ máy rồi nhanh chóng biến mất khỏi tầm nhìn.

Chỉ còn hai chúng tôi với nhau trên hòn đảo của riêng mình. Đừng lo lắng, hãy vui vẻ.

Có gì đó quá lạ lẫm và vẻ như không thật khi nằm lên tắm khăn trải trên bãi biển cạnh một kẻ bắt cóc và giết người. Tôi ngấm đi ngấm lại mọi cảm giác của mình, những kế hoạch, những việc tôi biết mình phải làm.

Tôi cố kiểm soát cơn hỗn loạn và giận dữ trong mình. Tôi đã yêu người đàn bà này, nhưng giờ đây cô trở thành một kẻ xa lạ đến nhường ấy. Tôi nhắm mắt lại, mặc cho mặt trời xoa dịu mọi cơ bắp. Tôi cần thư giãn, nếu không chuyện này sẽ bất thành.

Sao em lại có thể giết cô bé đó, Jezzie? Sao em có thể làm thế chứ? Sao em lại nói dối mọi người quá nhiều như vậy?

Gary Soneji đột nhiên bay tới! Hẳn đến bất ngờ, và không báo trước.

Hắn có một con dao săn dài ba mươi phân giống loại dao hắc đã dùng trong các vụ giết người ở khu nhà giá rẻ tại D.C. Hắn khom

người vượt qua đầu tôi, bóng hắt bao phủ hoàn toàn lên người tôi.

Không có cách nào hắt lại tới được hòn đảo này. Không có cách nào cả.

“Alex. Alex, anh đang mơ đấy” Jezzie nói. Cô đặt bàn tay mát lạnh lên vai tôi. Cô dịu dàng dùng các đầu ngón tay chạm lên má tôi.

Một đêm dài, gần như không ngủ... mặt trời ấm áp và gió biển mát mẻ... Tôi đã thiếp đi trên bãi biển.

Tôi ngược nhìn Jezzie. Cô mới chính là cái bóng phủ lên người tôi, không phải Soneji. Tim tôi đập thành thịch. Những giấc mơ cũng gây ra ảnh hưởng mạnh mẽ hết như thế giới thực.

“Anh thiếp đi lâu chưa?” tôi hỏi. “Ài chà.”

“Chỉ vài phút thôi, anh yêu,” cô nói. “Alex, để em ôm anh nhé.”

Jezzie áp sát vào tôi trên chiếc khăn tắm biển. Ngực cô cọ vào ngực tôi. Cô đã cởi bỏ phần trên của bộ đồ tắm trong lúc tôi ngủ. Làn da mịn màng của cô bừng sáng với dầu phơi nắng. Một lớp hơi nước mỏng đọng lại ở môi trên. Trông cô hấp dẫn không chịu nổi.

Tôi ngồi dậy và xích người ra xa khỏi Jezzie trên tấm khăn. Tôi chỉ tay về nơi mọc lên một lùm hoa giấy, gần sát cạnh mép nước biển.

“Chúng mình xuống đi dọc theo bờ biển đi. Được không? Chúng mình đi bộ một chút. Anh muốn nói với em vài việc.”

“Chuyện gì thế?” Jezzie hỏi. Rõ ràng cô thất vọng vì tôi đang làm cô mất hứng, dù chỉ trong một khoảnh khắc. Cô đã muốn làm tình trên bãi biển. Tôi thì không.

“Thôi nào. Chúng mình hãy đi dạo và nói chuyện một chút,” tôi nói. “Mặt trời ở đây thích quá.”

Tôi kéo Jezzie dậy và cô miễn cưỡng đứng lên theo. Cô không buồn mặc lại phần áo tắm.

Chúng tôi bước dọc theo bờ biển, chân lội dưới làn nước trong suốt và dịu dàng. Lúc này chúng tôi không nắm tay nhau, nhưng chỉ

cách nhau vài phân. Điều đó thực lạ lùng và khó tin. Đó là một trong những khoảnh khắc tồi tệ nhất của đời tôi, nếu không nói là tệ nhất.

“Anh đang quá nghiêm túc, Alex. Chúng mình định vui vẻ cơ mà, nhớ không? Chúng mình đã vui vẻ chưa?”

“Anh biết em đã làm gì, Jezzie. Mất một thời gian nhưng rốt cuộc anh cũng đã bình tĩnh lại,” tôi bảo cô. “Anh biết em đã đánh cắp Maggie Rose Dunne khỏi tay Soneji. Anh biết em đã giết cô bé.”

CHƯƠNG 85

“*ANH MUỐN NÓI VỀ* tất cả chuyện ấy. Anh không mang thiết bị thu âm nào trên người cả, Jezzie. Rõ ràng là thế rồi.”

Jezzie nhếch mép cười khi nghe vậy. vẫn luôn là một diễn viên hoàn hảo. “Em có thể thấy là anh không mang,” cô nói.

Tim tôi đang đập dữ dội. “Hãy nói cho anh biết chuyện gì đã xảy ra. Đơn giản là nói cho anh biết *tại sao*, Jezzie. Nói cho anh những gì anh đã mất gần hai năm cố gắng tìm ra, trong lúc em đã biết tất cả. Nói cho anh nghe vai trò của em trong vụ này.”

Chiếc mặt nạ của Jezzie, nụ cười vô cùng xinh đẹp của cô, cuối cùng đã biến mất. Cô có vẻ như đầu hàng. “Được thôi, Alex. Em sẽ nói cho anh vài điều anh muốn biết, những điều mà anh đã không chịu bỏ qua.”

Chúng tôi tiếp tục bước và cuối cùng Jezzie cũng kể cho tôi nghe sự thật.

“Chuyện đó đã xảy ra thế nào ư? Thực ra, lúc đầu, bọn em cũng chỉ làm công việc của mình. Em thề đó là sự thật. Khi ấy bọn em đang chăm sóc gia đình ông Bộ trưởng. Jerrold Goldberg không quen nhận những lời đe dọa. Bọn Colombia đã đe dọa ông ta. Ông ta hành động như một thường dân vậy. Bộ trưởng phản ứng quá mức. Ông yêu cầu Sở Mật vụ bảo vệ toàn bộ gia đình mình. Mọi chuyện bắt đầu theo cách đó. Với việc giám sát quá chặt chẽ mà không ai trong bọn em nghĩ là cần thiết.”

“Và em đã giao nhiệm vụ cho hai nhân viên có nghiệp vụ kém.”

“Hai người bạn, đúng ra là vậy. Không có chuyện nghiệp vụ kém ở đây. Bọn em cho rằng sự chặt chẽ là điều không cần thiết. Nhưng rồi Mike Devine phát hiện thấy một trong các giáo viên, tay giáo viên dạy toán tên là Gary Soneji, có vài lần đi qua đi lại ngôi nhà của gia đình Goldberg. Thoạt đầu bọn em nghĩ hẳn phải lòng thẳng nhóc. Devine và Chakely nghĩ có thể hẳn là kẻ ấu dâm. Không nghĩ ngợi gì hơn nữa. Dù sao bọn em vẫn phải xác minh thông tin về hẳn. Điều này nằm trong những trang nhật ký ban đầu do Devine và Chakely giữ.”

“Một trong hai người họ đã bám theo Gary Soneji hả?”

“Đúng vậy, một vài lần. Tới một vài nơi. Lúc ấy thực sự bọn em không quan tâm lắm, nhưng vẫn theo dõi rất kỹ. Một đêm, Charlie Chakely bám đuôi hẳn tới khu Đông Nam. Bọn em đã không nghĩ Soneji liên quan gì tới các vụ giết người ở đó, nhất là vì vụ việc đó chưa gây bất cứ âm ỉ nào trên báo chí. Chỉ những vụ giết người xảy ra trong thành phố mới như thế, anh biết rồi đấy.”

“Phải. Anh biết. Vậy từ khi nào bọn em nghi ngờ những chuyện khác về Gary Soneji?”

“Bọn em đã không ngờ vực về vụ bắt cóc cho tới lúc hẳn thực sự mang hai đứa trẻ đi. Hai ngày trước đó, Charlie Chakely đã bám theo hẳn tới nông trại ở Maryland. Lúc đó Charlie cũng không nghi ngờ gì về chuyện bắt cóc. Không có lý do gì để nghi ngờ.

“Nhưng anh ta biết nông trại đó nằm ở đâu. Mike Devine gọi điện cho em từ trường học khi mọi thứ bắt đầu rối tung lên. Khi đó bọn họ muốn săn lùng Soneji. Đó là lúc em nảy ra ý định tự bọn em sẽ đoạt món tiền chuộc. Em không biết chắc chắn, có lẽ em đã nghĩ về việc ấy trước đó. Vì quá dễ dàng, Alex ạ. Chỉ ba hay bốn ngày thôi và sự việc sẽ kết thúc. Không làm ai đau đớn. Không đau đớn hơn chút nào so với những gì họ đã phải chịu. Bọn em sẽ có món tiền chuộc. Vài triệu đô la.”

Cách Jezzie thản nhiên nói về âm mưu bắt cóc thật đáng sợ. Cô đã cố nói giảm đi, nhưng đó vẫn là ý tưởng của cô. Không phải ý của

Devine hay Chakely mà là ý của Jezzie. Cô là tổng đạo diễn. “Còn những đứa trẻ thì sao?” tôi hỏi. “Maggie Rose và Michael?”

“Khi ấy chúng đã bị bắt cóc rồi. Bọn em không thể ngăn những chuyện đã xảy ra. Bọn em liên tục giám sát nông trại ở Maryland. Bọn em tự tin là không chuyện gì có thể xảy ra với bọn trẻ. Hăn là giáo viên toán. Bọn em không nghĩ hăn sẽ làm bọn trẻ đau. Bọn em nghĩ hăn chỉ là một gã nghiệp dư. Bọn em hoàn toàn kiểm soát tình thế.”

“Hăn đã chôn chúng trong một cái thùng, Jezzie ạ. Và Michael Goldberg đã chết.”

Jezzie chăm chăm nhìn ra phía biển. Cô chậm rãi gật đầu. “Vâng, thằng nhỏ đã chết. Điều đó làm thay đổi mọi thứ, Alex. *Mãi mãi*. Em không biết liệu lúc ấy bọn em có thể ngăn cản được điều đó hay không. Bọn em tới đó và mang Maggie Rose đi. Bọn em đã tự đưa ra những đòi hỏi hên quan đến vụ bắt cóc. Toàn bộ kế hoạch đã thay đổi.”

Hai chúng tôi tiếp tục đi dọc theo mép nước lấp lánh. Nếu ai đó thấy, hăn họ sẽ nghĩ chúng tôi là cặp tình nhân, đang có cuộc nói chuyện nghiêm túc về mối quan hệ của mình. Vế sau của giả thuyết đó cũng không sai.

Cuối cùng Jezzie nhìn tôi. “Em muốn nói với anh về quan hệ giữa hai chúng ta, Alex. Vai trò của em trong mọi chuyện. Không như những gì anh nghĩ đâu.”

Tôi không còn lời nào để nói với cô nữa. Có cảm giác như tôi lại một lần nữa đứng trên nửa tối của mặt trăng và sắp nổ tung. Tâm trí tôi gào thét. Tôi để Jezzie tiếp tục, để cô nói. Bây giờ điều đó không thật sự quan trọng nữa.

“Khi sự việc bắt đầu, lúc ở Florida, em cần biết bất cứ điều gì anh có thể tìm ra. Em cần một quan hệ bên trong lực lượng cảnh sát D.C. Anh được cho là một cảnh sát tốt. Anh cũng là người độc lập trong công việc.”

“Vậy nên em đã dùng anh để chặn hậu. *Em* đã chọn anh làm người trao món tiền chuộc. Em đã không tin FBI. Em luôn luôn chuyên nghiệp, Jezzie ạ.”

“Em biết anh sẽ không bao giờ làm điều gì gây nguy hiểm cho đứa bé gái. Em biết anh sẽ trao món tiền chuộc. Mọi phức tạp bắt đầu nảy sinh sau khi bọn em từ Miami trở về. Em không biết chính xác khi nào. Em thề đó là sự thật.”

Tôi thấy mình tê hết và trống rỗng khi nghe Jezzie nói. Mồ hôi rịn từng giọt nhưng không phải vì mặt trời thiêu đốt.

Tôi tự hỏi không biết Jezzie có đem theo súng ra đảo không? *Luôn luôn chuyên nghiệp*, tôi tự nhủ.

“Bây giờ nói ra không biết có còn quan trọng nữa không nhưng em đã yêu anh, Alex. Em thực sự yêu anh. Ở anh có quá nhiều điểm mà giờ đây em đã ngừng tìm kiếm. Ấm áp và tử tế. Yêu thương. Thấu hiểu. Damon và Janelle khiến em cảm động. Khi ở bên anh, em lại thấy mình thật trọn vẹn.”

Tôi thấy hơi chóng mặt và buồn nôn. Đó cũng chính là những gì tôi từng cảm thấy trong khoảng một năm sau khi Maria qua đời. “Không biết có còn quan trọng nữa không nhưng anh cũng yêu em, Jezzie ạ. Anh cố ngăn bản thân lại, nhưng anh thực sự đã yêu em. Anh chỉ không thể tưởng tượng nổi có ai đó lại nói dối anh như cách em đã làm. Dối trá và lừa gạt. Anh vẫn không thể tin tất cả những lời dối trá ấy. Còn về Mike Devine thì sao?” tôi hỏi.

Jezzie nhún vai. Đó là câu trả lời duy nhất của cô.

“*Em* đã thực hiện một vụ án hoàn hảo. Một kiệt tác đấy,” tôi nói với cô. “Một vụ án tinh vi mà Gary Soneji luôn muốn thực hiện.”

Jezzie chăm chú nhìn vào mắt tôi, nhưng dường như cô đang nhìn xuyên qua tôi. Chỉ còn một mảnh ghép nữa cho trò chơi xếp hình vào lúc này - một điều cuối cùng tôi phải biết.

Một chi tiết mà ta không thể nghĩ ra được.

“Chuyện gì thực sự đã xảy ra với con bé? Em, hay Devine và Chakely, đã làm gì với Maggie Rose?”

Jezzie lắc đầu. “Không, Alex. Đó là điều em không thể nói cho anh. Anh biết là em không thể mà.”

Cô khoanh tay trước ngực từ khi bắt đầu tiết lộ sự thật. Hai cánh tay cô vẫn đang khoanh chặt.

“Sao em có thể giết một cô bé chứ? Sao em có thể làm thế hả Jezzie? Sao em có thể giết Maggie Rose Dunne?”

Jezzie chột quay người đi để né tránh tôi. Mọi chuyện đã trở nên quá sức, ngay cả với cô. Cô lao trở lại phía chiếc ô che trên bãi biển và lấy chiếc khăn tắm. Tôi bước nhanh theo và tóm lấy cánh tay Jezzie. Tôi chụp được phần khuỷu tay cô.

“*Bỏ tay ra khỏi người em!*” cô gào lên. Mặt cô rúm lại.

“Em có thể *trao đổi* với anh thông tin về Maggie Rose,” tôi hét trả. “Chúng ta có thể thương lượng, Jezzie!”

Cô xoay người lại. “Họ sẽ không cho phép anh khơi lại vụ án này. Đừng tự dối mình nữa, Alex. Họ sẽ không có được điều gì từ em đâu. Anh cũng thế. Em sẽ không trao đổi với anh thông tin đó.”

“Được rồi. Được rồi, em sẽ phải như vậy đấy,” tôi nói. Giọng tôi chuyển từ lớn tiếng sang tới mức gần như thầm thì. “*Phải, em sẽ làm thế, Jezzie. Em sẽ phải trao đổi thông tin này... Em nhất định sẽ thế.*”

Tôi trở tay về phía rãnh sâu và chỗ đám dừa mọc ngày càng dày khi ra xa bờ cát.

Sampson đứng dậy từ chỗ nấp trong bụi cây nằm sâu trong đảo. Cậu ta vẫy cái gì đó trông như chiếc đĩa bạc. Cái cậu ta đang cầm thực ra là chiếc micro có khả năng thu âm từ khoảng cách rất xa.

Hai nhân viên FBI cũng đứng dậy và vẫy tay. Họ đứng bên cạnh Sampson. Họ đã ở ngoài bụi cây đó từ trước bảy giờ sáng. Phần mặt và cánh tay của hai người đó đỏ như tôm luộc. Sampson có lẽ cũng đã có buổi tắm nắng nhớ đời rồi.

“Bạn anh, Sampson đã ở đó. Cậu ấy đã ghi lại mọi điều em nói từ lúc chúng ta bắt đầu đi dạo.”

Jezzie nhắm mắt lại vài giây. Cô không ngờ tôi dám làm tới mức này. Cô không nghĩ tôi đã trù liệu việc đó. “Em sẽ phải nói với chúng tôi em đã giết Maggie Rose như thế nào,” tôi yêu cầu.

Hai mắt cô mở ra, trông chúng nhỏ và tối sầm. “Anh không hiểu gì cả. Anh thực sự không hiểu gì cả, phải không?” cô nói.

“Anh không hiểu điều gì, Jezzie? Hãy nói anh nghe anh không hiểu điều gì.”

“Anh cứ luôn tìm kiếm điều tốt đẹp ở mọi người. Nhưng không có đâu! Vụ án của anh sẽ thất bại thôi. Rốt cuộc anh sẽ chỉ là thằng ngốc, một thằng ngốc toàn diện và tuyệt đối. Tất cả bọn họ sẽ lại chống lại anh.”

“Có thể em đúng,” tôi nói, “nhưng ít nhất anh có được khoảnh khắc này.”

Jezzie nhảy tới định đánh tôi, nhưng tôi dùng khuỷu tay chặn cú đâm của cô. Cả người Jezzie bị vặn xoắn và gục xuống. Cú ngã nặng nề đó vẫn còn quá nhẹ so với những gì cô đáng phải chịu. Khuôn mặt Jezzie là chiếc mặt nạ ngạc nhiên dễ vỡ.

“Đó là khởi đầu đấy, Alex,” cô nói khi ngồi trên bãi cát. “Anh cũng sẽ trở thành một tên vô lại thôi. Chúc mừng anh.”

“Không,” tôi nói với Jezzie. “Anh rất ổn. Sẽ không có gì trục trặc với anh đâu.”

Tôi để các nhân viên FBI và Sampson tiến hành việc bắt giữ Jezzie Flanagan. Sau đó tôi lên một chiếc thuyền nhỏ trở lại khách sạn. Tôi thu dọn đồ đạc và lên đường trở lại Washington trong vòng một giờ đồng hồ.

CHƯƠNG 86

HAI NGÀY sau khi chúng tôi trở lại thủ đô, Sampson và tôi lại lên đường. Chúng tôi đi về phía Uyuni, Bolivia. Chúng tôi có lý do để hy vọng và tin rằng rất có thể rốt cuộc chúng tôi sẽ tìm thấy Maggie Rose Dunne.

Jezzie đã nói. Jezzie đã chịu trao đổi thông tin. Dù vậy cô từ chối nói chuyện với bên Cục. *Cô trao đổi với tôi.*

Uyuni nằm trong dãy Andes, cách Oruro một trăm chín mươi một dặm về phía Nam. Để tới đó, phải đáp một chiếc máy bay nhỏ xuống Río Mulato, sau đó chạy bằng xe jeep hoặc xe tải tới Uyuni.

Một chiếc Ford Explorer chở tám chúng tôi trên chặng đường cuối cùng của cuộc hành trình khó nhọc. Tôi ngồi trên chiếc xe chở khách cỡ nhỏ cùng với Sampson, hai đặc vụ của Bộ Tài chính, đại sứ Mỹ tại Bolivia, lái xe cùng Thomas và Katherine Rose Dunne.

Cả Charles Chakely và Jezzie đều sẵn lòng cung cấp thông tin về Maggie Rose trong suốt ba mươi sáu giờ mệt mỏi vừa qua. Thi thể nát nhừ của Mike Devine đã được tìm thấy trong căn hộ ở Washington của anh ta. Chiến dịch truy lùng Gary Soneji/Murphy được tăng cường sau khi cái xác được tìm ra. Nhưng tới giờ, vẫn chưa thấy gì. Hẳn là Gary đang theo dõi tin tức về hành trình tới Bolivia của chúng tôi trên truyền hình. Gary đang theo dõi câu chuyện *của hấn*.

Chakely và Jezzie gần như kể cùng một nội dung về vụ bắt cóc. Đã có một cơ hội đoạt được mười triệu đô la tiền chuộc và trốn thoát với khoản tiền đó. Họ không thể đem con bé trở lại. Họ cần chúng tôi tin Soneji/Murphy là kẻ bắt cóc. Con bé có thể phản bác lại điều đó.

Dù thế họ đã quyết định sẽ không giết Maggie Rose. Hoặc lúc ở Washington họ đã nói như thế.

Sampson và tôi ngồi yên lặng trong chiếc xe chở khách cỡ nhỏ trên suốt những dặm cuối của cuộc hành trình qua dãy Andes. Những người khác cũng vậy.

Tôi quan sát vợ chồng nhà Dunne khi tới gần Uyuni. Họ ngồi lặng lẽ bên nhau, có một khoảng cách nhỏ giữa hai người. Như Katherine từng nói với tôi, việc mất Maggie Rose đã gần như hủy hoại cuộc hôn nhân của họ. Tôi vẫn còn nhớ hồi đầu mình đã yêu quý họ nhiều tới mức nào. Tôi vẫn rất mến Katherine Rose. Chúng tôi đã trò chuyện với nhau một lát trên hành trình tới đây. Cô cảm ơn tôi với thái độ chân thành, và tôi sẽ không bao giờ quên điều đó.

Tôi hy vọng cô con gái bé bỏng của họ vẫn đang an toàn chờ đợi ở cuối thử thách dài lâu và khủng khiếp này... Tôi nghĩ về Maggie Rose Dunne - cô bé tôi chưa từng gặp nhưng sẽ sớm được gặp. Tôi nghĩ về tất cả những lời nguyện cầu đã dành cho con bé, về những tấm áp phích treo bên ngoài trụ sở tòa án ở D.C., những ngọn nến bập bùng trên rất nhiều ô cửa sổ.

Sampson huých khuỷu tay vào tôi khi chúng tôi chạy xe xuyên qua ngôi làng. “Nhìn lên ngọn đồi kia đi, Alex. Tớ sẽ không nói rằng việc này khiến tất cả những gì đã qua đều trở nên xứng đáng. Nhưng có lẽ cũng gần như thế đấy.”

Chiếc xe chở khách cỡ nhỏ đang leo lên một sườn đồi dốc của ngôi làng Uyuni. Các ngôi nhà dựng sơ sài bằng gỗ và tôn dàn hàng hai bên một lối có thể coi như một con ngõ đâm xuyên vào đá. Khói uồn lượn tỏa ra từ nóc một vài mái nhà lợp tôn. Con đường hẹp dường như tiếp tục chạy thẳng lên dãy núi Andes.

Maggie Rose đang đứng đó chờ chúng tôi, ở khoảng giữa con đường đó.

Con bé mười một tuổi đứng trước một trong những túp lều gần như giống hệt nhau. Nó đang ở cùng với nhiều thành viên khác của

một gia đình mang họ Patino. Con bé đã ở với họ được gần hai năm nay. Xem ra gia đình này có tới cả chục đứa trẻ khác.

Từ chỗ còn cách xa cả trăm thước, khi chiếc xe ì ạch ngược lên con đường đất đầy vết lồm bảnh xe, tất cả chúng tôi đều có thể thấy rõ con bé.

Maggie Rose mặc cùng một kiểu áo phông rộng, quần soóc jean và đi dép xỏ ngón như những đứa trẻ khác nhà Patino, song mái tóc vàng khiến con bé nổi bật. Con bé rám nắng; trông nó có vẻ khỏe mạnh. Trông Maggie giống hệt người mẹ xinh đẹp của nó.

Gia đình Patino không biết con bé thực sự là ai. Ở Uyuni họ chưa bao giờ nghe nói về Maggie Rose Dunne. Hay ở khu Pulacayo gần đó, hoặc ở Ubina nằm cách phía bên kia của dãy Andes cao lớn và hùng vĩ khoảng mười một dặm cũng vậy. Chúng tôi biết thông tin đó chủ yếu từ giới quan chức và cảnh sát của Bolivia.

Gia đình Patino đã được trả tiền để giữ con bé tại ngôi làng, giữ cho nó an toàn, và giữ cho nó không rời khỏi đó. Mike Devine đã nói với Maggie là *không có chỗ nào* để nó thoát thân được. Nếu cố tình, nó sẽ bị bắt và tra tấn. Con bé sẽ bị chôn dưới đất trong thời gian rất, rất dài.

Lúc này tôi không thể rời mắt khỏi Maggie. Con bé đã trở nên ý nghĩa xiết bao với rất nhiều người. Tôi nhớ tới vô số những bức ảnh và áp phích, và tôi không thể tin nổi rằng con bé đang thực sự đứng đó. Sau tất cả những gì đã diễn ra.

Maggie Rose không cười và cũng không có phản ứng nào khi quan sát chúng tôi đi ngược lên con dốc trong chiếc xe của sứ quán Mỹ.

Con bé dường như không vui khi rốt cuộc đã có ai đó tới đón nó, khi nó được người ta giải cứu.

Maggie tỏ ra rất bối rối, tổn thương và sợ hãi. Con bé dậm bước về phía trước, rồi lại lùi về phía sau một bước, rồi quay đầu nhìn “gia đình” của mình.

Tôi tự hỏi liệu Maggie Rose có biết chuyện gì đang xảy ra không. Con bé đã bị tổn thương nặng nề. Tôi tự hỏi liệu nó còn cảm nhận được điều gì nữa không. Tôi thấy mừng vì có thể ở đó để giúp đỡ con bé.

Tôi lại nghĩ về Jezzie, và lắc đầu vô thức. Con bão lòng trong tôi vẫn chưa thôi. Sao cô có thể làm điều ấy với đứa bé gái này? Vì vài triệu đô ư? Vì tất cả tiền bạc trên thế gian này ư?

Katherine Rose là người đầu tiên ra khỏi xe. Vào khoảnh khắc ấy, Maggie Rose dang rộng hai cánh tay mình. “Mẹ!” con bé gào lên. Thế rồi, chỉ chần chừ nửa giây, nó như nhảy bổ về phía trước. Maggie Rose chạy về phía mẹ. Rồi hai mẹ con lao vào vòng tay nhau.

Trong phút tiếp theo đó, tôi không trông thấy gì nhiều qua làn nước mắt của mình. Tôi nhìn sang Sampson và thấy phía sau cặp kính đen của cậu ta, một giọt lệ ứa ra.

“Hai thanh tra cứng rắn,” cậu ta nói và ngoác miệng cười với tôi. Đó là nụ cười của con sói đơn độc mà tôi yêu quý.

“Đúng thế, bọn mình chắc chắn là những thanh tra cừ nhất ở Washington, D.C.,” tôi nói.

Rốt cuộc thì Maggie Rose cũng được về nhà. Tên con bé thành câu thần chú trong tâm trí tôi - Maggie Rose, Maggie Rose. Khoảnh khắc ấy xứng đáng để ta đánh đổi mọi thứ.

“Kết thúc rồi,” Sampson tuyên bố.

PHẦN 6

NHÀ CROSS

CHƯƠNG 87

NGÔI NHÀ CỦA CROSS ở ngay bên kia đường. Nó nằm đó, trong vẻ lộng lẫy khiêm nhường.

Thằng Bé Hư như bị ánh đèn màu cam lấp lánh trong nhà thôi miên. Hai mắt hắn dõi nhìn từ cửa sổ này sang cửa sổ khác. Có vài lần hắn thấy qua cửa sổ một bà lão da đen bồng chồn đi qua một trong những ô cửa sổ ấy xuống gác. Bà của Alex Cross, chắc chắn là thế.

Hắn biết tên bà, Nana Mama. Hắn biết Alex đã gọi bà như thế từ khi còn nhỏ. Vài tuần qua, hắn đã tìm hiểu mọi thứ cần biết về gia đình Cross. Hắn có một kế hoạch với họ lúc này. Một kế hoạch nhỏ nhỏ hết sảy.

Đôi khi hắn thích cảm giác sợ hãi như lúc này. Sợ hãi cho chính hắn, sợ hãi cho những người trong ngôi nhà. Hắn tận hưởng cảm giác này chừng nào hắn còn kiểm soát được nó, “bật” và “tắt” bất cứ lúc nào, tùy ý mình.

Cuối cùng hắn tự hồi thúc bản thân rời chỗ ẩn nấp, tiến gần hơn tới ngôi nhà của Cross. *Để trở thành nỗi sợ hãi.*

Các giác quan của hắn trở nên thính nhạy hơn nhiều khi nỗi sợ hãi xuất hiện. Hắn có thể tập trung và duy trì sự tập trung được rất lâu. Khi hắn băng qua con phố số 5, trong ý thức của hắn giờ không tồn tại gì ngoại trừ ngôi nhà và những người trong đó.

Thằng Bé Hư biến vào các bụi cây mọc theo mặt trước ngôi nhà. Lúc này tim hắn đập mạnh. Hơi thở của hắn ngắn và gấp gáp hơn.

Hắn hít một hơi dài, sau đó chậm chậm thở ra đẳng miệng. *Chậm lại nào, hãy tận hưởng điều này, hắn nghĩ.*

Hắn xoay người để *xoay lưng lại* ngôi nhà. Thực tế là hắn có thể cảm nhận được hơi ấm của mấy bức tường sau lưng mình. Hắn quan sát con phố nội thành qua các nhánh cây chằng chịt. Khu Đông Nam thường tối tăm hơn. Đèn đường ở đây chưa bao giờ được thay cả.

Hắn thận trọng. Hắn thông thả tận dụng khoảng thời gian dễ chịu của mình. Hắn quan sát con phố tới cả mười phút hoặc lâu hơn thế. Không ai trông thấy hắn. Lần này cũng không có ai theo dõi hắn.

“Một lần cuối cùng, và sau đó tiến tới những thứ to lớn và đẹp đẽ hơn.”

Hắn nghĩ về điều ấy, hoặc lẩm bẩm như vậy. Đôi khi hắn không phân biệt được rõ việc nào với việc nào. Rất nhiều thứ đang ứa đến lúc này và nhập lại thành một khối: những ý nghĩ của hắn, lời lẽ, hành động của hắn, những câu chuyện hắn kể cho chính mình.

Từng chi tiết đã được suy nghĩ kỹ càng vài trăm lượt trước đêm đặc biệt này. Một khi tất cả bọn họ đã ngủ say, có lẽ trong khoảng từ hai đến ba giờ sáng, hắn sẽ bắt cóc hai đứa trẻ, Damon và Janelle.

Hắn sẽ đánh thuốc chúng, ngay trong phòng ngủ của chúng ở tầng hai. Hắn sẽ để cho Tiến sĩ Thanh tra Alex Cross ngủ ngon suốt trong thời gian mọi việc diễn ra.

Hắn phải làm điều đó. Bây giờ Tiến sĩ Cross nổi tiếng phải chịu đau đớn thật nhiều. Cross phải là một phần của cuộc truy tìm mới. Đó là cách mọi việc phải diễn ra. Đó là giải pháp đáng giá duy nhất. Hắn sẽ là kẻ chiến thắng.

Không phải Cross cần thêm động lực, nhưng dù thế nào thì hắn cũng sẽ làm việc đó. Trước hết vì hắn sẽ giết bà già, bà của Cross. Sau đó hắn sẽ tới phòng ngủ bọn trẻ.

Tất nhiên sẽ chẳng có chuyện nào trong những chuyện ấy bị khám phá. Lũ trẻ nhà Cross sẽ chẳng bao giờ được tìm thấy. Sẽ chẳng có khoản tiền chuộc nào được yêu cầu. Và rồi cuối cùng hắn có thể tiếp tục với những việc khác.

Hắn sẽ quên thanh tra Cross. Nhưng Alex Cross thì sẽ không bao giờ, không thể nào quên được hắn. Hay những đứa con bị mất tích của mình.

Gary Soneji/Murphy hướng đi về phía căn nhà.

CHƯƠNG 88

“ALEX, CỐ AI ĐÓ trong nhà. Alex, ai đó đang trong nhà mình” Nana thì thầm sát bên tai tôi.

Tôi đã bật dậy và ra khỏi giường trước khi bà nói hết câu. Những năm tháng hoạt động trên các con phố Washington đã dạy tôi phản ứng nhanh.

Tôi nghe thấy một *tiếng va* rất khê đầu đó. Phải rồi, chắc chắn có ai đó ở trong nhà. Tiếng động này không phải do hệ thống sưởi cổ lỗ của chúng tôi tạo ra.

“Nana, bà ở đây. *Đừng* ra ngoài cho tới khi con gọi bà,” tôi thì thầm với bà. “Con sẽ hét to khi mọi chuyện đều ổn.”

“Ta sẽ gọi cảnh sát, Alex.”

“Không, bà cứ ở yên đây. *Con là* cảnh sát rồi. Ở đây nhé.”

“Còn bọn trẻ, Alex.”

“Con sẽ tới chỗ chúng. Bà ở đây. Xin hãy nghe lời con lần này. *Xin hãy nghe lời con.*”

Không có ai trong hành lang tối om của tầng trên. Dù gì tôi cũng không thấy ai. Tim tôi đập loạn xạ khi lao vội tới phòng bọn trẻ.

Tôi lắng tai chờ đợi một tiếng động nào khác xuất hiện trong nhà. Lúc này vẫn đang quá yên tĩnh. Tôi nghĩ về sự đột nhập đáng sợ: *ai đó đang ở trong nhà mình*. Tôi xua ngay ý nghĩ đó đi.

Tôi phải tập trung vào *hắn*. Tôi biết kẻ đó là ai. Tôi đã luôn cảnh giác cao độ trong suốt nhiều tuần sau khi Sampson và tôi trở về cùng với Maggie Rose. Cuối cùng tôi đã bớt chút cảnh giác. Và *hắn đã đến*.

Tôi lao tới phòng bọn trẻ. Tôi bắt đầu chạy theo hành lang trên gác.

Tôi mở cánh cửa kêu cọt kẹt. Damon và Janelle vẫn đang ngủ trên giường. Tôi sẽ đánh thức chúng nhanh chóng, rồi đem cả hai trở lại chỗ Nana. Vì sự an toàn của bọn trẻ, tôi chưa bao giờ để súng trên gác. Nó ở trong phòng làm việc dưới cầu thang.

Tôi bật chiếc đèn ngủ cạnh giường. *Không thấy gì!* Đèn không sáng.

Tôi nhớ lại các vụ giết hại gia đình Sanders và Tumer. Soneji yêu thích bóng tối. Đêm tối là danh thiếp của hắn, chữ ký của hắn. Hắn luôn luôn tắt điện. Thứ đó đang ở đây.

Đột nhiên tôi bị đánh rất mạnh, với lực ra đòn khủng khiếp.

Cái gì đó đâm bổ vào tôi giống như chiếc xe tải đang lao nhanh chạy trốn. Tôi biết đó là Soneji. *Hắn đã lao vào tôi!* Hắn suýt hạ gục tôi chỉ với một cú ra đòn.

Hắn khỏe ghê gớm. Cả cơ thể hắn, toàn bộ cơ bắp của hắn đã co giãn suốt cả đời. Hắn đã rèn luyện phương pháp luyện tập lực tĩnh từ khi bị giam trong căn hầm ở nhà bố hắn. Hắn đã cuộn chặt mình trong gần ba mươi năm: mưu tính trả thù cả thế giới này, mưu tính có được danh tiếng mà hắn nghĩ mình xứng đáng được nhận.

Tao muốn là ai đó!

Hắn lại lao đến. Hai chúng tôi đổ ập xuống cùng một tiếng va mạnh. Một luồng khí cuộn lên từ bụng tôi.

Một bên đầu tôi va phải cạnh sắc trên chiếc tủ ngăn kéo của bọn trẻ. Mắt tôi tối sầm. Hai tai toàn những tiếng ong ong. Tôi bị nổ đom đóm mắt.

“Tiến sĩ Cross! Là mày đó hả? Mày đã quên màn trình diễn này là của ai rồi ư?”

Tôi gần như không thể trông rõ mặt Gary Soneji khi hắn hét to tên tôi. Hắn cố gắng làm tôi đau đớn bằng tiếng hét xé màng nhĩ, bằng

sức mạnh khủng khiếp trong giọng của hắn.

“Mày không đụng vào tao được đâu!” hắn lại hét lên. “Mày không thể đụng tới tao đâu, Tiến sĩ! Mày hiểu chưa? Mày vẫn chưa hiểu hả? Tao mới là ngôi sao. Chứ không phải mày!”

Máu vấy khắp hai bàn tay và hai cánh tay hắn. Máu ở khắp nơi. Giờ thì tôi đã có thể nhìn thấy. *Hắn đã hại ai? Hắn đã làm gì trong nhà của chúng tôi?*

Tôi có thể thấy những hình khối trong bóng tối đang lay động giữa căn phòng của bọn trẻ. Hắn giơ cao con dao trong tay, mũi dao chĩa về phía tôi.

“Tao là ngôi sao ở đây! Tao là Soneji! Murphy! Là bất cứ ai tao muốn!”

Tôi nhận ra máu ai đã vấy khắp hai bàn tay và cánh tay của hắn. *Máu tôi.* Hắn đã đâm tôi ngay khi tấn công cú đầu tiên.

Soneji/Murphy vung con dao để tấn công lần nữa và găm gùr hệt như một con thú. Bọn trẻ lúc này đã thức. Damon kêu lên, “Bố ơi!” còn Jannie thì òa khóc.

“Ra khỏi đây ngay, các con!” tôi hét. Nhưng chúng sợ tới mức không thể ra khỏi giường.

Hắn dứ dứ con dao một cái, sau đó lưỡi dao lại chém về phía tôi. Tôi né người tránh, con dao cắt một nhát qua vai tôi.

Lần này vết thương ở ngay đó, và tôi biết chính xác nó ở vị trí nào. Con dao của Soneji đã cắt vào phần vai trên của tôi.

Tôi hét lớn về phía Soneji/Murphy. Bọn trẻ đang kêu khóc. Tôi muốn giết hắn ngay lập tức. Đầu tôi như muốn nổ tung. Không có gì còn lại trong tôi ngoài nỗi căm thù với con quái vật đang ở trong nhà mình lúc này.

Soneji/Murphy lại vung con dao của hắn lên lần nữa. Lưỡi dao chết người này rất dài, và bén đến nỗi thậm chí tôi không có cảm giác gì với vết thương đầu tiên. Nó đã cắt quá ngọt.

Tôi nghe thấy một tiếng thét khác - một tiếng thét dữ dội. Soneji đứng bất động trong tích tắc kỳ lạ ấy.

Rồi hắn xoay người lại cùng một tiếng gầm gừ nữa.

Một bóng người vừa đến từ ngoài cửa nhìn chòng chọc vào hắn. Nana Mama đã làm hắn phân tâm.

“Đây là nhà chúng tao!” bà hét lên với tất cả cơn thịnh nộ. “Cút khỏi nhà chúng tao mau!”

Mắt tôi nhận thấy một tia sáng từ trên chiếc tủ ngăn kéo. Tôi nhào người và chộp lấy chiếc kéo đang nằm trên cuốn sách búp bê giấy của Jannie. Cái kéo tĩa cây của Nana.

Soneji/Murphy lại vung con dao của hắn ra lần nữa. Phải chăng vẫn là con dao hắn đã dùng để giết người ở các khu nhà giá rẻ sao? Chính là con dao hắn đã dùng để hạ sát Vivian Kim sao?

Tôi vung chiếc kéo về phía hắn và cảm nhận thấy da thịt bị rách toạc. Chiếc kéo tĩa cây đã rạch một đường ngang má hắn. Tiếng hắn rú lên vang khắp phòng ngủ. “Mẹ kiếp!”

“Cái đó để mà nhớ đến tao,” tôi khiêu khích hắn. “Lúc này ai đang chảy máu thế nhỉ? Soneji hay Murphy vậy?”

Tên sát nhân hét lên những điều gì đó mà tôi không hiểu. Rồi hắn lại lao vào tôi.

Cái kéo lại đâm trúng một nhát vào chỗ nào đó ở một bên cổ Soneji/Murphy. Hắn nhảy lùi lại, giăng cái kéo từ tay tôi.

“Nhào vào xem, thằng vô lại!” tôi hét lên.

Bất chợt hắn lão đảo và loạng choạng bước ra khỏi phòng bọn trẻ. Hắn cũng chẳng hề tấn công Nana, người phụ nữ đứng đó. Có lẽ hắn bị thương quá nặng nên không thể đánh lại nữa.

Hắn ôm mặt bằng cả hai tay. Khi chạy khỏi căn phòng, hắn thét lên một tiếng chói tai. Có thể hắn lại đang ở trong trạng thái điên bỏ nhà ra đi một lần nữa chăng? Hay hắn bị lạc giữa một trong những ảo tưởng của mình?

Tôi đã khụy xuống một bên gối và muốn giữ nguyên như thế. Tiếng ồn trong óc giờ đã trở thành tiếng rền vang. Tôi cố đứng dậy. Máu văng tung tóe khắp nơi, trên áo tôi, loang khắp quần soóc và hai cẳng chân trần. Máu tôi và máu hắn.

Một luồng adrenaline giúp cho tôi tiếp tục hành động. Tôi chộp lấy quần áo và đuổi theo Soneji. Lần này hắn không thể thoát được. Tôi sẽ không để cho hắn thoát.

CHƯƠNG 89

TÔI CHẠY XUỐNG PHÒNG LÀM VIỆC và chớp lấy khẩu súng lục. Tôi biết tên sát nhân đã có kế hoạch - phòng khi hắn phải bỏ chạy. Từng bước một đã được tính toán kỹ lưỡng cả trăm lượt. Hắn sống trong thế giới ảo tưởng của mình chứ không phải trong thế giới thực.

Tôi nghĩ có lẽ hắn sẽ rời khỏi nhà của chúng tôi. *Bỏ chạy*, để hắn có thể tấn công lần nữa. Tôi đang bắt đầu nghĩ giống hắn ư? Tôi nghĩ là thế. Thật đáng sợ.

Cửa trước nhà mở rộng. Tôi đã đứng hướng. Cho tới lúc này là thế. Máu vương khắp lớp thảm. Phải chăng hắn đã để lại dấu vết cho tôi?

Gary Soneji/Murphy sẽ đi đâu nếu hắn gặp trực trực trong nhà chúng tôi? Tên này luôn có kế hoạch dự phòng. Đâu sẽ là chỗ hoàn hảo? Một hành động hoàn toàn bất ngờ chăng? Tôi thấy thật khó để suy nghĩ khi máu đang rỉ ra từ bên sườn và vai trái.

Tôi lảo đảo bước ra ngoài và nhập vào bóng tối của buổi tinh mơ và cái lạnh cắt da thịt. Đường phố lặng yên hơn lúc nào hết. Mới bốn giờ sáng. Tôi chỉ có một suy nghĩ duy nhất về nơi tên sát nhân có thể đã tới.

Tôi tự hỏi liệu hắn có nghĩ rằng tôi sẽ cố đuổi theo hắn không. Phải chăng hắn cũng đang chờ đợi tôi xuất hiện? Soneji/Murphy lại đi trước tôi một bước ư? Cho tới giờ thì hắn vẫn luôn như thế. Tôi sẽ phải đi trước hắn - chỉ một lần này thôi.

Tuyến tàu điện ngầm Metro nằm ở phố số 5, cách nhà tôi một khối nhà. Khu đường hầm vẫn đang được xây dựng, nhưng vài đứa trẻ

sống ở khu này đã xuống đó để đi bộ qua bốn khối nhà tới Capitol Hill... *dưới mặt đất*.

Tôi nửa tập tễnh nửa chạy tới lối dẫn xuống hệ thống tàu điện ngầm. Tôi thấy đau đớn nhưng chẳng hề bận tâm. *Hắn đã đột nhập nhà tôi. Hắn đã sẵn đuổi các con tôi*.

Tôi đi xuống đường hầm. Tôi lôi khẩu súng lục từ chiếc bao đeo qua vai quàng phía ngoài áo sơ mi.

Mỗi bước tôi đi như chích một mũi kim vào sườn. Đau đớn, tôi bắt đầu đi theo chiều dài của đường hầm trong tư thế lom khom của người đi săn.

Có thể hắn đang theo dõi tôi. Có thể hắn đã chờ tôi đến đây chẳng? Tôi bước tiếp theo đường hầm. Đó có thể là cái bẫy. Có quá nhiều chỗ cho hắn ẩn nấp.

Tôi đi tới tận cuối đường hầm. Không có bất kỳ một vết máu nào. Soneji/Murphy đã không ở dưới đường hầm. Hắn đã thoát thân theo đường khác. Một lần nữa hắn đã trốn thoát.

Khi dòng adrenaline chậm dần, tôi cảm thấy yếu đi, mệt lử và mất phương hướng. Tôi leo lên những bậc đá dẫn ra khỏi đường hầm.

Những người sinh hoạt về đêm đi lại từ phía cửa hàng sách báo Metro và từ phía điểm phục vụ ăn uống suốt đêm của Fox. Chắc hắn trông tôi thảm hại lắm. Máu lạnh lem khắp người. Dù vậy, không ai dừng lại. Không một ai. Tất cả bọn họ đều đã gặp quá nhiều những thứ ghê rợn thế này tại thủ đô rồi.

Cuối cùng tôi bước tới trước mặt một người lái xe tải vừa quăng xuống một bọc báo *Washington Post*. Tôi bảo anh ta rằng tôi là cảnh sát. Tôi cảm thấy hơi sốt vì mất máu. Có phần chóng mặt vào lúc này.

“Tôi không làm gì sai đâu,” anh ta nói với tôi.

“Anh đâu có bắn tôi, đúng không đồ khốn?”

“Không. Nhưng anh là thứ gì vậy, đồ điên? Anh có thật là cảnh sát không đấy?”

Tôi buộc anh ta dùng chiếc xe chuyển phát báo của mình đưa tôi về nhà. Trong suốt thời gian xe chạy qua sáu khối nhà, người đàn ông đó thề là sẽ kiện thành phố.

“Kiện Thị trưởng Monroe ấy,” tôi bảo anh ta. “Kiện tay khốn Monroe ấy.”

“Anh là cảnh sát thật hả?” anh ta hỏi lại. “Anh không phải là cảnh sát.”

“Đúng, tôi là cảnh sát.”

Xe tuần tra của cảnh sát và mấy chiếc xe cứu thương đã tập trung ở nhà tôi. Đây lại là một cơn ác mộng nữa của tôi - *chính là cảnh tượng này*. Trước đây chưa bao giờ cảnh sát và cứu thương đến nhà tôi thế này.

Sampson cũng đã ở đó. Cậu ta khoác chiếc áo khoác da màu đen phủ ngoài chiếc áo len chui đầu hiệu Baltimore Orioles nhàu nhĩ. Cậu ta còn đội chiếc mũ lưỡi trai có được từ chuyến du lịch Hoodoo Gurus.

Sampson nhìn tôi như thể tôi bị điên. Ánh đèn cấp cứu xanh đỏ xoay tít phía sau cậu ta. “Có chuyện gì thế? Trông cậu không khỏe lắm. Cậu ổn chứ, anh bạn?”

“Bị đâm hai nhát bằng dao sắc. Không tệ như lần chúng ta bị bắn ở Garfield đâu.”

“Ờ. Chắc hẳn trông phải tệ hơn thực tế nhiều. Tớ muốn cậu nằm xuống bãi cỏ này. Nằm xuống đây đi, Alex.”

Tôi gật đầu và lảng khỏi chỗ Sampson. Tôi phải kết thúc chuyện này. Dù thế nào, *mọi việc cũng phải kết thúc*.

Mấy người ở đội cứu thương cố thuyết phục tôi nằm xuống bãi cỏ. Bãi cỏ bé xíu nhà chúng tôi. Hoặc đưa tôi lên chiếc cáng của họ.

Tôi có một ý khác. *Cánh cửa trước đã được để mở toang. Hẳn đã để mở cánh cửa dẫn vào nhà tôi. Tại sao hẳn làm thế?*

“Tôi sẽ trở lại ngay,” tôi nói với các nhân viên cứu thương khi đi qua họ. “Hãy cứ giữ cái cáng ở đó.”

Mọi người hét toáng lên với tôi nhưng tôi vẫn chen lên trước.

Tôi di chuyển lặng lẽ và có chủ đích qua phòng khách rồi vào trong bếp. Tôi mở chiếc cửa nằm chéo với cửa sau nhà rồi lao nhanh xuống cầu thang.

Tôi không thấy gì trong tầng hầm. Không có một chuyển động nào. Không có gì bị thay đổi vị trí. Tầng hầm là ý tưởng hay ho cuối cùng của tôi.

Tôi bước về phía một chiếc thùng gần lò sưởi, chỗ Nana thường đổ đồng tất cả quần áo bẩn cho mẹ giặt tiếp theo. Đó là góc tầng hầm nằm xa cầu thang nhất. Không có Soneji/Murphy trong căn hầm tối.

Sampson chạy xuống cầu thang tầng hầm. “Hắn không có đây đâu! Ai đó đã thấy hắn ở khu trung tâm rồi. Hắn đang ở đâu đó quanh vòng xoay Dupont.”

“Hắn muốn một màn kịch lớn nữa,” tôi lẩm bẩm. “Đồ-chó-đẻ.” *Con Trai Nhà Lindbergh.*

Sampson không cố cản tôi đi cùng. Nhìn ánh mắt tôi cậu ta biết rằng dù có muốn cản cũng không được. Hai chúng tôi vội vàng ra xe hơi của Sampson. Tôi nhận ra là mình ổn. Nếu không ổn thì tôi đã ngã rồi.

Một thằng nhãi vô lại sống ở khu này nhìn thấy lớp máu còn dính ở phần trước chiếc áo sơ mi của tôi. “Ông sắp chết hả, Cross? Tốt đấy.” Nó tặng tôi một bài điệu văn.

Chúng tôi mất khoảng mười phút thì xuống tới khu vòng xoay Dupont. Các xe tuần tra cảnh sát đồ khắp nơi - ánh đèn xanh đỏ kỳ quái nhấp nháy trong ánh bình minh mới ló rạng.

Với hầu hết những tay cảnh sát này, ca đêm đã bị kéo dài quá giờ. Không ai cần một thằng điên chạy rong ở khu trung tâm Washington.

Một màn kịch lớn nữa.

Tao muốn là ai đó.

Trong suốt một giờ tiếp đó hoặc hơn, không có chuyện gì xảy ra trừ việc trời đã sáng hơn. Người đi bộ bắt đầu có mặt quanh vòng xoay. Giao thông đông đúc hơn khi Washington mở cửa để làm ăn.

Những người dậy sớm thấy tò mò và đứng lại hỏi cảnh sát mấy câu. Sẽ không ai trong chúng tôi nói gì với họ, ngoại trừ câu “Xin cứ tiếp tục di chuyển. Xin cứ tiếp tục di chuyển. Không có gì để xem hết.” Lạy Chúa.

Một bác sĩ của bộ phận cứu thương chăm sóc các vết thương cho tôi. Máu chảy ra nhiều hơn dự tính. Tất nhiên anh ta muốn tôi tới ngay bệnh viện. Chuyện đó có thể chờ được. *Thêm một màn kịch lớn nữa. Ở vòng xoay Dupont chẳng? Hay ở khu trung tâm Washington, D.C.? Gary Soneji/Murphy rất thích trình diễn ở thủ đô.*

Tôi bảo viên bác sĩ để tôi yên và anh ta nghe theo. Tôi xin anh ta vài viên Percodan. Những viên thuốc có tác dụng tạm thời vào lúc này.

Sampson đứng cạnh tôi, miệng rít vài hơi thuốc. “Cậu sẽ ngã lăn quay,” cậu ta nói với tôi. “Đơn giản là cậu sẽ ngã gục. Giống như một con voi châu Phi to đùng bị một cơn đau tim bất ngờ.”

Tôi đang nhắm nháp mấy viên Percodan. “Không phải một cơn đau tim bất ngờ,” tôi bảo cậu ta. “Voi châu Phi to đùng dính vài cú đâm bằng dao. Cũng không phải một con voi đâu. Đó là một con linh dương châu Phi. Loài thú duyên dáng, xinh đẹp và mạnh mẽ.”

Cuối cùng tôi cũng bắt đầu quay lại phía xe của Sampson.

“Cậu có ý tưởng gì à?” cậu ta gọi với theo. “Alex?”

“Ừ. Chúng mình *lên đường* thôi, chẳng ích gì khi đứng chờ vợ ở vòng xoay Dupont này đâu. Hẳn sẽ không nổ súng vào người tham gia giao thông trong giờ cao điểm đâu.”

“Cậu chắc thế chứ, Alex?”

“Tớ chắc chắn đấy.”

Chúng tôi lượn lờ quanh khu trung tâm Washington cho tới gần tám giờ. Mọi thứ càng trở nên vô vọng. Ngồi trong xe, tôi bắt đầu thấy

buồn ngủ.

Con linh dương châu Phi to lớn này sắp đổ gục. Những giọt mồ hôi trượt qua lông mày, nhỏ thành dòng xuống mũi. Tôi đang cố nghĩ giống như Gary Soneji/Murphy. Hẳn có ở khu trung tâm lúc này không? Hay hẳn đã chuồn khỏi Washington rồi?

Một mệnh lệnh được truyền qua hệ thống radio của xe hơi lúc bảy giờ năm mươi tám phút.

“Phát hiện nghi phạm ở đại lộ Pennsylvania, gần công viên Lafayette. Nghi phạm có vũ khí tự động. Nghi phạm đang tiến về khu vực Nhà Trắng. Tất cả các xe tuần tra di chuyển về khu vực trên!”

Lại một màn kịch lớn nữa. ít nhất thì cuối cùng tôi cũng đã hiểu được hẳn một chút. Khi người ta phát hiện ra nghi phạm thì hẳn còn cách số 1600 đại lộ Pennsylvania không tới hai khối nhà. Nghĩa là cách Nhà Trắng hai khối nhà.

Tao muốn là ai đó.

Họ đã xác định được vị trí của hẳn ở khoảng giữa một tiệm sửa giày và tòa nhà xây bằng đá cát kết nâu gồm toàn các văn phòng luật. Hẳn dùng một chiếc xe Jeep hiệu Cherokee đang đỗ làm chỗ trú ẩn.

Lại có một yếu tố phức tạp khác. Nghi phạm có con tin trong tay. Hẳn đã tóm được hai đứa trẻ đang trên đường đi học vào buổi sáng sớm. Bọn trẻ tầm mười một hay mười hai tuổi gì đó, cũng là độ tuổi của Gary khi hẳn bị bà mẹ kế giam trong hầm. Có một bé trai và một bé gái. Hình bóng của Maggie Rose và Michael Goldberg gần hai năm trước.

“Tôi là Trưởng bộ phận Cross,” tôi nói và vượt qua hàng rào cảnh sát đã được dựng lên ngang đại lộ Pennsylvania.

Nhà Trắng hiện ra rõ ràng từ con phố này. Tôi tự hỏi liệu Tổng thống có đang theo dõi chúng tôi trên truyền hình không. Đã có ít nhất một chiếc xe đưa tin lưu động của CNN có mặt ở hiện trường.

Một vài chiếc trực thăng của các hãng thông tấn cũng đang bay tới trên đầu. Đây là khu vực hạn chế bay gần Nhà Trắng, vì thế chúng

không thể sà xuống quá gần. Ai đó nói rằng Thị trưởng Monroe đang trên đường tới. Gary đã nghĩ tới con mồi lớn hơn. Hắn đã yêu cầu được gặp Tổng thống. Nếu không, hắn sẽ giết hai đứa trẻ.

Như tôi có thể thấy, giao thông trên đại lộ Pennsylvania và các con phố giao cắt với nó đã kẹt cứng. Nhiều lái xe và hành khách đang ra khỏi xe, bỏ phương tiện lại trên phố. Dù vậy vẫn có rất nhiều người ngồi yên để theo dõi sự việc. Nhiều triệu người lúc này cũng đang theo dõi qua truyền hình.

“Cậu có nghĩ là hắn đang hướng về phía Nhà Trắng không?” Sampson hỏi.

“Tớ biết còn một vài bang nữa có thể hắn cũng sẽ tới đấy,” tôi nói.

Tôi nói chuyện với đội trưởng Đội Chiến thuật và Vũ khí Đặc biệt ở phía sau hàng rào. Tôi bảo anh ta rằng mình nghĩ Gary Soneji/Murphy sắp sửa bùng cháy trước khi lui tàn. Anh ta đề nghị làm người châm mồi lửa.

Một chuyên gia đàm phán cũng đã có mặt ở hiện trường. Anh ta quá sẵn lòng trao lại vinh dự đó cho tôi. Rốt cuộc tôi sẽ phải thương lượng một phương án xử lý với Soneji/Murphy.

“Chúng ta có cơ hội rồi,” - Sampson tóm lấy tôi và nói rất thẳng - “chúng ta sẽ cho hắn một phát súng. Chẳng cần phải khéo léo gì, Alex.”

“Nói điều đó với hắn đi,” tôi bảo Sampson. “Nhưng nếu cậu có cơ hội, hãy giết hắn. Hạ hắn luôn.”

Tôi lấy ống tay áo chùi mặt mấy lần. Tôi đang cực kỳ lo lắng. Tôi cũng thấy buồn nôn và choáng váng. Tôi lấy một chiếc loa chạy pin và bật nút nguồn lên.

Quyền lực đang nằm trong tay tôi. *Tôi cũng muốn là một ai đó.* Phải vậy không? Rốt cuộc rồi mọi thứ cũng dẫn tới điều đó sao?

“Alex Cross đây” tôi gọi to. Vài gã rồi hơi trong đám đông reo hò. Còn lại thì hầu như không khí ở con phố trung tâm thủ đô trở nên

rất tĩnh lặng.

Một loạt đạn bất ngờ nổ loạn xạ cắt ngang con phố. Tiếng động khá lớn. Tiếng cửa xe hơi vỡ vang khắp trên đại lộ Pennsylvania. Hẳn đã gây thiệt hại đáng kể chỉ trong vài giây. Nhưng tôi có thể thấy rằng không có thương vong nào. Hai đứa trẻ vẫn an toàn. Xin chào, mày đã trở lại, Gary.

Rồi có một tiếng nói từ phía bên kia con phố. Tiếng của Gary.

Hắn đang hét lên với tôi. Chỉ có hai chúng tôi. Đó chính là điều hắn muốn ư? Một buổi trưa của riêng hắn ngay giữa thủ đô. Được truyền hình trực tiếp trên cả nước.

“Cho tao thấy mày đi, Tiến sĩ Cross. Bước ra đi, Alex. Thò cái mặt bánh bao của mày ra cho mọi người thấy đi.”

“Tại sao tôi phải làm thế?” tôi nói qua loa với Soneji.

“Thậm chí đừng có nghĩ tới chuyện ấy,” Sampson thì thầm phía sau tôi. “Cậu mà làm thế, chính tay tớ sẽ bắn cậu đấy.”

Lại một loạt súng nữa nổ từ phía bên kia đại lộ. Loạt đạn này thậm chí còn dài hơn loạt đầu tiên. Washington bắt đầu trông giống như khu trung tâm Beirut. Các máy quay phim và máy ảnh kêu vo vo, lách tách khắp nơi.

Tôi đột ngột đứng lên và ra khỏi phía sau chiếc xe mui kín của cảnh sát. Không quá xa, đủ gần để có thể bị giết chết. Vài gã khốn có mặt ở đây lại hò reo cổ vũ tôi.

“Các đài truyền hình đang có mặt ở đây, Gary,” tôi hét to. “Họ đang quay cảnh này đấy. Họ đang quay *tôi* khi tôi đứng đây. Tôi sẽ trở thành một ngôi sao lớn. Khởi động chậm chạp, nhưng lại có một cái kết quá tuyệt vời cho tôi.”

Soneji/Murphy phá lên cười. Tiếng cười của hắn kéo dài suốt một lúc. Hắn đang lên cơn điên chăng? Hay mắc chứng trầm cảm?

“Rốt cuộc mày cũng đã hiểu tao à?” hắn hét về phía tôi. “Phải không? Mày có biết lúc này tao là ai không? Mày biết tao muốn gì

chứ?”

“Tôi nghi ngờ điều đó. Tôi biết là anh đang bị thương. Tôi biết rằng anh nghĩ mình sắp chết. Nếu không thì” - tôi ngừng lại để giọng nói thể hiện được hết vẻ kịch tính đối với hắn - “nếu không thì *anh sẽ không để chúng tôi bắt được anh lần nữa.*”

Thẳng phía bên kia đại lộ Pennsylvania, Soneji/ Murphy đứng dậy từ phía sau chiếc xe Jeep màu đỏ tươi. Hai đứa trẻ vẫn nằm trên vỉa hè sau hắn. Dường như không đứa nào bị thương cho tới lúc này.

Gary hướng về phía tôi và làm động tác cúi chào như trên sân khấu. Trông hắn giống như một cậu bé đúng chất Mỹ, hết như lúc ở tòa án.

Lúc này tôi đang bước về phía hắn. Mỗi lúc một gần hơn.

“Được đấy,” hắn nói lớn với tôi. “Nói hay lắm. Nhưng *tao* mới là một ngôi sao.” Hắn bất chợt xoay nòng súng hướng về phía tôi.

Một tiếng súng vang lên phía sau tôi.

Gary Soneji/Murphy bay ngược về phía tiệm sửa giày. Hắn rơi xuống vỉa hè rồi lăn một vòng. Cả hai đứa trẻ con tin bắt đầu gào thét. Chúng lồm cồm bò dậy và chạy đi.

Tôi chạy nhanh hết mức có thể ngang đại lộ Pennsylvania. “Đừng bắn!” tôi hét lên. “Ngừng bắn.”

Tôi quay lại và thấy Sampson đứng đó. Khẩu súng lục được trang bị cho sĩ quan cảnh sát của cậu ta vẫn đang nhắm về Gary Murphy. Cậu ta xoay súng hướng lên trời. Hai mắt vẫn dán vào tôi. Cậu ta đã kết thúc việc đó vì cả hai chúng tôi.

Gary nằm bất động trên vỉa hè. Một dòng máu đỏ tươi từ từ tuôn ra từ đầu và miệng hắn. Hắn không cử động. Khẩu súng trường tự động vẫn nằm chặt trong tay.

Tôi bước tới và tước khẩu súng trước tiên. Tôi nghe tiếng camera lách cách phía sau chúng tôi. Tôi sờ vào vai hắn. “Gary?”

Rất thận trọng, tôi lật người hẳn lên. Vẫn không cử động. Không có dấu hiệu nào của sự sống. Trông hẳn lại giống như một cậu bé đúng chất Mỹ. Hẳn đã đến bữa tiệc này với tư cách là chính mình, là Gary Murphy.

Khi tôi nhìn xuống, hai mắt Gary chột mở rồi trợn ngược. Hẳn nhìn thẳng vào tôi. Môi hẳn chậm chạp mấp máy.

“Cứu tôi với,” cuối cùng hẳn thì thào bằng giọng yếu ớt và nghẹn ngào. “Cứu tôi với, Tiến sĩ Cross. Xin hãy cứu tôi.”

Tôi quỳ xuống gần bên hẳn. “Anh là ai?” tôi hỏi hẳn.

“Tôi là Gary... Gary Murphy,” hẳn đáp.

Chiều tương.

PHẦN KẾT

CÔNG LÝ ÁP ĐẶT (1994)

KHI CÁI NGÀY ĐỊNH MỆNH rốt cuộc cũng tới, tôi đã không thể chớp mắt được dù chỉ vài giờ. Tôi cũng không thể chơi piano ở ngoài hiên nhà. Tôi không muốn gặp bất cứ ai để nói về những chuyện sắp xảy ra chỉ trong vài tiếng nữa. Tôi mặc quần áo và hôn Damon cùng Jannie lúc chúng đang ngủ. Sau đó tôi rời nhà vào khoảng hai giờ sáng.

Tôi có mặt ở Nhà tù Liên bang Lorton lúc ba giờ. Những người tuần hành đã trở lại, cầm theo các khẩu hiệu tự làm, đứng dưới bầu trời sáng trắng. Vài người đang hát những bài hát trong những cuộc biểu tình từ những năm 1960. Nhiều người cầu nguyện. Có nhiều bà xơ, tu sĩ và giáo sĩ. Tôi để ý thấy phần lớn những người phản đối là phụ nữ.

Phòng hành quyết ở Nhà tù Lorton là một phòng nhỏ, không có gì đặc biệt với ba cửa sổ. Một cửa sổ dành cho báo chí. Một cửa dành cho các quan sát viên chấp pháp của bang. Cửa sổ thứ ba dành cho bạn bè và người thân của phạm nhân.

Có những tấm rèm xanh đậm che phủ từng cửa sổ.

Lúc ba giờ ba mươi sáng, một nhân viên nhà tù lần lượt mở rèm của từng cửa sổ. Cuối cùng thì phạm nhân cũng lộ diện, bị trói trên một chiếc băng ca bệnh viện. Chiếc băng ca có một khung tạm thời được lắp thêm dành cho cánh tay trái.

Jezzie đang nhìn chăm chăm lên trần nhà, nhưng cô chợt bừng tỉnh và tỏ ra căng thẳng khi hai nhân viên kỹ thuật bước về phía băng

ca. Một trong hai người mang theo ống kim tiêm đặt trên chiếc khay bằng thép không gỉ thường dùng trong bệnh viện. Nếu việc hành quyết bằng biện pháp tiêm thuốc độc được thực hiện đúng cách, việc bị cắm mũi tiêm vào người là sự đau đớn thể xác duy nhất.

Tôi đã tới Lorton thăm cả Jezzie và Gary Murphy trong nhiều tháng trước đó. Tôi đang được lực lượng cảnh sát D.C. cho nghỉ phép, và mặc dù đang viết cuốn sách này tôi vẫn có nhiều thời gian thực hiện các chuyến thăm.

Gary có vẻ đang phân thân. Điều này được thấy rõ trong các báo cáo kiểm tra sức khỏe tổng thể của hắn. Suốt ngày hắn mê mải trong thế giới tưởng tượng phức tạp của mình. Càng ngày càng khó dụ hắn trở lại với thế giới thực tại.

Hoặc hắn tỏ ra như thế. Và điều đó đã cứu hắn thoát khỏi một phiên xét xử nữa, thoát khỏi nguy cơ lĩnh án tử hình. Tôi chắc là hắn đang giở trò, nhưng chẳng ai muốn nghe cả. Tôi cũng chắc là hắn đang phác ra một kế hoạch khác.

Jezzie đã đồng ý nói chuyện với tôi. Chúng tôi vẫn luôn có thể nói chuyện. Cô không hề ngạc nhiên khi tòa án của bang quyết định tuyên án tử hình cô và Charles Chakely. Cuối cùng cô phải chịu trách nhiệm về cái chết của con trai bộ trưởng Bộ Tài chính. Cô và hai gã nhân viên Sở Mật vụ đã thực hiện vụ bắt cóc Maggie Rose Dunne. Họ phải chịu trách nhiệm về cái chết của Michael Goldberg và cả cái chết của Vivian Kim. Jezzie và Devine đã sát hại Joseph Denyeau, viên phi công ở Florida.

Jezzie bảo tôi rằng cô cảm thấy hối hận, và đã có cảm giác ấy ngay từ đầu. “Nhưng điều đó không đủ ngăn em lại. Chắc hẳn có gì đó trong em đã tan vỡ từ lâu rồi. Nếu bây giờ được làm lại thì có lẽ em sẽ vẫn làm vậy. Em sẽ chộp lấy cơ hội kiếm mười triệu đô la. Nhiều người khác cũng sẽ làm thế, Alex ạ. Đây là thời đại của lòng tham. Nhưng không, anh thì không thế.”

“Làm thế nào em biết được?” tôi hỏi.

“Bằng một cách nào đó, em biết như vậy. Anh là Hiệp Sĩ Đen mà.”

Cô bảo tôi rằng tôi không nên thấy buồn sau khi mọi chuyện kết thúc. Cô bảo những người tuân hành và những người phản đối khác làm cô tức giận. “Nếu con họ chết, hầu hết họ sẽ hành động theo một cách rất khác trước việc này.”

Tôi cảm thấy rất buồn. Tôi không biết mình đã tin Jezzie nhiều tới mức nào, nhưng tôi thấy buồn. Tôi không muốn có mặt ở Lorton, nhưng Jezzie đã đề nghị tôi đến.

Không có người nào khác ở ô cửa sổ dành cho Jezzie. Không một ai trên thế gian này. Mẹ Jezzie đã qua đời không lâu sau khi cô bị bắt. Sáu tuần trước đó, cựu nhân viên Sở Mật vụ Charles Chakely đã bị hành quyết trước mặt gia đình anh ta. Việc ấy coi như đã định đoạt số phận của Jezzie.

Các ống nhựa dài nối kim tiêm trên cánh tay trái của Jezzie với rất nhiều dây truyền tĩnh mạch. Dây đầu tiên, mà lúc này đã bắt đầu hoạt động, truyền vào cơ thể một loại dung dịch muối không gây nguy hiểm.

Theo tín hiệu của viên giám thị, chất natri thiopental sẽ được bổ sung vào hệ thống truyền tĩnh mạch. Đây là loại thuốc an thần được dùng như chất gây mê giúp người bệnh nhẹ nhàng đi vào giấc ngủ. Sau đó một liều Pavulon nặng sẽ được bổ sung. Chất này sẽ gây tử vong trong khoảng mười phút. Để đẩy nhanh quá trình ấy, một lượng kali chloride tương đương được sử dụng. Loại thuốc này làm giảm dần nhịp tim và ngừng hoạt động bơm máu của nó. Nó sẽ gây tử vong chỉ trong khoảng mười giây.

Jezzie trông thấy mặt tôi trong ô cửa sổ “bạn bè” của cô. Cô khẽ vẫy bằng các đầu ngón tay, và thậm chí còn cố mỉm cười. Trước khi hành quyết cô còn để tâm chải mái tóc, lúc này đã cắt ngắn, nhưng vẫn rất đẹp. Tôi nhớ về Maria, nghĩ đến việc chúng tôi đã không kịp nói lời tạm biệt với nhau trước khi cô ấy mất như thế nào. Tôi nghĩ lần

này có lẽ còn tệ hơn một chút. Tôi rất muốn rời khỏi nhà tù song vẫn ở lại. Tôi đã hứa với Jezzie rằng tôi sẽ ở lại. Tôi luôn giữ lời hứa.

Thực tế, không có gì rõ ràng lắm. Cuối cùng Jezzie khép hai mắt lại. Tôi tự hỏi liệu loại thuốc độc nào vừa được bổ sung, nhưng tôi không có cách nào biết được điều đó.

Cô hít một hơi thở sâu, và rồi tôi thấy lưỡi của Jezzie rút lại trong miệng. Hành quyết một con người theo kiểu hiện đại chỉ có thế. Thế là dấu chấm hết cho cuộc đời của Jezzie Flanagan.

Tôi rời nhà tù và vội vàng ra xe của mình. Tôi là một nhà tâm lý học và là một thanh tra, tôi tự nhủ. Tôi có thể chịu đựng được chuyện này. Tôi có thể chịu đựng bất cứ điều gì. Tôi mạnh mẽ hơn bất cứ ai. Luôn là thế.

Hai tay tôi thọc sâu vào trong túi áo khoác. Trong bàn tay phải, bóp chặt đến mức thấy đau, là chiếc lược bằng bạc mà Jezzie đã tặng tôi, từ lâu lắm rồi.

Khi tôi tới chỗ xe mình, một phong bì thông thường màu trắng đã được gài dưới chiếc cần gạt nước bên phía người lái. Tôi nhét chiếc phong bì vào túi áo khoác và không buồn mở nó ra cho tới lúc đang trên đường trở về Washington. Tôi nghĩ mình biết nó là gì, và tôi đã đúng. Thứ Đó đã gửi cho tôi một thông điệp. Rất gần và trực tiếp. Nhắm thẳng vào tôi.

Alex,

Cô ta có nước nở, có than vãn, và có cầu xin tha thứ trước khi người ta tiêm thuốc cho cô ta không? Cô ta có nhỏ giọt nước mắt nào không?

Hãy nhớ nhắc nhở gia đình ông về tôi. Tôi muốn được nhớ tới.

Luôn luôn,

Con Trai Nhà L.

Hắn vẫn đang chơi những trò đấu trí kinh khủng của mình. Hắn sẽ luôn luôn làm thế. Tôi đã kể điều đó cho bất cứ ai sẵn lòng lắng nghe. Tôi đã viết bản mô tả chẩn đoán gửi cho các tạp chí. Gary Soneji/Murphy phải chịu trách nhiệm với những hành vi của hắn. Tôi cảm thấy hắn phải bị xét xử vì những vụ án mạng hắn gây ra ở khu vực Đông Nam. Gia đình những nạn nhân da đen của hắn cũng cần được hưởng công lý và được bù đắp. Nếu ai đó đáng chịu án tử hình thì kẻ đó phải là Soneji/Murphy.

Thông điệp kia cho tôi biết rằng hắn đã tìm ra cách lừa một trong những người gác tù. Hắn đã gây ảnh hưởng được đến ai đó trong Nhà tù Lorton. Hắn có một kế hoạch khác. Một kế hoạch mười hay hai mươi năm đây? Thêm nhiều ảo tưởng và những trò đấu trí của hắn.

Khi lái xe về hướng D.C., tôi tự hỏi ai là kẻ điều khiển người khác khéo léo hơn? Gary hay Jezzie? Tôi biết cả hai người họ đều là những kẻ tâm thần. Đất nước này đang sản sinh ra những người giống như họ nhiều hơn bất cứ nơi nào trên hành tinh này. Họ xuất hiện ở mọi dáng vẻ, kích thước, mọi chủng tộc, tín ngưỡng và giới tính. Đó là điều đáng sợ hơn tất cả.

Sau khi về tới nhà sáng hôm đó, tôi chơi một chút bản “Rhapsody in Blue” ngoài hiên nhà. Tôi chơi bản “Let’s Give Them Something to Talk About” của Bonnie Raitt. Janelle và Damon chơi đùa quanh đó và lắng nghe phần biểu diễn của nhạc công piano mà chúng yêu thích. Nghĩa là xếp ngay sau Ray Charles. Chúng ngồi cùng tôi trên chiếc ghế băng chơi piano. Cả ba chúng tôi đều thấy nhẹ nhõm khi nghe tiếng nhạc, và cả ba chạm vào người nhau thật lâu.

Sau đó, tôi tới nhà thờ Thánh Anthony ăn trưa và làm những việc đại loại thế. Ông Bơ Lạc tiếp tục sống.

HẾT

MỤC LỤC

1. [MỞ ĐẦU CÙNG CHƠI TRÒ TƯỞNG TƯỢNG \(1932\)](#)
2. [PHẦN 1 MAGGIE ROSE VÀ NHÀI CON GOLDBERG \(1992\)](#)
 1. [CHƯƠNG 1](#)
 2. [CHƯƠNG 2](#)
 3. [CHƯƠNG 3](#)
 4. [CHƯƠNG 4](#)
 5. [CHƯƠNG 5](#)
 6. [CHƯƠNG 6](#)
 7. [CHƯƠNG 7](#)
 8. [CHƯƠNG 8](#)
 9. [CHƯƠNG 9](#)
 10. [CHƯƠNG 10](#)
 11. [CHƯƠNG 11](#)
 12. [CHƯƠNG 12](#)
 13. [CHƯƠNG 13](#)
 14. [CHƯƠNG 14](#)
 15. [CHƯƠNG 15](#)
 16. [CHƯƠNG 16](#)
 17. [CHƯƠNG 17](#)
 18. [CHƯƠNG 18](#)
 19. [CHƯƠNG 19](#)
 20. [CHƯƠNG 20](#)
 21. [CHƯƠNG 21](#)
 22. [CHƯƠNG 22](#)
 23. [CHƯƠNG 23](#)
 24. [CHƯƠNG 24](#)
 25. [CHƯƠNG 25](#)
3. [PHẦN 2 CON TRAI NHÀ LINDBERGH](#)

1. [CHƯƠNG 26](#)
2. [CHƯƠNG 27](#)
3. [CHƯƠNG 28](#)
4. [CHƯƠNG 29](#)
5. [CHƯƠNG 30](#)
6. [CHƯƠNG 31](#)
7. [CHƯƠNG 32](#)
8. [CHƯƠNG 33](#)
9. [CHƯƠNG 34](#)
10. [CHƯƠNG 35](#)
11. [CHƯƠNG 36](#)
12. [CHƯƠNG 37](#)
13. [CHƯƠNG 38](#)
14. [CHƯƠNG 39](#)
15. [CHƯƠNG 40](#)
16. [CHƯƠNG 41](#)
17. [CHƯƠNG 42](#)
18. [CHƯƠNG 43](#)
4. [PHẦN 3 QUÝ ÔNG CUỐI CÙNG CỦA MIỀN NAM](#)
 1. [CHƯƠNG 44](#)
 2. [CHƯƠNG 45](#)
 3. [CHƯƠNG 46](#)
 4. [CHƯƠNG 47](#)
 5. [CHƯƠNG 48](#)
 6. [CHƯƠNG 49](#)
 7. [CHƯƠNG 50](#)
 8. [CHƯƠNG 51](#)
 9. [CHƯƠNG 52](#)
 10. [CHƯƠNG 53](#)
 11. [CHƯƠNG 54](#)
 12. [CHƯƠNG 55](#)
 13. [CHƯƠNG 56](#)

14. [CHƯƠNG 57](#)
15. [CHƯƠNG 58](#)
16. [CHƯƠNG 59](#)
5. [PHẦN 4 TƯỢNG NHỚ MAGGIE ROSE](#)
 1. [CHƯƠNG 60](#)
 2. [CHƯƠNG 61](#)
 3. [CHƯƠNG 62](#)
 4. [CHƯƠNG 63](#)
 5. [CHƯƠNG 64](#)
 6. [CHƯƠNG 65](#)
 7. [CHƯƠNG 66](#)
 8. [CHƯƠNG 67](#)
6. [PHẦN 5 CUỘC ĐIỀU TRA THỨ HAI](#)
 1. [CHƯƠNG 68](#)
 2. [CHƯƠNG 69](#)
 3. [CHƯƠNG 70](#)
 4. [CHƯƠNG 71](#)
 5. [CHƯƠNG 72](#)
 6. [CHƯƠNG 73](#)
 7. [CHƯƠNG 74](#)
 8. [CHƯƠNG 75](#)
 9. [CHƯƠNG 76](#)
 10. [CHƯƠNG 77](#)
 11. [CHƯƠNG 78](#)
 12. [CHƯƠNG 79](#)
 13. [CHƯƠNG 80](#)
 14. [CHƯƠNG 81](#)
 15. [CHƯƠNG 82](#)
 16. [CHƯƠNG 83](#)
 17. [CHƯƠNG 84](#)
 18. [CHƯƠNG 85](#)
 19. [CHƯƠNG 86](#)

7. [PHẦN 6 NHÀ CROSS](#)
 1. [CHƯƠNG 87](#)
 2. [CHƯƠNG 88](#)
 3. [CHƯƠNG 89](#)
8. [PHẦN KẾT CÔNG LÝ ÁP ĐẶT \(1994\)](#)

Table of Contents

MỞ ĐẦU CÙNG CHƠI TRÒ TƯỜNG TƯỢNG (1932).

PHẦN 1 MAGGIE ROSE VÀ NHÃI CON GOLDBERG (1992).

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

CHƯƠNG 11

CHƯƠNG 12

CHƯƠNG 13

CHƯƠNG 14

CHƯƠNG 15

CHƯƠNG 16

CHƯƠNG 17

CHƯƠNG 18

CHƯƠNG 19

CHƯƠNG 20

CHƯƠNG 21

CHƯƠNG 22

CHƯƠNG 23

CHƯƠNG 24

CHƯƠNG 25

PHẦN 2 CON TRAI NHÀ LINDBERGH

CHƯƠNG 26

[CHƯƠNG 27](#)

[CHƯƠNG 28](#)

[CHƯƠNG 29](#)

[CHƯƠNG 30](#)

[CHƯƠNG 31](#)

[CHƯƠNG 32](#)

[CHƯƠNG 33](#)

[CHƯƠNG 34](#)

[CHƯƠNG 35](#)

[CHƯƠNG 36](#)

[CHƯƠNG 37](#)

[CHƯƠNG 38](#)

[CHƯƠNG 39](#)

[CHƯƠNG 40](#)

[CHƯƠNG 41](#)

[CHƯƠNG 42](#)

[CHƯƠNG 43](#)

[PHẦN 3 QUÝ ÔNG CUỐI CÙNG CỦA MIỀN NAM](#)

[CHƯƠNG 44](#)

[CHƯƠNG 45](#)

[CHƯƠNG 46](#)

[CHƯƠNG 47](#)

[CHƯƠNG 48](#)

[CHƯƠNG 49](#)

[CHƯƠNG 50](#)

[CHƯƠNG 51](#)

[CHƯƠNG 52](#)

[CHƯƠNG 53](#)

[CHƯƠNG 54](#)

[CHƯƠNG 55](#)

[CHƯƠNG 56](#)

[CHƯƠNG 57](#)

CHƯƠNG 58

CHƯƠNG 59

PHẦN 4 TƯỜNG NHỚ MAGGIE ROSE

CHƯƠNG 60

CHƯƠNG 61

CHƯƠNG 62

CHƯƠNG 63

CHƯƠNG 64

CHƯƠNG 65

CHƯƠNG 66

CHƯƠNG 67

PHẦN 5 CUỘC ĐIỀU TRA THỨ HAI

CHƯƠNG 68

CHƯƠNG 69

CHƯƠNG 70

CHƯƠNG 71

CHƯƠNG 72

CHƯƠNG 73

CHƯƠNG 74

CHƯƠNG 75

CHƯƠNG 76

CHƯƠNG 77

CHƯƠNG 78

CHƯƠNG 79

CHƯƠNG 80

CHƯƠNG 81

CHƯƠNG 82

CHƯƠNG 83

CHƯƠNG 84

CHƯƠNG 85

CHƯƠNG 86

PHẦN 6 NHÀ CROSS

CHƯƠNG 87

CHƯƠNG 88

CHƯƠNG 89

PHẦN KẾT CÔNG LÝ ÁP ĐẶT (1994).